đặc san

BÌNH ĐỊNH

Ghềng Ráng_Qui Nhơn

Xuân Quý Tỵ

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Hội Tây Sơn Bình Định
Bắc Cali

Trân Trọng Kính Biếu

Hình bìa Đặc San 2013

GHỀNH RÁNG QUI NHƠN

Du khách đến Qui nhơn, Bình Định thường thăm viếng thắng cảnh Ghềnh Ráng. Có người gọi là Gành Ráng, Ngành Ráng, nhưng trong ca dao " Lên thác xuống ghềnh ", nên tên địa danh thật là Ghềnh Ráng.

Ghềnh Ráng được thiên nhiên ưu đãi với cảnh sắc thơ mộng, phong cảnh hữu tình, khí hậu mát mẻ. Đây là vùng sơn thạch chạy sát tới biển, những hòn đá lớn, nhỏ chồng chất lên nhau, trông đẹp mắt, cách thành phố biển Qui Nhơn khoảng 2 km về phía Nam. Dọc theo đường đất mòn chạy uốn lượn quanh sườn núi, du khách thấy cảnh trí tạo hóa phô bày rất đẹp. Nhiều tượng đá sắp đa dạng, tượng đá hình Mặt Người, Đầu Voi, tượng đá khác hình Sư Tử đang chồm ra biển, Hòn Vọng Phu, Hòn Chồng, Hòn Vợ. Ven theo biển có nhiều hang động kỳ lạ, lại có một vùng đá xanh tròn như qủa trứng, gọi là Bãi Đá Trứng hay Bãi Tắm Hoàng Hậu.

Ghềnh ráng là nơi an nghỉ của Thi sĩ Hàn Mặc Tử, là tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên, là thắng cảnh du lịch của quê hương Bình Định.

Phía trước là biển cả trong xanh, phiá sau là đồi núi với rừng dương liễu vi vu tiếng gió, bên cạnh thành phố biển Qui Nhơn dạt dào sóng vỗ. Ghềnh Ráng được xếp vào hàng thắng cảnh nổi tiếng Việt Nam.

Ban Biên Tập

** Những hình ảnh dùng minh họa cho đặc san này được lấy từ internet nhằm mục đích giúp cho đặc san được sống động và phong phú. Rất tiếc là không xin phép được các tác giả.*

Ngoài ra, trong việc trình bày cũng không sao tránh khỏi những sơ sót nhất là lỗi đánh máy, Ban Biên Tập đặc san xin quý độc giả vui lòng thông cảm cho.

Cung Chúc
Tân Xuân
HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI
Kính chúc quý đồng hương và thân hữu
quý văn thi hữu
quý mạnh thường quân
một năm mới Quý Tỵ 2013
An Khang và Thịnh Vượng
2013

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Xuân Quý Tỵ

CHỦ TRƯƠNG

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

BAN THỰC HIỆN

TRƯƠNG TOẠI, ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG, NGUYỄN BÁ THƯ, ĐẶNG ĐỨC BÍCH, ĐƯỜNG ANH ĐỒNG, QUÁCH TỨ, NGUYỄN DIÊU

CỘNG TÁC

Bảo Tố – Bạch Tâm – Bette Gau (Bell) – BH – Bích Ly – BN – Bích Thanh – Biển Thước – Bùi Đắc Bảo – Bùi Đắc Khải – Bùi Thế Trường – Bùi Thúc Kháng – Bùi Trọng Khuê – Bướm Trắng – Chu Hà – Cù Hòa Phong – Cù Mộc Nguyễn Kim Ba – D. Nguyễn – Du Sơn Lãng Tử – Đào Đức Chương – Đào Vĩnh Tuấn – Đắc Đăng – Đặng Đức Bích – Đặng Hiếu Kính – Đặng Mỹ Dung – Đặng Ngọc Anh – Đặng Phú Phong – Đặng Quý Địch – Đặng Thiên Sơn – Đặng Vĩnh Mai – Đình Chính – Đoàn Bỉnh Viên – Đỗ Hồng Châu – Đỗ Thu Ba – Đỗ Hùng – Đuốc Nhà Nam – Đường Anh Đồng – Giác Lượng Tuệ Đàm Tử – Hà Quế Linh – Hà Thúc Hùng – HSH – Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích – Hoa Trạng Nguyên – Hoài Hương NTT – Hoàng Thế Diệm – Hồ Sĩ Duy – Huỳnh Thị Kim Oanh – Ts Huy Lực Bùi Tiên Khôi – Huy Phương – Huyền Vũ – Ls John P. Lê Phong – Không Đạt – Lam Giang – Lam Nguyên – Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham – Lâm Phú – Lê Chu – Lê Công Thành – Lê Dinh – Lê Hùng – Lê Lana – Lê Minh Trí – Lê Nguyễn – Lê Phương Nguyên – Lê Tấn Phước – Lê Thị Bạch Liên – Lê Văn Ba – Lê Văn Huyên – Linh Vang – Lý Minh Đạo – Lư Trung Tử – Mai Xuân Lực – Mang Đức Long – Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh – Minh Tâm – Minh Tân Phạm Hà Hải – Minh Thi – Mộng Bình Sơn – Mỹ Vân – Nhất Dạ – Nhật Hạnh – Ngọc Anh (Virginia) – Ngọc Anh (California) – Ngô Đình Phùng – Nguyễn An Phong – Nguyễn Bá Thư – Nguyễn Bường – Nguyễn Công Hoàng – Nguyễn Công Lượng – Nguyễn Diêu – Nguyễn Hòa – Nguyễn Hoài Niệm – Nguyễn Hòe – Nguyễn Hùng – Nguyễn Hữu Thời – Nguyễn Mạnh An Dân – Nguyễn Ngọc An – Nguyễn Phan Ngọc An – Nguyễn Quý Đại – Nguyễn Tâm Linh – Ts Nguyễn Thanh Liêm – Nguyễn Thế Giác – Nguyễn Thế Thiệu – Nguyễn Thị Thọ – Nguyễn Thiện Trường – Nguyễn Thịnh – Người Họ Bùi – Người Tây Sơn – Bs Nguyễn Trác Hiếu – Ts Nguyễn Văn Canh – TĐ Nguyễn Việt Nho – Phạm Ngọc Hài – Phạm Từ Sơn – Phạm Tước – Phan Bá Trác – Phan Tấn Thiện – Phan Thanh Hùng – Phan Tưởng Niệm – Phan Văn Hàm – Phố Đào Nguyên – Phù Ly – Phú Xuân – Quách Tứ – Quế Lan – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chí Thân – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chương Ánh – Tạ Chương Trĩ – Tam Bình – Tám Hợi – Tâm Triều – Thạch Khê – Ts Thái Công Tụng – Thái Sinh – Thái Tẩu – Thanh Huyền – Thanh Hư – Thảo Chương (Trần Quốc Việt) – Thiên Tâm – Thiên Tứ – Thục Điềm – Tiểu Sơn – Thư Trang – Trác Như – Trang Xuyên – Trần Anh Lan – Ts Trần Anh Tuấn – Trần Cẩm Tú – Bs Trần Đình Đệ – Trần Đình Mười – Trần Đình Thông –Trần Minh Triết – Bs Trần Như Luận – Ts Trần Văn Đạt – Tri Ta – Triều Phong – Triệu Phổ – Trosset Hồng Mai Cassandra – Trúc Chi – Trúc Nhi – Ts Trương Gia Ban – Bs Trương Gia Trinh – Trương Hồng Ân – Ns Trương Hồng Liên – Trương Giovanna Thu Long – Trương Toại – Trương Trường Thịnh – Trường An – Từ Lê Ngô – TV (Tacoma) – Uyehara Trương Amanda – Uyehara Trương Ariana – Uyên Thông – Việt Bằng – Việt Thao – Vĩnh Xuyên – Võ Bá Hà – Võ Thạnh Văn – Võ Ngọc Uyển – Võ Trứ – Vũ Gia Sắc – Vũ Ngọc Bích – Vương Nhân – Xuân Điềm – Xuân Hòa – YTH Nguyễn Thy Tứ.

Vô cùng nhớ ơn, thương tiếc quý thành viên Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, cùng các Văn Thi Hữu Biên Tập và Cộng Tác với Đặc San Bình Định Bắc Cali đã quá vãng: Giáo Sư Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham, Đặng Vĩnh Mai, Thục Điềm, Võ Bá Trác.

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121
Tel: (408) 387- 3784
Giấy phép hoạt động số 254047 ngày 19-6-2003/CA

CỐ VẤN

Bs. Cai Văn Dung
Ông Trương Toại
Ông Đào Đức Chương
Ông Đoàn Hữu Đức
Ông Bảo Tố
Ông Nguyễn Diêu
Ông Cao Văn Phổ
Ông Tony Đinh
Ông Nguyễn Bá Thư
Ông Đặng Đức Bích
Ông Đường Anh Đồng
Ông Nguyễn Mai
Ông Đỗ Hùng

HỘI TRƯỞNG TIỀN NHIỆM

Bác sĩ Cai Văn Dung (1997 - 2003)
Ông Tony Đinh (2003 - 2011)

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Phan Thanh Hùng
Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Ông Trương Thế Phiệt
Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Ông Nguyễn Cẩm Mậu
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Bình
Phó Tổng Thư Ký: Bà Nancy Nguyễn
Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Quách Tứ, Ông Đặng Đức Thông

CÁC ỦY VIÊN

- **Ban Văn Nghệ:** Ông Bảo Tố, Ông Nguyễn Hòa.
- **Ban Khánh Tiết:** Ô.Ô Phan Thái, Nguyễn Thường, Phan Minh Lượng.
- **Ban Thông Tin, Báo Chí:** Ô.Ô. Trương Toại, Đào Đức Chương, Nguyễn Bá Thư, Đặng Đức Bích, Đường Anh Đồng, Quách Tứ, Nguyễn Diêu.
- **Ban Tiếp Tân:** Quý Bà Kim Đinh, Hồ Ái Hoa, Đặng Thi Kim Cúc, Nguyễn Thị Để, Bà Nguyễn Cẩm Mậu, Trần Thị Ngữ.

ĐẠI DIỆN CÁC VÙNG

Đại Diện vùng Stockton: Ông Lê Đức Hưng
Đại Diện vùng Hayward: Ông Đỗ Hùng
Đại Diện Vùng San Jose: Ô.Ô. Cao Văn Phổ, Nguyễn Hoàng,

Mục Lục

Mục lục 6
Lời tựa của Ban Biên Tập 8
Lá thư Xuân của Ông Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California 9
Những năm Quý Tỵ trong lịch sử nước ta ..... Trác Như 12
Vua Quang Trung đại phá quân Thanh ..... Đặng Đức Bích 27
Bản Trích Yếu Điều Lệ của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California 34
Sớ Táo Quân ..... Sơn Nhân Đèo Văn Trấn 35
Ngày Xuân chợt nhớ chữ Xuân trong Kiều ..... Bùi Thúc Khán 38
Dạo phố mùa Xuân/Xuân mộng (Thơ) ..... Hồ Thị Bình Thư/ Nguyễn Thị Thọ.. 43
Cây nêu Tết Việt Nam dựng trên đất Mỹ ..... Thái Tẩu 44
Hương gây mùi nhớ ..... Ngọc Anh Trần Đình Đệ 52
Năm Tỵ tản mạn về Rắn ..... Lý Loan 59
Thơ xướng hoạ: Xuân mơ (Thơ) ..... Đặng Đức Bích cùng các Thi Hữu 70
Kiêng cử đầu năm ..... Nguyễn Diêu 75
Những địa danh tỉnh ta trước khi mang tên Bình Định ..... Trương Trường Thịnh 77
Đường Thi Bình Định/Niềm riêng ..... Thư Trang 86
Tình quê (Thơ) ..... Nguyễn Đình Hinh 87
Hận tháng Tư đen (Thơ) ..... Hà Thúc Hùng 88
Lược sử chế độ khoa cử dưới triều nhà Nguyễn ..... Đào Đức Chương 89
Đà Lạt tình thu (Thơ) ..... Lê Công Thành 105
Phong cảnh Hầm Hô ..... Cố Nguyễn Đình Lương 106
Ân nhân Bình Định ..... Cà Mâu 109
Phóng sự bằng hình các sinh hoạt của Hội trong năm qua 115
Võ sư Phan Thọ ..... Nguyễn Ngọc An 127
Tết trong tù cải tạo (Thơ) ..... Hà Thúc Hùng 132
Mở nước, giữ nước & chiến trận một thời nước ..... Nguyễn Công Lượng 133
Chình Trà ổ ..... Trương Toại 144
Giã gạo hát hò ..... Nguyễn Diêu 154
Thơ xướng hoạ: Nỗi lòng (Thơ) ..... Nguyễn Thị Thọ cùng Thi hữu 158
Võ Lý đến chiến thuật ..... Đào Đức Chương 163
Rắn trong đời sống & y khoa ..... Nguyễn Quý Đại 167
Luật thường nhủ cùng Tàu Chệt (Thơ) ..... Nguyễn Việt Nho 180
Cha ơi (Thơ) ..... Duy Lễ 183
Những nguyên nhân thất cử Tổng Thống của Mitt Romney.. Quách Tứ 184

Vài cảm nghĩ sau khi đọc Bên Thắng Cuộc của Huy Đức ... Tân Dân ... 189
Nhớ Xưa (Thơ) ... Đỗ Hùng ... 201
Biển Đông Việt Nam (Thơ) ... Đặng Đức Bích ... 202
Đổi Đời ... Phú Xuân ... 204
Đôi mắt buồn ... Hùng Denver ... 208
Chuyện một người đàn bà (Thơ) ... Duy Lễ ... 218
Em nằm xuống ngày tròn một năm (Thơ) ... Minh Trai ... 219
Ông khách đặt hoa từ Denver ... Linh Vang ... 220
Đọc Đêm Cuối Năm của Nguyễn Mộng Giác ... Hoài Ân ... 226
Đuổi Mỹ hay cần Mỹ (Thơ) ... Đỗ Hùng ... 232
Được cả thế gian có ích gì (Thơ) ... Thất Sủng ... 234
Tiễn khóc Anh/Tiễn bạn (Thơ) ... Tạ Chương Can & Nguyễn Diêu) ... 236
Khóc hay không khóc ... Letamanh ... 237
Buồn vui đời thám kích ... Hà Quế Linh ... 240
Nói với Thanh Tâm (Thơ) ... Minh Trai ... 253
Truyện Kiều đọc qua lăng kính Dịch lý ... Nguyễn Việt Nho ... 255
Saigon vết thương rướm máu ... Hà Thúc Hùng ... 279
Tâm bút đầu Xuân (Thơ) ... Nguyễn Đình Hinh ... 284
Xuân và tình người trên rừng thiêng núi thẳm ... Lưu Đình Vũ ... 286
Titanic, con tàu định mệnh ... Quách Tứ ... 295
Những bài thơ tình của những cây bút nữ ... Trần Phương Anh ... 306
A Sombre Day at Re-Education Camp (Thơ) ... Việt Trần ... 318
Wisdom God Grant Me (Thơ) ... Jeannette Hong Mai Truong ... 319
Tall and Blue (Thơ) ... Cassandre Hong Mai Trosset ... 320
Seasons (Thơ) ... Thu Long Truong ... 321
Spring (Thơ) ... Davis Truong ... 322
Consequences of Maternal Obesity Fetal Health ... Amanda T. Uyhehara ... 323
Women Wealth in the Greco-Roman World ... Ariana T. Uyhehara ... 331
Bản Tổng kết Tài chánh ... 337
Danh sách Đồng hương Bình Định ... 343
Chúc Mừng ... 351
Thư Cảm Ơn ... Tạ Thị Dung ... 352
Phân Ưu ... 353
Thư Cảm Tạ của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California ... 355
Danh sách Quảng cáo ... 357

Lời tựa

Nhân dịp Xuân về, Ban Biên Tập trân trọng gởi đến quí đồng hương và thân hữu Đặc San Bình Định như một món quà tinh thần đầu Xuân Quý Tỵ năm 2013.

Đặc San Bình Định đã tồn tại và phát hành đều đặn mỗi đầu Xuân trong suốt 13 năm qua. Có được thành quả đó là nhờ sự cộng tác của các văn thi hữu xa gần và đồng hương. Với sự hổ trợ về tài chánh của các mạnh thường quân, các thân chủ quảng cáo đã giúp chúng tôi có phương tiện trang trải chi phí ấn loát và hình thành tờ Đặc San. Chúng tôi xin cảm tạ sự cộng tác và giúp đỡ của Quí vị.

Đặc San Bình Định là một diễn đàn văn nghệ và nghệ thuật. Là nơi kết hợp những bài viết qua các thể loại văn thơ về quê hương Bình Định, về lịch sử dân tộc; những tham khảo và tìm hiểu về lịch sử, văn học, khoa học, nghệ thuật và chính trị. Đặc San cũng tiếp nhận những ký sự, truyện ngắn chia xẻ tâm tình của đồng hương trên bước đường tha hương.

Chúng tôi mong muốn nhận được những bài viết của giới trẻ, phản ánh những nhận thức mới và tiềm năng mới. Tuy Đặc San Bình Định viết bằng Việt ngữ, nhưng chúng tôi cũng tiếp nhận những bài viết bằng Anh Ngữ, nội dung phải hợp với tôn chỉ của Đặc San.

Từ lâu, chúng tôi đã khẳng định lập trường là Đặc San Bình Định không đăng tải những bài viết có tính cách tuyên truyền hay có lợi cho Cộng Sản. Đặc San cũng không đăng những bài viết có nội dung chỉ trích cá nhân hay đoàn thể, làm tổn thương sự đoàn kết của đồng hương và Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại.

Với tinh thần cầu tiến, chúng tôi hân hoan đón nhận những ý kiến xây dựng để tờ Đặc San được cải tiến trong những số báo tới.

Trong niềm vui đầu Xuân, chúng tôi xin chúc Quí đồng hương, thân hữu cùng Quí độc giả một năm mới sức khỏe, an lành và thịnh vượng.

BAN BIÊN TẬP

Lá thư Xuân

Kính thưa Các Bậc Trưởng Thượng trong Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn,

Kính thưa Quý vị Quan Khách,

Kính thưa Quý Đồng Hương Bình Định,

Nhân dịp Xuân về, Tôi rất hân hạnh đại diện Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California kính chúc toàn thể Đồng Hương Bình Định và Thân Hữu khang an, tràn đầy sức khoẻ, gia đình nhiều hạnh phúc, công việc làm ăn tấn tới, thu hoạch được nhiều kết quả tốt đẹp.

Năm 2012 là một năm mà thế giới đầy những biến động. Sự suy trầm kinh tế toàn cầu khiến nhiều quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng tạo nên những khủng hoảng công chi buộc những quốc gia này phải tuyên bố vỡ nợ. Tình trạng kinh tế sa sút này chưa từng xảy ra trên hoàn vũ kéo theo những xáo trộn chính trị. Nhiều quốc gia có chế độ chính trị độc tài, người dân bị ngược đãi, bị tước đoạt nhân quyền, dân chúng đã mạnh dạn đứng lên lật đổ bạo quyền, đem lại sự tự do và dân chủ cho đất nước. Các cuộc cách mạng này có tiếng vang rất lớn và được mọi người thân ái gọi là cuộc cách mạng Hoa Lài!

Cuộc cách mạng Hoa Lài chắc cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến quê hương Việt Nam thân yêu của chúng ta và trục quyền lực Bắc Kinh, Bình Nhưỡng và Hà Nội là ba thủ đô của ba quốc gia theo chủ nghĩa cộng sản lỗi thời còn sót lại. Người dân đã tỏ ra can đảm hơn trong phong cách biểu lộ tư tưởng chính trị, nhưng sự biểu lộ sự tức giận còn có tính cách cá nhân, chưa đồng bộ và nhìn chung rất âm ỉ. Nó chỉ chờ đợi một biến cố chính trị, kinh tế hoặc một đại hoạ thiên tai là bùng lên, khó mà chính quyền có thể kiểm soát được. Chờ xem, lịch sử cổ kim, đông tây đã chứng minh rằng không có một chính quyền nào cai trị bằng chế độ độc tài, đi ngược với lòng dân lại có thể tồn tại lâu dài được. Ngoài các

vấn nạn độc tài của một chính quyền cộng sản, chính quyền Hà Nội còn biểu lộ cho nhân dân Việt Nam biết là một chế độ thối nát cùng cực, tham ô vô bờ bến, đã tạo ra một hố sâu cách biệt về quyền lợi giữa thiểu số lãnh đạo giàu có và đại đa số quần chúng cơ hàn. Một chính quyền bất lực trong việc gìn giữ lãnh thổ quốc gia, dâng hiến đất đai của tổ tiên để lại cho giặc thù Trung Quốc. Người dân trong nước đang có phong trào thừa nhận chính nghĩa Quốc Gia và ghi nhận công lao của chính thể này trong việc gìn giữ quê hương! Mong lắm thay cho một cuộc cách mạng dân tộc sớm xảy ra để người dân Việt có cơ hội làm chủ đất nước tránh hoạ Bắc thuộc lần thứ ba có thể kéo dài đến mấy ngàn năm .

Chúng ta đã bỏ nước ra đi vì không thể sống chung với người cộng sản, nhưng lòng vẫn hướng về quê hương vì nơi ấy còn quá nhiều kỷ niệm, còn mồ mả ông cha, còn thân nhân quyến thuộc . Ta đi, mang theo tình tự quê hương và những tập tục yêu quý đã từng là truyền thống văn hóa của dân ta. Vì vậy, hằng năm chúng ta tạo cơ hội gặp gỡ để thăm hỏi nhau hầu tưởng như được hưởng lại không khí Tết quê nhà. Hội Tây Sơn Bình Định được ủy nhiệm đứng ra tổ chức những buổi gặp gỡ này. Với sự tận tâm của Quý Anh Chị trong Ban Tổ Chức qua nhiều các Ban Chấp Hành tiền nhiệm đều được sự hưởng ứng nồng nhiệt của Quý Đồng Hương. Đây là phần thưởng tinh thần to lớn mà chúng tôi nhận được. Chúng tôi mong muốn được Quý vị ưu ái ủng hộ chúng tôi trong nhiều năm tới.

Chúng tôi xin được trân trọng gởi đến Quý vị lời cảm ơn chân thành nhất, vì Quý vị đã hỗ trợ chúng tôi trong nhiều năm trong các buổi tiệc Mừng Xuân Mới bằng cách hưởng ứng lời mời đến tham gia rất vui tươi và nồng nhiệt. Cũng xin quý vị cho phép chúng tôi gửi lời cám ơn đến Quý Anh trong Ban Báo Chí của Hội mặc dù tuổi già sức yếu đã bỏ công thực hiện Đặc San Xuân trang nhã, nội dung phong phú. Xin được cảm ơn Qúy Mạnh Thường Quân đã hỗ trợ tài chánh cho việc in ấn Đặc San Xuân này. Sau cùng xin được cảm ơn đến tất cả Qúy Anh Chị trong tất cả các Ban đã góp nhiều công sức để buổi tiệc được chu đáo và thành công.

Xin tất cả Qúy Vị nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi.

Trân trọng,

Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Phan Thanh Hùng

癸巳春九旬從餘開筆

九十一年目淺明
耳聞無定樂聲輕
足行手挈難施力
己坐身興欠活生
飲啄幸希人奉養
詩文存達思瓏玲
數章拙韻心生樂
夢約恆年致力精

Cửu thập tùng dư khai bút

Cửu thập nhất niên mục thiển minh
Nhĩ văn vô định nhạc thanh khinh
Túc hành thủ khiết nan thi lực
Kỷ tọa thân hưng khiếm hoạt sinh
Ẩm trác hạnh hi nhân dưỡng phụng
Thi văn tồn đạt tứ lung linh
Sổ chương chuyết vận tâm sinh lạc
Mộng ước hằng niên trí lực tinh

TRÚC NHI

Xuân Quý Tỵ, thối quá chín mươi khai bút

Chín mốt, hôm nay mắt dễ nhầm,
Tai nghe văng vẳng suối dư âm
Chân đi tay xách xem không vững
Dáng đứng bộ ngồi thấy chẳng cân
Cơm nước may còn chờ bữa dọn
Sách đèn mừng vẫn chọn đề ngâm
Đôi vần quấy qúa khi cao hứng
Mong được ngày ngày trí vẫn hâm

TRÚC NHI dịch

Những năm Quý Tỵ
trong lịch sử nước ta

TRÁC NHƯ

HỌ HỒNG BÀNG (2879-258 tr. TL)

Vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau sanh một người con trai tên là Lộc Tục. Vua Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ lúc bấy giờ, phía Bắc giáp Động Đình Hồ (tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên,Trung Quốc), phía Đông giáp biển Nam Hải. Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch) và lấy Long Nữ là con gái Động Đình Quân sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con gái vua Đế Lai, sinh một trăm người con. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng:

"Ta là giống Rồng, nhà ngươi là giống Tiên, ăn ở với nhau không được. Nay ngươi đem 50 con lên núi, còn ta đem 50 con xuống biển Nam Hải".

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (vùng huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Hùng Vương chia nước làm 15 bộ: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ

Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Hoan, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.

Họ Hồng Bàng, từ Kinh Dương Vương (cùng thời với Đế Nghi) truyền đến đời Hùng Vương (ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57, 258 tr. Tl) là hết.

NHÀ THỤC (257-207 tr. TL)

Thục Phán chiếm được nước Văn Lang rồi, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh). Xây thành Cổ Loa. Có nỏ thần làm bảo bối bảo vệ đất nước.

Năm Tân Mão (210 tr. Tl) Tần Thuỷ Hoàng mất, Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc, vua Thục đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Đà biết vua Thục có nỏ thần, đánh không lại bèn sai sứ đến giảng hoà, rồi sai con là Trọng Thuỷ vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là Mỵ Châu. Vua Thục bằng lòng. Trọng Thuỷ dỗ Mỵ Châu để xem trộm nỏ thần,rồi ngầm bẻ gãy lẫy nỏ, thay cái khác vào, giả vờ về thăm cha mẹ, bảo Mỵ Châu rằng:“ Ân tình chồng vợ không thể quên nhau, nếu lỡ hai nước không hòa, Bắc Nam cách biệt, ta lại tới đây thì làm thế nào mà tìm thấy nhau?”.

Mỵ Châu nói:“Thiếp có cái nệm gấm lông ngỗng, thường mang theo mình, đi đến đâu thì rút lông ngỗng rắc ở chỗ đường rẽ để làm dấu”.Trọng Thuỷ về báo cho Đà biết.

1. NĂM QUÝ TỴ (208 tr. TL).

Triệu Đà đem quân đến đánh. Vua Thục không biết lẫy nỏ đã mất, ngồi đánh cờ cười mà bảo: “Đà không sợ nỏ thần của ta sao?”. Quân của Triệu Đà tiến sát đến nơi, vua giương nỏ thì lẫy nỏ đã gãy rồi. Vua thua chạy, để Mỵ Châu ngồi sau lưng ngựa, chạy về phía Nam. Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng đuổi theo. Vua đến bờ biển, hết đường mà không có thuyền, liền gọi rùa vàng mấy tiếng: “Mau đến cứu ta !”. Rùa vàng nổi lên mặt nước, mắng rằng:“ Kẻ ngồi sau ngựa là giặc đấy, sao không giết đi ?”.Vua chém Mỵ Châu. Máu Mỵ Châu chảy loang mặt nước, loài trai nuốt vào bụng, hóa làm hạt minh châu.

NHÀ TRIỆU (207-111 tr. TL)

2. NĂM QUÝ TỴ (14 8 tr. TL).

Mùa Hạ, tháng 4 có sao chổi mọc. Mùa Thu, tháng 9, ngày 30 có nhật thực.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT (111 tr.TL-39)

NHÀ TÂY HÁN (TIỀNHÁN) (206Tr. TL-6 S. TL)

TRƯNG NỮ VƯƠNG KHƠI NGHĨA (40tr.TL-04 sau TL).

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ HAI (43-544)

NHÀ ĐÔNG HÁN (HẬU HÁN) (23-220)

Đời Tam Quốc(220-265), nước Tàu chia làm 3: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô (222-280).

BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) KHỞI NGHĨA NĂM MẬU THÌN (248).

NHÀ TẤN (265-420)

THỜI KỲ TỰ CHỦ (544-602)

NHÀ TIỀN LÝ (544-602)

Lý Nam Đế (544-548)

Lý Bôn là người tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi Thứ Sử Giao Châu là Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức.

Sau, nhà Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Nam Đế thua bèn giao binh quyền cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với nhà Lương rồi trở về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở đấy.

Triệu Việt Vương (549-571)

Triệu Quang Phục theo Lý Nam Đế lập được nhiều chiến công, nay đem quân chống cự với nhà Lương ít lâu, thấy thế lực quân Tàu còn mạnh bèn rút về chỗ đầm lầy Dạ Trạch. Khi hay tin Lý Nam Đế mất mới xưng là Việt Vương và đánh lấy lại thành Long Biên. Khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo và người cùng họ là Lý Phật Tử chạy sang Lào. Đến năm thứ 7(555) đời Triệu Việt Vương, Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Phật Tử. Năm Đinh Sửu (557) Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng chia đất cho, lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau, nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính cơ đồ của Việt Vương.

Hậu Lý Nam Đế (571-602)

Lý Phật Tử chiếm được Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên). Thế rồi, năm Nhâm Tuất, Tùy Văn Đế sai tướng Lưu Phương sang đánh Nam Việt. Lý Phật Tử xin hàng. Từ đấy nước ta lại bị người Tàu cai trị 336 năm nữa.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ BA (603-939)

NHÀ TÙY (589-617)
NHÀ ĐƯỜNG (618-907)
MAI HẮC ĐẾ khởi nghĩa (722)
BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG khởi nghĩa (791)

THỜI KỲ TỰ CHỦ
NHÀ NGÔ (939-965)
Thập nhị Sứ Quân (945-967)
NHÀ ĐINH (968-980)
NHÀ TIỀN LÊ (980-1009)
Lê Đại Hành.

Các niên hiệu: Thiên Phúc (980-988), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1009)

3. NĂM QUÝ TỴ (993), Hưng Thống thứ 5; Tống, Thuần Hoá thứ 4.

Nhà Tống sai Vương Thế Tắc và Lý Cư Giản đem sách thư sang phong vua làm Giao Chỉ Quận Vương.

Vua Phong: Hoàng Tử thứ 7 là Tung làm Định Phiên Vương, đóng ở thành Tư Doanh; Hoàng Tử thứ 8 là Tương làm Phó Vương, đóng ở Đỗ Động Giang;

Hoàng Tử thứ 9 là Kinh làm Trung Quốc Vương, đóng ở Càn Đà.

NHÀ LÝ (1010-1125)
Lý Thái Tổ(1010-1028)
Lý Thái Tôn (1028-1054)

Các niên hiệu: Thiên Thành (1028-1033), Thông Thụy (1034-1038), Càn Phù Hữu Đạo(1039-1041), Minh Đạo(1042-1043) Thiên Cảm Thánh Vũ(1044-1048),Sùng Hưng Đại Bảo(1049-1054).

4.NĂM QUÝ TỴ (1053), Sùng Hưng Đại Bảo thứ 5; Tống, Hoàng Hựu thứ 5. Địch Thanh đem 3 tướng đến Ung Châu đánh Nùng Trí Cao. Trí Cao thua đốt thành ban đêm trốn đi, chạy sang nước Đại Lý; bị người nước Đại Lý giết, đem đầu dâng vua Tống.

Lý Thánh Tôn (1054-1072)
Lý Nhân Tôn (1072-1127)

Các niên hiệu: Thái Ninh (1072-1075), Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084),Quảng Hưu(1085-1091), Hội Phong (1092-1100), Long Phù (1101-1109), Hội Tường Đại Khánh(1110-1119), Thiên Phù Duệ Vũ(1120-1126), Thiên Phù Khánh Thọ

5. NĂM QUÝ TỴ (1113), Hội Tường Đại Khánh thứ 4; Tống, Chính Hoà 3. Phu Nhân Ngọc Kiều, con gái Phụng Càn Vương

được Lý Thánh Tôn nuôi ở trong cung, lớn lên phong làm Công Chúa, gả cho Châu Mục châu Chân Đăng. Chồng chết Phu Nhân đi tu, đến đây mất, thọ 72 tuổi. Lý Thần Tôn tôn làm Ni Sư.

Lý Thần Tôn (1128-1138)

Lý Anh Tôn (1138-1175)

Các niên hiệu: Thiệu Minh (1138-1139), Đại Định (11401162), Chính Long Bảo Ứng(1163-1173), Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175).

6. NĂM QUÝ TỴ (1173), Chính Long Bảo Ứng thứ 9; Tống, Càn Đạo 9. Mùa Hạ, tháng 5, ngày 25, Hoàng Tử Long Trát sinh. (tức là vua Lý Cao Tôn sau này)

Lý Cao Tôn (1176-1210)

Lý Huệ Tôn (1211-1225)

Lý Chiêu Hoàng(1225)

NHÀ TRẦN (1225-1400)

Trần Thái Tôn (1226-1277)

Các niên hiệu: Kiến Trung (1225-1232), Thiên Ứng Chính Bình (1238-1350), Nguyên Phong (1251-1258)

7. NĂM QUÝ TỴ (1233), Thiên ứng Chính Bình năm thứ 2; Tống, Thiệu Định thứ 6. Vua sai Phùng Tá Chu duyệt định các ấp lớn thuộc phủ Nghệ An. Lụt lớn.

Trần Thánh Tôn (1258-1278)

Trần Nhân Tôn (1279-1293):

Con trưởng vua Thánh Tôn, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu, con gái thứ 5 của Trần Liễu. Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm.

Các niên hiệu: Thiệu Bảo (1279-1284), Trùng Hưng (1285-1293)

8. NĂM QUÝ TỴ (1293),Trùng Hưng thứ 9.

Mùa Xuân, tháng 3, vua Nhân Tôn nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Thuyên lên ngôi Hoàng Đế tức là vua Trần Anh Tôn, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ nhất.

Trần Anh Tôn (1293-1314): Mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thánh Hoàng Thái Hậu, con gái Trần Quốc Tuấn. Niên hiệu Hưng Long.

Trần Minh Tôn (1314-1329): Húy là Mạnh, Hoàng tử thứ tư của vua Anh Tôn; mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng Thái Hậu,con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng (con Trần Quốc Tuấn); mẹ sinh là Chiêu Hiến Hoàng Thái Hậu, con gái của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Niên hiệu Đại Khánh(1314-1323) và Khai Thái(1324-1329)

Trần Hiến Tôn (1329-1341): Húy là Vượng, con trưởng vua

Minh Tôn, lên làm vua mới 10 tuổi. Niên hiệu Khai Hữu. Không có con, lập em lên làm vua.

Trần Dụ Tôn(1341-1369), em vua Minh Tôn, Con thứ 10 của Minh Tôn, húy là Hạo. Vua rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn. Đời Thiệu Phong chính sự tốt đẹp; từ đời Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Các niên hiệu: Thiệu Phong(1341-1357), Đại Trị(1358-1369)

9. NĂM QUÝ TỴ (1353), Thiệu Phong thứ 18; Nguyên, Chí Chính thứ 13.

Mùa Hạ, tháng 6 cử đại binh đi đánh Chiêm Thành. Quân Bộ đến Cổ Lũy (là đất tỉnh Quảng Ngãi bây giờ), Quân Thủy chở lương gặp trở ngại, lại quay về.

Trần Hiến Tôn (1329-1341): Húy là Vượng; mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái Hậu, mẹ sinh là họ Lê

Trần Nghệ Tôn (1370-1372): Húy là Phủ, con thứ 3 của Minh Tôn

Trần Duệ Tôn (1372-1377)

Trần Phế Đế (1377-1388)

Trấn Thuận Tôn (1388-1398)

Trần Thiếu Đế(1398-1400)

NHÀ HỒ (1400-1407)

Hồ Hán Thương (1401-1407)

NHÀ HẬU TRẦN (1407-1413)

Giản Định Đế:

Huý là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tôn. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong.

Trùng Quang Đế:

Huý là Quý Khoáng, cháu nội Nghệ Tôn, gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm, gắng chí việc khôi phục nhưng không thành, nuốt hận mà chết, thương thay.

10.Năm QUÝ TỴ (1413), Hậu Trần, Trùng Quang thứ 5; Tống, Vĩnh Lạc thứ 11.

Mùa Thu tháng 9, bọn Trương Phụ nhà Minh đánh nhau với Nguyễn Súy ở Sái Già (sông Ái Tử) trong thế cầm cự. Nửa đêm Dặng Dung dùng voi mai phục Trương Phụ, đánh úp doanh trại. Dung nhảy lên thuyền của Phụ, định bắt sống Phụ nhưng không nhận ra hắn. Phụ vội đi thuyền nhỏ trốn chạy. Quân Minh tan vỡ hết phân nửa, thuyền bè, khí giới bị đốt phá gần hết; nhưng bọn Suý không chịu hợp sức đánh. Phụ thấy quân của Dung ít, quay

lại đánh. Quân của dung tan chạy. Trận này đưa đến bọn Minh lấy được nước ta. Thảm thay sụ chia rẽ!

KỶ THUỘC MINH (1414-1428)

NHÀ LÊ (1428-1788)

Lê Thái Tổ(1428-1433)

Lê Thái Tôn(1434-1442)

Lê Nhân Tôn (1443-1459)

Lê Thánh Tôn (1460-1497)

Các niên hiệu: Quang Thuận (1460-1497), Hồng Đức (1470-1497)

11. Năm QUÝ TỴ (1473), Hồng Đức năm thứ 4; Minh, Thành Hóa năm thứ 9.

.Thi Hội, định phép thi, nhà vua ngự ra hiên tự ra đề văn sách.

. Định lệ tư cách của Tiến Sĩ:

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Nhất Danh: Chánh Lục Phẩm, 8 tư;

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Nhị Danh: Tòng Lục Phẩm, 7 tư;

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cập Đệ, Đệ Tam Danh: Chánh Thất Phẩm, 6 tư.

Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân: Tòng Thất Phẩm, 5 tư.

Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân: Chánh Bát Phẩm, 4 tư.

Lê Hiến Tôn (1497-1504)

Lê Túc Tôn (1504)

Lê Uy Mục (1505-1509)

Lê Tương Dực (1510-1516)

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527)

NHÀ MẠC

Thái Tổ Mạc Đăng Dung (1527-1529)

Thái Tôn Mạc Đăng Doanh (1530-1540) Niên hiệu: Đại Chính.

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG (1533-1788)

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê, khi Mạc Đăng Dung tiếm nghịch ông dẫn con em trốn sang Ai Lao.

Năm 1532 Nguyễn Kim lập con thứ vua Lê Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lào tức là Lê Trang Tôn.

12. Năm QUÝ TỴ (1533) Nguyên Hoà năm thứ 1, Mạc, Đại Chính năm thứ 4; Minh, Gia Tĩnh năm thứ 12.

Tháng Giêng, cháu 5 đời vua Lê Thánh Tôn, con của vua Lê

Chiêu Tôn, tên húy là Ninh lên ngôi vua ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hoà, tức là vua Trang Tôn. (Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi, tiếm hiệu, vua tránh về Thanh Hoa. Đại Tướng Quân Nguyễn Kim sai người dò tìm, đón sang tôn lập).

Vua tôn Đại Tướng Quân Nguyễn Kim là Thượng Phụ Thái Sư Hưng Quốc Công, Chưởng Nội Ngoại Sự.

Liên kết với vua Ai Lao là Xạ Đẩu, nhờ giúp để mưu việc đánh lấy lại nước.

Sai người sang liên lạc với nhà Minh.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim bị thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con. Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trừ là anh ruột Lê Thái Tổ, tức là Lê Anh Tôn(1556-1573)

Năm 1570 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng là con thứ Nguyễn Kim, kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con thứ là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua tức là Lê Thế Tôn(1573-1599)

Lê Thế Tôn(1573-1599)

Niên hiệu: Gia Thái (1573-1577), Quang Hưng (1578-1599)

13. Năm QUÝ TỴ (15 93), Quang Hưng thứ 16; .

Năm 1593, Đoan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa vào chầu được phong làm Thái Uý Đoan Quốc Công cầm quân đánh giặc miền Đông Nam.

Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hóa.

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi, tức là vua Thần Tôn.

Lê Thần Tôn (1644-1643)

Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là Lê Chân Tôn.

Lê Chân Tôn(1644-1649).

Chân Tôn mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần Tôn Thái Thượng Hoàng lên làm vua lần thứ hai.

Lê Thần Tôn (1649-1662)

Niên hiệu:Khánh Đức (1649-1652), Thịnh Đức (1653-1657), Vĩnh Tho (1658-1661), Vạn Khánh (1662).

14. Năm QUÝ TỴ (1653), Khánh Đức năm thứ 5; Minh, Vĩnh

Lịch 7; Thanh,Thuận Trị 9.

Đàng Ngoài:

Trịnh Tráng gia phong cho con là Tạc làm Nguyên Soái, giữ chính quyền trong nước, tước Tây Định Vương.

Đàng Trong:

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1649-1687).

Chúa chăm lo việc chính trị, không chuộng việc yến tiệc vui chơi. Bấy giờ có người con hát Nghệ An tên là Thị Thừa, nhan sắc xinh đẹp, được tiến vào cung. Chúa nhân xem sách Quốc Ngữ, đến chuyện vua Ngô yêu Tây Thi, chúa tỉnh ngộ, tức thì sai Thị Thừa mang áo ngự cho Chưởng Dinh Nguyễn Phúc Kiều có để thư trong dải áo ấy, ngầm sai Kiều bỏ thuốc độc giết Thị Thừa đi.

Lê Huyền Tôn (1663-1672)

Lê Gia Tôn (1672-1675)

Lê Hy Tôn (1676-1705)

Lê Dụ Tôn (1706-1729)

Các niên hiệu:

Vĩnh Thịnh (1706-1719), Bảo Thái (1720-1729)

15. Năm QUÝ TỴ (1713), Vĩnh Thịnh thứ 8; Thanh, Khang Hy thứ 52.

Đàng Ngoài:

Trịnh Căn mất năm Kỷ Sửu (1709); con nối nghiệp là An Đô Vương Trịnh Cương (1709-1729). Hạ lệnh cấm Đạo Gia Tô:

Người nào có biết người theo Đạo Gia Tô, được tố cáo và được thưởng tiền; người theo đạo ấy sẽ phải cắt tóc trên đỉnh đầu, thích vào mặt 4 chữ "Học Hoa Lang Đạo"

Đàng Trong:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613)

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635)

Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635-1648)

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1648-1687)

Chúa Nghĩa Phước Trăn (1687-1691)

Chúa Nguyễn Phước Chu (1691-1725)

Chúa Nguyễn Phước Chú (172-1738)

Chúa Nguyễn Phuớc Khoát (1738-1765).

Chúa Nguyễn Phước Khoát bắt đầu xưng Vương năm 1744.

ChúaNguyễn Phước Thuần(1765-1777)

Nguyễn Phúc Chu (1692-1725) lấy hết nước Chiêm Thành, và lấy đất Gia Định, Hà Tiên của Chân Lạp.

Dựng phủ mới ở Bác Vọng.

Lê Ý Tôn(1735-1739)

Lê Hiển Tôn(1740-1786

Chúa Nguyễn Phước Chú(172-1738)

Chúa Nguyễn Phước Khoát(1738-1765).

16. Năm QUÝ TỴ (1773), Lê Cảnh Hưng thứ 34; Thanh, Càn Long thứ 38)

Đàng Ngoài:

Trịnh Doanh mất năm Đinh Hợi (1767), con nối nghiệp là Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm(1767-1782).

Thượng Thư Bộ Lại Trần Huy Mật bị giáng xuống làm Thượng Thư Bộ Công vì Trịnh Sâm ghét Mật được vua quý trọng gả cho Công Chúa.

Theo quan chế triều Lê, phẩm trật và bổng lộc Bộ Công kém hơn Bộ Lại.

Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát mất năm Ất Dậu(1765), con là Định Vương Nguyễn Phúc Thuần(1765-1777).

Năm 1771, Mạc Thiên Tứ Tổng Trấn Hà Tiên được tin Xiêm La định ngày xâm lấn bèn xin Gia Định viện binh. Điều Khiển Gia Định là Nguyễn Phúc Khôi không cho quân đến cứu. Thành Hà Tiên bị hãm, rồi bị tan vỡ. Chúa cách chức Khôi xuống làm Cai Đội và sai Chưởng Cơ Nguyễn Phúc Đàm làm Khâm Sai Chánh Thống Suất Đốc Chiến, đem quân sang đánh quân Xiêm, tiến đến Nam Vang phá được quân Xiêm. Vua Xiêm xin giảng hòa.

NHÀ TÂY SƠN (1788-1802)

NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Niên hiệu Gia Long (1802-1819)

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840)

17. Năm QUÝ TỴ (1833), Minh Mệnh thứ 14; Thanh, Quang Đạo thứ 12.

Bão lụt, các tỉnh phía Bắc dân đói rét; từ Phú Yên trở vào Nam thú dữ phá hại mùa màng. Giặc giã nổi lên như ong, giặc Lê Duy Lương, Nùng Văn Vân, Lê Văn Khôi rất mạnh. Quan quân đánh dẹp thật là vất vả.

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1848)

Năm1847 hai tàu chiến của Pháp đến bắn chìm 2 tàu của ta ở cửa biển Đà Nẵng rồi rút đi.

Niên hiệu Tự Đức (1848-1883)

Năm 1856 là năm Tự Đức thứ 9, quân Pháp mang tàu tên Catinat vào cửa Đà Nẵng bắn phá rồi bỏ đi

Năm 1858 (Tự Đức th ứ 11), Liên quân Pháp- Y Pha Nho chở quân đến cửa Đà Nẵng.

Năm 1859 (Tự Đức thứ 12) quân Pháp đánh phá Gia Định.

Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) nước ta phải nhường đứt 3

tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho Pháp.

Năm 1867, quân Pháp kéo quân đ ến định đánh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tổng Đốc Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bèn giao nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc mà tự tận.

Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874)

Niên hiệu Hiệp Hòa (1883)

Niên hiệu Kiến Phước(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi(1664-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh((1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái (1889-1907)

18. Năm QUÝ TỴ (1893), Thành Thái thứ 5.

.Tháng Hai. Hoàng Hoa Thám giết Lê Sát ra đầu thú Pháp và trực tiếp lãnh đạo khu Yên Thế chống Pháp.

. Tháng Tám: Bá Hộ Thuận chỉ huy nghĩa quân bất ngờ tấn công vào tỉnh lỵ Hà Tĩnh.

. Tháng Mười: Trần Hữu Châu, tướng lãnh của Phan Đình Phùng bị Pháp xử tử.

Tháng Mười Một: Danh tướng Cao Thắng trong cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng mất, sau khi bị trọng thương trong trận đánh đồn Nu ở Thanh Chương tỉnh Nghệ An.

Niên hiệu Duy Tân(1907-1916)

Niên hiệu Khải Định(1916-1925) Niên hiệu Bảo Đại(1926-1945)

SAU NĂM 1945

19. Năm QUÝ TỴ (1953).Phía Pháp:

Sau Chiến Dịch Tây Bắc của Việt Minh năm 1952, Pháp chỉ còn 2 cứ điểm quan trọng là Lai Châu và Na Sản trong toàn vùng chiến lược Tây Bắc Bắc Việt. Mất Tây Bắc thì vùng Thượng Lào bị đe dọa và vùng đồng bằng cũng mất an ninh. Bước qua đầu năm 1953, Pháp hầu như không còn hy vọng giành lại quyền chủ động chiến lược nữa.

Phía Việt Minh:

Phần Việt Minh, vào mùa Xuân năm 1953 mở Chiến dịch Thượng Lào gồm 4 Đại đoàn chia làm 3 cánh. Lực lượng của Pháp rã thành từng mảng, tháo chạy từ Sầm Nứa về Xiêng Khoảng rồi thoát chạy về Cánh Đồng Chum. Luang Prabang bị nguy khổn, Phảp phải tăng cường cho Luang Prabang 4 Tiểu Đoàn, biến nơi này thành một tập đoàn cứ điểm. Chiến dịch Thượng Lào khởi đầu từ ngày 12 tháng 4, kết thúc ngày 13 tháng 5, 1953.

TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG

. Hoa Kỳ bi quan về tình hình Đông Dương, trong khi Pháp

thúc hối Hoa Kỳ viện trợ thêm.

Về phía Hoa Kỳ, Chính quyền Eisenhower cam kết đeo đuổi một chính sách chống Cộng mạnh mẽ ở Châu Á, nhưng lại không muốn can thiệp như ở Triều Tiên, nên sẵn sàng tăng cường viện trợ cho Pháp với điều kiện Pháp phải có một kế hoạch để thoát khỏi cảnh bế tắc về quân sự lúc đó.

. Pháp chủ trương giành lại thế chủ động.

Tháng 5: Ngày 21, tướng Navarre nhận chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương. Pháp chủ trương giành lại thế chủ động qua kế hoạch Navarre như sau:

Đông Dương được chia ra làm 2 chiến trường: Chiến trường Bắc và Chiến trường Nam với ranh giới là vĩ tuyến thứ 18. .
Ở chiến trường Bắc Đông Dương, Pháp sẽ giữ thế phòng ngự chiến lược, công thủ phải nắm chắc phần thắng để đảo lộn kế hoạch tấn công của Việt Minh.

Đồng thời tiến hành các chiến dịch bình định quy mô ở châu thổ sông Hồng.

Chiến trường Nam Đông Dương, là nơi Pháp tương đối mạnh hơn, tướng Navarre dư trù mở các cuộc tấn công lớn ở Nam Trung Phần Việt Nam và Bắc Cao Nguyên Trung Phần(khu vực Kontum-Pleiku). Pháp đẩy mạnh việc thành lập và huấn luyện Quân Đội Quốc Gia Việt Nam để thay thế Quân Đội Viễn Chinh Pháp bảo vệ những vùng đã tạm yên.

Với nổ lực như vậy, Pháp dự kiến vào mùa Thu năm 1954 sẽ rút được một số đơn vị rời khỏi nhiệm vụ cố định để lập khối chủ lực tác chiến lưu động 6, 7 Tiểu Đoàn tương đương với số lượng của Việt Minh. Với lực lượng này, tướng Navarre sẽ giao tranh lớn với Việt Minh vào chiến dịch 1954-55. Ít ra cũng thuận lợi cho giải pháp dàn xếp trong chiến tranh Đông Dương.

Tháng 7: Ngày 17, Pháp mở cuộc Hành Quân Hirondelle (Con nhạn): Dùng quân nhảy dù nhảy xuống tập kích thị xã Lạng Sơn(đã mất vào tay Việt Minhtrong chiến dịch Biên giới 1950). Liên Đoàn Nhảy Dù đã phá huỷ 5000 tấn tiếp liệu phẩm gồm súng đạn, nhiên liệu rồi rút lui an toàn bằng đường bộ về Mông Cái ở duyên hải.

Ngày 28, Pháp mở cuộc hành quân Carmargue. Một lượng 30 Tiểu Đoàn bao vây và tiêu diệt Trung Đoàn Chủ Lực 95 của Việt Minh trong vùng duyên hải Quảng Trị và Huế. Pháp ra thông báo đã gây cho đối phương 500 thương vong. Nhưng Trung Đoàn đó vẫn tồn tại.

Tháng 8: Ngày 8, Pháp triệt thoái bằng đường hàng không khỏi pháo luỹ Na Sản (được thiết lập vào cuối năm 1952 để đối

phó với Chiến Dịch Tây Bắc của Việt Minh).

Cuộc rút quân an toàn này là một trong những nguyên nhân chính đưa tướng Navarre đến những tính toán sai lầm về mặt chiến lược có liên quan đến trận Điện Biên Phủ sau này.

Tháng 9: Ngày 22, một lực lượng chừng 20 Tiểu Đoàn Pháp mở cuộc hành quân vào phía Bắc tỉnh Hưng Yên với mục đích để tiêu diệt 2 Trung Đoàn 42 và 46 của Việt Minh, nhưng không có kết quả vì Việt Minh không chịu giao tranh.

Tháng 10: Ngày 14, Pháp sử dụng 6 Liên Đoàn Lưu Động mở cuộc hành quân Mouette (Hải âu) đánh vào khu vực Tây Bắc Ninh Bình. Đại Đoàn 320 của Việt Minh đã chống cự, và diễn ra nhiều cuộc giao tranh.

Tháng 11: Ngày 7, Pháp chấm dứt hành quân sau khi đã gây cho đối phương khoảng 3000 thương vong.

.Ngày 20, Pháp mở cuộc hành quântái chiếm Điện Biên Phủ dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Thiếu Tướng Jean Gilles. Ngày đầu tiên: Liên Đoàn I Nhảy Dù gồm 3 Tiểu Đoàn được thả xuống Thung Lũng Điện Biên Phủ. Tiểu Đoàn Nhảy Dù Thuộc Địa 6 nhảy xuống một địa điểm cách phía Bắc thị trấn Điện Biên Phủ 200m. Tiểu Đoàn 2 thuộc Trung Đoàn Khinh Binh Nhảy Dù I nhảy xuống bãi đáp cách phía Nam thị trấn Điện Biên Phủ 600m.

Phía Việt Minh:

Lực lượng Việt Minh ở Điện Biên Phủ gồm 1 Tiểu Đoàn của Trung Đoàn Chủ Lực Độc Lập 148, cùng với 1 Đại Đội Súng Cối, 1 Đại Đội Pháo thuộc Đại Đoàn Công Pháo 351, và 1 Đại Đội Bộ Binh của Đại Đoàn 320 đang làm nhiệm vụ huấn luyện. Ngay ngày đầu Việt Minh đã xả súng lập tức vào Tiểu Đoàn Nhảy Dù Thuộc Địa 6 trong khi họ còn đang lơ lửng trên trời.Với sự trợ lực của Tiểu Đoàn Nhảy Dù Thuộc Địa 1 mới nhảy xuống về phía Tây sân bay Điện Biên Phủ vào lúc xế trưa, Tiểu Đoàn Nhảy Dù Thuộc Địa 6 đã khống chế được đối phương. Hết ngày thứ nhất, lực lượng Pháp làm chủ thung lũng Địn Biên Phủ, Việt Minh rút lui vào rừng.

Ngày thứ hai: Liên Đoàn II Nhảy Dù gồm Tiểu Đoàn Lê Dương Nhảy Dù 1, Tiểu Đoàn Nhảy Dù Thuộc Địa 8 , các Đơn Vị Pháo Binh, Công Binh Dù, Thiếu Tướng Gilles và Bộ Chỉ Huy của ông cùng nhảy xuống Điện Biên Phủ.

Ngày thứ ba: Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù Việt Nam được thả xuống Điện Biên Phủ.

Lực lượng sơ khởi tái chiếm Điện Biên Phủ tóm lại gồm 6 Tiểu Đoàn Dù, 1 Tiểu Đoàn Pháo Binh, 1 Đại Đội Công Binh, bắt đầu lập công sự phòng thủ nhẹ, phát quang xạ trường, lập các tiền đồn và chuẩn bị cho sân bay hoạt động.

Tháng 12: Ngày 3, Liên Đoàn 1 Nhảy Dù gồm 2 Tiểu Đoàn từ Điện Biên Phủ theo đường 41 tiến về thướng Bắc đến địa điểm Bản Him Lam cách trung tâm Điện Biên Phủ 5 cây số đã chạm địch. Qua tài liệu bắt được trên xác của đối phương, Pháp biết Đại Đoàn 316 Việt Minh đã quanh quất ở đây.

Ngày 7, đụng độ tại Bản Nà Lợi, cách quá Bản Him Lam.

Ngày 8, Đại tá De Castries đến nhậm chức ở Điện Biên Phủ. Các đơn vị Bộ Binh, Pháo Binh, Thiết Giáp cũng bắt đầu tới thay thế các Tiểu Đoàn NhảyDù và thành lập cứ điểm ở giữa thung lũng. Tập đoàn cứ điểm dần dần thành hình. Tuy nhiên, theo quan điểm của tướng Navarre thì Điện Biên Phủ là MỘT CĂN CỨ TẤN CÔNG, còn theo quan điểm của tướng cogny là MỘT ĐIỂM NEO QUÂN. Đại Tá De Castries vì thế một mặt phải bung quân ra đánh địch, một mặt phải lo việc bố phòng.

Ngày 11, Liên Đoàn II Nhảy Dù thực hiện một cuộc hành quân giao tiếp và trợ lực cho các Du Kích người Thái do Pháp chỉ huy rút từ Lai Châu về đã đụng mạnh với Việt Minh. Liên Đoàn bị tổn thất nặng mà lại không cứu được bạn. Đơn vị Du Kích Thái 2100 người chỉ có 185 người sống sót về đến Điện Biên Phủ.

Ngày 21, Liên Đoàn II Nhảy Dù lại mở cuộc hành quân tiến về phía Nam để hội quân với lực lượng Pháp- Lào ở Sop Nao thuộc địa phận Lào, cách 60 cây số về phía Nam Điện Biên Phủ, đã chạm súng nhiều lần với Trung Đoàn 148 Việt Minh; đến ngày 23 hai cánh quân mới gặp nhau. Sau cuộc hành quân này, quan điểm của 2 tướng Navarre và Cogny không còn giá trị nữa.

Ngày 29, tường Narvarre chỉ thị cho tướng Cogny chuẩn bị một cuộc rút quân khỏi Điện Biên Phủ

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI CÓ KHUYNH HƯỚNG HOÀ BÌNH TRONG KHI SẮP XẢY RA GIAO TRANH Ở ĐIỆN BIÊN PHỦ.

Nhân cơ hội cuộc đình chiến ở Triều Tiên tháng 7 năm 1953, Pháp muốn tiến đến một cuộc thương lượng chấm dứt cuộc

chiến tranh Đông Dương. Tháng 10,1953 Quốc Hội Pháp đã thông qua nghị quyết yêu cầu Chính Phủ thăm dò mọi khả năng thương thuyết. Trước áp lực đó Thủ Tướng Pháp, Joseph Laniel tuyên bố rằng :Chính Phủ ông không coi vấn đề Đông Dương đương nhiên đòi hỏi một giải phàp quân sự. Nếu có được một giải pháp vinh dự, hoặc ở cấp địa phương hoặc ở cấp quốc tế, thì cũng như Hoa Kỳ ở Triều Tiên, nước Pháp sẽ vui vẻ hoan nghênh một giải pháp ngoại giao cho cuộc xung đột. Về phía Cộng Sản Quốc Tế thì sau khi Stalin qua đời, kế nhiệm là Kremlin đã tỏ thái độ hoà giải với phương Tây. Tám ngày sau cuộc ký kết ở Triều Tiên, Liên Xô đề nghị có những cuộc thảo luận giải quyết những cuộc xung đột ở Châu Á, và nhấn mạnh Trung Cộng phải có mặt trong những cuộc đàm phán đó. Liên Xô muốn chứng tỏ không còn hiếu chiến. Nhưng thực ra họ ve vãn Pháp đừng gia nhập Cộng Đồng Phòng Thủ Âu Châu.

Về Trung Cộng, qua cuộc tham chiến ở Triều Tiên, muốn nhảy lên vũ đài quốc tế, ngang hàng với cường quốc thế giới, đặc biệt có tiếng nói trong những hội nghị quốc tế có liên quan đến châu Á. Thêm vào đó, Trung Cộng e ngại nếu Pháp thất bại ở Đông Dương, Hoa kỳ sẽ trực tiếp can thiệp, sẽ là mối đe dọa cho sự an ninh của họ về phía Nam.

Đầu tháng 12, tại hội nghị Mỹ-Anh-Pháp, Thủ Tướng Anh Churchill nói: "Chúng tôi đã bỏ Ấn Độ. Chẳng lẽ Pháp lại không chịu bỏ Đông Dương!".

Trái với Anh quốc, Hoa kỳ chủ trương thương thuyết trên thế mạnh, nên khuyên Pháp trì hoãn thương thuyết cho đến khi tư thế quân sự được cải tiến qua kế hoạch Navarre. Tuy nhiên do thái độ của Anh và Pháp, Hoa Kỳ phải miễn cưỡng tham dự hội nghị tứ cường đầu năm sau. Mặc dù có triển vọng hòa bình, Việt Minh vẫn tiến hành Chiến dịch Đông Xuân 1953-1954. Việt Minh cấp tốc điều động Đại Đoàn 316 lên Lai Châu ngăn không để quân Pháp ở Lai Châu rút về Điện Biên Phủ; Đại Đoàn 308 từ Thái Nguyên chuyển qua Tây Bắc.

Trước tình hình khẩn nguy như vậy, Pháp không thể dùng Điện Biên Phủ như một nơi trang bị nhẹ chống du kích quân mà phải chọn lựa hoặc là rút khỏi, hoặc biến Điện Biên Phủ thành một căn cứ lớn như căn cứ Na Sản để chống đỡ cuộc tấn công của Việt Minh.

20. Năm QUÝ TỴ (2013): Chờ xem!

TRÁC NHƯ

VUA QUANG TRUNG
đại phá quân Thanh

Triều Phong Đặng Đức Bích

1. Vinh Danh Anh Hùng Dân Tộc:

Người Pháp tự hào về Napoléon Bonaparte. Ông là một thiên tài quân sự, đã chinh phục một phần lớn lãnh thổ Âu Châu, nhưng cuối cùng thất bại trận Waterloo tại nước Bỉ.

Dân tộc Pháp luôn luôn tôn kính ông. Du khách đến Paris thấy ở đầu đại lộ Champs Elisée, Khải Hoàn Môn được xây dựng, một công trình kiến trúc Văn Hóa Hùng Sử Pháp, để tưởng nhớ Napoléon Bonaparte, với những chiến thắng vẻ vang liên tiếp đã làm rạng danh trang sử Pháp.

Vào thời gian này, tại Mỹ Quốc cũng có cuộc cách mạng Hoa Kỳ. Chính George Washington, một chính trị gia lỗi lạc, một anh hùng dân tộc, đã đưa đất nước Hoa Kỳ đến chỗ vinh quang.

Việt Nam chúng ta có vua Quang Trung Nguyễn Huệ là kết hợp hai đặc điểm Thiên Tài Quân Sự của ông Napoléon Bonaparte và chính trị gia lỗi lạc của ông George Washington. Vua Quang Trung hành quân tốc chiến tốc thắng, biến hóa như thần, hiệu lệnh nghiêm minh, kỷ luật sắt thép. Từ khi làm Tướng, giữa lúc nước nhà ly loạn khắp nơi, đến khi ông mất, xông pha trăm trận bách chiến bách thắng, ông chưa hề biết chiến bại.

Chúng ta phải lập Khải Hoàn Môn Việt Nam để vinh danh vị anh hùng dân tộc vua Quang Trung Nguyễn Huệ, là gương sáng cho thế hệ con cháu mai hậu noi theo. Chỉ trong 5 ngày chiến đấu ào ạt, Vua Quang Trung đã tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, chiến thắng vẻ vang trong những trận đánh thần tốc oai hùng. Đây là

một chiến công lớn lao, so sánh với chiến công của các danh tướng Đông Tây Kim Cổ trên thế giới, là niềm hảnh diện chung cho Dân Tộc Việt Nam.

2. Cuộc Cách Mạng Dân Tộc:

Vào thế kỷ thứ 18, nhiều cuộc Cách Mạng Dân Tộc nổi lên khắp nơi từ Âu, Mỹ, Á. Cách Mạng Pháp 14/7/1789 lật đổ chế độ phong kiến tiếp nối qua nhiều thế hệ. Sự thống trị cha truyền con nối từ đời nầy sang đời khác bị đánh đổ, nông nghiệp phải nhường bước cho thương nghiệp. Nhiều nước đua nhau lập đội thương thuyền, tranh giành thị trường và chiếm thuộc địa.

Tại Việt Nam thời bây giờ, loạn lạc nổi lên khắp nơi như vụ loạn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất, quan quân địa phương dẹp không nổi.

Trong Nam, năm 1782 Nguyễn Phúc Ánh Nhà Nguyễn bị Nhà Tây Sơn đánh bại tại Ngả Bảy Thất Kỳ Giang, Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát thân ra đảo Phú Quốc. Trong trận nầy, Nguyễn Phúc Ánh cầu cứu một người Pháp tên là Manuel đem thủy quân đến giúp, nhưng không chống nổi, Manuel phải đốt tàu mà chết. Về sau, Nguyễn Phúc Ánh nhờ Giám Mục Bá Đa Lộc (Alexandre de Rhodes), đem con là Hoàng tử Cảnh đi cầu cứu nước Pháp, nhờ đem quân sang giúp, chống lại nhà Tây Sơn, khơi mào cho sự dòm ngó tìm thị trường và thuộc địa của Đế quốc phương tây. Một trăm năm đô hộ giặc Tây ! Dân Việt trải qua bao nhiêu sự đau khổ, bị áp bức, chết chóc, sưu cao thuế nặng.

Năm 1784, Nguyễn Phúc Ánh rước quân Xiêm La do hai tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương, đem 2 vạn quân và 300 chiến thuyền chiếm Rạch Giá, Ba Thắt, Trà Ôn và Mân Thít. Đi đến đâu quân Xiêm cướp bóc và quấy nhiễu đến đó, thật là tai hại.

Ở miền Bắc Trịnh Giang chuyên quyền, giết vua Lê, tàn sát các công thần. Họ Trịnh ăn chơi xa xỉ khiến công quỹ hao hụt, sưu thuế nặng nề. Cuộc tranh bá đồ vương Trịnh Nguyễn phân tranh kéo dài trên một trăm năm (1620-1775) làm dân chúng chết chóc, điêu linh khổ sở.

Năm 1788, Lê Chiêu Thống rước quân Tàu do Tôn Sĩ Nghị, Tổng Đốc Lưỡng Quảng, đem quân xâm chiếm Việt Nam, thiếu chút nữa nước ta bị quân Tàu đô hộ một lần nữa. Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, qua bốn lần Bắc thuộc, khởi đầu từ năm 207 trước Tây lịch, thật quá khủng khiếp! Người dân phải lên rừng tìm ngà voi, xuống biển mò ngọc trai, sưu cao thuế nặng dưới sự cai trị áp bức của quân xâm lược. Dân tộc Việt Nam, trải qua hàng chục thế

kỷ bị đô hộ, với biết bao nhiêu sự phấn đấu vượt bực để khỏi bị người Tàu đồng hóa.

Giáo sĩ Diego de Jumilla viết: "Để đáp ứng nguyện vọng của toàn dân, Nhà Tây Sơn đã đứng lên làm cuộc Cách Mạng Dân Tộc, lật đổ chế độ thối nát, đem công bằng và cơm no áo ấm cho dân chúng".

Buttinger, nhà nghiên cứu lịch sử chính trị Pháp đã nói: "Những lực lượng xã hội thời bấy giờ, như khách trú người Hoa, người Chiêm Thành, các giới nhà chùa Phật Giáo, Lão Giáo, các Sắc Tộc thiểu số đều nhiệt liệt hưởng ứng và giúp đỡ, đưa phong trào Tây Sơn đến chỗ thành công".

Jean Chisneaux, giáo sư sử học Pháp viết: "Sự kiện lớn nhất đối với Nhà Tây Sơn là việc khôi phục, thống nhất đất nước, xóa bỏ việc chia cắt đất nước thành hai vương quốc Trịnh-Nguyễn đối địch".

Trong cuốn Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu của ông Đặng Xuân Bảng, có đoạn viết: "Trận chiến lúc bấy giờ giống như cái thế Tam Quốc bên Tàu: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô. Ở Việt Nam Nhà Tây Sơn đã đánh Chúa Nguyễn, diệt chúa Trịnh, thống nhất đất nước".

3. Binh Pháp Nguyễn Huệ:

Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, "Binh pháp Tôn Tử" nổi danh và được áp dụng qua nhiều thế kỷ. Các nhà quân sự phương đông và Việt Nam thường hay nghiên cứu và áp dụng binh pháp nầy, nhưng kết quả thành bại, phần lớn tùy vào khả năng và sự tài giỏi của người điều khiển.

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, xông pha trận mạc khắp các chiến trường, đánh vào phía Nam, bốn lần bạt thành Gia Định, đánh ra phía Bắc, ba lần vào Thăng Long, thắng Chúa Nguyễn, diệt Chúa Trịnh, đánh bại quân Xiêm La, phá tan quân Mãn Thanh, áp dụng binh pháp thiên biến vạn hóa: Binh Pháp Nguyễn Huệ.

Quân đội hùng dũng
Kỷ luật sắt thép
Tình báo chính xác
Kế hoạch tinh vi
Chuyển quân chớp nhoáng
Chỉ huy dũng mãnh
Trận đánh thần tốc
Ân uy, độ lượng

Vua Quang Trung tổ chức một đội binh dũng mạnh. Ông

thường nói: "Binh lính cốt hòa thuận chứ không cốt đông, cốt tinh nhuệ chứ không cốt nhiều".

Theo lời các nhà truyền giáo Tây Phương, quân đội của ông có tinh thần chiến đấu cao, kỷ luật sắt thép, không xâm phạm tài sản của dân chúng. Người lính được huấn luyện gan dạ, một chống nổi ba bốn nên đánh đâu thắng đấy.

"Biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng", nói lên tính cách quan trọng của tình báo. Vua Quang Trung có một đội ngũ tình báo tài giỏi, tháo vát, lại có thêm hai thủ lãnh người Hoa là Lý Tài và Tập Đình về giúp, tình báo viên len lỏi, xâm nhập vào lòng đất địch để lấy tin tức chính xác, biết quân địch muốn gì và đang làm gì.

Kế hoạch hành quân, tấn công chớp nhoáng vào địch quân là một chiến thuật thần tốc kỳ tài của Vua Quang Trung, thiên biến vạn hóa, áp dụng như thần trên các chiến trường Nam Bắc. Quân Xiêm La được Nguyễn Phúc Ánh rước về Nam Việt Nam và làm chủ tình hình Gia Định từ tháng 8 năm 1784. Nguyễn Huệ đem quân vào Rạch Gầm - Xoài Mút thuộc tỉnh Định Tường, áp dụng chiến thuật lùi để nhử địch vào các điểm chiến lược. Quân Xiêm đến, quân của Nguyễn Huệ tràn ra đánh cả hai mặt thủy bộ, quân Xiêm xoay trở không kịp, chết rất nhiều, chỉ còn vài ngàn người, tìm đường thoát thân chạy về nước.

Quân Tàu được Lê Chiêu Thống rước về Bắc Việt Nam qua ba ngả Nam Quan, Tuyên Quang, Cao Bằng và làm chủ tình hình Thăng Long từ tháng 11 năm 1788. Quân ta ít, quân Tàu đông, quân ta ở xa tới, quân Tàu đã xây đồn lũy, làm chủ tình thế. Sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí viết, Vua Quang Trung tuyên bố: "Lần nầy ta ra trận hành quân, phương lược tiến đánh đã có sẵn, chẳng qua 10 ngày là đuổi được quân Thanh". Ông chia quân làm 3 đạo, với binh pháp Nguyễn Huệ, mẹo mực như thần, hành quân tốc chiến tốc thắng và chưa đầy một tuần lễ, đã phá tan đoàn quân xâm lược Mãn Thanh, quân ta chiến thắng vẻ vang, chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Một điểm khác, Vua Quang Trung điều binh rất nhanh. Ông chuyển quân vào Miền Nam, ra Miền Bắc quân thủy bộ đi rập với nhau, ăn khớp trong việc lập thế trận. Trong Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Trần Công Xán phát biểu: "Người Tây Sơn hành quân như bay tiến quân rất gấp, xem họ đi lại vùn vụt mau chóng như thần, chống không thể được, đuổi không thể kịp".

Vua Quang Trung cũng áp dụng đúng mức chiến tranh tâm lý, là để quân Xiêm La và quân Xâm lược Mãn Thanh, cướp bóc hiếp đáp nhân dân, tạo nộ sĩ trong dân chúng, với lòng căm phẫn

quân thù bạo tàn. Ông là một tướng tài, một vị vua khoan dung độ lượng, lấy ân uy và đảm lược chinh phục lòng người, nên ai nấy đều kính sợ.

4. Cái Trí Và Cái Dũng:

Ông là người có một bộ óc thông minh lỗi lạc, một nhãn quan đặc biệt, một uy vũ khác thường. Sách Đại Nam Chính Biên Lược Truyện có đoạn tả chân dung của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ: "Ông ta tiếng nói như chuông, mắt lập lòe như ánh điện, là người thông minh kiên quyết, giỏi chiến đấu, người người đều kính nể". Ngoài cái dũng của vị anh hùng tài trí, tiên phong nơi chiến trận, ông có nhiều mưu lược tùy cơ ứng biến trong các trận đánh khác nhau, từ đồi núi đến đồn lũy, từ bộ chiến đến thủy chiến, biến hóa không lường, chiến thuật điều binh chớp nhoáng, đem lại chiến thắng vẻ vang :

Đệ nhất anh hùng giữa thế gian
Dẹp tan xâm lược cứu giang san
Đống Đa giặc Mãn thây chồng chất
Xoài Mút quân Xiêm xác ngổn ngang
Kim Cổ vĩ nhân so xứng bậc
Đông Tây danh tướng sánh cùng hàng
Quang Trung thế hệ tài năng trẻ
Tô điểm nhà Nam rạng vẻ vang

Vua Quang Trung có nhiều sáng kiến đặc biệt, phát sinh từ một tinh thần Quốc Gia cấp tiến và sáng suốt về việc sử dụng chữ Nôm, một ý niệm Cách Mạng Tự chủ Độc Lập. Ông nghe ai tài giỏi hiền đức, lấy lễ Tân Sư, tức vừa coi là khách vừa coi là Thầy, mời tham gia việc nước. Các bậc tài danh như La San Phu Tử Nguyễn Thiếp, Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích, Trần Văn Kỷ, Ninh Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn, Trần Bá Lâm, Võ Huy Tấn, đều được mời tham chính. Ông chỉnh đốn triều chính, cải cách ruộng đất, cải tổ thuế khóa. Ông nghĩ ngay đến việc đúc tiền để độc lập về mọi mặt và đồng tiền "Quang Trung Thông Bảo" được thay đồng tiền Cảnh Hưng khắp chợ cùng quê.

5. Niềm Tự Hào Dân Tộc:

Dân Tộc Việt Nam tự hào về vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Thế hệ con cháu mai hậu sẽ xây Khải Hoàn Môn Việt Nam tại núi Bàn Sơn, nơi xuất quân ra Bắc đánh quân xâm lược, hay tại Gò Đống Đa, nơi chiến thắng quân Tàu để vinh danh ông. Ông là bậc kỳ tài dũng mãnh, với một thời gian ngắn kỷ lục, ông đã tiêu diệt 200 ngàn quân Thanh mau như chớp nhoáng, đến nỗi Vua Càn

Long phải nể vì, mời Vua Quang Trung tham dự lễ Khánh Thọ Bát Tuần của mình được tổ chức tại Nhiệt Hà bên Tàu, để nhìn tận mặt và chiêm ngưỡng người đã chiến thắng vẻ vang Thiên Triều phương Bắc. Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện có đoạn nói Vua Càn Long Nhà Thanh rất vui mừng và phê ngay vào góc tờ biểu: "Ta sắp được gặp nhau là điều mong ước lớn".

Từ những chiến thắng vinh quang ấy, khi Vua Quang Trung tại vị, bãi việc cống người vàng thế mạng Liễu Thăng, mà nước Tàu đã áp đặt các vị vua Việt Nam, hàng năm phải triều cống từ năm Đinh Mùi 1427.

Vua Quang Trung đề cao tinh thần Quốc Gia Dân Tộc, dùng chữ Nôm thay thế chữ Hán trong các chiếu, biểu, sắc, dụ, thi phú. Những vần thơ trữ tình của Nữ Sĩ Hồ Xuân Hương, thiên trường ca Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu, bản dịch Chinh Phục Ngâm của Đoàn Thị Điểm là những áng văn chữ Nôm tuyệt tác, với sự đóng góp cơ bản thuần túy Dân tộc vào nền Văn hóa bắt đầu mang tích cách Độc lập, Tự chủ của Dân tộc Việt Nam.

Hơn thế nữa, Vua Quang Trung còn chuẩn bị kế hoạch đòi lại 6 châu thuộc Hưng Hóa, 3 động thuộc Tuyên Quang, đã bị nước Tàu xâm chiếm trước kia, sát nhập vào Lưỡng Quảng. Công việc đóng tàu, đúc vũ khí, rèn luyện binh sĩ đã sắp đặt từ lâu. Sứ giả sang Tàu năm Nhâm Tý 1792, cầu hôn cưới Công Chúa Thanh Triều và đòi đất đai, là cái cớ đánh lấy lại đất, nếu Thanh Triều từ chối. Nhưng tiếc thay, khi phái bộ Sứ giả Việt Nam sang Trung Quốc thì được tin Vua Quang Trung thăng hà, sứ giả phải quay về.

Bài học Lịch Sử có đoạn:
Máu đào nhuộm thắm từng trang
Chỉ quen chiến đấu đầu hàng không quen
Em ơi nước mất bao phen

Mà phen nào cũng vang tên anh hùng

Nói lên những trang sử Việt Nam viết bằng máu và nước mắt. Nhiều vị anh hùng đã đẩy lui quân xâm lược phương Bắc như Hai Bà Trưng, Lê Lợi, Trần Quốc Tuấn, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Huệ, nhưng chiến thắng Đống Đa của Vua Quang Trung là trận đánh kiêu hùng nhất, vẻ vang nhất, trong thời gian kỷ lục 5 ngày đã tiêu diệt 20 vạn quân Thanh, nhanh chưa từng thấy, làm quân Tàu hãi hùng khiếp sợ, làm rạng danh trang sử Việt Nam. Từ cửa ải Lạng Sơn trở lên phía Bắc, người Tàu già trẻ dìu dắt nhau chạy trốn, trên mấy trăm dặm tuyệt nhiên không có người và khói bếp.

Trong Sách Trí Thức Việt Nam cuối thế kỷ 18, ông Hồ Văn Quang viết: " Vua Quang Trung mang một bản sắc đặc biệt, không chỉ riêng cho Dân Tộc Việt Nam mà cho cả thế giới. Đối với chúng ta, không có gì gượng gạo, là quá đáng khi ghép đằng sau tên ông những danh từ đẹp đẻ, kính trọng đầy thán phục như : Anh hùng, thiên tài quân sự, thiên tài ngoại giao, một chính trị gia lỗi lạc, một nhà cải cách xuất chúng, một vị Thánh, một vị Thần linh, vì chỉ có ông ta mới xứng đáng mang danh Đại Đế, đã đưa Dân Tộc nhỏ bé như Việt Nam có thể đạt đến đỉnh vinh quang sáng chói nhất tại vùng Đông Nam Á vào cuối thế kỷ 18 ".

Vua Quang Trung là niềm hãnh diện và tự hào của Dân Tộc Việt Nam, là tấm gương sáng cho thế hệ tuổi trẻ tương lai, lòng tràn đầy nhiệt huyết, đang vùng dậy khắp nơi, nhận lãnh trách nhiệm cao cả, đầy hy vọng, tạo thành một sức mạnh cho dân tộc Việt Nam.

Triều Phong Đặng Đức Bích

Tài liệu tham khảo:

- Đại Nam Nhất Thống Chí - Nguyễn Tạo
- Hoàng Lê Nhất Thống Chí - Ngô Thời Chí
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Ngô Sĩ Liên
- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
- Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu - Đặng Xuân Bảng
- Việt Sử Toàn Thư - Phạm Văn Sơn
- Trí Thư'c VN cuối thế kỷ 18 - Hồ Văn Quang
- L'hisfoire du Việt Nam - Philippe Devillers
- L'lmpire d'Annam - Gosselin

◆

BẢN TRÍCH YẾU ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Nội dung và tinh thần của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California ban hành ngày 01/08/2003 vẫn được triệt để tôn trọng và chưa có điều nào được thay đổi. Tuy nhiên vì khuôn khổ của tờ Đặc San Xuân chúng tôi xin phép trích ra một số điều lệ chính yếu trong bản Điều lệ thành lập Hội để xác định lập trường và tôn chỉ của Ban Báo Chí. Qúi vị có thể tham khảo bản chính được in trong các Đặc San Xuân của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California 2011 và 2012.

CHƯƠNG I - TỔNG QUÁT

Điều 1 -Mục đích:

Đề cao và thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương trợ giữa đồng hương Bình Định hiện đang sống tại vùng Bắc Cali, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tuổi tác.

Điều 2 - Tôn Chỉ:

Hoạt động của Hội nhằm phát huy tình đồng hương, ái hữu trong cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại hải ngoại.Hội đồng hương Tây Sơn Bình Định Bắc California là một Hội đoàn bất vụ lợi, có lập trường quốc gia vững chắc, tham gia với các Hội đoàn bạn có chung lập trường, không chấp nhận cộng sản dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 3 - Danh xưng:

Danh xưng của Hội là:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

(Trích từ Chương 1 của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Ban Hành Ngày 01/08/2003)

CHƯƠNG IX - TU CHÍNH

Điều 1 - Nhất thiết không được Tu chính điều 1 và điều 2 của Chương I. mỗi điều, khoản khác của bản điều lệ này có thể được tu chính theo đề nghị của ít nhất 15 Hội viên chính thức hoặc ba phần tư thành viên Ban Chấp Hành.

(Trích từ Chương IX của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Ban Hành Ngày 01/08/2003)

Sớ Táo Quân 2013

(CUỐI NĂM CON RỒNG)

Sơn Nhân - Đèo Văn Trấn

Muôn tâu Ngọc Hoàng
Thần xin đại diện
TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH
DÂNG SỚ CUỐI NĂM
trước là kính thăm
sau là báo cáo
thần xin bẩm báo
Tình hình năm qua
từ chuyện trong nhà
ra ngoài thế giới
trước thềm năm mới
điểm lại năm châu
toàn cõi Á Âu
trên đà xuống dốc"!
chiến tranh tàn khốc
cách mạng hoa lài
bạo chúa rớt đài
trung đông khó thở
dân Hồi giận giữ
chống Mỹ khắp nơi
khói lửa ngút trời
đốt phá bắn giết
kể sao cho hết
bao nỗi kinh hoàng!
Syria hoang tàn
chìm trong nội chiến
Ai cập chuyển biến
còn phải chờ xem
những người anh em
huynh đệ Hồi giáo
chủ trương tàn bạo
Trung Cộng ỷ to
vẽ đường lưỡi bò
Biển Đông nuốt gọn
Nhật đưa ra ngón
chiếm Đảo Điếu Ngư
Trung cộng gầm gừ
mà đành hậm hực
tỏ bày bực tức
chịu đấm ăn xôi
dậm doạ mà thôi
rung cây nhát khỉ
thái dương thần nữ
phớt tỉnh coi thường
Bắc Hàn thê lương
quanh năm đói kém
cũng bè lũ vẹm
quen thói hung hăng
cấu kết Iran
chế bom nguyên tử
Jong IL nằm xuống
JONG UL bước lên
bộ mặt kên kên
khinh thường thiên hạ
lại còn hù dọa
dựng giàn phóng ra
tên lửa tầm xa

Xuân Quý Tỵ

dần mặt thế giới
một đế quốc mới
sắp sửa thành hình
khu vực Thái Bình
công khai thách thức
Hoa Kỳ lập tức
gửi chiến hạm sang
mấy nước dàn ngang
hải quân tập trận
Trung quốc nổi giận
lên tiếng hăm he
Nam Á chẳng nghe
càng thêm đoàn kết
ai ai cũng biết
Tây Tạng Tân Cương
Nung chí quật cường
Đương đầu Trung Cộng
Dân chủ lan rộng
Miến Điện đổi thay
đối lập thả ngay
nhân quyền cải thiện
cùng nhau nhắm đến
hạnh phúc ấm no
Việt Cộng thì lo
bo bo giữ đảng
trong cơn hốt hoảng
phe phái chơi nhau
chẳng đi tới đâu
rõ là đảng cuội
phố phường Hà nội
tràn ngập dân oan
khiếu kiện đòi hoàn
đất đai bị chiếm
quanh hồ Hoàn kiếm
những cuộc biểu tình
cho thấy dân mình
vô cùng anh dũng
sợ gì Trung Cộng
quen thói xâm lăng
kìa Ải Chi Lăng
bêu đầu lũ cướp
run như mèo mướp
là đám công an
ỷ thế làm càn
đánh dân vô tội
biểu tình phản đối
đều bắt bỏ tù
họ muốn dân ngu
cúi đầu khuất phục
thật không biết nhục
đã mất Hoàng Sa,
chẳng dám kêu ca
trót làm nô lệ
mất còn mặc kệ
miễn sao còn đảng !
Kinh tế khủng hoảng
vật giá leo thang
tài chánh ngân hàng
Như tờ giấy rách
khắp nơi quy hoạch
thủy điện tràn lan
nhưng kém an toàn
sông Tranh động đất
nhưng nổi cộm nhất
là bắt bầu Kiên
mà vẫn chưa yên
bắt thêm một mớ
bạo quyền mượn cớ
an ninh quốc gia
xử phạt tối đa
blogger yêu nước
cũng dùng một chước
kết án Việt Khang
sáng tác nhạc vàng
tố Tàu xâm lược
tố đảng bán nước
bản án bốn năm
để lại tiếng tăm
cho người bất khuất!
tình hình cập nhật
Nước Mỹ năm qua
Thời Ô BA MA
Gần như mạt vận
Gia tài khánh tận
dân chúng than van
thất nghiệp tràn lan

việc làm khan hiếm
đồng tiền khó kiếm
kinh tế suy trầm
là mối bận tâm
cuả người dân Mỹ
nước non hùng vỹ
tài nguyên dồi dào
bỗng chốc lao đao
vì cơn suy thoái
chính sách đối ngoại
thì thiếu khôn ngoan
chống báng tràn lan
đốt cờ bạo động
phong trào lan rộng
các nước đạo Hồi
tổng thống đứng ngồi
như trên đống lửa
tiền bạc thì nợ
thâm thủng gia tăng
tài trợ nhà băng
không ngừng tăng thuế
ấy là chưa kể
cắt giảm an sinh
dân chúng bất bình
đòi thay tổng thống
đổi thay tình huống
may ra khá hơn
hai đảng dàn quân
tranh đua sôi nổi
phen này quyết đổi
chiến dịch quy mô
quyết liệt ăn thua
chưa phân thắng bại
bỗng dưng khựng lại
con bão tai hại
mười mấy tiểu bang
bị phá tan hoang
tổn thất hàng tỷ
thiệt là rầu rĩ!
cho Đảng Cộng Hòa
Nỗ lực tối đa
mà không thắng cử
Hoa Kỳ sắp sửa
tài chánh lâm nguy
tăng thu giảm chi
mới mong sống sót!
công lao khó nhọc
Nam Bắc Cali
Bàn thắng vừa ghi
thiệt là ngoạn mục
cộng thua sát nút
chẳng được hoan nghênh
cán bộ quan viên
mời đi chỗ khác
Jose phương bắc
thắng lợi vẻ vang
rục rỡ cờ vàng
mừng SAIGON NHỎ
.....
.....
cuốn gói về vườn
còn gì vui hơn!
mùa Xuân dân chủ
sinh hoạt nội bộ
thì vẫn bình thường
tình nghĩa đồng hương
luôn luôn gắn bó
vui buồn đều có
chia xẻ cho nhau
hữu sự, ốm đau
góp tiền góp bạc
ngà voi cùng vác
việc thiện cùng làm
hướng về Việt Nam
buồn cho vận nước
vô cùng bức xúc
giặc lấn biển nhà
bức hiếp dân ta
ngư dân Bình Định
làm ăn xính vính
tâu đủ chuyện rồi
thần xin cáo lui
nhường táo quân bạn
Ngọc Hoàng không ngán
Thần hẹn sang năm

◆

Ngày xuân chợt nhớ chữ xuân trong Kiều

Bùi Thúc Khán

Năm cũ vừa đi qua, Mùa Xuân Mới đang về. Và, trời xanh con én dập dìu đưa thoi.

Ngày Xuân khơi dậy niềm nhớ nhung mơ ước và chúng ta bất chợt nghĩ đến những chữ Xuân trong truyện Kiều.

Trong truyện Kiều, qua các câu lục bát tài tình và tài hoa, thi hào Nguyễn Du đã nhiều lần dùng chữ Xuân thơ mộng, trữ tình, nhiều ý nghĩa.

Chúng tôi đang có trong tay cuốn truyện Thúy Kiều do các cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu đính năm 1925. Theo ấn bản này tổng số câu có chữ Xuân là 44, còn kể số chữ Xuân thì có 47 chữ vì có 3 câu, mỗi câu có 2 chữ Xuân (câu 424, 1006 và 1294). Đó là không kể 9 câu có chữ Xuân là cây Xuân, thường chỉ cho người cha già hay chỉ cho tuổi thơ.

Chữ Xuân này thường đi đôi với chữ Huyên để nói đến cha mẹ già.

Cụ Tiên Điền Nguyễn Du đã dùng chữ Xuân với nhiều ý nghĩa khác nhau. Khi là nghĩa đen chỉ cho mùa Xuân hoặc thuộc về mùa Xuân. Khi là nghĩa bóng, chỉ cho Tuổi Trẻ, cho Tình Yêu và

Người Yêu.

Chúng tôi xin trích dẫn đủ hai câu lục bát dù trong đó chỉ có một câu chữ Xuân. Trích dẫn cả hai câu thơ như vậy để cái hay, cái đẹp, sự êm ái của lời và ý thơ được thể hiện trọn vẹn, tránh cái đơn điệu lẻ loi khi chỉ đọc một câu thơ. Cũng có thể giúp cho chúng ta dễ nhớ, dễ thuộc lòng cặp thơ trích dẫn.

1. Những chữ Xuân chỉ mùa Xuân (nghĩa đen):

Câu 39, 40:	Ngày Xuân con én đưa thoi Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Câu 45, 46:	Gần xa nô nức yến anh, Chị em sắm sửa bộ hành chơi Xuân.
Câu 161, 162:	Bóng hồng nhác thấy nẻo xa, Xuân lan, Thu cúc mặn mà cả hai.
Câu 175, 176:	Hải đường lả ngọn đông lân, Giọt sương gieo nặng cành Xuân la đà
Câu 337, 338:	Sinh rằng: Rày gió mai mưa Ngày Xuân đã dễ tình cờ mấy khi
Câu 369, 370:	Lần lần ngày gió đêm trăng, Thưa hồng rậm lục đã chừng Xuân qua
Câu 619, 620:	Hạt mưa sá nghĩ phận hèn Liệu đem tấc cỏ quyết đền ba Xuân
Câu 949, 850:	Đêm Xuân một giấc mơ màng Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ
Câu 1287, 1288:	Nguyệt hoa, hoa nguyệt não nùng Đêm Xuân ai dễ cầm lòng được chăng
Câu 1795, 1796:	Sen tàn, cúc lại nở hoa Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang Xuân
Câu 2061, 2062:	Cửa Thiền vừa cữ cuối Xuân Bông hoa đầy đất, kẻ ngân ngang trời
Câu 2857, 2858:	Những là phiền muộn đêm ngày Xuân Thu biết đã đổi thay mấy lần

2. Những chữ Xuân chỉ cho Tuổi Trẻ, Tình Yêu và người Yêu (nghĩa bóng)

Câu 35, 36:	Phong lưu rất mực hồng quần Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Câu 65, 66:	Phận hồng nhan có mong manh

	Nửa chừng Xuân thoắt gãy cành thiên hương
Câu 155, 156:	Vẫn nghe thơm nức hương lân Một nền Đồng Tước khoá Xuân hai Kiều
Câu 343, 344:	Khuông thiêng dù phụ tấc thành Cũng liều bỏ quá Xuân xanh một đời
Câu 423, 424:	Đủ điều trung khúc ân cần Lòng Xuân phơi phới, chén Xuân tàng tàng.
Câu 731, 732:	Ngày Xuân em hãy còn dài, Xót tình máu mủ thay lời nước non.
Câu 1005, 1006:	Một người dễ có mấy thân, Hoa Xuân đương nhụy, ngày Xuân còn dài
Câu 1009, 1010:	Lỡ chân trót đã vào đây Khoá buồng Xuân để đợi ngày đào non.
Câu 1033, 1034:	Trước lầu ngưng bích khoá Xuân Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.
Câu 1239, 1240:	Mặc người mưa Sở mây Tần Riêng mình nào biết có Xuân là gì
Câu 1293, 1294:	Sinh càng một tỉnh mười mê Ngày Xuân lắm lúc đi về với Xuân
Câu 1703, 1704:	Tiếc hoa những ngậm ngùi Xuân, Thân mà dễ lại mấy lần gặp tiên.
Câu 1949, 1950:	Vì ta cho lụy đến người Cát lầm ngọc trắng thiệt đời Xuân xanh.
Câu 2287, 2288:	Vinh hoa bỏ lúc phong trần Chữ tình ngày lại thêm Xuân một ngày
Câu 2877, 2878:	Phòng Xuân trướng rũ hoa đào Nàng Vân nằm bỗng chim bao thấy nàng
Câu 2841, 2842:	Người yểu điệu, kẻ văn văn chương, Trai tài gái sắc Xuân đương vừa thì.
Câu 3025, 3026:	Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa, Mười phần Xuân có gầy ba bốn phần
Câu 3140, 3141:	Canh khuya bức gấm rủ thao Dưới đèn tỏ dạng , má đào thêm Xuân
Câu 3171, 3172:	Chừng Xuân tơ liễu còn xanh,

Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân.

3. Chữ Xuân với các nghĩa riêng biệt khác.

Khi được dùng với một chữ khác thì chữ Xuân lại mang thêm một ý nghĩa riêng biệt, tùy trường hợp như những câu dưới đây:

Cành Xuân: Chỉ người con gái trẻ đẹp

Câu 1261, 1262 Khi về hỏi Liễu Chương đài
Cành Xuân đã bẻ cho người chuyền tay

Chúa Xuân: Vị thần chủ mùa Xuân

Câu 1327, 1328: Chúa Xuân đành đã có nơi
Ngắn ngày thôi chớ dài lời làm chi

Câu 1945, 1946: Đã cam chịu bạc với tình
Chúa Xuân để tội một mình cho hoa!

Giấc Xuân: Giấc ngủ êm đềm, giấc ngủ của người con gái đẹp

Câu 713, 714: Thúy Vân chợt tỉnh giấc Xuân
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han.

Lượng Xuân: Lòng độ lượng của tuổi trẻ, của người đẹp.

Câu 345, 346: Lượng Xuân dù quyết hẹp hòi
Công lao đeo đuổi thiệt thòi lắm ru

Chiều Xuân: Tức Xuân tứ là tình Xuân (nét thu là thu ba, sóng mùa Thu, chỉ cho con mắt.)

Câu 347, 368: Lặng nghe lời nói như ru,
Chiều Xuân dễ khiến nét Thu ngại ngùng

Tin Xuân: Tin tức về người yêu, tình yêu

Câu 367, 368: Một tường tuyết trở sương che
Tin Xuân đâu dễ đi về cho năng

Vườn Xuân: Cảnh nhà vui vẻ, êm đẹp như vườn cây mùa Xuân

Câu 3239, 3240: Phong lưu phú quí ai bì
Vườn Xuân một cửa để bia muôn đời.

Xuân Đình: Chỉ chỗ họp mặt vui vẻ (cao đình là chỗ chia tay)

Câu 1499, 1500: Tiễn đưa một chén quan hà
Xuân đình thoắt đã dạo ra cao đình

Xuân Sơn: Chỉ lông mày mày đẹp như sắc núi mùa Xuân

Câu 25, 26: Làn thu thủy, nét Xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Xuân tình: Tình của tuổi Xuân, của đôi lứa đang Xuân

Câu 3201, 3202: Khúc đâu êm ái Xuân tình
Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên?

4. Dưới đây chúng tôi xin trích thêm những câu thơ có chữ Xuân (bộ Mộc) là cây Xuân, đi đôi với chữ Huyên để chỉ về tuổi thọ, về cha mẹ già như có nói ở trước.

Câu 673, 674: Cội Xuân tuổi hạc càng cao
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành!

Câu 2237, 2238: Xót thay huyên cỗi Xuân già
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?

Câu 2837, 2838: Xuân huyên lo sợ biết bao
Quá ra , khi đến thế nào mà hay!

Câu 3009, 3010: Trông xem đủ mặt một nhà
Xuân già còn trẻ, Huyên già còn tươi

Câu 533, 534: Liêu dương cách trở sơn khê
Xuân đường kíp gọi Sinh về hộ tang.

Câu 1291, 1292: Dịp đâu may mắn lạ thường,
Lại vừa gặp khoảng Xuân đường lại quê

Câu 1387, 1388: Giậu thu vừa nảy giò sương,
Gối Yên đã thấy Xuân đường tới nơi

Câu 1497, 1498: Rạng ra gởi đến Xuân đường
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia

Trong dịp Tân Niên, thư thả đọc lại những câu thơ Xuân trong Kiều cũng là điều thú vị. Lòng chúng ta cảm khái, rung động với những câu thơ đầy ắp chất Xuân, màu Xuân và Tình Xuân, phong phú, đa dạng và sâu lắng những buồn vui của cuộc đời.

Lòng bỗng ngậm ngùi khi nhận ra ba mươi tám năm qua, đời ta đã mất mùa Xuân. Câu thơ của

Tố Như tiên sinh như một lời chia xẻ: "*Những mình nào biết có Xuân là gì*"

California Xuân Quí Tỵ 2013

BÙI THÚC KHÁN

Dạo phố mùa Xuân

Tôi đi dạo phố mùa Xuân
Đường hoa trải nắng bâng khuâng dưới trời
Nét hoa sánh với môi cười
Thướt tha tà áo giáng kiều bên hoa
Tôi đi dạo phố mùa hoa
Trăm hoa đua nở ngạt ngào tỏa hương
Ai về mắt lệ còn vương
Thì còn hai chữ yêu đương cuối đường
Tôi đi dạo khắp phố phường
Lòng thầm khấn nguyện vườn vườn thắm tươi
Cho nhân loại sống cuộc đời
Long Hoa mở hội dưới trời Xuân vui.

**** Hồ Thị Binh Thư***
(Tam Quan)

Xuân mộng

Trước bóng Xuân về mơn lá hoa.
Lòng xa đau đáu một quê nhà.
Nhang không khói tỏa mà cay mắt.
Chỉ một đường về sao mỗi xa.
*

Biết mấy mùa Xuân vẫn ở đây.
Quê xưa chìm khuất bóng đêm đầy.
Thả hồn theo gió tìm Xuân mộng.
Chỉ thấy vơi đầy nỗi đắng cay.
*

Ta vẫn bên nầy vọng cố hương.
Tháng năm chia cách biệt đôi đường.
U-uẩn tình quê mi thấm ướt.
Bao nhiêu nhung nhớ bấy sầu vương.
*

Trên bước đường xa tưởng bước về.
Gót buồn khua nhịp mấy nhiêu khê.
Buông tay đã lạc quê xa thẳm.
Ta đến nơi đây mất lối về./.

Hoài Hương Nguyễn thị Thọ

Cây nêu Tết Việt Nam dựng trên đất Mỹ

Thái Tẩu

Đã lâu lắm! Khoảng hơn nửa thế kỷ qua, tôi không còn nhìn thấy Cây Nêu dựng trước nhà dân ở làng quê Việt Nam vào chiều Ba Mươi Tết. Bất chợt, tôi lại nhìn thấy Cây Nêu Việt Nam ấy được dựng trên đất Mỹ vào chiều ngày Hai Mươi Bảy tháng Chạp (thay vì chiều Ba Mươi Tết) để đón mừng Xuân Mậu Tý 2008 trước sảnh đường Trung Tâm Việt Mỹ (Vietnamese American Community Center) ở số 9530

đường Antoine, thành phố Houston, Tiểu Bang Texas (77086), Hoa Kỳ. Đặc biệt ngôi nhà này xây tựa như chợ Bến Thành, Sàigòn, biểu tượng của Việt Nam Cộng Hòa.

Từ đó đến nay, năm nào vào chiều Ba Mươi Tết, Ban Quản Trị Trung Tâm Việt Mỹ cũng tổ chức Lễ Dựng Nêu với đầy đủ nghi thức để chào mừng Năm Mới. Nhìn Cây Nêu cành lá sum sê la đà

và tấm phướng dài phất phơ trước gió Xuân, lòng tôi miên man nhớ đến những mùa Xuân năm nào trên quê hương Việt Nam thân yêu. Thuở ấy, đất nước tuy còn nghèo, nhân dân còn vất vả trên đồng cạn, dưới đồng sâu, chồng cày, vợ cấy nhưng thanh bình, an lạc có thể vui chơi đến hết cả mùa Xuân:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà,

Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè.

Tết là cái mốc thời gian giữa năm cũ và năm mới, là ngày hội lớn của dân tộc, ngày đoàn tụ của gia đình, ngày tưởng nhớ đến tiên linh đã khuất, hiếu kính với người sinh tiền, ngày vui chơi, chè chén, thù tạc với bà con, con cháu, bạn hữu, láng giềng. Bởi vậy, ai ai cũng mong ngóng Tết đến Xuân về từng ngày từng giờ.

CHIM CU BÁO TẾT

Cu kêu ba tiếng cu kêu.

Cho mau tới Tết, dựng nêu ăn chè.

Tiếng kêu của con chim cu (tức tiếng gù, tiếng gáy) là tiếng báo hiệu Tết sắp đến, tam dương sắp khai thái cũng như chim én liệng báo tin Xuân. Và chim cu lại cũng thường hay đậu cành tre mà gù mà gáy, cho nên lấy chim cu để mở đầu cho câu ca dao là đắc địa.

Chim cu hình dáng giống như chim bồ câu nhưng nhỏ thó hơn, thuộc giống hoang vật. Chim cu chia là hai loại: cu đồng và cu núi. Cu đồng gồm nhiều thứ: Cu đất, cu cườm, cu lửa, cu một... Nhìn sắc lông, ta biết loài chim cu nào. Cu lửa (còn gọi là cu ngói) có màu lông đỏ son hay màu gạch ngói. Cu đất có màu nâu, cu cườm có chồm lông bóng mượt long lanh dưới ức (cổ) như hột cườm. Cu một có màu lông xám đất. Cu một là loài chim khôn lanh, sống từng cặp như chim bồ câu. Đặc biệt là tiếng gù của nó rất hay, âm thanh vang xa, lại siêng gù nên các "thợ gác cu" thường chọn loài chim này nuôi làm "chim mồi" để bẫy sập các loài chim khác.

Bẫy sập chim là cái lồng mà ngăn giữa dành cho chim mồi. Hai bên là sân lồng hình nửa quả trám, mỗi bên một nửa có cánh cửa sập. Khi chim ngoài nghe tiếng gù thì bay đến sẽ đứng trên sân này và đá với chim mồi, chạm phải chốt then cài, cánh cửa

bẫy sập xuống, nhốt chim ngoài lại.

Gác cu vừa là thú vui vừa là kinh tế nhưng lại bị người đời chê là không khôn: Ở đời có bốn cái ngu: mai dong, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu. Bị tiếng "ngu" có lẽ là vì "thợ gác cu" khi đã gác (treo, móc) bẫy sập chim mồi lên cành cây rồi là phải tìm nơi ẩn nấp, rình rập, nghe ngóng tình hình bẫy sập, phải chui vào bụi rậm, hoặc núp trong lùm cây, ẩn mình dưới bờ cỏ, khe suối... bị kiến cắn, ong đốt, rắn mổ. Có khi bị cả người đi đường "tè" tung tóe lên đầu, lên cổ cũng đành nín thở chịu trận vì trận giao đấu của chim sắp diễn ra. Thịt chim cu ăn rất ngon, làm sáng mắt lại bổ khí. Chim cu đem ram hay rôti nhâm nhi với rượu đế là hết sẩy, tuyệt cú mèo. Vì vậy mà không ngại miệng thế gian chê bai.

Còn cái thú gác cu là khi ngồi nấp trong bụi rậm mà nghe tiếng con chim mồi gù liên hồi như thách thức, như mời gọi. Các chàng cu háu đá nghe tiếng gù liền bay đến chuyền từ cành này sang cành kia, dường như còn nghe ngóng tình hình trước khi xung trận thì người gác cu sung sướng, hồi hộp, chờ đợi. Và, nhất là khi nghe tiếng bẫy sập phải tức tốc lấy cây sào đem bẩy sập xuống bắt con chim ngoài háu đá, háu tình đã nghe tiếng gọi của tình yêu mà đem thân nộp thịt.

Người xưa quan sát cách làm tình của loài vật mà nói rằng: "Gà địt, vịt lẹo, cu đá, cá trừng" và ca dao cũng xác nhận:

Ngó lên trời thấy cặp cu đương đá,

Ngó ra ngoài biển thấy cặp cá đang đua

Đi về lập miễu thờ vua

Lập trang thờ mẹ, lập chùa thờ cha.

Yêu nhau cách gì mà đấu đá nhau tơi bời đến xù cả lông, rã rời cả đôi cánh như vậy?! Nhìn cặp cún oẳn nhau đã thấy thương tâm, xem cặp cu đang đá lại càng thảm thương hơn. Nhưng nào có biết chúng đang thương cảm nhau đấy! Nghĩ cũng lạ!

Bây giờ trở lại câu "Dựng nêu ăn chè". Chè ở đây không phải là chè cúng Dựng Nêu mà là chè cúng cáo Thổ Thần để xin phép đào lỗ (động thổ) Dựng Nêu. Sau đó là lễ cúng rước Ông Táo và rước Ông Bà vào chiều Ba Mươi Tết. Làm xong ba lễ này là Tết chính thức nên mới gọi là Ba Mươi Tết. Còn mồng Một thì gọi là Xuân Nhật hay Tết Nguyên Đán. Nguyên Đán là buổi sáng đầu năm, đầu tháng, đầu ngày bắt đầu Tam dương khai thái, vận Thái hòa bắt đầu mở.

Tiếp theo câu:

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Cho mau tới Tết dựng Nêu ăn chè.

Là hai câu:

Ăn chè rồi lại ăn xôi

Còn ba đòn bánh tét để dành hạ nêu.

Cây nêu là một cây tre tươi, cao, thẳng, tốt dáng. Gia chủ đã ngắm nghía chọn mua đặt cọc từ nhiều tháng trước; chặt đem về trảy bỏ bớt cành lá, phần dưới chỉ còn lại chồm cành lá ở đầu cây. Dựng nêu gọi là Thượng Phù (lên bùa) vào chiều Ba Mươi Tết. Hạ nêu gọi là Hạ Phù (xuống bùa) vào ngày mồng bảy gọi là Khai hạ. Từ mồng Một, mồng Hai, mồng Ba tục gọi là ba ngày Xuân nhật. Mồng Một Tết cha, mồng Hai Tết Mẹ (còn gọi là Tết vợ), mồng Ba Tết thầy tức là đến mừng Xuân chúc Tết. Còn từ mồng Một đến mồng Bảy là bảy bữa Minh Niên. Trong bảy ngày đó tha hồ mà vui chơi, chè chén, thù tạc. Nhưng khi Khai hạ rồi thì bắt đầu vào công việc làm ăn trở lại. Vua quan bắt đầu Khai ấn, mở cửa công đường.

Có đói cũng ba ngày Tết, có hết cũng bảy ngày mùa, nên Tết phải có:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ;

Cây Nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

Đã gọi là ăn Tết, nên Tết phải có ăn:

Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết

Keo kiết như ai cũng rượu chè.

(Trần Tế Xương)

Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến (1835-1909) giả làm người mù khi Tết đến thốt lên câu:

Tối Ba Mươi, nghe pháo tuế trừ, ờ, ờ Tết;

Sáng mồng Một, vấp nêu Nguyên Đán, ý, ý Xuân.

Và Cụ Tam Xuyên Tôn Thất Mỹ đi làm quan xa, Tết không về được có câu đối nửa Nôm nửa Hán như sau:

Nêu vô hạn cao, pháo vô hạn kêu, hoa thảo bách ban vô hạn lạc;

Bánh bất thăng dẻo, thịt bất thăng béo, quan san thiên lý bất thăng tình.

Và một câu đối cổ khác nữa cũng nói về cây Nêu và tiếng

pháo:

Bộc trước nhất thanh trừ cựu khí;

Đào phù vạn hộ khánh tân xuân.

Có nghĩa là:

Pháo tre đùng một tiếng, xua tan khí cũ;

Đào phù dựng mọi nhà, mừng đón tân xuân.

SỰ TÍCH CÂY NÊU

Thi sĩ Quách Tấn (1910-1992) lúc còn sinh tiền vào dịp Tết, năm nào ông cũng từ Nha Trang về Tây Sơn - Bình Định thăm quê hương và ăn Tết với gia đình. Gặp chúng tôi trong những lúc trà dư (không tửu hậu, vì ông không thích uống rượu), ông thường kể cho chúng tôi nghe về sự tích cây Nêu và những mẩu chuyện văn chương làm quà văn nghệ đầu năm. Ông nói về cây Nêu ba miền của đất nước, mỗi miền truyền mỗi khác.

*Miền Bắc truyền rằng: Ngày xưa, quỷ chiếm đoạt tất cả đất đai, người chỉ ăn nhờ ở đậu và bị quỷ bóc lột, hành hạ đủ điều. Phật thương tình bày mưu cho người tránh nạn. Quỷ tức mình bèn dùng vũ lực đàn áp. Vâng lời Phật dạy, người dùng cành đa, lá dứa, vôi bột làm vũ khí chống lại. Quỷ bại trận xin chịu đầu hàng, Phật bắt đày tất cả chúng ra biển Đông. Quỷ không dám chống cự, chỉ van xin một điều là mỗi năm vào đầu Xuân cho chúng được vào đất liền vài ba hôm để thăm mồ mả cha ông. Phật chấp thuận với điều kiện là không được bén mảng, tới lui nơi có người ở. Để cho quỷ biết nơi nào có người ở để tránh, người mới dựng trước nhà cây Nêu. Trên mỗi cây Nêu, treo một chiếc khánh đất, mỗi khi gió lay, khánh đất phát ra tiếng kêu nhắc cho quỷ nhớ lời Phật dạy. Để thêm chắc chắn, người lại bày thêm những vũ khí dùng ngày trước như lá dứa, cành đa bó thành một bó treo cạnh chiếc khánh và rắc vôi trắng trước nhà, ngoài ngõ. Vẽ những cung tên bằng vôi nước trên vách tường.

*Miền Trung nói rằng: Trong ba ngày Tết, tội phạm ở Âm phủ được về cõi dương thăm viếng gia đình. Những âm hồn không nơi thờ cúng thường len lỏi theo ông bà vào nhà con cháu nhà người để hưởng nhờ chút hương khói. Có khi buồn phận hẩm hiu, tự ái nổi dậy, bực tức đi phá phách lung tung. Người đời bèn cầu Bà Cửu Thiên Huyền Nữ có nhiều quyền phép và được ma quỷ kính

sợ. Bà Huyền Nữ ban cho một lá bùa "Tứ tung Ngũ hoành" và dạy treo trên cây Nêu để trấn yếm. Lá bùa làm bằng nhánh đào đan lại, bốn đường dọc (gọi là Tứ tung), năm đường ngang (gọi là Ngũ hoành), tên gọi là Đào phù. Lá bùa cột chặt vào khúc ngọn cây Nêu. Phía trên lá bùa lại treo thêm một chiếc giỏ mồm trâu đựng trầu cau và giấy vàng bạc. Đó là quà Tết tặng cho ma quỷ, cô hồn âm hồn ăn chơi ở đó không được vào nhà người.

*Miền Nam lại kể rằng: Quỷ ở miền Nam không phải là quỷ cướp đất mà là quỷ ăn hồn người chết. Quỷ đó là con chó Nhà Trời, gọi là "Thiên Linh Cẩu". Linh Cẩu thường xuống trần gian vào khoảng đầu Xuân. Chó Trời lục khắp mọi nhà tìm hồn người

chết (nhằm ngày Thiên Cẩu) về vui Xuân với gia đình mà ăn. Pháp sư Khương Thượng thấy vậy liền hóa phép đánh Thiên Cẩu. Thiên Cẩu thua xin tha tội chết và thề không còn dám vào nhà người được Khương Thượng bảo hộ. Để cho Thiên Cẩu biết nhà nào được Khương Thượng bảo hộ, người ta trồng một cây Nêu nơi sân nhà trên treo lá bùa "Bát Quái" là phù hiệu của Pháp sư. Có người còn cẩn thận viết thêm nơi lá bùa bốn chữ bằng châu sa thần sa "Khương Thượng Tại Thử" nghĩa là Pháp Sư Khương Thượng có mặt tại đây.

Sự tích tuy có khác, vật yểm cũng khác nhau song việc dựng Nêu của ba miền Bắc Trung Nam chỉ có một mục đích là không cho tà ma, quỷ mị xâm nhập gia cư quấy phá trong lúc Xuân về Tết đến.

CÂY NÊU TRUNG TÂM VIỆT MỸ

Dựng Nêu có thật sự lợi ích như vậy hay không thì chưa biết. Nhưng ngày xưa Xuân về Tết đến mà không thấy cây Nêu thì buồn lắm! Cây Nêu nào cao, suông, thẳng, sung mãn, đủ lá, đọt cong, dáng đẹp, trang trí đào phù khéo chứng tỏ nhà có cây Nêu đó sang cả và sẽ hanh thông mọi đàng. Đến mồng Bảy Khai hạ cũng là ngày Hạ Nêu mà cây Nêu vẫn còn xanh tươi, nhà ấy hãnh diện lắm vì đã biết chọn nơi có mạch nước ẩm hợp phong thủy, hứa hẹn nhiều may mắn trong năm mới. Không biết hiện nay

bên quê nhà có ai dựng Nêu không? Được biết sau năm 1945, Việt Minh phát động phong trào bài trừ mê tín dị đoan, xóa bỏ hủ tục phong kiến lạc hậu, cây Nêu bị liệt vào hàng mê tín nên cũng vắng bóng từ đó.

Nhưng hôm nay, cây Nêu dựng ở Trung Tâm Việt Mỹ Houston tượng trưng cho sự An bình, Thịnh lạc, là Văn hóa. Cây Nêu không có lá Đào Phù, không có bùa Khương Thượng, không có giỏ mồm trâu đựng trầu cau, vàng bạc vì ở xứ Cờ Hoa - Đất Trích này không có ma quỷ quấy phá, không có âm hồn cô hồn đói rách lang thang nên không cần trấn yếm. Tôi chỉ thấy một lá cờ ngũ sắc nhỏ bên cạnh một lá phướng dài mang dòng chữ "Cung Chúc Tân Xuân" tung bay trước gió.

Ngay sau khi dựng Nêu, chiều hôm đó Trung Tâm Việt Mỹ lại tổ chức thi gói bánh chưng, bánh tét (bánh dày). Chiếc bánh mà ngày xưa Lang Liêu đứa con hiếu thảo đã tự làm lấy (theo Thần Linh mách bảo) dâng lên Vua cha. Vua khen ngon, quý và có ý nghĩa. Một bánh tượng trưng cho Trời (Càn- dương), một bánh tượng trưng cho Đất (Khôn -âm). Vua truyền ngôi cho Lang Liêu lấy hiệu là Tiết Liêu Vương tức Vua Hùng Vương thứ bảy.

Đêm đó, nếu ai chịu khó ở lại Trung Tâm Việt Mỹ xem nấu bánh chưng, bánh tét, chúng ta sẽ nghe tiếng lửa bập bùng reo vui, tiếng sục sôi của nước và những làn khói nhẹ nhàng tỏa ra, vươn lên từ nồi bánh chưng, thùng bánh tét mà thấy lòng như ấm lại và nhớ những ngày Tết năm xưa của thuở thiếu thời ta đã thức trắng đêm cùng với mọi người canh nồi bánh chưng, thùng bánh tét đợi pháo Giao thừa đón mừng Năm Mới.

Cảm ơn Trung Tâm Việt Mỹ đã cho tôi và mọi người Việt lưu cư ở đây một niềm vui được nhìn thấy lại Cây Nêu Tết Việt Nam của những mùa Xuân năm xưa . Và, hy vọng ngày gần đây tôi sẽ trở về Quê hương Việt Nam, dựng Cây Nêu trước sân nhà và sửa sang lại bàn thờ Gia tiên đón mừng một Mùa Xuân Mới trong Tự Do, Dân Chủ, An Bình và Hạnh Phúc thật sự.

Houston, Thái Sinh Tiểu Trang

Chào đón Xuân Nhâm Thìn 2012

Thái Tẩu

Hương gây mùi nhớ

NGỌC ANH TRẦN ĐÌNH ĐỆ

Thương mến gửi em T.

Sau ngày mới tám tuổi, em đã có những câu thơ:

Hăm ba tháng chạp Thổ Công về,
Tấu Đức Hoàng Thiên sự nghiệp quê;
Trần thế kẻ dư người lại thiếu,
Tiễn tôi trở bước một mâm chè.

Và lúc em mười hai tuổi, một buổi sáng Xuân, mẹ dẫn em ra sân trước, chỉ nhành mai vàng nở rộ bên con đường ra cổng nhà, Mẹ cười bảo:

"Con hãy ra một câu đối đi!"

Em đọc:

"Hoàng mai nhất đoá mãn khai, tân Xuân cộng lạc;"

Mẹ mỉm cười đối:

"Hồng pháo thiên thanh hùng phát, vạn sự đô vong."

Và năm em mười ba tuổi, chị đã ra cho em một đề bài khá khó:

Một du khách trong cảnh:

"Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương"

Hãy nói cảm tưởng của khách lúc đó."

Em đã viết một hơi bài luận lạ kỳ, lời văn tuyệt đẹp, và kết thúc bằng: "Khách cúi đầu chào khóm trúc, tràng chuông, canh gà, vì từ đây chắc hẳn khách không có dịp ngắm lại một lần nữa. Nhưng trước khi từ giã, khách muốn tự hẹn sẽ có phen gặp

gỡ..."

Sao em triết lý sớm quá vậy? Lẽ nào nhìn trước cuộc đời mình? Trong bài em đã viết: Lăn lóc nhiều trong cuộc đời, khách chưa từng có một lúc được ai an ủi khách, khuyến khích khách, chưa từng bị một ràng buộc nào,dù là tình quyến luyến quê hương mà khách đã cố dứt ra hẳn, để được rảnh rang phấn đấu với đời!..."

Sau này em mách với chị là em đã tỉnh ngộ rằng điều khó nhất không phải là phấn đấu với đời, mà là với mình, với bản thân mình, phấn đấu cho tâm hồn thanh thản làm việc phải, cho bằng lòng mình đối với mình, là điều sẽ đeo đuổi em đến suốt cuộc đời. Đã bao lần em trở lại nhà xưa, khóm trúc vàng còn lao xao trước gió, cụm lan gốc đại còn mang bóng người xưa, chắc em cũng cảm thấy như Mẹ xưa đã viết:

"Vũ trụ phong ba hồn cỏ nội,
Nghẹn ngào hơi thở giữa màn sương..."

Và câu: *"Phù sinh tan hợp chòm mây,*
Tài hoa một kiếp chất đầy tân toan..."

Người mẹ suốt đời ưu ái thương người,
"Thương ai một dạ đợi chờ,
Bâng khuâng đêm lụn, thẫn thờ ngày trôi.
Gác tay mà ngẫm sự đời,
Sắc, Không, Chân, Ảo thảy ngoài không gian."

Lòng Mẹ luôn luôn:

" Vọi trông non bể muôn trùng,
Bâng khuâng du tử, lạnh lùng ly nhân."

Những bài thơ của em:
"Hoàng thảo chào xuân đóa đóa tươi,
Cành vàng lá ngọc nhắn thay người;
Gió mây vạn dặm khôn ngăn cách,
Một tấm lòng thương kẻ cuối trời."

Nhớ chăng em, ngày nào chị em ta còn ít tuổi, nhìn đời bằng đôi mắt bỡ ngỡ, mang biết bao hoài vọng trong lòng. Giờ đây, những lúc em nhớ chị, miền chị ở thì vườn ngập ánh trăng khuya, mặt hồ long lanh nước; quanh em là thành phố ngủ yên, gió rì rào qua những cây sấu cây bàng ngoài song cửa, theo giòng hoài niệm, em đã tả một cảnh "Tiêu Sơ":

"Nắng ửng đầu non gió vấn vương,
Rừng phong lặng lẽ thoáng màn sương;

Lối về trong mộng tiêu sơ quá,
Có dẫn ta đi vạn dặm trường?"

Chắc em cũng nhớ:

"Những đêm nổi gió hương cau thoảng,
Bên mảnh vườn thưa, ánh nguyệt kề."

Nhớ tấm lòng của Mẹ:

"Nhớ bạn lòng vương mây đỉnh núi,
Trông con mắt mỏi nhạn lưng trời."

Trong giấc mộng dài của chúng ta, thường nhớ cảnh:

"Trước vườn mai nghiêng bóng,
Rào chè uốn bên song;
Trúc đào tha thướt lá,
Chúm chím mấy bông hường.
Ôi, cảnh quê dân dã,
Sao mà nhớ mà thương.
Trong mộng tìm lại Mẹ,
Khuây cuộc đời phong sương!
Kìa Mẹ như cười mỉm,
Thoảng làn gió đưa hương..."

Trong bài " Bên Đường Dừng Bước", em viết:

" Bên đường thông đứng lặng,
Dừng bước một chiều hè;
Nhớ sao ngày tháng cũ,
Bên sông nhỏ làng quê.
Mái nhà xưa mộc mạc,
Tình mẹ cha chở che...
Biết bao năm phấn đấu,
Cuộc đời lắm đổi thay;
Gian truân bao kể xiết,
Thương con lúc não nề.
Gia đình nay đoàn tụ,
Nhớ ơn đức Mẹ xưa;
Mẹ hiền nay khuất núi,
Còn anh chị em kề.
Bao tấm lòng thơm thảo,
Vượt trùng dương sơn khê;
S ống lại ngày êm ả,

Bên vườn chuối, rào chè..."

Nhớ em là nhớ tuổi mười ba, có khi thời gian như ngừng trôi! Sau những tháng dài chờ đợi trong lưu trú học đường, rồi cũng được lên xe lửa về nhà ăn Tết. Ga Truồi...Ga Lăng Cô... Lăng Cô, cảnh sao quá đẹp! Trời trong xanh, mây ngũ sắc vờn quanh, sóng biển chập chờn màu ngọc túy, thiên thanh, đùa với màu bạc lẫn tuyết pha sương. Rừng thông xào xạt, cát mịn trắng phau. Tàu ngừng lại ga này hơn nửa tiếng đồng hồ: mau chen nhau chạy nhanh ra nhúng chân vào nước biển, hay là chạy đi mua nước mắm Nam Ổ, mắm sò, sò huyết, chất thêm vào va-ly làm quà Tết đơn sơ... Con tàu từ từ chui qua chín hầm dài cho mình biết mùi khói bụi than mờ mịt trước khi được suýt ngột thở ngắm cảnh đẹp lạ lùng ! Đèo Hải Vân ! Lại nhớ tới dãy Hoành Sơn, Đèo Ngang, nhớ thơ của cụ Đào Tấn:

" Ngũ sắc hồn kiều sơn bán lạc,
Tinh trung đới vũ họa nan thành."
(Núi ngậm nửa vành mây ngũ sắc,
Tranh nào vẽ được giọt mưa dư.)

Và nhớ hai câu thơ Hải vân quan của cụ:

"Hô hấp vạn sơn thanh lãnh khí,
Trường an gia cận hảo huề quy."
(Thở hơi trong mát muôn trùng núi,
Mang cả nguồn vui trở lại nhà.)

Đèo Hải Vân uốn khúc lượn từ sườn núi cheo leo ẩn hiện trong những áng mây thướt tha bàng bạc hồng hồng, nhìn xuống vực sâu thăm thẳm với núi đá chập chùng sớn sở tắm sóng biển ỗ ạt ngát hương thơm. Rời ga Kỳ Lam đầy kỷ niệm, ga Tam Kỳ, ga Sa Huỳnh, Tam Quan với những rừng dừa nổi tiếng, Bồng Sơn, Phù Cát... Rồi cũng tới vực Thâm Đô, còi tàu thét vang cho người thân chờ mình thêm hồi hộp. Con tàu lượn vòng lướt mõm núi Hùng Vồ, trên đó có chùa Diêu phong rêu phủ, và tàu đã đưa mình về trong niềm thương mến của biết bao người.

Nhớ em là nhớ những ngày xanh ở đất Bắc, có bao nhiêu chiều thả bước ven bờ đê Yên Phụ bên Hồ Tây bát ngát, những sáng xuân bồng bềnh trong sương sớm ven hồ; ngóng về Nghi Tàm, Quảng Bá, Nhật Tân với những làng hoa xinh xắn mỗi độ Thu Đông lại nở hoa thơm ngát một vùng, vòng về Thụy Khê trong cảnh nước trời mênh mông...

Nhớ cảnh thu tàn gợi bao kỷ niệm êm đềm khi thẩn thơ bên đê sông, sóng đỏ cuộn dài, nhìn núi xa xanh mờ mà để tâm hồn

theo mây trở về quê cũ với Mẹ quý, em thơ...

Nhớ cảnh rừng phong mùa thu vàng, lối mòn, cầu gỗ, cảnh như tâm sự luôn ước mơ một ngày đoàn tụ lớn người người có nghề nghiệp, nhà nhà có hạnh phúc, sống trong tình cảm thông thương yêu quý mến nhau...

Trở lại miền Trung, nhớ Dalat, hai bên giải Trường Sơn thăm thẳm liền chân mây trắng lững lờ trôi; từng đồi thông cao thấp, từng đám cây rậm âm u, nào nương chè vườn rau, đồi hoa, nào rừng suối nên thơ:

"Trường sơn một giải khép bên đường,
Đâu đó hoa rừng gió thoảng hương;
Dòng suối trắng phau ngời thủy ngọc,
Ngàn thông xanh đậm ánh tà dương.
Đồi cao nhung cỏ mây đùn khói,
Hồ lặng hàng cây nước dợn gương;
Đà Lạt thần tiên tô cảnh trí,
Trông vời đôi ngả chạnh tình thương."
Trúc Tiên

Và suối Cam Ly:

"Suối reo như tiếng thở dài,
sầu ai dòng lệ láng lai không ngừng."

Và hồ Than Thở:

"Hồ thủy như hà trường thân tức,
Phong sương thiên tải vị tiêu sầu!"
(Bởi ai lỗi hẹn hồ than thở,
Dưới bóng tà huy nước nghẹn ngào!)

Còn rừng Tùng Lâm:

" Bóng chiều sương tỏa mây trôi,

Rừng Tùng Lâm người lữ khách ngậm ngùi tình xưa."

Còn Hòn Chồng ở Nha Trang:

"Đá chồng lớp lớp bóng hoàng hôn,
Bến vắng thuyền xa sóng vỗ dồn;
Du khách ngậm ngùi câu tích biệt,
Mây ngàn gió bể dặm quan sơn"

Nhớ Bình Định, theo Yến Lan thì:

"Đây là chốn nương mây và cậy nguyệt,
Đàng chở xe, sông nước ước mong thuyền.

Tịch dương liễu không biết mình tang bức,
Tương tư trời, tương tư nhạc triền miên...”

Nhớ miền Nam nắng ấm trong ánh sáng hiền hòa. Ngày Tết, mai vàng nở rực óng ánh chen màu với hoa cúc hoa lan. Đường Cây Mai đầy hoa, chợ Nguyễn Huệ người đẹp hơn hoa hay hoa đẹp hơn người? Đường Tạ Tu Thâu, Lê Thánh Tôn tranh nhau khoe bánh mứt, và chợ Sàigòn, chợ Cầu Ông Lãnh chất đầy dưa hấu, ổi mít xoài sầu riêng...

Khóm Bến Lức, ổi bến phà Mỹ Thuận, vùng Hậu Giang sông xanh bát ngát, ruộng lúa thơm ngây ngất tình quê hương; Long Xuyên, Cần Thơ, Bạc Liêu, Rạch Giá có nhiều cô thiếu nữ đẹp, mắt biếc long lanh gợi bao niềm mến nhớ. Có khi đi Lái Thiêu, Bình Dương lạc vào những vườn sầu riêng, măng cụt, hay âm thầm đếm bước chân đi của bao người đẹp, người hùng đất phù sa yêu dấu.

Giờ đây Tết đến, quê xa vời vợi. Dù nơi này chẳng thiếu “thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ...”, không thiếu các đặc sản mang màu sắc quê hương, nhưng hương vị Tết ở quê hương vẫn có cái gì làm cho lòng mình bâng khuâng nghẹn ngào...

Không khí Tết gợi nhớ về cố hương, nơi đã đùm bọc những ngày thơ ấu, nhớ thơ Mẹ, thơ em:

“Nhớ tiếc miền Trung quê đất Mẹ,
Tình sâu nghĩa nặng trải bao đời;
Văn song áng sách hồn man mác,
Thảo thất vườn hoa lệ sụt sùi.
Khói lửa lan tràn chung một kiếp,
Non sông buồn bực rẽ đôi nơi;
Tang thương nền cũ dầm sương nắng,
Hình ảnh xa xưa những ngậm ngùi.

Trúc Tiên

Nhớ thơ Tết nơi đất khách của Mẹ:

Xuân Cảm

“Vân đạm phong khinh xuân sắc lai,
Thiên hồng vạn lục tổng tranh khai;
Ly nhân lữ khách đa xuân ý,
Vịnh tuyết đề mai thượng khiếm tài.
Cầu hữu hoàng oanh minh bích liễu,
Tham hương hồ điệp điểm thanh mai;

Mãn tiền cảnh trí nghinh giai tiết,
Hồi thủ gia hương bội cảm hoài.

Trúc Tiên

Cảm Xuân

Gió nhẹ mây trong xuân thảnh thơi,
Muôn hồng nghìn tía thảy đua tươi;
Chim vàng gọi bạn rung tơ liễu,
Bướm trắng ham mồi rộn cánh mai.
Nước biếc non xa thêm ý cảm,
Đề mai vịnh tuyết thẹn thua tài;
Phong quang như đón thiều quang mới,
Ngảnh lại quê nhà nước mắt sôi.

Trúc Tiên

Cảm Khái

"Xuân mới đàn chim rộn tiếng reo,
Mượn ngày êm ấm chọn vần gieo;
Nắng qua lá trúc tia vàng nắng,
Tuyết đọng hoa đào hạt ngọc treo.
Đất khách ngậm ngùi câu tích biệt,
Hồn quê man mác chén xuân tiêu;
Chuỗi ngày vô vị hoa khô héo,
Nghìn dặm trong mây chiếc nhạn chiều.

Trúc Tiên

(Xuân Bính Thìn 76)

Còn nhớ thấy hai câu chót buồn, muốn đổi lại là:

Chuỗi ngày thi vị hoa tươi thắm,
Nghìn dặm tung mây bóng nhạn chiều.

mà Mẹ không muốn đổi.

Một mùa xuân nữa đến với chúng ta. Dù theo thói quen vẫn muốn cùng ai giở lại vần thơ, gây lò hương cũ, và tuy hương gây mùi nhớ, chợt thấy nhiều hi vọng đang bừng dậy trong những ngày cuối năm, và lòng vui vui khi nhắc đến câu:

Tết vui chuốc chén rượu đào,
Chúc mừng thân thích dồi dào phước duyên

NGỌC ANH TRẦN ĐÌNH ĐỆ

Nắm Tỵ tản mạn về con rắn

Lý Loan

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua ...
[Vũ đình Liên]

Đó là một trong những hình ảnh báo hiệu ngày Tết trên đất nước ta .

Giờ đây nơi xứ lạ quê người không có hoa mai, hoa đào nở, chỉ thấy hoa tuyết đầy trời và gió lạnh buốt thấu xương, nhưng tôi cảm thấy rạo rực trong lòng khi mọi người chung quanh sửa soạn đón Tết.

Năm hết tết đến mỗi người được thêm một tuổi.

Người Tây phương dùng các con số để tính năm, mỗi năm mới chỉ cần dùng con số lớn hơn năm cũ một lần là xong, thí dụ năm cũ là năm 2012, năm mới lớn hơn 1 lần sẽ là năm 2013. Theo Âm lịch hay lịch Tàu thì cách tính năm có vẻ phức tạp hơn nhiều. Nhà làm lịch dùng thập nhị chi [12 chi] và thập can [10 can] để tính năm bằng cách ghép một can vào một chi để thành năm.Thí dụ năm Nhâm Thìn [2012] can là Nhâm, chi là Thìn, năm Quý tỵ [2013] can là Quý và chi là Tỵ. Có 10 can sẽ ghép với 12 chi. Mười Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Thập nhị Chi mang tên 12 con vật hay 12 con giáp: Tý, [chuột], Sửu [trâu], Dần [cọp], Mão [mèo], Thìn [rồng], Tỵ [rắn], Ngọ [ngựa] Mùi [dê] ,Thân [khỉ], Dậu [gà], Tuất [chó], Hợi [heo].

Mười can ghép với 10 chi còn dư 2 chi, nên 2 Can đầu trong 10 can đó sẽ trở lại ghép với 2 chi còn dư kia, và khi hết 12 Chi người ta gọi là một giáp. Trường hợp có sự lập lại, cả Can và Chi chỉ xảy ra 60 năm một lần, nhà tướng số gọi là "lục thập hoa giáp". Năm nay là năm Quý tỵ [2013], cách 60 năm trước là năm Quý tỵ 1953 và Quý tỵ 60 năm sau là năm 2073.

Năm nay Quý tỵ cầm tinh con rắn, chúng tôi xin đề cập đến những gì có liên quan đến rắn:

I- HÌNH DẠNG.

Rắn thuộc loài bò sát[Reptiles], mình có vảy [squamata] thuộc họ Elapidae. Rắn mình tròn, có loại hơi dẹp ở đầu và cổ như rắn hổ Phi châu [kinh Cobra]. Kích thước lớn nhỏ, dài ngắn khác nhau tùy theo loại rắn. Trung bình bề dài của rắn như Cobra là 130 inches, nặng khoảng 12 lbs. [5—7 kg].

Rắn không có chân, hai mắt ở hai bên đầu, rắn không có mí mắt[eyelid] nên không nhắm mắt lại được, mắt rắn có vòng tròn trong suốt bao quanh để lộ tròng đen nhỏ ở giữa con mắt. Thị giác của rắn tốt.

Rắn chỉ có một lá phổi, riêng họ Trăn [Boa family] thì có hai lá. Rắn không có tai, không nghe được các sóng âm thanh trong không gian, nhưng có thể cảm nhận được âm thanh có tần số rung thấp [100—700Hz] truyền từ mặt đất đến xương sọ của rắn [they do not hear airborne sound waves, but can perceive the low frequency vibrations [100—700Hz] transmitted from the ground to the bones of skull.].

Rắn có màu sắc khác nhau, màu sắc thường hòa hợp với môi trường chúng sinh sống, mục đích nguỵ trang che dấu các đối thủ đe dọa sinh mạng của rắn.

Rắn lục có màu xanh lá cây vì chúng thường quấn mình ở trên các cành cây, những loại khác thường có màu nâu, màu xám, sọc rằn, đen trắng, thích hợp với ngoại cảnh của đất cát, cỏ lá v.v. Rắn ở rải rác trên các châu lục, trên đất, dưới nước.

Có khoảng năm chục loại rắn sống ở dưới biển, loại này không cắn ai, trừ khi chúng bị tấn công. Loại này có nhiều ở biển gần Australia. Ở Việt Nam có loại rắn nước không độc, thường ở trong sông rạch, hồ ao loại này nhỏ con hơn các loại rắn ở Châu Phi, Châu Mỹ. Rắn nước dưới bụng có màu vàng, phần trên lưng màu nâu hoạc xám, dài chừng 1 mét đến 1.50 mét. Có trên hai trăm loại thuộc họ rắn [family colubridae] trên thế giới, ngoại trừ Antarctica [Nam cực]

Rắn ở North Africa có màu giống cát va`chúng thường ẩn mình trong cát ở sa mạc Ở miền Tây Hoa kỳ có loại rắn đập đuôi và há mồm rộng khi bị đe doạ, sau đuôi có cục bướu nên khi đập kêu thình thịch làm cho địch thủ sợ bỏ đi xa. Rắn ở miền núi California ăn các loại rắn khác. Ở Việt Nam có các loại như rắn hổ, mai gầm, rắn roi, rắn lục, rắn cạp nia, rắn đẻn, rắn trun, hổ lửa. Rắn có nọc độc thường ăn động vật có máu lạnh [cold blooded animals] như cóc, ếch, nhái. Sau khi con vật bị thấm độc thì rắn nuốt trọn con vật vào bụng không cần cắn xé hay nhai nghiến gì cả. Rắn bắt mồi bằng miệng, hai răng nanh dài nhọn ở hàm trên cắm phập vào con mồi đồng thời chất độc ở túi nọc độc sau hai mắt theo răng nanh chạy vào con mồi làm cho con mồi tê liệt toàn thân nên dễ nuốt dầu con mồi lớn hơn miệng rắn, rắn vẫn nuốt trôi vì mồm và da thịt ở cổ rắn, ở bụng rắn co giản đặc biệt. Cũng có loại rắn ăn động vật có máu nóng [warm blooded animals] như gà, chuột. Bao giờ rắn cũng nuốt đầu con mồi vào trước.

Con trăn [python] ở Ấn Độ và Mã Lai lớn hơn trăn ở xứ ta cũng thuộc họ rắn, trước khi ăn con mồi thì trăn quấn quanh và xiết chặt con mồi cho đến chết rồi quay đầu nuốt conmồi vào miệng. Các loại rắn

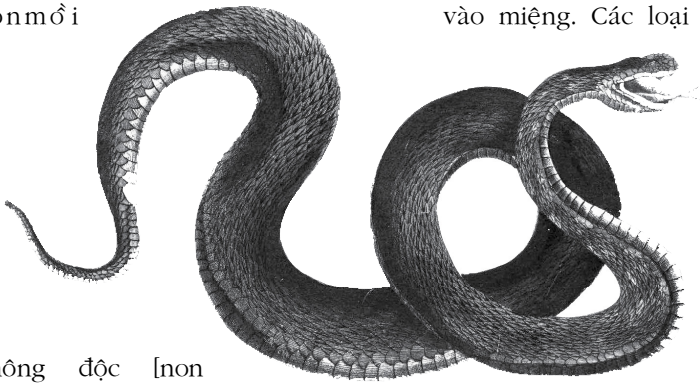

không độc [non poisonous snakes] chỉ ăn trứng các loại chim, gà, vịt vvv.. Rắn há mồm nuốt cái trứng nguyên vỏ mặc dầu cái trứng to hơn miệng, nhưng cơ ở cổ rắn đẩy trứng vào miệng và xương nhọn ở cổ họng nghiền nát vỏ trứng tống ra ngoài chỉ đưa phần lòng trứng vào bụng.

Rắn không nhảy được như các động vật có chân, nhưng chúng bò rất mau, các đốt xương sống có mặt trước lõm, mặt sau lồi, giữa hai đốt xương sống có một cái xương tròn như viên bi nối liền hai đốt với nhau [freeball and socket joints]. Rắn có gần ba trăm đốt xương sống, sự cấu tạo đặc biệt của các đốt xương sống như vậy làm cho rắn dễ uốn cong mình, thậm chí có thể uốn mình quanh

thân cây.

Rắn bò đi được dễ dàng là nhờ sự co rút của các bắp thịt toàn thân làm cho cột sống uốn khúc phối hợp với đuôi và đầu tạo nên hợp lực làm cho rắn tiến nhanh về phía trước. Khi bò trên cát ở sa mạc thì rắn bò ngang [sidewinding] và lướt tới theo một đường xiên góc chứ không đi tới theo đường thẳng như trên đất cứng hoặc nhám.

Vỏ rắn lâu ngày bị mòn nên rắn thường lột vỏ, mỗi năm thay vỏ từ một đến hai lần. Sau khi lột vỏ rắn lớn thêm một ít. Lúc bò đi lưỡi rắn thường le ra thụt vô để đánh hơi mọi vật rồi truyền qua Jocobson"s organ nằm ở hàm trên của miệng nơi đây sẽ phân tích và nhận ra mùi vị gì? Ngoài ra rắn độc đánh hơi các con vật máu nóng nhờ hai lỗ nhỏ nằm hai bên mặt của rắn. Đầu lưỡi rắn hình chữ v là cơ quan cảm giác quan trọng[important sensory organ]. Có người cho rằng rắn nghe được bằng lưỡi của chúng.

II-SỰ SINH SẢN CỦA RẮN

Rắn Hổ [king cobra] ở các đại lục đều có. Vào khoảng tháng Giêng mỗi năm thì rắnđực đi tìm bạn gái. Nó vừa bò đi vừa dùng cái lưỡi đưa qua đưa lại nhiều lần trong không khí để đánh hơi. Khi đã nhận ra dấu tích của con cái thì nó bò đến gần và dùng cái cằm cẩn thận cọ sát lên mình "bạn gái". Sự cọ sát nầy gây kích thích rắn cái trong việc làm tình. Khoảng một tháng sau khi làm tình, con cái tìm một chỗ riêng biệt và kín đáo như trong các bụi tre, lùm cây dày đặc rồi đào một hố sâu, đường kính chừng 3 feet. Rắn cái đẻ vào hố khoảng 50 trứng rồi nằm bên ổ trứng cho đến 70 -77 ngày sau thì trứng nở ra rắn con. Rắn đực cũng ở gần trứng để bảo vệ. Rắn con nở ra dài 10-20 inches và tự lập không cần rắn mẹ săn sóc. Rắn mẹ rời khỏi đàn con khi trứng đã nở xong hết. Rắn sinh đẻ mỗi năm một lần. Tuổi thọ của rắn trung bình 20 năm.

III--RẮN TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT–NAM.

1}Văn chương bình dân;

Con công ăn lẫn với gà,
Rồng kia rắn nọ coi đà sao nên.

Câu ca dao trên nói lên sự phân biệt cái nào ra cái ấy , không nên vàng thau lẫn lộn.

Vẽ rắn thêm chân

Câu tục ngữ trên đây nói lên tánh hay thêm bớt, bia đặt ra nhiều chuyện không hay ho, có ý xấu. Câu nói trong dân gian mà

ta thường nghe trong thời loạn lạc để chỉ những kẻ phản dân hại nước, nối giáo cho giặc là:

Cỏng Rắn cắn gà nhà ..

Người dân quê Việt Nam trãi qua nhiều đời đã dày kinh nghiệm về thú rừng, về rắn rít đã cho biết:

Rắn mai tại chỗ,
Rắn hỗ về nhà .

Ý của hai câu trên nói rắn mai cắn chết tại chỗ,còn rắn hổ cắn lâu chết hơn, về nhà mới vong mạng.

2} Văn chương bác học:

Văn chương có tác phẩm mang tên tác giả sáng tác, vài tác giả tiêu biểu như sau:

Bà Đoàn Thị Điểm là một nhà thơ nỗi tiếng trong văn học nước ta, bà có tài ứng đối mẫn tiệp, xuất sắc. Lúc còn trẻ tuổi, một hôm bà đang đọc sách Bắc Sử, anh bà là Đoàn Doãn Luân ra một câu đối:

"Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi "[rắn trắng cản đường, ông Quý tuốt gươm ra chém].

Bà Điểm không nghĩ ngợi đối liền:

"Hoàng long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết "

[rồng vàng đội thuyền, Vũ nhìn trời mà than]

Quý tức Lưu Quý,tên thật của vua Hán Cao Tổ. Khi Quý qua một cái đầm thấy con rắn trắng liền tuốt gươm ra chém. Vũ tức vua Vũ qua sông có rồng vàng nỗi lên [Tích này ở trong Bắc Sử].

Lê Quí Đôn,q ua bài thơ sau đây đã tự trách mình, trách đời dữ ác như các loài rắn độc:

"Chẳng phải liu điu, vẫn giống nhà
Rắn mà biếng học chẳng ai tha
Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ
Nay thét mai gầm, rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối
Lằn lưng cam chịu dấu roi tra
Từ nay trâu lỡ chăm nghề học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia "

Trạng trình Nguyễn Bĩnh Khiêm :[1491-1585] Cụ sinh vào thời nhà Lê, Lê thánh Tôn [Hồng Đức], làm quan thời nhà Mạc, được phong Thái phó Trình Quốc Công, người đời thường gọi là Trạng Trình. Cụ mất thời Mạc Mậu Hợp, thọ 95 tuổi. Cụ có làm nhiều bài thơ, bài sấm. Cụ có bài Sấm nỗi tiếng sau đây mà nhiều người

đã biết :

"Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khổ đao binh
Mã đề dương cước anh hùng tận
Thân dậu niên lai cảnh thái bình

Ý nghĩa của bốn câu trên được luận đoán như sau :

Hai câu đầu ứng với cuộc đại chiến thế giới II vào cuối năm rồng [Canh Thìn -1940] và đầu năm Rắn [xà đầu] Tân tỵ- 1941. Câu thứ 3: cuối năm Nhâm ngọ -1942 qua năm Quý mùi [dương] 1943,a nh hùng tận tức là phe trục Đức-Ý-Nhật thất trận phải đầu hàngPhe Đồng Minh. Như vậy thế giới đựoc thái bình trong năm Giáp Thân 1944 và năm Ất Dậu 1945.

IV-CHUYỆN CỔ TÍCH, THẦN THOẠI VỀ RẮN.

1} – Vàng hay Rắn:

Khi Đức Phật còn tại thế, ngài cùng đệ tử là Anan Đà đi xuống kinh thành khất thực, khi đi ngang qua một bờ ruộng Ngài thấy một ghè vàng. Ngài bảo Anan Đà rằng "này Anan ngươi có thấy đây là một loại rắn độc không ?"

Anan Đà cung kính bạch rằng " Bạch Thế Tôn đây là một loài rắn độc rất đáng ghê sợ".

Anh tiều phu đi ngang qua nghe vậy tưởng rắn độc thiệt nên đến xem. Anh đến nơi thì thấy đó là một ghè đầy vàng chói lọi. Anh mừng quá đem về và còn cho rằng Phật và đệ tử không biết dùng vàng và còn cho rằng đó là rắn độc. Anh ta sung sướng hét lên "tôi xin nguyện con rắn độc này luôn cắn tôi và cả gia đình tôi, tôi không cảm thấy đau đớn gì cả" .Anh ta trở nên giàu có kiêu sa, làng xóm nghi kỵ đồn đại. Tiếng đồn đến tai vua.Vua cho người đến hỏi có phải đã nhặt được hũ vàng của vua bị mất không? Anh tiều phu trả lời không. Vua cho là có gian ý nên tịch thu tài sản và bắt cả nhà đem hành hình. Anh than khóc và la lớn "AnanĐà ơi, thật là một thứ rắn độc, nó đang hại tôi và thân nhân tôi đây "Khi nghe gọi tên Anan Đà vua cho tra hỏi lại ,anh tiều phu khai tất cả sự thật. Vua là một Phật tử nên động lòng từ bi tha cho tất cả khỏi tội chết và bảo anh thành tâm tu theo thiện nghiệp và hết lòng cung kính Tam Bảo [theo truyện cỗ Phật giáo của Minh Chiếu]

2} Chuyện thanh xà, bạch xà:

Chuyện nói về hai con rắn Thanh xà và Bạch xà .

Hai con rắn này tu luyện lâu năm nên đã có phép hoá thành người. Hai nàng rắn đã thành hai người đẹp áo trắng và áo xanh

nơi trần thế. Vì nghiệp chướng chưa dứt, hai nàng còn yêu đương , còn ân oán, thù hận, gieo đau thương cho nhiều người.

3} Chuyện tiếu lâm [rắn lột vỏ]

Thuở mới khai thiên lập địa, Ngọc Hoàng Thượng Đế sai sứ xuống trần gian rao truyền rằng :

Người già người lột vỏ

Rắn già rắn bỏ vô săn"

Nhưng khi đi chưa tới nơi thì sứ trời gặp vua Diêm Vương và các vị thần coi sổ sinh tử đang ăn nhậu nên sứ ta ghé vào nhập bọn. Sau khi "xỉn" thì đầu óc của sứ có vấn đề nên quên mất nghĩa lý, sứ bèn rao ngược lại:

"Rắn già rắn lột vỏ

Người già người bỏ vô săn "

Thật tội nghiệp cho loài người chỉ vì một phán quyết lầm lẫn của kẻ bề trên có quyền thế mà phải chịu nhiều oan trái khổ đau.

4} Rắn Báo oán [Vụ án Lệ Chi Viên]

Năm 1442 vua Lê Thái Tông đi tuần du miền Đông, duyệt quân ở thành Chí Linh[Hải Hưng]. Vua được Nguyễn Trãi ,một công thần mời về nhà nghỉ chân.Vua say mê Nguyễn Thị Lộ [vợ Nguyễn Trãi] một người sắc nước hương trời, lại giỏi về văn chương, thi phú. Đêm ấy vua quá vui cùng Thị Lộ rồi chết đột ngột tại Lệ Chi Viên [Vườn vải]

Các quan qui tội cho Thị Lộ đã giết vua và Nguyễn Trãi là kẻ chủ mưu nên triều đình quyết án "tru di tam tộc".

Truyền thuyết cho rằng lúc Nguyễn Trãi phá cây cối để lấy đất làm nhà đã giết trọn ổ trứng rắn cho nên rắn mẹ tìm cách báo oán. Kết quả là Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc.

V - Những chuyện linh tinh liên quan đến Rắn:

1}-Snake Indians :

Người da trắng trước đây đã gọi vài bộ lạc người Da đỏ là Snake Indians vì các sắc tộc này vẽ hình rắn trên thân thể của họ. Các bộ lạc này thường ở South Idaho, N Nevada, N. Utah.

2} Snake bite [rắn cắn].

Khi rắn cắn thì hai răn nanh của nó cắm sâu vào da thịt của nạn nhân làm cho nạn nhân tê liệt một phần hoặc nhiều nơi trên thân thể do chất độc của rắn truyền từ hạch độc sau hai mắt theo răn nanh vào chỗ bị cắn. Rắn độc ở nam Mỹ Châu như Coral Snake, Cobra nọc dộc của chúng có thể làm hủy hoại tế bào máu,

làm thủng màng mỏng của các huyết quản nhiều khi gây xuất huyết rất nguy hiểm cho tính mạng nạn nhân.

3 } Cấp cứu [firstaid]

Khi bị rắn cắn,t rước tiên để ngăn ngừa chất độc khỏi lan ra khắp cơ thể, người ta dùng giây thun cột chặt quanh vết thương về phía trên [nếu bị cắn ở chân] để chất độc không lên được mình và đầu. ,Không nên cột quá chặt làm máu khó lưu thông. Người ta có thể lấy nước đá buộc quanh vết thương hoặc xịt Ethyl chloride trên vết thương. Có thể dùng miệng hút máu độc ở chỗ bị cắn rồi nhỗ bỏ. Sau khi cấp cứu cần đưa nạn nhân đi bác sĩ để chữa trị.

4 }- Bắt rắn :

Người ta bắt rắn đằng đầu, nếu bắt ở lưng hay đuôi thì rắn sẽ quay đầu lại cắn ta .Trường hợp bắt ở đuôi thì cầm đuôi chặt quay vụt thật mạnh đầu rắn xuống đất, khi quay vụt mạnh thì sức li tâm làm đầu rắn không thể quay lại được. Nếu dùng gậy thì quất mạnh vào đầu, vào lưng, khi xương sống bị thương thì rắn khó có thể hoạt động dễ dàng. Người ta còn dùng bẫy để bắt rắn.

5 } – Ích lợi của rắn:

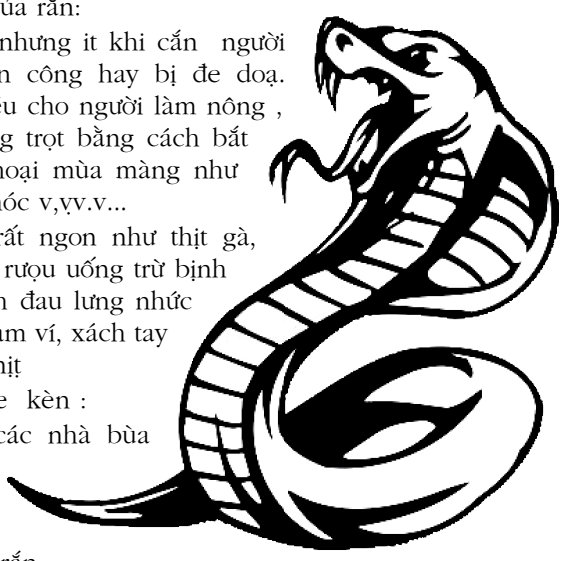

Rắn có độc nhưng it khi cắn người nếu không bị tấn công hay bị đe doạ. Rắn giúp ích nhiều cho người làm nông , những người trồng trọt bằng cách bắt những loài phá hoại mùa màng như chuột bọ, chim chóc v,vv.v...

Thịt rắn ăn rất ngon như thịt gà, xương rắn ngâm rượu uống trừ bịnh nhức xương, bệnh đau lưng nhức mõi. Da rắn thì làm ví, xách tay đàn bà, làm dây nịt

6 }- Rắn nghe kèn :

Trước đây các nhà bùa chú ở Ai Cập [Egypt] và vài nơi ở Á Châu như Ấn Độ dùng rắn làm trò biểu diễn cho người ta xem, họ dùng kèn để thổi trước mặt con rắn. Sự thực thì rắn không có tai để nghe, nhưng mắt rắn thấy được vật di chuyển phía trước, hoà với sự rung động của tiếng kèn dội vào thân nó nhịp nhàng lôi cuốn khiến rắn bò theo bước đi chầm chậm của người thổi kèn

[charmer].

7 } –Múa Rắn [snake dance]

Các buổi lễ của bộ lạc Hopi, người da đỏ ở đông bắc Arizona thường có múa rắn, người múa đeo rắn quanh mình rồi nhảy múa hoà nhịp với tiếng kèn, tiếng trống. Cứ hai năm mới tổ chức múa rắn một lần vào trước ngày 20- tháng 8.

8 }- Sông rắn [Snake river]

Vì sông chảy uốn nhiều khúc như hình con rắn bò nên người địa phương gọi là Sông rắn. Tên cũ là Lewis River, một nhánh sông lớn [largest tributary] của sông Columbia. Snake River chảy từ Wyoming qua Idaho rồi chạy dọc theo ranh giới Idaho và Oregon, ngược lên phía bắc hợp lưu với sông Columbia thuộc địa phận Washington State, rồi chảy theo hướng Đông- Tây ra biển Thái bình dương [Pacific Ocean]

+Snake River ở Minnesota:

Khi lái xe chạy trên High Way 35 Nnorth, chúng ta sẽ chạy qua một cây cầu bắt qua một con sông nhỏ đầu cầu có tấm bản màu xanh ghi hàng chữ trắng "Snake River ". Nhìn sông này như một con rắn bạc uốn khúc đẹp mắt lúc nắng chiều.
Sông này nằm trong địa phận Pine City cách thành phố St. Paul, MN khoảng 60 miles về phía Bắc.

9 } Sự sùng bái rắn [Snake worship]

Theo các truyện thần thoại của nhiều nước, mỗi nơi sùng bái rắn mỗi khác: Có nơi thì cho rắn là thần Ác [God of Evil] nơi thì cho rắn là God of Good, nơi thì cho la thần mặt trời [Solar Deity] ,có nơi cho la thần chết [God of Death]. Rắn còn tượng trưng cho quỷ Satan, thần Apollo, thần Egyptian God of Ra [son of god].

Trong nền văn minh tiền sử của người Mễ, rắn được tôn thờ bởi hai phái: Toltec và Aztec. Phái Aztec cho rằng rắn là con vật nửa người nửa thần xuống trần gian làm thầy vĩ đại cho con người. Aztec gọi đó là con rắn có lông [feathered serpent] hóa thân của Nhật Xà [serpent sun]. Ở Egypt, tùy theo địa phương mỗi đền thờ có dành một chỗ để thờ rắn. Trong tôn giáo Hy lạp [Greek religion] rắn được coi là thần thánh .Greek God có liên hệ tới sự thờ thần rắn Apollo. Tên gốc của đền Apollo ở Delphi là Pytho do từ Python mà ra..

Trong thời đế quốc La mã [period of the Empire], rắn thần được cất giữ trong thành phố và được săn sóc bởi một trinh nữ. Khi rắn thần từ chối không nhận thức ăn từ tay nữ nhân nào đó tức là nữ nhân nầy không còn trinh nguyên và phải đem đi giết ngay.

Dân ở vùng Lưỡng Hà [Mesopotamia] vùng đất nằm giữa hai con sông Tigris va Euphrates thuộc Iraq ngày nay] và dân Semites tin rắn là thần bất tử vì rắn được thay vỏ.

Người Ấn Độ, Burmese và Siamese coi rắn là ma quỉ. Ấn Độ thời nguyên thủythờ rắn [Snake Cults] là kết hợp sự thờ thần Krishma và thần Vishnu [vị thần thứ hai trong 3 ngôi: Brashma,Vishnu, Siva] [theo Encyclopedia-columbia univ.press, NY,v21]

VI- } Những năm Tỵ đã qua.

Những năm tỵ hay năm con rắn đã đi qua trong quá khứ có nhiều biến cố quan trọng, tuy nhiên bần bút chỉ xin được nêu ra những điểm nào đã biết, còn nhớ mà thôi.

1-} Năm Tân Tỵ--1941 .

Trên 70 năm trước đây quân đội Mỹ trong lực lượng Đồng minh [Allies forces] vào ngày 8 -12- 1941 để chống lại phe trục Đức- Ý- Nhật trong thế chiến II. Trước đó một ngày [7-12-1941] quân Nhật tấn công Trân Châu Cảng [Pearl Harbor], Hawaii1 Kết quả là hơn ba năm sau, vào ngày 6-8-1945 quân Nhật phải đầu hàng vô điều kiện vì hai quả bom nguyên tử của Mỹ thả xuống Hiroshima và Nagasaki.

2-} Năm Quý Tỵ - 1953:

Đại Tướng Dwight D. Eisenhower đắc cử Tổng Thống nước Mỹ. Chiến tranh Korea chấm dứt. Vĩ tuyến 38 là ranh giới giữa hai bên Quốc -Cộng. Tại Việt Nam, chiến tranh Pháp - Việtcọng đến hồi quyết liệt, Pháp thua trận Điện Biên Phủ dẫn đến việc chia đôi đất nước theo vĩ tuyến 17, vào tháng 7 năm 1954.

3 -} Ất Tỵ --1965:

Tổng Thống Mỹ L.B. Johnson [1963-1969] gởi quân đội Mỹ qua chiến đấu chống Cộng ở Việt Nam. Ông ra lệnh oanh tạc Bắc việt để trả đũa.

4-} Đinh Tỵ --1977:

Hàng ngàn viên chức, sĩ quan của Việt Nam Cộng Hòa ở Miền Nam bị cưỡng bách đi lao động khổ sai trong các trại tù tập trung từ Nam chí Bắc Việt Nam. Xã hội Việt Nam bi đát vì kinh tế tập trung, nạn đỗi bạc làm cho nền kinh tế suy thoái trầm trọng, người dân điêu đứng khốn cùng,nhiều người phải bỏ nước ra đi tìm sự sống trong cái chết.

5--} KỶ TỴ-- 1989:

Bức tường ô nhục Bá linh bị phá đổ. Dân ở Đông Đức chạy qua Tây Đức tìm tự do. Chiến tranh lạnh giữa tư bản và Cộng sản tạm thời chấm dứt.

6--} TÂN TỴ -- 2001:

Ngày 11 -9 là ngày đại tang của nước Mỹ. Bọn khủng bố vô nhân lợi dụng sự nhân đạo, dễ dãi của Mỹ đã dung dưỡng bọn chúng để nhận kết quả là "nuôi ong tay áo "; Bọn chúng đã cướp máy bay dân sự đâm vào hai toà nhà trên 100 tầng cao nhất thế giới ở New York làm trên ba ngàn người thiệt mạng. Tội ác của bọn khủng bố không thể tha thứ,n ên kẻ chủ mưu Bin Laden đã bị đền tội.

7-- QUÝ TỴ --2013:

Năm này Tổng Thống Barack Obama mới đắc cử nhiệm kỳ II , và sẽ tuyên thệ nhậm chức vào ngày 20- 1 -2013.

Năm nay năm con rắn, những người mang tuổi Tỵ nói chung đều tốt,việc làm ăn thịnh đạt, tiền tài mười phần đặng bảy, gia đạo yên vui.. Nên đề phòng bệnh tật và tai nạn.

Riêng năm Quý Tỵ [2013] có bài thơ như sau:

"Đoán xem số mạng như là,
Quý Tỵ mạng thủy số ta như vầy
Tuổi hỏa mạng thủy số nầy
Tuổi cùng với mạng hai đây khắc rày
Cửa nhà dời đổi nhiều thay
Gần đặng huynh đệ hôm nay phước phần
Hào con không trọn khó phân
"Sanh đa dưỡng thiểu vắng phần về sau
Khá nên dưỡng tánh tu tâm
Hưởng nhờ hậu vận ấm thân thọ trường".

Tản mạn về rắn đã dài. Trước khi chấm dứt, xin kính chúc Quí vị đồng hương độc giả và gia đình một năm mới nhiều sức khoẻ, vạn sự cát tường như ý.

Mùa Đông xứ Vạn Hồ
Lý Loan

<u>Sách tham khảo:</u>

- *The universal standard Encyclopedia- V21, NY.*
- *Truyện cổ Phật giáo.*
- *Diễn cầm tam thế [Dương Công Hầu].*

◆

Thơ Xuân Xướng Họa

Triều Phong Đặng Đức Bích
cùng Thi hữu xướng họa

Bài Xướng

Xuân Mơ

Tết nhứt nhà ai cũng rộn ràng
Xuân về chan chứa ánh thiều quang
Lá hoa chen chúc khoe màu thắm
Ong bướm xôn xao lượn sắc vàng
Dân tộc hân hoan mừng Tết đến
Quê hương nhộn nhịp đón Xuân sang
Xuân mơ nước Việt giàu no ấm
Hạnh phúc dân vui sướng ngập tràn

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Bài Họa

Bài Họa 1

Tết Quý Tỵ

Rắn đến đem vui đã rõ ràng
Rồng đi chấm dứt tắt hào quang
Quê nhà tống cựu vô thần đỏ
Hải ngoại nghinh tân trọng đạo vàng
Ba bảy năm mong chờ Tết tới
Bốn trăm tháng đợi đón Xuân sang
Bắc Nam cởi trói dân no ấm
Quý Tỵ sum vầy hạnh phúc tràn.

NGUYỄN DIÊU

Bài Họa 2

Xuân Đến

Tha thước nàng Xuân đến rỡ ràng
Khoe mình hương sắc tỏa hào quang
Bướm hoa ngây ngất giao duyên thắm
Tùng cúc sum sê đón nắng vàng
Trừ tịch ba mươi đêm bất tận
Giao thừa mồng một báo Xuân sang
Thời gian trôi mãi theo dòng chảy
Xuân đến mừng Xuân phước lộc tràn

NGUYỄN BÁ THƯ

Bài Họa 3

Mở Xuân

Cây cảnh bừng lên nét rỡ ràng
Hương trời sắc nước đẹp phong quang
Nụ đào chen chúc hoa tươi đỏ
Đóa cúc sum sê cánh mượt vàng
Vọng tưởng lòng đau từng tháng đợi
Mõi mòn ruột thắt mỗi năm sang
Mong cho đất nước hồi sinh lại
Xuân đến Quê hương ước mộng tràn

VIỆT THAO

Bài Họa 4

Đón Xuân

Lòng khách tha phương thoáng rộn ràng
Chân mây bừng tỏa ánh dương quang
Thương đời sắc nhạt hoa xơ xác
Buồn cảnh màu phai lá võ vàng
Thao thức đêm mong trời đổi gió
Dạt dào tâm sự đón Xuân sang
Niềm đau non nước luôn đeo đẳng
Nỗi nhớ quê hương sóng vỗ tràn

BÙI THÚC KHÁN

Bài Họa 5

Xuân Tới

Thược dược, Đào, Mai, Tết rỡ ràng
Tranh, hoa, câu đối nét phong quang
Xuân về càng khốn đời dâu bể
Tết đợi thêm sâu dạ đá vàng
Cá chậu vờn trăng mơ biển động
Chim lồng rỉa cánh vọng mùa sang
Rồi mai chậu vỡ lồng tan nát
Biển động mùa sang nắng ngập tràn

LÊ PHƯƠNG NGUYÊN

Bài Họa 6

Xuân Sang

Quý Tỵ năm nay thật rỡ ràng
Ba viền vương chói ánh thiều quang
Vườn mai khởi sắc màu tươi thắm
Dậu cúc khoe hoa cánh ửng vàng
Dân Tộc hân hoan chờ Tết đến
Quê Hương rực sáng đợi Xuân sang
Tha hương mơ ước ngày vui tới
Hội ngộ trùng dương lộc thọ tràn

CÙ HÒA PHONG

Bài Họa 7

Tết Việt

Tết Việt ngàn xưa vẫn rộn ràng
Trăm hoa rực rỡ ánh dương quang
Nhìn cô hàng xóm môi xinh thắm
Ngắm áng mây trời nét ửng vàng
Từ lúc quê hương vần vũ đến
Là khi đất mẹ bảo bùng sang
Ước mơ dân tộc mình lên mãi
Toàn cõi giang sơn hạnh phúc tràn

NGUYỄN THẾ GIÁC

Bài Hoạ 8

Thưởng Xuân

Xuân đến ngàn hoa nở rở ràng
Mọi nhà vui đón ánh hào quang
Niêu xanh phe phẩy mừng Xuân mới
Pháo đỏ phơi thân đón nắng vàng
Trẻ diện giày hoa khoe sắc thắm
Già chưng áo mới tỏ cao sang
Xuân lai Xuân khứ Xuân vô tận
Trà tửu mừng Xuân chúc phước tràn

VÕ BÁ HÀ

Bài Họa 9

Trên Đồi Xuân

Lánh lót chim ngân tiếng rộn ràng
Rập rờn liễu quyện gió đồi quang
Ngàn hoa như gấm in trời biếc
Nội cỏ dường mây lượn sóng vàng
Ngắm cảnh mới hay mùa Tết đến
Giật mình nào biết có Xuân sang
Quê người chạnh tưởng ngày Xuân cũ
Hoài cảm trào dâng tựa sóng tràn

VĨNH XUYÊN

Bài Họa 10

Xuân Mộng

Xuân đến trăm hoa nở rỡ ràng
Bên thềm năm mới Tết đăng quang
Giao thừa khai bút mừng con cháu
Nguyên đán đề thơ tặng bạn vàng
Một nhánh hoa đào khoe sắc thắm
Mấy cành dạ lý đượm mùi sang
Bức tranh vân cẩu qua ngày tháng
Chung rượu câu thơ mộng vẫn tràn

HOÀNG VŨ

Bài Họa 11

Xuân Tha Hương

Sao mỗi lần Xuân thấy rộn ràng
Chờ Xuân mang đến chút hào quang
Sáng soi dải đất sương pha đục
Chiều rọi khung trời khói trở vàng
Người giận Xuân tươi không trở lại
Kẻ buồn ngày hận cứ dần sang
Giao thừa hàng xóm sao im tiếng
Pháo nổ buồng tim lệ ứa tràn

CAO YÊN TUẤN

Bài Họa 12

Mừng Xuân

Ngày hết đi đâu cũng buộc ràng
Muôn điều lắm chuyện phát hào quang
Xuân về rạo rực mai khoe trắng
Đông mãn nôn nao cúc điểm vàng
Non nước nghinh tân mừng Tết đến
Nhân dân tống cựu đón Xuân sang
Đất trời vào hội thêm tươi tốt
Bèo dạt mây tuôn khách lũ tràn

MỸ VÂN

Kiêng cữ đầu năm

Nguyễn Diêu

Cứ mỗi năm Tết đến tôi nhớ đến những điều kiêng cữ đầu năm ở nhà tôi, do bà Cố nhắc bảo. Sáng mai mùng một tết năm mới các cháu không được chạy sang nhà hàng xóm, không được cãi lộn, đánh lộn và khóc la nghe chưa. Phải mặc áo quần mới lên cúng gia tiên trước khi ăn sáng , rồi bà sẽ lì xì tiền để đánh xóc dĩa. Nhưng đến ngày hôm nay đã bảy mươi tám năm qua mà tôi vẫn còn nhớ như mới ngày nào.

Tối ngày ba mươi tết bà bảo người giúp việc phải xách nước đổ đầy thùng, đầy vò, đầy chậu, xong lấy cái nia đậy miệng giếng lại. Bếp núc đổ đầy trấu vào phải dụm một cây củi lớn để giữ lửa không được để tắt lửa. Ngõ trước gài then đóng cho kỹ, ngõ sau ra chuồng trâu lấy đọt tre gai rấp kín. Sáng mùng một chờ bà cúng kính các nơi đó xong rồi mới được làm công việc hằng ngày. Lúc cúng giao thừa xong, có đốt pháo xác pháo đầy sân nhưng bà bảo không được quét, chờ ba ngày sau cúng đưa rồi mới quét. Rồi bà tự tay lấy một cái nong phơi lúa để trên mái nhà để hứng lộc đầu năm.

Ông Bảy, tức em ông nội, chiều ba mươi từ nhà vợ về, vì đường xa vả lại trời mưa lâm râm nên ướt dơ cả quần áo, sáng sớm mùng một ông đem quấn áo dơ ra giếng để giặt, nhưng thấy miệng giếng đậy cái nia, trên có đặt cái đèn hột vịt, ông quay vô hỏi người giúp việc. Dạ thưa Chú Bảy, bà ra lệnh sáng mùng một không được xách nước sớm, phải chờ bà cúng kính xong mới được phép, chú vô thưa xin phép bà.

Bà cố giải thích một lèo. Nào là đầu năm phải cúng giếng để Hà-Bá phù hộ nhiều nước khỏi khô cạn và nước được ngọt nữa, cúng xong người lớn tuổi múc gàu nước đầu tiên nhẹ nhàng, không được dộng gàu ầm ầm động Hà-bá, do vậy không cho người giúp việc xách trước là vậy.

Cúng ông táo để Ông Táo phù hộ nấu cơm khỏi khê, khỏi cháy rồi xảy ra hỏa hoạn. Không cho người ta xin lửa đầu năm sẽ mất cái hồng cái đỏ của nhà mình.

Phải cúng vàng mã, áo mão, và dán vàng bạc trên đầu ông táo xem như mình đi tết năm mới vậy. Ông Bảy xen vào, sao có áo có mão mà không có quần ? cục đất người ta nắn thành ông táo, còn hối lộ vàng bạc.

Còn cúng ông chuồng, tức cúng tại chuồng trâu để ông chuồng phù hộ trâu đực mạnh khỏe cày ruộng, còn trâu cái sinh sản cho được nhiều con, phải tết trâu bằng cách dán vàng mã trên sừng trâu, số vàng mã thừa thì dán các cây róng hoặc bốn cây cột mõ. Những vàng mã nầy về sau linh lắm đó nghen. Người đàn bà mới sanh con thường bị đau vú, hai vú cương cứng đau nhức khóc la, thì ra gỡ vàng mã nầy đem về dán lên vú sẽ hết đau nhức, nó hay hơn thuốc tiên. Nên nhớ là lén người chủ đi vắng mới gỡ nó mới linh, nếu người chủ biết được họ không cho vì sợ động ông chuồng làm trâu bò bịnh hoạn.

Lần nầy ông Bảy chen vào nữa. Con trâu cái nó chửa đến mười hai tháng mới đẻ một con, làm gì một năm hai lứa sanh con bầy như con heo, con chuột mà cầu xin. Vàng mã thuốc tiên đâu không thấy, mà không khéo bị trâu nó thấy người lạ nó húc lủng bụng vả lại vàng mã lâu ngày bị dính đầy phân mất vệ sinh, khi đứa bé bú vào càng nguy hiểm hơn.

Cổng ngõ phải đóng kín, chờ đến giờ thìn mới được mở ngõ vì giờ thìn là lúc đông chợ người mua kẻ bán tấp nập lúc đó là lúc thịnh hành thì năm mới nhà mình sẽ thịnh hành như vậy. Phải chọn người xông đất đầu năm, người ấy phải còn đủ vợ chồng, con bầy cháu đống và có chức có quyền nữa, như ông Hương Bộ, Hương Bổn, ông Thất, ông Cửu. Trong ngày mùng một cấm kỵ người đàn bà có bầu (chửa) không được vô nhà, dù là con gái, con dâu, cháu nội ngoại gái cũng phải kiên cữ. Bà cho là đầu năm mang bụng chửa nặng nề vào nhà thì cả năm xui xẻo làm ăn không khắm khá.

Ông Bảy nói: Mẹ kiêng cữ quá mà sao nhà mình không bằng nhà Bác Xã ở xóm ngoài kia, họ không kiêng cữ gì hết, con thấy mấy người đàn bà mang cả cái trống bự trước bụng đi về thăm chúc tết, nhà họ đông người có cả hàng xóm đến rất vui vẻ, không phải vắng teo như nhà nầy, do vậy mà nhà họ giàu hơn nhà của mình.

Con cái họ đi học ngoài Kinh-kỳ làm ông Thông, ông Phán, ông Đốc-tờ đi xe ô-tô có sếp phơ lái nữa kia, còn nhà mình đi bộ đi võng , đi xe kéo bắt mấy đứa phu làm cực nhọc. À, hèn gì con vợ của con nó mới mất có kinh hai tháng mà nó không dám về, sợ mẹ kiêng cữ. Bà cố nói: Cái thằng nầy nó Tây hóa rồi !

Nguyễn Diêu

Những địa danh tỉnh ta
trước khi mang tên Bình Định

TRƯƠNG TRƯỜNG THỊNH

Khởi đầu hát ru em, người xứ ta vẫn thường khởi đầu hát 2 tiếng "Hời hời":

"Hời hời...Ru ru con ngủ cho rồi,
Để mẹ đi chợ mua nồi nấu cơm...."

Bà con ta bảo là vì là mình ở đất của người Hời tức là người Chiêm Thành nên khi hát ru em hay dùng đến hai tiếng hời hời để nhớ đến họ. Sự thật là vậy. Nhưng đất Bình Định ta thuộc về người Chiêm Thành từ lúc nào?

Bình Định nguyên xưa là đất Việt Thường Thị (越裳氏).

Đời nhà Tần (255-207 tr.T.L) xứ này là huyện Lâm Ấp (林邑) thuộc Tượng Quận (象郡)

Đời nhà Hán (-208+220) là huyện Tượng Lâm (象林), thuộc quận Nhật Nam (日南);

Đời Hậu Hán, vua Thuận Đế, niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ 2(137) có người trong quận làm chức Công Tào tên là Khu Liên (區連)giết viên Huyện Lịnh chiếm cứ đất ấy, tự xưng là Lâm Ấp Vương (林邑王).

Đời Tùy(598-618), vua Tùy Dạng Đế, niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605), đánh lấy Lâm Ấp đặt làm Xung Châu (冲州),sau cải làm Lâm ẤpQuận(林邑郡), thống lĩnh 4 huyện: Tương Phố (象浦), KimSơn (金山),Giao Giang (交江), Nam Cực (南極).

Đời Đường (618-907), niên hiệu Trinh Quán (627-647) đổi tên là Lâm Châu (林州), thống lĩnh 3 huyện: Lâm Ấp (林邑), Kim Long (金龍), Hải Giới (海界).

Năm cuối niên hiệu Trinh Nguyên (803), nhà Đường bỏ đất này, Lâm Ấp chiếm lấy đổi tên là nước Chiêm Thành, lập 2 thành: Đồ Bàn (闍槃), Thi Nại (施耐). Gọi như vậy vì chỗ đóng đô có đảo Chiêm-Bất-Lao.

ĐỜI LÊ (1428-1788)

Việt Nam, đời Lê Thánh Tôn, niên hiệu Hồng Đức năm đầu(1470), đánh 2 thành Đồ Bàn và Thi Nại, mở nước đến núi Thạch Bi Sơn(石碑山), nay tức là núi Đại Lãnh ranh giới giữa Phú Yên và Khánh Hoà, lập thành phủ Hoài Nhơn (懷仁) chia làm 3 huyện: Bồng Sơn (蓬山), Phù Ly (符離)và Tuy Viễn (綏遠) cho thuộc Quảng Nam Thừa Tuyên (廣南承宣). Quảng Nam Thừa Tuyên lúc bấy giờ là Thừa Tuyên thứ 13 lãnh 3 phủ, 9 huyện.

ĐỜI LÊ TRUNG HƯNG(1533-1788)
THỜI CHÚA NGUYỄN ĐÀNG TRONG

Chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613)

Năm Mậu Ngọ (1558) vua Lê Anh Tôn trao cho Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng Trấn Thủ trấn Thuận Hoá.

.Năm Canh Ngọ (1570) vua Lê triệu Tổng Binh Quảng Nam Nguyễn Bá Quỳnh vể trấn thủ Nghệ An. Nguyễn Hoàng lãnh ấn Tổng Trấn Tướng Quân kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hoá Quảng Nam gồm 5 phủ:

Thuận Hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu:

.Phủ Tiên Bình(xưa là Tân Bình): 3huyện là Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh và châu Bố Chánh.

.Phủ Triệu Phong: 6 huyện là Vũ Xương, Hải Lăng, Quảng Điền (xưa là Đan Điền), Hương Trà (xưa là Kim Trà), Phú Vang(xưa là Tư Vang), Điện Bàn, và 2 châu Thuận Bình, Sa Bồn.

Quảng Nam có 3 phủ, 9 huyện:

.Phủ Thăng Hoa: 3 huyện là Lê Giang, Hà Đông, Hy Giang.

.Phủ Tư Nghĩa: 3 huyện là Bình Sơn, Mộ Hoa, Nghĩa Giang.

.Phủ Hoài Nhơn: 3 huyện là: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn.

.Năm Nhâm Dần(1602) đời chúa Nguyễn Hoàng, đổi tên phủ Hoài Nhơn làm phủ Qui Nhơn (歸仁), tên Qui Nhơn xuất hiện từ đây, nhưng vẫn lệ thuộc vào dinh Quảng Nam.

Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614-1635)

Chúa Nguyễn Phúc Lan (1636-1648)

Chúa Nguyễn Phúc Tần (1649-1687)

. Năm Tân Mão (1651), chúa Nguyễn Phúc Tần đổi tên phủ Qui Nhơn làm phủ Qui Ninh (歸寧).

Chúa Nguyễn Phúc Trăn (1688- 1691)

Chúa Nguyễn Phúc Chu (1692-1725)

Chúa Nguyễn Phúc Chú (1726-1738)

Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1739-1765)

.Năm Nhâm Tuất (1742), chúa Nguyễn Phúc Khoát lại lấy tên cũ của phủ Qui Ninh làm phủ Qui Nhơn.

Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1766-1778)

.Năm Quý Tỵ (1773), anh em Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ đắp thêm thành Đồ Bàn để ở, xưng là Hoàng Đế Thành (皇帝城)

ĐỜI TÂY SƠN (1773-1802)

Thái Đức Nguyễn Nhạc

Quang Trung Nguyễn Huệ

Cảnh Thịnh Quang Toản.

Mùa Hạ, năm Kỷ Mùi (1799), tức là niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ 7, đời Nguyễn Quang Toản, Nguyễn Vương Phúc Ánh đánh lấy Hoàng Đế Thành, đổi tên làm Bình Định Thành (平定城). Tên Bình Định xuất hiện từ đây. Nguyễn Vương sai Hậu Quân Võ Tánh và Lễ Bộ Ngô Tùng Châu trấn thủ thành này.

Tháng 9 đặt quan công đường dinh Bình Định:

Lưu Thủ: Khâm Sai Nội Thuộc Cai Cơ Nguyễn Văn Thịnh;

Cai Bạ: Tham Mưu Nguyễn Tử Chính;

Ký Lục: Hàng thần là Hình Bộ Tả Phụng Nghị Nguyễn Văn Tiến.

Năm Canh Thân(1800), quân của Tây Sơn: Bộ Binh của Thiếu Phó Trần Quang Diệu lấn Thạch Tân. Thuỷ Binh của Tư Đồ Võ Văn Dõng vào cửa Thi Nại. Thế quân rất mạnh, Phó Tướng Hậu Quân Nguyễn Văn Biện rút quân vào thành Bình Định. Quân Tây Sơn tiến sát dưới thành. Lưu Trấn Võ Tánh đóng chặt cửa thành, không động quân. Tây Sơn bèn đắp lũy dài vây bọc 4 mặt thành, làm kế đóng giữ lâu dài. Quân Nguyễn Vương hơn một năm không giải vây được.

Mùa Xuân năm Tân Dậu(1801) mới phá được cửa biển Thi Nại, bèn sai nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huỳnh Đức ở lại Qui Nhơn cầm cự với quân Tây Sơn, còn thì dốc toàn lực tiến đánh Phú Xuân, lấy lại đô thành rồi sẽ cứu thành Bình Định, nhưng trong thành hết lương Võ Tánh và Ngô Tòng Châu đều tử tiết, Tướng Trần Quang Diệu lại chiếm được thành.

Năm Nhâm Tuất (1802), Quang Diệu bỏ thành trốn theo đường thượng đạo, rồi bị bắt. Nguyễn Vương lại đặt án phủ Qui Nhơn; lại đặt các chức quan công đường dinh Bình Định: Lưu Thủ, Cai Bạ, Ký Lục như trước.

Năm Gia Long thứ 7 (1809) đổi dinh làm trấn; năm thứ 9, đổi chức Lưu Thủ làm Trấn Thủ.

Năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) đặt Tri Phủ Qui Nhơn.

Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), đổi Cai Bạ làm Hiệp Trấn, Ký Lục làm Tham Trấn.

Năm Minh Mệnh thứ 12(1831), đổi phủ Qui Nhơn làm phủ Hoài Nhơn.

Năm Minh Mệnh thứ 13(1832), chia địa hạt các tỉnh, đổi gọi là tỉnh Bình Định, đặt chức Tổng Đốc Bình-Phú thống hạt 2 tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Huyện Tuy Viễn chia làm 2 huyện là Tuy Viễn và Tuy Phước đặt làm phủ An Nhơn.

Huyện Phù Li chia làm 2 huyện là Phù Cát và Phù Mỹ lệ vào phủ Hoài Nhơn.

Năm Minh Mệnh thứ 15(1834), những đất từ Bình Định trở vào nam tới Bình Thuận gọi là Tả Kỳ.

THỜI VIỆT MINH

Năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, đổi tên tỉnh Bình Định là tỉnh Tăng Bạt Hổ, lấy tên một nhân vật trong cuộc Khởi Nghĩa Cần Vương do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo và huyện Bình Khê đổi tên là huyện Tây Sơn. Nhưng chỉ trong mấy tháng thì trả lại tên Bình Định như cũ.

BÌNH ĐỊNH TRÊN ĐƯỜNG NAM TIẾN CỦA DÂN VIỆT.

Đất nước ta, phía Đông giáp biển Đông Hải, phía Tây tiếp giáp dãy Trường Sơn, phía Bắc giáp giới nước Tàu xấu bụng, tham tàn, ngược ngang và phách lối; luôn chực sẵn, thừa cơ hội là xâm lăng; phía Nam gặp phải nước láng giềng, không ngớt rình mò quấy phá. Địa thế thiên nhiên khắc nghiệt, tổ tiên biết bao công sức tô bồi. Nhân sự khó khăn ông cha ta bền chí kiên gan, đem

trí dũng nhân từ ra trang trải, tranh mà sống mới có mảnh giang sơn gấm vóc để lại cho con cháu như ngày nay.

Nói lướt qua, từ khi nước ta trong vòng nội thuộc nước Tàu, người Chiêm Thành vẫn thường đến cướp phá, còn tỏ ra xấc láo. Như năm Nhâm Thân, đời Tống Nguyên Gia năm thứ 8(431), vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại đem quân sang cướp phá Nhật Nam, Cửu Chân, rồi năm sau sai sứ sang cống nước Tống và xin lãnh cai trị Giao Châu. Vua Tống không cho, họ lại giở trò không ngớt thừa cơ quấy nhiêu. Đến khi nước ta giành lại quyền tự chủ, sự giao thiệp giữa ta với Chiêm Thành cũng đã trải qua nhiều sự rắc rối, khó khăn.

Theo dòng lịch sử nước ta thử hỏi đã giao thiệp với Chiêm Thành như thế nào?

Nhà Tiền Lê: (9980-1009)

Năm Nhâm Ngọ, Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 3(982), vua thân chinh đi đánh Chiêm Thành vì sứ ta sang Chiêm Thành, bị người Chiêm bắt giữ. Vua Chiêm là Bê Mi Thuế bị chém tại trận. Vua ta chiếm được kinh thành nước Chiêm, và đóng quân tại nước Chiêm vừa một năm mới kéo quân về. Từ đấy nước Chiêm phải sang triều cống nước ta.

Nhà Lý: (1010-1225)

.Năm Ất Sửu, Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 16(1025) vua cho lập trại Định Phiên ở địa giới phía châu Hoan (nay là Nghệ An). Tức là trại Định cư của tù binh người Chiêm Thành.

.Năm Giáp Thân, Lý Thái Tôn, năm Minh Đạo thứ 3(1044), vua thân đi dánh Chiêm Thành, giết vua Chiêm là Sạ Đẩu. Cho các tù binh đều được nhận người cùng bộ tộc, cho ở tư trấn Vĩnh Khang (nay là huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An) đến Đăng Châu (nay thuộc đất tỉnh Yên Bái và Lào Cai). Dựng cung riêng cho Cung Nữ Chiêm Thành ở.

.Năm Mậu Thân, Lý Thánh Tôn, năm Long Chương Thiên Tự thứ 3(1068), Chiêm Thành dâng voi trắng, lại quấy nhiễu biên giới.

.Năm Kỷ Dậu, Lý Thánh tôn, năm Thiên Huống Bảo Tượng thứ 2, vua thân đi đánh bắt vua Chiêm Thành là Chế Củ đem về. Chế Củ xin dâng 3 châu là Địa Lý (nay là đất Lệ Ninh, Quảng Bình), Ma Linh(nay là huyện Bến Hải, Quảng Trị) và Bố Chánh (nay là đất các huyện Quảng Trách, Bố Trạch, Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình) để chuộc tội. Vua y cho và tha cho về nước.

.Năm Ất Mão, Lý Nhân Tôn, Thái Ninh thứ 4(1075) đổi châu Địa Lý là châu Lâm Bình, châu Ma Linh đổi là châu Minh Linh.

.Năm Qúy Mùi, Lý Nhân Tôn, Long Phù thứ 3(1103), vua

Chiêm Thành Chế Ma Na đem quân sang biên giới cướp lại 3 châu Chế Củ đã dâng. Năm sau vua sai Lý Thường Kiệt đi đánh, phá được, Chế Ma Na lại dâng 3 châu ấy lại.

Như vậy đầu Thế Kỷ thứ thứ 12, ranh giới nước ta đã đến địa đầu tỉnh Quảng Trị.

Đời Nhà Trần: (1225-1400)

Năm Đinh Mùi, Trần Anh Tôn, năm Hưng Long thứ 15 (1307). Trước đây chúa Chiêm Thành đem 2 châu Ô, châu Lý làm lễ vật dẫn cưới Công Chúa Huyền Trân, nay đổi Châu Ô là Châu Thuận, Châu Lý là Châu Hóa.

Châu Thuận nay là Quảng Trị, Châu Hoá nay là Thừa Thiên và phủ Điện Bàn, Quảng Nam.

Như vậy đến đầu Thế Kỷ thứ 14, ranh giới nước ta đã đến địa đầu tỉnh Quảng Nam.

Việc giao thiệp với Chiêm Thành vẫn không mấy thông thoáng.

Năm 1311, vua Trần Anh Tôn thân đi đến tận thành Đồ Bàn đánh bắt chúa Chiêm là Chế Chí đem về.

Năm 1361 Chiêm Thành lại vượt biển đến cướp ở cửa biển Bố trạch.

Năm 1362 Chiêm Thành đánh cướp ở Hoá Châu.

Năm 1365, tháng Giêng hàng năm cỏ tục chơi trò đánh đu, Chiêm Thành ập tới bắt lấy người đem về nước. Tháng Ba Chiêm Thành lại cướp phủ Lâm Bình

Năm 1367, sai quan Trần Thế Hưng làm Chánh, Đỗ Tử Bình làm Phó đi đánh Chiêm Thành,vào đến Chiêm Động bị phục binh. Thế Hưng bị bắt, Tử Bình mang quân về.

Chiêm Thành lại sang đòi lại đất biên giới Hoá Châu.

Năm 1371, Chiêm Thành vào cướp, từ cửa bể Đại An tiến thẳng đến kinh sư. Vua Nghệ Tôn phải bỏ kinh thành, đi thuyền sang Đông Ngàn lánh chúng.

Năm 1376, Chiêm Thành lại vào cướp Hoá Châu. Vua Duệ Tôn thân đi đánh Chiêm Thành. Ngày 23 tháng giêng năm 1377, đại quân tiến cửa Thi Nại. Chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga dựng trại bên ngoài thành Đồ Bàn, sai viên quan nhỏ đến trá hàng, nói dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn thành không. Vua cho lệnh tiến quân, bị phục binh, vua bị hãm trong trận mà chết.

Thượng hoàng Nghệ Tôn (anh vua Duệ Tôn) đưa con trưởng của vua Duệ Tôn là Kiến Đức Đại Vương Hiện lên làm vua.

Chiêm Thành biết nước ta đã suy nhược cứ sang cướp phá,

tiến thẳng đến kinh thành Thăng Long, đến 6 ngày mới dẫn quân về.

Năm 1378 Chiêm Thành đến cướp phủ Nghệ An, tiến đánh vào Thăng Long, bắt người cướp của, rồi rút về.

Năm 1380, Chiêm Thành xúi giục người Tân Bình, Thuận Hoá ra Nghệ An, Diễn Châu cướp của, bắt người, còn Chiêm Thành thì vào cướp Thanh Hoá. Vua sai Lê Quý Ly và Đỗ Tử Bình chống giữ. Chúa Chiêm là Chế Bồng Nga thua trận, rút chạy.

Năm 1383 chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga đến cướp phá từ tháng 6 đến tháng 12 mới dẫn quân về. Quân Chiêm Thành bấy giờ vào ra nước ta như đi vào chỗ không người, thật là một làm nhục cái tiếng con cháu Trần Hưng Đạo Vương.

Năm 1389, Chế Bồng Nga lại đem quân ra đánh Thanh Hóa. Vua Trần Thuận Tôn sai Lê Qúi Ly đem quân vào chống giữ ở làng Cổ Vô, đóng cọc ngăn giữ được 20 ngày. Chiêm Thành giả bộ rút quân về. Quí Ly đem thủy binh đuổi đánh, bị phục binh của giặc đổ ra đánh, giết hại rất nhiều, Qúi Ly trốn chạy về kinh.

Tháng 11, quân Chiêm lại vào sông Hoàng Giang, vua sai quan Đô tướng là Trần Khát Chân đem quân chống giữ. Trần Khát Chân khóc và lạy rồi ra đi. Vua cũng khóc! Xem thế vua tôi nhà Trần bấy giờ khiếp sợ Chiêm Thành ghê lắm.

Năm 1390, Chế Bồng Nga đi thuyền đến xem hình thế quân Trần Khát Chân. Bấy giờ có tên đầy tớ của Chế Bồng Nga có tội, sợ phải giết bèn chạy sang hàng Trần Khát Chân. Nhân khi Chế Bồng Nga đem hơn 100 chiến thuyền đến gần trại quân Trần đóng, tên đầy tớ chỉ chiếc thuyền Chế Bồng Nga cho Khát Chân. Khát Chân mới truyền lấy súng vào thuyền ấy. Chế Bồng Nga trúng phải đạn chết. Quân Nam đuổi đánh quân Chiêm, rồi cắt đầu Bồng Nga đem về. Tướng Chiêm là La Khải đem xác Bồng Nga hoả tán xong, đem quân về nước, chiếm lấy ngôi chúa Chiêm. Hai con Chế Bồng Nga phải sang hàng vua ta, đều được phong tước Hầu hết cả.

Nhà Hồ: (1400-1407)

Năm 1402 Hồ Hán Thương đem đại quân đánh Chiêm Thành. Chúa Chiêm là Ba Đích Lại dâng đất Chiêm Động và Cổ Lũy.

Năm 1434, chúa Chiêm là Bố Đề nghe tin vua Lê Thái Tổ băng, bèn tự mình đem binh thuyền sang Cửa Việt cướp phá bắt người rồi bỏ đi.

Năm 1444, chúa Chiêm là Bí Cai đem quân sang cướp thành Hoá Châu.

Năm 1445,Chiêm Thành lại sang cướp thành An Dung của châu Hóa.

Năm Bính Dần, đời Lê Nhân Tôn, năm Thái Hòa thứ 4(1446), đánh Chiêm Thành Bình Chương Lê Thụ và Thiếu Phó Lê Khắc Phục kéo quân đến các xứ Li Giang và Cổ Lũy đánh tan được quân Chiêm. Thừa thắng hạ luôn thành Thi Nại, rồi tiến vây thành Đồ Bàn, bắt được chúa Chiêm Thành là Bí Cai.

Năm 1470, tháng 8 chúa Chiêm là Trà Toàn đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hoá. Tướng trấn giữ đánh không nổi, phải dồn dân vào thành rồi cấp cáo về triều đình.

Năm Canh Dần, Lê Thánh Tôn, niên hiệu Hồng Đức thứ 1(1470), chúa Chiêm là Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thuỷ bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hóa. Năm sau, tháng Giêng mang quân đánh chiêm Thành, tiến quân đánh thành Thi Nại, vây thành Đồ Bàn, bắt được chúa Chiêm là Trà Toàn, mở đất đến núi Đại Lãnh, trên núi có khắc bài thơ nói đến chiến công, nên cũng gọi núi này là Thạch Bi Sơn,

Như vậy cuối Thế Kỷ Thứ 15, ranh giới nước ta đã đến cuối Đại Lãnhgiáp giới tỉnh Khánh Hòa ngày nay.

NGUỒN GỐC NGƯỜI BÌNH ĐỊNH

Bình Định

1. Có thể người Bình Định vốn là người Việt sang sống ở quận Nhật Nam. Thời xa xưa quận Giao Chỉ, Quận Cửu Chân gần nhau. Dân quận này có thể qua sinh sống ở quận khác.

2. Người Bình Định có thể vốn là người Hán sang sinh sống ở đất Việt Thường, trở thành người Chiêm.

3. Người Chiêm Thành sau khi vua Lê Thánh Tôn đánh lấy 2 thành Thi Nại và Đồ Bàn lập thành phủ Hoài Nhơn trở thành người Bình Định sau này.

4. Những người Việt sinh sống trên đất mà sau đó mang tên Bình Định, theo dòng lịch sử có thể kể ra như:

. Sứ Quân Ngô Nhật Khánh không chịu đầu phục Đinh Bộ Lĩnh kéo bản bộ qua sống ở Chiêm Thành.

. Đời Trần, phe cánh mẹ Nhật Lễ lánh sang sống ở Chiêm Thành sau khi Nhật Lễ bị giết.

. Những người Việt bị người Chiêm Thành sang cướp phá, bắt về Chiêm Thành.

. Cũng có thể là những vị quan lại do triều đình nhà Lê bổ tới làm việc ở đó và họ hàng thân thích họ đến nhập cư ở đây, như Khám Lý Trần Đức Hoà.

5. Khi Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng được lệnh vào trấn đất Thuận Hoá năm 1559 và nhất là khi được kiêm luôn đất Quảng Nam năm 1570, phủ Hoài Nhân có thể đã đón nhận những người khác xứ đến cư ngụ:

. Những người theo chúa đến làm việc, họ hàng con cháu họ định cư ở đây như cánh Phó Tướng Trương Công Trà, con cháu định cư ở thôn Phú Thành, Trường Định. Ông này gốc ở huyện Tống Sơn Thanh Hoá; Đào Duy Từ, người huyện Ngọc Sơn, Thanh Hoá, về ngụ ở thôn Tùng Châu(nay là thôn Cự Tài), chắu chắt một nhánh ở thôn Trường Định...

. Trong những năm đầu nhà Lê Trung Hưng, các trấn Thanh Hóa, Nghệ An bị giặc giã, lụt lội đói kém, tìm về Thuận Quảng an ninh no ấm hơn. Lại khi quân chúa Nguyễn đánh ra Bắc, chiếm 7 huyện ở Nghệ An khi rút về Nam, một số theo vể, như họ Hồ ở Phú Lạc, họ Trần ở Trường Định, Trinh Tường, Thuận Nghĩa, huyện Bình khê.

. Đời chúa Nguyễn Phúc Lan, chúa Trịnh kéo đại quân vào đánh bị thất trận và hơn 3 vạn quân bị bắt làm tù binh. Chúa Nguyễn Phúc Lan chia cho những tù binh này sống rải rác từ Quảng Nam đến Phú Yên cứ 50 người lập thành một ấp.

. Những người Trung Hoa không thích sống dưới sự cai trị của nhà Thanh sang sinh sống ở Bình Định.

6. Dưới triều Nguyễn, có cuộc di dân bắt buộc những người nổi lên chống triều đình bị đổi họ đưa vào sinh sống ở Bình Định. Hoặc những người ở xứ khác đến làm việc ở Bình Định. Như trường người bạn đồng nghiệp của tôi, Giáo Sư Điền Tuấn Lê Đức Sơn, ông cụ người Sơn Tây, vào làm việc ở Qui Nhơn rồi sinh ra anh. Căn cước của anh là người Bình Định.

6. Những người gốc Bình Định.

Sau khi nhà Tây Sơn mất, một số người liên hệ với chính quyền cũ phải lánh mình nơi khác như họ Hồ lẩn tránh vào Lục Tỉnh Nam Kỳ: họ Hổ lánh về Cần Thơ, hậu duệ trong đó có học giả Hồ Hữu Tường; cánh bà Thái Đức Hoàng Hậu Trần Thị Huệ, lánh cư vào Bến Tre. Sau mấy trăm năm mới về lại Trường Định năm 2007.

Cánh họ Đinh Ninh Hòa, là chi nhánh của họ Đinh Phù Mỹ

TRƯƠNG TRƯỜNG THỊNH

Đường thi Bình Định

Thi Đường Bình Định tụ về đây,
Ngan ngát hương hoa trải sắc đầy.
Kim-cổ rạng ngời câu chính khí,
Nghĩa nhân sáng tỏa đất trời tây.
Thơ văn xướng họa danh HÀN, QUÁCH, (1)
Vần luật thông rành hội YẾN, VIÊN.(2)
Đạo đức lưu truyền trang sử Việt,
Ngàn sau gởi lại nước non nầy.

Kỷ Sửu 2009
THƯ-TRANG

Chú thích:
(1)Hàn Mạc Tử, Quách Tấn
(2) Yến Lan, Chế Lan Viên.
Bốn Thi hào ở phần chú thích (1) và (2) trên đã lập thành "Đồ Bàn Tứ Hữu" một thời cùng nhau sinh hoạt, xướng họa.

Niềm riêng

Quê người thắm thoát mấy năm qua,
Dạ luống bâng khâng nỗi nhớ nhà.
Nghĩa nặng tình thâm yên giấc mẹ,
Ơn dày sâu thẳm nặng lòng cha.
Công danh đâu nữa tan bào bọt?
Sự nghiệp còn chăng bóng nhạt nhòa.
Lòng vẫn chưa nguôi cơn quốc biến, (1)
Tâm tư trĩu nặng gánh sơn-hà.

Tân Tỵ 2001
THƯ-TRANG

Chú thích:
(1) Biến cố 30/4/1975.

Tình quê

Nghe phone:- Tiếng nói Sài-Gòn
Bao nhiêu ký-ức ẩn-hồn trong ta.
Ngậm ngùi ai đó xót xa,
Từ nay thôi hết qua Phà Thủ Thiêm.
Cũng đành:- Lịch sử oan-khiên
Thủ-Đô một thuở còn nguyên cõi lòng.
Mệnh trời:- Tổ-Quốc long đong
Ta thân bọt nước theo giòng ra khơi.
Quê hương đâu cũng Đất-Trời...
Vang lên tiếng hát – Đáp lời Việt-Khang.
Nơi đây:- Do-Thái da vàng
Còn chăng giữ được kho tàng "thanh âm" (1)
Nhớ lời cụ Phạm uyên thâm (2)
" Truyện Kiều còn - Nước Việt-Nam mình còn."

Nguyễn Đình Hinh

<u>Chú thích:</u>

1/ Ý nói ngôn ngữ Việt.
2/ Câu nói của Cụ Phạm-Quỳnh. Chủ bút Tạp chí Nam Phong.Quan Thượng Thư. Một học giả lỗi lạc bị Cộng sản thủ tiêu 1945.

Hận tháng Tư đen

Tháng tư năm ấy một chiều xuân
Đất nước chứa chan giọt lệ buồn
Quê hương chìm đắm màu tang tóc
Gông cùm xiềng xích với đau thương
Mùa xuân hoa lá nở xanh tươi
Nước tôi sao khói lửa tơi bời
Tràn ngập gót chân loài quỷ đỏ
Hằng hà lang sói khắp nơi nơi
Từ đó quê hương đầy bất hạnh
Mẹ già đổ lệ khóc con thương
Vợ trẻ khóc chồng nơi ngục thất
Gia đình tan tác cảnh thê lương
Tù ngục pháp trường khắp mọi nơi
Hàng vạn sinh linh bỏ cuộc đời
Giữa chốn lao tù nơi khổ ải
Hành hạ thân tù đói tả tơi
Cộng sản tham tàn khát máu tanh
Cướp nhà cướp của, giết dân lành
Tham ô hối lộ cho đầy túi
Lạy quan thầy bán nước cầu vinh
Có xứ nào như đất nước tôi ?
Hàng vạn xác người trôi biển khơi
Hai chữ TỰ DO ôi quá đắt
Đánh đổi ruổi may cả cuộc đời
Đắng cay chua xót đời vong quốc
Lỗi với TIỀN NHÂN với núi sông
Nước mất nhà tan buồn viễn xứ
Mối hận đời ta quyết trả xong
Hỡi ai dân VIỆT thương nòi giống
LIÊN kết cùng nhau quyết đứng lên
Quét sạch cộng nô giành đất nước
Giữ trọn cõi bờ của TỔ TIÊN

Hà thúc Hùng

Xuân Quý Tỵ

Lược sử chế độ khoa cử dưới thời nhà Nguyễn

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Ngày mồng 2 tháng 5 năm Nhâm Thân (1802) Gia Long lên ngôi, với một lãnh thổ chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau đang tơi tả vì chiến tranh kéo dài trong nhiều năm. Thủ túc của nhà vua phần nhiều là quan võ, quen với kinh nghiệm chiến trường hơn là việc trị dân thời bình. Bởi vậy, guồng máy hành chánh của triều Gia Long cần nhiều quan văn hơn lúc nào hết, để nhanh chóng ổn định xã hội và kiến thiết xứ sở. Cấp thời, nhà vua xuống chiếu lục dụng các cựu thần nhà Lê; mặt khác về lâu về dài, triều đình lo đào tạo lớp quan lại trẻ trung.

Năm 1803, lập nhà Đốc Học Đường, sau là Quốc Tử Giám [1], ở kinh đô. Tập trung con các quan và những thường dân ưu tú để dạy chữ Hán. Tại các trấn (tỉnh), đặt chức Chánh, Phó Đốc học và mở trường ở mỗi phủ huyện đón nhận sĩ tử vào học.

I . LỊCH THI VÀ PHÉP THI CỦA TRIỀU NGUYỄN

1 - Nguyễn Thế Tổ (1802-1819) : mở thi Hương, chưa thi Hội

Năm Đinh Mão (1807), niên hiệu Gia Long thứ 6, mở khoa thi Hương đầu tiên ở 6 trường thi là Nghệ An lấy đỗ 8 người, Thanh Hoa 2 người, Kinh Bắc 7 người, Sơn Tây 19 người, Sơn Nam 20 người, Hải Dương 5 người; tổng cộng 61 Cử nhân. Phép thi 4 trường, lệ 6 năm 1 khoa, vào những năm Mẹo, Dậu, và chỉ thi Hương, chưa mở thi Hội.

Khoa Quý Dậu (1813) Gia Long 12, vẫn 6 trường thi Hương nhưng đổi địa điểm, gồm trường Quảng Đức (Huế) lấy đỗ 9 người, Nghệ An 12 người, Thanh Hoa 9 người, Thăng Long 16 người, Sơn Nam 28 người và Gia Định 8 người; tổng cộng 82 Cử nhân.

Còn một khoa nữa vào năm Kỷ Mão (1819) Gia Long 18, vẫn thi ở 6 trường trên, lấy đỗ đến 112 Cử nhân.

H 1: Quốc Tử Giám ở Huế, ảnh từ Google.

2 - Nguyễn Thánh Tổ (1820-1840): thi cử với nhiều lệ mới

Năm Tân Tỵ (1821) Minh Mạng 2, mở ân khoa thi Hương, thi sớm hơn hạn kỳ, rồi đến năm đúng kỳ vẫn mở chính khoa. Lệ Ân khoa có từ đấy. Vẫn dùng 6 trường thi trên, lấy đỗ 132 Cử nhân.

H 2: Sĩ tử vào trường dự thi Hương, mang theo lều chõng. Ảnh tài liệu xưa.

Đổi tên Trường Thanh Hoa ra Thanh Hoá, vì chữ "Hoa" là tên vợ vua.

Năm Nhâm Ngọ (1822) Minh Mạng 3, mở khoa thi Hội đầu tiên của triều Nguyễn, lấy trúng cách 8 người, Hà Tông Quyền đạt Hội nguyên. Vào thi Đình, Nguyễn Ý đỗ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), 7 người kia cho đỗ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Đặt lệ "Tứ bất" nên không ban học vị Trạng nguyên; còn hơn thế nữa, suốt thời Minh Mạng không lấy đỗ Bảng nhãn và Thám hoa.

Năm Ất Dậu (1825) Minh Mạng 6, mở Chính khoa thi Hương với nhiều sửa đổi lớn. Từ đây, theo lệ cũ của nhà Lê, 3 năm 1 khoa, thi Hương vào mùa thu các năm Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu; thi Hội vào mùa xuân năm sau tức Sửu, Thìn, Mùi, Tuất. Trường thi Hương ở Vị Hoàng, đổi tên là Trường Nam Định, Trường Trực Lệ đổi thành Trường Thừa Thiên. Người đỗ tứ trường trước gọi là Hương cống, nay theo lệ nhà Trần gọi là Cử nhân, đậu Tam trường gọi là Tú tài thay cho Sinh đồ.

Khoa thi Tiến sĩ năm Kỷ Sửu (1829) Minh Mạng 10, lấy đỗ 1 Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), 8 Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân và 5 Phó bảng. Lệ đặt học vị Phó bảng vào hàng đại khoa có từ đấy, ai đỗ không được thi Hội nữa, vì xem như tương đương với Tiến sĩ, nhưng quyền lợi thì thua kém hơn.

Khoa thi Hương năm Giáp Ngọ (1834) Minh Mạng 15, giải thể Trường Thanh Hoá, trong nước chỉ còn 5 trường thi, từ đây dùng phép thi ba kỳ và một kỳ phúc khảo làm một đề biểu mừng. Năm sau thi Hội cũng dùng phép thi ba kỳ.

Khoa thi Hương năm Ất Mùi (1835), Minh Mạng 16, mở thi riêng cho Trường Gia Định vì chính khoa Giáp Ngọ (1834) gặp biến Lê Văn Khôi, trường này không thi được. Lệ khoa triển hạn

H 3: Chòi canh Trường thi Hà Nam khoa Đinh Dậu. Ảnh tài liệu xưa, 1897.

bắt đầu từ đấy.

3 - Nguyễn Hiến Tổ (1841-1847): định lệ lịch thi, hạn số trúng tuyển

Năm Tân Sửu (1841), niên hiệu Thiệu Trị 1, mở Ân khoa thi Hương, qui định lấy đậu 123 Cử nhân, chia 5 trường như sau: Trường Thừa Thiên 38 người, Nghệ An 25 người, Hà Nội 23 người, Nam Định 21 người, Gia Định 16 người. Lệ định số lấy đỗ Cử nhân ở các trường có từ đấy, nhưng thường trồi sụt tùy ở số lượng và học lực của thí sinh trong mỗi khoa; chẳng hạn khoa này lấy đỗ

114 Cử nhân, ít hơn hạn số là 9 người.

Chính khoa thi Hương năm Quý Mão (1843), Thiệu Trị 3, định lệ lịch thi, chấm bài và yết bảng: Mồng 1 thi kỳ nhất, mồng 9 thi kỳ hai, ngày 18 thi kỳ ba, ngày mồng 1 tháng sau ra bảng, hạn định 1 tháng phải hoàn tất không được kéo dài. Cứ tháng 7 thi ở Trường Thừa Thiên, Nghệ An; tháng 9 thi ở Trường Gia Định và tháng 10 ở trường Hà Nội, Nam Định. Việc chấm bài cũng sửa đổi; những quyển thi bị các quan sơ khảo loại phải giao cho quan phúc khảo duyệt lại để khỏi bị oan.

Nhờ có lệ Ân khoa, Triển khoa tiến hành cùng lúc với Chính khoa nên liên tiếp 4 năm (1840-1843) đều có mở thi Hương; thi Hội cũng 4 khoa liền từ năm 1841-1844. Trước kia, trường thi là bãi đất trống, mỗi lần mở khoa thi mới rào kín chung quanh bằng tre, dựng nhà tạm bằng tranh tre cho các quan trường ở và làm việc; thi xong tháo gỡ đi. Kể từ khoa Quý Mão, lệnh xây nhà cố định cho quan trường, còn 4 vi vẫn để đất trống, khi có khoa thi mới cất lều. Riêng Trường Thừa Thiên, các vi đều xây những dãy nhà dài, chia làm nhiều gian để thí sinh ngồi làm bài. Thi Hương, mỗi gian chứa 4 thí sinh; thi Hội thì mỗi gian chỉ có 1 thí sinh.

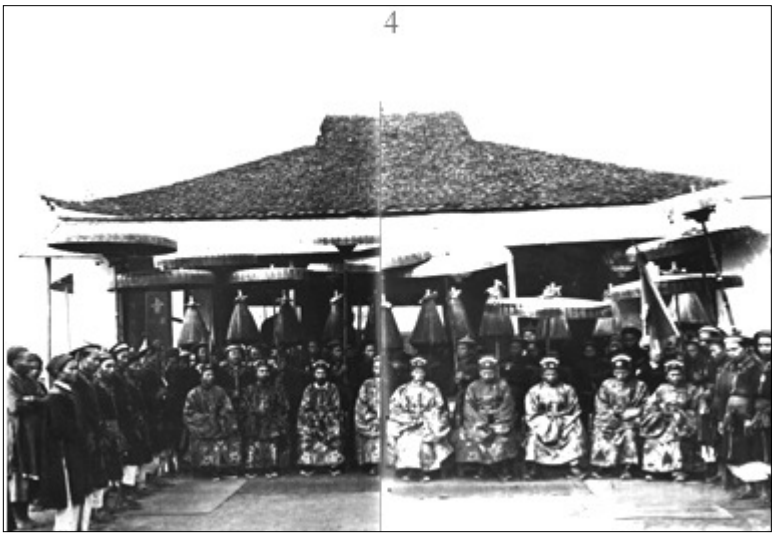

H 4: Điển hình một Hội đồng thi Hương.
Ảnh tài liệu xưa.

4 - Nguyễn Dực Tông (1848-1883) : thêm nhiều trường thi và khoa thi

Năm Mậu Thân (1848), niên hiệu Tự Đức 1, mở Ân khoa thi Hương ở 6 trường thi như cũ vì có thêm Trường Thanh Hóa mà nhà vua vừa cho tái lập sau một thời gian dài suốt 9 khoa (1834-1847) bị giải thể.

Khoa thi Hương năm Canh Tuất (1850) Tự Đức 3, dùng lại phép thi 4 kỳ, chia thang điểm làm 7 bậc: ưu, ưu thứ, bình, bình thứ, thứ, thứ thứ, liệt.

Năm Tân Hợi (1851) vừa thi xong Chính khoa Tiến sĩ lại mở thêm Chế khoa Cát sĩ, cao hơn cấp Tiến sĩ. Năm ấy Vũ Duy

H 5: Quan trường Hội Đồng Thi Hương Hà Nam đang làm việc. Ảnh tài liệu xưa.

Thanh vừa đậu Phó bảng khoa Tiến sĩ lại ứng thí khoa Cát sĩ, đỗ thủ khoa, được ban học vị Bác học hoành tài Đệ Nhất giáp Cát sĩ cập đệ Đệ Nhị danh (Bảng nhãn). Nguyễn Thái vừa đỗ Phó bảng, lại trúng Bác học hoành tài Đệ Nhị giáp Cát sĩ xuất thân (Hoàng giáp). Và cũng từ năm này, các khoa thi Hội dùng lại phép thi 4 kỳ cho tới khi chấm dứt nền Hán học (1919).

Khoa thi Hương năm Nhâm Tý (1852) Tự Đức 5, lập Trường thi Bình Định, qui định lại số lấy đậu Cử nhân: trường Hà Nội 20, trường Nam Định 20, Thanh Hoá 20, Nghệ An 18, Thừa Thiên 20, Bình Định 13, Gia Định 13.

Khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1858) Tự Đức 11, dùng lại phép thi 3 kỳ, bỏ môn thi phú nhưng thi Hội vẫn dùng vì còn áp dụng phép thi 4 kỳ.

Năm Ất Sửu (1865) Tự Đức 18, vừa thi xong Chính khoa Tiến sĩ lại mở thêm khoa Nha sĩ, kém hơn cấp Tiến sĩ nhưng vẫn là đại khoa, được khắc tên vào bia đá dựng ở Văn Miếu (Huế). Đặng Văn Kiều đỗ Đình nguyên Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Tam danh khoa Nha sĩ (Thám Hoa), Nguyễn Thượng Phiên (thân phụ Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền) là 1 trong 4 người đỗ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Nha sĩ (Hoàng giáp).

Khoa thi Hương năm Bính Tý (1876) Tự Đức 29, kỳ 2 bỏ chiếu biểu luận, trở lại thi thơ phú, lối văn tứ lục cũng bỏ, đến thi Hội mới dùng. Từ khoa này qui định lấy đỗ cứ 1 Cử nhân là 2 Tú tài.

5 - Nguyễn Giản Tông (1883-1884): vài sửa đổi nhỏ

Năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc 1, mở khoa Triển hạn thi Hội (đáng lẽ thi vào năm trước là Quý Mùi - 1883). Sau khoa này, lệ Triển hạn cho kỳ thi Hội không còn nữa, nhưng vẫn còn áp dụng cho thi Hương.

Cũng năm Giáp Thân (1884) mở Ân khoa thi Hương, có sửa đổi ở kỳ phúc hạch. Trước chỉ làm một bài tứ lục để định vị thứ Cử nhân, nay phải làm tất cả các môn đã thi ở ba kỳ trước, hạn thi một ngày. Trường Hà Nội và Nam Định, chiến sự còn tiếp diễn, tạm thi ở Thanh Hoá, gọi là Khoa thi Xứ Thanh.

6 - Nguyễn Hàm Nghi (1885): hoãn thi vì biến cố

Năm Ất Dậu (1885), mở Chính khoa thi Hương, đồng thời cũng mở Ân khoa thi Hội. Năm ấy Trường Bình Định mở thi Hương sớm; còn Trường Thừa Thiên vừa thi Đình xong, chưa kịp truyền lô [2] thì rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi bôn đào. Các trường chưa kịp thi Hương thì đình lại, Trường Bình Định đang thi nên cố cho xong, phần lớn các thí sinh ở các tỉnh xa bỏ ra về, vào phúc hạch chỉ có 7 người ở Bình

Định và 1 người ở Phú Yên, quan trường cho đỗ cả.

7 - Nguyễn Cảnh Tông (1886- 1888): thi cử chưa ổn định

Năm Bính Tuất (1886), niên hiệu Đồng Khánh 1, mở thi Hương vừa là ân khoa vừa triển hạn, tuy nhiên tình hình chưa ổn định, chỉ có Trường Hà Nam tổ chức được mà thôi. Cũng từ khoa này, Trường Hà Nội đóng cửa vĩnh viễn, sĩ tử vào thi chung với Trường Nam Định nên đổi tên gọi là Trường thi Hà Nam.

Khoa Đinh Hợi (1887) mở lại khoa Triển hạn cho các trường năm trước không thi được, nhưng chỉ có Trường Thừa Thiên tổ chức được. Năm Mậu Tý (1888) đúng hạn kỳ mở Chính khoa thi Hương nhưng chỉ có 3 trường tham dự là Hà Nam, Nghệ An và Thừa Thiên. Suốt triều Đồng Khánh không mở được thi Hội.

H 6: Lễ Xướng danh thi Hương khoa Đinh Dậu.
Ảnh tài liệu xưa.

8 - Nguyễn Thành Thái (1889- 1907): kỷ lục số lấy đậu

Dưới triều Thành Thái giữ đúng hạn kỳ 3 năm 1 khoa, bỏ lệ Ân khoa và khoa Triển hạn, gặp lễ mừng thì tăng số lấy đỗ ở Chính khoa. Vì vậy 6 khoa thi Hương ở triều Thành Thái đều có số đậu cao:

Khoa Tân Mão (1891) lấy đỗ 151 Cử nhân, chiếm hàng thứ năm trong các khoa thi Hương triều Nguyễn; khoa Giáp Ngọ (1894) lấy đỗ 148 Cử nhân, chiếm vị thứ sáu; khoa Đinh Dậu (1897) có 166 Cử nhân, xếp hạng nhì; khoa Canh Tý (1900) có 204 Cử-nhân, chiếm hạng nhất; khoa Quý Mão (1903) có 135 Cử nhân, chiếm hạng 11 và khoa Bính Ngọ (1906) có 158 Cử nhân, chiếm hạng tư.

Đáng kể nhất là khoa Canh Tý (1900), Thành Thái 12, Trường Nghệ An có Phan Bội Châu (1867-1940) vừa chiếm Giải nguyên vừa chiếm độc bảng. Trong khi đó tại Trường thi Thừa Thiên, Huỳnh Thúc Kháng (1876-1946) đoạt Giải nguyên. Hai vị thủ khoa này trở thành hai nhà cách mạng nổi tiếng trong lịch sử chống Pháp.

Song song với 6 khoa Cử nhân, có 6 khoa Tiến sĩ, số thi đậu cũng tương đối cao. Trong đó, đáng kể là khoa Nhâm Thìn (1892) niên hiệu Thành Thái 4, có Vũ Phạm Hàm (1864-1906) đạt Tam nguyên Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Tam danh (Thám hoa), Nguyễn Thượng Hiền (1868-1925) đứng đầu hàng Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), Chu Mạnh Trinh (1862-1905) Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, là những bậc danh tài. Ngoài ra, khoa Giáp Thìn (1904), Thành Thái 16, có Trần Quí Cáp (1870-1908) và Huỳnh Thúc Kháng đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, là hai nhà cách mạng nổi tiếng.

H 7: Thí sinh xem yết bảng danh sách trúng tuyển thi Hương. Ảnh tài liệu xưa.

9 - Nguyễn Duy Tân (1907- 1916): đổi mới phép thi

Từ triều Duy Tân về sau vẫn giữ lệ của Thành Thái là dù thi Hương hay thi Hội, chỉ mở Chính khoa đúng hạn kỳ và không có khoa đặc biệt.

Khoa thi Hương năm Kỷ Dậu (1909) Duy Tân 3, có nhiều cải tổ quan trọng. Bộ Học ra đời từ năm 1907 nên việc học hành và thi cử không thuộc về bộ Lễ nữa. Phép thi thay đổi, kỳ nhất ra 10 bài văn sách, tối thiểu phải làm 5 bài; kỳ hai thi thơ phú, mỗi loại 1 bài; kỳ ba 1 đề luận chữ nho và 1 đề luận chữ quốc ngữ. Thang điểm cho từ 0 đến 20, bài kỳ nhất được 10 điểm trở lên thì trúng và được thi kỳ hai, các kỳ sau cũng vậy. Riêng có kỳ thi tình nguyện (không bắt buộc) dịch Pháp văn ra quốc ngữ, đề do Toà Khâm ra, nếu trên 10 điểm, sẽ cộng số điểm thặng dư vào ba kỳ. Cộng điểm 3 kỳ và kỳ tình nguyện (nếu có) được 40 điểm thì

H 8: Tổng đốc sở tại đãi yến các tân khoa Cử nhân. Ảnh tài liệu xưa.

vào phúc hạch để thi tổng quát các môn đã thi ở 3 kỳ; nếu được 7 điểm trở lên thì trúng kỳ phúc hạch, rồi lấy điểm tổng cộng các kỳ thi để xếp hạng Cử nhân. Ngoài ra những ai được điểm từ 30 đến 39 đều xếp vào hạng chọn Tú tài, rồi căn cứ vào nguyên ngạch 1 Cử nhân 3 Tú tài mà lấy từ cao xuống thấp. Riêng trường Hà Nam thuộc Bắc Kỳ, có phép thi khác: kỳ nhất thi văn sách 5 bài; kỳ hai luận chữ nho 2 đề; kỳ 3 luận chữ quốc ngữ 2 đề; vào

phúc hạch 1 bài luận chữ nho và 1 bài luận chữ quốc ngữ. Các đề thi chữ quốc ngữ do phủ Thông sứ soạn ra, có riêng hội đồng chấm bài, xong giao cho quan trường vào điểm kỳ thi.

Các khoa thi Hương sau tiếp tục cải tiến, có thi văn chương, toán, sử hoặc địa hay khoa học thường thức và làm bài bằng chữ quốc ngữ. Năm Ất Mão (1915), Duy Tân 9, là khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ, môn thi luận quốc ngữ ra đề bằng Pháp văn, thí sinh phải dịch ra Việt, mới làm bài được.

10 - Nguyễn Hoằng Tông (1916- 1925): những khoa thi cuối cùng

Tại Trung Kỳ, nuối tiếc kéo dài thêm một khoa nữa, đó là khoa thi Hương năm Mậu Ngọ (1918), Khải Định 3. Trên danh nghĩa có danh sách riêng của 4 trường thi là Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên và Bình Định, nhưng hợp thí ở hai địa điểm là trường Thừa Thiên (cho trường Bình Định thi nhờ) và trường Nghệ An (cho Thanh Hoá thi nhờ).

Lần thi Tiến sĩ cuối cùng và chấm dứt hẳn nền Hán học, đó là khoa Kỷ Sửu (1919) Khải Định 4, lấy đỗ 23 người: hàng Tiến sĩ 7 người, có Nguyễn Phong Di đỗ Đình nguyên Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân; hàng Phó bảng gồm 16 người, có Nguyễn Xuân Đàm dẫn đầu.

II -TỔNG KẾT CÁC KHOA THI TRIỀU NGUYỄN

Từ khi nhà Nguyễn lên ngôi đến lúc nền Hán học cáo chung (1802-1919) là 117 năm, cả thảy có 88 khoa Cử nhân, Tiến sĩ và tương đương, chia ra như sau:

1 -Về thi Hương:

- Thi Hương có 48 khoa, cả thảy là 195 lượt thi, cung cấp cho đất nước 5.236 Cử nhân, và khoảng 12.000 Tú tài [3] ở các trường thi sau đây: Trường Hà Nội 29 khoa (1813-1884) lấy đỗ 691 Cử-nhân; Sơn Tây 1 khoa (1807) lấy đỗ 19 Cử nhân; Kinh Bắc tức Bắc Ninh 1 khoa (1807) đỗ 7 Cử nhân; Hải Dương 1 khoa (1807) đỗ 5 Cử nhân; Nam Định tức Sơn Nam 29 khoa (1807-1879) đỗ 658 Cử nhân; Hà Nam (hợp nhất trường Hà Nội và Nam Định) 11 khoa (1886-1915) đỗ 650 Cử nhân; Thanh Hoá 32 khoa (1807-1918) đỗ 449 Cử nhân; Nghệ An 42 khoa (1807-1918) đỗ 868 Cử nhân; Thừa Thiên 42 khoa (1813-1918) đỗ 1265 Cử nhân; Bình Định 23 khoa (1852-1918) đỗ 355 Cử nhân; Gia Định 19 khoa (1813- 1858) đỗ 259 Cử nhân, An Giang 1 khoa (1864) đỗ 10 Cử nhân.

H 9: Áo mão Triều đình ban cho tân khoa Cử nhân.
Ảnh tài liệu xưa.

- Bốn mươi tám (48) khoa thi Hương của triều Nguyễn, trải dài từ năm Đinh Mão (1807) đến năm Mậu Ngọ (1918) ngót 111 năm, nếu tính theo các đời vua, sẽ là: Gia Long (1802-1819) mở 3 khoa, Minh Mạng (1820-1840) mở 8 khoa, Thiệu Trị (1841-1847) mở 5 khoa, Tự Đức (1848-1883) mở 17 khoa, Kiến Phúc (1883-1884) mở 1 khoa, Hàm Nghi (1885) mở 1 khoa, Đồng Khánh (1886-1888) mở 3 khoa, Thành Thái (1889-1907) mở 6 khoa, Duy Tân (1907-1916) mở 3 khoa, và Khải Định (1916-1925) mở 1 khoa rồi chấm dứt.

- Phân loại, gồm có: 33 chính khoa, trong đó có 3 khoa ở những năm 1891, 1900 và 1906 gia ân lấy thêm số đậu Cử nhân và Tú tài. Lại có 9 lần mở ân khoa, và 6 lần mở khoa triển hạn.

2 -Về thi Hội:

Thi Hội và thi Đình có 40 khoa (39 khoa thực hiện đầy đủ và 1 khoa bỏ cuộc), cả thảy 572 lượt người thi đỗ [4], nhưng chính thức có tên 558 lượt người, gồm: 2 Bảng nhãn, 9 Thám hoa, 54 Hoàng giáp, 227 Tiến sĩ, và 266 Phó bảng.

Trong 40 khoa kê trên, phân chia theo các đời vua:

- Gia Long (1802- 1819): không mở khoa thi Hội.

- Minh Mạng (1820- 1840): mở 6 khoa, đều là Chính khoa. Trúng tuyển 76 người, gồm 56 Chính bảng (11 Hoàng giáp, 45 Tiến sĩ) và 20 Phó bảng.

- Thiệu Trị (1841-1847): mở 5 khoa, gồm 3 Chính khoa và 2 Ân khoa. Lấy đỗ 79 người, gồm 48 Chính bảng (2 Thám hoa, 8

H 10: Phẩm phục vua ban cho tân khoa Tiến sĩ.
Ảnh từ Google.

Hoàng giáp, 38 Tiến sĩ) và 31 Phó bảng.

- Tự Đức (1848-1883): mở 16 khoa, gồm 12 Chính khoa, 2 Ân khoa, 1 Chế khoa, và 1 khoa Nha sĩ. Trúng tuyển 206 người, gồm: 102 Chính bảng (2 Bảng nhãn, 6 Thám hoa, 18 Hoàng giáp, 76 Tiến sĩ) và 104 Phó bảng.

- Kiến Phúc (1883-1884) mở Ân khoa, lấy đỗ 7 người, gồm 3 Chính bảng (1 Hoàng giáp, 2 Tiến sĩ) và 4 Phó bảng.

- Hàm Nghi (1885): mở 1 khoa, kết quả thi Hội có 14 người trúng tuyển, đã vào thi Đình, chưa kịp truyền lô, xảy ra biến cố Kinh đô thất thủ nên bỏ cuộc (xem ghi chú 2).

- Đồng Khánh (1886-1888): không mở khoa thi Hội.

- Thành Thái (1889-1907) mở 7 Chính khoa, lấy đỗ 121 người, gồm 59 Chính bảng (1 Thám hoa, 10 Hoàng giáp, 48 tiến sĩ) và 62 Phó bảng.

- Duy Tân (1907-1916) mở 2 Chính khoa, lấy đỗ 33 người, gồm 10 Chính bảng (1 Hoàng giáp, 9 Tiến sĩ) và 23 Phó bảng.

- Khải Định (1916-1925) mở 2 Chính khoa rồi chấm dứt. Trúng tuyển 36 người, gồm 14 Chính bảng (1 Hoàng giáp, 13 Tiến sĩ) và 22 Phó bảng.

III -VẤN ĐỀ ĐẶT RA THAY CHO LỜI KẾT

Dù cho cải tiến đến đâu, nền Hán học cũng không thể thích ứng với thời đại văn minh, khoa học đang tiến triển rất nhanh. Ý hướng muốn dứt bỏ nền cựu học, đã xảy ra từ nhiều phía:

- Với những nhà yêu nước thức thời, lối học ấy quá lỗi thời, không giúp ích gì được trong việc cứu nguy đất nước, trước làn sóng xâm lược của Tây phương. Nguyễn Khuyến đã than:

Sách vở ích gì cho buổi ấy,
Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.
(Ngày Xuân Dặn Con Cháu)

Đã vậy, nghi lễ của khoa cử không còn mang ý nghĩa thiêng liêng triều đình chọn hiền tài, mà chỉ là một trò hề của thời kỳ nô lệ:

Hạch triều Hàm Nghi

Thi đời Đồng Khánh
Bái mệnh Toàn quyền
Bà đầm ngồi trửa (giữa)
Ông lớn ngồi bên
Các ông lạy xuống trông lên,
Vinh hoa áo mão nhục quên mất rồi!
(Ca dao)

Và thấm thía hơn, Trần Tế Xương đã cười chua chát:

Trên ghế bà Đầm ngoi đít vịt,
Dưới sân ông Cử ngóng đầu rồng!
(Giễu Người Thi Đỗ)

- Với những nhà Cách mạng chống Pháp, nền cựu học không những lạc hậu mà còn mê muội, làm cản trở sự tiến bộ của dân tộc, trong công cuộc giải thoát đất nước, ra khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Phan Châu Trinh cho nổ quả bom "Chí Thành Thông Thánh" giữa Trường thi Bình Định (1905), làm thức tỉnh sĩ tử cả nước:

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương thụy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung.
Trần Quí Cáp dịch:

Muôn dân tôi tớ phường quyền mạnh,
Tám vế văn chương giấc ngủ mơ.
Dày mặt mỉa mai đành chịu mãi,
Thoát thân trói buộc biết bao giờ.

- Còn đối với thực dân Pháp, ngày nào Nam triều vẫn duy trì nền Hán học tức là còn độc lập về mặt giáo dục, còn thoát ra khỏi quỹ đạo của Bảo hộ. Và nguy hiểm hơn nữa, các thủ lãnh chống Pháp của Phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du, Kháng Thuế, Đông Kinh Nghĩa Thục... hầu hết đều xuất thân từ khoa bảng của nền cựu học. Với họ, muốn bảo vệ ách thống trị, cần phải xóa bỏ nền cựu học... Vì thế, các khoa thi Hương phải vĩnh viễn cáo chung, nhường bước cho nền Học Chính Tổng Quy, quen gọi là nền học Pháp Việt, ban hành bởi nghị định ký ngày 21-12-1917 của Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut.

San Jose, ngày 12- 12- 2012
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Năm 1803, vua Gia Long xây dựng Đốc Học Đường tại An Ninh Thượng, huyện Hương Trà, cách kinh thành Huế chừng 5 km về phía Tây, trường nằm cạnh Văn Miếu, mặt hướng ra sông Hương.

Tháng 3 năm 1820, vua Minh Mạng cho đổi tên thành trường Quốc Tử Giám. Lúc này Quốc Tử Giám được phát triển to lớn hơn. Quốc Tử Giám tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tiếp sau đó.

Đến năm 1908, thời vua Duy Tân, Quốc Tử Giám được dời vào bên trong Kinh thành, bên ngoài, phía Đông Nam Hoàng thành.

[2] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Phan Huy Giu dịch, quyển 37 (Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977); trang 37: Khoa Ất Dậu (1885) thi Hội lấy chánh phó trúng cách 14 người; Trần Đạo Tiềm đỗ Hội nguyên, Đặng Quĩ đỗ thứ 14, vào thi Đình chưa kịp truyền lô thì gặp biến Kinh đô thất thủ đêm rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 nên bỏ cuộc.

[3] Từ năm 1876 lệ định 1 Cử nhân lấy đỗ 2 Tú tài, từ năm 1884 cứ 1 Cử nhân là 3 Tú tài.

[4] Trong 572 lượt người thi đỗ, bao gồm 14 người trúng thi Hội khoa Ất Dậu (1885).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CAO XUÂN DỤC; Quốc Triều Hương Khoa Lục, Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch; Sài Gòn, nxb TP/ HCM, 1993.

. . . . . ; Quốc Triều Khoa Bảng Lục, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu dịch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.

NGÔ ĐỨC THỌ chủ biên; Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam; Hà Nội, nxb Văn Học, 1993.

NGUYỄN PHU; Giáo Dục Và Khoa Cử Triều Nguyễn; Sài Gòn, nxb Trẻ, 1997.

NỘI CÁC TRIỀU NGUYỄN; Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, nguyên có 262 quyển, Viện Sử Học dịch và ấn hành thành 15 tập; Huế, nxb Thuận Hóa, 1993.

PHAN HUY CHÚ; Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, Tổ phiên dịch Viện Sử Học Việt Nam dịch; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; Đại Nam Thực Lục Chính Biên, Phạm Huy Giu và Trương Văn Chinh dịch, quyển 37; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977.

TOAN ÁNH; Nếp Cũ Con Người Việt Nam, in lần thứ hai; Sài Gòn, Khai Trí, 1970.

TRẦN HỒNG ĐỨC; Các Vị Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa Qua Các Triều Đại Phong Kiến Việt Nam; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.

TRẦN TRỌNG KIM; Việt Nam Sử Lược, in lần thứ bảy; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.

VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG; Niên Biểu Việt Nam; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1984.

◆

Đà Lạt tình thu

Đà Lạt mưa nhiều lắm hỡi em ?
Mây bay tóc xỏa ướt vai mềm.
Mắt em là cả trời nhung nhớ.
Hoa thắm ban chiều lại đẹp thêm
Cô em Đà Lạt, má hoa đào,
Gió cợt thông ngàn phố núi cao.
Cữ khách bâng khuâng, lòng thổn thức,
Em là bến mộng với trăng sao

Hỡi người em gái xứ mù sương,
Gặp gỡ nhau chi để vấn vương.
Ánh mắt ngại ngùng chưa dám nói,
Tâm hồn xao xuyến, mối tình vương.

Anh là lữ khách, bước phiêu du,
Chợt đến rồi đi tựa khói mù.
Em hỡi, còn gì trong ký ức?
Phải chăng thoáng nhẹ, chút tình thu?

Lê công Thành
(Seattle)

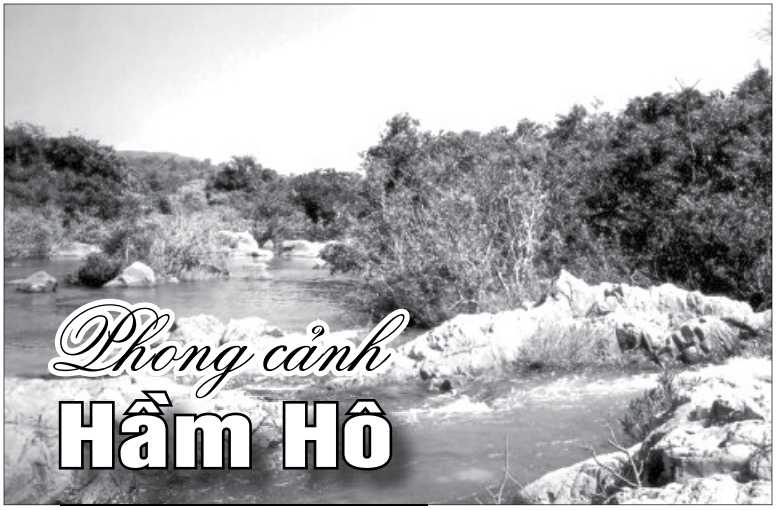

Phong cảnh Hầm Hô

Cố, Nguyễn Đình Lương

Dân xứ "Nẫu" rất đỗi tự hào về quê hương của mình. Vùng đất thiêng đã sản sinh ra ba anh em nhà Tây-Sơn hào kiệt. Có nhiều di tích lịch-sử và thắng cảnh đẹp, trong đó có Hầm-Hô.

Hầm-Hô là một cảnh đẹp kỳ vĩ, là hậu cứ của nhân-dân địa phương chống ngoại xâm qua các thời kỳ:

"Hầm-Hô cữ nước còn đầy,
Còn gương phấn dũng, còn ngày vinh quang"

Không chỉ thế, đối với tôi, Hầm-Hô bây giờ còn là điểm du lịch sinh thái, phong cảnh núi rừng vừa quen vừa lạ. Như thực, như mơ. Nó như một người tình mà mỗi lúc cận kề là mỗi lần khám phá thêm nhiều mới lạ.

Phong cảnh ở đây cây lá bạt ngàn, núi hai bên bờ suối cao chớn chở. Thác nước chập chùng, đá chen đứng nằm ngổn ngang muôn hình muôn vẻ như một tượng điêu khắc lộ thiên. Lòng suối rộng, bị chia cắt thành nhiều phần, nhiều luồng tạo nên hầm sâu, vực rộng, hốc hang hiểm trở dị thường.

Hầm Hô còn có tên gọi suối Đồng-Hươu. Xưa kia hươu ở đây nhiều lắm, giờ chúng đã hóa ra "thiên cổ". Bờ suối phía Đông không có gì đáng nói, duy ở bờ phía Tây có phần lạ lẫm hơn. Vách núi đá dựng liền mạch, chạy dài hàng cây số tựa thành trì. Trên cao cổ thụ mọc chen, hang động hiểm trở rêu phong

Từ vách Đá Thành, một tảng đá hình chóp, màu gan gà lù lù chắn lối đi, đè lên cây lộc vừng hai thân, hoa lá lòng thòng trên vực. Muốn đi qua phải vòng tay ôm chầm lấy chóp đá, trườn mình lên nó hơn nửa vòng tròn mới bỏ được chân qua, chạt cây bên kia để đi tiếp. Thiên hạ la làng : "Đá bóp vú".

Đá Bàn, Cây Đa cao lớn như một tòa nhà hai tầng. Trên đỉnh chễm chệ, cây đa lâu năm, cành lá um-tùm, rễ đan chằng chịt, nó cột riết hai tảng đá chồng lại với nhau. Mặt đá dưới bằng phẳng, đủ chỗ ăn, chỗ nằm, chỗ chơi cho hơn vài chục người. Đứng ở đây có thể nhìn thấy toàn cảnh Hầm-Hô. Từ trên tầng cao Đá Bàn, theo chiều bậc cấp đá đi xuống sẽ gặp đuôi ngọn thác Dốc-Dài, nước đổ ầm ào vào hầm đá sâu vang vọng như tiếng ba quân (nay chỉ còn nghe thấy vào mùa mưa). Chỗ nầy còn gọi: "Vũ-Môn" vì cứ đến mùa gió Nam hằng năm, loại cá Niên ngược dòng vượt thác về nguồn đẻ trứng.

"Hầm-Hô có cá hóa rồng
Có suối nước chảy, có rồng làm mưa"

Chếch bên ngọn thác Dốc-Dài, quần tượng đá Lò-Rượu bày ra lò nấu rượu, hũ thông đựng hèm bọt trào ngất ngát, nhìn thấy đã say.

Đá Bà Tiên, nối giữa dòng suối lững lờ in bóng núi đá, mây trời Mặt đá phẳng phiu như hai chiếc chiếu lớn, bên lõm sâu nhiều hình ly chén uống rượu, lại thêm dấu mấy đôi đũa, mấy đĩa mồi. Chỗ nầy các già địa phương quả quyết rằng đã nhìn thấy cụ Lưu-Linh trong băng Trúc Lâm Thất Hiền cuối đời Ngụy Tấn bên Tàu, theo ánh trăng đêm lung linh giáng về đây bắt ốc đá, um lá dang sả ớt, nhậu rượu gạo Tây-Sơn say bí tỉ. Có lẽ từ đấy mà dân ở vùng

nầy từ nam phụ lão ấu đều nhậu "quá trời đất".

Đá Bà Cờ nằm trải dài theo mép nước, trên mặt dọc ngang đường kẽ thẳng ngắn dài. Dấu chữ "khẩu" chữ "điền" mờ mờ rêu phủ. Theo một vài người cao cờ tướng thì ngài Đế Thích trong "hồn Trương Ba, da hàng thịt" đã mấy lần về đây thách đấu tưng bừng.

Lại đêm xưa nào, ở cõi trời nóng bức, Hạ Tiên Cô hết chỗ tắm ngon lành bèn trút bỏ xiêm y giao lại cho cụ Lý Thiết Quày ôm giữ, bay xuống tắm nước Hầm-Hô. Nay còn để lại dấu vết một lỗ sâu tròn vành vạch, to hơn miệng thúng đầy nước trong veo. Chuyện này, một anh bạn họ Võ, Hậu duệ bảy đời Đô-Đốc Võ-Văn-Dõng xác nhận : Cụ Cố của anh có trông thấy Hạ Tiên Cô lồ lộ "một tòa thiên nhiên" ở chốn nầy đêm ấy.

Có hay không chưa chắc lắm nhưng có một điều chắc như "cột đình không thể trỗ hoa" là vào mùa hè mà tắm ở đây thì trên cả tuyệt vời. Còn tảng đá in dấu chân chàng Khổng Lồ chiều chiều ra ngoài câu cá, nhớ vợ ở biển xa năm xưa, nằm lưng chừng thác nước kia có thể liên quan đến câu ca dao:

" Ai về nhắn với nậu nguồn
Măng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên".

Chuyện rằng: Chàng Khổng Lồ ở núi vốn thích ăn cá nên gùi măng le xuống Giã đổi lấy cá chuồn. Cá chuồn khô, ngâm nước rút xương, giã nhỏ, nấu canh dưa hồng ngon thì không canh nào ngon bằng , và chắc cũng chưa có một bậc Vua Chúa nào trên cõi đời nầy được nếm thử. Lên xuống nhiều lần, chàng bén duyên cùng nàng Khổng Lồ xứ nước mặn. Ở với vợ thét rồi đâm nhớ núi. Chàng trốn vợ, lội ngược sông Côn về quê, đến xã Bình –Nghi (bây giờ) đói bụng ghé vào suối Đá-Trải quỳ gối mò cá rô ăn bị mắc cổ. Giận bỏ đi, sau khi cấm cá rô không được ở đây nữa, do đó ngày nay suối Đá Trải không có cá rô. Và trên một tảng đá bên bờ suối còn thủng một lỗ tròn như miệng bát, sâu hoắm nằm giữa hai dấu đầu gối cùng nhiều nhiều dấu bàn chân rất khổng lồ ngược dòng, đến tận suối Bà -Cương đổ về Hầm-Hô. Lại còn nghe trẻ chăn bò quanh vùng nghêu ngao hát:

"Khổng Lồ, Khổng Lồ, ông bắt cá rô, ông ăn mắc cổ. Không biết xấu hổ, đổ lỗi cá rô".

Chuyện đó có hay không, trời biết. Nhưng dấu tích và câu hát đồng dao còn đang thách thức với thời gian.

Sách xưa nói: " Chỗ nào nước có rồng thì nước linh. Chỗ núi nào có tiên thì cảnh đẹp." Nước Hầm-Hô có rồng . Núi Hầm-Hô có tiên.

Cố, Nguyễn Đình Lương.

Ân nhân Bình Định

Cà Mâu

Mùa hè đỏ lửa năm 72 Sư đoàn 3 Sao vàng xua quân đánh chiếm ba quận Bắc Bình định. Cuộc di tản đau thương của quân dân Bắc Bình định để lại dấu ấn trong tôi khó phai mờ. Dân chúng thị xã Qui nhơn tự động di tản gần hết vào Nha trang. Quận Phù mỹ trở thành địa đầu giới tuyến. Thực hiện mưu đồ chiếm trọn nửa tỉnh còn lại, Cộng quân với sự tăng cường một Trung đoàn pháo, mở một cuộc tấn công vào Chi khu Phù mỹ và BCH Trung đoàn 41 tại Căn cứ Trà quang. Trung tá Nguyễn Mạnh Tường được điều động từ Trung tâm Hành quân Quân đoàn về Tiểu khu Bình định để thành lập Bộ chỉ huy Chiến thuật tại Phù mỹ. Có mặt tại tuyến đầu Phù mỹ, ông đã điều nghiên tình hình, biết trước ý định tấn công của địch. Với tài dụng binh mưu lược, Trung tá Tường đã góp phần to lớn vào chiến thắng lừng lẫy của quân dân Bình định. Sau khi thị sát mặt trận An lộc, Kontum và Quảng trị, Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đến thị sát mặt trận Bình định. Ông nhiệt liệt khen ngợi quân dân Bình định và tuyên bố " Cùng với Bình long anh dũng, với Kontum kiêu hùng, vời Trị thiên vùng dậy, với Bình định quật khởi. Quân dân Miền Nam đã thật sự đánh bại ý đồ xâm lược của Cộng sản Bắc Việt.

Để phát huy truyền thống kiêu hùng và danh hiệu BÌNH ĐỊNH QUẬT KHỞI do Tổng Thống trao tặng, Tiểu khu Bình định

âm thầm chuẩn bị cho một cuộc hành quân qui mô tái chiếm lãnh thổ. Cuộc hành quân mang tên của vị Anh hùng áo vải "Hành Quân Bắc Bình Vương". Thiếu tướng Nguyễn Văn Toàn được chỉ định làm Tư lệnh Quân đoàn II và Đại tá Hoàng Đình Thọ được bổ nhậm làm Tỉnh trưởng Bình định. Với sự cộng tác nhiệt thành của Trung tá Tường , một Bộ Tham mưu hỗn hợp được thành lập. Trong vòng một tuần lễ của cuộc hành quân thần tốc, ba quận Bắc Bình định đã được giải phóng, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm địch quân, buộc chúng tháo chạy tản mác về Căn cứ địa 226, Mật khu Vĩnh thạnh và An lão.

Tướng Toàn đã nhìn thấy khả năng tham mưu và dũng lược của Trung tá Tường trong các chiến dich vừa qua. Ông yêu cầu Đại tá Thọ giao Tiểu khu lại cho Trung tá Nguyễn Mạnh Tường. Ông chính thức đảm nhiệm chức vụ Tiểu khu phó với toàn quyền Quân sự và An ninh. Lần đầu tiên trong lịch sử của TKBĐ, một Tiểu khu phó được phép hành xử quyền hạn như một vị Tiểu khu trưởng.

Trình bày quan niệm phục vụ của ông với Đại tá Hoàng Đình Thọ, ông nói: "Đại tá và tôi về đây, cầu danh thì được, cầu lợi thì không thể ở được cái đất Bình định nầy". Ông đề nghị Đại Tá Thọ nên đưa bà Thọ về Sàigòn, khi nào đi phép thì về thăm, đừng cho các bà ở đây, mình sẽ khó lòng làm việc." Ông cho Đại tá Thọ biết, từ trước tới giờ có các bà ở đây, chưa có ông Tỉnh nào làm được việc cả. Nhận thức được tình huống quân sự và chính trị khó khăn lúc đó của tỉnh nhà, vả lại ông Thọ là một người khôn ngoan, có nhiều kinh nghiệm xử dụng nhân sự trong lúc cần thiết, nên đã chấp mọi đề nghị của Trung tá Nguyễn Mạnh Tường. Trong một cuộc họp các cấp chỉ huy tại Căn cứ Trà quang, Đại tá Hoàng Đình Thọ tuyên bố: "Từ nay Tiểu khu sẽ đặt thuộc quyền của Trung Tá Nguyễn Mạnh Tường theo chính sách cái gì của lính phải trả cho lính. Ông ra lệnh cho Quân nhân mọi cấp từ nay làm việc theo mệnh lệnh của Trung tá Nguyễn Mạnh Tường. Đây là cơ hội cho ông đem khả năng để phục vụ quân đội.

Nguyễn Mạnh Tường thuộc lớp thanh niên trưởng thành trong cơn sốt độc lập, nhưng lại chứng kiến chính sách khủng bố tàn bạo những người Quốc gia trong hàng ngũ kháng chiến yêu nước của tập đoàn Cộng sản trong Đệ tam Quốc tế. Giải pháp độc lập, Dân vi quý của Bảo Đại đã thu hút nhiều thanh niên yêu nước. Ông gia nhập Quân đội theo học Khoá 5 VÌ DÂN. Cái tên của khóa Sĩ quan lại phù hợp với lý tưởng của Quân đội là phục vụ nhân dân. Lần đầu tiên ông thật sự quan tâm, khi nhận trọng trách chỉ huy một đơn vị lãnh thổ rộng lớn. Bắt tay vào việc củng cố đơn vị,

ông đề ra kế hoạch rèn cán, chỉnh quân, tăng cường và phục hồi chức năng quân đội. Cá nhân ông từ chối dinh thự, dành riêng cho vị Tiểu khu phó. Chỗ ngủ của ông là một cái giường bố tại Trung tâm Hành quân Tiểu khu, ăn uống tại chỗ, giản dị như binh lính. Ngoài các công tác tham mưu và hành quân thường nhật, ông lặn lội và bất ngờ đi sâu đến từng thôn xóm, để tìm hiểu đời sống gia đình của từng anh em Nghĩa quân, quan sát tình hình và đời sống dân chúng. Ông cần mẫn làm công việc đó, cho tới khi nào nắm vững được các mặt tiêu cực của các quan chức, cán bộ quân đội và chính quyền xã, ấp để chuẩn bị lên kế hoạch thích hợp. Tự nhận biết mình đã từng vướng mắc những sai lầm trong quá trình chính trị cá nhân, ông quan niệm Cách mạng không phải là Đảo chánh. Cách mạng là sửa đổi cung cách lãnh đạo trong phục vụ quần chúng. Đó cũng là kim chỉ nam của ông trong suốt quá trình phục vụ Quân đội. Tiểu khu Bình định, có một lãnh thổ rộng lớn với hàng triệu dân số, với 14 quận và chi khu, 2 Liên đoàn ĐPQ, một BCH pháo binh diện địa với 3 khẩu đội, một Trung tâm Yểm trợ Tiếp vận, 18 Tiểu đoàn ĐPQ, 12 Đại đội biệt lập, 620 Trung đội nghĩa quân cùng với lực lượng NDTV và Xây dựng Nông thôn. Ngoài Trung đoàn 41 đóng tại Phù mỹ và Trung đoàn 40 đóng tại Căn cứ Đệ đức, Tiểu khu còn được tăng phái 2 Liên đoàn BĐQ để đáp ứng nhu cầu hành quân chiến thuật. Nhiệm vụ điều phối một quân số phức tạp trên 2 Sư đoàn gia tăng khả năng phối hợp quân bạn trong công tác phối trí và hành quân chiến thuật là mối quan tâm hàng đầu của ông. Đồng thời ông cũng rất quan tâm đến cơ hội thăng tiến của thuộc cấp .

Bảng cấp số Chi khu trưởng là Trung tá, Ông tuyển chọn những sĩ quan cấp Thiếu Tá có đạo đức, khả năng chính trị, hành chánh và quân sự để đề nghị bổ nhiệm hầu khuyến khích họ năng nổ làm việc.

Về các Tiểu đoàn trưởng ĐPQ , ông tuyển chọn những sĩ quan cấp Đại úy có khả năng để giúp ông thực hiện kế hoạch rèn luyện cán bộ, chỉnh trang và huấn luyện đơn vị. Ai được ông tuyển chọn đều phải tuyên thệ trước mặt ông, tuyệt đối không được hủ hóa. Đơn vị trưởng nào hay la cà nhậu nhẹt, vợ lớn vợ bé, lính ma, lính kiểng đều bị ông cách chức.

Các đơn vị phải được luân phiên hoán chuyển một cách công bằng để hành quân chiến thuật và bồi dưỡng huấn luyện.

Ông đích thân soạn thảo các tài liệu học tập đạo đức cán bộ, vai trò lãnh đạo chỉ huy và kỷ luật Quân đội. Ông cho thiết lập Hộp thư Quân ý để tìm hiểu ý nguyện của quân sĩ ngõ hầu soạn thảo các kế hoạch thích hợp. Ông nói: "Thu thập càng nhiều ý

kiến của quân sĩ, càng củng cố vững mạnh vai trò lãnh đạo của cấp chỉ huy." Ông phê phán quan niệm phòng thủ thụ động với việc tăng cường và thiết lập đồn bót trong phối trí lãnh thổ, với ông theo dõi địch và lưu động đánh địch, chứ không phải ngồi trong đồn chờ địch tới đánh mình. Ông đặc biệt lưu tâm vai trò lãnh đạo của Chi khu và Phân chi khu, để tác động hữu hiệu đến các hoạt động thường xuyên của nghĩa quân, tránh chủ quan, lơ là khinh địch. Khi Sư Đoàn Mãnh Hổ Đại Hàn triệt thoái về nước, Quân đoàn đang lo lắng làm cách nào để có lực lượng thay thế. Trung Tá Nguyễn mạnh Tường đã làm ngạc nhiên các giới chức Quân đoàn. Ông trình bày kế hoạch thay thế Sư Đoàn Mãnh Hổ Đại hàn bằng 36 Trung đội Nghĩa quân hoạt động hiệu quả hơn, và ông đã hoàn thành lời hứa một cách xuất sắc.

Về các hoạt động điều phối tại Bộ Tham mưu Tiểu khu. Ông cho rằng Sĩ quan Tham mưu không hẳn là công cụ để thực hiện chính sách của Đơn vị Trưởng. Ông nhận thấy đó là một thực thể hiện hữu không mấy tốt đẹp. Ông nói: "Ngay cả Đơn vị trưởng nhiều khi cũng hạn chế về khả năng hoặc lạm dụng quyền lực. Vì vậy Sĩ quan Tham mưu phải quan niệm phục vụ lợi ích quân đội trong phạm vi đặc thù chuyên môn." Ông cũng bác bỏ quan điểm Nguyên tắc là Nguyên tắc. Theo ông, nguyên tắc chỉ có mục đích biện minh cho tính minh bạch. Dựa trên kinh nghiệm thực tiễn, ông yêu cầu các phòng ban nghiên cứu các phần vụ kế hoạch và sẵn sàng trả lời các câu hỏi của ông.

Ông cũng đã tiên liệu trước việc lần lượt triệt thoái của các lượng lượng Đồng minh, kèm theo việc cắt giảm quân viện. Ông yêu cầu Phòng 4 Tiểu khu thiết lập và trình bày kế hoạch tiết kiệm và xử dụng hiệu quả quân trang quân dụng, Ông lưu ý các sĩ quan điều phối tiếp vận phải kiểm tra thường xuyên, chú trọng đặt biệt việc xử dụng đạn dược phải tương ứng với các thành quả chiến thắng. Pháo binh chỉ được xử dụng khi có yêu cầu chính xác của chiến trường, chấm dứt việc bắn quấy rối như trước .

Ông cũng bác bỏ kế hoạch thiết lập và thông báo các lịch trình thanh tra thường niên. Thanh tra phải được thực hiện bất ngờ và phải được báo cáo kịp thời. Mục đích của thanh tra là phát hiện sai phạm và ngăn ngừa kịp thời sự lạm dụng. Ông luôn dò hỏi, tìm kiếm những cán bộ liêm chính bổ nhiệm vào các chức vụ thanh tra.

Xuyên suốt quá trình thực hiện kế hoạch Rèn Cán Chỉnh Quân, cơ cấu tổ chức, cơ cấu lãnh đạo đơn vị đã thực sự đi vào nề nếp, tạo thành quả hữu hiệu chưa từng có trong các hoạt động an ninh của tỉnh nhà. Càng ngày BCH Tiểu khu càng nhận được

các thành quả chiến thắng từ các Chi khu, Liên đoàn và Tiểu đoàn ĐPQ đầy khích lệ, đac biệt là thắng lợi của nghĩa quân trong công tác an ninh lãnh thổ. Thể hiện rõ rệt trong ngày lễ hội Quân dân Bình định được tổ chức ban đêm tại khu vực ngoại ô Đập đá, nơi trước đây là vùng thiếu an ninh, với hàng ngàn dân chúng tham gia vui chơi trẩy hội trong không khí thanh bình. Tất cả điều đó nói lên được mức độ thành công của ông trong nỗ lực phối trí an ninh trước thời điểm Hiệp định đình chiến.

Trước giờ ký kết Hiệp định đình chiến Paris tháng giêng năm 1973, Cộng quân xua một Trung đoàn chiếm cứ cửa khẩu Đề gi, nơi đặt bản doanh của BCH Duyên đoàn 21 Hải quân. Vì tính cách nghiêm trọng của vi phạm Hiệp định đình chiến, Tổng Thống Thiệu đã yêu cầu Quân đoàn, Khu 22 Chiến thuật và Tiểu khu Bình định bằng mọi cách phải chiếm lại Cửa khẩu. Trước sự ngần ngại của vị Tư lệnh khu 22 Chiến thuật và theo đề nghi Tư lệnh Quân đoàn, Tổng Thống Thiệu đã chỉ định Trung Tá Nguyễn Mạnh Tường làm Tư lệnh Mặt trận Đề gi, kèm theo chỉ thị tránh gây thiệt hại cho dân chúng.

Cuộc hành nầy mang tên“AN DÂN”, được chỉ huy bởi một cựu SVSQ khóa 5 VÌ DÂN là Trung tá Nguyễn Mạnh Tường. Các lực lượng chủ lực tăng phái, được lệnh phải nghiêm chỉnh thi hành mệnh lệnh của Tư lệnh Chiến trường. Ông cho lệnh một đơn vị BĐQ bất thần tấn công chớp nhoáng chiếm giữ Đài Kiểm Báo, Cùng lúc đó một Đại đội ĐPQ của Trung úy Phước chớp nhoáng chiếm giữ Núi ghềnh. Bị tấn công bất ngờ vào ban đêm buộc địch tháo chạy và bỏ lại nhiều xác chết và vũ khí. Tiếp theo là cuộc đổ bộ bất ngờ 3 Tiểu đoàn của Sư đoàn 22 Bộ binh, từ chân núi Bà phối hợp với một Chi đoàn Thiết vận xa đổ bộ từ biển vào. Hai gọng kềm siết chặc ,với lối điều binh thần tốc, đánh địch từ sau lưng và cạnh sườn, buột địch quân co cụm, một số bị giết, địch phải tự mở đường máu chạy thoát. Số còn lại, hết đường chạy ra bãi biển và bị ta bắt sống. Từ trực thăng chỉ huy, ông điều hợp chính xác các phi vụ không yểm, các tác xạ pháo binh yểm trợ, ngay cả việc tản thương quân bạn. Trận chiến kết thúc, ông yêu cầu Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến lập biên bản ghi nhận VC vi phạm Hiệp định và yêu cầu Ủy hội ký vào biên bản. Trả lời câu hỏi của báo chí về thắng lợi của cuộc hành quân AN DÂN, Ông nói: “Đó là một cuộc hành quân không gây thiệt hại đến tánh mạng và tài sản của dân chúng.” Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Đại Tướng Cao Văn Viên một lần nữa đến thị sát mặt trận Đề gi. Tuyên bố trước đông đảo phái đoàn ngoại giao và báo chí Quốc tế Tổng Thống nói:“ Mặc dù đã đặt bút ký vào Hiệp

định hòa bình, Cộng sản lại tiếp tục vi phạm hòa bình. Nhưng với tinh thần quyết chiến, quyết thắng, Quân dân Bình định một lần nữa đã đánh bại chúng. "Với danh hiệu BÌNH ĐỊNH QUẬT KHỞI đã trao tặng trước đây, hôm nay Quân dân Bình định nhận thêm một danh hiệu mới, Đó là BÌNH ĐỊNH QUYẾT CHIẾN QUYẾT THẮNG". Nguyễn Mạnh Tường đứng nghiêm đón nhận lời tuyên dương của Vị Tổng tư lệnh Tối cao. Nhưng bên cạnh Tổng Thống còn có thêm Vị Tướng bốn sao, người đã từng vùi dập ông trong quá trình quân ngũ. Phần thưởng cho ông không hề có gì ngoài lời khen và sự thán phục. Tuy vậy, Nguyễn Mạnh Tường vẫn âm thầm chịu đựng và tiếp tục kiên nhẫn phục vụ.

Kế tiếp là chiến tích của Ông bẻ gãy âm mưu của địch nhằm tiêu diệt Phi trường Phù cát, nơi đặt bản doanh Căn Cứ 60 Không quân Chiến thuật. Là một trong những căn cứ không yểm quan trọng của Quân khu 2, nhưng lại là nơi có phòng thủ yếu nhất. Là người giải mã được đặc lệnh truyền tin của địch, ông yêu cầu Trung tá Nguyễn Hồng Tuyền ra lệnh cấm trại 100% . Ông tức tốc đặt ngay BCH Hành quân của ông tại Phi trường Phù cát, điều động tức khắc trong đêm Chi đoàn Thiết giáp đang đóng tại đèo An khê của Trung uý Huỳnh Văn Mỹ và Liên đội Trinh sát của Trung úy Hồ Khuynh. Hai đơn vị nầy là nỗ lực chính đánh vào cạnh sườn của địch nhằm bẻ gãy hướng tấn công. Dự đoán chính xác ý định của địch, với tài dụng binh mưu lược, ông đã gây thiệt hại nặng nề cho địch. Trung tá Nguyễn Hồng Tuyền và toàn thể Quân nhân các cấp của Căn cứ từ đây xem ông như là một Chiến hữu ân nhân. Họ suy tặng ông biệt danh là con MÃNH SƯ của Chiến trường Bình định.

0285

1678

Lần nầy, thượng cấp không thể làm ngơ. Ông được chính thức thăng cấp Đại tá tại mặt trận và được ân thưởng Đệ Tứ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương kèm Anh Dũng Bội Tinh với nhành Dương liễu. Tuy muộn màng, nhưng cũng làm cho THUỘC CẤP và NHỮNG AI mến phục ông hài lòng. Dù bị bệnh viêm tai nặng do quá trình lâu dài bay bổng chỉ huy hành quân, nhưng ông không hề khai bệnh. Tuy nhiên, công lao của ông cũng chỉ tồn tại với thời gian nhất định, khi mà nạn mua quan bán tước lại bắt đầu tái diễn. Quân dân Bình định lại phải mất đi một nhân tài, một cán bộ đạo đức, thanh liêm và mẫn cảm! Ông cáo bệnh từ quan và xin nhập viện vì bệnh viêm tai. Chiến hữu dưới quyền nhiều người đến thăm viếng ông, với nụ cười đượm nét ưu phiền, ông nói:" Không thể làm việc được nữa thì phải đi thôi. Cảm ơn anh em đã đến thăm, tôi thật sự yêu mến Bình Định."

Cà Mâu

Phóng sự bằng hình
các sinh hoạt của hội trong năm qua

Quý vị trong Hội nhận bằng tưởng lục để ghi nhận công lao đóng góp.

Chào cờ.

1746

Bác Sĩ Trương Thế Phiệt Trưởng Ban Tổ Chức chào mừng đồng hương tại Picnic Hè.

Các học sinh xuất sắc nhận quà & bằng khen.

Ca sĩ đơn ca.

Ca sĩ Việt Ngữ đơn ca.

Ca sĩ Minh Lợi đơn ca.

Ban Hợp Ca Bình Định.

Ca sĩ Ái Hoa đơn ca.

Ca sĩ Nguyệt Thanh đơn ca.

Hình ảnh sinh hoạt của Ban Báo Chí.

Hình ảnh sinh hoạt của Ban Chấp Hành.

Các học sinh xuất sắc chụp hình lưu niệm.

Tiếp đón quan khách.

Quang cảnh buổi lễ tiếp tân.

Quang cảnh buổi lễ tiếp tân.

Dâng hương.

830

Hòa Thượng Thích Giác Lượng chúc Tết đồng hương.

832

Ông Hội Trưởng Phan Thanh Hùng chúc Tết quan khách.

Cựu Thiếu Tướng Nguyễn Văn Chức, cựu Tỉnh Trưởng Bình Định chúc Tết.

Ông Bà cựu Hội Trưởng Tony Dinh nhận bằng cám ơm của Hội qua công tác phục vụ nhiều nhiệm kỳ từ Cụ Trương Toại.

Ban Hợp Ca trình bày nhạc phẩm Đón Xuân

Ca sĩ Việt Ngữ trình bày nhạc phẩm Bình Định Quê Tôi.

Ca sĩ Tuyết Mai đơn ca.

Ca sĩ Nguyệt Thanh được khán giả ái mộ.

Võ Sư Phan Thọ

Nguyễn Ngọc An

8401

Anh Phan Thọ sinh năm 1925 tại thôn Thủ Thiện, xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định trong một gia đình nghèo , sống bằng nghề nông, phải quanh năm, suốt tháng làm việc ngoài đồng ruộng, tuy rằng gia đình anh không có nhiều ruộng đất để canh tác.

8406

Anh có bà con phía ngoại tôi, anh gọi mẹ tôi bằng cô, dù rằng không phải là cô ruột, nhưng cô, cháu rất gần gũi nhau, vui buồn có nhau. Anh cùng tuổi với cậu Mười tôi, anh gọi cậu tôi bằng chú, hai người đối xử nhau như bạn bè tâm giao, dù rằng cậu tôi không theo nghiệp võ thuật. Cậu Sáu tôi (cha Đinh Tuấn) luôn luôn chỉ bảo anh, hướng dẫn anh trên mọi đường đi, nước bước suốt cuộc đời, ngay cả những lúc anh anh gặp hoàn cảnh khó khăn nhất.

Thuở thiếu thời, anh học chữ ở nhà thầy giáo làng được vài năm rồi nghỉ học, ở nhà làm ruộng phụ giúp gia đình.

Năm 17 tuổi, anh xin gia đình đi học võ. Trong làng lúc ấy đám thanh niên học xong Yếu Lược, nghỉ học, ở nhà làm ruộng, chỉ có số ít gia đình khá giả cho con đi học ở trường xa. Nghiệp võ thì chẳng thanh niên nào theo đuổi.

Võ sư Cai Bảy là thầy võ đầu tiên của anh. Ông đã mở trí cho anh trong những bước đi chập chững với những đường nét căn bản của môn Võ Đấu lợi hại của phái võ An Vinh, phái võ đã tung hoành trên mọi sàn đài Trung-Nam-Bắc những năm trước 1975 với những võ sư lừng danh gắn liền tên tuổi với những chiến thắng lẫy lừng như võ sư Cai Bảy, Hương Kiểm Mỹ, Đoàn Phong,

Gia đình anh phải bán lúa, bán bò lấy tiền trả thầy võ. Thời ấy học võ rất tốn kém, ít gia đình kham nổi chi phí, "Giàu học võ, khó học văn."

Anh quyết tâm theo học bỡi võ thuật là sở thích của anh. Anh say mê nó ngay từ ngày đầu mới gia nhập vào môn phái.

Anh có thân hình trung bình về cả sức nặng và chiều cao, điều ấy hạn chế ở môn Võ Đấu, vì lúc ấy hai võ sĩ đấu nhau không cần phải cân đo như bây giờ. Nhưng nhờ luyện tập nhiều, anh dần hoàn thiện được kỹ năng chiến đấu, và anh đã vượt qua những hạn chế đó.

Anh học Võ Sư Cai Bảy trong 5 năm. Anh đã học được kỹ thuật chiến đấu điêu luyện của Võ Sư: nhanh nhẹn trong chiến đấu, dũng mãnh trong tấn công, kín đáo trong phòng thủ.

Điều quan trọng nhất mà Võ Sư đã truyền dạy cho anh là tinh thần Thượng Võ, cách hành xử mực thước, lối sống giản dị, khiêm nhường và lành mạnh. Và trong suốt cuộc đời, anh đã thể hiện trọn vẹn những lời Võ Sư truyền dạy.

Anh đã thi đấu tại các sàn đài, cũng như tại các lò võ ở địa phương. Ở lớp tuổi anh, ít ai sánh kịp. Anh có lối đánh chớp nhoáng, dũng mãnh và liên hồi của môn phái võ An Vinh.

Năm 21 tuổi, anh theo học Võ Sư Tàu Sáu (Tức Diệp Trường Phát) tại An Thái. Võ Sư này, nghe nói đã học được phái võ Thiếu Lâm, giỏi môn Võ Diễn với những đường nét linh hoạt, đẹp mắt như vũ điệu trên sân khấu.

Nếu Võ Sư Cai Bảy đã dạy cho anh cái Dũng của phái Võ Đấu An Vinh, thì Võ Sư Tàu Sáu đã dạy cho anh cái uyển chuyển, linh hoạt của môn Võ Diễn An Thái. Anh học được ở Võ Sư này phần lớn các ban võ nghệ, ngoài Quyền, Côn, Kiếm của Võ Sư Cai Bảy.

Sau hai năm học tại An Thái, anh lại quay sang An vinh với Võ Sư Sáu Hà. Võ Sư này nhỏ con, sức lực hạn chế, song sự nhanh nhẹn đã khắc phục được hạn chế đó, đặc biệt là Võ Sư rất "bén" đôi tay. Với tuổi tác và kỹ thuật, Võ Sư Sáu Hà là bậc đàn em của các võ sư lão thành tại An Vinh.

Võ Sư Sáu Hà khiêm nhường, ăn nói từ tốn. Ông không được thi đấu "giao hữu" trong những trận thử sức quyết liệt trên võ đài

như Võ Sư Kiểm Mỹ, Đoàn Phong, Võ Sư học võ chỉ vì yêu thích nghệ thuật, không thích ăn, thua với ai, tất nhiên mọi người đều quý mến và nể trọng ông.

Anh học Võ Sư Sáu Hà trong 6 năm. Tại đây, anh học được kỹ thuật chiến đấu mới: Lấy nhu thắng cương, lấy nhẫn nại chiến thắng sự kiêu căng, lấy kỹ thuật tiêu hao sức lực của đối phương.

Anh học roi ở Bỉnh Đức với Võ Sư Châu. ngọn roi chiến đã giúp anh quần thảo trong cuộc chiến đấu một mất, một còn với một con heo rừng trong gần một buổi sáng năm 1960.

Học roi trong 2 năm, anh về mở lò dạy võ. Đệ tử anh có nhiều, trong làng, ngoài xã. Người nổi danh nhất là Võ Sĩ Đỗ Hượt,

Những năm trước 1975, anh đã thành danh. Anh đã chiến thắng nhiều sàn đài tại Nha Trang, Đà Nẵng, Bình Định và tại hội chợ Ban Mê Thuột với nhiều võ sư lừng danh lúc ấy.

Năm 1960, hôm nọ một con heo rừng khoảng 100 kg với răng nanh dài 10 cm đi lạc ra cánh đồng thôn dưới. Dân làng la ó đuổi heo vào rừng, nhưng nó vẫn bình chân như vại. Anh Phan Thọ đang làm ruộng gần đó chạy đến, tay cầm cây vồ đập đất xông vào con vật. Con vật say máu, tấn công vào anh như sấm sét. Tiếng gầm vang động đất trời, bụi bay mù mịt. Người và vật quần thảo nhau trước hàng ngàn cặp mắt của dân làng, nhưng không ai dám xông vào tham dự cuộc chiến đấu.

Anh lợi dụng bờ ruộng để tấn công. Con vật bám sát anh, không để anh một giây phút nghỉ ngơi lấy sức. Anh nhảy lên bờ cao, con vật theo anh nhảy lên, anh đánh một vồ vào đầu nó. Anh lại nhảy xuống ruộng thấp, con vật nhảy xuống, anh đánh vào đầu nó một vồ tiếp. Cứ như thế, con vật ăn đòn nhiều, đuối sức, rồi lăn ra chết. Sau một buổi chiến đấu, người ta phải lấy võng khiêng anh về nhà vì anh bị kiệt sức. Hiện anh vẫn còn giữ nanh con heo rừng này để làm kỷ niệm.

Những năm 1960, khi các võ sư Đại Hàn sang, nhiều võ sư Tea kwondo, với đẳng cấp cao, thường thách đấu với các võ sư Bình Định. Lúc ấy các võ sư tỉnh nhà ai ai cũng đều ngại đấu, vì các võ sư Đại Hàn rất sung mãn về sức lực, kỹ thuật chiến đấu lại dũng mãnh, với những đòn tấn công như trời giáng.

Anh suy nghĩ cách chiến đấu, nhưng không tìm ra lý giải. Cậu Mười tôi khuyên anh nên xin thọ giáo Bác Kiểm Mỹ, cậu sẽ phụ họa cho, vì theo cậu, chỉ có Bác mới có khả năng chiến thắng các võ sư Đại Hàn mà thôi, không ai khác. Bác không muốn dạy anh bởi lẽ anh đã học nhiều võ sư trước, cung cách chiến đấu không hợp với môn Võ Động của Bác, sửa chữa vừa khó, vừa mất thời gian. Cuối cùng, vì tự ái dân tộc, vì danh dự phái võ An Vinh, đặc

biệt là vì phái Võ Động, Bác chấp nhận anh làm đệ tử.

Bác hỏi anh, "Mày dám đánh Đại Hàn không?"

- "Có chết con cũng không sợ", anh đáp.

- "Nếu mày có gan, dám chịu đựng 3 cú đạp của tao không", Bác hỏi.

Trong lòng anh rất e ngại nhưng cố trấn tỉnh mình trong cuộc thử sức chịu đựng này. Anh đứng ghìm chân ngựa, cố chịu đựng cú đạp thứ nhất, tuy rằng Bác chỉ đạp khoảng 60-70% sức lực. Chân tay anh bủn rủn, mồ hôi ướt đẫm, mặt mày tái nhợt, sức lực cạn kiệt.

-"Chịu nổi không?" Bác hỏi.

Anh cố gắng trả lời: "Dạ thưa Bác, con chịu đựng được."

Anh dồn hết sức lực còn lại, cố ghìm chân ngựa dưới đất cho khỏi bị té ngả, cố hết sức chịu đựng đòn tấn công của Bác. Sau 3 cú đạp, Bác chấp nhận anh làm đệ tử.

Anh học Bác được 3 tháng. Trong 3 tháng ấy, anh học được sự tiến thoái linh hoạt của chân ngựa, sự luồn lách tránh né những đòn tấn công ở mọi cao độ và tầm đánh. Anh học được cách tấn công chớp nhoáng mỗi khi đòn địch rơi vào điểm tĩnh, ngay trước và sau khi địch thủ trở đòn.

Phòng tập là nhà trước của cậu Sáu tôi. Phòng này chật, phía tây là chiếc phảng gỗ, một cái giường ở phía đông. Giữa nhà là bàn ghế khách ngồi, và trước bàn là chiếc võng đu đưa.

Bác cho anh tấn công. Bác luồn lách người qua bên dưới chiếc võng. Anh bám theo, nhưng chưa quen thế đánh nên bị vướng chiếc võng vào người. Lúc ấy Bác nói, "Mày có nước chết với tao", nếu Bác phản đòn tấn công.

Lúc sau, Bác tấn công anh. Anh luồn người dưới chiếc võng, lúc này động tác anh đã gọn gàng và kín đáo. Bác bám theo, đánh anh bằng đòn mông, anh kịp lách người tránh né, mông Bác đánh trúng vào cây cột hạng nhất, cây cột xê dịch khoảng 5 phân. Bác ngừng lại, "Mày lấy mông đánh cho cây cột trở về chổ cũ kẻo anh Sáu la chết!" Dù cố gắng đến đâu, anh cũng không thể xê dịch nó. Bác cười, "Đấy! mày tập cho được đi!". Mọi cố gắng của anh đều thất bại, anh phải đi mượn chiếc búa tạ thợ rèn về đánh cây cột về chỗ cũ.

Bác thường nói với cậu tôi, Bác tiếc ở anh 2 điều: Điều thứ nhất, nếu anh học Bác ngay từ đầu thì nay anh đã giỏi lắm. Ngặc nỗi, mọi thứ, từ chân ngựa, đến đòn đánh, đến mục tiêu tấn công, Bác đều không vừa ý. Tuy vậy Bác sửa được đâu hay đó. Tuy nhiên Bác vẫn khen anh là sáng dạ, và đã có căn bản về võ thuật. Điều thứ hai là sức lực của anh không được sung mãn lắm.

Tỉnh cho người đi khắp các võ đường trong tỉnh kêu gọi các võ sư ghi tên thi đấu với các võ sư Đại Hàn từ đệ tam đến đệ tứ Đẳng Huyền Đai, nhưng hầu hết các võ đường đều không tham dự. Riêng anh, anh bằng lòng thử sức.

Ngày đấu giao hữu đã đến. Bác dẫn anh lên Quận Bình Khê. Trước sàn đài đã có 47 Võ Sư Đại Hàn ngồi sẵn trên một hàng ghế dài. Hàng ghế đối diện dành riêng cho các võ sư trong tỉnh chỉ có Bác và anh.

Người điều hợp chương trình kêu gọi anh ký tên đấu giao hữu. Anh do dự, anh sẽ đấu với ai đây? những võ sư Đại Hàn kia có thân hình to lớn, khỏe mạnh vẻ mặt chai lì và ngạo nghễ. Đọc được ý định của anh, Bác bảo anh,"Mày ký đánh hết 47 người đó!" Lý do: theo suy luận của Bác, họ sẽ đưa võ sư số 1 ra thi đấu. "Nếu mày hạ người này cả đám sẽ chào thua", "nếu mày không ký tao lên ký đánh".

Anh Phan Thọ lên ký với 47 võ sư Đại Hàn. Hôm đó họ không chịu đánh, họ chỉ hỏi anh, ai là võ sư của anh. Anh chỉ tay về phía Bác, người đang mặc áo dài nâu sồng. Họ cuối đầu chào Bác và hỏi địa chỉ.

Những ngày sau đó, họ đến "giao hữu" rất nhiều trận với Bác, khi thì ở nhà cậu Sáu tôi, khi thì ở trong lòng tháp Thủ Thiện. Họ phải bái chào và tôn Bác làm sư phụ.

Anh Phan Thọ tự thú rằng, Bác là võ sư bậc thầy trong thiên hạ. Nhờ học Bác, anh đã tự tin chiến thắng trong mọi trận đấu sau này, không còn sợ may rủi như trước.

Những năm sau 1975 anh gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, nhưng anh vẫn luôn luôn để thì giờ thích đáng mỗi ngày cho sự luyện tập. Võ đường anh vẫn tấp nập môn sinh từ Trung, Nam, Bắc đến xin thọ giáo. Trong những lần thi diễn võ cấp tỉnh, anh là người luôn luôn đứng hạng nhất trong số các võ sư của tỉnh. Trong một cuộc thi diễn võ khác cấp Quốc Gia, anh được huy chương vàng (hạng nhất) toàn quốc. Nhiều lần, các võ sư từ Đại Hàn sang xin anh "giao hữu". Trong những cuộc thử sức ấy, anh luôn luôn là người chiến thắng nhờ những đòn thế của môn phái Võ Động của Bác Kiểm Mỹ.

Nay anh đã gần 90 tuổi, song sức khỏe vẫn còn sung mãn so với tuổi tác. Anh vẫn luyện tập những động tác nhẹ nhàng từ côn, quyền cho đến kiếm, đao bởi anh yêu thích võ thuật, nó đã song hành với anh suốt cả cuộc đời.

Nguyễn Ngọc An
Los Angeles 2012

Tết trong tù cải tạo

Hà thúc Hùng

Từ ngày giặc cộng tràn vào,
Miền Nam tan tác máu đào tuôn rơi.
Tấm dư đồ rách tả tơi
Quân thù lòng thú, mặt người quỷ vương
Ai người nghĩ đến quê hương,
Trái tim nặng trĩu nỗi hờn thiên thu.
Tết nầy nhớ Tết trong tù,
Đói cơm rách áo hận thù triền miên.
Nước nhà tan nát ngữa nghiêng,
Dân tình than oán, đảo điên trăm phần.
Khóc nhà, khóc nước, khóc thân,
Còn ai nhớ được mùa Xuân đã về.
Mùa Xuân hoa lá sum sê,
Mùa Xuân tù ngục tái tê tâm hồn.
Quanh năm, suốt tháng thiếu cơm.
Thân tù tiều tụy gầy còm tang thương.
Chí trai mạt lộ cùng đường,
Nằm đây gặm nhấm căm hờn bao lâu ?
Ngày xưa ngang dọc một thời,
Giờ đây còn lại một trời đắng cay.
Cơ trời vận nước đổi thay,
Nào đâu có phải lỗi nầy tại ta ?
Trại tù Suối máu Biên hoà,
Trại tù Phú quốc đưa ta đi đày.
Trại tù Long khánh Gia rây,
Trại tù Trảng lớn chất đầy khổ đau.
Thân tù thay ngựa thay trâu,
Cày sâu cuốc bẩm, mồ hôi dãi dầu
Đốn cây cưa gỗ rừng sâu,
Bạn tù gục ngã, ốm đau thân tàn.
Trại tù biên giới Đồng bang,
Trại tù miền núi trên ngàn Kà-Tum.
Rừng thiêng rắn độc hãi hùng,
Muỗi mòng với sốt rét rừng hại ta.
Tết nầy cây lá nở hoa,
Tết xưa khô héo lòng ta trong tù.
Buồn ơi buồn mãi thiên thu,
Bao giờ trả được hận thù đầy vơi ?
Bao giờ khôi phục một thời,
Tự do no ấm, người người yên vui ?

Hà thúc Hùng
Virginia, Tết Nhâm Thìn 2012

MỞ NƯỚC, GIỮ NƯỚC, và CHIẾN TRẬN MỘT THỜI

Nguyễn Công Lượng

Lịch sử nước nhà ghi rằng Đại Việt ta đã mở nước về phương Nam. Trong cuộc mở nước đánh nhau là điều tất yếu phải xảy ra. Giữ nước cũng vậy, địch quân xâm chiếm đất nước, thì mọi tầng lớp nhân dân không phân biệt già trẻ, trai gái đều có bổn phận đánh đuổi ngoại xâm. Yêu nước mến nước là phải làm sao cho nước vẻ vang. Qua những biến cố lịch sử, sự thăng trầm của những triều đại, đất nước nào cũng phải trải qua bao lần thay đổi chủ. Liên bang Champa cũng không thoát khỏi quy luật lịch sử nầy mà còn bất hạnh trước sự bành trướng đất đai của Đại Việt. Lịch sử thì dài, nên bài viết xin giới hạn chiến trận ở một thời đại đó là thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Năm Kỷ Sửu (989) vua Lê Đại Hành san bằng kinh đô Đồng Dương (Quảng Nam). Vua Champa là Indra Varman II bỏ chạy vào Ban Ngui thuộc Vijaya (tức Bình Định bây giờ và có cả cao nguyên ở phía tây) rồi định đô ở đây, cho xây thành Foche tức Đồ Bàn năm (1000). Có thể nói đây là trận đánh đầu tiên để mở nước.

Năm Mậu Thân (1068) vua Lý Thánh Tông phong Lý Thường Kiệt làm Đại Tướng đánh chiếm thành Phật Thệ (Đồ Bàn) giết được tướng Champa là Bố Bì Đà La và bắt được vua Rudra Verman

III (Chế Củ). Để được tha mạn Chế Củ xin dâng 3 châu: Bố Chính, Ma Linh, và Địa Lý (từ Hòanh Sơn tới Cam Lộ - Quảng Trị). Đây là lần đầu tiên có chính sách bành trướng đất đai của Đại Việt.

Năm Đinh Mùi (1307) vua Simha Verman III (Chế Mân) dâng Nhà Trần hai Châu Ô và Lý (từ sông Cam Lộ tới đèo Hải Vân) để cưới công chúa Huyền Trân. Hai châu nầy sau đổi tên là Thuận Châu và Hóa Châu. Đoàn Như Hài được cử vào thiết lập guồng máy cai trị tại đây. Dù đời sau các nhà viết sử cũng như các văn gia có những cái nhìn khác nhau về cuộc đổi chác lịch sử nầy, nhưng ta cũng phải nhận rằng đây là một cuộc mở nước không đổ máu.

Năm Đinh Tị (1377) vua Trần Duệ Tông đem quân tiến vào cửa Thị Nại (Quy Nhơn) bị kế "không thành" của vua Chiêm là Chế Bồng Nga mà tử trận, khiến hai tướng là Lê Quý Ly và Đỗ Tử Bình phải bỏ chạy. Ngay tháng sau khi Trần Phế Đế lên ngôi, Chế Bồng Nga thừa thắng đánh chiếm Thăng Long rồi rút lui. Tháng 5 năm 1378 Chế Bồng Nga lại đánh chiếm kinh thành Thăng Long lần thứ hai rồi cũng rút lui.

Năm Canh Thân (1382), Chế Bồng Nga đánh chiếm Thanh Hóa và Nghệ An nhưng bị Lê Quý Ly đẩy lui vào tháng giêng. Tháng 6 năm nầy, Chế Bồng Nga lại cử binh Bắc Tiến chiếm Thăng Long lần thứ 3, vua quan nhà Trần phải bỏ kinh thành mà chạy. Sau nhờ tướng Nguyễn Đa Phương mới chiếm lại được kinh thành.

Đời Trần Thuận Tông (1388) quân Chiêm lại tấn công từ Thanh Hóa trở ra khí thế rất hung hăng, uy hiếp cả mạng Hoàng Giang. Tướng Trần Khát Chân được cử đi chống giặc. Vua tôi cùng khóc lóc tiễn quân lên đường. Đến Hoàng Giang, Trần Khát Chân không tìm được căn cứ thuận lợi liền xuống đóng quân ở Hải Triều (thuộc địa phận Thái Bình). Tháng Giêng năm Canh Ngọ (1390) Chế Bồng Nga dẫn 100 chiến thuyền tiền đến Hải Triều. Trong khi đi dò xét trận địa, Chế Bồng Nga, bị một tên quân phản phúc chỉ điểm, nên bị quân nhà Trần bắn chết trong khi đứng thị sát.

Những năm trị vì của Chế Bồng Nga là thời kỳ vàng son nhất của Champa; Champa đã thu hồi lại được những vùng đất đã mất từ Hoành Sơn đến Hải Vân. Nhưng về sau, trong suốt thời gian cai trị vương quốc nầy của La Khải, một tướng thân cận của Chế Bồng Nga, lấy hiệu là Jaya Simhavarman Sri Harijatti thì những vùng đất trên phải trao trả lại cho Đại Việt.

Năm Nhâm Ngọ thời Hồ Hán Thương, Hồ Quý Ly (là Thái Thượng Hoàng khi làm quan dưới triều Trần tên là Lê Quý Ly) cử Đỗ Mãn đem quân đánh Chiêm. Chiêm vương Ba Địch Lại dâng đất Chiêm Động (nay là Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) để cầu bãi binh. Hồ Quý Ly đòi thêm đất Cổ Lũy (nay là Quảng Ngãi) đặt ra lộ Thăng Hoa rồi thi hành chinh sách di dân. Hồ Quý Ly chính là tác giả của chính sách " Nam Tiến".

Năm Canh Thìn (1470) Lê Thánh Tông đánh chiếm Đồ Bàn, bắt được vua Chiêm là Trà Toàn thì biên giới Đại Việt mở rộng tới núi Thạch Bi (Đá Bia) nằm giữa Phú Yên và Khánh Hòa ngày nay.. Khi làm chủ được Vijaya Lê Thánh Tông quyết định phong vương cho Bố Trì Trì quyền cai trị trên lãnh thổ Champa còn lại, đó là tiểu vương quốc Kauthara (Nha Trang) và Panduranga (Phan Rang và Phan Rí). Champa vẫn là một vương quốc độc lập, nhưng độc lập trong hệ thống chư hầu của Đại Việt. Quảng Nam Thừa Tuyên được lập thêm phủ Hoài Nhơn, từ Bến Đá vào đến Thạch Bi, gồm 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn, nhưng người Champa vẫn còn sinh sống trên vùng đất nầy, người Việt chưa vào lập nghiệp. Đến năm Mậu Dần (1578) chúa Nguyễn Hoàng đặt chức Trấn Biên Quan thì dân Việt mới chính thức di dân vào khai khẩn.

Sau khi vua Lê Thánh Tông mất (1497), con cháu đời sau cai trị yếu kém và bất tài nên đã xảy ra nạn "Nam Bắc Triều giữa Lê và Mạc" đến đời Lê Kính Tông (1600 – 1619) thì Đại Việt rơi vào tình trạng phân tranh giữa hai họ Trịnh Nguyễn lấy sông Gianh làm biên giới chia đôi sơn hà. Miền Bắc gọi là "Đàng ngoài" quyền binh ở trong tay chúa Trịnh, vua Lê chỉ ngồi làm vì. Chúa Nguyễn Hoàng tự xưng vương ở phương Nam gọi là "Đàng trong" lấy khu vực Huế bây giờ làm thủ đô cai trị. Các chúa Nguyễn phát huy chính sách "Nam Tiến" chủ yếu là dời biên giới về phương Nam. Tuy có gặp sức kháng cự của vương quốc Champa trong chính sách "Bắc Tiến" nhằm khôi phục lại những mảnh giang sơn đã mất, nhưng đây chỉ là dịp cho Đại Việt có cớ bành trướng lãnh thổ về phương Nam mà thôi : Po Nit (1603 – 1613) đã tiến đánh Quảng Nam, thì Đại Việt thừa cơ chinh phạt chiếm trọn khu vực Phú Yên, dời biên giới đến mũi Varella, phía Bắc Nha Trang, đặt thành Dinh Trấn Biên. Po Nraop năm 1653 tiến chiếm dinh Trấn Biên thì Đại Việt tiến chiếm đến sông Phan Rang, tiểu vương quốc Kauthara biến đổi thành dinh Thái Khang và Diên Khánh. Năm 1658, lợi dụng sự khủng hoảng nội bộ Kampuchea chúa Nguyễn Phúc Tần đem binh chiếm khu vực Biên Hòa – Sài Gòn

thì Panduranga trở thành khu vực "trái độn" mất đi toàn diện ưu thế quân sự trọng yếu của mình. Để trả đũa cuộc tấn công của vua Po Soat nhằm thu hồi lại thánh địa Kauthara năm 1692 thì chúa Nguyễn Phúc Chu tiến binh thanh toán nốt vương quốc nầy, đổi danh xưng Champapura (Chiêm Thành) thành trấn Thuận Thành, rồi đổi thành phủ Thuận Thành một năm sau đó. Có nhiều cuộc vùng dậy của người Champa rất quật cường tiếp theo nhưng không thành công, cho đến năm 1832 sau cuộc trừng phát thẳng tay của vua Minh Mạng với lệnh xóa bỏ Panduranga – Champa chia đất đai thành hai huyện An Phước và Hòa Đa trực thuộc tỉnh Bình Thuận thì vương quốc Paduranga – Champa xem như hoàn toàn bị diệt vong.

Cũng xin ghi nhận một sự đóng góp trong việc mở nước của một nữ lưu khác là Công chúa Ngọc Van. Bà là con gái thứ hai của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635). Đã gã cho vua Cao Miên là Chei Chetta II (1618-1628) và được phong làm Hoàng hậu với danh hiệu Somdach Prea Peaccacya – dey Preavoreac Ksattrey (1620). Do cuộc hôn phối nầy mà sự giao hiếu giữa Việt Miên khắng khít hơn và người Việt được phép di dân vào đất Chân Lạp để sinh sống và sau đó được khai tác xứ Biên Hòa (1658).

Đời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738 – 1765) đánh Chân Lạp mở thêm đất ở Gia Định. Tính đến năm Giáp Tí (1744) nước đã mở mang đến tận Hà Tiên, được chia ra làm 12 dinh: 1- Chính dinh (Phú Xuân). 2- Cựu dinh (Ái Tử). 3- Quảng Bình dinh. 4- Vũ Xá dinh. 5- Bố Chính dinh. 6- Quảng Nam dinh. 7- Phú Yên dinh. 8- Bình Khang dinh. 9- Bình Thuận dinh (3 dinh (7,8,9 là đất Chiêm Thành). 10- Trấn Biên dinh. 11- Phiên Trấn dinh. 12- Long Hồ dinh (3 dinh 10,11,12 là đất Chân Lạp)

Trong bối cảnh lịch sử chia đôi sơn hà giữa hai họ Trịnh Nguyễn, thì chủ yếu chỉ lo về chiến tranh nhằm thôn tính lẫn nhau. Kể từ năm Đinh Mão (1627) đời vua Lê Thần Tông, đến năm Nhâm Tí (1672) đời vua Lê Gia Tông, ròng rã 45 năm, hai họ đánh nhau cả thể 7 lần nhưng không làm gì được nhau, chỉ làm khổ cho muôn dân phải sưu cao thuế nặng, sưu dịch khổ sở, nhà cửa ruộng vườn bị tàn phá nặng nề, cộng với nạn quan quyền tham ô đục khoét khiến nhân dân phải đồ thán nên cả hai đàng trong và ngoài nhiều cuộc chống đối đã nổi lên khắp nơi, nhưng đáng kể nhất ở "Đàng Trong" là cuộc nỗi dậy vào năm Tân Mão (1771) của 3 anh em nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ , và Nguyễn Huệ.

Theo tài liệu của các giáo sĩ Phương Tây và của nhà du hành

Barrow năm 1793 đã đặt chân vào đất Tây Sơn, nơi phát xuất, đã ghi lại : Cuộc cách mạng được toàn thể nhân dân hưởng ứng, nghĩa là có cả nông dân lẫn thương nhân, một số khách trú sinh sống từ lâu ở đây.

Còn giáo sĩ Diego de Jumilla thuật lại rằng : Phong trào Tây Sơn, đã bắt đầu hoạt động mạnh vào tháng Tư năm 1773. Quân đội của Tây Sơn đã từ miền núi phóng xuống vùng đồng bằng, vào các chợ búa giữa ban ngày. Họ có đủ gươm, giáo, súng, nỏ nhưng không hại tính mạng và tài sản của ai hết. Trái lại họ tuyên ngôn làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn quan tham lại nhũng, những kẻ trọc phú lưu manh và trộm cướp. Họ lấy của người giàu phân phát cho kẻ nghèo, chỉ dành cho họ một phàn nào thóc gạo mà thôi. Ai chống lại họ giết, biết điều họ thôi.

Một giáo sĩ Tây Ban Nha kể rằng : Họ đã tự xưng là những người theo mệnh trời để thi hành công lý và giải phóng nhân dân khỏi ách quan liêu phong kiến đúng như điều các nhà cách mạng xã hội đương thời đang chủ trương tại Âu Châu. Quân Tây Sơn đi đến đâu thắng đến đó như trận cuồng phong lướt cỏ.

Thực chất đây chỉ là một chiến trận tâm lý, còn nếu gọi là một trận đánh nhau đầu tiên của quân Tây Sơn với nhà cầm quyền đương thời thì phải kể đến việc hạ thành Quy Nhơn của Nguyễn Nhạc để quyết định khởi thanh thế là một câu chuyện kỳ thú: Ông Nhạc tự đóng gông và ngồi vào cũi giả bị nhân dân bắt đem nộp cho quan tỉnh lấy thưởng. Tuần phủ Quy Nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên tưởng thật cho khiêng cũi vào thành, nhưng đến nửa đêm ông tháo gông cùm và cũi chui ra, mở cửa thành cho quân của mình đã chuẩn bị sẵn ở ngoài thành xông vào còn ông ở trong đánh ra một cách bất thình linh, trở tay không kịp. Nguyễn Khắc Tuyên bỏ thành chạy ra Phú Xuân, quan quân tan rã. Thành Quy Nhơn từ đây lọt vào tay quân Tây Sơn làm căn cứ để phát xuất đi các nơi khác, đánh vào Nam rồi đánh ra Bắc . Đến đâu đều được nhân dân theo về ủng hộ, chỉ trong một thời gian ngắn đã dựng nên cơ nghiệp nhà Tây Sơn.

Nói về Đàng Trong, sau khi quân Trịnh Sâm từ Đàng Ngoài đánh vào đuổi chúa Nguyễn Phúc Thuần ra khỏi Thuận Hóa (1775) phải chạy vào Quảng Nam, lại bị quân Tây Sơn đánh ra phải cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh xuống thuyền chạy vào Gia Định, thì quân Tây Sơn xin hòa với chúa Trịnh để không phải phòng giữ mặt Bắc mà lo dẹp quân Nguyễn ở miền Nam. Lúc nầy ở miền Nam Nguyễn Phúc Thuần xưng Thái Thượng Vương và

Đông Cung Dương lên Tân Chính Vương. Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đã đem quân thủy bộ đánh đến Ba Vát và Long Xuyên, bắt được cả hai giết đi, để Tổng Đốc Chu trấn giữ, rồi đem quân về Quy Nhơn. Năm Mậu tuất (1778) Nguyễn Nhạc xưng vương đặt niên hiệu là Thái Đức, lấy Quy Nhơn làm kinh đô, đổi thành Đồ Bàn ra Hoàng Đế Thành, phong Nguyễn Lữ làm Tiết Chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân. Nhà Tây Sơn lại chia làm 3 cõi: Từ Quảng Nam trở ra thuộc về Bình Định Vương Nguyễn Huệ, từ Quảng Ngãi trở vô thuộc vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, và đất Gia Định thuộc về Đông Định Vương Nguyễn Lữ. Đất Quy Nhơn trở thành một nơi phồn thịnh.

Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát tụ tập tôi tớ cũ chiêu quân khởi binh từ đất Long Xuyên. Bây giờ Nguyễn Phúc Ánh, mới 17 tuổi, được các tướng tôn lên làm Đại Nguyên Soái, Nhiếp quốc . Năm Canh Tí (1780) Nguyễn Phúc Ánh xưng vương, rồi sai sứ sang Xiêm La cầu viện nhằm khôi phục lại giang sơn. Nguyễn Huệ phải bốn lần vào Nam đánh dẹp và cũng từ đó ngôi sao Nguyễn Huệ bắt đầu sáng rực. Trận đại chiến tại Ngã Bảy (Thất Kỳ Giang) làm quân Nguyễn thua to. Trận Lữ Phụ ông bày trận ngảnh lưng xuống nước, thắng oanh liệt, Nguyễn Phúc Ánh phải bỏ chạy tháo thân ra đảo Phú quốc. Trận Gia Định bắt được Nguyễn Huỳnh Đức và đuổi Châu Văn Tiếp phải chạy ra Phú Quốc. Năm Giáp Thìn (1784) Nguyễn Phúc Ánh rước quân Xiêm về giúp với hai vạn quân và 300 chiến thuyền, do Chiêu Tăng và Chiêu Sương thống lĩnh, đi đến đâu quấy nhiễu dân chúng rất tai hại, tiến chiếm đến tận Long Hồ. Nguyễn Huệ vội vào ngay Gia Định đến Định Tường. Tại Xoài Mút, ông đặt phục binh tại Rạch Gầm, nhử quân Xiêm vào các địa điểm chiến lược, rồi bất thình lình đánh cả hai mặt thủy bộ. Quân Xiêm xoay trở không kịp , mười phần chết còn một hai chạy về nước. Quân Tây Sơn coi như kiểm soát toàn cõi Nam Hà chạy tới Hà Tiên.

Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn viết: "Huệ là một thiên tài đặc biệt về quân sự. Lối hành quân của ông là tốc chiến, tốc thắng, biến hóa như thần. Hiệu lệnh của ông rất nghiêm minh; kỷ luật của ông là kỷ luật thép. Và đức tính làm tướng của ông đáng kể nhất ở chỗ biết chia bùi, xẻ đắng với tướng sĩ, lấy ân uy và lấy đảm lược để chinh phục lòng người. Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy nan ông tỏ ra bình tĩnh hơn ai hết; gặp những vấn đề khó khăn, những việc mà người ta phải bở vía kinh hồn thì ông thường nảy ra nhiều mưu kế lợi hại tỏ ra có một khối óc thông minh, lỗi lạc phi thường. Ông chưa hề biết chiến bại".

Đối với Đàng Ngoài, quân Tây Sơn củng cố thế lực và chờ thời cơ để Bắc tiến thì kịp lúc Nguyễn Phú Như được Phạm Ngô Cầu cho vào Nam dò xét nội tình đã tiết lộ những điều hay dở của Thuận Hóa, cả những chuyện nhà họ Trịnh giết hại lẫn nhau và nạn đói ở Bắc Hà cho Nguyễn Hữu Chỉnh, một bạn thân đang là thượng khách của Nguyễn Nhạc. Tháng 5 năm Bính Ngọ (1786) Huệ làm Long Nhương Tướng Quân, Tiết Chế thủy bộ chư quân cùng Vũ Văn Nhậm làm Tả Đô Đốc, và Nguyễn Hữu Chỉnh làm Hữu Đô Đốc tiến đánh Thuận Hóa. Tướng giữ thành là Phạm Ngô Cầu kéo cờ trắng ra hàng còn tỳ tướng Vũ Tá Kiên tử trận, và Hoàng Đình Thể phải tự tử. Phú Xuân thất thủ rồi các đồn Cát Doanh, Động Hải thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình cũng mất nốt. Cuối tháng 5 quân Tây Sơn tới Nghệ An, Bùi Thế Tuy phải đốt doanh trại bỏ trốn, tới Thanh Hóa, Tạ Doanh Thủy cũng bỏ thành mà chạy. Quân Tây Sơn ra đến Vị Hoàng đúng ngày 6 tháng 6 năm đó.

Triều đình Bắc Hà được tin vô cùng sợ hãi, liền cử Trịnh Tự Quyền ra ngăn chận, chúa Trịnh cử thêm Đinh Tích Nhưỡng. Vùng Sơn Nam đã trở nên bãi chiến trường khốc liệt cho hai bên. Trịnh Tự Quyền giữ ở mặt Kim Động, trấn thủ Sơn Nam là Bùi Thế Dận đem bộ binh đóng ở Phù Sa (Đông An), Đinh Tích Nhưỡng đem thủy quân giữ cửa Luộc. Bây giờ là gió đông nam thổi mạnh, đến đêm Nguyễn Huệ dùng kế đoạt tên của Khổng Minh ngày trước, cho thuyền chở rơm rạ thả cho thuyền trôi đi một mặt đánh trống kéo cờ. Quân Đinh Tích Nhưỡng lầm tưởng quân Tây Sơn tấn công nên bắn ra như mưa bấc. Đến khi quân Tây Sơn tấn công thì quân Nhưỡng hết cả tên đạn,biết mình đã trúng kế, đành phải bỏ thuyền mà chạy. Hai cánh quân của Dận và Quyền làm thế ỷ dốc cho quân của Nhưỡng thấy thủy quân đại bại thì mất tinh thần, liền tan vỡ. Quân Tây Sơn tiến thẳng đến Hiến Doanh (Phố Hiến tỉnh Hưng Yên). Sơn Nam Thất thủ ngày 24 tháng 6 năm 1786.

Vua quan nhà Lê và phủ Chúa đang trong hồi hỗn loạn mạnh ai nấy lo thân. Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây kéo 500 quân về bảo vệ kinh thành dàn trận ở bến Thúy Ái (Thanh Trì). Chúa Trịnh Khải đem hết tinh binh bày trận dưới Ngũ Long Lâu. Quân Tây Sơn thừa thắng tiến lên bến Nam Dự đánh bất thần vào quân Trịnh, Ngô Cảnh Hoàn tử trận, còn Mai Thế Pháp cố chặn đường Tây Sơn , nhưng bộ thuộc tan vỡ dần, túng thế phải nhảy xuống sông tự vẫn. Còn Hoàng Phùng Cơ phải mở đường máu chạy về Thanh Hóa. Chúa Trịnh thúc voi chạy về vương phủ

thì trên cửa Tuyên Võ cờ Tây Sơn đang phất phới bay. Khải bỏ Thăng Long ngày 26 tháng 6 năm 1786, chạy đến Hạ Lôi (Phúc Yên) thì dân chúng bắt đem nộp cho quân Tây Sơn, nhưng dọc đường rút dao đâm cổ mà chết.

Quân Tây Sơn vào đóng giữ hoàng thành rất nghiêm chỉnh, không đụng chạm đến tính mệnh và tài sản của nhân dân. Ngày 26 tháng 6 năm 1786, Nguyễn Huệ vào cung Vạn Thọ yết kiến vua Lê Hiển Tông, tâu rằng: "Quân Nam Hà ra Bắc chỉ có ý phù Lê diệt Trịnh và làm theo lòng trời". Sau đó vua Lê phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên Súy và gả cho công chúa thứ hai mươi mốt là Ngọc Hân, mới 16 tuổi, nhan sắc mặn mà lại có tài văn chương thi phú.

Vài ngày sau vua băng hà (17.7.1786) sau 47 năm ở ngôi làm bù nhìn cho họ Trịnh. Do sự chấp thuận của Nguyễn Huệ, Hoàng Tôn Lê Duy Kỳ lên nối ngôi hiệu là Chiêu Thống. Nguyễn Nhạc ở Quy Nhơn nghe tin Nguyễn Huệ đã chiếm được Thăng Long thì sợ có biến nên đem 500 quân và 100 thớt voi ngày đêm tức tốc ra Thăng Long tuyên bố là đi tiếp ứng để tránh mọi dị nghi. Được báo động vua tôi nhà Lê và dân chúng rất hoảng hốt. Nhưng khi gặp vua Lê, vua Thái Đức tuyên bố một câu rất chững chạc: "Họ Trịnh chuyên quyền, chúng tôi đem quân ra đây chỉ có ý giúp nhà vua mà thôi. Nếu đất Bắc Hà của Trịnh thì một tấc chúng tôi cũng lấy, nhưng của nhà Lê thì một tấc chúng tôi cũng không tưởng, chỉ mong nhà vua giữ vững kiên cường, rồi chúng ta đời đời giao hảo". Sau đó quân Tây Sơn rút hết về Nam.

Đáng lẽ nắm được thời cơ nầy, vua tôi nhà Lê phải hợp sức để ổn định việc nước, nào ngờ vua quan đều bất tài nên Trịnh Lệ, Trịnh Bồng xuất hiện tranh nhau làm chúa. Vua phải cho sứ giả vào Nghệ An khẩn thiết mời Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc Hà yên dân trừ loạn. Quân Chỉnh tới đâu quân Trịnh Bồng bỏi chạy tới đó. Vua Lê phong cho Chỉnh làm Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại Tư Đồ Bằng Trung Công để thưởng công. Nhưng rốt cuộc Bắc Hà lại rơi vào cái họa Cống Chỉnh ép vua phong cho mình tước Nhất Tự Công, mở phủ và đúc Ấn quân Võ Thành, lập viện Khu Mật nắm mọi quyền bính. Chỉnh lại cấu kết với Nguyễn Văn Duệ với ý đồ thực hiện "Nam Bắc phân trị" và lật đổ nhà Tây Sơn. Nguyễn Huệ phải cử Vũ Văn Nhậm và Nguyễn Văn Hòa ra Bắc bình trị. Nguyễn Hữu Chỉnh bị bắt rồi đem ra xé xác. Vũ Văn Nhậm từ ngày diệt được Chỉnh lại đâm ra kiêu ngạo và độc đoán khiến nội tình Tây Sơn chia rẽ. Nguyễn Huệ phải lập tức ra Thăng Long giải quyết, giết chết Vũ Văn Nhậm ngay trên giường ngủ khi

vừa đến Thăng Long hồi canh tư.

Vương họp các quan văn võ của mình và của Lê triều để lập Tân Chính Quyền. Bốn trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc và Hải Dương có bốn Trấn Tướng phụ trách về quân sự. Bốn võ quan khác giữ bốn bộ Lại, Hộ, Lễ, Hình . Tất cả thuộc cấp bộ trung ương dưới quyền Đại Tư Mã Ngô Văn Sở. Ở cấp phủ huyện thì vương cho đề cử, giới thiệu người địa phương gồm hai loại: Văn Phân Tri và Võ Phân Xuất. Còn những viên lại thuộc các Ty tùy sự tuyể dụng của quan Đại Tư Mã. Chính nhờ ở sự tổ chức bộ máy cai trị nầy mà khi quân Thanh sang xâm lăng sau nầy bên ta có đủ tin tức tình báo để hành quân đối địch và chiến thắng một cách dễ dàng nhanh chóng.

Còn Lê Chiêu Thống thì đem gia quyến chạy sang Tàu cầu cứu nhà Mãn Thanh với ý đồ phục quốc. Vua Càn Long nhà Thanh với danh nghĩa dựng lại họ Lê và trừ quân Tây Sơn, liền sai Tổng Đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị huy động binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Tây và Quảng Đông tất cả là 20 vạn quân, chia thành ba đạo kéo vào nội địa nước ta. Khiến các bộ tướng của Tây Sơn phải rút binh về Tam Điệp.

Được tin ở Bắc Hà, Bắc Bình Vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn Sơn (Phú Xuân) ngày 25.11.1788 làm lễ lên ngôi Hoàng Đế rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra Bắc đánh giặc Thanh. Ngày 20.12.1788 thì đến núi Tam Điệp, các tướng Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhậm ra tạ tội, tường trình thế giặc và tình hình địch, nêu lý do phải rút lui về chỗ hiểm yếu. Vua Quang Trung cười và truyền dụ rằng : “Chúng nó sang phen nầy là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến nầy thân coi việc quân đánh giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu chẳng qua 10 ngày là xong. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta. Sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nỡ thế. Vậy đánh xong trận nầy, ta phải nhờ Thời Nhậm dùng lời nói khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi mươi năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa.”

Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn Tết trước, để hôm trừ tịch thì khởi binh, định ngày mồng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng chiến thắng. Khi quân Tây Sơn tiến qua sông Giản Thủy thì cánh nghĩa quân của nhà Lê không đánh mà bỏ chạy. Rồi tiến đánh Hà Hồi (ngày mồng 3) tiếp đến Ngọc Hồi (ngày mồng 5) như thế chẻ tre. Tại gò Đống Đa quân Thanh thây nằm ngổn ngang, máu chảy như nước tướng nhà Thanh

là Đề Đốc Hứa Thế Hanh, Tiên phong Trương Sĩ Long, Tả dực Thượng Duy Thanh đều tử trận cả; quan phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống phải thắt cổ mà chết, Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn tín cùng với Lê Chiêu Thống, chạy về Tàu. Các cánh quân của Vân Nam, Quý Châu nghe tin Tôn Sĩ Nghị đã thua cũng đành rút lui. Trưa mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789) thì vua Quang Trung vào Thăng Long với chiến bào nhuộm đen màu thuốc súng. Vương ra lệnh an dân và truy kích địch.

Sau đó vua sai sứ sang Tàu xin giảng hòa và bãi binh. Vua Càn Long tuy căm giận nhưng lượng sức đành phải phong cho vua Quang Trung làm An Nam Quốc Vương và bãi bỏ lệ triều cống có từ thời nhà Lê.

Nhìn lại lịch sử nước nhà vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh, quân Trịnh tấn công vào Đàng Trong ròng rã 45 năm mà chẳng thành công, quân Nguyễn cố thủ mở mang thế lực với quyết tâm "Hoành Sơn Nhất Đái Vạn Đại Dung Thân" thì không biết tương lai nước ta sẽ đi về đâu. Chừng nào thì cảnh chiến tranh mới chấm dứt. May thay nhờ có Phong Trào tây Sơn với tài thao lược của Quang Trung Đại Đế mà giang sơn mới được thống nhất. Chỉ một trận Rạch Gầm Soài Mút mà Ngài đã làm tan rã đại binh của quân Xiêm do Nguyễn Phúc Ánh cầu về, Chỉ trong 10 ngày mà Ngài đã đánh tan 20 vạn hùng binh của quân Mãn Thanh do Lê Chiêu Thống rước đến, làm tan tành mộng xâm lăng của vua Càn Long, cứu đất nước thoát vòng nô lệ. Công mở nước và giữ nước của nhà Tây Sơn lịch sử đã ghi rõ : "Tây Sơn thảo thụ lưu kỳ tích. Nam Quốc sơn hà ký võ công". Rất tiếc Quang Trung Đại Đế băng hà quá sớm (1792), mộng mở nước về phương Bắc, đòi lại hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây không thành. Đời sau Cảnh Thịnh giữ đất không nổi để Nguyễn Phúc Ánh làm tiêu tan cả cơ nghiệp nhà Tây Sơn thì nói chi đến việc thực hiện mộng mở nước an dân của Ngài. Nhưng cũng phải ghi nhận công mở nước về phương Nam của các chúa Nguyễn còn việc để mất độc lập về tay người Pháp lại là một trách nhiệm không những của triều Nguyễn, mà là trách nhiệm của toàn dân.

Ngày nay cũng vậy, đảng Cộng Sản Việt Nam đã dâng đất nước cho Trung Cộng, thì việc đứng lên dành lại giang sơn Việt Nam phải là trách nhiệm chung của mọi người Việt dù ở trong hay ngoài nước. Nhưng việc trước tiên của chúng ta là phải loại bỏ đảng Cộng Sản Việt Nam ra khỏi Cộng Đồng Dân Tộc Việt, vì chúng là một thành phần của đảng Cộng Sản Quốc Tế. Tại sao nói như vậy ? Vì căn cứ vào những sự kiện lịch sử gần đây : Năm 1979,

khi Trung Cộng đem quân đánh vào các tỉnh phía Bắc Việt Nam chỉ với chiêu bài "Cho Việt Nam một bài học" có nghĩa là một sự dạy dỗ của chủ đối với tớ hoặc cha đối với con; còn Công Sản Việt Nam thì coi đó là sự bành trướng của chủ nghĩa bá quyền hoặc Sô-Vanh nước lớn mà thôi, chứ không coi đó là một sự xâm lược. Tiếp theo sau là Trung Cộng ngang nhiên định cư dân Tàu, khai tác Nam Quan, thác Bản Giốçrồi đến các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa, xây dựng cơ sở, bến cảng mà đâu thấy Công Sản Việt Nam lên tiếng. Hiện quân đội Trung Cộng gỉa dạng thường dân đang khai thác bauxic và nhiếu tài nguyên kháç trên đất nước ta một cách công khai mà đảng Cộng cũng không một lời giải thích trước quốc dân. Nhân dân đang lên tiếng; thanh niên, sinh viên, học sinh đang lên tiếng qua những cuộc biểu tình phản đối những hành đông dã man của Trung Cộng đối với các ngư dân Việt Nam thì bị đảng Cộng Sản và nhà cầm quyền Việt Nam ra lệnh cho lực lượng công an đàn áp thẳng tay!!!... Vậy thì chúng ta không nên nghe lời của những tên bình luận gà mờ, những tên chinh trị gia xôi thịt kêu gọi đoàn kết với Hà Nội để chống Tàu, thì một lần nữa chúng ta chỉ lãnh thất bại trong việc giữ nước mà thôi.

Nguyễn Công Lượng

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

-Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Đại Nam xuất bản.

- Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn, Đại Nam xuất bản, 1960

- Tập san Champaka, Number I – 1999, IOC – Campa ấn hành.

- Đặc san Vijaya, Số I – 1999.

- Non Nước Bình Định của Quách Tấn, Nam Cường xuất bản, 1967

- Nhân Vật Bình Định của Đặng Quý Địch, Soạn giả xuất bản, 1971.

◆

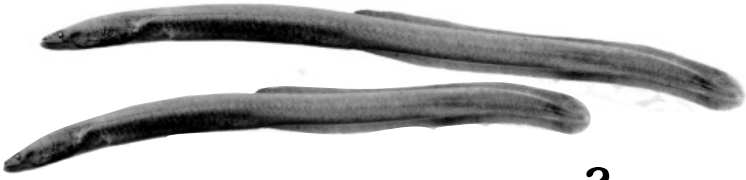

Chình Trà Ổ

TRƯƠNG TOẠI

Thổ sản là sản vật ở một địa phương . Thổ sản gắn liền với đời sống con người, nên đâu đâu cũng đều coi trọng. Nước ta thổ sản thực dồi dào phong phú, được ghi vào nhiều sách, được khắc vào cửu đỉnh và quy định các thổ sản có lệ dâng lên triều đình. Tuy nhiên thời gian ghi chép, tiêu chuẩn để ghi khắc sản vật nào vào cửu đỉnh không rõ theo tiêu chuẩn nào.

Riêng về sách Đại Nam Thống Nhất Chí, được liệt kê rõ ràng, phong phú, nhưng chưa thực đầy đủ. Như lúa liệt kê đến 46 lọai nhưng tỉnh ta không thấy ghi lúa ngự, lúc cúc, lúa co, lúa tàu hoét, lúa nhe; đậu thì thiếu đậu ngự, khoai thì thiếu khoai mì, cua thì thiếu cua đồng, cá thì thiếu cá sặt, cá trôi cá đá, cá lúi cá ngựa, cây thì thiếu cây thị, cây gai.....

Tuy nhiên, có nhiều thổ sản rất đặc biệt, chưa từng thấy. Trong bài này chúng tôi muốn giới thiệu một vài thổ sản lạ, liệt kê những thổ sản được khắc vào cửu đĩnh, và những sản vật mà Bình Định có lệnh thượng tiến hàng năm.

NHỮNG SẢN VẬT ÍT THẤY

1.Con bạc mày: Ở núi rừng Thanh Hoá, có loài vượn, người địa phương gọi là ca nhiên, giống loài khỉ mà lớn hơn, bộ mặt không khác gì người, da và lông nhỏ mịn mềm mại, có thể dùng làm đệm. Loài thú này lúc đi đâu con lớn đi trước, con nhỏ đi sau; nếu tìm kiếm trái ăn, thì trước hết con nhỏ đưa cho con lớn, rồi sau mới tự ăn. Người địa phương dùng tên bắn, nếu trúng một con, tất được hai con, vì con không bị thương nhổ lấy mũi tên

trong thân con bị chết để đâm mình tự tử.

2. Chim đa đa: Con chim đa đa giống như co gà mái, cổ nó giống như con cút, trước ngực có vòng trắng; gáy hay đối nhau, tiếng gáy như thốt ra tiếng:

" Câu lư cánh kiệt, hành bất đắc dã ca ca"

Chim đa đa thường nghe gáy vùng núi thuộc các xã Bình Thành, Bình Tân, quận Bình Khê. Những người đi chặt củi thường nghe chim đa đa gáy, tha hồ mà diễn dịch; nào là: "Thương cô áo cụt"

" Di Tề khả phục, bất thực cốc Châu gia"

" Năm trâu sáu cột, còn một cột cho ta"

Nhưng có hai câu dưới này dệt ra tự tích có đầu có đuôi:

Truyện kể như thế này:

Có nhà kia bà vợ mất sớm bỏ lại đứa con trai vừa tuổi thôi nôi. Anh chồng vì thế, tục huyền mong người vợ kế chăm nuôi con mình, để cho anh lao hỏa làm ăn, lo sự sống cho gia đình. Nào ngờ gặp cô vợ này quá ác, hành hạ đứa con chồng, lại bày đặt chuyện làm như thằng bé khó dạy. Một hôm thằng bé từ sáng đến trưa mà không có hột cơm vào bụng. Đói quá chịu không nổi, thằng bé khóc đòi ăn. Bà dì ghẻ đang trộn cát gieo giá, tức mình hốt cơm nguội bỏ vào chén cho thằng bé ăn. Cơm dính nhiều cát sạn, thằng bé ăn không được, ngồi chà chân khóc. Gặp lúc ông cha vát bừa đi làm về, nghe vợ nói:

-Nè ông coi, thằng con ông cơm trắng cá ngon mà không chịu ăn, ngồi khóc. Tôi chịu hết nổi rồi đó.

Ông chồng nghe vợ cằn nhằn, nổi nóng lại nhè thằng nhỏ xáng xuống một bạt tai. Thằng nhỏ ngã ngửa không kịp giãy, hai mắt trơn ngược nháy nháy, mệng méo xệch rồ đi luôn. ..Thằng bé chết, nó hoá ra con chim đa đa, hằng ngày bay đậu trên cây trước nhà kêu lên những tiếng kêu oán hờn tức tưởi:

"Oan không nói được, đem bát cát quải cho cha ".

Một chuyện khác xảy ra trong thời 9 năm chống Pháp: chó là nạn nhân, phải bị tiêu diệt hết. Một nhà nọ có con chó Mực chửa, dấu nó trong xó nhà, thương không nỡ thấy nó bị giết. Vừa sanh vài ngày, con nó chưa kịp mở mắt thì bị "phát giác". Người ta đến nơi, con chó mẹ ra sủa mấy tiếng, khi thấy chiếc tróng, nó liền cúp đuôi, chun trốn dưới gầm giường, nơi 3 con chó con nó tha vào dấu dưới đấy. Có trời chưa thấy làm gì, chủ chó đâu dám cản trở. Người cầm tróng như ông thần vòng thắt cổ, từ từ đưa cái tróng lừa thế tròng vào cổ con Mực chục để siết lại. Ban

đầu nó còn nhăn răng chống cự. Nhưng sau cảm thấy bất lực hay sao, nó đứng lép mình vào vách, cam chịu để dây tróng lừa vào cổ. Người cầm tróng từ từ siết cổ con chó khón nạn kia, lôi ra khỏi gầm giường. Con chó mẹ mới đẻ ốm nhôm, thõng thõng hai hàng vú bị lôi đi, nó ráng quay lại liếc nhìn 3 con nó đang nằm quanh vào nhau, hơi nhúc nhích một tý. Kiếp người cũng có như vậy hay không!

Người kể chuyện trong lúc đi đốn củi,vừa khi nghe tiếng đa đa kêu, anh ta thốt nhiên nhái lại:

" Thương con chó mực, hung ác quá hỡi người ta!"

Sau đó, anh có giấy mời lên Ấp, Ấp bảo ngày mai anh lên Xã, Xã bảo anh lên Huyện. Huyện bèn "giáo dục" cho anh một trận. Ở đó mấy ngày, may là anh thuộc thành phần giai cấp Bần Cố Nông, nên cho anh về, giao liên gia "kiểm thảo về tư tưởng phản động của anh" ấy. Từ đó anh hết dám làm thơ, như kiểu thơ diễu các Ông Cán Bộ:

Ra đi quần sọt, áo sơ-mi,
Ruổi thời có mửa, toàn mì mì không!

3. Chim bìm bịp: Giống chim này lông đầu và lông đuôi đều đen, hai cánh màu nâu, hay ăn rắn. Nó có hai tên; khi nó kêu thường ứng với thuỷ triều, nên gọi nó là chim báo trào. Ca dao Bình Định có câu:

"Con cò mắc giò mà chết,
Con bìm bịp mua nếp làm chay;
Con cu đánh mõ ba ngày,
Con chóc mào đội mũ làm thầy đọc văn."

Câu ca dao này nói lên đặc tính của 4 con vật: Con cò bị người ta bắt vì bị ham mồi mà mắc giò, con chim bồ câu thì gáy kêu như hồi trống, hồi mõ, con chim chóc mào (chào mào) có chòm lông trên đầu giống như cái mũ. Còn con bìm bịp thì làm chay. Làm chay là làm cỗ bàn cho cuộc lễ sắm hối, bày cỗ bàn bánh trái. Lễ có rước thầy đến cúng, phải đúng giờ giấc giống như con bìm bịp, tiếng kêu của nó trùng với năm trống canh nên ca dao còn có câu:

"Con bìm bịp kêu nước cầm canh"

Trong thi văn còn gọi nó là "con gà năm canh", tên chữ là ngũ canh kê:

"Đê đầu liêu thính điểu thanh đề,
Bán chẩm u sầu tỉnh phục mê;

Cố quốc bồi hồi lao mộng mị
Hồi diêu trù trướng ngũ canh kê."

Người ta thường kể chuyện về bìm bịp đánh lôn với rắn, gặp rắn dữ phun nọc độc, hoặc mổ bìm bịp bị thương. Nó chỉ nhảy vào bụi, rứt một thứ lá cây nuốt rồi nhảy ra đấu với con rắn như thường. Người ta thường rình xem con bìm bịp dùng lá gì để hái đem về làm thuốc. Người ta cũng thường tìm tổ của nó, chờ khi nở con, người ta lén bẻ gãy chân bìm bịp con. Bìm bịp mẹ đào rễ cây đem về tổ chữa cho con; nhân đó đến lấy cắp rễ dùng làm thuốc trị bệnh xương rất hiệu nghiệm. Do đó người ta thường gọi bìm bịp là Ông thầy thuốc võ.

4. Hoa hoàng hoa bút: Cây cao hơn một trượng, lá dày, nhọn và dày; hoa vàng nhợt, mùi thơm nồng. Lúc hoa mới nở, búp như đầu ngòi bút, nên gọi như thế. Thớ gỗ cứng và dai, dùng làm dụng cụ rất tốt. Sách chép rằng trong đời Minh Mệnh, Nguyễn Hữu Bình làm Tri Huyện Phước Chánh (tỉnh Biên Hòa), đem dân lên núi lấy gỗ làm cột buồm, thấy lá cây biến thành chim cu còn bám trên cành, trông kỳ lạ là cây hoàng hoa bút, bắt lấy để ăn, vị rất ngon. Vậy chép vào để cho biết chuyện loài hoa lạ.

5. Rau mơ: Còn có tên là bông lan, lại có tên là la ma. Rau này là loại dây leo xa, bẻ ra có nước trăng trắng, có thể ăn sống, có thể ăn xào. Nên lưu ý nó có công dụng ích tinh cường dương. Củ Kỷ cũng có công dụng cường dương, cho nên ngạn ngữ có câu:

Ai đi ngàn dặm xa nhà,
Đừng ăn củ kỷ cùng là rau mơ.

6. Con giông: Nói đến con dông (颱), tôi nhớ lại người bạn đồng nghiệp quá vãng 40 năm qua. Lúc bấy giờ làm Giám Đốc Trường Sư Phạm Vĩnh Long, ra làm Chủ Khảo kỳ thi Tốt Nghiệp ở Trường Sư Phạm Qui Nhơn, cho biết anh và mấy người bạn chấm thi làm bẩy bắt dông ở chung quanh trường Sư Phạm làm món ăn sáng, và khen thịt dông ngon lắm. Mà quả vậy! Thời trẻ thơ, những ngày nghỉ học, tôi thường theo chận bò ở gò Xoài, gò Mả Vôi, hoặc Gò Giữa. Bò trong làng đều đem thả nơi vùng này tỉ như là nơi "hội bò". Cũng là những thời gian vui thích của tôi thuở ấu niên. Trong đám chận bò có các anh lớn tuổi bày ra nhiều trò chơi như u quạ, sai roi, cút bắt... hết lại rủ nhau đi bẩy bắt dông ở mấy bờ cát chung quanh. Dông bắt được hằng xâu đem về gò rồi chia nhau lén về nhà lấy trã, dầu phộng nước mắm, hành tỏi, các đồ gia vị; có người lén lấy được bánh tráng... làm tiệc thịt dông với nhau. Thịt dông mà nấu canh với lá giang thì cũng ngon đáo để!

Lá giang mà nấu với lòng heo hay lòng gà thì hết sẩy. Không biết anh Chủ Tịch xã Bình Phú nhà ta có nhớ đến nồi bún gié của anh không?

Mà sao lại đặt tên con vật này là con dông?

Tôi được nghe người lớn giải thích rằng: Con vật này rất sợ dông sấm, nên mùa Xuân Hạ kiếm ăn, nuôi cái đuôi của nó cho mập và dài. Khi mùa dông sấm đến nó sợ trốn vào hang, không dám ra; khi đói thì gặm ăn cái duôi coi như là thức ăn tích trữ, cho qua muà dông mới lại ra khỏi hang để kiếm ăn, Vì thế mới có tên là con dông. Nếu thế thì phài viết là con Giông mới đúng .

NHỮNG THỔ SẢN ĐƯỢC KHẮC VÀO CỬU ĐỈNH

Năm Minh Mệnh thứ 17(1836) cho đúc 9 cái vạc gọi là cửu đỉnh đặt trước sân Thế Miếu. Thổ sản có những thứ được khắc vào một trong 9 đỉnh đó: Mỗi đỉnh có tên và các sản vật được khắc vào như sau:

1: Cao đỉnh: Lúa canh, hành, hoa tử vi, trái mít, trầm hương, gỗ lim, cọp.

2: Nhân đỉnh: Nếp,hẹ, hột sen, cá ông voi,

3: Chương đỉnh: Đậu xanh, kiệu, xoài, gà, tê giác, cá sấu, rùa, con ve.

4: Anh đỉnh: Hoa mai khối, quả cau, củ nghệ, con hạc, con ngựa, con trăn.

5: Nghị đỉnh: Đậu ván, rau cải, hoa hải đường, cây quế, gỗ hoàng đàng, voi.

6: Thuần đỉnh: Hoa thục quỳ, cây đào đất, bò tót, cá rô, con ngao.

7: Tuyên đỉnh: Đậu phộng, gừng, quả nhãn, cây bách, chim hoàng anh, chim yến, con lợn, con sam.

8: Dụ đỉnh: Đậu trắng, tía tô, hoa lê, hoa bông bụt, cây tùng, con nhồng, con dê, cá úc, con sò.

9: Huyền đỉnh: Tỏi, quả vải, cây bông gòn, mãng xà, con cà cuống.

SẢN VẬT THƯỢNG TIẾN

Thổ sản ở địa phương có liên quan đến việc thượng tiến. Hàng năm gặp các lễ tết: lễ tế Nam Giao, lễ hưởng ở nhà Thái Miếu, ngày Thánh Đản, các ngày giỗ và ngày Thánh Thọ, tết Vạn Thọ, các tết Cháng Đán, Đoan Dương, Trung Thu, Trùng Dương và

tiến tân...

Các quan ở địa phương chính tay phải lựa chọn lấy những thứ ngon tốt, chuyển về kinh. Đó là lệ chung về việc cung tiến phẩm vật ở các địa phương.

Sách ghi chép:

Gạo lúa mới và hoa quả ở hạt Thừa Thiên; dừa trái ở hai tỉnh Vĩnh long và Định Tường; xoài của Phú Yên ; trái bòn-bon, xoài, cá vanh của Quảng Nam; rượu dâu, bột huỳnh tinh, dưa hấu, tương đậu nành, của Quảng Bình; cam đường của Thanh Hoá và Hải Dương; mắm rươi của Ninh Bình và Hải Dương; quả vải của Hà Nội, trái sa lê ở Cao Bằng, tuyết lê của Tuyên Quang.

Riêng về tỉnh Bình Định có 5 thứ tiến phẩm: Chanh, xoài, trà cam khổ, trà viên, và chình.

Lạ quá! Con rươi là hoà trùng, lại có tên là hỏa trùng, hình dáng như con rít mà nhỏ, màu xanh, nấu lên và làm mắm. Ở Bình Định có nhiều thứ mắm, cá thì có mắm cá thu rất ngon mà không thấy nhắc đến. Nếu ai là người Bình Định tất phải biết ăn và khi xa quê thì thật sự là nhớ đến mắm cua. Mắm cua tươi mà nấu với lá gừng tươi thì so với món bún rêu làm sao bún rêu sánh nổi. Vậy mà sao không có lệ thượng tiến. Thật tiếc quá!

1.CHANH: Hàng năm Bình Định dâng 2000 quả chanh. Khi quả chanh đã chín rồi, trước phái người lấy sẵn ở chùa Linh Phong. Hai kỳ về lễ Cơm Mới, lễ Đoan Dương, mỗi kỳ đều 1000 quả, chia làm 10 gánh, mỗi gánh 2 sọt, mỗi sọt 50 quả, giao trạm phái người đem nạp.

2.XOÀI: Bình Định ở các huyện đều có. Có nhiều loại xoài: xoài tượng, xoài sẻ, xoài muổng, xoài mật, xoài quéo..., ngon nhất là xoài tượng ở ba huyện Phù Cát, Tuy Viễn, Tuy Phước. Sách chữ Hán có tên là Yêm La, đầu đời Minh Mệnh cho tên là Mông. Sách Vân Đoài Loại Ngữ chép rằng: Tục truyền năm nào xoài sai quả thì ngũ cốc mất mùa, xoài it qủa thì ngũ cốc được mùa. Ứng với thời tiết cũng có nghiệm. Năm Minh Mệnh thứ 17 khắc hình tượng vào Chương Đỉnh. Sách chỉ cho biết "có lệ tiến"; nhưng không nói rõ về số lượng, thời gian và phương thức chuyên chở.

Ba tỉnh có lệ tiến xoài là Phú Yên, Bình Định, và Quảng Nam, nhưng chỉ Phú Yên có xuống dụ quy định hẳn hoi; lại còn chuẩn phạt quan Hộ Phủ tỉnh ấy lương bổng 3 tháng vì tới giờ hành lễ mà xoài không kịp dâng lên.

Hàng năm Lý Hương trong tỉnh Bình Định, theo lệnh trên đến

nhà dân có xoài ngon, để quy định số lượng xoài mà họ phải nộp gọi là "mãi xoài". Nhà nào có cây xoài ngon được chỉ định tiến xoài đều tuân hành răm rắp, không kể số lượng nhiều ít mà cũng không được trả cho đồng nào!

Nhà ông cụ thân sinh nhà thơ Trường Xuyên, tục gọi là Thầy Thông Xuân (Bà Thông Xuân là cháu nội Cụ Quảng Nhã, làm Quảng Trấn thứ Hương Sơn, trong cuộc Khởi Nghĩa Cần Vương của Mai Xuân Thưởng). Nhà Thầy Thông có cây xoài tượng, to trái, sai và ngon có tiếng. Các thầy chức việc trong làng Trường Định đến thương lượng mãi xoài.

Thầy Thông niềm nỡ mời vào nhà, trà nước xong, quý thầy hương chức vào đề, theo lệnh quan trên đến thương lượng mãi xoài.

Thầy Thông điềm nhiên đáp:

"Tưởng chi chớ việc mãi xoài có gì đâu mà cớt Thầy phải quan tâm đến thế!"

Quý thầy hương chức hôm đó có đủ các thầy Xạ Trưởng, Hương Mục, Hương Bản, Hương Bộ, Hương Kiểm, Hương Dịch rất hớn hở mừng ra mặt. Bấy lâu quý thầy vẫn nghe đồn "cái ông Thầy Thông" này tánh khí rất khó chơi mà sao hôm nay lại cởi mở thế. Câu chuyện người ta đồn về Thầy Thông có lối sống hơi khác, đơn cử một chuyện như sau:

Nước Văn Phong về đồng, những vùng ruộng cao, nước lên không tới, người ta phải dùng gàu tát nước lên để kịp cày cấy, nông vụ tấn thời mà! Nhà Thầy Chánh Tổng, anh nhà chú nhà bác với Cô Thông, chuẩn bị trai bạn cơm nước sẵn sàng tát nước, thiếu mất một cái gàu tát, vội cho người tới nhà Thầy Thông mượn tạm cái gàu. Thầy Thông đang ngồi trên võng, gọi sắp trẻ ra vẻ sốt sắng:

- Lấy cái gàu tát nước ra đây xem bay!

Người mượn gàu an tâm đứng chờ.

Người nhà mang gàu ra, gàu rất mới, tay gàu, dây gàu cột lại rất gọn ghẽ kỹ lưỡng. Thầy Thông từ từ mở bày ra từng chậm rãi bảo:

"Đây là cái gàu! Đây là dây gàu! Đây tay gàu! Đây là cái đỏi gàu!. Mày về bảo chủ mày mua lấy mà dùng!" Nói xong Thầy Thông bảo người nhà đem cái gàu tát nước cất vào chỗ cũ, từ từ thầy quay mình nằm xuống võng đu đưa. Đại loại kiểu sống của Thầy Thông như thế!

Trở lại chuyện mãi xoài, thầy Thông ung dung nói:

"Các thầy muốn mua xoài, tôi bán cho chục mười hai đó. Mua bao nhiêu cũng được, cứ trả tiền trước, tôi sẽ cho người lên hái".

Các thầy Lý Hương rất đỗi ngạc nhiên, Thầy Hương Bản, lên tiếng trước, ra giọng kẻ cả bảo rằng:

-Thầy Thông này nói lạ, chúng tôi đi mãi xoài để dâng lên vua làm gì có lệ phải trả tiền?

Ông Thông điềm nhiên trả lời:

-Tôi hỏi quý thầy mãi xoài tức là mua xoài, mãi có nghĩa là mua, mua thì phải trả tiền. Không trả tiền thì tôi không bán!

Các thầy chức việc bực dọc bỏ ra về bực tức thầy Thông này gàng bướng quá, đòi cáo quan. Không biết có cáo quan không mà việc mãi xoài nhà thầy Thông vẫn không thực hiện và chuyện mãi xoài thường kể trong lối xóm lúc vui chơi.

Kỳ thực việc tiến phẩm có điển lệ hẳn hòi: Năm Minh Mạng thứ 5 (1825) có sắc dụ: Các địa phương mua các thứ quả để kính dâng, số bao nhiêu chiểu giá tính tiền, đến cuối năm vào sổ chi tiêu đệ lên, do bộ Hộ tâu cho thanh toán, lấy làm lệ vĩnh viễn.

Lại năm thứ 17 (1837), xuống dụ: " Từ trước đến giờ, các tỉnh dâng phẩm vật ...hoặc thổ nghi có, hoặc do dân đi tìm mà lấy. Vật không đáng bao nhiêu, mà dân cũng lấy việc ấy làm lẽ sống, phải nên tùy từng hạng xét trả tiền, để dân được nhờ. Chuẩn giao bộ Lễ châm chước bàn bạc tâu lên, đợi chỉ thi hành, phải kính tuân đấy. Tuân phụng chuẩn y lời bàn sau đây: phàm các địa phương theo lệ kính dâng sản vật địa phẩm, trừ ra thứ nào quan địa phương tự biếu tỏ lòng thành, còn ngoài ra phàm có mua lấy của dân thì: quả dừa cứ 100 quả giá tiền 3 quan,....., quả chanh cứ 100 quả giá tiền 3 quan "

(Theo trị giá và định lượng. Tháng Bảy, năm Gia Long thứ 11(1812), định giá tiền bạc như sau:

1 lượng vàng bằng 44 quan 8 tiền.

1 quan tiền bằng 10 tiền hay 600 đồng.

1 tiền bằng 60 đồng.

1 lượng vàng nay nặng 37g 500.

1 quan qui ra vàng 0.85491068 gam

Lương hàng năm của một quan Tri Phủ (Chánh Lục Phẩm), không kể gạo và tiềm may áo Xuân là 25 quan. Vậy thì triều đình cũng đâu có cư xử tệ bạc với dân đâu. Hèn chi, ông Nguyễn Đăng Hựu Thượng Thư Bộ Binh hồi hưu, chỉ cho Tiến Sĩ Tô Trân là một

Tri Phủ trẻ, thuật trị dân: "Người thương yêu trâu thì phải đập lằng đập ruồi cho trâu, người yêu thương dân thì phải trị bọn lại dịch"

3.TRÀ CAM KHỔ: Trà cam khổ, người địa phương thường gọi là lá vằng, hay trà vằng, chữ Hán gọi là cam khổ trà. Bởi vì khi uống trà vào ban đầu lưỡi cảm tháy đắng nhưng sau thấy ngọt dịu. Trà mọc ở núi Hà Ra, huyện Phù Cát. Trà có lệ tiến cống. Trà cam khổ cùng loại với Trà Nam, tục gọi là chè Huế. Theo bài vịnh Nam Trà của vua Minh Mệnh xét cây này cũng gọi là trà, nhưng cành lá hơi khác, cách uống lại khác hẳn. Nhưng cái tính thanh lương, có thể sáng mắt thư lòng, trừ phiền giải khát thì cũng như trà. Khi làm ra thì không rang, khi uống thì hòa thêm nước lạnh. Cho nên đang mùa Hạ nóng nực, uống một bát thì toát mồ hôi mà thần khí sảng khoái, cơ thể mát mẻ.

4.TRÀ VIÊN: Khắp cõi Việt Nam chỉ ở núi An Tượng thuộc huyện Bình Khê mới có quả trà viên, người địa phương gọi là trái chà viên. Hình dáng quả trà viên giống như quả sung nhưng hơi nhỏ và dài hơn và láng. Màu xanh hơi ngã vàng, có vị ngọt dịu dàng và có mùi thơm nhẹ quyện vào lưỡi khó tả. Mỗi năm đến mùa trà viên chín, người dân ở các xã Bình Phú, Bình Thành, Bình Nghi, Bình Hoà thường vào núi An Tượng, dọc theo quốc lộ 19 hái đem về. Người ta sẽ thấy bán nơi các chợ trong vùng, chỉ trong một hai phiên chợ là không còn thấy nó nữa. Kẻ viết bài này được nhiều lần thưởng thức trái trà viên, muốn cách nào đem về trồng, nhưng hỏi những bậc bô lão trong vùng cho biết cây trà viên mọc ở núi rất cao lớn, trái ra sum sê, chỉ trèo lên cây mé nhánh xuống mà hái đem về, không hề thấy có cây con, mà ương hột thì không bao giờ mọc. Có năm mất mùa trà viên không có một trái nào. Có lẽ vì thế đời Minh Mệnh có lệ cống, sau đó lại bỏ lệ.

5. CHÌNH: Chình tên là man lễ ngư. Từ Thừa Thiên trở vào Nam, đến tỉnh Bình Định, nơi nào cũng có, mà Bình Định nhiều hơn cả. Chình có hai thứ, chình đen và chình trắng. Thứ đen gọi là chình, thứ trắng gọi là lịch hay lệch. Hình dáng giống nhau, nhưng con lịch ít khi thấy. Ngạn ngữ có câu:

Con lươn, con lịch, con chình,
Ba con chụm lại cái mình trơn lu.

Sách lưu ý rằng:

Con lươn, khi nào ngoi đi, đầu cất cao, hoặc dưới cổ có điểm trắng, chớ ăn, vì có thể chết người.

Con chình hay lịch nào lưng có điểm trắng mà không có mang thì không nên ăn; con nào bốn mắt nếu ăn thì chết.

Nói về chình Bình Định, người ta thường nói đến chình Trà Ổ. Trà Ổ là tên đầm. Đầm Trà Ổ ở phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ, phía Đông giáp bãi cát ra đến biển; phía Đông Nam đến núi Lỗi Sơn, phía Bắc giáp cửa lạch Hà Ra, đến núi Thạch Cốc. Nước đầm phía Nam từ đèo Hải Lương, phía Bắc từ đèo Phủ Cũ đổ xuống , chảy ra cửa biển Hà Ra, quãng giữa nổi vọt một một hòn đảo, cây cối um tùm, đền miếu nguy nga, cũng là một nơi linh địa. Dân 2 thôn Châu Giang và Trúc Võng (Châu Trúc) chuyên làm nghề cá. Lại có lạch Hà Ra, phía Đông giáp biển, phía Tây giáp đầm Trà Ổ, phía Nam giáp bãi cát và núi Thạch Cốc, cửa lạch rất hẹp, bãi cát bồi lấp. Mùa Thu, Đông mưa nhiều nước ngập 2 thôn, dân địa phương phải khai cửa lạch để tiêu nước ra biển. Ấy thế mà là nơi sản sanh nhiều chình, hoá ra nghề cá hóa ra nghề chình!

Chuyện kể như vầy: Một hôm ông Chánh văn Phòng tỉnh đường Bình Định Bùi Thặng gọi ông Phó Quận Phù Mỹ Đoàn Hữu Đức, nhờ quận mua cho mấy con chình, để đãi thượng khách đến thăm: Ông tướng Toàn, Tư Lệnh Vùng II xuống thăm, nhân đó hỏi Đại Tá Tỉnh Trưởng Hoàng Đình Thọ, có thổ sản nào đặc biệt của tỉnh này không? Ông Tỉnh Trưởng lúng túng, ông tướng Toàn vừa nửa đùa nửa triêu rằng như vậy ông không xứng đáng làm Tỉnh Trưởng tỉnh này rồi, và như để cứu ông Tướng hỏi ông Tỉnh Trưởng có biết chình Trà Ổ hay không? Bên Nhật người ta có bán Chình Trà Ổ đó!

Ông Phó Quận mới ra đến nhậm sự không lâu, chưa biết mô tê ất giáp gì, vội giao cho ông Thư Ký Tài Chánh huyện, người địa phương, gọi xuống xã Mỹ Đức, nhưng chỉ mua đâu được 5 con chình Châu Trúc với giá một con là 1 nghìn rưởi đồng, trong khi lương độc thân của ông Phó Quận tháng chỉ 8 nghìn đồng. Đắt là thế!

Từ đó ông Phó Quận mới tìm hiểu món đặc sản này: Người Châu Trúc khai thác nghề bắt chình bằng cách đặt lờ đôm chình. Bờ đôm lờ nọ cách lờ kia chỉ độ 500 mét, mà vẫn bắt được nhiều chình, mặc dù mua của xã một chỗ đôm như thế giá từ 100 đến 200 nghìn đồng. Chình thu hoạch được bao nhiêu nhà chành ở Bình Dương ra thu mua hết, rồi đem bán cho người Tàu ở Chợ Lớn, nơi đó họ mới đem bán ra nước ngoài. Ông Phó Quận mới khám phá ra xã Mỹ Đức rất giàu mà cứ giả bộ xã mình nghèo ngân quỹ.

Nghe câu chuyện chình vừa kể, tôi lấy làm thích thú nên đặt tên cho bài viết này là "CHÌNH TRÀ Ổ"

TRƯƠNG TOẠI

GÍA GẠO HÁT HÒ

Nguyễn Diêu

Ngày xưa phải xay lúa gĩa gạo bằng tay, để có gạo nấu cơm. Ngày nay khoa học tiến bộ đã có máy móc, nên máy xay lúa ra đời đỡ phần mệt nhọc cho người dân. Nhớ lại thời xưa giã gạo hát hò ghi lại vài nét để các con cháu bây giờ hiểu biết thời buổi lúc đó muốn có hạt gạo để ăn khó nhọc như thế nào.

Lúa đã được phơi khô, đổ lúa vào cối xay đan bằng tre hình khối tròn, giữa rổng để nện đất sét vào, có đóng những hàng răng cách nhau bằng đầu đũa bằng gỗ cây chẻ mỏng. Gồm thớt trên và thớt dưới , phần trên chuyển động vòng tròn do tay người ta đẩy, phần dưới đứng yên. Nhờ các răng cọ xát nên hạt lúa bóc vỏ ra gọi là trấu. Hạt gạo còn lớp lụa mỏng bao ở ngoài gọi là gạo lức. Từ gạo lức phải gĩa cho bong lớp lụa thành chất bột gọi là cám, lúc bấy giờ hạt gạo trắng tinh.

Cối gĩa gạo phải làm bằng cây gỗ ké, một khối gỗ nguyên to, khoét một lỗ tròn ở giữa to bằng quả bóng để đổ gạo vào, phải dùng loại cây nầy vì thịt gỗ chân tôm, dẻo và dai không bị bể và lâu mòn. Còn cái chày phải dùng loại cây cầy vì loại cây nầy nặng và cứng, nhờ sức nặng khi nhất lên nện xuống rất mạnh, người ta thường nói cối ké chày cầy mới là tương xứng.

Ở nhà quê thường gĩa gạo hát hò về ban đêm lúc có trăng sáng tỏ, nếu không có trăng thì người ta phải thắp đèn. Vì giã gạo hát hò có đông người nên tổ chức ở ngoài sân rộng. Chủ nhà phải chuẩn bị cối chày ít nhất từ 3 đến 4 cái cối trở lên, và gạo lức để giã, đồng thời nấu chè hoặc cháo đậu để giải lao.

Trước khi bắt đầu giã người ta giới thiệu một người hát đố trước và chọn người hát đáp trả lại sau. Lúc dứt một câu hát, thì những người không hát phải hò: "Hò hê" kéo dài ra theo nhịp chày nghe rất mùi tai. Thường thường một bên Nam một bên Nữ đứng giã đối diện nhau, nên người ta thích thú nói đùa vui không thấy mệt trong lúc cầm chày. Hát hò là lối hát nói, không theo thể thơ nhất định, có lúc sáu chữ, lúc tám chữ hoặc dài ngắn vô chừng. Nhưng khi hát người ta ngắt câu hoặc hát cho nhanh để theo nhịp chày lên xuống và tiếng hò hê của những người phụ họa. Mở đầu thường hát mời chào, có khi khích lệ để người ta vào cuộc chơi.

Nữ hát: *Tới đây không hát thì hò,*
Đâu phải con cò ngóng cổ nghe kinh.
hoặc: *Đến đây giã gạo ăn chè,*
Người nào không gĩa ngồi hè đợi ai.
Đến đây giã gạo làm quen,
Người nào không giã khêu đèn ngồi nghe.
Nam đáp: *Tới đây xứ sở lạ lùng,*
Con chim kêu cũng sợ con cá vẫy vùng cũng lo.

Thú vui giã gạo hát hò không thấy mệt mỏi, vì có nam- nữ hát đố đáp để trổ tài ứng khẩu. Không những người trong thôn xóm hát với nhau, mà có những người các làng khác đến tham gia. Thường những người độc thân họ thích vui, đến làm quen, tỏ tình, họ hát những câu sau đây.

Nữ hát: *Thấy anh em cũng muốn chào,*
Sợ rằng chị cả dắt dao trong mình.
Nam đáp: *Đó dắt dao, em gươm kề nách,*
Thuận nhân tình, cắt vách sang chơi.
Nữ hát: *Rằng anh chê em ốm yếu lưng tôm,*
Kiếm nơi cho mập anh ôm phỉ tình.
Nam đáp: *Em đừng chê anh nhỏ thó buồn tình,*
Thằn lằn bao lớn nó ôm cột đình sát đeo.
hoặc: *Em đừng thấy anh nhỏ thó mà rầu,*
Con ong kia bao lớn, chích cái bầu cũng eo.

Cũng có lúc đôi bên đối đáp với nhau cho mình là tuyệt hơn người, nghe họ hát những câu sau đây:

Nữ hát: *Thân em như trái mãn cầu,*

Ngồi trên bàn Phật, hạc chầu, lọng che.
Nam đáp: *Thân anh như thể con dơi,*
Bay lên đáp xuống mà xơi mãn cầu.
Hoặc: *Thân em như thể chuông vàng,*
Ở trong thành nội, một ngàn quân canh.
Nam đáp: *Thân anh như thể cái chày,*
Bồ long bồ lóc có ngày dộng chuông.

Đến khi hai bên mùi mẫn nhưng sợ mang tiếng dị nghị nên người con gái mới hát câu sau đây.

Nữ hát: *Đèn hết dầu đèn tắt, hoa rữa nhụy hoa hôi.*
Em biểu anh đừng có lên xuống đêm hôm.
Thế gian đàm tiếu tiếng đồn tội em.
Nam đáp: *Nước mía trong, họ nấu lọc thành đường.*
Anh thương thì em biết, chớ thói thường biết đâu.
Hoặc là: *Anh thương em đừng buông con mắt, đừng quèo ngón tay*
Người ta đông như hội, cứ ngó ngay mà nhìn.

Đôi khi hát bóng hát gió , để thăm dò ý với nhau .

Nữ hát: *Anh đi đàng ấy xa xa,*
Để em ôm bóng trăng tà năm canh.
Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình hay không.?
Nam đáp: *Đôi ta là nợ là tình,*
Là duyên là kiếp đôi mình kết đôi.
Em như hoa mận hoa đào,
Cái gì là nghĩa, tương giao hỡi nàng.

Thỉnh thoảng đôi bên chê nhau, nhất là người con gái chê chàng xấu trai nên chàng trai mới hát câu sau đây.

Nam hát: *Củi tre dễ nấu, chồng xấu dễ sai.*
Ham chi da trắng tóc dài.
Ngồi trên phản vọng lửa đài lửa lư.
Nữ đáp: *Lửa lư em chịu lửa lư,*
Ưng chi chồng xấu nó hư trăm bề. Hoặc
Chớ chê em xấu em đen,
Em như nước đục đánh phèn cũng trong.

Lửa đài lửa lư có nghĩa là ngày xưa hút thuốc không có quẹt diêm, nên người ta sắm cái nồi bằng đồng nhỏ bằng cái cắm nhang để bỏ lửa vào đó đem cho quí thầy hút thuốc, gọi lửa đài lửa lư.

Hát hò là những câu hát bình dân mộc mạc họ ứng tác rất mau lẹ để đối đáp với nhau. Nhưng cũng có khi họ học hỏi tìm những câu đố khó để bắt bí bên kia chơi, nếu bị bí thì phải bỏ chày mà đi về tìm thầy cầu cứu đêm sau đến trả thù.

Như câu sau đây họ lấy trong sách vở để đố.

Nữ hát: *Sách rằng Nghiêu hữu cửu nam,*
Đan Chu là một tám chàng tên chi ?

Trong sách nói Vua Nghiêu có đến chín người con trai, chỉ nói tên của người con cả tên là Đan-Chu, còn các người khác không thấy nói tên gì làm sao trả lời. Người con trai bị thua đi tìm thầy hỏi, nhưng ông thầy cũng không biết. Ông ta mới bày ra kế chọc quê người con gái, bảo nguời con trai hát.

Nam đáp: *Phận em là gái nữ nhi,*
Đan-Chu cũng đủ hỏi chi tám chàng.

Những cuộc hát hò không kết thúc một đêm, mà còn kéo dài nhiều đêm đến khi hết gạo để giã thì người ta đổ trấu vào cối để giã rồi hát tiếp tục, thế mới biết rằng người ta mê say đến nỗi đàn ông bỏ vợ đàn bà bỏ con. Nghe những lời thề nguyền với nhau sau đây.

Nữ hát: *Trên trăng dưới nước, em giao ước một lời.*
Trăng mờ nước cạn, thề suốt đời thương anh.
Nam đáp: *Nước lên khỏi bực tràn bờ,*
Em thương nói vậy, biết chờ được chăng.
Hoặc: *Dù cho dao phay có kề cổ.*
Dù cha mẹ có đánh trăm roi.
Chết thì chịu chết, chớ lìa đôi không lìa.

Và cả hai cùng thề với nhau:
Thuốc ngon Đồng-Phó, giấy quyến An-Vinh.
Nẫu xa mặc nẫu, hai đứa mình đừng xa.

Thú vui hát hò giã gạo ở thôn quê là vậy, nhớ gì ghi lại nấy, có lẽ hiện tại không còn thích hợp nữa, nhưng tìm đâu ra cảnh thanh bình ngày xưa lúc đó./.

Nhâm Thìn tháng 6/20012.
Nguyễn Diêu

Mục thơ: XƯỚNG HỌA

Bài xướng:

Nỗi lòng

Nỗi buồn chan chứa lấy chi đong.
Tổ-quốc lâm nguy đau đớn lòng.
Hận kẻ tham quyền chia cắt nước.
Thù người mưu lợi bán non sông.
Cao-nguyên đầy dẫy quân Trung-quốc.
Thành-thị lan tràn dân Hán đông.
Nghĩ đến quê-hương sầu nhỏ lệ.
Còn đâu nơi ở giống Tiên-Rồng./.

Hoài-Hương Nguyễn thị Thọ.

Bài họa: *(Theo thứ tự nhận được trước sau)*

Bài 1:

Nỗi lòng

Việt-nam phần số mãi long đong.
Non-nước tan thương nghĩ xót lòng.
Lê-Lý bao đời gìn Tổ-quốc.
Tổ-tiên muôn thuở giữ non sông.
Đánh tan xâm lược từ phương Bắc.
Diệt gọn Cộng-tàu chiếm biển Đông.
Đem lại thanh bình cho xứ sở.
Vẻ vang dân tộc gốc Tiên-Rồng./.

Mỹ Vân (WA)

Bài 2 :

Tổ-quốc lâm nguy

Xứ người trăn trở kiếp long đong.
Nghĩ đến quê-hương hận ngập lòng.
Một lũ sâu dân tranh lợi lộc.
Ba thằng mọt nước hại non sông.
Nam-quan đã mất trên phương Bắc.
Hải-đảo không còn ở biển Đông.
Tổ-quốc Lâm-nguy, cùng đứng dậy.
Làm cho tỏ mặt giống Tiên-Rồng./.

Ngô Đình Phùng (GA)

Bài 3 :

Hận Bắc xâm

Đọa đày dân Việt kiếp long đong.
Bắc thuộc nghìn năm, hận ngút lòng.
Oán lũ Việt-gian, dâng đất biển.
Thù dân Tàu-cộng , chiếm non sông.
Nam-quan cột mốc giành từng tấc.
Hoàng-đảo giới ranh giựt biển đông.
Đoàn-kết chung lưng trừ giặc Hán.
Làm cho rạng rỡ giống Tiên-Rồng./.

Đàm Nguyễn Chí Minh (TX)

Bài 4 :

Hiện tình đất nước

Hiện tình đất nước dễ đo đong.
Bần, phú, xa nhau cắt đoạn lòng.
Quan lớn no say ngồi biệt thự.
Dân hèn đói rách bám ven sông.
Đầu trâu mười bốn tên ăn hại.
Mặt ngựa lắm thằng dốt lại đông.
Tội nghiệp dân lành đành chịu cúi.
Hổ danh mang tiếng cũng Tiên-Rồng./.

Hà quế Linh (TX)

Bài 5 :

Mất gốc

Thù nhà nợ nước khó cân đong.
Chống lại Bắc-phương nghĩ nát lòng.
Giận lũ cầm quyền dâng đất nước.
Ghét thằng lãnh đạo bán non sông.
Cao-nguyên lập trại toàn Tàu cộng.
Biển đảo xây thành rặt Chệt đông .
Đồng hóa Dân-Nam thành Hán tộc.
Hỡi ơi! mất gốc Việt Tiên-Rồng./.

Nguyễn Diêu (CA)

Bài 6:

Niềm đau mất nước

Thương ơi ! xứ mẹ quá long đong.
Thấy cảnh chèn dân đứt ruột lòng.
Lãnh đạo sao đành quên Tổ-quốc.
Cầm quyền lại nỡ bỏ non sông.
Nhìn lên sơn cước Tàu chen lấn.
Ngó xuống đồng bằng Hán chật đông.
Nghĩ đến Việt-Nam rơm-rớm lệ.
Niềm đau mất nước giống Tiên-Rồng.

Cỏ May Ng: thị Thảo (VN)

Bài 7:

Biểu tình đá đảo Trung Quốc

Người người tựa kiến khó đo đong.
LÃNH-SỰ, sánh vai quyết một lòng.
"Đá đảo Việt-gian dâng đất biển"
"Duổi xua Tàu-cộng chiếm non sông".
Cờ ba sọc phất trong mưa hạ.
Khúc nhạc hùng vang giữa phố đông.
Khí thế sục sôi bừng lửa hận.
Xứng danh con cháu giống Tiên-Rồng./.

Nguyễn- Đam-Minh (TX)

Bài 8:

Sầu cố hương

Nỗi sầu viễn xứ cảnh long đong.
Cố quốc nguy nan xé nát lòng.
Oán kẻ cầu vinh dâng biển đảo.
Hận phường tham vọng cắt non sông.
Tây nguyên thành lũy Tàu tàn phá.
Phố thị lâu đài Chệt ở đông.
Cùng đứng lên trừ gian, đuổi Hán.
Giữ gìn đất nước giống Tiên-Rồng./.

Đỗ-Hùng (CA)

Bài 9:

Nỗi lòng

Tha hương bèo giạt bước long đong.
Cố lý ngùi trông một nỗi lòng.
Đất mẹ điêu tàn, sầu chất ngất.
Muôn dân khốn khổ, lệ thành sông.
Giận phường bán nước, hờn vong quốc.
Oán lũ buôn nòi, hận bể đông.
Vận nước bao giờ qua nạn kiếp?
Hỡi dân Hồng-Lạc, giống Tiên-Rồng.

Nguyễn Nhất Lang. (CA)

Bài 10:

Đông phong

Việt-Nam khốn khổ, lắm long đong !
Thống nhất, Hòa-bình chửa ấm lòng.
Vài triệu con dân lìa Tổ-quốc.
Hàng ngàn quân Hán kéo sang sông.
Trong, ngoài chung tạo vai Phù-Đỗng.
Già, trẻ hiệp thành ngọn Gió-Đông.
Quét sạch giặc thù, quân bán nước.
Rạng danh dòng: cháu Lạc con Rồng./.

Thái Sinh Tiểu Trang
Thái Tẩu (TX)

Bài 11:

Ao ước

Buồn trông vận nước quá long đong,
Dân Việt nào ai chẳng động lòng?
Chém, giết mong làm thân khuyển mã,
Cắt, nhường nào sợ tội non sông !
Mưa sầu, gió thảm vang rừng bắc,
Thịt nát, xương rơi dội biển đông.
Ao ước đêm trường tan ác mộng,
Quê hương tắm gội hội mây rồng./.

Nguyễn Công Hoàng (TX)

Bài 12:

Than thở

Ngư dân Tàu giết lệ sầu đong,
Quan lớn sao không chút chạnh lòng.
Có phải cầu danh dâng biển đảo ?
Hay là tham lợi hiến non sông ?
Người Hoa đầy ắp nơi sơn cước.
Bóng Chệt lan tràn chốn phố đông.
Nước Việt tương lai rồi sẽ xóa.
Đâu còn mảnh đất của Tiên Rồng./.

Tuệ-Minh (CA)

Từ võ lý đến chiến thuật

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Thừa lệnh vua Càn Long, Tôn Sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang chiếm nước ta. Trong chiến dịch đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã đem võ lý vào chiến thuật một cách khoa học và sáng tạo.

1 - Thế phục hồi:

Theo sử, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22- 12- 1788) Quang Trung làm lễ đăng quang ở Bàn Sơn (phía nam núi Ngự Bình). Chỉ 4 ngày sau, nhà vua cùng đại binh có mặt tại Nghệ An, rồi kéo quân đến đèo Tam Điệp (ranh giới Thanh Hóa và Ninh Bình). Đường xa, di chuyển thần tốc, Quang Trung áp dụng nguyên tắc phục hồi trong võ thuật, nên đại quân không bị kiệt sức. Nhà vua chia quân ra từng tổ ba người, cứ hai người võng 1 người, luân phiên nhau. Trong cuộc hành quân, không một phút dừng chân, mỗi binh sĩ vẫn có được 1/3 thời gian nằm ngủ trên võng. Sức lực được phục hồi, khiến quân không mệt, tinh thần

H 1: Quang Trung áp dụng thế phục hồi.
Lễ Đống Đa tại Kiên Mỹ, 1972, ảnh từ cuongde.org

không sa sút trong cuộc chuyển quân từ Trung ra Bắc.

2 -Thế đâm so đũa:

Trước khí thế mạnh như vũ bão của quân Thanh, ngày 21 tháng 11 năm Mậu Thân (1788), Tư mã Ngô Văn Sở cho rút quân về đèo Tam Điệp để bảo toàn lực lượng. Thăng Long bị bỏ ngỏ, quân Thanh tiến sâu vào nước ta như vào chỗ không người. Quang Trung rành võ lý, biết lợi dụng cơ hội ấy để thanh toán chiến trường. Đó là thế phản công, trong võ thuật gọi là "đâm so đũa" mà chỉ có các bậc cao thủ mới dám sử dụng độc chiêu này.

Phàm khi đối thủ phóng ngọn roi đâm ta, tay trước vừa hướng đầu roi đến đích vừa che chở thân mình, tay sau lái đốc roi đồng thời bảo vệ phần nách phải nghiêng về phía trước. Nhưng lúc mũi roi đang nhắm vào ngực ta lao tới, tức thì có một vùng nhỏ dưới đầu roi của đối thủ bị che khuất, gọi là điểm mù. Ta phải lợi dụng kẽ hở trong khoảnh khắc ấy, luồn roi ta song song và ngược chiều với roi đối thủ để đâm vào nách hắn. Bởi không thấy, nên đối thủ không né tránh, chắc chắn đầu roi của ta sẽ vào đến mục tiêu. Còn đầu roi của đối thủ ta đã thấy, khi nó chưa đến ngực, ta đã xoay nghiêng mình, đưa đốc roi từ dưới vòng lên, gạt mũi roi của đối thủ bạt ra ngoài. Áp dụng võ lý một cách vững vàng, Quang Trung ban lệnh tiến quân.

- Hữu quân [1] cùng thủy quân, giao cho Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết đi đường biển, theo sông Lục Đầu tràn lên đất liền. Cánh quân của Tuyết đổ bộ Hải Dương, tiếp ứng cho mặt trận miền Đông. Cánh quân của Lộc tràn lên Bắc Ninh và Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng Giang, Phượng Nhãn, chặn đường về của giặc.

- Tả quân kiêm lĩnh đội kỵ binh và tượng binh, giao cho Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long [2], đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Cánh quân của Bảo dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh [3], đánh vào các căn cứ địch ở xã Đại Áng [4]. Cánh quân của Long, vòng lên hạ các trại giặc tại huyện Chương Đức [5], rồi đâm thủng phòng tuyến ở làng Nhân Mục [6], tiến đến Khương Thượng [7] tiêu diệt quân của Sầm Nghi Đống đóng ở chùa Bộc, cách Đống Đa chừng 200 mét.

- Còn chính nhà vua thống lĩnh đại binh, gồm ba doanh: Tiền, Trung, Hậu quân. Tư mã Sở và Nội hầu Lân làm mũi nhọn xung kích. Đám tân binh Nghệ An sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân do Hô Hổ hầu (không rõ tên họ, chỉ biết ông có tước hầu và làm đến Đô đốc) thủ vai đốc chiến và đề phòng tập hậu.

Điều quân lanh như đường roi đâm so đũa, ngày 30 mươi Tết, đại quân của Quang Trung vượt bến đò Gián Khuất (Ninh Bình),

H 2: Lễ Đống Đa tại ấp Kiên Mỹ (Bình Định), thập niên 1960.
Ảnh từ cuongde.org

ngược chiều tiến của giặc, lần lượt hạ các đồn Thanh Liêm, Nhật Tảo, Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Văn Điển, Khương Thượng, Đống Đa.

Và khoảng 4 giờ chiều mùng 5 Tết Kỷ Dậu (1789), Hoàng đế Quang Trung trong chiến bào sạm đen màu thuốc súng cùng với 80 thớt voi làm lá chắn, ung dung tiến vào thành Thăng Long sớm hơn hạn định 2 ngày, mà vua đã hứa trước ba quân ngày 20 tháng chạp.

3 - Thế lăn khiên:

Lại khi tiến chiếm đồn Ngọc Hồi, rạng ngày mồng 5 Tết, quân Tây Sơn huy động hơn 100 thớt voi dàn hàng ngang như một đoàn thiết giáp, tiến về mục tiêu. Giặc cố thủ trong đồn, được ưu thế có thành lũy kiên cố, có chông sắt cắm dày kịt, có chỗ ẩn núp an toàn và bắn tên đạn ra như cát vãi.

Vua Quang Trung bèn cho dùng phên gỗ quấn rơm nhào với đất bùn, làm lá chắn ngăn tên đạn. Kỹ thuật này tức là đưa môn "binh khí lăn khiên" trong võ thuật vào chiến thuật. Cứ 10 người lưng giắt đoản đao, chung nhau vác dựng đứng một tấm lăn khiên, mặt bện rơm quay về phía địch, theo sau là 20 khinh binh võ trang đầy đủ sẵn sàng chiến đấu theo nguyên tắc công thủ song hành.

Các lăn khiên dàn hàng chữ nhất tiến vào đồn, làm vô hiệu hóa hỏa lực của địch quân. Khi đến sát đồn, các lăn khiên được

sử dụng như tấm đệm trải lên chông, tạo lối đi an toàn cho quân hãm thành tiến vào như nước vỡ bờ. Quân ta đánh giáp lá cà, dùng đoản đao qua các thế võ để giải quyết chiến trường.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, in lần thứ 7 (Sài Gòn, Tân Việt, 1964), trang 372 chép là "Hữu quân". Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ (Hà Nội, Tri Tân, 1944; Glendale CA, Đại Nam tái bản), trang 189 chép là "Tả quân", và trái lại.

[2] Trần Trọng Kim, cùng một chỗ, chép là "Đô đốc Mưu".

[3] Huyện Sơn Minh có từ đời Trần, thời Minh thuộc (1407-1427) đổi là Sơn Định, đời Hậu Lê lấy lại tên cũ và huyện này thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng. Đời Nguyễn, năm 1814 cải thành huyện Sơn Lãng, phủ Ứng Hòa. Năm 1831 thuộc tỉnh Hà Nội, năm 1904 thuộc tỉnh Hà Đông, nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[4] Làng Đại Áng nguyên là Đại Đảm nên có tên tục làng Đảm, thuộc tổng Vĩnh Hưng Đặng, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1831, cải tổ hành chánh từ Quảng Trị ra Bắc, bỏ trấn lập tỉnh, Đại Áng thuộc tỉnh Hà Nội. Năm 1904, làng này thuộc tổng Vĩnh Ninh, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Tháng 5 năm 1961 huyện Thanh Trì thuộc ngoại thành Hà Nội, trong đó có thôn Đại Áng, một trong bốn thôn của xã Đại Áng và xã này là một trong 26 xã của huyện Thanh Trì.

[5] Huyện Chương Đức thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng, năm 1831 thuộc tỉnh Hà Nội. Tháng 5 năm 1888, Đồng Khánh chia Chương Đức làm hai huyện là Chương Mỹ và Yên Đức thuộc phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Nội. Năm 1904 thuộc tỉnh Hà Đông, nay Hà Đông và Sơn Tây họp thành tỉnh Hà Tây.

[6] Nhân Mục, một làng cổ ở phía tây nam thành Thăng Long thời Lê, tục gọi là làng Mọc thuộc tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng. Địa bàn làng Nhân Mục xưa rất rộng, nay là đất các phường Thượng Đình, Thanh Xuân Bắc (quận Đống Đa) và xã Nhân Chính (huyện Từ Liêm) thuộc thành phố Hà Nội.

[7] Làng Khương Thượng ở huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thành Thăng Long đời Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận (1460- 1469). Năm 1805, Gia Long đổi thành huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức. Sau thuộc xã Khương Định, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Năm 1981, Khương Thượng là một trong 26 phường của quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. ◆

RẮN TRONG ĐỜI SỐNG và Y KHOA

Nguyễn Quý Đại

Rắn và con người

Từ thời tiền sử loài rắn sinh ra gắn liền với đời sống con người. Theo sách Khải Huyền trong Kinh Thánh thì Adam và Eve là người Nam, Nữ đầu tiên thủy tổ loài người do Chúa trời tạo ra ở Vườn Địa Đàng và dạy rằng:

"Hết mọi cây trong vườn chúng con có quyền ăn, trừ cây biết lành biết dữ ở giữa vườn, nếu ăn vào chúng con sẽ chết.". là cây Đời Sống (Tree of Life). Con rắn *"quỷ quyệt hơn mọi con thú trên cánh đồng."* gian ngoan cám dỗ Eva rằng: *"Ăn trái đó không chết đâu, trái lại mắt bà sẽ mở ra và trở nên giống như Chúa."* Eva không cưỡng lại được sự cám dỗ hái rồi đưa cho Adam cùng ăn. Lập tức mắt họ mở ra và thấy mình trần truồng, và họ bị trục xuất khỏi Vườn Địa Đàng xuống thế gian. Thiên Chúa xót xa khi nhìn con cái mình đi vào con đường tội lỗi và đau khổ, *"Thiên Chúa làm cho Adam và Eve những chiếc áo bằng da và mặc cho họ"* (St 3,21), và tìm mọi cách ngăn chặn tội ác để giúp con người khỏi khổ đau, câu chuyện Adam và Eve là nền tảng của học thuyết Thiên chúa giáo: *"Tội lỗi đến với thế giới qua con người và chết qua tội lỗi, và vì thế cái chết xảy đến với tất*

cả loài người bởi con người là tội lỗi..“ Chúa cũng trừng phạt con rắn “*phải đi bằng bụng, và phải ăn bụi trong suốt những ngày của cuộc đời rắn”*. Bởi vậy rắn được coi là tượng trưng cho tội ác và hiểm độc, thù dai, rắn cũng là biểu hiệu cho Satan. Hình tượng con rắn trong dân gian thường tượng trưng cho hạng người xấu, tiểu nhân, giả dối cần phải tránh xa như: *“hang hùm nọc rắn”*, hay hạng người như “*Sư hổ mang“, “khẩu Phật tâm xà”* là lời như của Phật nhưng tâm là của quỷ, hay *“đánh rắn phải đập đầu“* vì để sống nó sẽ trả thu .

Theo truyền thuyết rắn là sinh vật được nhiều quốc gia trên thế giới sùng kính coi rắn như là thần linh dưới nhiều hình thức khác nhau, là một hình tượng tín ngưỡng vô cùng phức tạp. Nhiều huyền thoại hấp dẫn như rắn sống lâu năm sẽ biến thành nàng tiên đẹp kiều diễm rắn cho ngọc quý. Một số bộ tộc Phi châu, Úc châu, Á châu còn tục thờ cúng rắn họ cho rằng rắn có khả năng thay da, sống trường sinh bất lão. Cổ tích Việt nam cũng nhắc đến sự trường sinh của rắn qua câu chuyện “rắn già rắn lột da sống đời” (các nhà Sinh vật học nghiên cứu rắn có thể sống tới 50 năm), ở Việt Nam ngày nay nhiều nơi còn mê tín dị đoan thờ lạy rắn. Người Ai Cập thời xa xưa cho rằng rắn là thần hộ mạng tượng trưng cho sự khôn ngoan, thiêng liêng cho nguồn năng lượng và sự sáng tạo, sự tái sinh, bất tử, vĩnh cửu cho các vì vua chúa. Còn lại dấu tích hàng nghìn năm về trước, trên các vương miện của các vua Ai Cập đều có chạm hình rắn bằng vàng hay bằng ngọc Chùa ở Campuchia có hình là một con rắn chín đầu gọi là thần rắn Naga. Nhìn chung theo các tài liệu thì rắn làm ảnh hưởng đời sống văn hóa của nhân loại bằng nhiều hình thức và sự biểu hiện khác nhau. Nó mang những ý nghĩa biểu tượng nhất định cho văn hóa, tín ngưỡng, tập tục, lối sống theo bản sắc của một dân tộc.

Đời sống rắn trong thiên nhiên

Theo tác phẩm Tiere und Lebensraum hiện nay trên thế giới có hơn 2600 loại rắn. Trải qua quá trình thay đổi của thiên nhiên, một số loài rắn có những đặc tính riêng biệt của mình, rắn có chiều dài ngắn, lớn nhỏ khác nhau nhưng có đặc điểm chung là có thể cuộn tròn. Số đốt xương sống và xương sườn của loài rắn có khoảng 160 tới hơn 400 đốt. Rắn là một loài động vật

máu lạnh, bò sát, cùng lớp với thằn lằn, tắc kè nhưng rắn không có chân mà di chuyển bằng cách trườn bò.

Loài rắn thuộc chi Caenophidia, số vảy bụng và hàng vảy lưng của nó tương ứng với số đốt xương sống. Một số rắn đặc biệt có khả năng lướt nhanh, hầu hết là thuộc chi Chrysopelea nhờ cấu trúc khớp xương lưng của rắn mềm mại và dẻo dai, di chuyển trên cây rắn có thể "bay" hơn 15 mét để sang cây khác, nhờ cách uốn mình trong không khí, rắn có những loại có nọc độc, và không có nọc độc.

Những con rắn độc sử dụng nước bọt, nọc độc tiết qua những chiếc răng, nọc độc từ miệng rắn có thể làm tê liệt và giết chết con mồi. Nọc độc là độc tố tác hại qua đường máu đến thần kinh. Có đến 450 loài rắn độc trên thế giới, trong đó có 250 loài có nọc độc giết người. Toàn thân rắn được bao bọc lớp da phủ kín vảy, lớp vảy cứng không tăng trưởng tương ứng theo sự trưởng thành của thân thể rắn, bởi vậy mỗi năm rắn phải lột da để lớn theo chu kỳ và loại bỏ ký sinh trùng. Phần nhỏ ở cuối đuôi rắn không thể thay đổi nên khi rắn lớn lên làm thắt chặt, thì rắn tự cắt đứt đường máu đưa tới khúc đuôi và từ từ nó sẽ rụng đi. Da rắn có vảy như cái chân để trườn bò khi di chuyển, thân dài và nhỏ của nó uốn thành hình chữ S. Khi bò các vảy trườn theo lồi ra và rắn dùng đầu nhọn của các chiếc vảy để trèo lên những đám cỏ hoặc mô đất gồ ghề. Thông thường rắn ăn thịt những loài chuột, ếch, nhái, chim nhưng rắn lục chỉ ăn sâu bọ, loài rắn hổ Kobra thường ăn đồng loại. Xương hàm dưới của rắn rất linh động, hai hàm của nó không gắn liền cố định mà được nối thẳng vào sọ, cho phép chúng mở rộng miệng để nuốt trọn con mồi dù cho con mồi có lớn hơn nhiều so với đường kính thân rắn, nhờ có hệ xương hàm nhiều khớp và dây chằng đàn hồi nên rắn có thể há miệng rất to. Rắn nuốt sống con mồi nén xương sống lại giống như chiếc đàn xếp để con mồi trôi xuống. Mi mắt rắn trong suốt và thường xuyên đóng kín, được gọi là vảy mắt.

Loài rắn không có vành ngoài tai, cho nên thính giác của chúng tương đối kém. vì mắt của chúng sinh ra ở hai bên đầu, nên nhìn cũng bị hạn chế, thính giác và thị giác có khuyết điểm thì khứu giác của chúng trở thành cơ quan cảm giác quan trọng nhất. Khứu giác của loài rắn

do khu cảm giác ở phần dưới miệng và khoang mũi họp thành. Khi bò rắn dùng cái lưỡi có chẻ nhánh của mình thò ra thụt vào để kiếm mồi. Ngoài ra có một số loài rắn còn phát triển một số cơ quan cảm giác đặc biệt, chẳng hạn như có nhiều loài rắn có những lỗ nhỏ nằm giữa mắt và lỗ mũi, những lỗ nhỏ ấy rất nhạy cảm.

Đó là cơ quan cảm nhiệt của rắn. Trong những lỗ nhỏ ấy có một lớp màng mỏng nối liền với thần kinh ở bộ óc rất nhạy với nhiệt độ phát ra từ các loài động vật có máu nóng. Dù rắn mù mắt hay chúng đang ở trong bóng tối nó cũng có thể phát hiện ra những con mồi ở cách xa khoảng nửa mét. Những cơ quan cảm giác nhạy cảm này đối với loài rắn là điều kiện quan trọng để sinh tồn. Ngoài tác dụng dùng để săn mồi và tránh kẻ thù, là phương tiện con đực tìm con cái giao phối. Rắn không thể điều chỉnh sinh lý như các loài động vật máu nóng như loài có vú và chim, dù nhiệt độ bên ngoài thay đổi rắn vẫn giữ nhiệt độ trong cơ thể.

Những vùng khí hậu lạnh như Châu Âu loài rắn phải ngủ trong hang suốt mùa đông như con gấu, khí hậu miền nhiệt đới thích hợp cho các loài rắn sinh sống, ở Việt Nam có đầy đủ các loại: rắn lục đầu đen, rắn lục đầu đỏ, rắn lục, rắn cạp nia, rắn cạp nong, rắn đòn cân, rắn độc, rắn gió, rắn giun, rắn khô mộc, rắn lai, rắn lục, hoa cải, rắn lục núi, rắn lục sừng, rắn lửa, rắn mai gầm, rắn nước, rắn sọc đốm đỏ,rắn sọc khoanh, rắn vú nàng, rắn xe đ iếu rắn đẹn bụng vàng, rắn đẹn cơm, rắn đẹn đuôi gai, rắn đẹn khoanh, rắn đẹn mỏ, rắn đẹn mõm, rắn đẹn vết, rắn đẹn sọc dưa, rắn hổ lửa, rắn hổ mang, rắn hổ mang chúa, rắn hổ trâu.Ngoài ra người ta còn thấy rắn ở trong rừng rậm vùng cao nguyên trên đầu có mào, có sừng. (hình các loài rắn trông ghê sợ tôi không lấy vào bài).

Rắn có đủ các màu sắc, sinh sống ở hầu hết các môi trường trong thiên nhiên. Từ trên núi cao đến sông sâu biển rộng, từ sa mạc nóng cháy đến rừng rậm, trên cây hay dưới đất, dù không có chân nhưng bò rất nhanh mà không gây ra tiếng động. Rắn có thể di chuyển nhiều tư thế bò ngang, thẳng, nửa dưới đất nửa thẳng đứng... Phần lớn rắn đẻ trứng và rời bỏ trứng của chúng sau khi

đẻ; tuy nhiên một số loài giữ trứng trong cơ thể đến khi trứng nở. Gần đây khoa học xác định được một số loài rắn đẻ con là một điều khác thường trong giới bò sát. Mỗi năm rắn hổ mang chỉ giao hợp một lần với thời gian từ 20-34 giờ, từ tháng 4 hay tháng 5 và đẻ trứng tháng 6 và tháng 7 mỗi con đẻ 6-7 trứng, riêng rắn chúa đẻ 20-30 trứng, thời gian nở con từ 50-57 ngày, rắn mới nở có thể cắn chết người.

Các loài rắn lớn trong họ Boidae là trăn gồm có: trăn cộc, trăn đất, trăn gấm, trăn gió v.v. loài trăn săn các động vật máu nóng bằng cách cắn, ngậm con mồi và dùng thân mình quấn con mồi cho đến chết rồi nuốt vào từ từ. Răng trăn cong vào trong nhưng nhờ cấu tạo của xương hàm mở rộng nên có thể nuốt được những con mồi lớn. Trăn có hai phân họ lớn: Boinae và Erycinae. Các loài trăn lớn (mãng xà) thuộc họ Pythonidae. Ban ngày ngủ ban đêm đi kiếm ăn, thích nơi ấm áp để ngủ qua mùa đông. Các mùa khác trăn kiếm ăn và sinh sản. Trăn là loài ưa môi trường nước, do đó di chuyển dưới nước rất nhanh, chậm chạp trên cạn. Là loài bò sát khổng lồ, nên thức ăn là những con thú to lớn như heo rừng, nai, hươu, báo, bò, trâu rừng loại nhỏ chúng cũng quấn chết và nuốt chửng, loài trăn mắt lưới Đông Nam Á, được coi là họ trăn lớn nhất thế giới bò sát, chiều dài 15m, thân to (đường kính) tới 85cm và nặng 447kg. Hiện nay ở Việt Nam trên Thất sơn, rừng U Minh người ta còn phát hiện nhiều loài trăn lớn, thường bị thợ rừng săn bắt. Theo luật của tạo hóa có sinh có diệt, nên rắn cũng bị loại chồn cũng như những con rết lớn ăn thịt, rắn con mới sinh thì bị con chim bìm bịp ăn (phim tài liệu trên Tivi).

Truyền thuyết rắn báo oán

Một hôm cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh cho học trò phát cỏ trong vườn để làm chỗ dạy học. Đến đêm, ông nằm mơ thấy một người đàn bà dẫn bầy con dại tới xin thư thả ít hôm, vì bận con mọn nên chưa kịp dọn nhà. Đến khi học trò của ông phát cỏ, đập chết một bầy rắn con, lúc đó ông mới hiểu ra ý nghĩa giấc mơ...Đêm đó lúc ông đọc sách thì có con rắn bò trên xà nhà nhỏ một giọt máu thấm vào chữ "tộc-họ" qua ba lớp giấy, ứng với việc gia tộc ông sẽ bị hại đến ba họ. Ngày sau con rắn mẹ hóa ra bà Nguyễn Thị Lộ để làm hại ba đời nhà ông. Đến đời Nguyễn, trong Lịch triều hiến chương loại chí lại có thêm chi tiết: Con rắn thành tinh ngầm mang thù oán, mới đầu thai thành Thị Lộ.

Rắn với ngành Y khoa

Hippocrate (470-366 B.C.) là người sáng lập ra nền Y khoa hiện đại được xem là thầy thuốc vĩ đại nhất. Ông cũng soạn thảo "Lời

thề Đạo đức Y khoa" hay gọi là "Lời thề Hippocrates". Lời thề thiêng liêng này được các bác sĩ trang trọng đọc trước khi bắt đầu hành nghề Y. Hippocrates được xem là vị tổ của ngành Y học Tây phương. Ngoài ra còn có biểu tượng của ngành Y khi thì thấy hai con rắn hay một con rắn quấn quanh cây gậy, hay cái chén có con rắn. Theo thần thoại Hy lạp về Hermes và Asklepios có nhiều giải thích khác nhau về rắn, tôi sưu tầm và tóm lược những điểm chính.

a/ Chiếc gậy của Hermes: theo truyền thuyết Apollo trao đổi với Hermes, người anh em khác cha, một chiếc đũa bằng vàng. Hermes sử dụng nó để tách riêng hai con rắn, nhưng những con rắn cuộn lại theo chiều ngược biểu tượng của thần Hermes tượng trưng bởi cây gậy có nhánh nguyệt quế hoặc cành ô liu. Sau đó, các nhánh được quấn quanh cây gậy để tạo ra hình hai con rắn quấn lại với nhau, nó có hai cánh, tượng trưng cho vận tốc của Hermes sứ giả của các vị thiên thần (những con rắn đại diện cho lửa và nước, đất và cảnh trời), đó là biểu tượng của hòa bình do các thiên sứ mang lại. Một giải thích khác nhấn mạnh đến sự cặp đôi của các con rắn và biểu tượng của khả năng sinh sản. Con rắn quấn quanh cây gậy, tượng trưng cho cây sự sống, có ý nghĩa là sự kiêu ngạo bị chinh phục và khuất phục, nọc độc của nó biến thành thuốc điều trị.

Theo một số tài liệu khác thì phù hiệu "cây gậy và con rắn" được xuất hiện lần đầu tiên trên thế giới vào khoảng thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên, là hình cây gậy có hai con rắn bện quanh, trên đầu gậy có một đôi cánh. Theo thuyết này thì kể rằng Hermes

là con trai của thần Jupiter và nữ thần Maia, dùng cây gậy thần của mình để ném vào giữa hai con rắn đang cắn nhau "một mất một còn" sau đó chúng thôi cắn và cùng quấn quanh cây gậy thần đó.

b/ Thần thoại về Asklepios: ông ta nhìn thấy một con rắn tiến về phía mình, ông hướng cây gậy của mình về phía nó. Con rắn tự cuộn lại, Asklepios đập cây gậy xuống đất giết chết nó. Con rắn thứ hai đột nhiên xuất hiện ngậm loại dược thảo bỏ vào miệng con rắn đã chết và con rắn này được cứu sống, nhờ vậy ông phát hiện đặc tính của các loại thảo dược đó. Con rắn còn là một biểu tượng của cuộc sống và sinh lực bởi vì nó có đặc tính thay đổi da, có thể lấy lại thời thanh xuân. Con rắn bò sát đất, có nghĩa là nó biết tất cả những bí mật và các đặc tính y dược của các loại thảo mộc, hoặc những bí ẩn sự chết. Asklepios chỉ dấu cho bệnh nhân những liệu pháp sử dụng các loại thảo mộc để trị lành bịnh, giúp vô số người thoát những cơn bịnh hiểm nghèo. Để tỏ lòng biết ơn người đã cứu nhân độ thế thời đế chế La mã các đền thờ được lập nên để vinh danh Asklepios và từ đó cây gậy Asklepios được gắn liền với ngành y.

Việc tôn thờ Asklepios sau đó lan rộng ra khắp nước Hy lạp, đến Châu Á, và Ai Cập, đến cả thần dân trung thành với Alexandre Đại đế. Asklepios là người ngoại quốc đầu tiên được thừa nhận ở La mã. Di tích Asklepios được tìm thấy liên quan đến ngành Y trong cuốn giáo khoa Y khoa của thầy thuốc nổi tiếng người Ả rập Avicenna vào năm 1544, có in hình Asklepios ở trang bìa. Rồi từ đó phù hiệu của Asklepios được sử dụng là biểu tượng của ngành Y ở nhiều nơi, từ Châu Âu (Hiệp hội Y khoa Hoàng gia Anh) sau đó phổ biến đến các quốc gia trên thế giới. Ở Ai

cập cổ đại các mẫu rắn được dùng trong các kiểu viết chữ tượng hình. Trung quốc và cả Việt Nam xem rắn là một loại thuốc trị được nhiều chứng bệnh. Nhật cũng tìm thấy vết tích rắn vẽ trong các ngôi mộ cổ v..v.. Cây gậy là biểu tượng của bác sĩ khắp nơi trên thế giới cứu nhân độ thế. Nói chung sự liên quan giữa rắn với ngành Y là gần gũi hơn cả, tinh thần Asklepios trong thực hành Y khoa có thể đáp lại lòng mong mỏi của bệnh nhân, cây gậy tượng trưng cho cây sự sống, tính thận trọng trong ngành Y Dược là sự cống hiến cho nhân loại.

Cái chén của Hygeia nữ thần Sức khoẻ (God of Health) cầm cái chén với con rắn cuốn quanh tay, trong vị thế giống như rắn sắp sửa thả lưỡi vào chén. Chữ "hygiene" bắt nguồn từ chữ Hygeia, dần dần biểu tượng chỉ có cái chén và con rắn trở nên quen thuộc và được mang tên là "Chén Hygeia". Nhiều người coi cái chén của Hygeia và con rắn như biểu tượng sự sống tiêu biểu là chén thuốc nước và con rắn tượng trưng khả năng làm lành bệnh. Chén Hygeia làm biểu tượng cho những nhà chế thuốc ở Italy từ năm 1222. Năm 1922 người Ý dùng nó trong dịp lễ mừng kỷ niệm 700 năm thành lập Đại học Padua, là trường đại học hàng đầu của Ý nổi bật lâu đời ở Châu Âu. Năm 1796 chén Hygeia chính thức sử dụng làm biểu tượng cho ngành Dược. Tại Đức từ năm 1951 Fritz Ruppercht Mathieu phát hoạ phù hiệu cho nhà thuốc Tây chữ A nghiã là "Apotheke là nhà thuốc" màu đỏ có hình cái chén và con rắn.

Rắn trong ngành Y học Tây phương Nọc rắn khác biệt rõ rệt từ loài này sang loài kia, nhưng chúng đều có một điểm chung là mỗi loại đều là những hợp chất phức tạp, được tạo thành từ hàng nghìn protein và enzyme khác nhau. Phần lớn các loài rắn độc được chia làm 3 họ: Colubridae, Elapidae hoặc Viperidae, nọc độc phóng ra từ tuyến nước bọt chia làm 3 nhóm

chính: cytotoxins, neurotoxins và hemotoxins. Rắn cắn chết người mỗi năm, nhưng nọc độc chết người của nó tiềm tàng khả năng cứu chữa cho các bệnh của con người (dược liệu trị huyết áp phổ biến, dùng để chữa các khối máu nghẽn, nghiên cứu đến những chứng bệnh như động kinh có nhiều hoạt động điện não, chữa trị các cơn đau hoặc giúp người bị nghiện cai thuốc, bệnh Alzheimer, chữa thấp khớp, đau nhức, làm giảm đau cho bệnh ung thự) nọc độc của loài rắn chứa một loại protein làm giảm đau mạnh tương đương như morphine.

Rắn Mamba đen là một trong những loài rắn nguy hiểm nhất trên thế giới, sống ở Phi châu thuộc phiá Nam sa mạc Sahara dài 2,5 m đến 4,5 m, bò nhanh 24 km/h. Mỗi lần cắn phun ra 400 mg nọc độc. Chỉ cần 15-20 mg làm con người chết trong một thời gian rất ngắn.

Các nhà nghiên cứu Pháp báo cáo trong tạp chí Anh, "Natur/Thiên nhiên" thí nghiệm thành công nọc độc rắn Mamba đen (Schwazen Manba/Dendroaspis polylepis polylepis) làm giảm đau như Morphine không bị phản ứng, "Khi tiến hành thí nghiệm trên loài chuột, nọc độc cho thấy khả năng giảm đau mạnh tương đương với morphine nhưng lại không gây ra nhiều tác dụng phụ". Cách lấy nọc rắn dùng ngón tay cái và ngón trỏ bóp nhẹ vào mang tai rắn kích thích tuyến nọc độc nằm dưới da của mỗi bên mang tai, nọc rắn theo rãnh của răng chảy ra dụng cụ lấy nọc, nọc là chất lỏng không màu trong suốt, qua tiến trình làm khô giữ được tác dụng như nọc rắn tươi là nguồn cung cấp thuốc quan trọng để bào chế thuốc... lấy nọc rắn vào mùa hè, mỗi tháng một lần một con lấy được trung bình 0,25 ml, nhưng còn thuộc vào những loại rắn lớn thì nhiều hơn.

Rắn trong ngành Đông Y

Việt Nam có các trại nuôi rắn được phát triển, nổi tiếng như trại rắn Vĩnh Sơn (Phú Thọ), trại rắn Đồng tâm (Tiền Giang). Một số loài rắn thường dùng làm thuốc: Rắn hổ mang là chúa tể của loài rắn. Rắn hổ mang còn có tên gọi là hổ lửa, hổ phì, tên khoa học là Naja Naja, thuộc họ rắn hổ (Elapidae). Rắn cạp nong (rắn mai gầm) (Bungarus fasciatus Schneider) Rắn cạp nia (rắn mai

gầm bạc) (Bungarus candidus L. Rắn ráo (Ptyas mucosus), họ Rắn nước (Colubridae). Các loài rắn biển (đẻn đai xanh, đẻn đốm, đẻn khoang,) thuộc chi Hydrophis, họ Rắn biển (Hydrophiae).

Bộ phận dùng, công dụng, cách dùng, liều lượng: tài liệu theo *"tập đòan Tuệ Linh"* quảng cáo.

Thịt rắn (bỏ nội tạng): chứa protein, acid amin. Thường dùng dưới dạng rượu thuốc gồm 1 bộ 3 con gọi là tam xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 rắn ráo), hoặc bộ 5 con gọi là ngũ xà (1 hổ mang, 1 cạp nong, 1 cạp nia, 2 rắn ráo). hay làm thành thuốc viên chữa đau nhức khớp xương, tê bại, nhọt độc. Nọc rắn: rất độc do có các enzym và protein độc. Thường dùng dưới dạng thuốc tiêm, thuốc mỡ chữa tê thấp, giảm đau cho bệnh nhân ung thư, hạn chế phát triển khối u.

Mật rắn: chứa các loại acid mật, chữa thấp khớp, đau lưng, sốt kinh giảm ở trẻ em, ho, hen suyễn, sát khuẩn vết thương. Dùng dưới dạng rượu thuốc hay sirô. Xác rắn: chữa động kinh, co giật ở trẻ em, đau cổ họng, ghẻ lở. Dùng 6-12g một ngày, dạng thuốc sắc hay sao vàng tán bột uống, ngâm cồn bôi ngoài.

Rượu rắn có công dụng trị các chứng tê liệt, đau nhức, phong thấp, bồi bổ sức khoẻ, ăn uống chậm tiêu. Rượu rắn Phụng Hiệp là thổ sản địa phương. Họ làm theo ba cách như ngâm rắn tươi, rắn khô và bột rắn, phải là rắn sống mổ bụng từ ức tới hậu môn, bỏ hết chỉ giữ lại mỡ và mật vì đây là hai vị thuốc.. Nhiều nơi không ngâm rượu nguyên con rắn thì nấu cao rắn.

Tại Việt Nam người ta đồn và quảng cáo: sừng tê giác, ngà voi, tay và mật gấu, rượu rắn, hổ cốt đều là "thần dược" chữa được bá bệnh, cường dương bổ thận "ông uống bà khen". Phải cẩn thận đừng vội tin, quảng cáo làm tiền không trách nhiệm. "khỏe đâu không thấy, chỉ thấy rước họa mà thôi" tốn kém tiền bạc. Bởi vì các nhà khoa học Tây phương chưa chứng minh được kết quả các loại "thần dược" của người Việt Nam. Theo Tây y bệnh nhân chữa trị theo phương pháp khoa học, Bác sĩ định bệnh cho uống thuốc chữa hết bệnh, còn theo ngành Đông y dùng thuốc Bắc chỉ có tác dụng điều trị hỗ trợ. Có trường hợp từng xảy ra, người ở

Đức về Việt Nam mua rượu rắn uống phải giã từ cuộc chơi. Bác sĩ khám nghiệm tử thi cho biết là ngộ độc. Người Tây phương họ không ăn uống như ở Việt Nam, nhưng người nào cũng khoẻ mạnh tuổi thọ thường trên 80. Nếu bị đau nhức cơ thể, tứ chi nên tập thể dục, đi Fitness sẽ khỏe, không có rượu nào chữa trị hết bệnh.

Sau năm 1975 thì đời sống tại quê nhà có thể ảnh hưởng Tàu nên về vấn đề ăn uống "hỗn tạp" hơn, phần lớn quan trọng ăn uống chỉ để cường dương bổ thận Sài Gòn có nhiều quán nhậu, đặc sản thịt rắn, uống máu, nuốt mật sống của rắn. Các loài rắn bị săn bắt để ăn thịt hay ngâm rượu, có nhiều loại sắp bị tuyệt chủng, không còn rắn để bắt chuột, gây thêm nạn chuột sinh sản nhiều phá hoại ngũ cốc Ấn Độ từ năm 1972 có luật cấm bắt rắn, dù những người bắt rắn huấn luyện múa theo điệu sáo để mua vui, nếu người nào vi phạm bị phạt tù. Năm 2013 là năm Quý Tỵ ngày 10.2.2013 cầm tinh con rắn hy vọng đời sống của rắn phải được bảo vệ vì loài rắn phục vụ cho khoa học, điều chế thuốc từ nọc rắn để chữa bệnh, giúp con người có thể kéo dài tuổi thọ.

Nguyễn Quý Đại
www.hoamunich.wordpress.com

Tài liệu tham khảo

Tiere und Lebensṛume (Bertelsmann Lexikon Institut)
National Geographic Deutschland
Trang Wikipedia, hình nguồn trên Internet
Tuần báo Stern số 42/2012

1 Caducées et Serpent d'Asklépios

Le caducée est un emblème ancien dans la mythologie grecque. Il en existe deux types : le caducée d'Hermès et le caducée d'Asclépios.

Le caducée d'Hermès

La légende rapporte qu'Apollon échangea avec Hermès son demi-frère une baguette en or contre une lyre. Hermès l'utilise un jour pour séparer deux serpents, mais ces serpents s'y enroulent en sens inverse. La symbolique s'installa par la suite, et l'emblème du Dieu grec Hermès (Mercure pour les romains) accompagna toujours Hermès. A l'origine il est représenté par un bâton de laurier ou d'olivier avec ses branches. Ensuite les branches sont enroulées autour du bâton pour figurer les deux serpents entrelacés, il est surmonté de deux ailes, symbolisant la vélocité d'Hermès le messager des dieux. Cet emblème devint la marque des hérauts,

des messagers (au sens large).

Symbolique

Primitivement, le caducée, réalisant le difficile équilibre de tendances antagonistes autour de l'axe du monde (les serpents représentant le feu et l'eau, la baguette la terre et les ailes le ciel), fut donc un symbole de paix porté par le Messager des Dieux. Une autre interprétation insiste sur l'accouplement des serpents et la symbolique de la fécondité. Les alchimistes n'ont pas manqué de donner eux aussi leur explication du caducée, sceptre d'Hermès, dieu de l'Alchimie : les deux serpents représenteraient les principes antagonistes (soufre/mercure, fixe/volatil, humide/sec, chaud/froid) qui doivent s'unifier dans l'or unitaire de la tige. Quittant la pensée hermétique pour les domaines moral et médical, le caducée peut représenter la lutte maytrisée entre les instincts et la maytrise de soi ou les maladies et la santé, avec une issue forcément spirituelle (les ailes). Le serpent s'enroule autour du bâton qui symbolise l'arbre de vie, pour signifier la vanité domptée et soumise, son venin se transforme en remède, la force vitale pervertie retrouve la voie droite qui permet la seule véritable guérison, celle de l'âme.

En raison des attributs du Dieu Hermès : Il est le dieu du commerce, des professions qui s'occupent de la communication comme les imprimeurs, le gardien des routes et des carrefours, des voyageurs, des bergers, et dieu de la ruse, du vol et des voleurs, puis dieu accompagnateur des âmes des morts aux Enfers. Il est évident que le caducée d'Hermès ne doit pas et ne peut pas être utilisé comme emblème médical. Cependant vers le XVIe siècle, une confusion est apparue avec le bâton d'Esculape (qui est aussi un caducée), et peu à peu, ce caducée a quitté le domaine militaire auquel il avait été d'abord cantonné comme symbole de la paix, et il est devenu l'emblème de la profession médicale dans de nombreux pays.

Le caducée d'Asclépios

La légende rapporte qu'un jour, Asclépios, voyant un serpent se diriger vers lui, il tendit son bâton dans sa direction. L'animal s'y enroula. Asclépios frappa le sol et tua la bête. Un second serpent apparut soudain, tenant dans sa bouche, une herbe mystérieuse avec laquelle il rappela à la vie l'autre reptile. Asclépios eut alors la révélation de la vertu médicinale des herbes. L'emblème d'Asclépios est un bâton court le long duquel s'enroule un serpent. À l'origine, dans la mythologie grecque, il est l'attribut du dieu Apollon qui l'offre à son fils Asclépios, dieu de la médecine.

Le bâton

Le bâton est le symbole du voyageur universel, de l'activité du médecin qui promène à travers le monde sa science secourable.

Le serpent

Le serpent est symbole de vie et de vigueur parce qu'il possède la propriété de changer de peau, retrouvant ainsi l'apparence de la jeunesse. Le serpent, en s'insinuant dans les fissures de

la Terre, était sensé en connaytre tous les secrets et ainsi que les vertus des plantes médicinales, voire les mystères entourant la mort ! (allusion aux oracles par lesquels Asclépios indiquait aux malades les remèdes à appliquer). Du caducée de cette première légende est venue s'ajouter le miroir, symbole de la prudence et de la sagesse.

Le caducée d'Asklépios est devenu l'emblème universel des professions médicales et se prête à de nombreuses et complexes interprétations.:

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour du bâton (ou baguette) d'Asklépios il forme l'emblème asclépiade qui symbolise le dieu de la Médecine ou tout simplement la Médecine ;

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour d'un bâton surmonté d'un miroir, il forme la caducée des médecins de France et l'Ordre des Médecins de France ;

Lorsque le serpent d'Asklépios s'enroule autour de la coupe d'Hygie, la déesse de la Santé, il forme l'emblème des Pharmaciens;

Lorsque le serpent d'Asklépios est associé à une forme géométrique ovọde symbolisant

l'utérus de la femme enceinte remplaçant le bâton d'Asklépios, il forme le caducée des Sagesfemmes

Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au microscope et au miroir, il forme l'emblème de certains laboratoires d'analyses médicales.

Lorsque le serpent d'Asklépios est associé au diapason, il forme l'emblème des audioprothésistes Il faut noter cependant qu'en 1910, le Conseil de l'Ordre des Etats-Unis a choisi, plus logiquement, le bâton d'Esculape.

Le caducée est l'insigne et l'emblème officiel de l'Ordre des Médecins de France depuis son rétablissement en 1945. Il est composé du serpent d'Asklépios s'enroulant autour d'un bâton (ou baguette) symbolisant l'arbre de la vie, ce bâton est surmonté d'un miroir symbolisant la prudence que le médecin doit avoir avant chaque décision médicale. La coupe symbolise (probablement) la coupe d' Hygie, fille d'Asklépios et Déesse de la Santé. ◆

Xuân Quý Tỵ

LUẬT THƯỜNG
nhủ cùng Tàu Chệt (*)

Nguyễn Việt Nho

"Cao nhân tắt hữu cao nhân" (1)
Cương nhu dĩ giáo điều cần gẫm suy:
"Lớn rồi đâu phải nhỏ chi
Hung hăng bọ xít uổng đi một đời" (2)!
Răng cứng răng gãy rụng
Lưỡi mềm lưỡi y nguyên
Ngàn năm sau vẫn đúng
Cương nhu luật nhãn tiền!
Gương kia Phù Đổng năm xưa
Gậy tre Ngài quật (3) chưa chừa hay sao?
Thói nào vẫn giữ tật nào:
"Giặc sinh phương Bắc tử vào phương Nam"! (4)

Cước chú:

(*): Luật Thường là luật của Đạo Thường Hằng, được Lão Tử nhắc đến trong câu *"Đạo Khả Đạo phi Thường Đạo"*. Tàu chệt: Tàu đi chệch hướng, chệch Đạo Thường Hằng còn gọi là Thiên Đạo nên 'tắt vong' *(Thuận Thiên tắt tồn, nghịch Thiên tắt vong).*

(1): Cao nhân tắt hữu cao nhân trị

(2): Tàu nay là một cường quốc, phải hành xử sao cho xứng đáng là một nước lớn (Tổng Thống Barack Obama).

(3): Huyền thoại huyền thoại Phù Đổng Thiên Vương phá giặc Ân có đoạn kể rằng: Sau khi dùng ngựa sắt, gậy sắt đánh giặc cho tan tát, tiếp đến Ngài nhổ **tre dùng làm vũ khí để tiếp tục để đánh**. Đánh giặc bằng tre gợi ta nhớ hai điều:

a) Tre, trúc biểu tượng của Nho Giáo, cả Việt Nho và Hán Nho. Trên thân tre, trúc nơi đốt (tiết) có dấu chỉ tựa như vạch vạch liền (___) và vạch đứt (. . . .), tựa như nét vạch Càn (___)Khôn (_ _), biểu trưng cho Âm Dương để viết ra Bát Quái và 64 quẻ Dịch, là trọn bộ Sách Ước của Việt tộc được huyền thoại nhắc đến:

"Sách Ước trinh nguyên không một chữ
Gậy Thần đốt trúc có hai đầu"

b) Tre trúc gợi nhớ đến huyền thoại sách Ước Gậy Thần của Long Vương trao tặng cho thần Tảng Viên. Chính chiếc gậy 9 đốt nầy đã hình thành hai đồ hình Hà Đồ và Lạc Thư 100 trứng, làm căn bản cho bộ môn Lý Số hay Việt Dịch Vô Ngôn. Gậy tạo nên hai hình Hà Lạc như cách làm bên dưới:

Vung Gậy Thần Tạo Hà Đồ

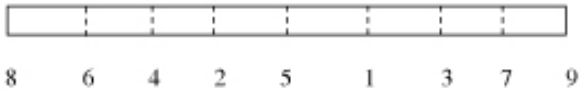

số chẵn sắp một phía số lẻ một phía, 5 nằm giữa (Từ trong tính ra, vòng hai có 10 chấm đen là do 10 đầu ngón tay nắm gậy khoa)

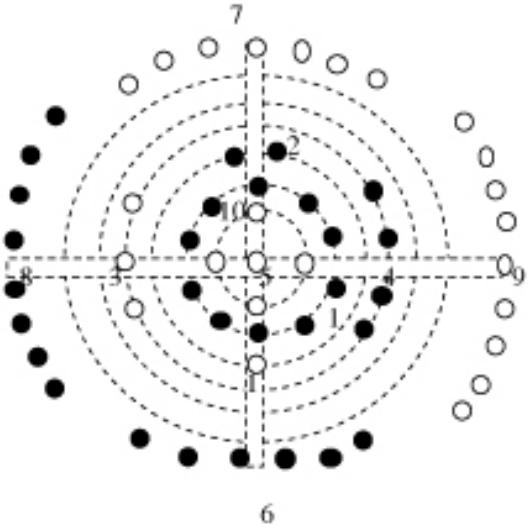

H. Gậy Gậy Thần Tạo Hà Đồ

Hình 2: Xoay Gậy Tạo Lạc Thư:

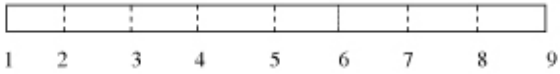

Gậy thần tạo Lạc Thư: Các đốt được ghi theo thứ tự từ 1 tới 9 và con 5 cũng nằm giữa

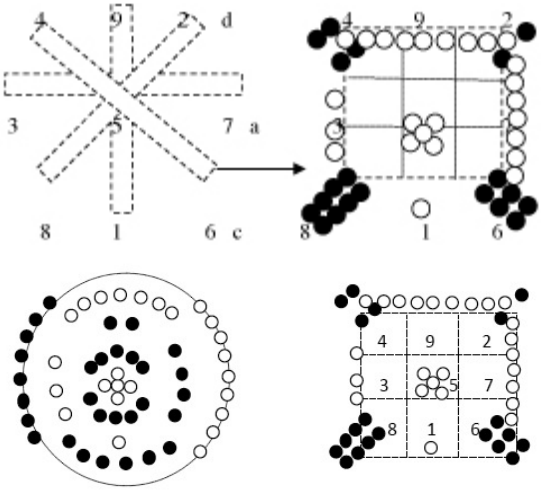

HÌNH HÀ ĐỒ 55 'trứng' HÌNH LẠC THƯ 45 'trứng'. 55T +45 T = 100 T

Như vậy lấy tre làm vũ khí mang nghĩa là dùng văn hóa để đánh nhằm cải sửa cái đầu 'change the mind' của đối phương, không chiến mà thắng!

(4) Giặc sinh phương Bắc, tử vào phương Nam: Qui luật 'Sinh Bắc tử Nam': Khảm là Thủy (nằm phương Bắc đồ hình Hậu Thiên Bát Quái) nói lên ý có nước là có sự sống hay sự sống mang ý sinh ở phương Bắc mà Khảm/Thủy cũng mang nghĩa hiểm ác, kẻ xấu, giặc. Li/Hỏa nằm phương Nam Hậu Thiên mang tượng ý là tan biến hay mất, nói "tử vào phương Nam" là từ ý đó.

(3) và (4) nhằm chỉ ra phương sách dùng Văn Hóa Việt Dịch để đánh giặc. Xin đọc bài THIÊN THƯ ĐỊNH PHẬN cùng tác giả, cũng trên mạng nầy để rõ thêm.

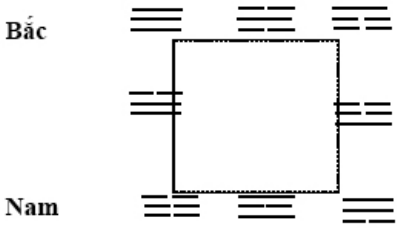

Hình BQHT

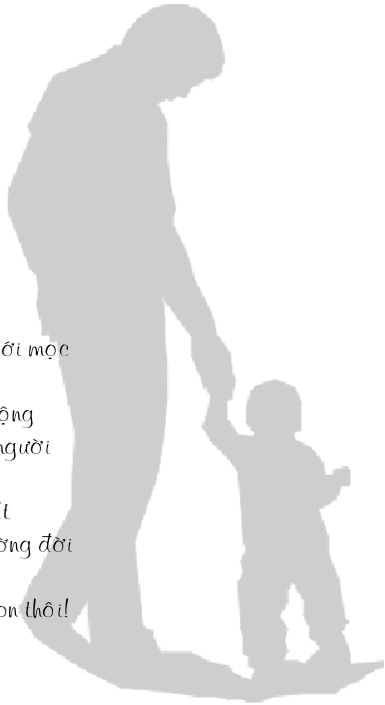

Cha ơi!

Cha ơi! Hái cho con vì sao mới mọc
Sợ sáng mai sao tắt mất rồi!
Cha ơi! Cho con ngồi lên vai rộng
Để con cao hơn hết thảy mọi người

Cha ơi! Nắm tay con thật chặt
Con không lo vấp ngã trên đường đời
Cha ơi! Có bao điều kỳ diệu
Chỉ mình Cha mới hiểu được con thôi!

Sao Cha đi biền biệt
Khi mình đang chơi vui
Ngôi sao giờ tắt sớm
Con té xuống đất rồi!
Chân con giờ rướm máu
Cha nơi nào? Cha ơi!

Mẹ dắt con đi, đất trời mù mịt
Con cố ngoi lên giông bão cuộc đời
Nước con uống hòa mồ hôi (con) đào giếng
Cơm con ăn, trộn cát sạn rẫy cằn
Lời đàm tiếu nuôi con khôn lớn
Nước mắt mẹ rơi, con quyết nên người

Về với con Cha nhé!
Dẫu lưng Cha còng rồi!
Con sẽ là cây gậy
Cho Cha đứng thẳng người.

DUY LỄ
Father's Day

Những nguyên nhân thất cử Tổng Thống của Mitt Romney

Quách Tứ

Cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ có kết quả rõ ràng vào đêm Thứ ba ngày 6 tháng 11 năm 2012. Tổng Thống Obama tái đắc cử và Thống Đốc Mitt Romney đã thua cuộc. Sự tái đắc cử của Tổng Thống Obama là một điều hi hữu trong lịch sử Hoa Kỳ. Từ sau 1940, Không một Tổng Thống Mỹ tại chức nào tái đắc cử với nạn thất nghiệp 8.0%, nợ nần và thâm thủng ngân sách trầm trọng. Trong những năm qua, các nước Tây Âu qua những cuộc bầu cử, người dân đã đẩy các nhà lãnh đạo ra khỏi chức vụ vì vấn đề thất nghiệp, kinh tế và tài chánh. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ từ 1816, có ba Tổng Thống liên tục tái đắc cử hai nhiệm kỳ (Bill Clinton, George W. Bush, và Barack Obama). Thống Đốc Mitt Romney được xem là một ứng cử viên Tổng Thống giàu có nhất và ông đã bỏ ra 6 năm để chuẩn bị đường vào Tòa Bạch Ốc. Sự thất bại không phải chỉ có một nguyên nhân, nhưng nhiều yếu tố đem lại. Có những yếu tố khách quan và những sai lầm nội tại.

Cuộc tranh cử Sơ bộ của Đảng Cộng hòa quá dài và gây tổn thương

Cuộc tranh cử để được đề cử là ứng cử viên Tổng Thống của Đảng Cộng hòa kéo dài từ đầu mùa xuân đến tháng 7 năm 2012 là cuộc tranh cử sơ bộ quá dài, tốn kém và gây nhiều tổn thương cho Đảng Cộng hòa và cá nhân Mitt Romney. Hình ảnh và uy tín của Mitt Romney đối với cử tri đã bị xói mòn và lu mờ khi ông bị các ứng cử viên cùng đảng tấn công dữ dội vào qúa trình kinh doanh của ông. Mặt khác, Mitt Romney phải theo những nguyên tắc bảo thủ và cứng rắn của Đảng Cộng hòa về di dân, đồng tính luyến ái, và phá thai . Điều nầy đã làm cho thế đứng của ông yếu kém đối với cử tri gốc Latinos (chúng ta thường gọi là Mễ), giới trẻ và phụ nữ. Về tài chánh, Mitt Romney và ủy ban tranh cử của ông đã phải chi một số tiền rất lớn trong bầu cử sơ bộ, nên đã bị yếu kém về tài chánh trong tổng bầu cử.

Ảnh hưởng của hai trận bão Isaac và Sandy

Hai trận bão Isaac và Sandy đã cuốn đi tiềm năng thắng cử của Mitt Romney. Trận bão trước tiên là Isaac đã thổi vào Tampa, Floria vào cuối tháng 8/2012, vào thời điểm Đại hội toàn quốc của Đảng Cộng hòa. Nó gây trở ngại cho chương trình hoạch định chính thức của đại hội. Trận bão thứ hai, Sandy, đập vào miền đông nước Mỹ ngày 29 tháng 10 năm 2012, gây thiệt hại nặng nề cho Tiểu bang New Jersey và một phần của Tiểu bang New York. Trận bão Sandy và sự phản bội của Chris Christie, Thống đốc Tiểu bang New Jersey và cũng là người bạn thân cùng đảng Cộng hòa với Mitt Romney, đã giết chết cơ hội thắng cử của Romney.

Thống đốc Christie đã mời Tổng Thống Obama đến thăm những nơi thiệt hại sau trận bão. Ông đọc diễn văn ca ngợi Tổng Thống Obama. Theo các nhà bình luận thì Chris Christie đã chơi nước đôi (double dealing): một mặt ông tuyên bố là bạn thân và đã ủng hộ (endorsed) Mitt Romney từ đầu. Mặt khác, Christie muốn tái thắng cử Thống Đốc New Jersey vào kỳ bầu cử 2014, và sẽ ra tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2016. Nếu Mitt Romney thắng cử Tổng Thống thì Christie sẽ không có được cơ hội nầy. Hơn nữa, ông muốn chứng tỏ cho người dân Mỹ thấy rằng ông biết làm việc chung hai đảng (bipartisan) trong những hoàn cảnh khó khăn.

Về phần Tổng Thống Obama, trận bão Sandy và những toan tính của Thống đốc Christie đã đem lại cơ hội ngàn vàng trong bầu cử. Trong chiếc áo jacket màu thẫm bình dân, ông đã đến vùng thiên tai bắt tay và vỗ vào vai Chritie để chứng tỏ một cử chỉ thông cảm và chia xẻ những bất hạnh của Tiểu bang. Tổng thống cũng ôm và vỗ vào vai một số nạn nhân với những lời hứa giúp đỡ rồi ra về. Truyền thông và báo chí thiên đảng Dân chủ và Tổng Thống Obama tha hồ quay phim và chụp hình. Những hình ảnh nầy được xem là những quảng cáo sáng giá gây được cảm tình cho cử tri Mỹ và họ sẽ dồn phiếu cho Tổng thống trong ngày bầu cử.

Sự yếu kém của ủy ban tranh cử và cá nhân Mitt Romney

Các nhà quan sát và bình luận cho rằng: Ủy ban tranh cử và bản thân Mitt Romney đã phạm những sai lầm trong chiến dịch tranh cử. Sau trận bão Sandy, đáng lẽ Ủy ban tranh cử sắp xếp để đưa Mitt Romney đến thăm vùng thiên tai trước khi Obama đến. Mitt Romney đã để mất cơ hội cho cử tri thấy hình ảnh của một Tổng Thống tương lai quan tâm đến người dân khi bị thiên tai.

Ủy ban tranh cử của Thống Đốc Mitt Romney đã đánh gía sai lầm về khả năng của Liên minh ủng hộ Tổng Thống Obama. Ủy

ban đã không tin vào những thăm dò công luận (polls), mà đã tin tưởng hoàn toàn vào hệ thống thăm dò công luận thiếu chính xác của riêng mình. Hệ thống nầy luôn cho thấy Romney dẫn trước Obama từ 3 đến 6% ở các Swing States (những Tiểu bang có cử tri không ngã hẳn về một đảng chính trị nào). Ngay cả Tiểu bang Ohio, là Tiểu bang có truyền thống, không một ứng cử viên Cộng hòa nào thắng cử Tổng Thống nếu không thắng được Tiểu bang nầy. Cho đến những ngày gần kề cận tổng bầu cử, ủy ban mới khám phá ra sự ủng hộ của cử tri rất yếu kém đối với Romney thì đã quá chậm trễ. Ủy ban đã không huấn luyện kỹ và chỉ rõ nhiệm vụ cho những tình nguyện viên và ủng hộ viên; nên đến ngày bầu cử nhiều người đã không hiểu rõ nhiệm vụ mình làm gì và liên lạc với ai.

Ủy ban tranh cử của Mitt Romney đã không có chương trình rõ ràng, nhằm giải thích cho cử tri và tạo niềm tin về sự thay đổi, nếu Romney thắng cử Tổng Thống. Mitt Romney có hứa sẽ tạo 12 triệu việc làm; đây chỉ là một lời hứa, không phải là một chương trình vì không được giải thích rõ ràng là làm thế nào để thực thi lời hứa đó.

Cũng theo các nhà bình luận, việc lựa chọn Dân biểu Paul Ryan làm Phó Tổng Thống, là một điều khó giải thích với cử tri. Paul Ryan là một nhân vật bảo thủ, trẻ, thông minh, nhưng với dự án ngân sách ông đưa ra ở Hạ viện, về phần bảo hiểm sức khỏe (healthcare), ông đề nghị hủy bỏ chương trình bảo hiểm sức khỏe hiện hành, và thay vào đó là chương trình bảo hiểm trả bằng vé phiếu (voucher program). Đa số cử tri, nhất là người cao niên (seniors) và phụ nữ độc thân nhưng có con (single parent) rất lo ngại, đúng hơn là sợ, chương trình bảo hiểm voucher nếu thành luật. Đảng Dân chủ và ủy ban tranh cử của Obama, đã xử dụng chương trình bảo hiểm y tế bằng voucher nầy, để tập trung tấn công dữ dội vào Mitt Romney và đảng Cộng hòa.

Nhiều người đã đặt câu hỏi là tại sao Mitt Romney không chọn Thượng nghị sĩ Cộng hòa Marco Robio (gốc Cuba), ông rất được lòng cử tri Florida và cử tri gốc Latinos. Romney cũng có thể chọn Thượng nghị sĩ Cộng hòa Rob Portman là người được xem là nặng ký, sáng giá và được lòng cử tri Tiểu bang Ohio.

Về phần Mitt Romney, trong chuyến đi thăm viếng nước ngoài, nhằm thể hiện hình ảnh của một Tổng Thống Mỹ tương lai với thế giới, thì cá nhân Mitt Romney đã phạm phải sai lầm. Khi đến Anh quốc, trong cuộc phỏng vấn dành cho NBC, Romney đã lên tiếng chê bai việc tổ chức Thế vận hội, điều nầy làm cho Thị trưởng và dân chúng Luân Đôn phẩn uất và Thủ tướng Anh ,David Cameron, đã tiếp ông trong không khí lạnh nhạt.

Mitt Romney đã không thận trọng trong lời tuyên bố. Trong một cuộc vận động gây tài chánh ở Florida, ông đã nói với các cử tọa là có 47% người Mỹ đã không đóng thuế. Lời nói nầy đã được thu lén, và phe Obama dùng làm quảng cáo để tấn công, và gây bất bình của cử tri đối với Mitt Romney.

Trong ba cuộc tranh luận Tổng Thống, cuộc tranh luận thứ nhất tại Denver, Thống đốc Mitt Romney đã tỏ ra xuất sắc và sáng chói khi tranh luận về vấn đề kinh tế, theo thăm dò công luận về cuộc tranh luận thì Mitt Romney đạt được 67% và Obama chỉ được 27%. Tiềm năng thắng cử của Mitt Romney lên rất cao sau cuộc tranh luận nầy. Nhưng hai cuộc tranh luận kế tiếp, nhiều nhà bình luận đã cho rằng Romney quá yếu, thay vì tấn công vào những chính sách sai lầm và yếu kém của đối thủ, ông đã khen và đưa ra những đường lối gần giống như của Obama (như vấn đề Iran).

Đảng Cộng hòa cần xét lại những nguyên tắc bảo thủ

Sau sự thất cử của Mitt Romney, đảng Cộng hòa phải đương đầu với những yêu cầu xem xét lại những nguyên tắc bảo thủ của đảng. Những nguyên tắc có một thời được xem là những giá trị tinh thần và truyền thống của xã hội Mỹ văn minh, thì ngày nay được xem là cực đoan, quá bảo thủ. Quan niệm này nẩy sinh vì xã hội Mỹ ngày nay đã thay đổi. Những quan niệm của một số giới trẻ ngày nay khác hẳn với truyền thống của nước Mỹ. Tuổi trẻ Mỹ không muốn bị ràng buộc bởi luật pháp trong việc phá thai, vì họ cho rằng đây là vấn đề riêng tư (privacy) của tự do cá nhân. Giới trẻ muốn tự do luyến ái; nghĩa là đàn ông có quyền lấy "đực rựa" và đàn bà có quyền kết hôn với phụ nữ. Mặc dù phe phản đối đồng tính luyến ái đã viện dẫn truyền thống về hôn nhân là sự kết hợp giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Nhưng đến nay vẫn không lay chuyển được quan niệm về tự do luyến ái. Có một số Tiểu bang đã chấp nhận đồng tính luyến ái và xử dụng cần sa là hợp pháp qua các đạo luật.

Đảng Cộng hòa cần uyển chuyển trong chính sách di dân, để đạt được sự ủng hộ của cử tri gốc Latinos và các sắc dân thiểu số khác. Trong cuộc bầu cử 2012 vừa qua, theo sự theo dõi cử tri đi bầu, cho biết có 10% cử tri là gốc Latinos , 71% bỏ phiếu ủng hộ Obama và 27% cho Mitt Romney. Thành phần sắc dân gốc Latinos có sinh xuất cao và tăng trưởng rất nhanh; hiện nay chiếm 17% dân số Hoa Kỳ và theo dự tính sẽ lên tới 31% vào năm 2043. Đảng Cộng hòa cần nhạy cảm với tình trạng thay đổi dân số. Tổng Thống Obama đã biết ve vãn và kiếm phiếu của cộng đồng Latinos, khi tuyên bố trong cuộc vận động tranh cử: "Nếu tôi tái thắng

cử nhiêm kỳ hai, tôi sẽ mang ơn cộng đồng Latinos."

Sau ngày bầu cử 2012, câu hỏi được đặt ra là tại sao đảng Cộng hòa thất bại. Không những thua cuộc trong chức vụ Tổng thống mà còn mất thêm 3 ghế ở Thượng viện. Phe Cộng hòa chỉ còn giữ được đa số ở Hạ viện Hoa Kỳ. Chính Al Cardenas, Chủ tịch Hiệp hội bảo thủ thuộc đảng Cộng hòa, đã tuyên bố theo nguyên văn; "Our party needs to realize that it's too old, too white and too male, and it needs to figure out how to catch up with the demographies of the country before it's too late." (Đã đến lúc chúng ta cần nhận thức rằng đảng chúng ta quá già nua, quá thiên về da trắng, và quá hướng về phái nam; Chúng ta cần phải tìm ra phương cách để bắt kịp với tình trạng thay đổi dân số của đất nước, trước khi mọi việc trở nên quá chậm trễ.) Không ai cho là đảng Cộng hòa thiếu khả năng lãnh đạo đất nước, nhưng chính những nguyên tắc bảo thủ đã tự cách xa đảng với giới trẻ, với phụ nữ, và các sắc dân thiểu số trong cộng đồng đa dạng của xã hội Hoa Kỳ.

Nhìn lai lịch sử Hoa Kỳ, chúng ta thấy rằng khi quần chúng Mỹ bất mãn với những chính sách dưới thời Tổng Thống thứ hai của Hoa Kỳ là John Adams thuộc phe Liên bang (tức đảng Cộng hoà ngày nay) thì người dân quay sang ủng hộ phe chống Liên bang (đảng Dân chủ ngày nay) và bầu Thomas Jefferson (Dân chủ) lên làm Tổng Thống thứ ba của Hoa Kỳ năm 1800. Sau sự thất bại nầy, đảng Cộng hòa đã mất một giai đoạn cầm quyền lâu dài 60 năm, từ 1800 đến cuộc nội chiến 1860 khi Abraham Lincoln thắng cử Tổng Thống. Trong suốt 60 năm này đảng Dân chủ đã giữ ưu thế chính trị và thắng 13 trong 15 cuộc bầu cử Tổng Thống.

Kết luận

Qua những thất bại trong hai cuộc bầu cử 2008 và 2012, với chừng mực nào đó đảng Cộng hòa cần thay đổi để tồn tại và dọn đường cho những cuộc bầu cử tương lai.

Tiến trình dân chủ của Mỹ cho đến nay vẫn là một mô thức mẫu mực cho thế giới. Bầu cử ở Mỹ thể hiện thực sự quyền tự do lựa chọn và quyền của người dân điều khiển và kiểm soát chính quyền. Đảng phái chính trị là sản phẩm của xã hội, phải thích nghi trong vai trò lãnh đạo đất nước và phục vụ đại chúng. Muốn các ứng viên của đảng mình được quần chúng lựa chọn, đảng phái chính trị phải vói tay và gần gũi với mọi thành phần trong xã hội đa dạng văn hóa, sắc tộc và tạo niềm tin đối với cử tri.

QUÁCH TỨ

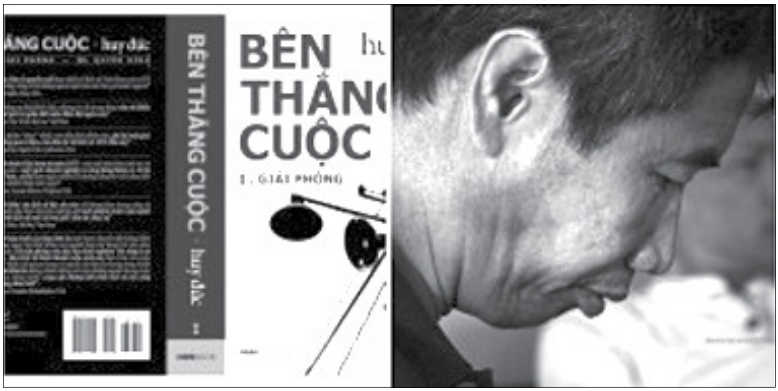

Một vài cảm nghĩ sau khi đọc "Bên Thắng Cuộc" của Huy Đức

Tân Dân

"Bài viết đề cập đến một quyển sách đang có sự tranh cãi trong Cộng Đồng Người Việt đang sinh sống tại hải ngoại. Nhận định của tác giả là quan điểm riêng không phải là quan điểm của Ban Báo Chí Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California."

Tiểu sử của tác giả:

Huy Đức tên thật Trương Huy San, Sinh năm 1962 tại Nghệ Tĩnh, gia nhập bộ đội Cộng Sản tháng 03,1979. Ba năm học viên ở trường Sĩ quan hoá học, ba năm ở chiến trường Campuchia, mười một năm làm phóng viên các tờ báo: Tuổi trẻ, Thanh niên, Thời Báo Kinh tế Sài Gòn và Sài Gòn Tiếp Thị. Năm 2012 được học bổng Nieman Fellowship tu nghiệp tại Đại Học Harvard, Hoa Kỳ.

Huy Đức xuất bản tập sách Bên Thắng Cuộc tại Mỹ trong khi đang dự khoá tu nghiệp tại trường Đại học Harvard, Hoa kỳ năm 2012, sách gồm có hai tập: Tập một lấy tựa đề Giải Phóng gồm có 477 trang. Tập hai với tựa đề Quyền Bính gồm có 217 trang.

Từ mấy tháng qua cuốn sách Bên Thắng Cuộc của Huy Đức phát hành qua mạng lưới Internet đã tạo nên nhiều tranh luận cả trong và ngoài nước. Kẻ khen thật nhiều mà người chê cũng

không ít. Lúc đầu tôi chú tâm đọc những phần bình luận qua email để biết sơ qua cuốn sách đã nói những gì. Muốn đọc hết cuốn sách phải bỏ nhiều thời gian trong khi mình còn nhiều việc khác phải làm. Tuy nhiên, khi đọc những lời giới thiệu ban đầu với văn phong nhẹ nhàng, tôi muốn tìm hiểu chiều sâu của Bên Thắng Cuộc: "Cuốn sách của tôi bắt đầu từ ngày 30-4-1975 ngày nhiều người tin là Miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thận trọng nhìn lại suốt hơn ba mươi năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hoá ra lại là Miền Bắc. Hãy để cho các nhà kinh tế, chính trị học, và xã hội học nghiên cứu kỹ hơn hiện tượng lịch sử này..." (Tr.9, Tập 1).

Sau khi đọc hết hai tập Bên Thắng Cuộc của Huy Đức và xem lại những nhận xét, phê bình của người đọc, tôi thấy có hai thái cực rõ rệt: bên yêu thì ca tụng hết mình, bên ghét xỉ vả thậm tệ. Cái tâm lý thông thường của người Việt mình: "Khi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét trái bồ hòn cũng méo." Ngồi trong hồ ngâm nước nóng ở Bally Fitness, khi tôi mở miệng nói đến Bên Thắng Cuộc, một cụ già di cư năm 1954 nói ngay: "Cậu định nói tới thằng răng vẩu đấy hả, với tôi dứt khoát không chơi với những thằng Cộng Sản, kinh nghiệm của tôi, thấy nó là phải bỏ chạy." Ngồi trong quán cà phê tôi vừa hỏi anh bạn: "Anh đã đọc Bên Thắng Cuộc của Huy Đức chưa? Anh bạn trả lời ngay: "Thứ sách đáng giá ba xu ấy đọc làm gì cho mất công."

Ngược lại cũng có những người ca ngợi Bên Thắng Cuộc lên tới tận mây xanh. Tôi ít thích tranh cãi với những người có lập trường hay quan điểm khác với mình, thường tôi giữ im lặng để lắng nghe và tôn trọng ý kiến người đối diện. Vì mỗi lần tranh cãi thường gây ra những xung đột làm mất hết cả tình bạn, nhất là hai vấn đề tôn giáo và chính trị.

Ở đây có hai phạm trù rõ rệt: Có bên khen và bên chê quá mức, tôi muốn mời bạn đọc cùng tôi với một tâm trạng bình thản, thận trọng, suy xét để nhận định về cuốn sách Bên Thắng Cuộc theo quan điểm của mình.

Bên Khen:

Đinh Quang Anh Thái, Nhật Báo Người Việt, California đã phát biểu: "Bên thắng cuộc là tác phẩm "thực nhất", cho đến thời điểm này, ghi lại một giai đoạn lịch sử khốc liệt, thông qua tư liệu, của dân tộc từ biến cố 1975 đến nay."

Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, Đại Học George Mason, Virginia đưa ra nhận xét: "Cuốn sách phân tích tình hình Việt Nam từ năm 1975 của một nhà báo sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản.. Một cách chuyên nghiệp và công bằng hiếm có. Nó là một kho

tàng dữ liệu quý báu, có thể làm ngạc nhiên cả những chuyên viên theo dõi chính trị Việt Nam trong nhiều thập niên qua"

Giáo sư Trần Hữu Dũng, Đại Học Wright:"Bên thắng cuộc của Huy Đức là quyển sách hay nhất về lịch sử Việt Nam sau 1975 mà tôi được biết, kể cả những công trình bằng ngoại ngữ của các học giả nước ngoài"

Mặc Lâm, phóng viên đài RFA nhận xét: "Vì khao khát tìm kiếm sự thật nên "Bên thắng cuộc" không thể xuất hiện công khai tại Việt Nam. Thực tế cho thấy nó đang lưu lạc trên khắp thế giới tới nơi nào có người anh em của nó. "Bên thắng cuộc" sẽ mãi mãi đứng ngoài mảnh đất mà nó yêu thương để mỗi đêm thủ thỉ bên tai người đọc những câu chuyện đắng lòng về một đất nước gặp bi kịch trong các cuộc chiến mà căn cước kẻ chiến thắng vẫn rất lu mờ."

Nhà báo Bùi Tín đã nhận xét: " Tôi thấy là anh ấy, Huy Đức đã làm một việc rất đáng khen. Tôi có thể nói là đáng phục nữa. Bởi vì ở trong nước ít có nhà báo nào có gan, có sự táo bạo, tự mình nghiên cứu, tự mình viết một quyển sách đến 600 trang như thế. Đây quả là một công trình hiếm có, công phu, bởi vì anh có gan, có ý chí tiếp cận tất cả các nhân vật lịch sử, trong đó có những người đã mất. Những người đó là những nhân vật lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, từ Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, từ Thủ Tướng, nhiều Ủy viên Bộ chính trị, nhiều Bí thư Trung Ương Đảng..."

Tâm lý người Việt mình thể hiện tình cảm qua những câu thơ bình dân như:"Yêu ai yêu cả tông chi, ghét ai ghét cả đường đi lối về". Hay là"Thương nhau cau sáu bổ ba, ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười." Từ những tình cảm thương ghét nó nảy ra những lời khen chê tùy theo mức độ cảm tính của mỗi người. Tôi muốn đưa ra những nhận định khách quan, bỏ qua những định kiến thông thường:

1. Huy Đức sinh ra và lớn lên dưới chế độ Cộng sản. Chúng ta thừa biết nền giáo dục của CS là lừa dối, họ vo tròn bóp méo lịch sử để đạt đến mục tiêu đào tạo con người chỉ biết vâng lời và theo định hướng của CNXH. Vì vậy Huy Đức không thoát ra khỏi cái qui luật của một nền giáo dục sặc mùi tuyên truyền của Cộng Sản. Bởi tiêm nhiễm những từ ngữ tuyên truyền còn trong tiềm thức, nên Huy Đức đã dùng những chữ "ngụy quân", " ngụy quyền", "phe ta", "phe địch", "những tên ác ôn, đầu sỏ" xuất hiện rải rác trong hai tập sách Bên Thắng Cuộc. Điều này đã gây phản cảm cho người đọc, nhất là cộng đồng người Việt hải ngoại.

2. Có một vài sự kiện lịch sử Huy Đức nhắc lại một cách

chi tiết, mặc dù đã xảy ra trước năm 1975 như vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất năm 1952-1956. Nhưng chiến dịch Tổng tiến công miền Nam Việt Nam vào Tết Mậu Thân năm 1968, Huy Đức đã viết lên những trang sử rất mờ nhạt và cố tình đưa những hình ảnh từ các đài truyền hình phương Tây để cho rằng tuy thất bại nhưng đã gây tiếng vang lớn tại hậu phương nước Mỹ. Thực tế cho ta thấy CSVN đã huy động từ 323,000 đến 595,000 quân chính quy với dự kiến sẽ chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ VNCH, nhưng sau đó đã thất bại nặng nề, gần 100,000 quân đã bị loại khỏi vòng chiến. Ngoài ra, Huy Đức không hề nhắc đến vụ sát hại hàng ngàn người tại Huế trong Tết Mậu Thân 1968. Theo ông Đinh Lâm Thanh, trong bài thuyết trình nhân dịp tưởng niệm 40 năm biến cố Mậu Thân tổ chức tại Paris ngày 2-3-2008, nói: "Nếu tính nạn nhân tại Huế, ngoài số quân nhân, cảnh sát, nhân viên cán bộ hành chánh về nghỉ Tết cũng như những người sống tại địa phương làm việc cho chính quyền Sài Gòn bị CS bắn ngay tại chỗ là 1,892 người. Ngoài ra người ta còn tìm được 2,326 tử thi thường dân trong số 22 hố chôn tập thể tại những địa điểm như Trường Gia Hội, Chùa Theravada, Bãi Dâu, Cồn Hến, Tiểu Chủng Viện, Quận tả ngạn, Phía Đông Huế, Lăng Tự Đức, Lăng Đồng KhánhMỗi hố chôn tập thể từ 5, 7 người đến trên 400 nạn nhân như ở Khe Đá mài. Những nạn nhân này bị thảm sát một cách dã man như: Cột chùm nạn nhân lại với nhau và đốt cháy bằng xăng, bắt ngồi trên mìn rồi cho nổ tan xác, chặt đầu, bắn vào ót, đập chết bằng bá súng, đóng cọc từ dưới bàn toạ lên đến cổ, trói tay chân từng chùm rồi xô xuống hố chôn sống. Ngoài ra CS còn giết 6 linh mục 5 thầy giòng và các giáo sư đại học đang dạy ở Đại học Huế, người ta ước lượng có gần 5,000 người bị CS giết trong mấy tuần lễ."

Thế nhưng hiện nay CS đã xoá hết những dấu tích, vo tròn bóp méo lịch sử, chối leo lẻo hành động tàn sát dã man này và đổ tội cho quân đội Mỹ và VNCH.

Có thể Huy Đức đã nghe, đã biết nhưng đã phớt lờ đi một sự kiện lịch sử quan trọng trong biến cố Tết Mậu Thân năm 1968.

3. Trong chương Cải Tạo, sau khi phỏng vấn một số Sĩ Quan VNCH như nhà sử học Tạ Chí Đại Trường, là một sĩ quan biệt phái với cấp bậc Đại Úy, Trung Tá Phan Lạc Phúc, Đại Uý Dù Phan Nhật Nam, nhà văn Doãn Quốc Sĩnhững người đã bị đưa đi cải tạo trong một thời gian dài, bị hành hạ thể xác và tinh thần, cuối cùng Huy Đức kết luận: "Không chỉ hành hạ về tinh thần, thật khó lý giải vì sao những người chiến thắng lại giam giữ những đối thủ đầu hàng mình lâu như vậy. Cho tới đầu thập niên 1990,

những người lính biệt kích bị bắt hồi đầu thập niên 1960, người tù binh bị bắt hồi Mậu Thân 1968, hồi chiến dịch Hạ lào 1971 vẫn còn phải đang cải tạo." (tr.78, Tập 1). Câu trả lời thật đơn giản mà không cần lý giải đó là: Trả thù.

Sau năm 1975, hàng trăm ngàn sĩ quan, cảnh sát, nhân viên cao cấp trong chính quyền, tu sĩ, nhà văn, ngay cả những giáo viên biệt phái bị ghép vào diện CIA đều phải đi tù cải tạo. Khởi đầu một cuộc trả thù có tính toán dã man nhất, những gì mà Huy Đức kể chỉ phản ảnh một phần nào nỗi thống khổ không cùng và nhục nhã của những người chiến bại.

Trong khi cuộc chiến tương tàn Nam Bắc của Hoa Kỳ kéo dài bốn năm từ tháng 04 năm 1861 và kết thúc vào tháng 4 năm 1865 đã gây tổn thất trên 750,000 người thương vong cho hai phía, nhưng bên thắng trận tướng Ulysses S. Grant đã ra lệnh cho binh sĩ của mình không được reo hò mừng rỡ, mà còn để cho tất cả sĩ quan thua trận được giữ vũ khí cá nhân và an lành trở về với gia đình. Theo lời yêu cầu của Tướng Robert. E. Lee bên thua cuộc, quân lính miền Nam thua trận được tiếp tục giữ lừa ngựa trở về quê quán làm ăn, không những thế được bên thắng trận cấp cho 25,000 khẩu phần lương thực. Đó là cung cách đối xử cao thượng và văn minh của những người thắng trận.

Còn bên thắng trận Miền Bắc Việt Nam sau năm 1975 đã đưa toàn bộ những kẻ chiến bại vào tù. Quá khứ kinh hoàng khi họ đưa chúng tôi, những sĩ quan VNCH từ Đại Úy đến Trung Tá ra Bắc trên chuyến tàu Sông Hương vào tháng 6 năm 1976 từ bến Tân Cảng Sài Gòn ra Hải Phòng không bao giờ phai nhoà trong ký ức. Dưới hầm chứa hàng của tàu Sông Hương chỉ vỏn vẹn mười hai thước vuông, chúng đã nhét hơn hai trăm người lúc nhúc ngồi lên nhau với đống hành lý. Trong ba ngày hai đêm ấy chúng tôi được cho ăn uống bằng cách ném xuống hầm những thùng mì gói, và nước uống thì xịt lên đầu ở độ cao mười hai thước, hãy tưởng tượng, Cộng sản, những người chiến thắng đang đối xử những sĩ quan thất trận như một bầy súc vật, họ nghĩ làm như thế để trong cái đói khát chúng tôi sẽ cắn xé, giành giật nhau để làm nhục. Nhưng không, tôi và một số anh em trẻ còn khoẻ mạnh đã đứng lên tình nguyện chia bốn góc hầm mỗi góc một tổ, mỗi tổ đề cử một đại diện để lãnh mì và nước uống trong trật tự. Trong khi đó rất nhiều anh bị say sóng, ói mửa, tiểu tiện, đại tiện tại chỗ nằm la liệt trên sàn tàu, trên hành lý. Không hiểu sao sức khoẻ tôi lúc ấy vẫn bình thường, không mắc tiểu hay đi cầu trong suốt ba ngày hai đêm khi sống trong hầm tàu, mãi cho đến khi lên bờ tôi phải mất gần nửa tiếng đồng hồ mới đi tiểu được. Một Bác sĩ quân y

không chịu nổi cái nhục nhã này đã uống thuốc tự vẫn, xác của ông ta để nằm trên sàn tàu, một vài cụ già đã ngất xỉu vì thiếu dưỡng khí trong hầm tàu khi nắm hầm khép lại...Không có bút mực nào tả hết nỗi gian truân, nhục nhã của những người tù cải tạo khi bị đày ải đến những vùng thâm sơn cùng cốc ở vùng rừng núi Tây Bắc Việt Nam.

4. Không thấy Huy Đức nhắc đến việc CSBV đã vi phạm Hiệp Định Paris ngày 23-1-1973. Một phần phụ lục ngắn Huy Đức đã trình bày quá trình đàm phán giữa đại diện Bộ Ngoại giao Mỹ Tiến sĩ Henry Kissinger và đại diên cho CSBV ông Lê Đức Thọ. Trên giấy trắng mực đen, điều một và điều bốn của Hiệp Định Paris công nhận sự toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, hai bên sẽ thống nhất qua một cuộc tổng tuyển cử dưới sự giám sát của quốc tế, nhưng hiệp định chưa ráo mực, CSBV đã xé bỏ và tiến hành tổng tiến công MNVN, trong khi đó người Mỹ cũng đã hứa sẽ hổ trợ VNCH nếu bị CSBV tấn công, nhưng rồi đã phủi tay bỏ mặc cho cả một dân tộc bị dày xéo dưới bàn tay độc ác thô bạo của CS. Bài học cay đắng cho những quốc gia nhược tiểu như Việt Nam khi đã tin vào đồng minh như Mỹ.

5. Bên Thắng Cuộc không phải là một tác phẩm đầu tiên dám đưa ra những ý tưởng phóng khoáng, lột trần bộ mặt thật từ thâm cung bí sử của Bộ Chính Trị và Trung Ương đảng Cộng Sản Việt nam, trước đây Vũ Thư Hiên với tác phẩm Đêm Giữa Ban Ngày đã lột mặt nạ của thần tượng Hồ Chí Minh, Dương Thu Hương với tác phẩm Thiên Đường Mù, nhà văn Trần Khải Thanh Thủy với tác phẩm Ôi Công An Nhục Mấy Cho Vừa. Tất cả muốn nói lên sự thật của một chế độ được cai trị bằng dối trá, lường gạt, và bạo lực cần phải được đào thải.

6. Bên Thắng Cuộc chưa phải là một cuốn sách "Thật" nhất, chưa phải là một tác phẩm có những "phê phán chuyên nghiệp và công bằng hiếm có", càng không phải nó chỉ "đứng ngoài mảnh đất mà nó yêu thương" mà chính những người trong nước càng cấm, người ta càng thích tìm kiếm để đọc cho biết. Bên Thắng Cuộc vẫn còn né tránh những sự kiện làm bất lợi cho việc tuyên truyền của CS với mục tiêu hoà giải với cộng đồng người Việt hải ngoại sau này.

Bên Chê

Thiếu tá Lê Quang Liễn tiểu đoàn phó tiểu đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tuyên bố: " Sách "Bên Thắng Cuộc" của nhà báo Huy Đức đã phổ biến sai về cá nhân tôi và về đơn vị mà tôi phục vụ trong QLVNCH, là Tiểu Đoàn 7 TQLC. Sau lời phản đối của tôi, tác giả Huy Đức có gửi thư xin lỗi. Nay

tác giả lại cho biết sẽ hiệu đính những điều mà ông ta cho là "sai sót" trong lần tái bản sắp tới..."Một cuốn sách đã sai như vậy thì không đáng tin nữa. Hôm nay tôi long trọng tuyên bố là: "Kiên quyết giữ vững lập trường trước sau như một của các đồng hương Việt tỵ nạn CS và của các chiến hữu QLVNCH đối với cuốn sách này: "Tẩy chay Bên Thắng Cuộc, lên án tác giả Huy Đức là tuyên truyền cho VC, bóp méo sự thật lịch sử liên quan đến người Việt tỵ nạn cộng sản, lên án tập đoàn báo Người Việt phát hành sách tuyên truyền cho VC tại vùng đất của người Việt tỵ nạn CS."

Thiếu úy Lê Xuân Nhị, phi công phi đoàn 114, Sư Đoàn 2 KQ phát biểu: "Sách báo của CS là cứt đái, rác rưởi. Tại sao người Việt Quốc gia lại phí thì giờ đi bàn tới bàn lui, phê bình lên, phê bình xuống một đống cứt Bên Thắng Cuộc của một thằng Việt gian CS?"

Ông Đặng Văn Nhâm viết: "Tóm lại, sự thật trong quyển Bên Thắng Cuộc của văn nô CS Huy Đức, dưới con mắt tôi, chỉ là một thứ "trứng thối", bề ngoài, cái vỏ được sơn phết diêm dúa loè loẹt như loại trứng mùa "phục sinh" theo tục đạo Thiên Chúa, nhưng bên trong chứa đầy độc tố chết người!"

Trong một đoạn thư gửi cho cộng đồng người Việt tỵ nạn Nam Cali, Ngô Kỷ đã viết: "Tôi cũng có post kèm lá thư "Cám ơn" của tác giả Huy Đức, để chứng minh là tên Việt cộng Huy Đức này có liên hệ chặc chẽ với hầu hết chóp bu cộng sản Việt Nam khi thực hiện quyển sách Bên Thắng Cuộc phải là một tài liệu chính trị của đảng Cộng sản và "nhà nước" Việt Nam muốn tuyên truyền ra hải ngoại theo Nghị Quyết 36 qua bàn tay Huy Đức và báo Người Việt."

Trong khi đó tại Việt Nam, dư luận trong nước phản ảnh sự bất bình về cuốn sách Bên Thắng Cuộc, điển hình là hai tờ báo Công An Thành phố Hồ Chí Minh và Sài Gòn Giải Phóng.

Xin trích dẫn lời toà soạn của báo SGGP trước khi đăng ý kiến của độc giả: "Trong thời gian gần đây, sách Bên Thắng Cuộc của tác giả Huy Đức (đang tham dự một khoá tu nghiệp tại Đại Học Harvard, Mỹ) đã xuất bản phát hành trên mạng, gây sự chú ý của công luận. Tác giả nhìn lại một giai đoạn lịch sử đã qua của nước ta từ sau ngày giải phóng, với góc nhìn phiến diện, thậm chí xuyên tạc, phủ nhận thành tựu của cách mạng. Với ý thức tôn trọng lịch sử và có trách nhiệm với vận mệnh đất nước, nhiều bạn đọc báo SGGP đã nêu ý kiến phản biện, bày tỏ chính kiến."

Trong báo Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, bạn đọc Phạm Nguyễn Anh Tuấn (Quận3,TPHCM) đã viết:" Huy Đức đã bôi nhọ lịch sử: Huy Đức nhắc đến cái gọi là sự "tuẫn tiết" của một số viên

tướng Sài Gòn như Phạm Văn Phú, Nguyễn Khoa Nam.. thực ra đó là kết cục của kẻ đã bị ngoại bang dùng tiền mua chuộc trong cơn hoảng loạn đã phải tự kết liễu đời mình..."

Tiếp theo khái niệm khen chê, không thích thì chê thẳng tay. Sách nào của "phe ta" phát hành chưa đọc cũng khen lấy khen để, còn ngoài quỹ đạo của "phe ta" chưa đọc đã chê "đồ rác rưởi". Đêm Thắng Cuộc của Huy Đức không thoát khỏi tâm lý chung như thế.

1. Trong chiến dịch Cải Cách Ruộng đất từ năm 1952-1956, Huy Đức đã đưa ra phê phán việc làm này đã phá vỡ cái nền tảng đạo đức mà ông cha ta đã xây dựng hàng ngàn năm mới có được:

"Trước khi cuộc đấu tố địa chủ diễn ra, các cán bộ cải cách được đưa về làng, thực hiện chính sách tam cùng: cùng làm việc, cùng ăn, cùng ngủ. Vào làng, thấy ai là thành phần nghèo khổ thì "tam cùng" để làm thân, rồi tiếp đó thăm nghèo hỏi khổ". Ngoài việc thu thập thông tin để "xếp loại kẻ thù", đội còn khơi gợi người nông dân thổ lộ nỗi khổ, khơi gợi lòng căm thù và tìm kiếm những người có thể bồi dưỡng để tham gia đấu tố. Những phụ nữ đã từng có quan hệ với những người giàu trong làng sẽ được đội động viên, thúc ép, hoặc đe doạ để họ đứng ra tố là đã từng bị "cường hào cưỡng hiếp". Vợ, con cái địa chủ cũng bị lôi kéo để đấu tố cha, chồng." (Tr.256, Tập 1) Huy Đức đã đưa ra nhận xét: "Cải cách ruộng đất không chỉ mang lại những tổn thất về mặt con người mà còn phá vỡ những nền tảng đạo đức làng, xã, gia đình, những tôn tị, trật tự giữa cha, mẹ, vợ chồng,...những giá trị mà người Việt phải mất hàng nghìn năm kiến tạo.." (Tr.257, Tập 1)

2. Vụ án bà Năm ở Hà Nội với tên gọi bà Cát Hanh Long đã làm chấn động thành phố Hà Nội năm 1956. Trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp Bà Cát Hanh Long đã che dấu, giúp đỡ những cán bộ cao cấp Cộng sản. Từ Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt đến Lê Đức thọ thường ăn cơm tại nhà bà Năm, chính Hồ Chí Minh cũng đã ăn dầm nằm dề trên căn gác của bà Năm và bà đã xem họ như những đứa con của gia đình. Thế nhưng cũng với những cán bộ Cộng sản cao cấp này đã đưa bà Năm ra đấu tố và xử tử để làm gương. Mặc dù bà đã hiến tặng 100 lượng vàng, mặc dù bà có hai người con một là cán bộ bậc trung đoàn trưởng làm việc ở Cục Chính Trị của Văn Tiến Dũng và một là cán bộ Việt Minh. Hành động phi nhân, phi nghĩa và độc ác này đã được Bộ Chính Trị và Trung Ương đảng đổ lỗi cho cán bộ cố vấn Trung Quốc, nhưng mấy ai tin được những gì Cộng sản nói.

Hàng trăm ngàn người đã bị giết, sau chiến dịch cải cách ruộng đất ở Miền Bắc, HCM đã nhỏ những giọt nước mắt cá sấu khóc thương và cho rằng mình đã sai lầm, Võ Nguyên Giáp đứng ra xin lỗi toàn dân, Trường Chinh người lãnh đạo công cuộc cải cách này phải tạm thời giả vờ chịu mất chức Bí Thư Trung Ương Đảng.

3. Sau năm 1975, CSVN đã xúi dục những thế hệ mới lớn tố giác cha mẹ mình đã chôn giấu giấu vàng bạc không chịu khai báo, điển hình có Lý Mỹ mười tám tuổi đang học lớp 12, phấn đấu để trở thành Đoàn viên của Đoàn thanh niên Cộng sản HCM. Huy Đức kể: "Lý Mỹ đã bám từng giây từng phút để vận động gia đình kê khai tài sản...Đêm 23-3-78, Mỹ thức đến ba giờ khuya không phải để thao thức, trăn trở trong sự khổ sở - mà để sao bốn bản kê khai trong một sự vui sướng tràn trề. Lòng Mỹ rộn ràng như lần đầu tiên biết mình được đứng vào hàng ngũ của Đoàn."(Tr.97, Tập 1) Cho đến một ngày gia đình của Lý Mỹ bị cướp sạch, nhà không có ở, cơm không có ăn, cha mẹ bị đưa đi cải tạo, lúc bấy giờ Lý Mỹ mới bừng tỉnh cơn mê nhưng đã quá muộn. Sau đây là cảm tưởng của Huy Đức: "Những điều mà lúc ấy Lý Mỹ tưởng là niềm vui, rồi sẽ khoét vào lòng cô như một vết thương - một vết thương không bao giờ có khả năng khép lại."(Tr.98, Tập 1)

4.Trong cuộc đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm năm 1958, đã làm cho hàng ngàn nhà văn, nhà thơ, ký giả phải đi tù, đi cải tạo lao động hoặc bỏ trốn. "Lê Đạt đã gọi gọi hậu nhân văn là những ngày "khôn ngoan không dám làm người". Phần lớn các nạn nhân, vốn là những văn nhân tài hoa, đều phải cúi đầu, tự mình viết bài xỉ vả mình" (Tr.14, Tập 2), nhạc sĩ Văn Cao tác giả của bài Quốc ca CSVN đã hai lần bị đưa đi cải tao tại khu gang thép Thái Nguyên, Hữu Loan tác giả bài thơ Màu tím hoa sim đi thồ đá, Phùng Quán tác giả của những câu thơ dưới đây đi ngược lại ý Đảng đã sống cuộc đời chui rúc, vì mọi người phải luôn luôn sống trong nơm nớp lo sợ, chẳng ai dám tiếp xúc với những người của Nhân Văn Giai Phẩm:

Yêu ai cứ bảo là yêu.
Ghét ai cứ bảo là ghét.
Dù ai ngon ngọt nuông chiều,
Cũng không nói yêu thành ghét.
Dù ai cầm dao doạ giết.
Cũng không nói ghét thành yêu.
(Tr. 14, Tập2)

Trong khi đó những nhà trí thức khoa bảng như Nguyễn Mạnh Tường, tiến sĩ luật tại Đại Học Montpellier, Trần Đức Thảo, Thạc sĩ

triết học tốt nghiệp ưu hạng tại Pháp năm 1942 đã nghe lời dụ dỗ của HCM về nước và lên tiếng phê bình những sai lầm của chế độ đã phải đi chăn bò ở nông trường Ba Vì, hay vác từng bao bột mì để nhận lại vài ổ bánh mì mà kiếm sống qua ngày. Huy Đức nhận xét:"Nền văn học, nghệ thuật, báo chí và tinh thần tự do vừa mới định hình hồi cuối thập niên 1930, đầu thập niên 1940, đang khao khát trưởng thành thì nhận được "vết chém ngang lưng". Chính trị và các tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa bắt đầu ngự trị các chương trình giảng dạy văn chương, nghệ thuật. Những giá trị căn bản của người Việt Nam không chỉ bị phá vỡ ở "thượng tầng" từ trong từng ngõ ngách làng xã, trong mỗi gia đình cũng đã nhận biết bao bi kịch."(Tr.16, Tập 2)

5. Trong chến dịch X-3 đổi tiền sau năm 1975, CSVN đã làm dân chúng MNVN lầm than cơ cực hơn bao giờ hết. Theo ông Trần Kiêm Đoàn: "Đi đâu cũng thấy dân kêu gào thất vọng. Ba giờ chiều, tôi tranh thủ về nhà, thấy vợ ngồi thẫn thờ, nước mắt lưng tròng: Anh! Mình trắng tay rồi!" Mỗi gia đình chỉ được đổi tối đa 100 nghìn tiền Sài Gòn trong khi tiền mặt trong nhà còn tới gần mười triệu. Không chỉ nhà ông Đoàn, nhiều gia đình buôn bán ở cửa chợ Đông Ba, hàng xóm của ông, cũng đang kêu khóc."(Tr. 84, Tập 1) Huy Đức kết luận: "Người dân miền Nam từng nghe những luận điệu như Việt cộng về sẽ lấy kìm rút móng những ai sơn móng tay, bắt đàn bà con gái lấy thương binh. Ít ai lường được sẽ có những mũi kìm êm ái hơn...như đổi tiền" (Tr.85, Tập1)

6. Bên Thắng Cuộc cũng cho ta thấy những đấu đá nội bộ tranh giành quyền lực, giữa những Ủy viên Bộ Chính Trị Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam. Để củng cố quyền bính trước sự tan rã của Liên Bang Xô Viết và khối Cộng sản Đông Âu bắt đầu vào năm 1989, ông Nguyễn Văn Linh ra tay tiêu diệt những mầm móng đa nguyên, đa đảng. Trước hết ông ta giải tán hai đảng Dân Chủ và Xã hội, mặc dù hai đảng này chỉ là bù nhìn, làm theo những gì do đảng Cộng sản chỉ định. Giải quyết xong đa đảng, ông Linh ra tay tiêu diệt đa nguyên. Cái gai trước mắt đối với ông Linh là ông Trần Xuân Bách. Ông Bách sinh năm 1926, tại Đại hội đảng lần thứ sáu, ông được bầu vào Bộ Chính Trị, ông thường cho rằng ông Nguyễn Văn Linh chẳng có trình độ gì cả, và giữa hai ông ngấm ngầm xung đột. Trong khi ông Bách chủ trương đa nguyên, ông đã phân tích tình hình Liên Xô và Đông Âu với sinh viên: "Xu hướng thời đại giờ đây là phải chống độc đoán. Xã hội muốn phát triển thì phải có đấu tranh giữa các mặt đối lập. Muốn có đấu tranh, phải phát huy dân chủ, muốn dân chủ thì phải tôn

trọng nhân quyền. Mô hình các nước xã hội chủ nghĩa thực chất là đã không tuân thủ các nguyên tắc này. Hôm nay, chú chỉ nói với các cháu xu hướng của thời đại, của thế giới. Các cháu lớn rồi, tự các cháu suy nghĩ và quyết định." (Tr.35, Tập2) Những lời tuyên bố của ông Bách được ghi âm, đã đi ngược lại nghị quyết của Bộ Chính Trị, thế là ông Bách bị cách chức. Tất cả những nhà trí thức chủ trương đa nguyên như: Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Dương Thu Hương... đều bị bắt hoặc quản thúc. Đại Tá Bùi Tín quyết định xin tỵ nạn chính trị ở Paris sau chuyến đi Pháp dự lễ kỷ niệm ngày thành lập báo Humanité.

7. Trong cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, Huy Đức kể:"Cái đêm mà miền Nam chìm trong khói lửa của Tổng tiến công ấy, Hồ chí Minh đang ở Bắc Kinh, "trong căn phòng vắng", chỉ có ông và thư ký Vũ Kỳ..."(Tr.66, tập 2)

Đối với tướng Giáp bị đưa đi an trí ở Hungary "Máy bay Trung Quốc đưa Tướng Giáp về tới Hà nội ngay trong ngày 29 Tết. Hôm sau ông mới được Tướng Vũ Lăng, cục trưởng Cục Tác Chiến báo cáo "Kế hoạch Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa" Vũ Lăng nói: "Anh Văn Tiếng Dũng bảo bây giờ thì có thể báo cáo toàn bộ với anh Văn." Tướng Giáp cố giữ vẻ mặt binh thản để giấu niềm cay đắng. Ông, vị Tổng tư lệnh, đã không biết được một kế hoạch lớn như vậy cho đến trước khi nổ súng một ngày." (Tr.67, Tập 2) Cũng chuyện của tướng Giáp, giáo sư Hồ Ngọc Đại, con rể ông Lê Duẫn kể: "Có lần tôi sang nhà số 2 Nguyễn Cảnh Chân chúc Tết Lê Đức Thọ. Tới nơi tôi thấy ông Giáp cũng vừa đến. Từ trong nhà ra, ông Thọ đi qua trước mặt mà không thèm chào ông Giáp một câu, bước đến ôm lấy tôi. Có lần ông Thọ nói ông còn để cái đầu ông Giáp trên cổ là may lắm rồi."(Tr.72,Tập 2)

Nói đến Cộng sản là nói đến những lừa đối, gạt gẫm, tàn ác, vô nhân là tất cả những gì xấu xa nhất mà lịch sử hơn nửa thế kỷ cầm quyền đã minh chứng. Như cựu Tổng bí thư đảng Cộng sản Liên xô Gorbachev đã nói: "Tôi đã bỏ một nửa cuộc đời cho lý tưởng CS. Ngày hôm nay tôi phải đau buồn mà thú nhận rằng: Đảng CS chỉ biết tuyên truyền và dối trá.", Bà Thủ tướng Đức Angela Merkel nói: "Cộng sản đã làm cho người dân trở thành gian dối.", Đức Dalai Lama lãnh tụ tinh thần Phật giáo Tây Tạng nói: "Cộng sản là loài cỏ dại, mọc trên hoang tàn của chiến tranh, là loại trùng độc, sinh sôi, nẩy nở, trên rác rưởi của cuộc đời." Cựu Tổng Thống Nga Boris Yelsin đã nói:"Cộng sản không thể nào sửa chữa, mà cần phải đào thải nó." Trong vùng kháng chiến ở Bình Định, là cái nôi của Cộng sản thuộc liên khu năm, dân gian có bốn câu thơ nhạo báng chế độ Cộng sản như sau:

Chú phỉnh tôi rồi chính phủ ơi!
Chiến khu để của chú khiêng rồi
Thi đua chi nữa thua đi mãi,
Kháng chiến lâu rồi, khiến chán thôi

Đức Phật đã dạy: "Trước mặt là vực thẳm, quay lại sẽ thấy bến bờ", những nước CS anh em của VN trước đây ở Liên Xô và cả khối CS Đông Âu đã quay lại, họ đã từ bỏ chế độ CS để đưa dân tộc họ phát triển thành những quốc gia thực sự dân chủ, tự do và phú cường. Trong khi đó tập đoàn lãnh đạo Cộng sản VN đã mò mẫm từng bước, đi trong bóng tối của hết nghị quyết này đến nghị quyết khác, làm cho đất nước tụt hậu so với các láng giềng Châu Á như: Nam Triều Tiên, Singapore, Thái Lan, Nam Dương...Hãy quay lại sẽ thấy bến bờ, như các nhà quân phiệt Miến Điện hôm nay. Còn tiếp tục vọng tưởng một thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa, sớm muộn gì số phận của đảng Cộng sản Việt Nam cũng sẽ giống như những nhà độc tài Eric Honecker của Đông Đức, Ceaucesscu của Rumania hay Muammar Ghaddafi của đất nước Lybia.

Trong thư phản hồi của tác giả Huy Đức, sau khi phát hành cuốn sách Bên Thắng Cuộc qua mạng lưới Internet trên Blog Osin:"Nếu một cuốn sách như Bên Thắng Cuộc vừa đưa ra đã có được đánh giá thống nhất ngay thì tôi đã không cần phải viết cuốn sách này và không ai còn phải băn khoăn về một tiến trình hoà giải. Trong khi tranh cãi cũng có không ít người không giữ được bình tĩnh. Văn hoá tranh luận chỉ có thể hình thành qua một quá trình. Tác giả cuốn sách bị chỉ trích gay gắt vẫn tốt hơn là tất cả chúng ta cùng im lặng. Bên Thắng Cuộc đề cập đến những trải nghiệm liên quan tới từng cá nhân nên giờ đây tác giả cũng phải dành quyền đánh giá nó cho bạn đọc."

Từ lời phát biểu trên đây cho tôi một suy nghĩ, phải chăng nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đã tung ra một quả bóng thăm dò để xem phản ứng của cộng đồng người Việt qua tác phẩm Bên Thắng Cuộc cho một tiến trình hoà giải sau này.

Tóm lại, đây không phải là một tác phẩm "hay nhất về lịch sử Việt nam sau 1975", hay "mỗi đêm thủ thỉ bên tai người đọc..", càng không phải là một tư tưởng phóng khoáng hay mới mẻ gì, vì trước đây đã có nhiều người nói tới. Bên Thắng Cuộc còn rất nhiều thiếu sót, nhất là những sự kiện quan trọng trong lịch sử cận đại mà Huy Đức đã cố tình lờ đi để tránh né những chỉ trích bất lợi cho nhà cầm quyền CSVN.

TÂN DÂN

Nhớ xưa

Trò đời lắm chước mưu gian,
Đẩy người vào chốn muôn vàn đắng cay.
Đất trời cũng muốn cuồng quay,
Trời cao có thấy nỗi này cho không?
Chánh tà chơn ngụy bất đồng,
Làm sao chấp nhận sống trong độc tài.
Giã nhà tìm chút tương lai,
Vấn vương kỷ niệm, nhớ hoài thôn quê.
Đường xưa sớm tối đi về,
Tre xanh rợp bóng trưa hè tung tăng.
Nam thanh nữ tú dưới trăng,
Hát hò giã gạo nước băng lướt sòng.
Sáo diều vi vút từng không,
Tinh sương gió mát rắng hồng hoàng hôn.
Bến đò nho nhỏ Sông Côn,
Một thời qua lại sắc son trong lòng.
Tháp kia Thủ Thiện giữa đồng,
Vút cao sừng sững như trông ngóng trời.
Lạ thay kiến trúc tuyệt vời,
Phong ba bão táp bao đời còn trơ.
Hồn Chiêm như hãy vẩn vơ,
Cuốc kêu xa vắng bên bờ thon von.
Lớn lên từ giã hương thôn,
Thân trai đời lính nước non dặm trường.
Dấu chân in vạn nẻo đường,
Áo xanh lính chiến gió sương bạc màu.
Những đêm dừng lại cuối đồi,
Bạn năm ba đứa chạm ngồi ngắm sao.
Ước nguyền tinh tú trời cao,
Con dân nước Việt binh đao không còn.
Ngờ đâu dâu bể nước non,
Bấy Lăm ụp xuống Sài Gòn tang thương.
Giã từ từ ấy cố hương,
Tim gan tê tái đoạn trường phân ly.
Trên đường vượt biển hiểm nguy,
Nhất sanh thập tử liều đi đến bờ.
Tạ trời cho vẹn ước mơ,
Cảm ơn đất nước bây giờ dung thân.

ĐỖ HÙNG

Biển Đông Việt Nam

Ngàn cánh tay vươn lên từ tuổi trẻ
Yêu nước, kiên cường một dạ quyết tâm
Bảo tồn đất liền, giữ vững biển đông
Chống nhu nhược, diệt quân thù xâm lược

Xin toàn dân hãy đứng về phía trước
Quyết chí vùng lên xây đắp non sông
Mang ấm no hạnh phúc đến toàn dân
Diệt tham nhũng lẫn độc tài đăng trị

Hưởng thụ giàu sang bảo tồn địa vị
Dân quê nghèo kẻ bịnh kẻ thiếu ăn
Tham nhũng tràn lan kiếp sống nhọc nhằn
Cuộc sống ấy thiên đàng hay địa ngục

Trí tuệ đỉnh cao người dân tủi nhục
Đất nước hòa bình dân tộc điêu linh
Cắt đất địa đầu dâng hiến cầu vinh
Rạch thềm lãnh hải bảo tồn chế độ

Dối trá mỵ dân kiếm tiền đủ chỗ
Gạt gẫm dân lành xuất cảnh nông nô
Gả bán đàn bà trục lợi tiền đô
Đưa con du học chuyển tiền chuyển bạc

Ai về quê xin viếng thăm làng mạc
Mới thấy bà con mắt lệ tuôn trào
Cuộc sống nhọc nhằn khổ cực xiết bao
Nói chi đến tự do và dân chủ

Xuân Quý Tỵ

Cơm gạo dân ăn hằng ngày chưa đủ
Lãnh đạo cấp trên cá độ thả giàn
Ăn thua mỗi lần vài triệu chơi sang
Đô la Mỹ chứ phải đâu cỏ rác

Lấy từ máu dân xương da thịt xác
Để tìm vui trong canh bạc đỏ đen
Nước Việt ơi thương thân phận dân hèn
Dân tộc hỡi hãy vùng lên cứu quốc

Đất nước lâm nguy chẳng màng còn mất
Quần đảo Trường Sa dâng hiến cho người
Khúc ruột Hoàng Sa dở khóc dở cười
Như con xa Mẹ tách rời nước Việt

Anh dũng hy sinh nhân tài tuấn kiệt
Đã bao lần chống lại giặc ngoại xâm
Hỡi toàn dân với ý chí quyết tâm
Cứu đất nước, chống quân thù xâm lược

Triều Phong Đặng Đức Bích

Đổi Đời Đợi Đợi

Phú Xuân

Ông là một người từng có máu mặt ở một tỉnh lẻ tại miền Trung. Trước ngày Cộng sản chiếm miền Nam, cũng như nhiều gia đình khác, ông dẫn được vợ con chạy về Sài gòn theo đợt di tản chiến thuật của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhờ quen biết, ông đưa vợ con đến bến Bạch Đằng theo tàu Hải quân rời khỏi Việt Nam, còn ông thì trở về nhà để đến ngân hàng lấy thêm tiền. Khi ông trở lại, chiếc tàu Hải quân đã rời khỏi bến. Thế là ông bị kẹt lại, và theo lời kể của gia đình, ông bị bắt đưa đi trại tù cải tạo đếm hết tám cuốn lịch.

Chiếc tàu Hải quân Việt Nam rời khỏi thương cảng Saigon, vợ con ngày đêm lo lắng cho ông, đêm đêm cầu Trời khấn Phật cho ông trốn thoát được. Sau những ngày đêm lênh đênh nơi biển cả, chiếc tàu Hải quân chở mấy ngàn người đã đến được Subic Bay, một căn cứ Hải quân Hoa kỳ ở Phi Luật Tân. Chương trình tỵ nạn Hoa kỳ đưa vợ con ông ta đến trại định cư tại Mỹ để nằm chờ người bảo trợ như những gia đình khác.

Gia đình có nhờ Hội Hồng Thập Tự quốc tế tìm kiếm ông nhưng không được tin tức gì về ông. Mặc dù chương trình định cư đã tìm được bảo trợ cho bà cùng 6 đứa con nhưng bà cứ trì hoãn mãi nằm trong trại tỵ nạn để chờ tin tức người chồng. Sau khi hay tin có chiếc tàu Việt Nam Thương Tín sẽ trở về Việt Nam, bà đã

quyết định ký giấy tờ giao văn phòng định cư tìm bảo trợ cho 6 người con, để bà theo đoàn người trên chiếc tàu Việt Nam Thương Tín, dù giới chức chương trình định cư đã tìm mọi cách kêu gọi bà nên ở lại với bầy con dại. Cuối cùng, những người ở cùng trại tỵ nạn khuyên bà là nên ở lại chờ thêm thời gian nữa, sau này bình yên bà có thể qua Pháp để về Việt Nam cũng được, và họ còn hứa sẽ góp tiền giúp bà mua vé máy bay. Nhờ đó mà bà đã đổi ý và ở lại với các con của bà.

Gia đình bà gồm có 7 người: bà và 6 người con. Giới chức chương trình tỵ nạn rất chu đáo nên họ đã tìm một nhà thờ để bảo trợ gia đình bà. Ngoài sự giúp đỡ của nhà thờ, gia đình bà còn nhận tiền trợ cấp của chương trình tỵ nạn.

Năm tháng nguôi ngoai dần, đời sống của bà yên ổn về mặt tài chánh, con cái ăn học thành tài, mấy đứa lớn cũng đã lập gia đình. Trong khi đó bà cũng liên lạc được với chồng bà qua những bạn bè bên Pháp (hồi đó chưa có thư từ qua lại giữa Mỹ và Việt Nam). Hai ông bà cũng làm thơ để bày tỏ nỗi nhớ nhung.

Phần ông, việc ông trở về nhà để đến ngân hàng lấy thêm tiền chỉ là cái cớ. Mục đích chính của ông là ở lại với bồ nhí. Hơn nữa, ông còn có một người em làm lớn trong hàng ngũ Việt cộng, chắc ông cũng nhờ đỡ được. Ông đã tính sai nước cờ! Sau ngày Cộng sản Bắc Việt chiếm Saigon, cô bồ nhí đã bỏ ông, còn người em thì đã không giúp được gì mà còn đến nhà ông dọn hết đồ đạc. Cùng đường nên ông đã trở về quê nơi tỉnh lẻ. Người mà ông liên lạc đầu tiên là bà giúp việc nhà cho gia đình ông trước năm 1975. Không biết bà ta giữ chức vụ gì trong tỉnh nhưng thấy bà có xe jeep và tài xế mỗi khi ông gặp bà. Bà cán bộ này cũng chả giúp được gì cho ông nên ông phải sống lang thang với bạn bè cho đến một hôm ông nhận được lệnh tập trung để đi học tập cải tạo.

Vào trại ông sống thiếu thốn cùng cực vì không có người thăm nuôi. Mãi cho đến một năm sau, qua sự quen biết bạn bè bên Pháp, gia đình mới liên lạc được ông. Vợ con ông đã dành dụm chút ít tiền gởi về cho người cháu họ thăm nuôi ông. Phần bà và các con cũng bắt đầu lập thủ tục để bảo lãnh ông theo diện đoàn tụ gia đình.

Ngày tháng dần dần rồi cũng đến. Sau khi vợ con nhận được giấy báo ngày ông đến Hoa kỳ, gia đình chuẩn bị cho một ngày vui. Phần bà thì lo sửa soạn dọn dẹp nhà cửa, các con thì lo xin nghỉ phép ở sở làm và mua vé máy bay về vì ở tiểu bang xa. Tại

sân bay, hôm nay ông thấy cái gì cũng đẹp, cũng vui. Con cháu ăn mặc chỉnh tề để đón cha, đón nội, đón ngoại v.v

Về đến nhà bữa tiệc vui cũng đã dọn sẵn vì có bạn bè của bà lo phụ giúp. Nét mặt của ông rạng rỡ từ khi rời phi trường về đến nhà. Nào cảnh vật nhộn nhịp tại phi trường, xa lộ thẳng boong, nhà cửa đèn đuốc sáng choang, con cháu ăn mặc chỉnh tề v.v... Trong lúc trò chuyện với một người bạn cũ, ông đã mừng ông bạn cũ và nói rằng "Tôi rất mừng và hãnh diện cho anh là anh đã có quốc tịch Mỹ" Người bạn vì ở Mỹ đã lâu và đi cày vất vả nên rất thông cảm với ông chỉ thấy nước Mỹ như người cưỡi ngựa xem hoa nên người ấy đã trả lời rằng "Thấy vậy mà không phải vậy đâu".

Trong tuần lễ đầu, các con thay phiên nhau dành phục vụ cho cha để bù đắp những năm tháng xa cách. Con trai thì dành cho cha những chai rượu đắt tiền như là Cognac XO, rượu vang thì mua loại "xịn" của Pháp v. v Con gái thì dành nấu các món ăn đặc biệt, nào là hôm nay tui phải nấu món này hoặc món nọ vì lúc trước ba rất thích. Hàng ngày ông vui chơi với các cháu nội ngoại của ông.

Thế rồi, sau một tuần lễ nghỉ phép, các con ông phải trở về nhà để lo đi cày kiếm gạo. Lúc đó trong nhà rất vắng vẻ chỉ còn lại ông cùng bà và đứa con gái út 15 tuổi đang đi học.

Tiểu bang này mưa nhiều, lạnh lẽo, nhà ai nấy ở, vắng người đi bộ ở ngoài đường. Ông thấy ở Mỹ sao buồn quá nên sau khi vợ ông qua đời, ông quyết định dời đến tiểu bang ấm áp sống gần gũi với các con ông.

Con trai ông đã mua vé máy bay mời ông đến ở với nó. Cậu con trai này rất có hiếu nhưng với cái cảnh sống như thế này ông cũng không chịu nổi. Sở làm của hai vợ chồng cách nhà chúng khoảng 30 miles nhưng vì thường kẹt xe nên phải đi sớm về trễ. Mỗi bữa thức dậy 5 giờ sáng, đánh thức đứa con hai tuổi để chuẩn bị đem đến nhà giữ trẻ trên đường đến sở. Chồng tay mang tay xách các món ăn và sữa cho con, còn cô vợ thì lo bồng con ra xe. Chiều về vợ chồng không quên ghé tiệm McDonald's mua một cái hamburger cho đứa con trước khi đón nó về. Trong khi đứa con ngồi ăn hamburger, cô vợ lo nấu nướng bữa ăn tối và sau khi ăn xong rửa chén bát nhìn đồng hồ đã 11 giờ khuya. Thấy cảnh này, ông đề nghị là ông ăn uống sao cũng được các con không nên bận tâm mất thì giờ. Rồi ông muốn thay đổi bằng cách đến ở với một cô con gái. Đến nhà đứa con gái mọi công việc hàng ngày của nhà nó cũng giống như nhà đứa con trai. Thế là ông quyết định dời ra

một apartment để sống tự do như những bạn bè độc thân của ông – những người qua Mỹ một mình, vợ con còn kẹt lại bên VN.

Ở Mỹ buồn nên ông đã quyết định về thăm quê hương một chuyến. Ở Việt nam, nếu mình nghèo thì thấy cũng còn nhiều người nghèo hơn mình nên ông thấy thoải mái hơn. Tha hồ nói tiếng Việt, ăn cơm Việt, ông thấy vui quá. Đi một chuyến rồi lại đi thêm một chuyến nữa. Ông về Việt Nam dài dài!

Một hôm, ông điện thoại báo tin cho một ông bạn thân là ông trúng số độc đắc. Người bạn rất ngạc nhiên, rồi ông chậm rãi giải thích là ông trúng số độc đắc trong chuyến về Việt Nam kỳ vừa rồi. Theo ông kể đầu đuôi thì trong mấy lần về ông ở trọ nhà thằng cháu họ. "Không biết thằng cháu móc nối như thế nào mà kỳ này nó giới thiệu cho tôi một bà láng giềng của nó độ 50 tuổi trông dáng dấp còn "sạch nước cản", hấp dẫn lắm. Anh nghĩ coi "đúng là buồn ngủ gặp chiếu manh" nên tôi vớ liền. Rồi tôi cùng bà hứa hẹn làm lại cuộc đời và đã cùng nhau tổ chức một bữa tiệc nho nhỏ trong gia đình. Sau tiệc cưới, chúng tôi đến trú tạm hotel trước khi tôi trở về Mỹ và không quên đến nhà chức trách để làm hôn thú.

Ông nói "Kể ra cái nước Mỹ nó tự do và dễ dàng thật. Sau khi về đến Mỹ, việc đầu tiên là tôi nhờ văn phòng dịch vụ làm giấy tờ đoàn tụ cho vợ tôi. Tôi tính thời gian từ ngày nộp đơn tới sở di trú Hoa Kỳ cho đến ngày chấp thuận không quá 6 tháng. Thế mà tôi thấy sao lâu quá".

Sau khi nhận được thông báo của Sở Di Trú Hoa Kỳ báo tin ngày vợ mới cưới của ông đến Mỹ, ông đã chuẩn bị chu đáo lo việc đón bà từ phi trường.

Sau hơn một tháng sống chung, sáng nay, sau khi đi uống cà phê về như thường lệ, ông không thấy vợ ông. Vào nhà tắm, ông thấy một mảnh giấy với lời lẽ như sau:

"Anh...,

Cám ơn anh đã đem em đến Hoa Kỳ nhưng vì trường hợp đặc biệt nên em xin xa anh. Nếu anh có khai báo gì với nhà chức trách về sự ra đi của em thì cũng chẳng sao vì em đã có người bồ của em lo mọi việc".

Thế là ông chịu ngậm bồ hòn và để giải sầu, thỉnh thoảng ông ngâm nga một mình mấy câu "Đường em, em cứ đi... Tình nghĩa đôi ta có thế thôi!...".

Phú Xuân

Đôi mắt buồn

Hùng Denver

Buổi chiều cuối tuần trên đồi cỏ hoang vùng ngoại ô thành phố thật yên vắng. Một người đàn ông đang lom khom xếp cất lại giá vẽ, chuẩn bị đi về nhà sau nhiều giờ không vẽ được gì. Ông lắc đầu ném một cái nhìn lơ đãng buồn buồn xuống khu chung cư phía dưới chân đồi Đã đến lúc ông phải về lại căn phòng trống rỗng với nỗi cô đơn.

Ôi ! Cuộc sống. Có lẽ nào chỉ là một căn phòng trống rỗng, đợi chờ một kẻ lang thang trở về trú ẩn sau những ngày chẳng làm được nên tích sự gì. Từ ngày dọn đến ở trong ngôi chung cư này, ông là một đề tài cho thiên hạ bàn tán. Có người nói: "Ông ta mới đến Mỹ theo diện HO với một thân, một mình trơ trọi". Có người bảo: " Ông ta đến từ tiểu bang Cali để trốn đời đen bạc". Không. "Hình như ông là một Họa Sĩ muốn đến tiểu bang Colorado để chuẩn bị rình vẽ mùa thu lá vàng ..."

Những tia nắng vàng đỏ, tím nhạt chiếu xuống yếu ớt dưới bầu trời chiều sắp hoàng hôn. Tâm hồn ông man mác những cảm giác lưu luyến nhớ nhung về một khoảng đời nào đó mà ông đã trải qua. ..

Bỗng sau lưng ông có tiếng gọi:

-- Dạ kính chào ông Luân. Chiều nào ông cũng lên đây sao?

Người đàn ông quay đầu lại. Đôi mắt đang im sững chìm sâu trong chiều vắng, bỗng ngời lên rạng rỡ khi thấy bóng một thiếu phụ trẻ đẹp xuất hiện bất ngờ. Tiếng ông như lạc đi trong gió :

-- Xin lỗi, cô biết tôi? --Dạ tên cháu là Trâm, bạn của BảoTrân, cháu gái của ông.

-- Thì ra là vậy. Cô Trâm cũng ở gần đây ?

-- Dạ đúng, nhà cháu ở dưới chân đồi nầy, bên khu chung cư ông đang ở.

--- Cô vẫn thường lên đây chơi ?

--Dạ, cháu thường lên đây vào những ngày cuối tuần. Lúc anh ấy còn ở nhà, cháu và chàng thường lên đây đi dạo, vì cháu rất thích nghe gió reo trên những ngọn thông khi lang thang trên cỏ.

-- Hay lắm, ngộ lắm. Trên cỏ. Bãi cỏ hoang đúng là vương quốc dành cho những người đi tìm cõi bình yên .

-- Còn ông ?

-- Ngoài sự bình yên, tôi còn đi tìm cảm hứng để vẽ, để sáng tác.

-- Cháu biết ông là Họa Sĩ. Xin lỗi, sắp tới ông đang định vẽ gì ?

Nghe Trâm hỏi, người đàn ông cảm thấy vui vui, mắt ông sáng lên, nhìn thẳng vào mắt người thiếu phụ, nửa đùa nửa thật, nhẹ gật đầu :

-- Hôm nay tôi không tự đặt chủ đề cho mình trước khi cầm cọ, nhưng khi gặp cô Trâm mới đây, không biết sao tôi lại muốn vẽ : « Một đôi mắt buồn ».

-- Đề tài hấp dẫn quá. Người thiếu phụ mĩm cười, ánh mắt rất vui, cô lại muốn hỏi thêm ông một câu, cũng nửa đùa nửa thật : Cháu có thể làm người mẫu cho ông vẽ được không ? Vì đang rất buồn

Như gặp được một đối tượng đồng cảm muốn chia xẻ với mình, người đàn ông mừng điên lên, đến nỗi tiếng nói bị khàn đi vì xúc động.

-- Cô Trâm yên tâm, hình như trong đôi mắt cô, có một cái gì đó đã thu hút người cầm cọ rất dữ dội ngay từ phút đầu tiên mới gặp cô chiều nay.

Đúng vậy. Như một phép lạ, thật là bất ngờ, khi gặp người thiếu phụ trẻ nầy, người Họa sĩ như bị thôi miên bởi ánh mắt của cô ta, khiến ông nhớ đến một hình bóng, một dáng dấp nào đó

rất đẹp, rất đáng yêu mà cũng rất quen thân đã đưa ông trở về quá khứ.

-- Cảm ơn ông. Thật là một cuộc gặp gỡ kỳ diệu.

--- Cô nói đúng lắm. Thật là kỳ diệu. Tôi xin mời cô. Nếu vậy chúng ta phải làm việc ngay bây giờ, trước khi hoàng hôn tắt nắng. Thật tình tôi không biết nói gì để cảm ơn cô.

Đồi cao chênh vênh. Bạt ngàn cỏ. Gió thổi nhẹ vào mắt, vào má, vào tóc, vào da thịt người thiếu phụ mát dịu. Tâm hồn cô bỗng xôn xao một cảm giác rất lạ mà êm đềm. Không hiểu tại sao hôm nay cô lại tự nguyện nhận lời làm mẫu dễ dàng đến như thế, đối với một Họa sĩ mới quen, mặc dù cô vẫn xem ông ta như bậc cha chú.. ? Bởi vì em cô đơn, vì chàng đã ra đi bỏ lại em một mình, hay chẳng có ai chịu hiểu em cả.. ?

-- Ông đặt giá vẽ ở đâu ?

-- Cô Trâm chọn chỗ ngồi đi. Ngồi đâu cũng được. Ở đây có nhiều hoa dã quỳ và gió làm nền cho bức tranh tuyệt lắm. Cô cứ tự nhiên, có thể cử động như thường, tôi chỉ cần nhìn sơ và cảm nhận được dáng dấp, khuôn mặt và nhất là trong đôi mắt cô đang nói gì, thế thôi.

Chiều xuống chầm chậm, thả dài những vệt nắng tím vàng lung linh trên đồi cỏ, lưa thưa những chòm dã quỳ vừa nở hoa rất đẹp. Trên ngọn đồi chiều nay, chỉ có Trâm và người Họa Sĩ tên Luân. Khuôn mặt đầy vẻ ưu tư, nhưng rất hiền hòa điềm đạm của ông, khiến Trâm có cảm giác như mình đang ngồi giữa một vùng thảo nguyên xanh mát thật an lành.

Chợt người thiếu phụ đưa mắt nhìn về phía dưới chân đồi, là ngôi nhà của cô, núp sau những hàng thông đang rì rào những âm thanh thật buồn. Một ngôi nhà nhỏ xinh xắn với một khu vườn rất dễ thương. Bên cạnh hàng lang cang phía sau nhà, có trồng một cây phong lan, nhưng cây lá bỗng héo tàn từ lúc chàng bỏ ra đi. Bây giờ chỉ còn bà vú già và một con chó Nhật đang trông đợi nàng về. Chiều nay Trâm cố lánh mặt không ở nhà để chàng tự nhiên đến dọn đi số đồ còn lại sau khi ký đơn ly dị. Nhưng trong thâm tâm của cô cứ muốn gặp, muốn giữ chàng ở lại. Nàng tự hỏi, mình còn yêu chàng nhiều đến thế sao ?

Người ta thường nói, thời gian như một dòng nước trôi đi không bao giờ quay trở lại. Và đôi khi trong một khoảnh khắc của những ngày tháng trôi qua đó, ta đã vô tình để vuột khỏi tay mình những điều rất quý giá mà không hề hay biết.

Lòng cô rối bời, bởi những tâm sự ngổn ngang trái ngược, không biết giải bày với ai. Tất cả những tình cảm yêu thương, giận

hờn, oán trách, khổ đau, muộn màng, vô tình dồn lên đôi mắt như những lời trần tình vô ngôn mà tha thiết biết dường nào !

Tại sao mình không quay về ngay bây giờ để còn kịp gặp lại chàng. Nhưng, liệu chàng có còn yêu nàng như trước, sau những lần cải vã chia xa ?

Người Họa Sĩ đã bắt đầu những nét cọ ngoằn ngoèo trên khung vải, trong khi Trâm cố tình đóng vai một người mẫu đang bình thản ngồi thoải mái trên đám cỏ hoang, thỉnh thoảng ngắt từng nhánh dã quỳ và những cành hoa dại khác sắp chung quanh mình.

Đột nhiên, người Họa sĩ bỏ giá vẽ, đứng lên lắc đầu như một người bất lực không vẽ được nữa.

Trâm ngạc nhiên tròn xoe đôi mắt hỏi người Họa sĩ.

-- Ông Luân vẽ phát họa xong chưa ?

-- Tôi không thể tiếp tục vẽ được nữa. Có cái gì cứ chặn lấy ngực tôi, khiến tôi như bị lừa dối chính mình nếu tôi tiếp tục vẽ.

-- Vẽ một đôi mắt mà khó đến thế sao ?

-- Không hẳn như vậy. Cô không nghe người ta nói sao : « Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Đôi khi ánh mắt tạo nên một sức mạnh phi thường tiềm ẩn trên khuôn mặt, vốn là chân dung của nó. »

Có lẽ trong tâm hồn cô đang bị rối loạn, dù bên ngoài cô cố tỏ ra bình tĩnh thản nhiên. Trâm thú nhận :

-- Đúng như vậy ông Luân ạ. Cháu muốn về ngay bây giờ. Chiều mai sẽ đến, ông vẽ tiếp được không ?

-- Tất nhiên. Chiều mai tôi sẽ chờ cô trên đồi nầy. Cô nhớ làm ơn đến sớm hơn, để tôi có thời giờ phát thảo chân dung và lên màu.

Người Họa Sĩ nhìn Trâm ngại ngùng hỏi tiếp :

--Tôi có thể đưa cô Trâm về được không ?

-- Không cần đâu ông Luân.

-- Xin lỗi, cô Trâm đang ở với ai bây giờ ?

--Với bà vú già và một con chó Nhật.

Nói xong, Trâm vụt chạy nhanh xuống đồi.

Người đàn ông đứng yên bất động. Một cơn gió hất tung những lọn tóc bồng bềnh xuống trán ông. Chiều xuống càng nhanh. Bóng người Họa Sĩ in trên nền trời sẫm. Đôi mắt thật buồn dõi theo hình bóng người thiếu phụ ẩn vào những hàng thông màu xanh đậm dưới chân đồi. Ông khẻ thở dài một mình : Có phải những cuộc gặp gỡ bất ngờ thường cho người ta cảm giác chờ đợi, hy vọng sẽ có cái gì mới lạ ..? Và ông, cũng đang bắt đầu nghĩ ngợi đến một cảm giác rất kỳ lạ khi ông gặp được người

thiếu phụ trẻ ấy chiều nay. Một thiếu phụ trẻ đẹp, một người đàn bà, một cô gái, đối với ông, đúng hơn là một cô bé, một dáng dấp dường như rất quen thân, dễ thương trìu mến, khiến ông phải giật mình. Vì cô ấy rất giống vợ ông, nhất là khuôn mặt và đôi mắt y như khuôn đúc. Nhưng Không thể nào. . ?

Nhìn về phía xa, người Họa sĩ mơ hồ xa vắng. Mới ngày nào đây, đã hơn 30 năm trôi qua, từ ngày gặp lại vợ ông lần cuối ở trại tù Yên Bái. Còn lại một mình trên đồi cỏ hoang, ông đã rơi vào vùng ký ức xa xôi. Đó là một đêm mưa rừng rơi rả rích, gió lạnh mang theo những hạt mưa bay tạc vào căn chòi tranh ngay cổng trại. Ông hạnh phúc và ấm áp biết dường nào, được ôm ấp người vợ yêu quý của mình suốt đêm bên cạnh bếp lửa hồng, nhờ 2 lọ thuốc trụ sinh mua chuộc người quản giáo. Sau bao ngày mòn mõi đợi trông được vợ đến thăm, như liều thuốc hồ dương làm tươi lại một sinh mạng đang chết dần mòn trong nỗi cô đơn tuyệt vọng. Trong vòng tay lúc nào cũng muốn siết chặc vì sợ nàng biến mất, mỗi khi ánh lửa bùng lên soi rõ một đôi mắt đang nhìn ông như hai viên ngọc quý ẩn núp trong nhau long lanh âu yếm sau bao ngày xa cách. Nhưng, đôi mắt ấy đã để lại trong lòng ông bao niềm ưu tư thao thức và nỗi ám ảnh là sẽ mất nàng mãi mãi cùng với đứa con gái đầu lòng yêu quý nhất của ông. Một ánh mắt buồn sâu thẳm xót xa, hiện trên một khuôn mặt đầy nỗi băn khoăn ray rứt, vừa u hoài vừa bồng bột, với những lời giã biệt não lòng đã làm trái tim ông run rẩy : « Hãy cho phép em đưa đứa con gái của chúng mình đi vượt biên cùng với Ba Má nghe anh ? Em chỉ vì tương lai của con mình thôi anh ạ » Nàng vẫn biết buổi chiều ngày 30 tháng 4 hôm ấy, nếu nàng và con không bị thất lạc, ông đã lên máy bay ra chiến hạm cùng với đoàn người làm việc ở Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ Sài Gòn. Nhưng ông đã quyết định ở lại chỉ vì không nỡ rời xa nàng và đứa con gái yêu của ông vừa mới lên mười tuổi.

Sáng ngày hôm sau, nàng bươn bã trở về thành phố, ông có cảm giác, phải chăng đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng ? Và đã quả thực như vậy, từ đó trở đi, ông không có một tin tức gì về nàng nữa. Năm 1982, ông được thả về, cũng chẳng biết mẹ con nàng đang ở đâu, phương trời nào ? Mãi đến hai năm sau, người anh họ của nàng từ nước ngoài về báo tin, là thuyền của mẹ con nàng, cùng với Ba Mẹ vợ đã mất tích trên biển khơi, khi tìm đường đến đảo Hong Kong. Nhận được tin, ông trở thành một kẻ tuyệt vọng, không còn mấy tha thiết với cuôc sống hiện tại. Và cũng từ đó, biết bao nhiêu cảnh đời nghiêng ngã đã trôi qua, với bao nỗi nhọc nhằn của cuộc đổi đời bội bạc, ông sống như một kẻ

cam chịu, an phận, một thân một mình cho hết quảng đời còn lại. Thời gian lặng lẽ trôi qua, cũng có vài người đàn bà đến với ông, nhưng ông không có thì giờ nghĩ tới họ. Đầu óc ông không thể rứt ra được hình bóng của vợ và đứa con gái yêu quý của ông. Vợ ông, một người đàn bà, một người bạn đời, một thiếu nữ, một người tình đã cùng ông gắn bó chia xẻ, trải qua biết bao những kỷ niệm cay đắng lẫn ngọt ngào, suốt một khoảng đời dài từ lúc ông còn là một thiếu niên đơn độc tự lập theo đoàn người di tản từ Bắc vào Nam.

Ông Luân tốt nghiệp Cao Đăng Mỹ Thuật, là một Họa Sĩ, một thời nổi tiếng của miền Nam Việt Nam, với những họa phẩm rất độc đáo để đời còn lưu lại ở thủ đô Sài Gòn. Sau ngày đổ vỡ năm 75, nói đúng hơn, từ khi vợ con ông bỏ ra đi, ông đã xa rời nghệ thuật và bị người đời lãng quên. Ông không còn vẽ được một bức tranh nào cho ra hồn theo đúng nghĩa của hai chữ nghệ thuật mà ông từng theo đuổi.

Năm 1994, ông được sang Hoa Kỳ định cư tại quận Cam California theo chương trình HO. Đã quen với lối sống độc thân một mình, ông quyết chí trở lại với nghệ thuật để tìm vui cho hết quảng đời còn lại, nhưng ông vẫn không thể. Ý tưởng và cảm xúc của ông bị khô cứng bởi lối sống xô bồ nhạt nhẽo, thiếu tình yêu chân thực trên xứ người. Nhưng đời sống ở đây lại quá bon chen về vật chất, lúc nào cũng thiếu thốn, nợ nần, đã khiến ông không phải từ chối bất cứ một việc gì, cây cọ của ông có thể làm được để kiếm sống. Ông kẻ bảng, vẽ quảng cáo, vẽ tranh sơn thủy, vẽ pano, khẩu hiệu, trang trí đám cưới, tiệm nail như một người thợ vẽ xoàng xĩnh, chỉ mục đích cho thương mại, mặc dù đã có một thời ông rất đổi khinh thường cái việc làm nghệ thuật rẻ mạc ấy. Vì ông là một cây cọ tài hoa, luôn đứng vào hàng đầu của những Họa Sĩ bậc thầy trong ngành mỹ thuật Việt Nam.

Khoảng vài năm trở lại đây, ông không còn phải làm việc vất vã vì đã tới tuổi về hưu. Nên ông cố gắng tìm đủ mọi cách để trở về với nghệ thuật, nhưng ông chưa hề có được những cảm hứng thưc sự hết mình để vẽ, để sáng tạo. Mùa thu năm nay, ông quyết định đi Colorado để rình vẽ mùa thu lá vàng, nhân tiện qua thăm chơi với một người bạn thân đang sống ở đó.

* *

Khoảng mười một giờ trưa, Luân đã có mặt trên đồi chờ người thiếu phụ tên Trâm. Giá vẽ đã dựng sẵn sàng với những tubes màu đắt giá nhất, mà ông đã để dành cho những lần vẽ đầy hứng thú như hôm nay. Nhưng, đến mười hai giờ, một giờ, một rưỡi.., cũng chẳng thấy Trâm đâu. Người Họa Sĩ lầm thầm : không thể

được.., ta phải vẽ. Và, ông đã quyết định vẽ. Vẽ bằng ký ức

Ông bắt đầu vẽ. Không cần phát thảo bút chì. Ông hăm hở, hứng khởi cầm cọ bôi màu lên khung vải trắng. Ông vừa vẽ vừa hồi tưởng lại khuôn mặt của Trâm, đúng hơn là khuôn mặt của vợ ông, đang hiện ra mồn một trong tiềm thức. Một khuôn mặt chữ điền, cằm tròn, một chiếc mũi cao, thẳng, rất xinh trên làn da trắng hồng, mịn màng. Và, đôi mắt nữa. Ông vừa vẽ vừa thấy lòng mình rung lên khác lạ. Đầu óc sáng bừng lên, hưng phấn lạ thường, ông đã hiểu mình sẽ vẽ những gì và như thế nào rồi. Một đôi mắt rất đẹp, với nét buồn sâu thẳm xa xăm của người bạn nhỏ mới quen, hay là của người xưa. Một đôi mắt vừa u hoài, vừa bồng bột rộn ràng sức sống, bên trong là một dòng lũ nội tâm. Một chút ánh hồng trên vành môi, một thoáng nhẹ màu tím nhạt trên khóe mắt, một nét chấm phá nhỏ ngọt ngào, một đường viền tình cờ tỏa sáng, nâng cả khuôn mặt lên mọi nỗi gian truân của vợ ông ngày xưa và cái rạng rỡ của người thiếu phụ trẻ hôm nay. Người Hoạ Sĩ lại bồng bềnh trên dòng thác đam mê sáng tạo, dường như đâu đó những cảm xúc thật tuyệt diệu đã đưa lên khung vải những gam màu, những nét cọ của nghệ thuật đầy sinh động và ấn tượng. Ông không chỉ vẽ một bức chân dung, một đôi mắt, mà ông còn làm sống lại hình bóng của một người đàn bà, ông thương, ông nhớ, với những nét chấm phá ngoạn mục và những sắc màu rực rỡ, đằm thắm, huyền bí mà sang trọng vô cùng. Đã lâu lắm rồi ông mới có được những khoảnh khắc sáng tạo thăng hoa bay bỗng như thế này. Tất cả những suối nguồn cảm hứng trong ông, tưởng đã khô cằn, bỗng âm ỉ nóng rang, háo hức trở về cái thời hoàng kim sung mãn, của những năm tháng đẹp đẽ nhất đời ông.

Trong vòng năm tiếng đồng hồ ngắn ngủi, ông đã hoàn tất được bức chân dung đôi mắt buồn. Đôi mắt dường như biết nói, khe khẻ thì thầm chia xẻ với ông nhiều điều sâu kín nhất. Sau cùng, ông chọn màu xanh hư vô của đất trời, làm nền trưng bày những kỳ hoa dị thảo, cho cái hồn của bức tranh đầy đủ ý nghĩa và chất liệu xứng đáng được mang cái tên là nghệ thuật. Ông rất hài lòng đã vẽ được một bức tranh ưng ý. Chiều nay, trên đường về lại chung cư, ông chưa bao giờ thấy mình vui như thế. Rồi không biết ông đã nghĩ gì thêm, người ta thấy ông vừa đi vừa thì thầm : Nói cho cùng, nghệ thuật chỉ đạt được một nửa, nếu nó không được sưởi ấm bằng tình yêu của trái tim con người . Và ông đã quyết định tặng bức tranh nầy cho Trâm, một cô bé, một ân nhân, đã làm tươi lại trong ông niềm vui của đời sống, mà từ rất lâu ông đánh mất. Ăn cơm xong, ông lên giường ngủ sớm, chờ sáng ngày mai sẽ đem tặng cho cô ấy.

* *

Trâm về tới nhà, trời đã tối hẳn. Bên trong điện sáng trưng. Cô bấm chuông, một bà vú già người Mỹ ra mở cửa. Vừa gặp, bà đã thì thầm bên tai cô :" Jones đã đến dọn đồ đi. Anh ta có vẻ nấng ná đợi cô về. Nhưng một lác, không biết nghĩ sao anh lại lái xe đi, sau khi viết nhanh một thư ngắn để lại trên bàn ăn. Anh vừa ra khỏi đây khoảng 10 phút thì cô về." Nghe bà nói, Trâm chạy ào vào nhà, cầm mảnh giấy đọc, rồi ôm ngực lao nhanh vào phòng ngủ lên giường khóc ngất. Một tối thứ bảy cuối tuần, buồn chán trống rỗng cô đơn. Quên cả ăn uống, Trâm đã thiếp đi trong giấc ngủ vùi.

Sáng Chủ Nhật thức dậy, miệng đắng ngắt, uể oải, lừ đừ, đầu óc cứ mãi nghĩ đến Jones. Không biết làm sao bây giờ, có nên đi tìm gọi anh ấy không? Cô không thiết gì đến việc vui chơi với bạn bè, ngoài cái hẹn với Họa Sĩ Luân chiều nay, dù thế nào cô cũng phải đến để làm tiếp người mẫu cho ông. Đang suy nghĩ vẩn vơ, Trâm chợt nhớ tới con Cún, một con chó Nhật dễ thương của cô. Không biết nó đâu rồi, chắc nó giận lắm, vì chiều hôm qua đến giờ cô quên hẳn nó. Rửa mặt đánh răng qua loa, chưa kịp trang điểm, cô đã lục cùng khắp trong nhà và thấy nó đang nằm buồn bã dưới chân cầu thang. Mừng quá, Trâm gọi tên nó thật to, nó vẫn hờn dỗi bỏ chạy. Từ trên lầu vừa gọi tên Cún Cụn vừa hối hả chạy xuống cầu thang, vô ý gấp té nhào. Trâm hét lên đau đớn, Bà vú Rudy hoảng vía thấy vậy hớt hãi gọi xe cấp cứu.

Cũng may không đến nỗi nào. Trâm chỉ bị trẹo khớp xương đầu gối, băng bột vài tuần sẽ khỏi. Nhưng cô cần phải ở lại bệnh viện chờ đến ngày mai chụp quang tuyến X một lần nữa cho bảo đảm.

Sáng thứ hai, bà Rudy đến rất sớm mang quần áo và những đồ lỉnh kỉnh cần dùng cho Trâm trước khi cô xuất viện. Bà Rudy góa chồng từ năm 30 tuổi, bà giúp việc quản gia cho ông bà Bác Sĩ Jim Green, cha mẹ nuôi của Trâm. Bà là người săn sóc Trâm hằng ngày, kể cả việc đưa đón cô đi học. Không chồng không con, bà thương yêu Trâm như con ruột của mình và ngược lại Trâm cũng yêu thương bà như mẹ nuôi, gắn bó không rời.. Khi Trâm thành hôn với Jones, bà xin Ông bà Bác Sĩ đi về Colorado sống với vợ chồng Trâm. Vừa thấy bà Rudy, Trâm đã hỏi: "Tối qua có ai đến hỏi con không?

_ Không ai gọi mình cả. Tại sao cô hỏi như thế? Jones sẽ không bao giờ quay lại nếu cô không tìm gọi anh ấy.

_ Không, con không nói anh ta, con chỉ muốn nhắc đến người Họa Sĩ, con gặp trên đồi hôm chiều thứ Bảy. Một người Việt Nam, đã làm con suy nghĩ rất nhiều. Một người đàn ông lạ, đáng bậc cha chú, mới gặp lần đầu, nhưng con cứ muốn được gặp ông trở lại, như một người thân đã bao năm xa cách may mắn được trùng phùng.

_ Thì ra là vậy, có gì lạ nói cho ta nghe đi.

_ Ông là một Họa Sĩ, bạn của ba má Bảo Trân, bạn con. Gặp ông thật tình cờ, nhưng con đã nhận lời làm người mẫu cho ông vẽ. Vì con rất thích, rất hứng thú được tiếp chuyện với ông. Đối với con, dường như trong ông có một cái gì thật hấp dẫn, rất đáng yêu, đáng kính, rất đáng tin cậy, bởi gần ông con có cảm giác thật hạnh phúc và bình yên.

_ Biết đâu ông ta chẳng là người thân của con? Hãy tìm cách gặp ông trở lại đi con. Hai người vừa chuyện trò bàn tán xôn xao, bỗng có tiếng gõ cửa khe khẻ vang lên. Và thật là bất ngờ, cũng chính người đàn ông ấy mở cửa bước vào. Từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác. Vừa thấy ông, chính bà Rudy cũng mang một cảm giác là lạ vì dáng dấp ông hao hao giống Trâm. Riêng Trâm rất mừng, mừng như vừa gặp lại được một người rất thân yêu mà cô đã từng mơ ước được gặp.

_ Chào bà. Chào cô Trâm, cô đỡ chưa? Tại sao là như vậy? Ông vừa nói vừa đặt bó hoa dã quỳ ông ngắt từ trên đồi cỏ tặng cô. Trâm rưng rưng nước mắt nói :

_ Tại sao ông biết cháu đang ở đây ?

_ Chiều qua cô không đến, tôi vẫn vẽ được một bức tranh rất đẹp, rât ấn tượng. Bức chân dung của cô chính là họa phẩm đầu tiên rất thành công của tôi sau một khoảng dài rời xa nghệ thuật. Cảm ơn cô đã cho tôi tìm lại được niềm vui của cuộc sống, mà tôi đã từng theo đuổi và ước mơ, đó là được sống với nghệ thuật. Tôi đã quyết định tặng bức tranh ấy cho cô. Sáng nay tìm đến nhà cô để nói cho cô biết. Nhưng khi đến đó, mấy người hàng xóm cho tôi hay là cô bị tai nạn té cầu thang, phải đi bệnh viện, nên tôi đã tức tốc chạy ngay đến đây.

_ Cảm ơn ông, thế ông đã đặt bức tranh ấy tên là gì ?

_ Đôi mắt người xưa.

_ Ông nói sao ? Tại sao là Đôi Mắt Người Xưa, khi ông chỉ nhờ cháu làm mẫu. Người Họa Sĩ mỉm cười rất hiền lành :

_ Vì đôi mắt cô rất giống người ấy. Vừa nói ông vừa thở ra môt hơi thật dài rồi hỏi tiếp :

_ Mà cô Trâm này, cô còn cha mẹ không ? Họ đang ở đâu ?

Ở Việt Nam hay đang ở Mỹ ? Nghe ông Luân hỏi tới đó, cô bỗng thấy nghẹn ngào và nói không nên lời :

_ Cha mẹ ruột cháu đã chết hết rồi, chỉ còn lại cha mẹ nuôi đang ở tiểu bang Florida. Câu chuyện của con dài lắm ông Luân ạ. Trâm đã đổi cách xưng hô từ chữ cháu sang chữ con theo dòng cảm xúc tự nhiên lúc nào không hay biết, khiến ông Luân cảm động vô cùng.

_ Cô từ từ kể lại cho tôi nghe được không cô Trâm. Thật là một trường hợp não lòng của thời buổi chiến tranh loạn lạc.

_ Khoảng năm 78, 79 gì đó, Mẹ đã dẫn con đi vượt biên cùng với gia đình ông bà Ngoại. Còn Bố thì nghe đâu đã chết trong tù của những người thuộc phe phía bên kia. Mới nghe tới đây, nét mặt ông Luân đã biến sắc, nhưng vẫn giữ bình tĩnh chờ nghe cô nói tiếp. Và chuyến vượt biên đó đã không may mắn thành công như ước vọng của mọi người. Trên chiếc thuyền gần 50 người đã bị lạc vào vùng đảo san hô, máy đuôi tôm bị vỡ nát, phải trôi nổi lênh đênh trên biển khơi không biết là bao nhiêu ngày. Mãi cho đến lúc được chiếc tàu Mỹ cứu vớt, thì mọi người trên thuyền đều chết hết, ngoại trừ có một cô bé còn sống sót, có lẽ nhờ một bình nước nhỏ mà người Mẹ cố dấu kín trong lớp áo khoát để dành cho cô. Cô bé may mắn ấy không ai khác hơn chính là con bây giờ ông Luân ạ.

Nghe Trâm kể, người Họa Sĩ già bỗng thấy toàn thân rúng động, mặt ông tái mét, tim muốn ngừng đập, đôi mắt mở to nhìn cô thảng thốt :

_Mẹ con tên gì hả Trâm ? Nghe ông hỏi, Trâm chậm rãi tìm trong chiếc ví lấy ra một tấm hình mà Mẹ con cô đã chụp khi cô vừa mới lên bảy tuổi trao cho ông.. . Nhìn tấm hình, Luân hét lên trong nỗi xúc động tột cùng:

_ Trời ơi. Chính là Hồng Yến, vợ và đứa con gái của tôi. Người Họa Sĩ già vừa sung sướng vừa nghẹn ngào:

_ Đúng là một cuộc gặp gỡ định mênh. Trời đã giúp ta rồi con ạ. Ông Luân đôi mắt đầy lệ ôm chầm đứa con gái vào lòng. Và như một giấc mơ giữa ban ngày, Trâm gục đầu ôm cứng ngực ông như một đứa trẻ thơ, vừa khóc nức nở vừa kêu Bố ơi, Bố ơi...

Buổi sáng sớm trong bệnh viện thật tĩnh lặng. Nhìn hai Bố con ông Luân đoàn tụ, bà Rudy mỉm cười mãn nguyện và nói : Tình cha con của họ quả thật là thiêng liêng./.

Những ngày sắp Tết năm Nhâm Thìn 2012
Hùng Denver.

Chuyện một người đàn bà

Người đàn bà giật mình thảng thốt
Tiếng súng nổ xa xa
Gần đến ngày trở dạ
Chồng vẫn ngoài chân mây

Người đàn bà gục đầu ngồi khóc
Nước mắt ướt tóc con mình
Chồng tù tội, đất nước điêu linh
Trước mắt, sau lưng đều vực thẳm

Người đàn bà gạt tay lau nước mắt
Áo đẫm mồ hôi việc rẫy nương
Đời điêu đứng áo cơm
Không còn thời gian để khóc

Chồng vượt biển
Người đàn bà khô nước mắt
Mẹ già, con dại
Khắc khoải chờ mong

Hai mươi năm bặt tăm
Chồng có người đàn bà khác
Người đàn bà không còn biết khóc
Nước mắt tủi hờn chảy ngược vào trong

Ôi người đàn bà tội nghiệp
Thương người Mẹ của tôi
Suốt đời
Thủy chung son sắt

Mẹ ơi! Xin một lần cuối khóc
Để vui cùng cháu con
Xin làm giọt nước mắt
Lăn trên má Mẹ tôi!

DUY LỄ
(Mother"s Day 2011)

Em nằm xuống ngày tròn một năm

MINH TRAI

Huy ơi Huy! Một năm rồi đó!
Cõi vô hình rằng có rằng không
Ngửa nhìn trời đất mênh mông
Cái ta bé nhỏ vô cùng ta ơi!
Biết trần thế chỗ chơi tạm bợ,
Lo ích gì, mà sợ vô duyên
Trăm năm thôi cũng hão huyền
Hơi đâu bám lấy chút quyền phù du?
Dù chim chóc hay dù cây cỏ,
Dù vắn dài dù nhỏ dù to
Bụi tro rồi cũng bụi tro
Chẳng qua bày đặt cái trò ảo sinh
(Cứ làm hết sức mình là đủ,
Cứ như ta làm chủ đời ta)
Thớ em anh những xót xa
Tiếc thương ngẫm lại, có là gì đâu
Kẻ ở lại gan rầu ruột thắt
Em ra đi đuổi bắt vô cùng
Hôm nay trước cảnh não nùng
Tìm sao cho được bóng hình năm xưa
Em lúc sống đã thừa sốc nổi
Quá yêu đời nên vội phủi tay
Đời anh, tuy đã tuổi này
Tưởng đâu mình tỉnh, hóa say như thường
Em ít tuổi nhưng "tường" tất cả
Hay chính là vội vã tin yêu
Tung hê mọi sự như liều
Tiếc em, anh thấy bao nhiêu nỗi niềm
Mắt tưởng mở, mà thiêm thiếp ngủ
Miệng tưởng cười, ủ rũ xa xăm
Thì ra cùng với tháng năm
Nỗi thương còn đó, đứng nằm khó phai
Em giờ đã ra ngoài hệ lụy
Có thương Cha thương Mẹ thương anh
Có thương tất cả chúng sanh
Thư thương chính cái thân mình không Huy
Thìn mấy cháu, nói gì với cháu
Em ơi em! Giọt máu giọt tình
Khôn thiêng ở chốn u linh
Chim bằng vỗ cánh, một mình rong chơi.

Xuân Quý Tỵ

Ông khách đặt hoa từ Denver

Linh Vang

Đó là một ngày gần Giáng Sinh. Người đi dạo nhiều hơn người mua sắm, mặc dù cửa hàng nào cũng được trưng bày sáng sủa, hấp dẫn để lôi cuốn khách hàng. Cây thông, đèn, hoa, thiên thần, ngôi sao. Nhạc Giáng Sinh nhè nhẹ, thánh thót. Có nơi có một ông già Noel vẫn áo đỏ, với chòm râu dài trắng toát và cái bụng phệ. Ngân nhớ một Giáng Sinh, đứa con gái út của nàng năm đó mới sáu tuổi, đang học lớp một, hỏi trong một đêm, ông già Santa đi viếng hết mọi nhà có con nít hả mẹ? Nàng phì cười, đúng vậy, ông đi bằng xe trượt tuyết. Trong vòng hai năm nay, Nina nhổ giò, cao, như đang đuổi theo mẹ.

Ngân đứng trước một kệ mỹ phẩm của một

cửa hiệu cũng khá nổi tiếng. Nàng đang dự định mua cho cô bạn thân một món quà mà còn lưỡng lự chưa biết mua thứ nào. Bây giờ, ra salon để được sơn móng tay móng chân coi là xa xỉ phẩm. Thời buổi khó khăn, người ta lo cơm gạo trước, bỏ xa xỉ phẩm, nhưng vẫn muốn làm đẹp. Vậy thì món quà nào rẻ và có ý nghĩa nhất để các bà, các cô mua tặng nhau? Nàng chợt nhận ra đó là một lọ thuốc làm đẹp những ngón tay, ngón chân. Lại vừa túi tiền của nàng, nàng bèn mua cho bạn, rồi cho nàng một lọ nữa.

Tiệm hoa của nàng cũng ế ẩm theo tình trạng kinh tế chung. Tháng trước buộc lòng Ngân phải cho dì Hường nghỉ việc, chỉ giữ lại cô bé Thảo, khi nào nàng cần thì nàng gọi. Giá Hiển, chồng nàng không thất nghiệp hai năm qua, thì chắc là Ngân không phải bận tâm lắm. Lúc cho dì nghỉ việc, Ngân cũng ái ngại vì dì đã làm cho Ngân từ hồi Ngân mới sang lại tiệm hoa; nhưng dì nói dì ở với đứa con trai của dì, dì không phải tốn kém, mà dì cũng không có nhu cầu nhiều nên đừng lo cho dì.

Thuở nhỏ, Ngân gần gũi với một ông bác – bác Ba. Vợ chồng bác Ba không có con nên bác Ba yêu quý nàng lắm. Ông có thú chơi bông hoa cây kiểng. Nàng được ông chỉ bảo, giải thích về những loại hoa. Nàng không ngờ cái vốn hiểu biết đó đã giúp nàng khi qua đây. Nàng được nhận vào phụ việc trong một tiệm bán hoa. Rồi khi bà chủ lớn tuổi muốn về hưu, đã sang lại cái tiệm này cho nàng với giá thật rẻ. Phải nói là cũng nhờ Ngân có khiếu thẩm mỹ và lúc nào trên môi nàng cũng nở một nụ cười vui vẻ, thân thiện, chiều khách nên cái tiệm có rất nhiều khách. Có những bà cụ mỗi ngày ra tiệm hoa của Ngân chỉ mong được trò chuyện với nàng vì họ ở nhà buồn quá, ngoài việc chơi với chó và mèo! Có cụ cuối hè lại đem cho nàng hoa quả trong vườn mà cụ tự tay trồng. Có cụ lễ lộc lại biếu nàng quà cáp.

*

Đây là lần thứ nhì ông gọi. Vừa nghe phôn, Ngân nhận ra ngay người khách đặc biệt này vì mấy ngày trước đó chính nàng đã nghe ông đặt hàng. Giọng ấm, cao, phát âm rõ ràng, xem chừng của một người chưa già lắm. Ông lại gọi đặt 24 nụ hoa hồng, màu đỏ thẫm, có cuống dài. Trên cái thiệp nhỏ, ông nhờ nàng viết mấy chữ "Hãy tha thứ cho anh!". Lần đầu là "Cho anh giải thích".

Ông từ Denver xa xôi, gửi tặng hoa cho một phụ nữ ở thành phố Seattle này. Không phải một tá mà là hai tá chứng tỏ ông

không ngại chi tiền cho người ấy. Hẳn là họ đã yêu nhau và ông đã làm điều gì để người con gái buồn giận?

Cả bao năm ở với nhau, Hiển chưa bao giờ mua hoa tặng vợ, chứ đừng nói cứ vài ngày hay một tuần, lại tặng hoa như cái ông khách này. Tự nhiên Ngân lại có ý nghĩ so sánh như vậy, dù hiện giờ họ làm chủ một tiệm bán hoa thì nàng cần Hiển tặng hoa chi nữa.

Cô bé Thảo đem đi giao. Người nhận hoa tên là Mai, theo lời Thảo, cô ta còn trẻ và trông rất xinh đẹp. Nhưng có lẽ họ vẫn chưa nói chuyện với nhau vì lần thứ ba, ông đã nhờ viết "Cho anh được nói chuyện với em.".

Nhiều lần cô bé Thảo bắt phôn, và mỗi lần nghe giọng ông thì cô bé lại lấy tay che ống nghe, nháy mắt với Ngân rồi nói nhỏ cho nàng nghe:

"Cái ông Denver, cô ơi!"

Cô bé nói tắt nên bỏ chữ "từ". Từ Denver!

Cúp phôn rồi, cô bé nói với nàng:

"Cô viết giùm con cái thiệp, (vì) chữ của cô đẹp. Để con viết thì không trịnh trọng lắm, không đúng với ý của ổng, lại làm bể chuyện. Cô à, cô có nghĩ là họ sẽ trở lại với nhau không cô?"

Nàng lắc đầu:

"Mình làm sao biết được!"

Từ cái thẻ tín dụng mà Ngân lấy tiền hoa thì tên ông là Hoành.

Ông vẫn cứ đặt hoa hồng, chứ không là loại hoa nào khác, dù rằng có vài lần nàng đề nghị hoa lan, hoa uất kim hương. Đó là tháng tư, mùa uất kim hương nở đầy cả những cánh đồng. Phía bắc của Seattle, vùng thung lũng Skagit, đất màu thích hợp cho loại hoa này, nên con cháu người Hòa Lan khi qua xứ Mỹ lập nghiệp đã đem theo những củ hoa uất kim hương từ quê hương họ. Còn những chậu hoa lan thì có hoa hình giống như những thiếu nữ mặc áo đầm đang khiêu vũ, nhìn đẹp quá! Và hoa lại giữ được lâu, có khi tới mấy tháng, ông sẽ không cần phải gửi hoa hoài như hiện giờ, tốn tiền.

Nàng cũng chờ xem người khách có tâm sự gì để nói với nàng không, nhưng ông chỉ đặt hàng rồi cúp phôn sau khi nói cảm ơn.

Làm nghề này bao năm, nàng cũng biết được nhiều hoàn cảnh. Buồn có, vui có. Những sinh nhật, lễ ra trường, người ốm

đau ở nhà thương, Mother's Day, Father's Day, Valentine Day, Đem hoa tới những chỗ vui làm mình vui theo với khách và tới chỗ đám ma, nhà quàn, mình cũng thấy buồn theo.

Đâu phải Ngân đối xử với người khách nào cũng như người khách nào. Có những người khách mà nàng quan tâm hơn, chẳng hạn ông khách này.

Nàng thường dặn cô bé Thảo:

"Em nhớ chọn hoa thật tươikhỏi bõ công người ta ở xa."

Nàng nói mà tưởng như nếu nhận được bó hoa tươi xinh đẹp đó thì người thiếu phụ sẽ cảm nhận được tấm lòng của người khách đặt hoa mà tha thứ cho ông.

Lần này, lời nhắn là "Anh nhớ em và con vô cùng!".

A! Thì ra họ có con với nhau. Nàng và Thảo suy rằng chắc chắn là họ sẽ trở lại với nhau vì đứa con.

Thảo cho là chắc chắn như đinh đóng cột. Nói xong cô bé lại cười khúc khích:

"Con dám cá với cô là như vậy! Hihị"

Nhưng lần đó, cô bé Thảo lại mang hoa về, nói:

"Cô ơi! Cô đó dặn nhờ nói lại với ông khách là đừng gởi hoa nữa, cô nhứt quyết sẽ không nhận nữa đâu."

Mà ông khách có giữ phôn đủ lâu để Ngân chuyển lại lời nhắn đâu. Như mọi bận, ông đặt hàng xong thì cúp phôn cái rẹt!

*

Cô bé Thảo ốm không đến làm nên Ngân phải đích thân đi giao. Hóa ra cái địa chỉ đó là của bố mẹ Mai. Bà cụ cho biết mẹ con Mai đã ra ở riêng. Ngân chưa hỏi ở đâu, mà cũng chưa biết hỏi như thế thì có phiền người ta không, thì bà cụ đã cho biết:

"Sộ, trên đường, phòng"

Ngân ngạc nhiên khi thấy cụ sốt sắng như vậy. Thôi, đã có trong tay cái địa chỉ thì mình cứ đến.

May quá! Mai có ở nhà. Thấy Ngân ôm bó hoa, cô biết ngay nàng là ai. Cô hỏi liền:

"Ngan's Flower Shop? Chị là chị Ngân?"

Mai còn trẻ lắm, Ngân đoán chừng, chưa tới ba mươi, trẻ cỡ cô em gái út của nàng.

Theo lời Mai, cô là vợ của người khách đặt hoa đó. Cũng cưới hỏi, có hôn thú đàng hoàng! Khi đứa bé, con trai của cô, bị té ngã ở trường, phải đưa vào cấp cứu, cảnh sát tìm cha mẹ của đứa bé. Mà không hiểu sao, họ lại gọi trúng nhà củabà lớn. Hai người đàn bà gặp nhau ở bệnh viện, ngỡ ngàng. Chừng đó mới vỡ lẽ!

Người vợ trẻ dẫn con ra đi. Ngân hiểu tình cảnh này lắm. Mười năm trước khi được chồng bảo lãnh qua Mỹ, Ngân mới hay là lâu nay Hiển sống chung với một phụ nữ khác. May mà cô ta không có con với Hiển, và sau đó, Hiển lại về với mấy mẹ con nàng. Tuy vậy, đó vẫn là vết thương không bao giờ lành, Ngân cứ nghĩ Hiển không còn "nguyên vẹn" với nàng. Dù hai người có thêm con bé út là Nina, nhưng cứ mỗi lần vợ chồng cơm không lành, canh không ngọt vì một chuyện bực bội nào khác thì Ngân lại cứ nhắc tới chuyện bồ bịch của Hiển.

Tại sao mười mấy năm bị kẹt lại, Ngân đã phải bươn chải, nuôi con, nuôi cha mẹ chồng, rồi bao nhiêu bận vượt biên mà không thành, phải vào nhà tù, vàng mất, đồ đạc trong nhà cũng phải bán đi, làm vốn liếng cạn dầnmà Hiển không hiểu?

Lại đám em út của Hiển. Chúng cũng làm nàng khổ tâm không ít. Hoàng là đứa kế Hiển, còn nói:

"Ngày anh Hiển vượt biên, tui chở ảnh đi tới điểm hẹn, ảnh có hứa với tui là khi đi được, ảnh sẽ gửi tiền về giúp tui. Mà ảnh có gửi tiền, quà cáp cho chị chớ."

Vậy mà ở bên này, Hiển lại thản nhiên chung sống với người khác!

Giận thì có giận, nhưng chưa bao giờ nàng nghĩ chuyện bỏ chồng vì nàng lớn lên trong một gia đình cổ xưa lắm, gia đình đó không hề ai nói tới hai chữ ly dị. Bổn phận vẫn còn đó, khi buồn buồn nàng lại nghĩ, đành phải chịu đựng cho hếtkiếp này.

Nàng và Hiển quen biết nhau chỉ một thời gian ngắn rồi gia đình hai bên thấy được thì hối thúc hai người lấy nhau để họ có cháu nội cháu ngoại. Rồi gia đình chỉ còn là trách nhiệm. Chứ không tình tứ thơ mộng gì cả!

Bây giờ ngồi bên cạnh Mai, tuy là Ngân nghĩ nàng hiểu tâm trạng của Mai, nhưng nàng cũng biết nàng không mang đôi giày mà Mai đang mang nên nàng không thể đoán được là cái viên sỏi kẹt trong đó lớn nhỏ cỡ nào và làm chân Mai đau đớn thế nào.

Mai rươm rướm nước mắt, như còn muốn giữ cho những giọt lệ không trào ra.

Ngân ôm vai Mai:

"Khóc được thì cứ khóc. Chị không có lời khuyên nào. Em hãy làm điều em nghĩ là phải đối với em."

Mai sụt sùi khóc:

"Khi nào thì người đàn ông mới cho mình biết sự thật? Họ sống trong cảnh dối gian như vậy mà họ sống được? Lâu nay em cứ nghĩ em là người con gái hạnh phúc nhất trên thế gian này!... Phiền chị quá, vì em! Thôi thì em lại nhận, nhưng nhờ chị nói lại với anh ấy rằng những bó hoa này không đủ để xóa bỏ hết những việc mà anh ấy đã làm đâu."

*

Thảo đi giao vài lần sau đó. Xem chừng việc tặng hoa không có hiệu quả vì lời nhắn càng ngày càng tuyệt vọng. "Dù đường đời rẽ về đâu thì anh vẫn yêu em."

Ngân lại không tiện hỏi, vì khách hỏi mua hoa thì mình bán hoa, cũng như bệnh nhân bị bệnh thì đi khám bệnh để được bác sĩ tìm bệnh, chữa bệnh, chứ bác sĩ không hỏi đời tư của bệnh nhân.

Cô bé Thảo đưa ra triết lý:

"Đàn ông họ không mạnh mẽ như mình tưởng, mà rất yếu lòng. Như cô thấy đó, cái ông Denver này, ổng phải yêu cả hai người đàn bà, ổng không bỏ bà nào được nên mới có cảnh ổng có hai vợ, mang tội đi gạt cả hai bà. Bỏ bà lớn, ở bà nhỏ thì tội bà lớn; bỏ bà nhỏ, ở bà lớn thì tội bà nhỏNghĩ tới cảnh hai bà đụng nhau ở bệnh viện, con thấy buồn cười quá!"

Không bao lâu kinh tế khấm khá hơn. Tiệm hoa lại đông khách. Ngân kêu dì Hường trở lại giúp nàng, nhưng dì nói dì bận giữ cháu nội rồi. Thằng cháu đích tôn phải được ưu tiên hơn chớ. Nàng cười cười, nói phải. Nàng cho Thảo làm thêm giờ, cô bé vẫn còn học college. Nàng cũng mướn thêm hai cô gái khác làm bán thời gian.

Bẵng đi một thời gian dài, Ngân không thấy người đàn ông đó gọi phôn đặt hoa nữa. Người đàn ông đã bỏ cuộc hay ông ta với người phụ nữ trẻ đã trở lại với nhau? Ngân bận rộn quá nên cũng quên họ, chỉ là vì có một ngày đẹp trời, lại nhàn rỗi, bỗng dưng Ngân nhớ tới họ rồi thắc mắc như vậy thôi.

Linh Vang

(Tháng mười/2012)

Đọc:

ĐÊM CUỐI NĂM

của Nguyễn Mộng Giác

HOÀI ÂN.

Người Công Sản mang dép ngược.

Đêm Cuối Năm của NMG là một truyện ngắn đầu trang của 13 truyện ngắn trong tuyển tập " Xuôi Dòng" của Ông được viết ở đảo Kuku, Nam Dương năm 1981 và được nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản tại California năm 1987. Chuyện được kể bởi 4 người, tuổi xấp xỉ 40,cái tuổi đã qua cái thời trai trẻ, nhưng lại chưa qua cái tuổi già, cai tuổi không làm cái này cũng làm cái nọ ở chế độ cũ, mà cái nào cũng là tội ác đối với chế độ mới.

Tất cả vừa trải qua một cuộc hành trình ngất ngư con tàu, thừa sống thiếu chết trên biển cả hung dữ, trên 4 con thuyền khác nhau, mới đến được đảo Kuku. Người đầu tiên kể là một Linh

Mục, kế tiếp là một Kỹ Sư, một Thiếu Tá Không Quân, và sau cùng là một công nhân "tổ hợp mì sợi". Đọc xong 4 câu chuyện kể của 4 ông ở cái tuổi không già, không trẻ, gấp sách lại, chúng ta chỉ còn nhớ chuyện của anh công nhân "tổ hợp mì sợi" là ấn tượng nhất. Anh công nhân này bị đi tù bởi cái tội gọi là "xâm phạm tài sản XHCN". Chuyện của NMG phản ảnh y chang cái xã hội VN hiện tại: Cái xã hội mà bộ máy cai trị là những con người tham ô, lúc nào cũng gây nhũng nhiễu cho người khác, đặt ra cả rừng luật lệ mơ hồ để dễ bề tống người dân ngây thơ, chất phát vào tù mà không hiểu lý do gì mình đã đi tù. Đọc "Đêm cuối năm" của NMG, người ta thấy có quá nhiều điều khôi hài, qua những nội qui của nhà tù, điều lệ của phòng, của tổ, mang danh rất đẹp là giáo dục tù nhân trở thành hoàn thiện nhưng hành hạ con người là chính! Giữa có tội và vô tội chỉ cách nhau một cái lằn ranh không rõ ràng. Chúng ta thử điểm danh "tội ác"của 9 tù nhân trong tổ tù của anh công nhân. Tổ trưởng là tướng cướp có súng bị bắt đang ngồi trên xe, vì đã mua một khẩu súng nhựa cho đứa con nhân ngày thôi nôi. Tổ phó bị kết tội "hiếp dâm người quá cố". Người thì bị bắt "chuyện bán đứng mộ bia", "thủ trưởng cơ quan xổ số kiến thiết đường 30-4"... Mỗi người có một hoàn cảnh đáng thương, bị đi tù môt cách lãng xẹt về những tội bá vơ, bá láp, tác giả đã kể ra một cách nghiêm túc như cố ý muốn nhân hai, nhân ba "tội ác" theo ý muốn người cầm quyền của xã hội mới, nhưng người đọc thì hởi ôi cười ra nước mắt! Cười mà không ra tiếng! Chúng ta thử đọc trang 14:

"Cái tội hiếp dâm (con xin lỗi Cha nhé, chuyện tù thanh khiết làm sao được), cái tội hiếp dâm phải dành cho cậu nhỏ tuổi nhất tổ tên Lâm Quảng. Cậu con trai 19 tuổi mặt còn đầy mụn ấy một mực kêu oạnQuả tình Lâm Quảng bị oan đến một nửa, vì cô gái xấu số nạn nhân của cậu là một gái điếm chuyên nghiệp, hàng đêm đứng dựa gốc cây¸ để đón khách.''

Ở trang 17: Mở đầu bản nội qui ở đâu cũng vậy, đều có câu: "Để bảo đảm yêu cầu giam giữ can phạm đúng chính sách của chính quyền cách mạng, nay qui định."

- Điều 1 là: "Can phạm khi vào trại phải chấp hành nghiêm chỉnh các điều qui định của trại giam và tuyệt đối tuân hành mệnh lệnh của cán bộ phụ trách".

-Điều 2: " Phải thật thà khai báọ"

-Điều 3: " Không được tự ý liên lạc với người ngoàị"

-Điều 4: " Phải giữ gìn an ninh trật tự và vệ sinh chung trong trại giam."

" 9 điều nội qui như cái sườn của một nhân sinh quan. 45 điều của giám thị là rui mè của nhà triết lý ấy. Còn mấy trăm điều lệ phòng là thiên hình vạn trạng biểu lộ của sự sống theo kiến trúc của triết lý vĩ đại."

Đây là những cái thòng lọng được đặt ra thành văn cũng như bất thành văn một cách tỉ mỉ, chi tiết và được thi hành mẫn cán bởi những con người thiếu trái tim và thiếu cái đầu trong một xã hội tham nhũng tràn lan đến mọi ngõ ngách, trong một xã hội thiếu hụt đủ thứ, và cái thiếu hụt tệ hại nhất là thiếu hụt cái ăn.

Đây là một trong những điều lệ của phòng: " Mỗi lần cửa sắt mở, tất cả phạm nhân phải ngồi xuống và giữ im lặng tuyệt đối, đang ăn cũng phải ngừng nhai để đề phòng những người nhân cửa mở mà đào thoát, vừa chuẩn bị sẵn sàng để nhận lệnh của giám thị.

Một thí dụ nữa điều lệ của phòng về "giữ gìn vệ sinh chung": "Đi đái phải ngồi xuống như đàn bà để nước tiểu khỏi văng tung tóe, và vòi nước tiểu phải nhắm đúng vào lòng bàn cầu. Ai đi tiểu mà không nghe tiếng nước rót kêu ùng ục tức là phạm kỷ luật, phải bị cách ly ngồi quay lưng nhìn vào tường suốt 3 ngày."

Tóm lại nội qui có 9 điều, ban giám thị có 45 điều qui định,phòng có hơn 200 điều lệ.

Và đây là điều 183 của phòng: " NẾU ĐANG NGỒI HỌP KIỂM ĐIỂM MÀ MẮC TRUNG TIỆN, PHẠM NHÂN PHẢI KHÉP 5 NGÓN TAY LẠI VÀ GIƠ THẲNG CẢ BÀN TAY PHẢI LÊN."

"Sau khi trưởng phòng gật đầu chấp thuận, phạm nhân mới được bỏ hàng đi ra phía sau, đứng đó chờ đánh rắm xong mới được trở về vị trí. Nhịn không được, đánh rắm ngay trong cuộc họp sẽ bị xem như vi phạm điều 4 nội qui" (không giữ gìn vệ sinh chung, làm mất trật tự công cộng).

Chính cái điều 183 này là ý chính của truyện ngắn "đêm cuối năm", kéo dài từ trang 20 cho đến trang 26. Chính cái điều 183 này đã làm khổ sở cái ông già Tàu Tạ A Sáng ngây ngô, chất phát không địt mà bị "ép cung" là đã địt bởi tên trưởng phòng Trần Bá Ngọc. Tại sao Tạ A Sáng được trưởng phòng Trần Bá Ngọc và tổ trưởng San Mỹ Đình hoan hỷ đón nhận?

Ở trang 20 tác giả đã viết: "Theo tôi, Tạ A Sáng được về ngay tổ 1 là nhờ cái mẽ ngoài tốt tướng của ông. Cao lớn, trắng trẻo, đầu húi cua, ông tạo cho người mới gặp cái cảm giác kính nể đối với một xì thẩu hạng bự. Cái mẽ đó phải có nhiều tiền. Đồ

thăm nuôi phải hai giỏ lớn với đầy đủ các món ăn, chơi lẫn lương khô, thuốc Samit, cà phê, sửạ Còn tổ viên nào sáng giá hơn đối với tổ trưởng San Mỹ Đình và trưởng phòng Trần Bá Ngọc, hai tên cướp có súng bị giam trên hai năm và gia đình đã kiệt quệ vì thăm nuôi."

Nhưng mà tổ trưởng và trưởng phòng đã lầm về Tạ A Sáng. Cũng trang 20: "Nhưng cũng chính cái mẽ ngoài đó hại Tạ A Sáng. Vì gia đình ông nghèo đến độ kỳ thăm nuôi đầu tiên, vợ con chỉ bới cho ông một chai xì dầu, một gói dưa cải chua và một nải chuối. Hỏi kỹ ra thì Tạ A Sáng sống bằng nghề vấn thuốc lá lẻ. Chuyện móc nối vượt biên và vụ lường gạt có vẻ như oan uổng thật."

Đồ thăm nuôi của Tạ A Sáng chả ra gì, nên trưởng phòng muốn loại Tạ A Sáng ra khỏi phòng của gã bằng những mưu mô chước quỉ. Thằng trưởng phòng đã biết vận dụng một cách " sáng tạo", đem cái điều 183 tròng vào cổ Tạ A Sáng, dồn ép Tạ A Sáng kể cả hình phạt bắt ngồi 3 ngày mà chưa tha. Trần Bá Ngọc dàng cái cảnh bắt tội Tạ A Sáng địt mà không đưa bàn tay phải lên xin phép đi ra ngoài. Ở trang 25:

"- Ngộ có địt đâu mà bảo ngộ nhận.

- Nhưng tôi có bảo nị địt đâu. Tôi bảo nị nhận cho khỏi phải khổ thân.

- Không thì nhận là không. Sao lại nhận là có?

- Không nhận thì phải ngồi hoài...

- Mà chú có nghĩ là ngộ có không?

- Không bao giờ tôi nghĩ như vậy.

- Không ai nghi cho nị cả. Cả phòng đều biết nị oan.

- Cả phòng đều nghĩ ngộ oan, sao còn bắt ngộ nhận?"

Một thằng ngu dốt như thằng Trần Bá Ngọc còn "ép cung và bẩy" được Tạ A Sáng không tội mà nhận tội huống gì một Thẩm Phán, một Viện Kiểm Soát Nhân Dân, một Tòa án, một Công an, một Quân đội tóm lại một guồng máy trong cái XHCN mà không tìm cho ra tội của một công dân nào đó có một chút của cải để mà trấn lột, có một cơ sở làm ăn phát đạt, có một dự án kết quả, có một cái miệng bép xép hay nói có một chút giấc mơ về những khái niệm như nhân quyền, như tự do, dân chủ, mà không nhốt vào tù, mới là một chuyên lạ! Thành ra cái chuyện đặt ra pháp luật và cái chuyện thi hành pháp luật ở cái XHCN chẳng khác nào vừa đá bóng vừa thổi còi. Trong chế độ CS, không có người dân VN nào là không nếm phải nhà tù. Có nhiều gia đình

đi tù hết ráo từ Cháu Chắc đến Ông Nội, Ngoại. Mỗi nhà tù, ngoài những định chế chung còn có những định chế riêng, mà định chế nào cũng khắc nghiệt, nghe cũng thấy sợ ớn xương sống rồi, huống chi là bị nhốt trong đó. Đi tù không biết mình bị tội gì và thời gian ở tù thì được trả lời: "sớm muộn tùy các anh" nghe mà khôi hài đến tức ói máu! Luật pháp (luật rừng) thì nhiều nên nhà tù cũng nhiều và con ngươi VN không biết có khá hơn về phương diện tư cách trong XHCN so với xã hội phong kiến và xã hội ăn lông, ở lỗ?

Một vài chuyện tù góp phần vào "Đêm cuối năm" của NMG kể thêm ra cho vui.

Nhiều đêm trong những ngày đầu tiên của tháng 4 năm 75, có một người tù ở tại Trung tâm cải huấn thị xã Qui nhơn, vừa đi vòng quanh vừa rao thật lớn: "Tôi, Nguyễn văn Bảy, từ nay không ăn cắp rau muống nữa". (Đói quá, nên hái trộm rau muống mà ăn).

Một xã hội như vậy tốt quá đi chớ! Ngoài Bắc bao nhiêu năm dưới chế độ XHCN chắc không có người ăn cắp? Cán bộ trại lên mặt "dạy" tù nhân không được ăn cắp vì ăn cắp là "xâm phạm tài sản XHCN". Thế mà Thủ trưởng trại lại cướp của tù nhân qua lần đổi tiền lần thứ nhất chỉ phát cho tù nhân mỗi người 2 đồng, phần còn lại nói trại tù giữ hộ, khi ra trại sẽ trả lại, nhưng nào thấy đâu?

Một tù nhân khác, trả lời tên Chấp Pháp:

- Trong nính anh nàm gì? Anh "phục" bao nhiêu Cách mạng? (phục kích giết bao nhiêu Cách mạng?).

- Tôi lính Tiếp vận, không đi đánh giặt.

Người Chấp Pháp đứng bật dậy như cái lò xo, phùng môi, trợn mắt, la lối với người tù:

- Giờ này anh còn không biết ai là giặc. Giặc là các anh chớ ai. Mỗi bánh xe của anh lăn trên đường nhựa là lăn trên biển máu của dân tộc. Phóng đại tội ác!

Tội của người lính tiếp vận to như quả núi!

Hai người tù nói chuyện với nhau:

- Sao mầy không viết đi? Phải viết đầy 5 trang giấy kê khai tội ác về tư tưởng và năm trang về tội ác về hành động.

- Tội tao viết mấy ngày cũng không hết.

Cán bộ trại nghe được, kêu anh ta lên đọc bản "thu hoạch". Anh ta chỉ đọc chưa được năm phút thì hết. Cán bộ trại nói với anh:

- Anh bảo tội anh viết mấy ngày cũng không hết, như vậy anh viết náo, viết nại.

- Mầy đâu có hiếp dâm, sao mầy thừa nhận hiếp dâm. Mầy Trung úy mà viết như một ông tướng.

- Tao phải viết cho đầy 10 trang mầy hiểu chưa? Viết không đủ 10 trang, nó cứ bảo tao viết náo, đêm về viết nại, mệt quá!

Mỗi người tù viết xong, phải ký vào cái bản "tội ác" tưởng tượng đó. Đâu ngờ đó là bản cáo trạng tự thú, ở tù ngắn hay dài cũng bởi do đó mà ra.

Tóm lại phần lớn người dân bị bắt oan, bị kết tôi oan, bị tù oan kể cả bị chết oan.

* * *

Xuyên suốt sáu trang tác giả nói về Tạ A Sáng với giọng văn kể một cách ôn tồn, hầu như không có tranh luận, không có một cái nhếch mép để cười, không có một lời than để khóc. Nhưng mà người đọc thì có thể cười dài dài được, cười không hết hôm nay thì để ngày mai cười tiếp, Cộng Sản còn đó thì nụ cười này vẫn còn. Nhưng có một điều nụ cười của NMG không vui chút nào cho người đọc, cho chính ông, và cho chế độ đương thời.

Để kết luận, xin trích mấy câu thơ của Thiếu Tá, một trong 4 nhân vật kể truyện ở trên, trang 11:

"Tội bố to ghê đáng tử hình,
Người ta bảo vậy bố làm thinh
Ngày mai xuôi gió con cùng bố
Ra tận ngoài kia hỏi tội mình.

Bố nhớ con nhiều lắm bé ơi!
Con mang dép ngược bố la hoài
Bên này chân phải thành chân trái
Chân lý, trời ơi, cũng thế thôi!"

À ra thế. Em bé đã trả lời hộ cho ta tại sao ta đi tù bởi vì ta có cái chân lý khác cái gọi là "chân lý" của người CS. Người CS mang dép ngược.

HOÀI ÂN.

Đuổi Mỹ hay cần Mỹ

Năm tư nước Việt chia đôi,
Miền Nam tựa Mỹ ngăn Tàu xâm lăng.
Bắc cộng theo Tàu hung hăng,
Đánh Mỹ cứu nước "vướng giăng bẩy Tàu"
Bảy lăm kết thúc thương đau,
Miền Nam bức tử biển sầu sóng dâng.
Đất bằng sấm sét thét gầm,
Không thua chiến trận bị lầm Pa-Ri.
Cộng sản thỏa hiệp những gì ?
Công hàm năm tám biển đi sang Tàu.
Hồ, Đồng, đi ngược lòng dân,
Truyền thống giữ nước tiền nhân không nhòa.
Pa-Ri ký kết bảy ba,
Trung-cộng mừng tiệc Mỹ ra không còn.
Chúng dễ thôn tính nước Nam,
Không gặp cản trở Mỹ can dự vào.
Hành động xâm lược của Tàu,
Ngày càng bóp nghẹt đồng bào ngư dân.
Chính quyền ngậm miệng nín câm,
Ngư dân vô tội chịu phần đắng cay.
Phải có biện pháp nhanh tay,
Cho dân phản đối dễ xoay chuyển cờ.

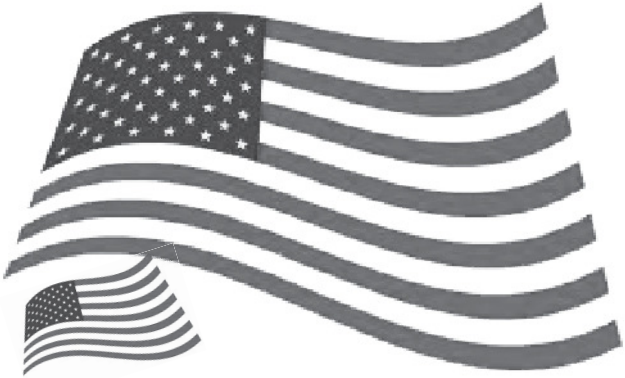

Kiện trước Quốc-tế chứng từ,
Đòi lại biển đảo cõi bờ nước ta.
Sức mạnh bảo vệ sơn-hà,
Phải dân chủ hóa lấy đà toàn dân.
Hồ, Đồng, đã lạc bước chân,
Hậu duệ con cháu nên cần sửa mau.
Ngày xưa thắng Mỹ tưởng oai,
Bây giờ cần Mỹ ngăn loài Hán gian.
Mỹ không phải kẻ xâm lăng,
Đồng-minh sức mạnh để ngăn giặc Tàu.
Mỹ luôn tôn trọng dân chủ,
Còn Tàu xâm lược không trừ một ai.
Tấm gương trước mắt chẳng sai,
Mãn, Mông, Hồi, Tạng, bi ai muôn đời.
Cộng-sản nên sớm đổi dời,
Tư-duy hành động hợp thời an-bang.
Dân tộc Tổ-quốc giang sang,
Trường tồn nước Việt, đảng quan nhất thời.
Thuận lòng dân, là ý trời,
Sớm đưa dân-tộc thoát đời lệ nô./.

Đỗ-Hùng.

Xuân Quý Tỵ

Được cả thế gian, nào có ích gì?

(Lời Kinh Thánh)

Có một người đi không trở lại
Có thể vì quên mất nơi nao
Có thể vì quên mất thuở nào
Thảng hoặc đã thành người mất trí

Này các Bác, các Anh, các Chị
Nếu gặp người hãy nói giùm tôi
Nếu gặp người nhắn giúp đôi lời
Bằng tất cả tấm lòng thành thật

Rằng hồn tôi chứa chan chồng chất
Những ưu phiền thất vọng ủ ê
Những đắng cay tủi nhục ê chề
Tôi không thể ngửng nhìn thiên hạ

Xuân Quý Tỵ

Đó chẳng phải vì tôi hối hả
Với cùng ai nối lại duyên xưa
Với cùng ai đợi gió chuyển mùa
Chỉ để gởi đôi lời vĩnh biệt

Đối với tôi, sống như đã chết
Thân xác còn, hồn mất từ lâu
Khắp quanh tôi bao phủ một màu
Màu đen bạc, đớn hèn, phản bội

Lòng tôi quả chẳng hề tiếc nuối
Tim đã bầm, máu chẳng luân lưu
Tóc vẫn xanh, tuổi trẻ ưu sầu
Con thơ dại, tôi già trăm tuổi

Mới bình minh tưởng trời đã tối
Sập hoàng hôn lại ngỡ mờ sương
Trước mặt tôi năm bảy tuyến đường
Và bên cạnh, đàn con khóc Bố

Nhưng tôi bảo các con chớ sợ
Bố chết rồi đã có Mẹ đây
Mẹ tuy nay thể xác hao gầy
Vẫn có đủ niềm tin và nghị lực

Sống có khúc người ta có lúc
Và luật Trời bất biến con ơi!
Mẹ con ta còn sống ở đời
Rồi sẽ thấy phép Người công thẳng

Mực có chảy chỉ vì chẳng đặng
Chứ không là năn nỉ nài xin
Trót đã vì dấu ấn hằn in
Nên cứ mãi buồng tim rướm máu

Ý tưởng chen nhau tìm chỗ đậu
Thiếu chỗ rồi, trở lại buồng tim
Máu chẳng dung, hóa phải đi tìm
Tìm chi nữa, hồn người tăm tối!

HH Thất Sủng

Tiễn khóc anh

(Kính dâng hương linh anh Tạ Chương Trĩ)

Anh đã ra đi biết nói sao.
Xem hình cảm xúc dạ nao nao.
Quê hương con cháu buồn rầu thảm.
Xứ mới Tử Tôn tủi thét gào.
Trời nỡ dứt tình chi quá nghiệt.
Đất đành đoạn nghĩa đắp mô cao.
Bạn bè đưa tiễn đều thương xót.
Thân tộc gần xa luống nghẹn ngào./.
Em: Tạ Chương Can

Tiễn bạn

(Kính dâng anh linh anh Tạ chương Trĩ)

Dứt bỏ cuộc đời sớm biệt sao.
Nắp quan chưa khép ngậm ngùi nao.
Quê nhà thân tộc hung tin khóc.
Hải ngoại Tử Tôn ngất thảm gào.
Đối xử bạn bè lòng quyến luyến.
Giao tình hàng xóm mến thương cao.
Từ nay vĩnh viễn bao giờ gặp.
Đất khách tiễn đưa dạ nghẹn ngào./.

Nguyễn Diêu.

Khóc hay không khóc!

letamanh

Đón năm 2013, chúng ta thử xem lại một chặng đường dài mà, cả dân tộc Việt đang phải trải qua. Ông cha ta, từ mấy ngàn năm trước đã liên tục, kiên trì, giành giựt với kẻ thù, giữ từng tất đất, vun bồi từng bãi cát, từng hải đảo để có được một giãi sơn hà hình chữ S ngày nay!

Kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam từ trước đến nay vẫn là quân xâm lược từ phương Bắc. Nước Tàu lúc nào cũng muốn nuốt chửng Việt Nam để từ đó họ tiến về phía Nam, bành trướng thế lực theo trục Nam tiến. Phía Tây và phía Bắc họ bị chận lại bởi Nga, Ấn cùng các nước Hồi Giáo, phía Đông họ cũng bị Nhật, Nam Triều Tiên và các căn cứ hùng hậu của Hoa Kỳ trên Thái Bình Dương Con đường Nam tiến có thể là khả thi nhất đối với ý đồ xâm lăng Đại Hán!

Các nước Đông Nam Á, tuy có ý muốn liên kết với nhau thành liên minh, trước hết là kinh tế hội nhập bắt chước theo mô thức Liên Âu, thứ hai là nối vòng tay chận đứng ý đồ "Nam Tiến" Đại Hán; nhưng từng nước đã xé lẻ vì miếng mồi "viện trợ kinh tế" và những hứa hẹn, nên vô hình trung, sức mạnh liên kết ấy đã bị Tàu Phù phá vỡ!

Tuy Hoa Kỳ đã thức tỉnh con mê "Trung Quốc", đem hùng binh trấn giữ, đắp đê ngăn chận, nhưng với tiêu chuẩn về nhân quyền của Cộng Sản Việt, còn lâu Mỹ mới ngó đến và đứng ra làm "xương cho sứa". Vấn đề riêng của VN bây giờ không phải là hiểm họa chiến tranh thực sự trên biên giới và hải đảo, mà là "quân chiếm đóng Tàu" đã nằm ngay trong nước, đã chiếm những

điểm chiến lược Cao Nguyên và các khu thương mại toàn quốc. Những quân lính Trung Cọng dưới hình thức công nhân và thương gia đang là làn sóng xâm lăng vô tiền khoáng hậu trước tiền đồ tổ quốc! Đây là chính sách xâm lược và đồng hóa không cần súng ống, không cần phải xuất quân.

Nhìn về chiến lược toàn cầu, Trung Cộng có âm mưu rất thực tế và thâm độc. Xét về mặt quân sự, Tàu chưa bằng cái móng nhỏ của Mỹ, nên nếu gây chiến tranh hay có tham vọng bành trướng theo kiểu thông thường thì thua là cái chắc. Nên họ lợi dụng tiềm năng kinh tế và giao thương, tung ra kế sách về lâu dài, có mức chiến lược sinh tử. Đó là tung ra thị trường toàn thế giới thực phẩm độc hại, làm tiêu hao nhân lực thế giới.

Trong thực phẩm hàm chứa nhiều độc tố, giết dần mòn dân số thế giới bằng những bệnh nan y, bằng những đồ chơi con nít có tiềm năng làm "khờ ngu" bộ não thế hệ nầy đến thế hệ khác kế tiếp. Cuối cùng toàn thế giới sẽ chỉ còn những người bệnh yếu, già nua óc phán đoán, dân số các nước thiếu nhân công trầm trọng. Chừng đó là một cuộc "đại di dân hợp pháp", xâm lăng không cần tiếng súng. Dần dà thế giới chỉ còn một thứ tiếng duy nhất: Tiếng Tàu. Người Trung Quốc, nếu ý đồ thâm độc nầy được trôi chảy thì, một trăm năm nữa, toàn thể các nước trên thế giới người Trung quốc sẽ chiếm đa số, cả thế giới sẽ phải dùng độc nhất một thứ tiếng!

Chiến lược "bất chiến tự nhiên thành" của Trung Cộng trên toàn thế giới là thế! Cho nên chúng ta cũng không ngạc nhiên về thực phẩm độc hại nhan nhản trong toàn thể những nhà hàng, những chợ búa, những nơi hội họp. Đồ chơi trẻ con thậm chí còn tệ hại một cách kinh khủng về chất lượng lây nhiễm và mầm ung thư từ đó xuất phát, lan truyền từ thế hệ nầy đến thế hệ khác! Tương lai chẳng có gì sáng nếu cộng dồng thế giới còn chưa có kế sách ngăn chận kịp thời.

Trở về với vùng Đông Nam Á với cái "lưởi bò" nhấp nha nhấp nháy những quân cờ tiến rồi lui của quân xâm lược. Trước và trong năm 2012 chúng tuyên bố đầy sắc máu về "chủ quyền không thể tranh cải" và dọa sẽ "kiểm soát" tàu thuyền qua lại trên biển Đông. Thế nhưng đến hạn kỳ đầu năm 2013 thì Chúng lại "thụt lùi" chỉ kiểm soát 12 hải lý chung quanh đảo Hải Nam(?). Đây là chiến thuật "thăm dò" xem phản ứng thế giới. Đối với nhà cầm quyền Việt Nam, Luật Biển ký năm trước cũng bắt đầu "hiệu lực", nhưng xét cho cùng, những màn kịch của cả hai phía chỉ che mắt được những người nhẹ dạ mà thôi!

Ông cha ta xưa, đã từng dùng chính sách "đu dây", ngoài mặt thì chịu thần phục, mặt kia thì âm thâm xây đựng đoàn kết toàn dân, sẳn sàng không lùi bước trước xâm lược. Hưng Đạo vương,

Lê Lợi, Quang Trung, sau khi đại thắng quân thù, vẫn theo "chiêu thức" đàn em triều cống. Nhưng đó cũng là sách lược sinh tồn. Cộng Sản Việt Nam ngày nay cũng đang chơi trò "đu dây", nhưng lại là "độc quyền" giành cho Đảng "thần phục" với Thiên Triều không cần đến ý dân. Cho nên vì quyền lợi và sự tồn tại của Đảng CSVN, bọn chóp bu ở Hà Nội sẵn sàng "mãi quốc cầu vinh"!

Ngày nay, trước ý đồ không những xâm lược Việt Nam bằng quân sự, Trung Cộng còn thâm độc vạn lần hơn trong chính sách cài người, đồng hóa tư tương văn hóa Tàu dần dần cho dân tộc Việt. Bằng chứng là bây giờ dân Việt thuộc sử Tàu từng nhân vật (ảnh hưởng phim bộ) hơn là những nhân vật anh hùng Việt. Nếu ai hỏi về lịch sử bốn ngàn năm của dân tộc ta, chắc chắn sinh viên học sinh trong nước sẽ ngẩn ngơ tưởng những người ấy là "huyền thoại". Đây mới là điều đau lòng cho tiền đồ tổ quốc!

Người Việt hải ngoại, sau ba mươi mấy năm ra nước ngoài tị nạn, chúng ta đã bị thoái hóa từ tư tưởng đến cả những hành động nhỏ nhất về lòng yêu nước! Dĩ nhiên, thời gian bôi xóa hết tận cùng những thù hận và lòng dũng khí? Cho nên miệng thì nói yêu nước, muốn xóa bỏ chế độ phi nhân Cộng Sản trong nước, kiến tạo một nền dân chủ phú cường tự do cho Việt Nam yêu dấu! Nhưng hành động thì lúc nào cũng trái ngược: Chia rẽ, tự tôn, sân hận với chính những "chiến hữu" của mình, tìm cách đi đêm với "địch" để mưu cầu chia ghế. Cho nên lực đã bị phân hóa và chẳng có một cơ sở nào để cho địch nể sợ. Nhìn tổng quát: Lực hải ngoại cạn kiệt vì phân hóa!

Trong nước thì: Trước sự đàn áp vô cùng khốc liệt để giữ vững thống trị của Đảng Cộng Sản, những mầm móng nền tảng có tính kiêu hùng của dân tộc đều bị san bằng. Tiềm năng chống xâm lược bị tà mòn dần theo năm tháng. Sức kháng cự của toàn dân không được tập hợp và không hay chưa thấy xuất hiện lãnh tụ. Tư tưởng đấu tranh cho tự do dân chủ, chống quân bành trướng phương Bắc không thể trổi dậy trước bạo tàn bán nước!

Đây là viễn ảnh đen tối trong tương lai nếu tập đoàn thống trị Cọng Sản tay sai của Trung Cộng còn ngồi ở Ba Đình! Nếu hải ngoại không có hướng "kết đoàn" nhau lại, nếu người dân trong nước cũng run sợ trước họng súng quân nội thù... Thì không sớm thì muộn, chúng ta sẽ thấy bài ca "Việt nam tôi đâu" của Việt Khang trở nên là sự thật- Chỉ có khi nào nhân dân trong nước, trí thức, sinh viên học sinh trong nước cùng một lòng cảm đảm tự đứng lên đập xiềng phá xích, đảm trách và gánh vác lịch sử. Hải ngoại, nghĩ cho cùng, làm bổn phận khua chiêng đánh trống và lo tài chánh yểm trợ toàn lực một cuộc "cách mạng hoạ" thì họa may!

letamanh

BUỒN VUI ĐỜI THÁM KÍCH

HÀ QUẾ LINH

Thám kích (TK), theo tiếng Mỹ gọi là Highland Scout, là một binh chủng chỉ dành riêng cho quân khu 2 được thành lập để phù hợp với địa thế núi non hiểm trở của vùng cao nguyên. Binh chủng thám kích có tất cả là 13 đại đội từ 401 TK đến 413 TK. Sáu đại đội từ 401 TK đến 406 TK trực thuộc sự điều động của sư đoàn 22 BB và bảy đại đội từ 407 TK đến 413 TK trực thuộc sư đoàn 23 BB. Các đại đội này phần đông là các sắc dân thiểu số, được hưởng tiền binh chủng như nhảy dù, biệt động quân, hay TQLC. Khi mới thành lập từ sĩ quan đến binh sĩ phần đông sắc tộc cao nguyên, sau này đưa sĩ quan người Kinh thay thế dần.

Đơn vị thám kích có nhiệm vụ chính là xâm nhập vào vùng địch lấy tin tức tình báo, bắt cóc cán bộ địch, đi từng toán nhỏ, nhảy diều hâu, đánh chớp nhoáng chứ ít khi tấn công chiếm mục tiêu.

Trước năm 1970, việc cố vấn các đại đội thám kích được đảm trách bởi các sĩ quan Lực Lượng Đặc biệt Mỹ.

Để bảo vệ an ninh phòng thủ cho Bộ Tư Lệnh sư đoàn 22 BB còn đồn trú tại Bà Gi gồm có hai đại đội thám kích 401, 405 và đại đội 22 trinh sát. Ba đại đội này biệt lập dưới sự điều động của phòng nhì và phòng ba sư đoàn. Chúng là những con cưng và đơn vị tôi - 405 TK - được vinh hạnh trong nhóm này.

Sau khi chức tư lệnh sư đoàn 22 BB được Thiếu tướng Triển bàn giao cho Đại tá Đạt - tỉnh trưởng Phước Tuy Vũng Tàu, thì bắt đầu có sự lủng củng giữa đại tá Đạt và Đại tá Lê khắc Lý tham mưu trưởng sư đoàn 22 BB – một sĩ quan tham mưu tài ba và phục

vụ lâu năm tại Bộ Tư Lệnh sư đoàn 22, mà ai cũng nghĩ ông sẽ giữ chức tân tư lệnh, thay thế tướng Triển. Kết quả Đại Tá Lý được điều động lên Kontum nhận chức vụ tư lệnh tiền phương.

Bộ tư lệnh tiền phương là hậu thân Bộ Chỉ Huy Biệt khu 24 do Đại tá Nguyễn bá Liên chỉ huy, bị tử nạn rớt trực thăng trong khi thị sát chiến trường. Lực lượng chính của biệt khu gồm có trung đoàn 42 biệt lập và ba đại đội thám kích 403, 404, và 406, nay đươc sát nhập vào sư đoàn 22. Kể từ khi Đại tá Lý lên nắm chức tư lệnh tiền phương, ông lần lượt đưa các sĩ quan nòng cốt của sư đoàn lên thay thế các đơn vị trưởng như trung úy Lê văn Sô - đại đội phó 401 TK lên làm Đại Đội Trưởng 403 TK thay Đại Úy Lâm bình Sanh, Đại Úy Ngô đình Thiên - Đại Đội Trưởng 22 trinh sát lên thay Đại Đội Trưởng 406 TK do Đại Úy Ngô Thạnh và tôi, Đại Đội Trưởng 405 TK, lên thay Đại Đội 404 TK của Đại Úy Hồ Hữu và sau cùng là Trung Tá Nguyễn hữu Thông thay thế trung đoàn trưởng 42 do trung tá Hai chỉ huy.

Khoảng tháng 6 năm 1971 chiến sự vùng cao nguyên nở rộ. Những trận đánh khốc liệt, liên tục từ tam biên càng ngày càng lấn sâu nội địa. Địch bao vây các căn cứ 5 và 6 là những tiền đồn phòng vệ của thị xã Kontum. Về hướng bắc và tây bắc, chúng đe dọa tiền đồn Banhet, chi khu Dakto và Tân Cảnh Bộ Chỉ Huy trung đoàn 42. Về hướng nam trên trục lộ 19 từ Pleiku lên Kontum, đèo Chupao là địa điểm trọng yếu, xương máu cả 2 bên đổ ra không ít. Hôm nay ta chiếm lại đèo, ngày mai đèo lại bị địch chiếm, giằng co qua lại gây thêm máu đổ, thịt nát cho lớp thanh niên sinh lầm thế kỷ cả Nam lẫn Bắc.

Đại tá Lý - tư lệnh tiền phương, phải chống trả hết mặt trận này đến mặt trận khác mà trong tay chỉ có một trung đoàn 42 gồm 4 tiểu đoàn và 3 đại đội thám kích, thỉnh thoảng được tăng viện vài tiểu đoàn của trung đoàn 47 hoặc 41, bứt chỗ này vá chỗ kia, tình trạng càng ngày càng tồi tệ. Địch thừa thắng xông lên lấn sát vào, lực lượng ta không còn đủ quân số phòng thủ cũng như tăng viện. Tiểu đoàn 1/42 do Đại úy Quỳnh tan hàng, kế tiếp đến tiểu đoàn 2/42 của Đại úy Vương thành Lân cũng rã đám. Trước một tình thế quá bi đát như vậy, không còn quân số bổ sung, Đại tá Lý đưa ra kế hoạch táo bạo là đột xuất đánh vào hậu cần địch ở Campuchia, mục đích là hủy diệt các kho lương thực, súng đạn, triệt hạ đường tiếp liệu, buộc lòng chúng phải giảm áp lực, và như vậy ta mới có thể vùng dậy hít thở lấy sức chống đỡ.

Trong phòng họp hành quân, tin tức tình báo cho biết các lực lượng chiến đấu địch đều bung ra các mặt trận, hậu cần chỉ còn ít lính đui, què, mẻ, sứt, ta không cần lực lượng mạnh để

tiêu diệt. Dao trâu chém ruồi phí công. Thế là đại đội tôi lại nhận cái công tác oan nghiệt. Theo kế hoạch, đơn vị chúng tôi sẽ được trực thăng thả vào ngay hậu cần, vừa giết mấy tên lẻ tẻ này, vừa phá hủy các kho súng đạn, lương thực. Sau đó, trực thăng sẽ bốc chúng tôi ra. Chuyện dễ như lấy đồ trong túi!

Lệnh cho tôi sang phòng tư nhận chất nổ và máy chụp hình, phá đâu chụp ảnh đó để chứng minh công tác đã thi hành.

Hai ngày ngồi ở bãi đáp trực thăng chờ đợi. Những giả thuyết được đặt ra, khiến lòng chúng tôi càng đầy bất an dưới một bầu trời đầy u ám và mưa gió.

Nếu vì lý do nào trực thăng không thể bốc chúng tôi về thì sao? Đem con bỏ chợ, tự tìm cách về, mưu sinh thoát hiểm.

Lỡ tin tức tình báo sai, gặp lực lượng địch đông, thì đại đội tôi coi như chuối đút miệng voi, làm sao chống trả? Khi ấy, chỉ có cách là áp dụng chiến thuật lấy ít đánh nhiều, nếu không xong thì dùng tam thập lục kế chém vè bôn tẩu. Còn nếu có các ụ phòng không khai hỏa, thì, trực thăng đáp xuống đã khó và bốc lên lại càng khó hơn. Rõ ràng, chuyến đi này, rủi nhiều may ít, thập tử nhứt sanh có thể bỏ xác trên đất người. Tôi không dám ra lệnh trực tiếp cho binh sĩ chỉ hạn chế cho các sĩ quan trung đội trưởng mà thôi. Nhưng vẫn có dư luận xầm xì, nghi ngờ cuộc hành quân hơi đặc biệt vì có máy ảnh và chất nổ.

Từ hướng đông chiếc trực thăng từ từ đáp xuống, vị Đại tá tư lệnh sư đoàn 22 được tiếp đón đưa vào phòng thuyết trình, Đại tá LÝ chỉ lên bản đồ và trình bày kế hoạch hành quân của mình, đánh thọc sâu vào hậu cần địch, dùng một đại đội thám kích...

Dẹp. Dẹp Anh đã chụm bao nhiêu tiểu đoàn rồi, bây giờ còn mấy đại đội thám kích anh định giết luôn hay sao?? - Đại tá Đạt la lớn và kế hoạch được hủy bỏ.

Tôi đứng ngoài cửa sổ phòng họp rình nghe, người nhẹ như bông, mừng hết lớn, như chết đi sống lại và đại đội tôi thoát một đại nạn.

Kể từ đó không thấy Đại tá Lý ở tiền phương và đích thân Đại tá tư lệnh trực tiếp chỉ huy mặt trận cao nguyên trong mùa hè đỏ lửa.

Phần tôi cũng gian nan không kém, thoát được nạn này lại gặp họa khác, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Tôi được lệnh khẩn cấp đi thay thế đại đội 406 thám kích do Đại úy Thạnh chỉ huy đang tăng phái cho trung đoàn 45 sư đoàn 23, bấy giờ đang hành quân ở vùng rừng núi phía tây Pleiku.

Khi trình diện trung tá CHÀ, trung đoàn trưởng 45, tôi biết được Đại úy Thạnh bị truy tố ra tòa án quân sự vì không tuân lệnh

thượng cấp. Lý do mấy tiểu đoàn của ông tiến chiếm mục tiêu trên đỉnh đồi... bị thất bại, hy sinh quá nhiều, sẵn có con ghẻ tăng phái 406 TK của sư đoàn 22 tội gì không xài, ông ra lệnh cho Đại úy Thạnh tấn công tiến chiếm mục tiêu. Nhưng Đại úy Thạnh là sĩ quan từng trải đầy kinh nghiệm chiến trường cao nguyên, đòi xin cho được pháo binh yểm trợ mới tiến quân, ông bảo anh là thám kích bằng mọi cách phải vào. Đại úy Thạnh giậm chân tại chỗ không tiến được dưới hỏa lực quá mạnh của địch. Sau cùng ông bảo làm bãi đáp, máy bay sẽ bốc Đại úy Thạnh về họp bàn lại kế hoạch. Khi máy bay đáp, Đại úy Thạnh vừa bước lên, liền bị cận vệ của trung tá Chà tước vũ khí và bị đánh ngay trên máy bay. Khi trực thăng đáp xuống Bộ Chỉ Huy trung đoàn tại ngã ba Phú mỹ nằm trên trục lộ 14 đã có sẵn quân cảnh áp tải làm thủ tục truy tố ra tòa.

Sau khi trình diện, ông ra lệnh cho tôi vào thay thế và tiếp tục tiến quân. Tôi nghĩ thầm sư đoàn 23 có 7 đại đội thám kích, tại sao ông không xin, chúng tôi thuộc sư đoàn 22 lại được ông chiếu cố, xài con ghẻ này quá kỹ, kinh nghiệm trước mắt đã thấy, hở miệng là tù mà nhắm mắt thi hành là bỏ mạng, giữa chiến trường biết than thở cùng ai.

Cái khó ló cái khôn, tôi tức tốc gọi về hậu cứ, mang hết vũ khí nặng, súng cối, đại bác, đại liên 50, đại liên 30. Chúng tôi là những đơn vị đánh nhanh rút lẹ không bao giờ dùng đến vũ khí nặng xếp vào kho lâu ngày rồi quên, nay được dịp xài đến.

Trận chiến bắt đầu mở màn, súng cối và đại liên 50 bắt đầu khai hỏa, bắn xối xả lên mục tiêu, chứng tỏ cho địch biết đây là đơn vị cấp tiểu đoàn. Chúng tôi áp dụng chiến thuật hù dọa như đuổi chim, cứ thế vừa bò lên vừa bắn và, không khó khăn mấy, chúng tôi đã chiếm được mục tiêu. Có lẽ đây là cái hên trời cho, địch đã rời bỏ vị trí trước khi tôi đến.

Lập tức báo cáo về trung tâm hành quân trung đoàn . Nhận được tin chiến thắng Trung tá Chà bay lên thị sát chiến trường, bảo tôi thả trái khói để xác định vị trí, y chang tôi đã ở đỉnh đồi. Tôi đã để một điểm son trong mắt vị trung đoàn trưởng khó tính, nghiêm khắc. Ông lập tức đề nghị cho tôi huy chương anh dũng bội tinh với ngôi sao bạc, tuyên dương trước sư đoàn.

Sau đó đơn vị chúng tôi được lệnh rút ra về đóng căn cứ giữ cầu 110 (hờ leo) ngoài tầm pháo binh yểm trợ. Đây là căn cứ nhỏ nằm bên trục lộ 14 nối liền Ban Mê Thuột và Pleiku giữa núi rừng heo hút. Tình hình lắng dịu, hơn nữa cuối tháng, tôi phải trở về hậu cứ ở Kontum để nhận lương cho lính. Sáng sớm hôm sau tôi nhận điện thoại bảo trình diện tư lệnh gấp. Bước vào bộ tư lệnh

tiền phương Đại tá ĐẠT la to, anh biết đơn vị anh khi hôm ra sao không?? Anh bỏ đơn vị đi có xin phép ai không?? Tôi ấm ớ trả lời dạ có xin phép Trung tá Chà. Ông bốc máy lên gọi nhưng không gặp Trung tá Chà, ông xỉ vào mặt tôi la lớn ĐẠI TÁ VỚI ĐẠI TÁ TÔI CÒN CHO VÁC CHIẾU RA TÒA CỞ ANH Ở TÙ MỌT GÔNG. (Tôi liền nghĩ Đại tá với Đại tá chính là ông với Đại tá LÝ) và ông bảo tôi trở về đơn vị gấp. Thật ra khi tôi về Kontum lãnh lương có ghé lại BCH hành quân trung đoàn 45 để xin phép nhưng không gặp. Tôi chỉ nói với Thiếu tá trưởng ban 3 rồi đi luôn. Khi trở lại đơn vị tôi ghé vào trung đoàn xin gặp Trung tá CHÀ ông vui vẻ giúp tôi là đã có xin phép nếu Đại tá ĐẠT hỏi, hơn nữa đại đội tôi khi hôm lại chiến thắng, do Trung úy đại đội phó chỉ huy đẩy lui các đợt tấn công của địch, gây nhiều thiệt hại, tử vong nên chúng hốt xác rút lui, đơn vị tôi an toàn.

Với quân số đầy đủ trên 100, nằm giữ an ninh chiếc cầu 110, nước trong leo lẻo, cá lội đầy sông, thả một quả lựu đạn, cá nổi trắng sông, cả đại đội ăn không hết, còn phơi khô, lính Thượng đem làm mắm.

Cứ chiều chiều ngồi nhìn những dãy núi trước mặt về hướng tây, nơi mà các tiểu đoàn của 45 bị thất trận, rồi đẩy thám kích chúng tôi vào, những bầy kên kên bay về đen một vùng trời. Có lẽ xác chết cả hai bên giữa rừng sâu không bên nào kịp mang đi. Thỉnh thoảng có những thiếu phụ, ngừng xe ghé lại căn cứ tôi hỏi thăm tin tức chồng, tôi chỉ biết chỉ về hướng núi xa xăm, chia xẻ nỗi buồn và chính đơn vị tôi đã giẫm chân lên vùng đất tử thần ấy, may mắn trời thương còn trọn vẹn kéo ra, để nằm đây nhìn lại một góc trời tang thương theo bầy kên kên no mồi!!

Kéo dài hơn một tháng, quân số cứ giảm lần, vì bị sốt rét, mỗi ngày phải cấp cứu tải về bệnh viện 3, 4 mạng bị sốt rét cấp tính, có vài ba mạng cứu chữa không kịp bị chết. Khi được lệnh rút về quân số còn lại phân nửa không quá 60 tên, mặt mày tái xanh, tóc tai râu ria bơ phờ, đúng là tàn quân khi kéo về hậu cứ, mặc dù thắng trận trời cho, cũng có huy chương như ai.

Được nghỉ dưỡng quân, và bổ sung quân số, hằng ngày tà tà mở đường giữ an ninh trục lộ từ Kontum lên Tân cảnh. Một buổi sáng đẹp trời, sau khi rải quân và lục soát xong tôi ghé vào nhà dân bên đường, kéo theo vài sĩ quan trung đội trưởng lai rai tán dóc. Chiếc xe Jeep đậu bên đường, trên bánh xe reserve có vẽ con hắc báo dấu hiệu của đơn vị 404 TK. Một chiếc trực thăng bay dọc theo trục lộ vụt qua rồi vòng lại trên mái nhà tôi đang lai rai. Nghi có quan lớn, tôi phóng xe chạy giả bộ như đi kiểm soát các vị trí đóng quân, xe tôi chạy đâu trực thăng bay theo đó và

cuối cùng hạ thấp đáp trước đầu xe tôi. Chắc có chuyện không lành. Bóng dáng vị tư lệnh đứng giữa đường vẫy tay gọi tôi lại. Tôi chưa kịp xuống xe trình diện Đại tá thì ông đã phóc lên xe bảo chở lên Dakto Tân cảnh. Trên đường đi ông bảo ghé vào các đồn bót của Địa phương quân, các căn cứ pháo binh ông han hỏi khuyến khích và an ủi binh sĩ và cuối cùng tôi đưa ông vào BCH trung đoàn 42. Trút được gánh nặng, không bị khiển trách, tôi nghĩ mới ngày nào ông đòi cho tôi đi tù mục gông, nay lại vui vẻ chận xe tôi, không chịu đi máy bay đòi đi đường bộ, lại gặp lúc tôi có hơi men sợ ông quở phạt, nhưng ông phớt lờ vui vẻ. Ít có vị tư lệnh nào lại xăm mình đi trên đoạn đường nguy hiểm trong thời kỳ chiến trường sôi động đầu năm 1972, có thể bị phục kích bất cứ lúc nào.

Cả vùng cao nguyên đạn nổ vang rền, khói súng mịt mờ các đơn vị thay nhau xa luân chiến. 81 Biệt cách dù rút ra, lữ đoàn 2 dù vào, Biệt động quân thay nhau liên tục và các trung đoàn 47, 41 của sư đoàn thay nhau trấn sơn bình hải, chỉ có trung đoàn 42 và 3 đại đội thám kích phải đưa lưng chịu trận từ đầu mùa đến te tua rồi tan hàng. Đầu tháng 3 năm 1972, đơn vị tôi (404 TK) và 406 TK của Đại úy Thiên có nhiệm vụ giữ an ninh vòng đai căn cứ pháo binh của 2 pháo đội, một pháo đội dù và một pháo đội sư đoàn, mỗi pháo đội do một đại úy chỉ huy. Căn cứ pháo binh dã chiến này do công binh ủi một vòng đai rộng nằm trên trục lộ từ sân bay Phượng hoàng lên Banhet 3 km để yểm trợ cho các cánh quân dù. Tôi được chỉ định làm căn cứ trưởng chỉ huy tổng quát về mặt an ninh. Sau những ngày vất vả xây dựng công sự phòng

thủ xong, thấy tình hình hơi yên ổn, tôi gọi phone mời 2 Đại úy pháo binh và Đại úy Thiên 406 TK lại hầm của tôi lai rai giải sầu. Ngoài trời lạnh buốt chúng tôi phải choàng những chiếc jacket trùm đầu ngồi trên nóc hầm lai rai với mấy lát thịt hộp quân tiếp vụ, gần 12 giờ khuya đèn hết pin tối đen, chúng tôi dùng pin C25 của máy truyền tin, mất hứng, lại hơi men đã thấm, Đại úy pháo binh dù bốc máy gọi về khẩu đội bảo dựng nòng bắn trái sáng. Bịch bùm trên bầu trời sáng tỏa chúng tôi tiếp tục nhậu cười nói hỉ hả, liền sau đó mìn chiếu sáng ngoài bờ rào phòng thủ xa xa phựt cháy, chúng tôi thấy vậy bắt đầu bàn tán, coi chừng VC. Đại úy Thiên 406 TK nói trời lạnh cắt ruột đặc công cũng người chứ mình đồng da sắt gì chịu nổi. Đại úy pháo binh sư đoàn nói đây man nai nhiều lắm, biết đâu mình bắn đèn sáng nó giựt mình nhảy bậy trúng mìn. Đúng đúng pháo binh dù nói, man nai tau bắn theo man nai, biết đâu ngày mai có thịt tươi nhậu tiếp, anh bốc máy gọi về pháo đội ra lệnh hạ nòng bắn trực xạ, pháo binh sư đoàn cũng tức khí đâu có thua gì dù, hai anh thi nhau bắn mệt nghỉ. Và cuộc vui tan theo, mang hơi men chìm vào giấc ngủ say vùi.

Sáng ra lính tôi đi kiểm soát vòng đai và gỡ mìn bẫy, thì hỡi ôi không còn một quả mìn nào! Bọn đặc công gỡ hết, máu me vung vãi đầy bờ rào. Kiểm soát kỹ thấy 3 xác te tua bầy hầy, mình mẩy bôi đen, chỉ mặc chiếc quần đùi rách ben. Chắc chúng tha đi không kịp đành bỏ lại. Đường đi của đặc công đã bò sát vào hầm của tôi vì chúng bò đến đâu cắt kẽm gai, gỡ mìn, xong là đánh dấu cho bộ binh bò theo bằng những miếng bẹ chuối trắng cắt từng miếng lớn hơn con cờ domino. Bên góc hầm tôi được chúng ưu ái tặng cho mấy miếng. Qui luật của đặc công mặc dù đã lọt vào lòng địch rồi chưa tới giờ tấn công là phải ém quân chờ lệnh. Lệnh tấn công chưa ban, còn chờ các đơn vị bạn để hiệp đồng tác chiến thì đã bị pháo trực xạ, phá vỡ kế hoạch đành hốt xác tháo chạy... Nhờ thế chúng tôi mới thoát chết.

Tôi báo cáo về BTL tiền phương bị địch tấn công chúng tôi chống trả mãnh liệt, chận đứng những đợt tấn công biển người phải dùng đến pháo binh trực xạ và kết quả 3 vc bỏ xác tại chỗ và một số chất nổ beta.

Sau này tôi bắt được đặc công của chúng mới biết được lối gỡ mìn trong đêm tối. Xung quanh căn cứ chúng tôi giăng mìn la liệt, dùng sợi chỉ cước giăng dài, hễ chạm hay vấp vào sợi chỉ là mìn nổ vậy mà đám đặc công lại tài tình tháo gỡ lấy hết không sót một trái. Chúng dùng một sợi lạt tre mỏng bò đến đâu chúng đưa sợi lạt từ dưới đất lên nhè nhẹ nếu vấp phải sợi cước là chúng biết ngay và lần mò về 2 đầu sợi cước sẽ gặp quả mìn chúng gỡ

ra và cột chặt bỏ vào từng đống, xong rải bẹ chuối cho đồng bọn đi theo, bẹ chuối trắng ban đêm sáng như lân tinh.

Ai nói uống rượu là chết người? Riêng phần chúng tôi, nhờ rượu mà chúng tôi thoát chết! Có hơi men nên chàng Đại úy pháo binh dù ra lệnh bắn trái sáng để thấy đường nhậu tiếp. Muốn ngày mai có thịt tươi man nai thì ra lệnh hạ nòng trực xạ bắn tiếp Ai ngờ mấy chú đặc công xăm mình đưa lưng đỡ đạn, sáng ra cho chàng 3 con nai đen thui 2 cẳng lạnh người. Thấy cảnh này nếu có thịt nai tươi thật chắc chàng cũng lắc đầu từ chối. Lại một chiến thắng RƯỢU cho. Chúng tôi được đề nghị thưởng huy chương.

Trận chiến ngày càng ác liệt. Đạn pháo 130 ly bắt đầu rót vào Tân cảnh. Căn cứ dã chiến Charlie thất thủ. Trung tá dù tiểu đoàn trưởng Bảo hy sinh. Con đường huyết mạch độc đạo Kontum Tân cảnh bị VC đóng chốt, bốn mặt đều bị vây hãm, nhìn chỗ nào cũng khói súng, tai nghe đạn bom nổ rền trời. Các đơn vị càng ngày co cụm về Tân cảnh bao quanh BCH trung đoàn 42 trong đó có Đại tá tư lệnh 22 và ban tham mưu sư đoàn.

Đơn vị tôi và chi đoàn thiết giáp của Đại úy GIANG đã chận đứng các đợt tấn công táo bạo vc định tràn lên sân bay nhỏ L 19 trước kho đạn và cách BCH trung đoàn 42 chừng 300m đường chim bay, suốt ngày 23 tháng 4 năm 1972, phần đơn vị tôi chết 3 - trong đó có 1 trung sĩ - và 5 bị thương. Tất cả được đưa về hậu trạm kho đạn. Phần thiết giáp 2 chiếc M113 bị bắn. Tối hôm đó chúng tôi rút vào kho đạn phòng thủ. Vào khoảng 7 giờ tối, tôi được lệnh Đại tá ĐẠT gọi vào. Ông niềm nở bảo tôi đem lính vào đào cho ông 2 cái hầm tròn cá nhân, một cho ông và một cho Đại tá Vi văn Bình, tư lệnh phó , ở ngoài trời bên cạnh trung tâm hành quân. Nơi đây khi sáng đã bị trúng hỏa tiễn AT3 gây thiệt hại đáng kể. Loại vũ khí này lần đầu tiên được thấy. Ban đêm nhìn quả đạn bay thật đẹp, màu sắc rực rỡ, vận tốc chậm có thể quẹo phải, trái hoặc lên xuống và rất hảo nhiệt. Tôi cho lính vào thực hiện ngay và đích thân tôi kiểm soát. Xong tôi mời Đại tá ra xem để biết vị trí và chào tạm biệt trở ra vị trí phòng thủ. Không ngờ lần tạm biệt này trở thành vĩnh biệt vị Tư Lệnh.

Khoảng 9 giờ tối nhận điện báo có thiết giáp địch xuất hiện dưới khe suối trước mặt trung đoàn và không lâu sau đó 2 chiếc khác lù lù bò lên sân bay L19 nơi mà đơn vị tôi và thiết giáp đánh khi sáng rồi nằm im tại chỗ. Oan nghiệt thay đơn vị tôi không có một khẩu M72 chống chiến xa, Tôi cho lục khắp kho đạn, nhưng không có khẩu nào. Tôi gọi Đại úy Giang thiết giáp dùng chiến xa M41 bắn đi, tôi sẽ bắn trái sáng cho, nhưng anh vẫn ầm ờ chờ đợi. Nói về phòng thủ tổng quát chung quanh vòng đai trung đoàn

42, Tiểu đoàn 1 của Thiếu tá CỘI bị đánh te tua trên đồi Quang Trung kéo về thủ phía nam, tiểu đoàn 2 của Thiếu tá SƠN cũng sứt gọng gãy càng phòng thủ dọc theo trục lộ hướng đông trước mặt, tiểu đoàn 4 của Đại úy TRÍ chận ở hướng chi khu Dakto, đơn vị tôi 404 TK và thiết giáp án ngữ hướng tây bắc, cũng bị dập đầu lỗ trán chứ chẳng lành lặn gì.

Suốt đêm, tôi mở máy đủ các tần số phần liên lạc, nhận lệnh của sư đoàn và trung đoàn. Tôi được biết Thiếu tá NHU, trung đoàn phó 42, có lẽ ông giỏi về tham mưu hơn quân sự tác chiến nên đã bỏ mất rất nhiều cơ hội yểm trợ về không lực trong cơn hấp hối. Ông rất ngớ ngẩn để hướng dẫn máy bay đánh các mục tiêu thiết giáp địch, đang chuẩn bị tấn công. Tôi nghe các phi công đang yểm trợ nói: "Đ.M., bay ngu quá tau vào núi trút bom rồi về vì hết xăng". Đau lòng thay, viên phi công bảo: "Tôi bỏ trái đỏ này xuống và từ đó anh cho biết mục tiêu bên phải bên trái xa gần bao nhiêu và phương giác anh nhìn tôi sẽ đánh bom vào đó". Nhưng tiếc thay ông chưa học cách điều chỉnh tác xạ làm sao biết chỉ điểm mục tiêu. Ông cứ hỏi anh thấy nhà thờ không? Thấy tháp nước tôi không? Viên phi công trả lời trời tối đen như mực làm sao mà nhìn thấy và như thế viên phi công tức mình chửi thề vào núi trút bom. Nhìn lên tháp nước có cầu thang sắt leo lên bị AT3 bắn cháy với những cọng sắt đỏ rực. Có lẽ Thiếu tá trung đoàn phó đã ngủ yên, vì tôi không còn liên lạc với ông được nữa. Nghe nói còn có một cố vấn Mỹ nữa và cây đại liên 50 trên đó trở thành đống sắt vụn.

Rạng sáng ngày 24 tháng 4 năm 1972, tôi nhảy ra khỏi hầm chỉ huy đến đứng bên cạnh Đại úy Giang đang tựa lưng vào chiếc M113 chỉ huy của anh ấy. Tôi bảo bắn đi, bắn đi khi hai chiếc thiết giáp địch đang từ từ di chuyển nhắm hướng BCH trung đoàn. Thiết giáp M41 của Đại úy Giang vừa rồ máy thì những tiếng nổ vang rền, khói lửa bùng lên đen trời, khi tan khói những pháo tháp của M41 bay đâu mất, mặc dù nó được núp sau bờ thành kho đạn. Tôi nói với Đại úy Giang coi chừng đơn vị anh có nội gián đặc công nên phá hủy thiết giáp. Tôi đâu ngờ AT3 lại nhanh đến thế.

Từ hướng bắc sân bay Phượng hoàng, thiết giáp địch cắm cờ mặt trận giải phóng nửa xanh nửa đỏ chạy rầm rập trên trục lộ tràn vào vị trí đóng quân của tôi vừa chạy vừa bắn. Tôi bảo chạy. Vừa nhảy qua bên kia bờ đất, thì chiếc thiết giáp chỉ huy của Đại úy Giang bị bắn và anh ấy bị thương. Bộ binh địch theo sau thiết giáp, tràn vào lục soát tứ tung. Chúng bắt sống Đại úy Giang và khoe: "Tau bắn chết thằng Đại úy Hà Khôi, tiểu đoàn trưởng hắc

báo chỉ huy căn cứ nầy rồi". Tôi nằm bên nghe lạnh người. Làm sao chúng biết rõ tông tích, tên họ cấp bực, chức vụ tôi một cách rành rõi. Tôi mặc bộ đồ bông ba mai đen may dính trên cổ áo, không tài nào tháo ra, giả bộ chết, nằm sấp, chen vào những xác chết của binh sĩ tôi bị tử thương ngày hôm qua không di tản được. Tôi nín thở, không dám cục cựa sợ chúng biết còn sống sẽ bắn bồi. Sau nầy tôi mới hiểu được tại sao chúng biết được tên họ cấp bực vì chúng đã vào hầm chỉ huy của tôi thấy bộ đồ bỏ lại, nhìn vào áo là nó khai rõ, không một lời gian dối.

Trời sáng L19 bắt đầu bay lên chúng sợ có máy bay oanh kích sẽ bay theo ném bom nên vội vàng rút ra khỏi kho đạn, sợ kho đạn nổ, lợi dụng cơ hội này tôi sống lại lủi ra bờ rào và thu gom lính lại, hướng về phía Kontum, tìm đường thoát thân.

Thiết giáp địch tràn vào BTL tiền phương như chỗ không người, không còn lực lượng nào chống trả, không có M72, không có mìn chống chiến xa, mấy chiếc M41 của Đại úy Giang vừa nổ máy đã được AT3 tặng cho mỗi chiếc một cái hôn bốc lửa thành bại liệt, chết đứng tại chỗ.

Theo tôi được biết, tin tức tình báo viễn thám đã báo cáo có thiết giáp địch nhưng BTL sư đoàn không tin là chúng có thể bò đến Tân cảnh, cứ dự đoán chúng sẽ đánh Banhet nên tất cả vũ khí chống chiến xa ưu tiên cho tiền đồn này của BĐQ Biên phòng.

Tôi thu gom được hơn 40 quân, vì còn bản đồ máy C25 truyền tin, tôi gọi BCH trung đoàn, nhưng ở đây im lặng vô tuyến. Tôi gọi trung tâm hành quân sư đoàn thì bặt tăm. Tôi nghẹn ngào muốn khóc. Gần 10 năm mặc áo lính, tham dự các trận chiến ác liệt từ vùng hỏa tuyến Quảng Trị, Gio Linh, Cam Lộ, Ba Lòng, Khe Sanh, Lao Bảo nhưng chưa bao giờ thất trận tan hàng, thảm bại như trận chiến cao nguyên này. Tôi lầm lũi dẫn lính chạy càng xa vùng lửa đạn càng tốt, bây giờ còn đánh đấm gì nữa, cấp chỉ huy mình chẳng còn ai. Phía trước mặt có ngôi làng Thượng nhỏ, tôi định cho lính vào đó kiếm chút ít lương thực mang theo đi đường và hỏi thăm tin tức, vào cổng làng gặp một bé nhỏ cỡ 6 tuổi đứng khóc. Tôi cho lính Thượng hỏi bé, được biết cha mẹ nó thất lạc, hỏi trong làng có ai, nó lắc đầu, trong làng có lính không, nó gật đầu, hỏi đông không? Đông. Hỏi lính có giống như vầy không? Không. Hỏi có đội nón sắt như vầy không, nó lắc đầu, chính thị VC rồi, nếu trước đây thì nhào vô kiếm chút chiến công bây giờ nghe hơi là phải chạy xa. Tôi ra lệnh bồng đứa bé chạy luôn, đi hơn một cây số thì nghe tiếng xầm xì dưới bờ suối, được biết đó là dân làng sợ VC chạy xuống đó trốn. Tôi trả đứa bé cho dân làng và chúng tôi tiếp tục đi. Trời tối, không thấy đường bèn rải quân

phòng thủ chờ sáng sớm tiếp tục. Khoảng 11 giờ đêm, bỗng xa xa những tiếng nổ vang rền, càng lúc càng rõ dần, khi nghe được những tiếng rít ghê rợn lạnh người của những quả bom xé toạc màn không khí lao đầu xuống đất ghê rợn hơn tiếng nổ, và rừng núi cũng đáp lại những tiếng la thất thanh của tiếng người sắp từ giã thế gian hận thù theo thần chết về địa phủ. Ai đã la thất thanh và đó là lời nói cuối cùng của đời người?... Xin trả lời: Đó là quân ta bị thất lạc và cả quân địch lớp lớp hăng say chực thu gom thêm những chiến thắng, nay banh thây, mất xác trong rừng núi âm u của vùng cao nguyên này.

Tôi biết đây là B52 rải thảm. Trời kêu ai nấy dạ. Tôi bình tĩnh nằm nghiêng bên gốc cây miệng lâm râm Nam mô Quan thế âm Bồ tát cứu nạn cứu khổ... Có bao giờ tôi nghĩ đến kinh kệ, nhưng đứng trước cái chết cận kề tự nhiên nhớ lại. Một thoáng nghĩ trong đầu, có lẽ tôi cũng giống như ba tôi bị mất xác khi ông bị VC bắt từ năm 1946 sau ngày toàn quốc khởi nghĩa rồi mất tích vì thuộc thành phần trí thức VNQDĐ. Bỗng tiếng rít không hú thêm và tiếng nổ im bặt, tôi nằm chờ hồi hộp 10 phút...15 phút trôi quạ Tôi vùng dậy, gọi mật khẩu để thu quân HẮC BÁO (1) nếu có tiếng trả lời 404 là phe ta. Hơn 2 ngày không có hột cơm trong bụng, tôi nhớ sực tới khúc khoai mì khi băng qua rẫy dừng chân nhổ vài bụi lùi sơ ăn lót dạ, còn lại bỏ vào túi làm lương khô dự trù, bây giờ rớt đâu mất tiếc đứt ruột hơn mất vàng. Lần hồi cũng gom được non 20 người lính phần đông là lính Thượng. Trời bắt đầu sáng, chúng tôi dò dẫm về hướng Nam. Nhưng chúng tôi ngửi được mùi thúi từ những xác chết bốc lên và vấp phải những giây điện thoại, rải theo các giao thông hào tiến quân của địch. Tôi tức tốc cho rút lui và bọc sâu về hướng Tây. Tôi đoán đây là ngoài vòng đai căn cứ Charlie Dù bị thất thủ trước đây. Giờ này có lẽ địch đang tìm cách tràn về hướng đông ra quốc lộ để chận đường rút lui hoặc đánh viện binh của ta. Cách tốt nhất là di chuyển về hướng tây càng sâu càng an toàn hơn.

Lần mò tôi cũng dẫn được đám tàn quân thoát vòng vây địch về đến gần Kontum. Từ trên sườn đồi nhìn xuống quốc lộ thấy có thiết giáp và lính bận áo rằn ri, tôi nửa mừng nửa lo. Cho ba tên lính Thượng xuống dò la tin tức. Hơn 2 giờ sau họ trở lại, súng đạn mất hết. Tôi hỏi tại sao?? Họ bảo bị lính Biệt Động Quân thu. Vừa nghe BĐQ biết là quân bạn tay chân tôi rã rời không bước thêm một bước, mặc dù có lính dìu đi. Tôi bảo chạy ra báo có một Đại úy thám kích bị thương, cần tản thương. Một chiếc M113 chạy vào đưa tôi ra đường lộ và xe cứu thương đưa tôi về hậu cứ.

Giả sử lúc lính về báo cáo là địch chắc tôi co giò chạy tiếp để thoát thân chớ đâu dám xỉu, hay nằm chờ chết hoặc chờ bị bắt làm tù binh.

oOo

Tôi không rõ ngày tháng khai sinh của Thám kích nhưng ngày khai tử nó vào tháng tư mùa hè đỏ lửa 1972. Các Đại đội thám kích được sát nhập vào các Trung đoàn.

401TK, 405TK vào trung đoàn 40 và 41. Các Đại đội vùng cao nguyên 403TK, 404TK, 406TK sát nhập vào Trung đoàn 42, riêng 402TK thuộc Tiểu khu Phú Bổn lại trở thành một Đại đội Địa phương quân của tiểu khu này, và chắc Thám kích sư đoàn 23 cũng thế.

Thám kích nghĩ cũng oai hùng nhưng cũng lắm cay nghiệt, hòa chung trong giòng Quân sử QLVNCH Vinh quang và tủi nhục như hai mặt của tấm huy chương đi vào bóng tối 40 năm qua. Những sĩ quan từng là thám kích đã hy sinh trên chiến trường cho tôi một phút mặc niệm thương tiếc: cố Trung úy Phan văn CHẤN 405 TK, cố Đại úy Bùi toàn HẢO 405 TK, cố Trung úy Lê văn SƠN 405 TK, cố Trung tá Nguyễn tấn HẠNH 405 TK, cố Thiếu tá Ngô THẠNH 406 TK, cố Thiếu tá Ngô đình THIÊN 406 TK. Nay tuổi già, nhớ gì viết nấy, một nén nhang thơm thắp muộn cho đồng đội tôi mang hai chữ THÁM KÍCH.

HÀ QUẾ LINH.
Houston sau 40 năm giã từ danh xưng Thám kích.
HÈ 2012

(1) Hắc báo là biệt danh của đại đội 404 TK (Như đại đội 405 TK có biệt danh là Diều Hâu). Xin đăng lại bài thơ For My Scouts của một nhà thơ Hoa kỳ, có liên quan đến đại đội này : Many of my Scouts have lived there a long timewith a Black Panther painted upon their doors.

(THT)

Charles Schwiderski

For My Scouts

I have built a house within my heart
where all of my Highland Scouts live.
Each one has a permanent room
though all of the windows

are draped in black
and the tenants are never coming back.
Grief is mineand I am selfish
I hoard their memories with relish.
Inside are stored essences of each
...of good times and bad
of all the things that have been.
I can lift the curtains when I am lonely
and they all laugh and live again
Many of my Scouts have lived there a
long timewith a Black Panther
painted upon their doors.
Inside I can hear their laughter
and my tears fall upon the floor

** Nhà thơ Charles Schwiderski nguyên cố vấn cho Thám Kích Cao Nguyên, Biệt Khu 24 QLVNCH, Kontum từ 1967 đến 1968.*

Charles Schwiderski

Cho những người bạn thám kích của tôi

Tôi xây trong tim tôi
ngôi nhà cho những người bạn thám kích
Mỗi người một căn phòng cố định
Dù tất cả cửa sổ
Đều phủ màn đen
Và chủ phòng không bao giờ trở lại
Nỗi đau là của tôi, và tôi là một người ích kỷ
Tôi say sưa gom góp kỷ niệm về các bạn
Mỗi phòng chất chứa tinh hoa của chủ phòng
của những chuỗi ngày vui buồn hay may rủi
của tất cả mọi điều từ trước đến nay
Khi cô đơn tôi có thể vén màn
và các bạn sống lại cười vui trở lại
Nhiều bạn thám kích của tôi đã sống trong ngôi nhà nầy
rất lâu, với hình con Báo Đen
sơn trên cửa phòng của họ
Bên trong tôi vẫn nghe giọng cười
và nước mắt tôi sa xuống trên nền nhà.

(THT phỏng dịch) ◆

Nói với Thanh Tâm

Ba chết rồi, ai đưa con vào trường học.
Ai nhắc con tìm đọc những trang sách vượt thời gian
Ai ngắm áo mùa thu như những lá vàng
Áo mùa xuân hớn hở, áo mùa hè rực rỡ
Áo mùa đông nghe ấm cả tâm hồn
Và những buổi hoàng hôn
Ba đâu còn thấy con đi trong chân trời tím
Những ngày nằm bệnh viện,
Bệnh viện Hồng Bàng có khu vườn xum xuê cây cổ thụ
Có những cây sao cao vút và cây bằng lăng nở hoa tím đẹp
Ba thường ngồi bên cửa sổ ngắm hoa
Tim tím như lan Đại Châu vẫn nở trong vườn mình
Những lúc ấy ba thường nghĩ suy giữa đôi bờ sống chết
Con chim con cứ hót, hoa vẫn nở hoa
Ba gọi thầm: biết bao giờ ta lại gặp ta (1)
Xa xôi ấy ba nhớ con vô hạn
Ước có con là bạn, ghi lại chút suy tư.

Ngày gặp con ở bệnh viện ung thư
Ba như trẻ con và con như người mẹ

Con chăm chút lo cho ba từng bữa
Trái ngọt ngào từng ly sữa dành ba
Ba cảm thấy bệnh không còn hành hạ
Nhưng cuối cùng, sự chết vẫn vây quanh

Ba chết rồi,
Xin con đừng khóc
Để hồn ba vui với trăng sao,
Hồn thong dong theo mây gió bay cao
Để ba được đi vào cõi lạ
Xin con đừng khắc tên ba vào bia đá
Ngày chết của ba cùng với ngày sinh

Trăm năm cô đơn ba chỉ biết mình
Dưới hầm mộ với những mùa đông lạnh lẽo
Thịt xương ba theo năm tháng rã rời
Xin con đừng buồn đừng khóc con ơi!
Có gì đâu một móc sương, một giọt mưa sa xuống đất
Như cành hoa vừa gẫy rụng trong đêm

Ba vẫn nghĩ:
Lúc ba sinh ra đã thấy núi biếc, thấy dòng sông
Giờ chết đi, như cánh hoa đào trôi theo dòng nước
Nhưng núi vẫn còn, sông vẫn là sông (2)
Đời vẫn thế, dù cuộc đời đau khổ
Vẫn yêu đời, yêu cuộc sống mai sau
Như cây trong vườn mọng ngọt trái sai
Như hoa hồng vẫn thơm ngát ban mai.

MINH TRAI

(1) Đi tìm cái "bản lai diện mục"
(2) Thiền luận của SUZUKI:
Lúc chưa học Thiền, thấy núi là núi, sông là sông. Lúc đang học, thấy núi chẳng phải núi, sông chẳng phải sông. Khi đạt đạo (giác ngộ), hành giả thấy núi vẫn là núi, sông vẫn là sông.

◆

Truyện Kiều
đọc qua lăng kính dịch lý

TĐ Nguyễn Việt Nho (*)

Xưa nay đã có rất nhiều người khảo sát Kiều dưới nhiều góc cạnh, nhưng nhìn nó dưới lăng kính Dịch chắc là ít gặp (?), nhưng tại sao ta không nhìn nó dưới lăng kính nầy khi tác giả của nó là một người thâm nho, có nghĩa là tại sao ta không thử xét nó qua cấu trúc của Dịch lý? Biết đâu làm thế, ta lại hiểu thêm giá trị tìm ẩn của truyện Kiều và hiểu thêm về tác giả Nguyễn Du để vong hồn ông không còn phải băn khoăn, rằng:

"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?"
(Ba trăm năm, có chăng người
Hiểu Tố Như, để khóc cười cùng ta?)

Muốn hiểu Tố như để có thể "khóc cười" cùng tác giả, nghĩ rằng phải cần đọc Kiều trong sự trầm tư xuyên qua mạch dẫn của Dịch và muốn vậy cần biết qua về Đạo Dịch.

Đạo Dịch đúng ra là Đạo được Kinh Dịch "trinh nguyên", là phần Kinh không chữ viết, tức 64 qủe, (tức 64 con lý số hay dịch

số) chỉ ra (Xin đọc VĂN HÓA CỔ VIỆT XB 2004, cùng tác gỉa): Đây cũng chính là cái Đạo diễn biến ở mọi nơi, mọi lúc, nơi mọi sự vật trong hoàn vũ nên Đạo nầy còn gọi là Đạo Thường Còn. Lão Tử gọi là Thường Đạo và Ông nói: "Đạo khả đạo phi thường Đạo" (Đao mà giảng giải ra là Đạo không phải là Đạo Thường Hằng). Theo đó thì: Đạo Thường không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, việc dùng ngôn ngữ để trình bày là phần việc của Giáo, nó là Đạo Giáo hoặc Tôn Giáo.

Truyện Kiều là một tác phẩm văn chương, một luận án triết học về Tài Mệnh như ai nấy điều biết, nó còn là một kinh sách nêu lên Đạo Dịch thâm sâu mà ít người nói đến. Riêng trên lãnh vực nầy, đây là phần chủ yếu mà bài viết muốn tuần tự nêu lên:

I. BA CÁCH THỨC ĐỂ TRÌNH BÀY ĐAO DỊCH TRONG TRUYỆN KIỀU:

I. 1 Sử Dụng Ngôn Ngữ Để Trình Bày 'Đạo'

Đây là cách thông thường, thường thấy trong các nền văn hóa xưa nay, nhưng phải ghi nhận nó là hạ sách, bởi một cách đơn giản, Đạo không thể dùng lời để nói như đã nói trên. Cái thường được người ta gọi là Đạo (Đạo Thiên Chúa, Đạo Phật, Đạo Hồi, Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảọ thực ra, những thứ vừa nói, nên gọi là giáo vì tất cả đều đặt trên nền tảng ngôn ngữ qui ước, chỉ có khả năng mô tả hay nói về Đạo chứ không là Đạo. Dĩ nhiên cái nói về nó khác hẳn với cái chính như là nó: Đúng nghĩa phải nói, Đạo là cái Chân Lý, Chân Như, Nó như là chính Nó và Giáo chỉ là cái phương tiện để nói về Đạo mà thôi, khác nhau như chính cái mặt trăng và bàn tay chỉ mặt trăng (Dụ ngôn của Phật Giáo)

Để Đạo thể hiện ra như chính nó, là điều không thể làm được đối với hầu hết các nền văn hóa xưa nay: Hết thảy đều phải trình bày Đạo qua phương tiện ngôn ngữ. Chẳng khác, toàn bộ truyện Kiều cũng đã phải dùng phương tiện ngôn ngữ nầy với 22.778 chữ quốc âm chứa trong 3.254 câu lục bát để nêu lên thuyết 'Tài Mệnh Xung Khắc', tìm thấy qua bố cục của truyện:

_ Phần đầu từ câu 1 đến câu 6 nêu lên chủ đề Tài Mệnh Xung Khắc:

"*Trăm năm trong cõi người ta*
Chữ TÀI, chữ MỆNH khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen"

_ Phần giữa từ câu 7 đến câu 3240, gồm 3234 câu, giành trọn để khai triển chủ đề, chỉ ra sự xung khắc giữa tài năng cùng sự tính toán của con người, đại diện là Kiều, không qua được mệnh hay số mệnh định sẵn và cũng trong phần nầy, tiếp đến là trình bày vai trò chữ Tâm trong việc giải nghiệp.

_ Phần chót từ câu 3241 đến câu 3254: là phần kết luận cho luận đề Tài Mệnh Xung Khắc.

Có thể nói: nội dung truyện Kiều không gì khác hơn là luận đề Tài Mệnh Đố Kỵ và để dung hòa, hóa giải xung khắc phải dùng đến cái Tâm. Ba yếu tố như là ba chân đế của Tam Tài Thiên Địa Nhân, chúng kìm chế lẫn nhau và cũng vừa tạo để thế quân bình bền vững

Tóm lại qua truyện Kiều, Tố Như Tiên Sinh cũng đã dùng ngôn ngữ để diễn bày sự xung khắc hai chữ Tài Mệnh và rồi đưa ra phương cách cải sửa bằng chữ Tâm, nghĩa là đưa ra phần đóng góp của Tài Nhân để hóa giải cái xung khắc của hai tài kia. Phần dùng chữ để trình bày 'Đạo' có thể xem như là Đạo Giáo (Giáo thuyết về Đạo)

I.2. Diễn Đạt Đạo hay Đạo Dịch Bằng Kết Cấu Nhân Vật Qua Tượng Số Lý Số

I.2.1 Nhân Vật Truyện Kiều Qui về Kết Cấu Tượng Số

Đúng ra, lối diễn đạt Đạo qua ngôn từ như trên của Nguyễn Du cũng chưa đích thực là cái Đạo Tài Mệnh Xung Khắc mà chỉ mới nói về Đạo Lý (bởi chưa làm cho nó tự hiển lộ ra sự xung khắc nầy), thế nên bên cạnh việc sử dụng ngôn từ, tác giả truyện Kiều đã khéo thêm vào phần kết cấu nhân vật bằng các con tượng số của Bát Quái để qua đó mà làm cho Đạo Dịch tự hiển hiện ra. Thật thế, nếu ta phối kết các tượng số của Bát Quái đại diện cho nhân vật lại với nhau, tùy từng thời, ta sẽ trực tiếp thấy được cái Đạo Tài Mệnh được an bài cho từng phần số. Nói rõ ra là: thấy được việc cát hung (tốt xấu), thành bại và cả cái diễn tiến cũng như kết qủa của các sự kết hợp nầy nữa (phải chăng vì thế nên chi dân ta đã dùng Kiều để bói Dịch với lời nguyện thành khẩn: "Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều!" (điều nầy sẽ được làm rõ hơn trong phần kế dưới). Sự đố kỵ và sự an bài để nhằm đạt được đức công bằng và thế quân bình sẽ được chỉ ra do sự kết hợp của các con tượng số trong Bát Quái, là tượng hình của 8 con số, đó là: con 0 Khôn ( ), 1 Cấn ( ), 2 Khảm ( ),

3 Tôn ( ), 4 Chấn ( ), 5 Li ( ), 6 Đòai ( ), 7 Càn ( ). Tám con nầy tương đương với 8 số của nhị phân: 000; 001; 010; 011; 100; 101; 110; và 111.

Tám tượng số nầy tương ứng với thứ tự trong gia đình là: Càn: Cha, Khôn: Mẹ, Chấn: Trưởng Nam, Khảm: Thứ Nam, Cấn: Út Nam, Tốn: Trưởng Nữ, Li: Thứ Nữ, Đoài: Út Nữ. (Muốn biết qủe là nam hay nữ, trưởng hay thứ hay út ta theo qui ước: Nguyên tắc của Dịch là "thiểu vi chủ", có nghĩa là cái nào ít sẽ làm chủ quái: trong ba nét nếu hào Khôn nhiều, Càn ít, Càn làm chủ quái và nếu Càn nhiều, Khôn ít thì Khôn làm chủ quái. Và việc định quái là âm hay dương, thuộc Nam hay thuộc Nữ thì hãy nhìn vào chủ quái nó thuộc hào Khôn (__ __) hay Càn (____), âm hay dương, còn trưởng hay thứ hay út thì sơ hào là trưởng, hào hai là thứ và hào trên cùng là út).

Nếu dựa trên tượng quái để xếp loại thì các nhân vật trong truyện Kiều sẽ là: Vương Ông quái Càn ( ) Vương Bà là Khôn ( ); Từ Hải là Chấn ( ); Kim Trọng, Thúc Sinh là Khảm ( ); Vương Quan: Cấn ( ); Thúy Kiều, Đạm Tiên: Tốn ( ); Thúy Vân: Li ( )

Và nếu căn cứ vào ý tượng, các nhân vật còn lại sẽ là: Giác Duyên, Tam Hợp (hiền hậu, nhân đức): Con Khôn ( ); Thằng bán tơ, Sở Khanh, Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư, Bạc Bà, Bạc Hạnh: gian ác: đều là con Khảm ( ) (trong trường hợp nầy Khảm không mang nghĩa chỉ thứ Nam mà chỉ người hiểm ác).

Đem tượng số đối chiếu với nhân vật qua lời thơ trong truyện, ta thấy:

1. Vương Ông là con Càn ( ), Vương bà là con Khôn ( ), là chủ nhân viên trang:

"Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung"

2. Thúy Kiều, chị cả, là con Tốn là phong, khí, gió ( ). Đời nàng trên thực tế đã gắn liền với Tốn trong nghĩa là gió nầy, như: "gió thảm mưa sầu", "gió tấp mưa sa", "gió giật mây vần" và Kiều cũng đồng hóa mình với gió nên khi chia tay, căn dặn Thúy Vân:

"Trông ra ngọn cỏ lá cây
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về"

Hay tự nhận mình là gió:

"*Mặt sao dày gió dạn sương*
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân"

Hoặc: *"Một lời tuy có khác xưa*
Xét mình giãi gió dầm mưa đã nhiều"

Và ngay như tiếng đàn của Kiều cũng có cả tiếng mưa, tiếng

gió:

"Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa"

Kim Trọng cũng xem Kiều như là gió:

"Mành tương phất phất gió đàn
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình"

3. Đạm Tiên, cũng giống như Kiều, cũng mang tượng con Tốn/Phong/gió ( ):

"Phút đâu ngọn gió cuốn cờ đến ngay
Ào ào đổ lộc, rung cây
Ở trong dường có hương bay ít nhiều"

Thật ra, chữ số Tốn, ngoài nghĩa là gió còn có nghĩa nữa là khí, nên Đạm Tiên nhắc Kiều trong giấc mộng, khi Kiều chưa nhận ra mình là ai, rằng:

"*Thưa rằng thanh khí xưa nay*
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên"

Và khi báo mộng cho Kiều, Đạm Tiên cũng bằng làn gió khua động bức mành:

"Gió đâu sực bức mành mành
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao"

4. Vương Quan: Tượng quái Cấn ( ) là út Nam và Cấn cũng mang hàm ý là người quân tử nho nhã:

"Một trai con thứ rốt lòng
Vương Quan là chữ nối dòng nho gia"

Nguyễn Du không phải là tác giả duy nhất phóng tác truyện Kiều qua cuốn Đoạn Trường Tân Thanh của Thanh Tâm Tài Nhân, theo Tuyết Mai trên mạng TUVILYSO, mục Văn Hiến Lạc Việt, thì ở Đại Hàn cũng có người dựa vào nguyên tác Đoạn Trường Tân Thanh mà phóng tác, nhưng nhân vật Vương Quan được xếp làm trai thứ, người út là Thúy Vân và, nếu là như vậy thì, qủa là một sự chủ ý trong việc câu kết nhân vật cho phù hợp bố cục Dịch lý của cụ Nguyễn Tiên Điền. Với kết cấu Thúy Vân làm thứ nữ, thì khi cho phối hợp các tượng quái đại diện các nhân vật, mới có ý nghĩa mang tính Dịch (sẽ thấy rõ ở phần: Kết Hợp Tượng Số Chỉ Ra Đạo Dịch)

5. Thúy Vân là thứ nữ, mang tượng quái LI ( ), là tượng mặt trời:

"*Đầu lòng hai ả tố nga*
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân"

6. Kim Trọng có tượng là Khảm/Nước ( ), là con thứ, là mặt trăng (đối nghịch với mặt trời (Con Li). Mặt trăng (Khảm) như dính liền với Kim Trọng: "Đề huề lưng túi gió trăng". Và, khi nào

nhìn thấy trăng thì Kiều đều tưởng nhớ đến Kim với lời thề non hẹn bể:

"Đêm khuya ngắt lạnh mù khơi
Thấy trăng mà thẹn những lời non sông"

Khảm là nước, Kiều xem Kim như là nước khi Kim yêu cầu nối lại tình xưa:

"Nói càng hổ thẹn trăm chiều
Thà như ngọn nước thủy triều chảy xuôi"

Thúc Sinh cũng là người yêu của Kiều, cũng có tượng Khảm, bởi ở độ trung niên và Kiều thấy trăng là cũng nhớ đến Thúc, khi chàng Thúc bỏ Kiểu về quê:

"Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường"

7. Từ Hải: có tượng con Lôi/Chấn ( ): mang ý là anh hùng năng nổ, sôi động:

"Chọc trời khuấy nước ở đời
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông"

Hay: *"Thừa cơ chẻ trúc ngói tan*
Binh uy từ ấy sấm vang trong ngoài
Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà
Đòi cơn gió quét mưa sa
Huyện thành đạp đổ năm thành cõi Nam"

Với lý tưởng và ước vọng "sao cho muôn dặm một nhà" nên, dưới mắt Kiều, họ Từ là sấm sét, là anh hùng mang tượng của con Lôi:

"Trông nhờ sấm sét ra tay
Tấc riêng như cất gánh này đổ đi"

Với chính Từ Hải, chàng cũng tự nhận mình là anh hùng "đội trời đạp đất", sẵn sàng can thiệp kẻ thế cô, lực yếu:

"*Anh hùng tiếng đã gọi rằng*
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha"

Và chàng cũng xứng với danh xưng nầy qua những việc đã làm, như:

"*Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên*
Làm cho động địa, kinh thiên đùng đùng"

Và ngay như khi chết cũng lẫm liệt, khí phách oai hùng, khác phàm:

"Từ sinh liễu giữa trận tiền
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân
Khí thiên khi đã về thần
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng

Trơ như đá, vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời"

I.2.2 Kết Hợp Tượng Số Chỉ Ra Đạo Dịch

Sau khi kiểm chứng như trên để xác định đúng là Nguyễn Du đã xây dựng nhân vật của mình như là các con tượng số của Bát Quái, bây giờ ta cho các tượng số đại diện cho các nhân vật nầy kết hợp lại với nhau ta sẽ thấy Đạo Dịch diễn ra thích ứng từng thời vị (thời là thời bình hay thời loạn và vị là vị thế hay địa vị của từng nhân vật qua các thời kỳ nầy)

@ Sự Kết Hợp Các Tượng Quái Trong Thời Thái (Thái Bình)

* Kết Hợp Kim Trọng (Khảm, Thủy) với Vương Ông (Thiên, Càn) là Thủy/Thiên: Nhu

Đầu truyện là thời Thái, đất nước ở vào giai đoạn thanh bình "bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng": Đây là lúc Kim Kiều mới vừa lớn lên và tình yêu của họ bắt đầu chớm nở sau một lần gặp nhau trong một chuyến du xuân trong bối cảnh đất nước thanh bình, thịnh vượng:

"Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nem"

Tuổi xuân, tình xuân của nam thanh, nữ tú hòa nhập thái bình chung của đất nước cùng tiết Xuân của Đất trời:

"Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa."

Ở thời Địa Thiên Thái trời đất nằm đúng vị, nhị khí âm dương giao hòa: Trời cao chịu hạ xuống nằn dưới Đất thấp. Đất âm được tôn trọng, nâng đỡ đưa lên cao: Địa trên Thiên là tượng của thời nữ quyền được đề cao; cái nhu, cái đẹp được táng thưởng và tôn trọng, cường quyền, tàn bạo lui nhường. Ở thời nầy, con người trong gia đình và trong xã hội giữ đúng ngôi vị chủ khách. Nơi gia đình Vương Viên Ngoại, Kim Trọng (Con Khảm) xuất hiện như là một người khách và Vương Ông (con Càn) là chủ nên sự kết hợp hai quái nầy, trong thời nầy, là Càn chủ quái nằm nội quái; Khảm khách quái, ở ngoại quái. Việc Kim Trọng đến viếng nhà Viên Ngoại là sự kết hợp chỉ ra con Thủy Thiên Nhu với các nghĩa chính là: 1) Nhu là trái với cương, là nhu hòa, thuận thoã, êm ấm 2) Nhu là nuôi ăn (có trong nghĩa từ quân nhu, nhu cầu) 3) Nhu là chờ đợi. Kim đến với gia đình Viên Ngoại ứng với cả ba nghĩa của quái Nhu nầy: Điều ứng thứ nhất là Kim đến không bị chống đối mà thuận buồm, xuôi gió trong nghĩa nhu thuận, nhu hòa. Trong nghĩa nuôi dưỡng, quái Nhu đã nghiệm ứng mang tính tiên tri rằng khi Kiều vắng nhà, lưu lạc chính Kim đã cưu mang, chăm

sóc gia đình Viên Ngoại khi gia đình nầy bị sa sút. Trong nghĩa chờ đợi, Nhu nói lên: Kim vẫn luôn luôn một lòng mong chờ tái hợp cùng Kiều.

* Kết Hợp Kim Trọng (Khảm, Thủy) với Kiều (Tốn, Phong) là Thủy Phong Tỉnh

Sự kết hợp của Kim Kiều rất nên êm đềm, thơ mộng và không ra ngoài khuông khổ lễ giáo gia tiên với ngoại quái là Thủy, nội quái là Phong để thành ra con Thủy Phong Tỉnh. Tỉnh là cái giếng với nước cam lồ (Việt tỉnh: Giếng Việt, cũng là con chủ đạo của nền văn hóa Việt tộc (Tỉnh cũng chính là tỉ số 2 /3 hay con vài ba đối lập lại con chủ đạo nền văn hóa Hán tộc Bắc phương với con tham lưỡng là 3/2; xin xem Chủ Đạo Văn Hóa Việt trong Văn Hóa Cổ Việt).

Ta cũng sẽ tìm thấy sự kết hợp nầy (Khảm ngoại quái, Tốn nội quái) một lần nữa khi xã hội lại thái bình, ổn định lại trở về sau thời kỳ bỉ cực, Kiều lưu lạc Đây là lúc Vương Quan và Kim Trọng ra làm quan, Kim Kiều gặp lại, lại ứng với con Thủy Phong Tỉnh (chọn tình cầm kỳ: tình bạn tri kỷ) thay vì Lôi Phong Hằng (tình cầm sắc: nghĩa vợ chồng). Điều nầy ta có thể luận qua luật tương sinh tương khắc của ngũ hành: Trong quái Thủy Phong Tỉnh, Thủy Phong là tương sinh (Thủy sinh Mộc, tức Phong) và Phong ngoài nghĩa là Mộc còn có nghĩa là khí sắc, phong thái Con Dịch số Thủy Phong Tỉnh hàm chứa trong nó được lý giải trong trường hợp nầy là: Thủy (Kim Trọng) phải táng đồng để giúp cho Phong (Kiều) trong ý Thủy sinh Mộc, có được tư cách mà Nguyễn Du dùng lời để nói là: "chữ trinh còn một chút nầy"!

* Kết Hợp Kim Với Các Thành Phần Khác Trong Gia Đình Kiều:

Nếu đem Khảm (Kim Trọng) kết hợp với các thành phần khác trong gia đình viên ngoại, ở vào thời thái, thì ta sẽ thấy sự kết hợp nầy đều thuận, tốt:

_ Khảm Kim Trọng với Khôn Vương Bà sẽ là Thủy Địa Tỉ: Tỉ là gần gũi, liên lạc, là một trong những qủe tốt của Dịch nếu sự gần gũi trong thành tín, quang minh, chính đáng (ý các hào của con Tỉ).

_ Khảm Kim Trọng với Li Thúy Vân thành ra Thủy Hỏa Ki Tế. Ki Tế có nghĩa là xong rồi: Đây là lời tiên tri như là một định số rằng thế nào cặp nầy cũng thành vợ thành chồng, coi như xong rồi!

@ Sự Kết Hợp Tượng Quái Trong Thời Bỉ (Thời Loạn Lạc)

Bỉ là Bỉ cực, cùng đường cho kẻ thiện lành và người quân tử: Bỉ lộ ra qui luật vận hành của Đạo không thuận mà nghịch lại

với qui luật thiên nhiên, còn gọi là nghịch với thiên Đạo, gây ra xáo trộn trong thiên nhiên và trong trật tự từ gia đình đến xã hôi không như thời bình. Ở thời nầy ngôi vị chủ khách bị thay đổi: Dịch chỉ ra rằng ngôi chủ đáng ra nằm ở nội quái, bị khách quái đẩy ra nằm ngoài như sự sắp xếp thay vì Địa Thiên Thái, đất trời xáo trộn, ngôi vị nội ngoại quái bị đổi ra thành Thiên Địa Bỉ (Bỉ có tượng Càn Khôn nhị khí không giao hoà mà ly cách: Thiên bay lên, Địa đi xuống)

Ở thờ Bỉ Cực điều thiện vắng bóng, cái ác thì tràn đầy; tiểu nhân xuất hiện khắp nơi, còn quân tử và những người thiện lương phải gánh chịu lắm điều điêu đứng, chua cay

* Kết hợp Khảm (thằng bán tơ) với Càn (Vương Ông) thành ra Thiên Thủy Tụng:

"Hàn huyên chưa kịp giã giề
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao
Người nách thước, kẻ tay dao
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi"

Đây là biến cố mở đầu vận bỉ đối với gia đình Vương Ông và cũng là dấu chỉ cho xã hội Trung Hoa bước vào thời loạn: "cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan". Và, riêng cho Kiều là thời điểm mở đầu cho cuộc đời truân chuyên, khốn nạn của nàng

Các bạn sẽ hỏi: nhân vật nào, mang tượng số gì đã mang xuôi xẻo đến với gia đình nầy? Thưa, đó là thằng bán tơ và bọn tham quan gian manh có tượng là con Khảm (trong nghĩa hiểm độc), như các câu thơ dưới, của giai đoạn nầy mô tả:

"Già gian một lão một trai
Một dây vô loại buộc hai thâm tình
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh
Rụng rời khung dệt, tan tành gói may
Đồ tế nhuyễn của riêng tây
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham

. .

Hỏi ra sau mới biết rằng
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ"

Con Khảm (thằng bán tơ và bọn tham quan) là khách quái, đáng ra nằm ở ngoại quái, nhưng là thời loạn, thời Bỉ nên đã xâm nhập vào nhà Vương Ông (con Càn, làm chủ thể) và đẩy Vương ông ra ngoại quái, kiểu như sự xáo trộn trật tự sau ngày 30 tháng Tư 75!. Ở thời Bỉ nầy, cặp số Khảm (thằng bán tơ) Càn (Vương Ông) bị sắp đảo ngược lại là Thiên (giờ ra nằm ngoại quái) và Thủy vào nội quái, thành ra là Thiên Thủy Tụng: Chỉ ra Vương Ông vướn vào bị "đáo tụng đình", gia đình suy sụp, Kiều phải

"bán mình chuộc cha".

* Kết Hợp Khảm (kẻ gian ác) với Tốn (Kiều):

Sự kết hợp nầy cũng sẽ bị sắp đảo ngược lại (vì vào thời bỉ), thành ra là Phong Thủy Hoán, là thay đổi, làm tan biến, tan rã, làm tan tác cuộc đời người con gái tài sắc nhưng mệnh đen bạc:

"Khi sao phong gấm lụa là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường
Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân"

Suốt 15 năm phiêu bạt, hễ khi nào gặp Khảm chiếu mệnh thì đời Kiều điều bị thay đổi theo cái lý của Phong Thủy Hoán, nghĩa là đổ vỡ, bất thành, ngay như gặp Thúc Sinh cũng đầy ngang trái:

"Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi
Kẻo khi sấm sét bất kì
Con ong cái bớm kêu gì được oan"

Và rồi, cũng lại con Khảm (Hoạn Thư trong nghĩa hiểm độc của "người tinh ma": dùng chước "lạ đời") chiếu mạng, Kiều phải đối diện với nghịch cảnh:

"Rõ ràng thực lứa đôi ta
Làm cho con ở, chủ nhà đôi nơi"

Ngay như đối với cặp Kim Kiều mà ở vào thời Bỉ, sự kết hợp cũng không tốt mà con lý số chỉ ra là con Phong Thủy Hoán:

"Sinh càng thảm thiết khác khao
Như nung gan sắt, như bào lòng son
Ruột tằm ngày một héo hon
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve"

Kim vẫn một lòng muốn cùng Kiều nên nghĩa đá vàng, cho dù đời Kiều đã bị bầm dập sau 15 năm:

"Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa"

Tuy tình yêu và sự quyết tâm cao như thế nhưng sự vẫn không thành bởi, đối với Kiều, vì bị con Khảm quái ác chiếu mệnh suốt trong 15 năm dài, đã in sâu vào tâm khảm Kiều, khiến cho nàng mang mặc cảm không còn xứng đáng với Kim, nên thay vì "tình cầm sắc" hai người đã chuyển sang tình "cầm kì" với con định số Thủy Phong Tỉnh như đã nói trên.

Tóm lại Tốn Kiều gặp Khảm (trong nghĩa ác xâu), như thằng bán tơ, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Khuyển Ưng Khuyển Phệ, Hồ Tôn Hiến, trong thời Bỉ, hợp quái sẽ thành ra con Phong Thủy Hoán, đều làm cho đời Kiều thay đổi trong chiều hướng xấu khiến đời hoa thêm tan nát.

* Tốn Kiều Gặp Khôn Giác Duyên, Tam Hợp là con Phong Địa Quán:

Trường hợp xếp Tốn Kiều ngoại quái, Địa Sư Giác Duyên, Sư Tam Hợp nội quái: Sự kết hợp nầy sẽ cho ra con Phong Địa Quán. Quán có hai nghĩa là thể hiện ra và nghĩa thứ hai là quan sát những gì nó thể hiện ra. Trong nghĩa thể hiện ra: Qua chiêm bao, trong những lần gặp đạm Tiên hoặc qua tài sắc của Kiều lộ ra là điềm báo trước số phận Kiều và trong nghĩa là quan sát: Chỉ cần quan sát những gì thể hiện và qua đó có thể thấy trước số phận Kiều như các sư Giác Duyên, sư Tam hợp đã thấy và nói lời tiên tri.

Trở lại mối tình tay ba rất éo le của Kim Trọng (Khảm) – Thúy Kiều (Tốn) – Thuý Vân (Li) để thấy cái gút mắc ẩn chứa trong nội tình mà ngôn từ không đủ sức để diễn đạt hết và chỉ có con "Lý Số Vô Ngôn", tức các con tượng số đại diện các nhân vật mới làm được việc nầy:

* Nội Tình Thầm Kín Của Thúy Vân Thấy Được Qua Sự Kết Hợp Lý Số:

Đối với Thúy Vân có tượng số là Li, khi để Thúy Vân giữ cương vị chủ quái (sắp con Li vào nội quái) và Kim Trọng (Khảm) khách quái, sự kết hợp Kim Trọng – Thúy Vân sẽ là Thủy Hỏa Ki Tế. Ki Tế có nghĩa là xong rồi. Xong rồi là sao ? Thưa là yên xuôi một bề và coi đây như một sự xếp của định số: Kim Trọng là người yêu của Kiều nhưng định phận éo le, duyên số Kim Kiều không thành Kiều phải bán mình chược cha và đã uỷ thác việc của mình cho Thúy Vân với lời nài nỉ tâm thành "ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa" Thưa gì? Thưa thay mình mà lấy Kim!. Tình chị duyên em không phải là điều hiếm thấy; hơn nữa, Kim là người có học, con nhà giàu lại hào hoa "vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa", thì còn ai hơn nữa mà kén mà chọn (?). KI TẾ hay"Xong rồi" đối với Thúy Vân là như vậy đấy! và "xong rồi" như tượng của con Ki Tế trỏ ra: Ngoại quái là nước (Khảm) có chiều hướng đi xuống gặp Li là lửa có xu hướng bốc lên: một xuống một lên hai bên sẽ giao hòa, dung hợp mà cái dụng của nó là nước trong xoong, trong nồi ở trên được lửa bên dưới đun sôi, nấu chín xếp đặt như thế là yên rồi, xong rồi! Nhưng đây chỉ là "xong rồi" là đối với Thúy Vân mà thôi, còn đối với Kim Trọng vẫn "chưa xong" (Vị Tế), vì trong tâm Kim vẫn còn Kiều! Dưới đây là sự kết cấu với Kim là chủ thể, sẽ nói lên điều đó:

* Nỗi Lòng Kim Trọng Thấy Qua Con Lý Số:

Muốn biết nội tâm Kim Trọng ta hãy cho hai tượng số Kim Trọng - Thúy Vân kết hợp với Kim Khảm làm chủ quái, nghĩa là sắp Li Thúy Vân ở ngoại quái và Khảm Kim Trọng ở nội quái. Và như vậy, tượng quái chỉ ra sự kết hợp nầy sẽ thành ra con Hỏa Thủy Vị Tế. Vị tế, là chưa xong. Nhìn vào tượng nầy ta thấy ngay là chưa xong vì nước (Khảm) đi theo đường nước, lửa (Li) đi theo đường lửa: Lửa thì bốc lên, nước thì rơi xuống và như vậy âm dương mỗi đàng đi mỗi ngả.

Xét ra, sự kết hợp nầy mang nặng vì nghĩa hơn vì tình, vì mới trông qua Kim Trong, Thúy Vân thì rất xứng đôi vừa lứa:

"Người yểu điệu, kẻ văn chương
Trai tài gái sắc xuân đương vừa thì"

Đúng là xứng hợp lắm nhưng cái đúng nầy chỉ là cái đúng mang tính khách quan của lý trí chứ không là cái đúng của con tim của những người yêu nhau. Cái đúng nầy cũng có thể là cái đúng với Thúy Vân vì nàng ở trong tình trạng chưa yêu ai trước đó nên với nàng là "Ki Tế", nhưng hẳn không đúng cho Kim Trọng (đang yêu Kiều) vì yêu là tiến nói của con tim chứ không phải là tiếng nói của lý trí. Pháp đã có câu khá hay để nói ý nầy, rằng: "Le coeur a des raisons que la raison ne connait pas" (Con tim có lý lẽ của nó mà lý trí không thể biết được). Lý lẽ con tim của Kim Trọng là lý lẽ hướng về Kiều và hình bóng Kiều đã in đậm trong chàng. Mọi nơi, mọi lúc, đâu đâu và lúc nào cũng có bóng dáng của Kiều, cho dù đang sống chung đụng cùng Thúy Vân:

"Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ
Tuông châu đòi trận, vò tơ trăm vòng
Có khi vắng vẻ thư phòng
Đốt lò hương dở phím đồng ngày xưa
Bẻ bai rủ rỉ tiếng tơ
Trầm bay lạc khói gió đưa lay rèm
Dường như bên nóc bên thềm
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng"

Tâm chưa yên nên Kim thấy: "chưa xong" hay "Vị Tế", rất ứng hợp với quái Hỏa Thủy Vi Tế vậy!

Ở đây ta thấy: chỉ với sự kết hợp Khảm Li và Li Khảm để hình Ki Tế và Vị Tế cũng đã đủ để diễn tả nội tâm thầm kín và đầy lắc léo của hai nhân vật Thúy Vân và Kim Trọng, nghĩ rằng tuy "vô ngôn" mà đã mấy dễ "hữu ngôn" sánh bằng để nói lên những điều ngôn ngữ khó diễn đạt, phải không ?

* Kết Hợp Từ Hải (Chấn) Thúy Kiều (Tốn): thành ra Lôi Phong

Hằng và Phong Lôi Ích

Đây là sự kết hợp tốt lành nhất trong cuộc đời của Kiều, cho dù thời Thái bình hay thời Bỉ loạn, nghĩa là mạng Tốn (Kiều) nằm nội hay ngoại quái:

Tốn (Kiều) nằm nội quái và Lôi (Từ) nằm ngoại quái sẽ là con Lôi Phong Hằng: Từ trên, Kiều dưới, bên ngoài chàng chủ động (hợp với qui luật: Nam chủ ngoại), bên trong nàng thuận theo (nữ chủ nội) là Lý của Đạo Thường Hằng cũng là Đạo vợ chồng, đạo của trưởng Nam, trưởng Nữ, của trai anh hùng gái thuyền quyên, "cá nước duyên ưa" tiền định

"Hai bên hợp ý tâm đầu
Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân"

Nên: *"Gặp nàng khi ở Châu Thai*
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên"

Đấy là sự sắp xếp thuận theo thời Thái và ngay như ở thời bỉ loạn, sắp ngược lại, cũng vẫn tốt trong ý của con Phong Lôi Ích (có tượng Tốn ngoại quái, Chấn nội quái). Ích là ích lợi hay mang lại ơn ích: Kiều nhờ Từ Hải mà trở thành mệnh phụ phu nhân nở mày nở mặt và cũng nhờ đó mà nàng làm được việc ơn đền oán trả, như nàng nói:

"Trộm nhờ sấm sét ra tay
Tấc riêng như trút gánh nầy đổ đi
Chạm xương chép dạ xiết chi
Dễ đem gan óc đền nghì trời mây"

* Sự Kết Hợp Một Số Vai Phụ Với Kiều và Với Nhau:

_ Tốn (Kiều) kết hợp với Tốn (Đạm Tiên) thành ra Thuần Tốn. Tốn: ngoài nghĩa là phong, khí, gió, thuận theo, còn có nghĩa là nhập vào hay nối kết lại: Kiều và Đạm Tiên đồng thanh, đồng khí (đều là Tốn), nên tương cầu, tương ứng, vì vậy họ thường xuyên gặp nhau cho dù một đàng dương thế, một đàng ở âm phần:

Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên
Nhắp đi thoắt đã ứng liền chiêm bao"

Và, trong chiêm bao, cuộc đời lưu lạc đoạn trường về sau của nàng cũng đã thể hiện đầy đủ:

"Đoạn trường là số thế nào
Bày ra thế ấy, vịnh vào thế kia
Cứ trong mộng triệu mà suy
Phận con thôi có ra gì mai sau"

Hoặc trong khi chiêm bao, Kiều quên chuyện gặp gỡ ban ngày, được hồn ma Đạm Tiên nhắc:

"Thưa cùng thanh khí xưa nay
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên"

Khi bị Tú Bà ép tiếp khách ở lầu xanh, Kiều dùng dao quyên sinh, trong mê man Đạm Tiên lại xuất hiện an ủi và báo cho biết nợ trần chưa dứt, rồi lại còn hẹn sẽ gặp nhau ở sông Tiền Đường:

"Trong mê dường đã đứng bên một nàng
Rỉ rằng: nhân qủa dở dang
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao ?
Số còn nặng nợ má đào
Người mà muốn thác, trời nào đã cho
Hãy xin hết kiếp liễu bồ
Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau"

Lúc Kiều quá đau khổ, bị con Khảm là Thống Đốc Khảm Hồ Tôn Hiến lừa gạt giết chồng, ép duyên xong lại gả nàng cho một thổ quan, Kiều nhảy xuống sông tự vận, Đạm Tiên y hẹn, đã chờ sẵn trên dòng sông Tiền Đường để đón gặp Kiều:

"*Mơ màng phách quế hồn mai*
Đạm Tiên thoắt đã thấy người ngày xưa"

* Kết Hợp Tốn (Kiều) với Địa (Giác Duyên và Tam Hợp):

Sự kết hợp nầy sẽ nằm dưới hai dạng, tùy vào vị trí chủ thể và khách thể là Kiều hay là sư bà:

_ Nếu Kiều là chủ thể nằm nội quái thì sự kết hợp sẽ cho ra con Địa Phong Thăng: Thăng là thăng tiến tốt đẹp bởi có quới nhân phù trợ, như lời thoán của Thăng viết: "Thăng: Nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất, nam chinh cát". Tam dịch:

Tiến lên sẽ được hanh thông
Có người tài trí sẵn lòng giúp cho
Tiến lên, đừng sợ, đừng lo
Phương Nam đất sẵn trao cho phước lành

Đi về Phương Nam (Nam chinh): Phương Nam trên Bát Quái hậu Thiên là con Li, là con 5 của hệ thập phân, khi con 5 nầy viết với hệ 6 nét Dịch sẽ là con Hỏa Địa Tấn. Tấn cũng là tiến tới.

_ Nếu Tốn Kiều nằm ngoại quái làm khách thể thì sự kết hợp sẽ là: Phong Địa Quán. Quán là thể hiện và một nghĩa nữa là quan, là quan sát (quan sát những gì con lý số thể hiện ra). Trong nghĩa của Quán (thể hiện) nó như là lời tiên tri thấy được qua các điềm báo mộng cho Kiều; trong nghĩa của Quan: hai vị sư già và Kiều chỉ cần quan sát những gì điềm mộng thể hiện ra thì biết được định số của Kiều:

"Sư rằng: cũng chẳng mấy lâu
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà

. . .

Báo cho hội ngộ chi kỳ

Năm nay là một, nữa thì năm năm"

Tóm lại, sự kết hợp Tốn Khôn trong mọi trường hợp, đều là tốt cả

* Kết Hợp Khảm (Hà Tôn Hiến) và Chấn (Từ Hải):

Tuy Hà Tôn Hiến đường đường là một vị quan Tổng đốc (Tỉnh trưởng một tỉnh lớn), nhưng là một kẻ tiểu nhân, không dám trực diện đối đầu cùng Từ Hải mà sử dụng "hậu môn" (đi của sau) để khuyến dụ Kiều khuyên Từ trở về cùng cộng tác với triều đình, rồi phục binh giết Từ. Hành động như thế không phải là hành động của bậc trượng phu, quân tử. Hành động đê tiện nầy chẳng khác việc làm của Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa đối với vị anh hùng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt của Hòa Hảo và đối với Tướng Trịnh Minh Thế của Cao Đài. Những hành động tương tự như thế mang lại cái lợi trước mắt nhưng sẽ có tác hại về lâu dài mang tính chiến lược là gieo mầm bất phục, rối loạn, chia rẽ nội bộ.

Những bậc anh hùng xuất chúng chưa hẳn là bị chết dưới tay của những anh hùng, mà cũng lắm khi chết bởi kẻ tiểu nhân, kém tài, kém đức. Có như vậy mới gọi là có số mạng và có số khắc kỵ Việc Từ Hải bị chết dưới tay Hà Tôn Hiến rõ ràng là bởi sư khắc kỵ và ta có thể đem lý số ra giải:

_ Nếu lấy Chấn (Từ Hải) làm chủ quái và Khảm (Hà Tôn Hiến, quan đại diện cho trều đình) là khách quái, thì sự kết hợp nầy sẽ là con Thủy Lôi Truân: Truân là truân chuyên, gian nan, năm chìm bảy nổi, chỉ ra cuộc đời Từ Hải Từ Hải, tuy mạng mang bản chất anh hùng (nội quái là Lôi) nhưng vào thởi Bỉ loạn mà gặp phải Khảm hiểm nên số Truân rất ứng hợp cho Từ hải vậy!

_ Nếu lấy Khảm (HTH) làm chủ quái và Chấn (Từ Hải) làm khách quái sự kết hợp nầy sẽ thành ra Lôi Thủy Giải: Giải mang nghĩa là giải quyết hay làm tan biến Trông vào hợp quái ta thấy ngay là HTH là tay gian hiểm (Khảm là số chủ mạng của Hà: chủ quái), sẽ thắng thế vì hợp thời vị (thời loạn, là thời tiểu nhân thịnh hành) và chính vì thế Từ phải thua (Giải trong nghĩa bị tan biến) và HTH đã giải quyết xong sứ mạng triều đình giao cho (Giải trong nghĩa giải quyết). Câu: "đừng đem thành bại để luận anh hùng" rất đúng và rất hợp trong những trường hợp nầy.

I.3. Sử Dụng Huyền Số Để Nêu Lên Đạo Lý Đạo Dịch

Truyện Kiều ngoài việc dùng ngôn từ, dùng tượng số, còn dùng đến một số huyền số để trình bày Đạo, dưới đây xin nêu một số chứng dẫn để làm sáng tỏ vấn đề nầy, nhưng trước tiên

xin có vài dòng về huyền số:

Huyền số là con số chứa bên trong nó huyền ý, nó thường thấy trong các huyền thoại dòng Việt như các con: "100 trứng 100 con", "50 con lên núi", 50 con xuống biển", "4.000 năm Văn Hiến" "Hùng Vương thứ 1", "Hung Vương thứ 3", Hùng Vương thứ 6", "Hùng vương thứ 18". Nó là các con số nằm dưới dạng thức của số thập phân, nhưng không nhằm để cân, đo, đong đếm chính xác, mà nhằm diễn đạt cái lý nằm trong các con số ấy; vì vậy muốn biết ý nghĩa (huyền ý) phải đổi chúng ra dạng số của lý số. Về cách chuyển đổi tôi đã nhiều lần đề cập trước đây, ở đây xin nhắc vắn tắt là: hãy đổi các con dưới dạng thập phân nầy sang hệ nhị phân, xong chuyển sang lý số và thay các con 0, 1 bằng các vạch Khôn (_ _), Càn (___) và sắp nó từ trên xuống dưới thay vì từ phải sang trái như trong hệ nhị phân, và như vậy ta có được các con lý số làm rõ ý các huyền số. Các con huyền số nầy sẽ thêm phần bổ sung ý nghĩa cho các lời "hữu ngôn". Phần dưới là một số Huyền số rút ra từ trong truyện Kiều:

Số 15:

"Mười lăm năm bấy nhiêu lần
Làm gương cho khách hồng quần thử soi" (2643-2644)

Hay: *"Từ con lưu lạc quê người*
Bèo trôi, sóng vỗ chốc mười lăm năm (3019-3020)

Con 15 viết ra lý số là con Thiên Sơn Độn. Độn ngoài nghĩa là trốn lánh còn có nghĩa là dấu che, ẩn chứa: trong 15 năm ẩn chứa bên trong đó bao sự kiện chứng minh rằng tài mệnh xung khắc, tài cao mệnh bạc, xuyên qua đời Kiều và như thế đủ để "cho khách hồng quần thử soi" để từ đó sống sao cho hợp đạo tâm "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài". Và, cũng để dạy mọi người thời độn là thời của tiểu nhân thịnh hành, người quân tử và kẻ hiền lương nên ẩn lánh để bảo toàn đạo hạnh và tánh mạng mình, riêng trong truyện: 15 năm Thiên Sơn Độn chỉ ra 15 năm lưu lạc Kiều vùng vẫy nhằm trốn lánh số phần của mình

Tỉ số 4/3:

"Rút trâm sẵn giắc mái đầu
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần" (99-100)

Con 4/3 viết ra lý số là con Lôi Phong Hằng. Hằng ngoài nghĩa là đạo vợ chồng, còn có nghĩa là ghi dấu hằng sâu trong tâm khảm, giữ mãi sự kiện. Ở đây mang ý: tính ủy mị và ý nghĩ bi quan về cuộc đời về mệnh bạc đã như là bản tánh, bản chất của Kiều.

Con 10:

"Kiều vâng lĩnh ý đề tài

Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm

Con 10 viết ra lý số là con Thủy Sơn Kiển. Kiển là khó khăn, gian nan, là điều gắn liền với cuộc đời Kiều trong suốt 15 năm lưu lạc.

Tỉ số 2/4 :

"So dần dây vũ, dây văn (2 cặp dây)

Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương" (471-472)

Hay: *"Chung quanh những nước non người*

Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu" (1055-1056)

Hoặc: *"Tiểu thư xem cũng thương tài*

Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân" (1781-1782)

2/4 lý số là con Thủy Lôi Truân: Truân là truân chuyên, là ý của các câu trên chứa bên trong, như là những lời báo trước cho Kiều về những giai đoạn truân chuyên của nàng sắp phải gặp.

Con 21:

"Lấy trong ý tứ mà suy,

Ngày hai mươi mốt, Tuất thì phải chăng" (1089-1090)

Con 21 viết ra lý số là con Hỏa Thủy Vị Tế: Vị Tế là chưa xong, chưa yên, ý chỉ ra rằng việc đi trốn với Sở Khanh sẽ thất bại, và Kiều vẫn chưa thoát khỏi số đoạn trường, chưa yên, chưa xong

Con 100 và con 36:

"*Trăm năm trong cõi người ta"* (câu 1)

Hay: *"Thừa cơ lén bước ra đi*

Ba mươi sáu chước chước, chước gì là hơn"

Đổi con 100 hay con 36 ra lý số sẽ là con Thuần Chấn (Lôi). Hạ bút viết hai câu trên là tác giả truyện Kiều muốn nhắc đến câu: "tam thập lục kế dĩ đào vi thượng sách" (trong mọi phương kế chỉ có trốn đi là hay hơn cả). Hai con huyền số 100 và con 36 chỉ ra sự bùng nổ hay sự phát tán tối đa, cũng có nghĩa là chỉ số lượng nhiều, số lượng tối đa. Tóm lại, huyền số 100 và 36 là tượng Chấn hay Lôi của huyền tự Rồng, là tượng dương chỉ ra cái khởi nguyên của của tất cả mọi loài, mọi thứ đều khỏi xuất tứ đó mà ra và sẽ phát tán tối đa.

Con 6 (qua lời Đạo sư tam Hợp):

"Rõ cho hội ngộ chi kỳ

Năm nay là một, nữa là năm năm (2407-2404)

1 (năm nay) + 5 (năm nữa) = 6 năm. Con 6 viết sang lý số là con Trạch Địa Tụy. Tụy nói lên sự nhóm hợp, đoàn tụ cũng là ý câu thơ muốn nói sáu năm nữa sẽ gặp lại.

Con 5, trong câu:

"Đòi cơn gió rét mưa sa,

Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi Nam"

Hay: *"Trước cờ ai dám tranh cường*

Năm năm hùng cứ một phương hải tần" (2449-2450)

Con 5 Dịch số là con Li. Li ở đây chỉ ra hai ý: Sự sán lạn, sự rực rỡ (vì Li có tượng của mặt trời). Ý thứ hai: Li nằm phía Nam Hậu Thiên Bát Quái (là đồ hình mang tính âm, chỉ ra định hình, định vị), chỉ ra phương Nam của Việt tộc đối lập lại với con Khảm ở phía Bắc đồ hình, chỉ Hán Tộc. Cả hai ý của con Li nhằm nói lên vùng hoạt động và sự nghiệp rực rỡ của Từ Hải, người Việt Đông, là một trong nhóm Bách Việt cổ, nằm phương Nam.

I I. THẤY GÌ KHI ĐỌC KIỀU DƯỚI LĂNG KÍNH DỊCH LÝ ?

II.1. Học Thuyết Tam Tài "Thiên Địa Nhân"

Trong Dịch số, Thiên Địa Nhân là ba hào nhằm để hình thành một con lý số trong hệ Bát Quái: Bắt đầu từ dưới tính lên, hào đầu tiên gọi là sơ hào, là hào ĐỊA, hào giữa là hào NHÂN và hào trên cùng là hào THIÊN. Trong trùng quái (quái có 6 nét Dịch), ở nội quái hay ngoại quái cũng đều được tính như vậy: Chính ba phần tố Thiên Địa Nhân đã chi phối cái Lý của Đạo Biến Dịch của sự vật. Nếu gọi thời gian thuôc Thiên, vị thế thuộc Địa và Nhân là chủng loại nằm giữa trời đất, thì một cái cây hay ngọn cỏ cũng đều chịu ảnh hưởng của ba yếu tố nầy. Ảnh hưởng của Thiên trên cây (trong trường hợp nầy cây được xem như nhân trong nghĩa là phần tử đứng giữa đất trời): Cây mộc, phát triển xấu tốt và ngay như không mọc được, tùy vào từng mùa, chịu ảnh hưởng bởi thời tiết (như nóng, lạnh, độ sáng, sức gió, độ ẩm, lượng nước v.v) của mùa ấy (tức của Thiên). Ảnh hưởng của Địa: là cây chịu ảnh hưởng từng vùng, từng loại đất đất: đất nhiều phù sa, đất khô cằn, đất nhiễm phèn hay nhiễm mặn, ráo, úng. Ngoài ra cây còn chịu ảnh hưởng của hạt giống, loại giống. nó mang cái nhân xấu tốt của từng loại khác nhau khiến cho cây có được phẩm chất, màu sắc và mùi vị khác nhau. Và ngay như trong một lượng tử, cũng có sự hiện diện đủ của ba thành tố nấy, được gọi là Điểm (Địa), Sóng (Thiên) và Trường (Nhân), được đồ hình thái Cực Cực của Dịch biểu diễn là một hình tròn có hai phần đen (Địa), trắng (Thiên) và cái nhân nằm giữa với cấu trúc trong Địa có Thiên (trong phần đen có trắng), Trong Thiên có Địa (trong trắng có đen), mang ý trắng đen Thiên Địa vừa là thành phần vừa là toàn phần (sẽ được làm rõ nghĩa thêm nơi phần viết về nhóm họ Hadron, bên dưới)

Đó là ba yếu tố chính yếu, cũng có thể xem như là Tam Tài, chi phối lên trên mọi sự vật trong hoàn vũ Dĩ nhiên con người

cũng không thoát khỏi sự chi phối nầy. Trong lãnh vực nầy (Nhân là con người), câu: "Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa" cũng chỉ ra ba yếu tố thoát thai từ Tam Tài, được áp dụng riêng cho lãnh vực nhân văn, để chỉ những yếu tố trọng yếu để thành công.

Trở lại truyện Kiều: Nguyễn Du đã dùng ba chữ Mệnh, Tài, Tâm thay vì dùng Thiên Địa Nhân để chỉ ba cái tương tác sinh ra biến dịch: nhưng thật ra, bằng cách sử dụng ngôn ngữ, cho dầu ông đã chứng tỏ là người tài ba lỗi lạc hiếm thấy, đôi lúc chúng ta cũng cảm thấy lúng túng, thấy khó hiểu khi ông viết:

"*Bắt phong trần phải phong trần*
Cho thanh cao mới được phần thanh cao"

Ta thử hỏi ai bắt? Ai cho?- Thưa Ông Trời bắt, Ông Trời cho, nói khác đi là Thiên định (hay cái mệnh được định sẵn bởi Ông Thiên). Thiên mệnh bắt ta phải chịu và mệnh có cho mới được hưởng, thế thì con người (nhân) khác chi "cái quay búng sẵn trên trời", thì đâu là phần dự vào của hai tài kia là Địa và Nhân? Truyện Kiều diễn đạt bằng ngôn ngữ như thế nầy không khỏi khiến người đọc lầm rằng tư tưởng của Nguyễn Du không khác với những gì của Hán nho đầy bi quan về Tài Nhân:

"Rằng họa phúc trời tranh hết cả
Chút tiện nghi chẳng trả phần ai
Cá quay búng sẵn trên trời
Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm" (Cung Oán Ngâm Khúc)

Và nếu tất cả họa phúc, quyền bắt hay cho, đều do Trời, thì sao Nguyễn Du lại viết:

"Có đâu thiên vị người nào
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai" ?

Qua trên ta thấy: chữ mệnh lấn lướt, chiếm đoạt tất cả, chỗ nào giành cho chữ tài đâu mà lại bảo: "chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai" ? Vấn đề xem ra khá khó hiểu và nhiều mâu thuẫn: Phải chăng đây là do ngôn ngữ không đủ sức diễn đạt những điều cao siêu, làm khó khăn cho những người được truyền đạt nhận hiểu? Nếu vậy thì cũng may, Nguyễn Du tiên sinh đã khéo vận dụng hình thức tượng quái lồng trong nhân vật để chỉ ra ảnh hưởng của Thiên Địa Nhân, Tam Tài đan chéo vào nhau trong một mệnh số như phần I vừa trình bày ở trên, như là phần "vô ngôn" (Không sử dụng chữ mà sử dụng con lý số) trực tiếp chỉ ra Đạo Biến Dịch chi phối bởi Tam Tài.

Thật ra, dòng chảy của Đạo Dịch ta tìm thấy qua các con lý số như trên vừa chỉ ra, là dòng chảy tiềm ẩn trong truyện, ta chỉ tìm thấy được nó khi đọc bằng lối đọc nhập thiền minh triết (philo-

sophical meditation), nghĩa là phải trong suy tưởng tĩnh lặng trong đêm, như Tố Như Tiên sinh viết nơi phần kết truyện:

"Lời quê góp nhặt dông dài
Mua vui cũng được một vài trống canh"

Qua đây sáu chữ đầu mang nghĩa: lời vốn quê mùa rậm đám"dông dài", nhưng ý thì cạn. Tám chữ kế là: vì vậy, cần phải đạt ý nằm đằng sau lời, sau chữ, nghĩa là cần phải đọc trong tĩnh lặng suy tư của lúc trống điểm canh thâu, nếu không làm thế, sẽ không tìm thấy cái gì để được gọi là "mua vui", bởi vì qua chữ và lời chỉ thấy toàn là "chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau", toàn là sự đen tối, buồn đau vì con người chừng như bất lực trước định mệnh khắc khẹ Thật ra, ta chỉ có thể "mua vui" khi ta nhập được vào dòng chảy của Dịch lý chi phối bởi Tam tài, nghĩa là chỉ ở đấy mới thấy được sự dự phần của Tài Nhân của con người: "có Trời mà cũng có ta". Ở đó, con người có thể điều khiển cuộc sống của mình nếu biết sống đúng với qui luật vận hành mang tính khách quan của thiên nhiên (Thiên Đạo) chi phố bởi Tam Tài, thì sẽ tắt tồn (thuận thiên tắt tồn), bằng ngược lại, sống buông thả theo thất tình lục dục thì phải lãnh hậu qủa oan nghiệt do cái tình ấy mang đến, vì vậy mới có lời thơ rằng: "tu là cõi phúc, tình là dây oan"!

Ta thấy: Tam Tài là một tư tưởng mang tính nhân bản rất hào hùng nằm trong ý: "Trung lập nhi bất ỷ, cường chi kiểu" (Đứng giữa trời đất (chỉ tài Nhân) mà không dựa dẫm vào, là một kiểu dáng hùng tráng thay). Cái độc đáo ở đây là: Con người không dựa dẫm vào Trời và cho Trời là tất cả như triết thuyết Duy Thần và cũng không coi Trời bằng vung như chủ thuyết Duy vật:

"Thằng Trời hãy đứng một bên
Để cho Nông Hội đứng lên làm Trời" (Ca dao thời Việt Cộng)

Hậu qủa của chủ thuyết mang tính chích khuyết hướng theo một chiều kích nầy như thế nào, ta có thể nhìn vào việc là "đấu trời, tố đất, cải tạo thiên nhiên" của Trung Quốc Đỏ và Việt Nam Cộng Sản thì rõ tác hại của nó trên đất nước và trên con người ở hai xứ nầy nói riêng và trên môi trường toàn cầu nói chung. Cũng lại nghĩ, cuộc chiến tranh lạnh vừa qua giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản trong đó được lồng vào ý thức Duy Thần và Duy Vật, xét ra đều mang tính đơn duy, chích khuyết và chỉ có học thuyết Thiên Địa Nhân là mang tính chu tri gần với những khám phá mới của khoa học hơn cả.

Nhưng cũng cần nói thêm cho rõ, về yếu tố Thiên trong Tam tài: Thiên là Thiên Nhiên: Ông Trời là "God of Nature" với những qui luật khách quan muôn đời đúng gọi là Luật Thường hay Đạo Thường Hằng, thế nên cái mệnh do Tài Thiên "định" là do sự vận

hành theo luật nhân qủa được hướng dẫn bằng nghiệp lực của "tư tưởng, lời nói, việc làm và những điều thiếu sót" (TK Thiên Chúa Giáo), nghĩa là do hành động của Nhân tạo ra, sẽ tương tác cùng vô vàn yếu tố khác trong vũ trụ, trong một hệ thống mở (open living system) mà ta khó dò biết hết được. Cũng bởi thế cái "Thần" (Spirit), đối với Đạo Dịch, chỉ là cái linh diệu của Âm Dương tác động, nằm trong nghĩa "Âm dương bất trắc vị chi thần".

Trong tư tưởng nguyên nho "Vô ngôn" của Việt nho (xin đọc Văn Hóa Cổ Việt cùng tác giả), số mệnh hay định mệnh do tài Nhân tạo tác, không phải do Ông Trời định, vì Trời chỉ là một khoảng không vô tận "đức chân tứ phía", nên những việc "Trời làm" chỉ là do tác động của hai yếu tố tương hợp và tương khắc, tương tác với nhau mà thôi:

"Trời ơi ai đánh ông què
Đức chân tứ phía ai dè ông mưa" (Ca dao)

Tóm lại, trong Truyện Kiều, qủa thật qua mạch chảy của Dịch Lý, Nguyễn Du đã nêu lên được cái tương quan liên đới giữa Trời Thiên, Đất Địa và Nhân Người như là một quần thể của đám quần long không đầu (Quần long vô thủ) và qua đó không tài nào được xem trọng hơn tài nào (nên Tam tài còn được là Tam Hoàng hay Ba Vua), tác động lên nhau như trên một mạng nhệnh (web). Và, điều nầy ta sẽ không nhận thấy rõ nét khi đọc truyện không thông qua lối dẫn của mạch Dịch, thể hiện qua quái tượng của các nhân vật trong truyện. Bằng ngôn ngữ, ta chỉ mới thưởng thức được cái hay trên lãnh vực văn chương chữ nghĩa, chỉ qua tượng quái, ta mới thấu hiểu được giá trị truyện trên phương diện Đạo lý Đạo Dịch và vì vậy ở đây mới có sự mời gọi đọc truyện Kiều với lăng Kính Dịch..

+
+
+ lướt qua 3 trang

Ngôn ngữ chỉ là phương tiện để nói về sự vật chứ không là chính sự vật, khiến chân lý được nhìn thấy qua lăng kính ngôn ngữ, sẽ trở thành là vật ảo hay 'tiếng lạ' đối với Đạo Lý.

II.2. Chết Không Mất và "Gặp Ma" Khi Đồng Thanh, Đồng Khí

Nói đến Dịch lý hay lý số là nói đến hệ số toán tương đối tức hệ số viết bằng hai chữ số Khôn (_ _), Càn (___) để viết ra 8 con lý số gọi là Bát Quái và 64 con số gọi là 64 quái (hay quẻ), là phần "trinh nguyên" (Sách ước trinh nguyên không một chữ) của Kinh

Dịch. Nói đến lý số cũng có nghĩa nữa là nói đến sự biến dịch xảy ra trong thiên nhiên không mang tính tuyệt đối, có nghĩa là: ngay như cái chết cũng không tuyệt đối mất hẳn: "Chết là thể phách, còn là tinh anh". Cái tinh anh của sự sống vẫn còn, cho dù ta thấy "chết" nó như là mất rồi: Cái tinh anh còn lại đó chính là cái vật chất (matter, material) bị biến dạng để tồn tại dưới dạng thức năng lượng (Energy), như trong công thức E = mC2 của Einstein mà Dịch số chỉ ra là: Chết là giai đoạn xác (hay con Càn) đột biến sang con Khôn trong hình Bát Quái Tiên Thiên (xem hình dưới), trong chu trình sinh diệt mà nó chỉ ra (Xin đọc thêm Văn Hóa Cổ Việt, phần viết về Ba Hệ Toán Số). Và, xin lưu ý: Con Khôn ở đây tương đồng với con Không tương đối của chu kỳ kế tiếp của Bát Quái. Đúng ra nó là con 8 của hệ thập phân, khi chuyển sang nhị phân, nó vẫn có một nét dương nằm lọt ra ngoài mà hệ nhị phân viết là 8 = 1000 (nhưng BQ chỉ lấy 3 digit để viết ra con Khôn, nên con 1 nằm lọt ở ngoài). Chính con 1 nằm ngoài mà con Khôn (chỉ ra sự chết), đã không mất và ta gọi là "ma", hay vong linh hay thần thức vậy!

Nói đến đây chắc có người sẽ hỏi: tại sao Kiều đã nhiều lần gặp ma Đạm Tiên mà người khác thì không ? Điều nầy được Nguyễn Du giải thích bằng luật đồng thanh, đồng khí của Dịch: Tượng Kiều là Tốn, tượng quái của Đạm Tiên cũng là Tốn. Tốn với Tốn là đồng thanh, đồng khí, mà đồng thanh, đồng khí là tương cầu, tương ứng. Điều nầy cũng chẳng khác với máy thu thanh hay thu hình, khi ta rà, hễ cùng băng tần, cùng tần số thì ta thu được tiếng nói và hình ảnh: Đây là câu trả lời cho câu hỏi tại sao có người gặp ma và người khác thì không gặp mạ Và qua đây cũng chỉ cho ta thấy rằng chết không mất và ta sẽ gặp hồn ma khi ta có được đồng thanh, đồng khí

II.3. Phương Cách Hòa Nhi Bất Đồng Cặp Mâu Thuẫn Tài Mệnh

Sự đố kỵ Tài Mệnh là sự mâu thuẫn của Tài Thiên và Tài Địa: Thiên có chiều hướng bốc lên, bung ra; Địa có chiều hướng kéo xuống hay thu vào: Một lên, một xuống tạo ra hai lực đối nghịch bất dung chấp như là một xây dựng, một phá vỡ. Nhưng thực ra nếu không có hai lực mâu thuẫn nầy thì không lấy gì để thúc đẩy chu trình tiến hóa, biến hóa xảy ra trong vũ trụ. Không có chúng chắc chắn vũ trụ sẽ nằm trong thế quân bình chết: Càn Khôn không động, Bát Quái không xoay, không biến, không hóa, không tử và cũng không sinh xảy ra. Nhưng nhờ vào đâu Thiên Địa, Tài Mệnh nghịch nhau mà có thể cùng tồn tại ? Dịch chỉ ra là nhờ Nhân, nhân cả trong hai nghĩa: thứ nhất là nhưn, là cái cốt lõi

nằm giữa hay cái tâm điểm cách đều Càn và Khôn, Thủy và Hỏạ của vòng BQ/TT hay là con 5 nằm giữa gậy thần đốt trúc cách đều giữa các số chẵn và lẻ (xin xem hình). Nghĩa thứ hai: Nhân là người (đứng giữa Trời Đất): trong nghĩa nầy thường được dùng trong lãnh vực nhân văn.

Nhân trong nghĩa là nhưn hay cái lõi nằm giữa đã tạo ra sức hút vào trong giữ cho Thên Địa dính chặt vào trong một vòng tròn đồng tâm (và cái tâm ấy chính là cái nhân) và việc chúng (Thiên và Địa) nghịch nhau nhưng không tiêu diệt nhau vì chúng tương đối ngang bằng mà lại nằm vào vị thế đối xứng qua tâm, nên sẽ tạo ra quán tính xoay tròn quanh tâm thay vì khử trừ nhau.

Tóm lại, nhờ vào Tâm hay Nhân mà Thiên Địa giữ được ở thế quân bình; trong truyện Kiều Nguyễn Du dùng chữ Tâm thay cho chữ Nhân mà hóa giải sự xung khắc của Tài và Mệnh, hẳn nhiên là ông đã dựa vào học thuyết tam tài của Dịch lý để đem áp dụng vào lãnh vực nhân văn vậy

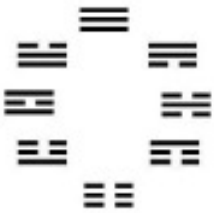

Các cặp số đối xứng trên hình Bát Quái Tiên Thiên

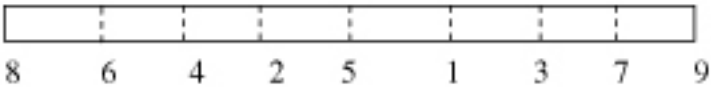

Con 5 thiết trí nằm trên gậy thần là con Li ( ) của Dịch số.

III. KẾT LUẬN

Qua các chứng dẫn trên ta thấy rằng: ngoài lãnh vực văn chương chữ nghĩa, truyện Kiều còn là một tác phẩm văn hóa tư tưởng mang tính đặc thù của Dịch và qua đó nó đã chứng tỏ tính độc đáo "độc nhất vô nhị" vượt trên các tác phẩm được xây dựng thuần sử dụng ngôn ngữ ý niệm mang tính qui ước. Và cũng qua đó chứng tỏ rằng nền văn học nước ta không chỉ ở tầm kích của văn chương mà còn vươn tới mức triết học và đạo học nữa. Điều

nầy đã phá tan ý kiến sai lầm của một số người từ trước đến nay cho rằng văn học nước ta chỉ quanh quẩn trong vòng văn chương mà chưa vươn tới lãnh vực triết lý và Đạo lý. Tôi đồng ý với ông Nguyễn Việt An trong nhóm Việt học ở Texas (?) khi ông liệt truyện Kiều vào một trong ba giềng mối của nền quốc học Việt Nam là: Kinh Hùng, Trống Đồng và Truyện Kiều. Tôi cũng táng đồng với ý kiến cho rằng có mối "Tương Quan Truyện Kiều Với Kinh Dịch" như Tuyết Mai trích lại từ "thanhnienonline". Tôi muốn mượn lời bình của người nầy viết trên mạng www.tuvilyso.com, ở mục Văn Hiến Lạc Việt, để làm phần kết cho bài viết:

"Dẫu hoạt động theo thức hay hoạt động do sự dắt dẫn của vô thức, truyện Kiều vẫn chảy mạnh dòng máu Kinh Dịch. Nguyễn Du đã cơ cấu truyện Kiều trên nền Kinh Dịch hết sức tài tình, hết sức linh diệu, khi nhận thấy bàn tay thao tác của bậc đại thi hào: Mỗi tình tiết, mỗi số phận của nhân vật đều phản ánh một cách linh động hình tượng quẻ chiếu mệnh, tự nhiên như hơi thở. Đọc truyện Kiều không thể không chú ý đến hai lớp vận động, lớp trên: các nhân vật đang vận chuyển theo số phận, lớp dưới các quẻ Dịch tương ứng đang vận hành. Phù sa Kinh Dịch đã góp phần làm nên sắc màu rực rỡ cho hoa trái truyện Kiều" ./.

+ **GHI CHÚ**: *Cáo lỗi lướt qua 3 trang vì khuôn khổ của sách có giới hạn.*

(*): ***Vài hàng về tác giả:***

TĐ Nguyễn Việt Nho tên thật là Nguyễn Hòe sinh năm 1943 tại Tân Đức, Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định. Trước 1975: Sĩ Quan QLVNCH. Ngày 2 tháng 4/75 bị bắt tại Cù Lâm Bắc, Nhơn Lộc, An Nhơn, Bình Định và bị tù tập trung đến 22/4/1981.

Hiện cư ngụ ở: San Jose, California, Hoa Kỳ.

Phone: (408) 225 8754. Email: tdnguyenvietnho@yahoo.com

Sách tham khảo:

_ Truyện Kiều của Nguyễn Du

_ Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều

_ Văn Hóa Cổ Việt của Nguyễn Việt Nho XB ở San Jose, 2004

_ Việt Nam & Siêu Cách Mạng, Vietopia Tùng Thư 1992 của Mạc Ngọc Ngọc Pha

_ Tương Quan Truyện Kiều với Kinh Dịch của Tuyết Mai trên Vietnamonline

◆

Vết thương rướm máu

Hà thúc Hùng

Nhiều người trong chúng ta, đã từng đến Sài Gòn. Hoặc ở lại một thời gian lâu dài, hoặc ngắn hạn, tùy theo trường hợp. Có người ở trọ học nhiều năm, hoặc thụ huấn ở các quân trường gần Sài Gòn, được nghỉ phép cuối tuần về dạo phố Sài Gòn. Hoặc có người đi du lịch Sài Gòn một vài tuần lễ, hay đi công tác tại Sài Gòn trong thời gian phục vụ chính quyền VNCH trước năm 75. Tất cả đều mang trong tâm khảm mình một hình ảnh đẹp của Sài Gòn hoa lệ, hòn ngọc của Viễn Đông. Mặc dù chúng ta đang ở bất cứ một nơi nào trên thế giới, trên những thành phố to lớn của Hoa kỳ hoặc Âu châu, chúng ta vẫn ôm ấp một niềm tự hào về thành phố SÀI GÒN của miền Nam nước Việt.

Từ thời gian xa xưa, khi Singapore vẫn còn là một hải cảng, chưa trở thành một quốc gia, thì Sài Gòn đã được vinh danh là HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG. Sài gòn có thể sánh ngang hàng với một số thành phố nổi tiếng trên thế giới. Sàigòn như một trục giao thông quốc tế về thương mại, văn hóa và chính trị. Nhất là sau hiệp định Genève 1954, Sài Gòn trở thành THỦ ĐÔ của nước VNCH, một chế độ tượng trưng cho TỰ DO và NHÂN QUYỀN. Sài Gòn lúc bấy giờ là nơi tập trung các nhân tài của

đất nước. Gồm có nhân tài Trung, Nam cộng với nhân tài từ miền Bắc di cư vào Nam. Như đã nói trên, Sài gòn là một thành phố quan trọng về kinh tế , chính trị và văn hóa. Các du khách từ Âu châu,Úc châu, Hoa kỳ hay Đông Á đến viếng thăm Sài gòn, họ cảm thấy như đây là một thành phố quốc tế.

Từ thời Việt minh 9 năm kháng chiến, cho đến thời VNCH. Bọn CSVN phát động cuộc chiến tranh xâm lược miền nam, càng ngày càng leo thang khốc liệt. Sài gòn vẫn được sống yên lành như một thành phố không có chiến tranh. Thực sự thành phố Sài gòn đã làm lu mờ thủ đô Hà nội trong suốt thời gian cộng sản ngự trị ở miền Bắc từ 1954 đến 1975.

Sài gòn được hình thành với vẻ mỹ quan của một thành phố văn minh trong chế độ tự do của miền Nam. Nhiều lầu đài nguy nga, nhiều nhà hàng danh tiếng, nhiều thương xá lộng lẫy với một thương trường hoàn toàn tự do. Thành phố được phát triển không ngừng, khác xa với Hà nội trong chế cộng sản độc tài toàn trị, một nền kinh tế chỉ huy. Và hơn nữa, sau hiệp định Genève gần một triệu người miền Bắc đã bỏ nhà cửa, ruộng vườn, tài sản ngay cả người thân để chạy vào miền Nam trốn thoát thảm họa cộng sản. Không những chỉ có thành phần trí thức, văn nghệ sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ nổi danh mà cả các thương gia giàu có, các kỷ nghệ gia, các chủ nhà hàng danh tiếng cũng chạy vào miền Nam mà nhất là Sài gòn. Do đó Sài gòn trở nên trù phú hơn trước. Trước năm 1975 Sài gòn có những trường Đại học danh tiếng. Bằng cấp được xếp tương đương với bằng cấp của các trường Đại học Âu châu.

Người dân miền Nam nói chung và người dân Sài gòn nói riêng rất hiền hòa chân thật, thích hợp với chế độ tự do và rất khó hòa đồng với chế độ cộng sản độc tài phi nhân. Sau khi ông Ngô đình Diệm về lãnh đạo miền Nam với một bản hiến pháp tôn trọng tự do và nhân quyền. Chỉ vài ba năm đầu của nền đệ nhất VNCH, đời sống vật chất và tinh thần của người dân miền nam được tiến triển vô cùng khả quan. Từ một người trí thức đến một người phu khuân vác, đều có một đời sống tự do, thoải mái và hạnh phúc xứng đáng với danh nghĩa của con người. Sài gòn như một nơi đất lành chim đậu.

Sài gòn còn là nơi trai thanh gái lịch. Những hôm cuối tuần đi dạo phố Sài gòn, ta sẽ thấy các nữ sinh ngây thơ, kiều diễm, với những tà áo dài đủ mầu sắc, như để tô điểm cho một Sài gòn thêm lộng lẫy và thơ mộng. Từ khi nửa triệu quân Mỹ tiến vào miền Nam, người ta lo ngại nền tảng đạo đức của miền Nam sẽ suy đồi. Nhưng không, dân chúng và nhất là thanh thiếu niên miền Nam nói chung và nhất là Sài gòn nói riêng vẫn giữ vững được nền đạo đức cổ truyền của dân tộc. Vì nền giáo dục của gia đình và học

đường được phối hợp chặc chẻ để đào tạo cho lớp thanh thiếu niên trở thành người hữu dụng cho xã hội. Tất cả trên đây là hình ảnh của một Sài gòn hoa lệ trước ngày 30-4-1975. Nơi đây lúc bấy giờ là niềm tự hào của nhân dân miền Nam về một thủ đô của VNCH được hít thở bầu không khí TỰ DO.

Và sau đây là một Sài gòn dưới sự cai trị của CSVN. Sài gòn sau 30-4-75:

Trưa ngày 30-4-75, những tên cán ngố Việt cộng, một bọn cướp ngày, với mũ cối, dép râu. Mặt mày xấu xí và đần độn, thô bỉ. Vẻ mặt biểu lộ bản chất gian ác và khát máu. Chúng rầm rộ tiến vào Sài gòn để bắt đầu những cuộc trấn lột, cướp của giết người qua các chiến dịch đánh tư sản, đổi tiền, cướp nhà, cướp của từ các gia đình có thân nhân bị tập trung cải tạo. Chúng thi hành một chính sách trả thù man rợ và đê hèn trong các trại tập trung cũng như ngoài xã hội về cái tội chống cộng của dân chúng miền Nam nói chung và Sài gòn nói riêng, đã không nổi dậy hưởng ứng bọn Việt cọng trong đợt tổng tấn công tết Mậu thân và những lần sau đó.

Việc đầu tiên chúng đổi tên Sài gòn thành tên Hồ chí Minh. Hồ là một tên lưu manh, dâm dục tàn ác, khát máu, gian trá và bán nước... Đổi tên Sài gòn thành Hồ chí Minh là một hành động xấc láo và mạ lỵ đối với Tiền Nhân, những người đã dày công dựng nên một thành phố SÀI GÒN hoa lệ.

Như đã nói ở trên, từ xưa Sài gòn đã là nơi đất lành chim đậu. Vì vậy sau ngày cộng sản cưởng chiếm toàn miền Nam. Chúng thiết lập chính quyền địa phương vô luật pháp. Chỉ có luật rừng, bọn cán bộ địa phương lại toàn là bọn ngu dốt. Xuất thân từ bọn du kích, nhảy núi, nằm vùng... tha hồ sách nhiễu dân chúng. Vì vậy nhiều người đã phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn để chạy vào Sài gòn sinh sống lây lất qua ngày. Cộng thêm với số người từ miền Bắc chạy vào Nam sinh sống, nhất là Sài gòn. Vì sau ngày 30-4-75 đã có nhiều người miền Bắc, kể cả bọn cán ngố vô cùng kinh ngạc cho sự sung túc và giàu sang của Sài gòn mà vào những năm chiến tranh, họ và nhân dân miền Bắc đã bị bọn lãnh đạo Hà nội lừa bịp, tuyên truyền là dân miền nam vô cùng đói khổ, đến nổi phải dùng sọ dừa làm chén ăn cơm, phải dùng bao bố để may quần aó mặc. Do đó hiện nay dân số Sài gòn đã quá tải. Có khoảng gần mười triệu người sống chen chúc với mật độ dân số cao nhất thế giới. Sài gòn có hơn ba triệu xe gắn máy. Môi trường với bầu không khí ô nhiễm đáng sợ, đầy bụi bặm và khói xe mờ mịt, cộng thêm rác rến đầy rẫy trên đường phố. Rác rến từ trong nhà ném bừa ra ngoài đường. Các con sông bị ô nhiễm nặng nề. Các chất độc hại và dơ bẩn từ các nhà máy kỹ nghệ cứ xả bừa

ra sông vô tội vạ, cộng với rác rến của dân chúng cư ngụ hai bên bờ sông. Nguồn nước ô nhiễm làm nguy hại đến sức khỏe của dân chúng. Nước sông Sài gòn nhìn từ Bến Bạch Đằng ngày xưa trong vắt bây giờ thì đen ngồm. Cách đây vài năm, người viết bài nầy có đọc một bài báo trên tờ báo Mỹ, tờ Daily Press. Bài báo nói rằng hiện trên thế giới có 7 thành phố dơ bẩn nhất. Trong đó Việt nam và Trung quốc dẫn đầu. Việt nam có 2 thành phố dơ bẩn nhất là Sài gòn và Hà nội. Trung cộng cũng có 2 thành phố dơ bẩn nhất là Thượng hải và Bắc kinh. Từ đó ta có thể kết luận rằng dưới sự cai trị của Cộng sản môi trường sinh thái ở đó bị ô nhiễm bẩn thiểu. Trong 7 thành phố dơ bẩn nhất thế giới thì có 4 thành phố của 2 nước Cộng sản, còn lại 3 thành phố của các nước Phi châu. Hệ thống cống rãnh của Sài gòn hiện nay vô cùng lạc hậu, không chịu tu bổ và cải tiến, do sự kém cỏi và ngu dốt của lớp người cai trị. Để che đậy sự ngu dốt, hầu hết cán bộ Việt cộng mua bằng cấp giả đem treo nơi văn phòng làm việc để lòe dân chúng. Mỗi khi có mưa, nước không rút kịp, đã tràn ngập trên các đường phố mang theo rác rến trôi ngổn ngang trong nhiều tiếng đồng hồ sau cơn mưa.

Sài gòn với một rừng xe cộ lưu thông bừa bãi dường như không có luật lệ gì cả. Cách đây mấy năm một nữ Dân biểu Quốc hội Úc đến viếng thăm Sài gòn nhìn thấy cảnh lưu thông xe cộ vô trật tự, vô luật lệ của người lái xe, bà ta phải thốt lên rằng: "chỉ cần nhìn cách lưu thông xe cộ của dân chúng trong thành phố cũng có thể biết được trình độ dân trí của dân tộc đó như thế nào". Ý bà ta muốn nói trình độ dân trí dưới chế độ CSVN quá ư là thấp k ém.Vì thành phần lãnh đạo quá dốt nát, hành động tùy tiện, luật pháp một đường thi hành một nẽo, thì làm sao dân chúng khá được?

Ngày nay đi dạo phố Sài gòn, ta không còn thấy những tà áo dài thước tha, với mái tóc huyền xỏa vai, với nụ cười e ấp thơ ngây của các cô gái Sài thành năm xưa. Những hình ảnh mà ngày xưa các thi nhân thường ca ngợi, đã một phần nào tô điểm cho một Sài gòn thủ đô hoa lệ. Trái lại ngày nay trên các nẽo đường Sài gòn, chỉ thấy những người đàn bà con gái, không biết đẹp hay xấu. Vì mặt mày luôn luôn được che kín bởi một thứ gọi là khẩu trang. Đầu thì trùm kín bằng mũ bảo hiểm, tay thì mang găng dài lên đến cánh chỏ.

Những tên cán ngố răng đen mã tấu, năm xưa đi vào Sài gòn, mặt mày ngơ ngác đần độn. Sau ba mươi mấy năm, nhờ cướp bóc của dân, tham nhũng hối lộ, ăn cắp tài sản quốc gia... Nay trở nên giàu có, cũng đi xe hơi, mặc đồ lớn, thắt cà vạt, nhưng bộ mặt xấu xí quê mùa của chúng thì làm sao thay đổi. Chỉ cần nhìn thấy bộ

mặt quê mùa thô kệt. Giọng nói của kẻ thất học, chữ N đọc thành L và ngược lại, khiến ta dễ dàng biết chúng xuất thân từ nghề chăn trâu, hoặc từ cống rãnh bùn lầy chui lên làm cán bộ.

Tại Sài gòn, nhà cửa lầu đài mọc thêm nhiều, phần lớn là của cán bộ Cộng sản, lấn đất lấn lề đường một cách ngang ngược. Nhà cửa xây cất vô trật tự, cái trồi, cái sụt, đủ kiểu khác nhau, làm xấu bộ mặt thành phố. Gia đình vợ con của bọn răng đen mã tấu, căng dây phơi quần áo ngổn ngang trên lầu, dọc theo đường phố Sài gòn, chẳng còn thể thống gì cả.

Sài gòn hiện nay là một trung tâm đĩ điếm đông đảo nhất Việt nam với đủ mọi hình thức trá hình. Ngoài ra Sài gòn cũng là trung tâm buôn người bán gái, cung cấp dịch vụ mãi dâm ra tận nước ngoài như Campuchia, Trung quốc, Mã lai, Đài loan...với ô dù của công an VC.

Sài gòn bây giờ đầy rẫy các băng đảng trộm cướp, giết người, buôn bán ma túy. Do quá nghèo đói, nghiện ngập, sự giàu nghèo quá chênh lệch. Bọn cán bộ Cộng sản là tư bản đỏ, còn đại đa số dân chúng thì đói rách bần cùng.

Nền giáo dục suy đồi, vì những kẻ có trách nhiệm trong ngành giáo dục đã làm gương xấu. vì Hiệu trưởng thầy giáo thì gạ tình nữ sinh, ép buộc nữ sinh bán dâm cho cán bộ chính quyền mà qua báo chí hằng ngày ai cũng biết, khỏi cần phải nhắc lại. Do đó nhiều trẻ vị thành niên bỏ nhà ra đi bụi đời. Con trai con gái ôm nhau ngủ loạn xà ngầu. Rồi vì cần tiền cho nhu cầu hút xách ăn chơi đã trở thành lưu manh, kết thành băng đảng trộm cướp, giết người, hiếp dâm...

Sài gòn hiện nay là một thành phố đầy rẫy sự lừa bịp, dối trá lường gạt. Vì đó chính là bản chất của con người Cộng sản và chế độ CS. Một chế độ luôn luôn lừa bịp và dối trá. Vì lẽ đó, mọi người đều phải học cách dối trá để sống còn.

Sài gòn hôm nay cũng là nơi nhan nhản thảm cảnh cha giết con, vợ giết chồng, chồng giết vợ... mà báo chí trong nước và hải ngoại đã đề cập đến hằng ngày. Đó cũng chính là bản chất khát máu của người Cộng sản, luôn luôn hiếu sát.

Tóm lại sau 37 năm bị Cộng sản cai trị, Sài gòn đã bị thay da đổi thịt một cách xấu xí và dơ bẩn về thể chất và tinh thần. Một nền đạo lý đã suy đồi cùng cực, khác hẳn với bản chất hiền hòa của người Sài gòn năm xưa.

Sau nầy, đến thời hậu Cộng sản, một chính quyền mới, tự do dân chủ của Việt nam, muốn hàn gắn những vết thương rướm máu của Sài gòn và xã hội Việt nam không phải là chuyện dễ dàng trong một sớm một chiều.

Hà thúc Hùng

Tâm bút đầu Xuân

Năm tôi về em chưa già khú đế.
Mà mi mắt buồn rạn vết chân chim.
Đôi môi khô em gượng cười héo hắt.
Giòng lệ rưng rưng nhăn nhúm má đồng tiền.

Thời tao loạn đành chia đôi thế kỷ.
50 năm mỗi đứa một phương trời.
Tránh bom đạn em nương thân miền Quận lỵ.
Tôi thị thành đêm xuống hỏa châu rơi.

Nói cho đúng tổ tiên mình thôn dã.
Khó lìa xa nơi cắt rốn chôn nhau.
Cha mẹ mất anh quây quần bên anh chị.
Nếu không em- "Ai biết thuở ban đầu".

Nhớ sao hết chín năm dài kháng chiến.
Đi học trường làng - Họp chợ ban đêm.
Chợt nghe tiếng máy bay giặc Pháp.
Chui tuột xuống hầm - bó gối, ngồi im.

Lúc hoảng hốt không kịp nghe hơi thở.
Ngực phập phồng nhịp đập con tim.
Anh chợt thấy trên đầu em - con kiến.
Chạy vẫn vơ trên mái tóc mềm.

*

* *

Anh ra đi mang hành trang kỷ niệm.
Từ dung nhan – Trưa nắng - Quê nghèo.
Bên giếng nước - Bờ tre. Em đứng đợi
Cái nốt ruồi nhỏ xíu cũng mang theo.

21 năm trên con đường thiên lý.
Những thôn làng, lối xóm anh qua.
Đem máu xương hy sinh bồi đắp.
Cho nền Tự Do – Dân Chủ - Cộng hòa.

Xuân Quý Tỵ

Tuổi xuân xanh chưa có gì kỳ vị
Mộng sông hồ theo mây gió lang thang.
Mỗi mùa Xuân chất chồng thêm bom đạn.
Đến tháng Tư đẹn bức tử tan hàng!

Tàn cuộc chiến em trở thành quả phụ.
Lính Miềm Nam em trân quí hơn ai!
Tranh "Vân-Cẩu" xin mời em ngoái lại.
Nhìn "Đại gia cặp với chân dài".

Em ít học nhưng tâm hồn phong phú.
Biết thế nào "Trưởng giả học làm sang"
Chức quyền cao có cái đầu ngu lú
Chỉ biết huênh hoang vô liêm sỉ tham tàn.

Câu than thở: "Qua Miền Trung nghèo, khổ"
Tuy cận kề biển đảo bao la.
Kẻ nội thù nay cúi đầu dâng hiến.
Để bọn Tàu lập "Phố Tam Sa".

37 năm hòa bình thống nhất.
Quê hương ta một lũ " vượn người"
Tập ăn nói ngây ngô trật lất.
Tôi thật tình cảm thấy hổ ngươi!

Thân già nua đành ngậm hờn vong quốc.
Hồn phiêu du thường lẩn quất quê nhà.
Để nhìn xem trò múa may lũ quỷ.
Một ngày tàn của chúng không xa

Lịch sử nào cũng đến hồi lập lại,
Thân phận mình - người Do-Thái xa quê
"Một chính thể ác hơn loài hổ dữ"
Hồn Non Sông lên tiếng gọi – Ta về!

Nguyễn Đình Hinh.
Quý Tỵ 2013

Xuân và tình người trên rừng thiêng núi thẳm

- Lưu Đình Vũ –

Lời Giới Thiệu:

Việt cộng gọi Họ là Ngụy Quân, Ngụy Quyền. Việt cộng cũng ra sức tuyên truyền Họ là những người tàn ác mất tính người. Ăn gan uống máu đồng loại. Họ cũng bị VC lên án là tay sai bán nước cho Mỹ. Sau ngày tàn cuộc chiến, Họ bước chân vào tù không có ngày về. Bước chân đầu tiên trên đất Bắc, Họ đã được chào đón bằng những trận ném đá dữ dội từ những đồng bào Miền Bắc căm thù Ngụy. Họ là ai? Là những chiến sĩ Quân Lực VNCH hiên ngang bất khuất ngày nào. Họ, là những toán Biệt Kích đã nhảy ra Bắc, Họ là những phi công đã từng bay những phi vụ Bắc Phạt , Họ là những Thiên Thần Mũ Đỏ, Họ là những Cọp Biển, Cọp Ba Đầu Rằn, Họ là những Kỵ binh can trường , là những chiến sĩ Bộ Binh , Pháo Binh... dũng cảm. Một trong những điều tâm niệm của người chiến binh QLVNCH là :"Làm mất lòng dân là xô dân về phía giặc cộng " Cho nên trong hoàn cảnh nào, Họ cũng tranh thủ được nhân tâm. Dù trong tù bị ngược đải hành hạ, bị tẩy não, bị bỏ đói, bị bắt lao động khổ sai, nhưng người chiến sĩ QLVNCH vẫn giữ tư cách, ngẩng cao đầu không hàng phục, không cúi đầu trước kẻ thù. Và những người dân sống quanh trại tù kể cả những thân nhân của cai tù đã cảm mến phong cách của người chiến sĩ sa cơ. Đã gọi Họ là anh lính Cộng Hòa hoặc Người Tù Áo Hoa bởi vì họ mặc quân phục của Nhảy Dù... với chan chứa tình cảm thương mến và cảm phục.

Đại Úy Vũ Đình Lưu, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn lừng danh 2/5 Thiết Kỵ đã viết về tình quân dân như cá với nước của đồng bào Miền Bắc với những người tù từ một Miền Nam xa xôi nắng ấm. Sự giúp đở của những cô gái Miền Bắc đã cho thấy chính sách tuyên truyền nhằm bội lọ những người tù VNCH đã thất bại thê thảm .

Xin trân trọng cám ơn Đại úy Vũ Đình Lưu đã ghi lại một sự kiện có thật . Chính nghĩa bao giờ cũng thắng bọn hung tàn Cộng sãn. Xin trân trọng gióí thiệu Quý độc giả bài viết " XUÂN VÀ TÌNH NGƯỜI TRÊN RỪNG THIÊNG NÚI THẲM " để nhó, để ghi nhận một thời điểm khó khăn mà những chiến binh anh hùng QLVNCH phải chiến đấu để tồn tại khi Quân Lực của họ đã bị bức tử.

Kỵ Binh Ngụy SaiGon

Câu chuyện này đã xãy ra cách nay trọn 32 năm, tại vùng rừng núi Sơn La. Cuộc gặp gỡ tình cờ giữa những người tù khổ sai biệt xứ và những cô Sơn nữ người Dân tộc Mường. Tình người, như một phép lạ không tưởng đã hiển hiện, làm rơi lệ anh em chúng tôi trên vùng cùng trời, cuối đất này .

"Nước nào độc bằng nước Sơn La. Ma nào thiêng bằng ma

Hòa Bình". Ma Hòa Bình "thiêng" ra sao, dể sợ như thế nào, tôi không được biết, chứ còn nước ở vùng Sơn La này độc hại vô cùng. Có những con suối uốn cong, với những thác nước, những ghềnh, thật đẹp. Cành lá sà sát mặt nước trông thật thơ mộng và quyến rũ. Nước suối trong vắt, lạnh tanh, hoàn toàn không có một sinh vật nào tồn tại được dưới làn nước này. Nước, nếu uống khi chưa được đun sôi, sau chừng nửa giờ thôi, bụng sẽ đau quặn thắt. Chân lội nước khoảng một tiếng đồng hồ, da sẽ đỏ au, ngứa, gải đến bung máu. Một trại tù đã mọc lên nơi đây từ tháng 6 năm 1976, để "tập trung" cả ngàn Sĩ Quan QLVNCH nơi rừng thiêng, nước độc mà ngày xưa là Chiến khu Việt Bắc của Việt Minh .

Bấy giờ năm1978 sắp hết , Xuân Kỷ Mùi (1979) cũng gần đến. Vùng Sơn La nầy phải công nhận có hoa Đào và hoa Ban tuyệt đẹp. Chúng tôi đã từng ngạc nhiên, trầm trồ khen ngợi hoa Đào và núi rừng trắng xóa với hoa Ban trong hai mùa Xuân đầu tiên đến miền Thượng du Bắc Việt lạnh giá. Chính những bông hoa tươi thắm đã làm thay đổi hẳn màu sắc rừng núi buồn hiu. Những cây Đào đã trải qua một mùa Đông lạnh buốt, bây giờ trơ trụi, không còn một chiếc lá, cành mang toàn những búp to tròn và sẵn sàng chờ nắng mùa Xuân sắp đến sẽ thi nhau khoe sắc thắm: trắng ,đỏ ,hồng .

Hôm nay, đội thợ mộc chúng tôi xuất phát đi lao động lúc 7 giờ sáng . Hành trang lên đường bằng một vỏ lon sửa bột Guigoz bên trong đựng vài khúc sắn luộc cho buổi ăn trưa. Một ống nứa chứa chừng 1lít nước uống , một con dao "quắm" để chặt nứa. Vì công việc gian nguy nên chúng tôi đồng chọn bộ đồ trận ngày xưa được cấp phát từ Long Giao (tháng 6-1975) để mặc vì tính bền chắc của nó. Trên lưng áo viết một chữ Tù to tướng bằng sơn trắng từ lúc chúng tôi đặt chân đến miền Bắc Xã hội Chủ nghiã. Thường ngày chúng tôi ít mặc, ngoại trừ những ngày lao động như hôm nay. Theo thời gian, bộ đồ trận càng ngày càng rộng, đến nay mặc vào, ôi! sao mà rộng thùng thình, anh em chúng tôi nhìn nhau với cảm giác xót xa, buồn tủi.

Rời trại, "vệ binh" dẫn chúng tôi trực chỉ đến một ngọn đồi, bọn Chỉ huy trại gọi là đồi "Pháo" vì Việt Minh đã đặt pháo phòng không để yểm trợ cho mặt trận Điện Biên Phủ. Chúng tôi đến chân núi sau một giờ, có đi ngang qua một làng Việt Nam – Tên làng này do chúng tôi đặt vì có nhiều người Kinh từ vùng đồng bằng đã lên đây lập nghiệp từ năm 1954 cũng vì "chính sách di dân vùng kinh tế mới" của Việt Minh. Thật ra, chỉ khoảng hơn mươi căn nhà xiêu vẹo, mái, vách làm bằng nứa, nằm rải rác hai

bên con lộ nhỏ bé. Có một vài lần, những bậc cao niên đã có ý hờn trách rằng: "Chúng tôi nghĩ rằng các ông sẽ giải phóng miền Bắc, giải phóng kiếp sống bần cùng của chúng tôi, nào ngờ cơ sự như thế này". Nghe sao quá đau lòng !!!. Còn phần lớn cư dân địa phương là dân tộc Mường, Thái và Mèo nhà cửa cũng cách nhau thật xa, họ sống trên những ngọn đồi cao khắp nơi trong vùng, hầu hết ở ngoài sự tổ chức của Chính quyền Địa phương .

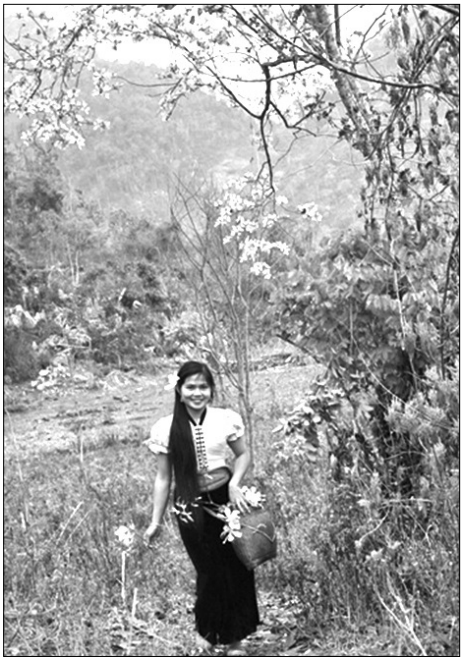

Chúng tôi 20 anh em bắt đầu leo núi, ngọn đồi này thật cao, lối đi quanh co nhỏ bé lầy lội, hai bên là cây cối lẫn dây leo và đá tai mèo sắc bén. Một bên của đường mòn là vách núi cao dựng đứng, một bên là vực sâu. Sau một giờ đồng hồ chúng tôi dùng mọi cách để lên núi: đi,bò, đu dây, nhảy, người sau đẩy người trước, người trước kéo người sau thế rồi cũng đến một nơi tương đối bằng phẳng . " Vệ binh" cho chúng tôi nghỉ mệt chừng 30 phút. Vừa ngồi nghỉ, chợt nhìn xuống chân đồi một đoàn Sơn nữ người dân tộc Mường bắt đầu leo núi cũng theo con đường độc đạo này. Chúng tôi sắp tiếp tục hành trình thì các cô gái trẻ người Mường cũng đã đến, các cô cười nói vui vẻ một cách hồn nhiên và tiếp tục lên đồi. Sau một giờ đồng hồ nữa chúng tôi đến đỉnh đồi và bắt đầu công việc trại giao cho đội. Các bạn có biết cây gì đốt càng nhiều, thì càng dài không. Đó là cây tre, cây nứa .(Đốt ở đây là danh từ, không phải động từ).

Theo sự phân công của trại, chúng tôi đi chặt nứa mang về trại dựng cổng chào để mừng Xuân, vì cây nứa ở đồi này rất đặc biệt, long (đốt) rất đều , nứa già có màu đỏ hồng thật đẹp từ lúc còn tươi đến khi khô cứng. Khi chúng tôi gom nứa lại tại một bãi trống, là điểm tập trung mà "vệ binh"đã chỉ định trước để cột nứa thành từng bó. Ở đây, các cô gái Mường cũng đã lấy măng

xong và ngồi quây quần, nói cười luôn miệng. Bên cạnh các cô là những gùi chứa đầy những mụt măng tre bụ bẩm, được ràng buộc cẩn thận. Hôm nay chúng tôi gặp một "Vệ binh" trẻ người Dân tộc địa phương khá dễ chịu, anh ta để mặc chúng tôi, còn anh mãi mê đi săn bắt chim rừng?.

Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, khi nhìn lại "tư trang" mang theo đã được tập trung nơi đây, trước khi tản mác vào rừng để chặt nứa, chỉ còn lại chiếc lon Guigoz; còn gói lá chuối, bên trong là sắn, đã biến mất. Chiếc lon nầy bây giờ chứa đầy đọt chè xanh, sau khi chúng tôi băng qua những vườn chè bên sườn núi. Đã từ lâu, cư dân địa phương âm thầm tặng cho chúng tôi những món quà như ít chè xanh, vài ba trái ớt, vài nhánh hồ tiêu, kể cả đôi củ tỏi, gừng, nghệ. Những món quà nhỏ bé ấy, với chúng tôi bây giờ không phải một thứ gia vị; đó là những vị thuốc Dân tộc quí hiếm vô cùng, dùng để chữa bệnh, nó đã cứu chúng tôi thoát được những giờ phút nguy hiểm do sơn lam chướng khí của núi rừng Hoàng liên Sơn.

Lại càng ngạc nhiên hơn nữa, bên cạnh chiếc lon Guigoz có những vắt cơm nếp và ít thịt gà ram (đương nhiên là gà "đi bộ" rồi!). Ngay lúc đó các cô gái Mường tiến lại và nói với chúng tôi bằng những lời chân tình cảm động: "Thưa các chú Lính Cộng Hòa, bọn cháu xin lỗi các chú, vì đã thay đổi khẩu phần ăn các chú mang theo. Các cháu đã dùng phần ăn đó, vì các cháu thèm sắn (hic), bây giờ các chú dùng tạm phần ăn này, các cháu sẽ bó nứa cho các chú". Chúng tôi nhìn nhau ngơ ngác, rồi nói xin cảm ơn tấm lòng của các cô và cùng nhau ngồi ăn một cách ngon lành vì quá đói.

Bửa cơm trưa đã xong, các cô gái Mường cũng đã cột xong những bó nứa. Chúng tôi đều thắc mắc hỏi: "Tại sao các cô bó phần nứa của từng cá nhân thành hai bó, làm sao chúng tôi mang xuống núi được". Thông thường chúng tôi chỉ bó thành một bó thôi, vì một tay ôm nứa một tay còn lại xử dụng để vịn, chống, đỡ khi xuống núi để giảm phần trợt té. Các cô lại cười, những nụ cười thật trong sáng, hồn nhiên của người con gái miền thượng du và nói: "Các cháu sẽ mang nứa xuống núi giúp các chú, các chú mang hộ gùi măng xuống núi cho các cháu". Chúng tôi nhìn lẫn nhau ngỡ ngàng, trong lòng xúc động, lại chỉ biết nói hai chữ cảm ơn. Nhìn qua các gùi măng có quai mang như chiếc "Ba lô"của người lính trận. Nhất lên thử, khá nhẹ, trọng lượng chỉ bằng một phần tư bó nứa của chúng tôi. Bây giờ đã hai giờ chiều, các cô bắt đầu vác hai bó nứa bằng vai đi một khoảng ngắn đến triền

đồi, bèn thay đổi tư thế bằng cách kẹp nứa vào hai nách và xuống núi. Chúng tôi sửa soạn lại y phục, bỏ áo vào quần nịt thật chặc bằng dây rừng, vì biết trước rằng xuống núi sẽ khó hơn gấp bội lần. Đường xuống núi, không những chỉ đi, mà còn phải bò, lết. Chúng tôi mang gùi măng lên vai và lục đục khởi hành. Nhìn về phía trước các cô gái Mường di chuyển hết sức lẹ làng, như chạy băng qua những trở ngại đầy bất trắc. Còn chúng tôi dường như phần lớn ai cũng ngồi bệt xuống đất và lết ở những đoạn có dốc đứng, nhờ độ trơn của bùn lầy, đẩy, kéo chúng tôi về chân núi. Những chướng ngại vật như cây chắn ngang đường đi, đá tai mèo lởm chởm, với những khúc quanh nguy hiểm làm chúng tôi trợt té, ngã lăn nhiều lần .

Khoảng một giờ gian nan, vượt nhiều hiểm nguy, rồi tất cả chúng tôi cũng mò về đến chân núi. Các cô gái Mường đã sắp những bó nứa ngay ngắn và ngồi chờ chúng tôi. Khi chúng tôi vừa đến nơi các cô đồng đứng lên. Chúng tôi hết sức ngạc nhiên, vì sự không ngạc nhiên của các cô khi nhìn thấy thân hình của anh em chúng tôi bây giờ giống như những con trâu vừa ngoai lên khỏi vũng bùn lầy. Các gùi măng, mỗi gùi chỉ còn lại nhiều lắm là 3,4 mụt, có anh trao lại cho các cô chỉ một chiếc gùi trống. Những mụt măng kia đã văng xa khi chúng tôi té, bây giờ nằm đâu đó dưới vực thẳm. Các cô không ngạc nhiên, vì đây không phải là lần đầu tiên chia sẽ nhọc nhằn với chúng tôi, nhiều đội đã thay phiên nhau chặt nứa, đốn tre trên ngọn đồi này.

Lợi dụng "Vệ binh" chưa về đến, để đưa chúng tôi về trại. Chúng tôi nói lời xin lổi vì đã không làm tròn nhiệm vụ, và cảm ơn các cô, ghi sâu trong lòng, không bao giờ quên những tấm lòng nhân nghĩa. Các cô đã giúp chúng tôi vượt được những khó khăn gian khổ dù chỉ một hai lần, đã chia sẽ những cùng cực, hiểm nguy với chúng tôi. Tri ân các cô đã nhường những phần ăn cho chúng tôi "một miếng khi đói bằng một gói khi no" thật sự quí hiếm vô ngần. Một điều làm cho anh em chúng tôi hết sức cảm động và hãnh diện là các cô đã gọi chúng tôi bằng "Chú Lính Cộng Hòa". Đã từ lâu rồi, anh em chúng tôi không còn nghe được những từ thân yêu, triều mến đó. Mới có hai năm, các cô đã hiểu, biết được chúng tôi là những ai, những người như thế nào rồi sao? Các cô cũng đã tâm sự rằng sắp đến mùa Xuân, Tết cận kề, biết chúng tôi bị tù đày, xa quê hương, xa gia đình, vợ con đang trông ngóng, biết chúng tôi buồn lắm, tủi thân lắm. Các cô làm những gì có thể được để chúng tôi có một niềm vui, dù rằng chỉ được những ngày giờ ngắn ngủi. Chúng tôi có hỏi tại sao các cô giúp chúng tôi? Câu trả lời của các cô gái trẻ người dân tộc Mường cho

những người tù mà ngày xưa là những Sĩ quan QLVNCH, riêng cá nhân tôi sẽ không bao giờ quên vì đã hằn sâu trong tâm khảm . Câu trả lời đó là: "TÌNH NGƯỜI".

Các cô còn bảo rằng biết đâu mai kia, mốt nọ chúng cháu sẽ không còn gặp các chú nữa với ánh mắt gợn buồn. Quả thật như vậy, cổng chào để mừng Xuân của trại chưa dựng lên. Tết cũng chưa đến, hoa Đào, hoa Ban chưa nở rộ, chúng tôi phải đổi trại. Ngọn đồi cũ mờ trong sương mù của núi rừng Sơn La, một thời để nhớ. Nhớ các cô gái Mường đã để lại một kỷ niệm không nguôi. Chúng tôi nhìn lại một lần cuối trước khi lên xe để về Yên Bái. Đây là đợt chuyển trại vội vàng về đồng bằng vì sắp có chiến tranh nơi biên giới Việt-Trung. Ngồi trong xe bít bùng tôi nguyện cầu cho những người ở làng Việt Nam được bình an trong những tháng năm còn lại. Các cô gái Mường gặp nhiều may mắn, gia đình các cô an vui, hạnh phúc. Cầu chúc các cô mau cảm nhận những tiếng "Kèn Nứa" (loại kèn làm bằng những ống nứa ghép lại của Dân tộc Mường) của các chàng trai thực lòng yêu thương các cô. Để mai kia, mốt nọ, các cô hân hoan cùng nhau lên đồi hái những Hoa Lau trắng về kết lại thành những chiếc gối xinh xắn gọi là Lễ vật trong ngày cưới để biếu gia đình bên chồng. Một tập tục dễ thương đã có từ bao đời.

Nguyện cầu cho tất cả mọi người còn ở lại, sẽ ở ngoài vùng khói lửa chiến tranh sắp đến. Không chia lìa, tang tóc, đau thương

như đồng bào Miền Nam đã hằn hứng chịu trong suốt chiều dài cuộc chiến. Một lần nữa xin chào tạm biệt mọi người.

Ở Yên Bái không bao lâu Quân đội giao chúng tôi cho Bộ Nội Vụ quản lý. Và chúng tôi đến vùng trời nắng cháy: Tân Kỳ Nghệ Tỉnh để tiếp tục một khoảng đời nghiệt ngã. Tiếp đến chiến tranh bùng nổ giữa Trung Quốc và Việt Nam năm 1979, tại các tỉnh cực Bắc Việt Nam .

"Trại Tù SƠN LA"

(Trích từ tập thơ "Giọt Nắng Thiên Thu" của nhà thơ Hồ Thanh Nhã)

Đề *"Tặng kỵ binh Vũ Đình Lưu - Cuối cùng rồi cũng còn một thời để nhớ."*

Sơn La nước độc giòng trong vắt
Trót hẹn cùng nhau một quãng đời
Thăm thẳm chín tầng sâu địa ngục
Chín tầng mòn mỏi cuộc rong chơi
Mênh mông chướng khí mờ Sơn La
Cái đói làm quên nỗi nhớ nhà
Trĩu nặng trần ai thân lính thú
Mồ hoang ..hoang lạnh dãy đồi xa
Nơi đây điểm hẹn bờ sinh tử
Dãy trại ven đồi vắng..vắng thêm
Nước độc rừng thiêng đêm chướng khí
Huyệt sâu xí xóa kiếp ưu phiền
Tinh sương,cả trại tù lưu xứ
Chặt nứa trên ngàn khoán chỉ tiêu
Công điểm trọn ngày đôi củ sắn
Máu tuôn sắc đá mỏng tai mèo
Sơn La cũng có đoàn sơn nữ
Thắm đậm tình người nghĩa quới nhân
Lên núi chặt măng triền bát ngát
Cho anh từng ống nứa cơm lam
Chao ôi!Vị nếp sao mà dẻo
Ngọt lịm bờ môi thắm nghĩa đời
Ví nếu hôm nào no một bữa
Cũng còn nhớ mãi trọn đời thôi

Chao ôi!Bó nứa sao mà nặng.
Chia sót nhau từ những khúc quanh
Xuống núi cheo leo triền vực thẳm
Oằn vai phân nửa gánh ân tình
Những gái Mường kia giờ ở đâu ?
Gùi măng xuống núi trắng hoa đào
Sơn La đất chết tình sao đẹp
Mãn kiếp lưu đày cũng nhớ nhau

Lưu Đình Vũ CA. 2011

Figure 1 Chiếc dao cạo tự làm bằng mảnh thép còn sót lại tại Công Binh Xưởng của Việt Minh thời kỳ năm 1954 và cán là gốc cây " Sặc" trên núi rừng Sơn La. Cán dao có khắc SƠN LA 1-7-76". hiện kỹ vật vẫn còn - chú thích của tác giả-

Figure 2 Mặt khác có khắc " Lưu Hồng"

Trang Sưu Tầm & Tìm Hiểu

Trang Sưu Tầm & Tìm Hiểu nhằm đón nhận những sưu tầm và tìm hiểu về nhiều lãnh vực như Khoa học, Nghệ thuật, Lịch sử, Văn chương, Tôn giáo, Y tế, Âm nhạc, v.v. Trang nầy có mục đích khuyến khích sự tò mò tìm kiếm, và cống hiến bạn đọc những món ăn tinh thần hữu ích. Trong khuôn khổ giới hạn số trang của Đặc san, bài viết xin giới hạn 10 trang trở lại. Chúng tôi hân hoan đón nhận sự đóng góp của quí vị và các bạn..

BAN BIÊN TẬP

Titanic

Con Tàu Định Mệnh

Quách Tứ

Ngày 15 tháng 4 năm 2012 đánh dấu 100 năm thảm họa đắm chìm con tàu Titanic. Tròn một thế kỷ, con tàu chìm sâu hơn hai dặm và nằm dưới đáy Đại Tây Dương, nhưng câu chuyện Titanic vẫn còn sống mãi. Câu chuyện được tường thuật lại từ những hành khách và thủy thủ đoàn còn sống sót, từ những nhân chứng là các viên chức của các tàu cấp cứu. Đến nay câu chuyện vẫn còn sống qua các phim ảnh, sách báo, thơ, nhạc, và một số trưng bày của các viện bảo tàng những tặng vật của các nạn nhân còn sống sót, những di vật được các toán thám hiểm đã đem về từ con tàu bị đắm chìm tận đáy đại dương.

Những đặc điểm của con tàu Titanic.

Từ nhà phát họa, chuyên viên đóng tàu đến hành khách nhìn thấy sự đồ sộ và tân kỳ của con tàu Titanic, đều cho rằng con tàu nầy không thể đắm chìm được (unsinkable ship). Titanic là con tàu thứ hai trong ba con tàu hàng hải lớn nhất thuộc hạng Olympic đươc điều hành bởi Công ty hàng hải White Star Line của Anh Quốc. Titanic được đóng và kiến trúc do xưởng đóng tàu Hardland and Wolff thuộc vùng Belfast, Ireland. Công trình hoàn tất gần 3 năm, khởi đầu từ 31 tháng 3 năm 1909 đến năm 1912 với 3,000

ngàn kỷ sư, chuyên viên, và thợ đóng tàu. Đây là con tàu sang trọng và lộng lẫy nhất trên thế giới. Titanic có chiều dài: 882 ft 6 in. (269m). Rộng: 92 ft (28m). Cao: 104 ft (32m). Tàu được đóng hai đáy với 9 sàn tàu. Trọng lượng: 46,328 tấn và trọng tải: 52,310 tấn (dùng dấu phẩy, viết theo chữ số Mỹ).

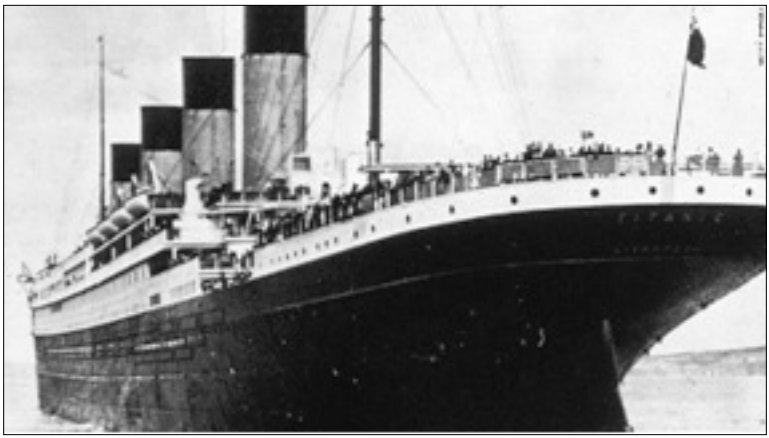

Titanic được kiến trúc và trang trí theo tiêu chuẩn cao nhất để phục vụ hành khách và gây ấn tượng cho hành khách là đang sống trong một dinh thự hay khách sạn sang trọng nổi. Hạng nhất và hạng nhì được trang trí phỏng theo những mẫu của thời Phục hưng. Con tàu có thể cung cấp phòng ở và tiện nghi cho 833 hành khách hạng nhất, 614 hành khách hạng nhì, và 1,006 hành khách hạng ba. Cộng thêm hơn 900 nhân viên và thủy thủ đoàn.

Hành khách được hưởng nhiều tiện nghi trên tàu như hồ bơi, sân tập thể dục, nhà hàng cao cấp, khu Café Parisien dành cho khách hạng nhất, phòng ăn, phòng tiếp khách, thư viện với phòng đọc sách và phòng viết, khu chơi cầu lông, phòng tắm hơi, phòng hút thuốc, phòng cắt tóc.v.v.

Về kỷ thuật, tàu được trang bị 3 động cơ thủy vận. Hai động cơ kết hợp có công suất 30,000 mã lực; động cơ thứ ba có công suất 16,000 mã lực, động cơ nầy chỉ xử dụng khi muốn chạy lui lại. Titanic có trang bị hệ thống bơm nước và sưởi cho tất cả các phòng. Trong trường hợp nhu cầu khẩn cấp, tàu có hệ thống chuyển nước mặn thành nước ngọt. Tàu chuyên chở theo 6,611 tấn than, mỗi ngày tiêu thụ 600 tấn, thải ra và đổ xuống biển 100 tấn tro. Tàu có đài vô tuyến dùng chuyển đi và nhận những điện tín của hành khách cách xa đến 1,000 dặm. Đài còn có khả năng

chuyển đi và nhận những tin tức về thời tiết và băng đá.

Hạ thủy và thử vận hành

Ngày 31 tháng 5 năm 1911, Titanic được hạ thủy lúc 12:15, với sự hiện diện của các viên chức cao cấp của Công ty Hàng Hải White Star Line cùng 100,000 người đến dự. Công ty đã xử dụng 22 tấn xà phòng và mỡ công nghiệp để trải và làm trơn lộ trình đưa con tàu Titanic vào giòng sông Lagan hạ thủy.

Lúc 6:00 giờ sáng ngày 2 tháng 4 năm 1912, tức 8 ngày trước cuộc hành trình chính thức và đầu tiên vượt Đại Tây Dương. Titanic được đưa vào vùng biển Ái Nhĩ Lan. Trong vòng 12 giờ, con tàu được cho chạy với nhiều vận tốc khác nhau, thử khả năng quẹo, khả năng ngừng gấp, được thực hiện với động cơ cho chạy ngược, và con tàu dừng ở 850 yards trong vòng 3 phút 15 giây. Vận tốc trung bình của con tàu là 18 hải lý/giờ và vận tốc cao nhất là 22 hải lý/giờ. Một hợp đồng đã được các nhà giám định ký xác nhận Titanic có khả năng hành trình hàng hải với hành khách và thủy thủ đoàn, có hiệu lực trong 12 tháng. Titanic rời vùng biển Ái Nhĩ Lan, và hướng về Hải cảng Southampton, cuộc hành trình dài 570 hải lý và mất 28 giờ. Lúc nầy, Titanic đã sẵn sàng cho cuộc hành trình vượt Đại dương.

Cuộc hành trình của Titanic

Titanic được đặt dưới quyền chỉ huy của Hạm trưởng Edward J. Smith. Một Hạm trưởng kỳ cựu và nhiều kinh nghiệm hàng hải nhất của hãng White Star Line. Ông được chuyển từ tàu Olympic sang để điều khiển Titanic. Có 8 viên chức hàng hải phụ tá cùng trên 900 thủy thủ và nhân viên.

Sáng ngày 10 tháng 4 năm 1912, hành khách lên tàu. Vào trưa, Titanic được nhổ neo và rời cảng Southampton của Anh Quốc để bắt đầu cuộc hành trình đầu tiên, giữa những tiếng vỗ tay reo hò. Người trên tàu, kẻ dưới bờ vẫy tay chào nhau và chúc mừng cuộc hành trình. Con tàu hướng về Cherbourg, Pháp. Titanic dừng một thời gian ngắn tại đây và tiếp

tục cuộc hành trình đến Queenstown, Ái Nhĩ Lan. Khi tàu dừng, một số hành khách xuống và hằng trăm hành khách mới lên tàu. Titanic rời Queenstown lúc 1:30 chiều ngày 11 tháng 4 năm 1912 hướng về New York.

Trên tàu gồm 2,206 người cả hành khách và thủy thủ đoàn. Trong số hành khách gồm những người giàu có và có địa vị trong xã hội, lẫn những người nghèo khó, di dân từ nhiều quốc gia đến Hoa Kỳ để tìm một cuộc sống mới. Thành phần hành khách gồm 3 hạng: Hạng nhất gồm có 324 người, hạng nhì 284 người và hạng ba 709 người; trên tàu có 447 phụ nữ và 107 trẻ em; đa số phụ nữ và trẻ em thuộc hạng ba vì đây là thành phần di dân.

Qua bốn ngày vượt đại dương không một trở ngại. Vị trí của tàu vào khoảng 375 dặm (600 km) phía nam của Newfoundland. Nhân viên và thủy thủ đoàn làm việc tận lực; hành khách vui chơi và thưởng thức những tiện nghi sang trọng của con tàu.

Hiện tượng băng đá

Theo các nhà khoa học, tháng giêng năm 1912 mặt trăng tiến gần quả đất hơn bất cứ lúc nào trong 1400 năm trước đó. Đồng thời, tháng giêng cũng là tháng trong năm quả đất tiến gần mặt trời hơn những tháng khác. Tình trạng nầy đã tạo ra một mùa đông ôn hòa ở miền Bắc cực gây các tảng băng (icebergs) rã khỏi khối băng đá ở miền Greenland (thuộc lãnh thổ Đan Mạch), Bắc cực. Vì mặt trăng tiến gần quả đất hơn nên tạo sức hút mạnh và gây thủy triều cao. Chính thủy triều nầy đã đẩy các tảng băng đá trôi nhanh hơn vào lộ trình hàng hải trên Đại tây dương mấy tháng sau đó. Đặc điểm của các tảng băng là phần chân lớn hơn ngọn và nằm dưới mặt nước; nếu sóng thủy triều cao thì dễ nhận thấy vì chân tảng băng lộ ra. Ngược lại, khi biển lặng rất khó nhìn thấy những tảng băng nầy.

Ngày định mệnh

Cuộc hành trình của Titanic tiếp tục trong ngày 14 tháng 4 năm 1912, lúc 5:50 chiều, chuyên viên vô tuyến nhận được một số điện tín từ các tàu khác trong vùng báo về những tảng băng đá trên lộ trình. Những tin tức nầy được chuyển đến đài chỉ huy. Hạm trưởng Smith ra lệnh chuyển hải trình nghiêng về phía nam nhưng con tàu vẫn còn giữ tốc độ cao 22 hải lý/giờ. Lúc 9:40 tối, tàu Mesaba chuyển điện tín báo tin khẩn về bãi băng đá gồm những khối lớn băng đá trong vùng. Nhân viên vô tuyến vì qúa bận rộn với những điện tín gởi đi và đến của hành khách, nên

những tin tức nầy đã không được chuyển đầy đủ chi tiết đến đài chỉ huy. Vì thế, Hạm trưởng Edward J. Smith đã không rõ mức độ trầm trọng của những cảnh cáo đó. Hai quan sát viên của đài quan sát được lệnh phải tập trung chú ý về những hiện tượng khối băng đá nói trên.

Đêm 14 tháng 4, thời tiết trở nên lạnh, biển lặng, bầu trời trong và không có trăng. Điều này làm cho hai quan sát viên không thể nhìn thấy xa. Hơn thế nữa, hệ thống ống nhòm bị đặt sai. Khi quan sát viên nhìn thấy tảng băng đá thì đã quá gần con tàu. Lúc 11:40 tối, nhân viên quan sát rung chuông và điện thoại thông báo cho đài chỉ huy. Viên chức trực số 1, Murdoch, ra lệnh tàu rẽ mạnh qua trái. Ông cũng ra lệnh phòng máy cho máy chạy ngược. Tàu quẹo trái nhưng đã muộn; hông bên phải mũi tàu chạm vào tảng băng đá bên dưới đường nước. Mũi tàu bị xé thủng, nước tràn vào các khoang tàu. Nhiều hành khách đang ngủ không rõ sự việc, nhưng Hạm trưởng Smith cảm nhận được và chạy thẳng đến đài chỉ huy. Ông nhận được báo cáo là quá nhiều nước đã theo chỗ xé thủng chảy vào con tàu. Theo kiến trúc, con tàu chỉ nổi khi 4 trong 16 khoang tàu ngập nước. Lúc nầy 6 khoang đã ngập.

Hạm trưởng Smith nhận rõ con tàu đang lâm nguy, ông ra lệnh chuyên viên vô tuyến chuyển đi những tín hiệu báo nguy, nhân viên và thủy thủ đoàn lo việc đưa hành khách lên xuồng cấp cứu. Lúc đầu, nhiều người chưa nhận ra con tàu đang lâm nguy nên còn chần chờ. Khi mọi người nhận ra, cảnh lên xuồng cấp cứu trở nên hỗn loạn. Lệnh được ban ra: "Đàn bà và trẻ em ưu tiên trước". Tuy nhiên, trước đó một vài ông đã được cho phép lên xuồng. Điều thiếu sót là Titanic đã không chở theo đủ số xuồng cấp cứu, chỉ được phân nửa, nên không đủ cho mọi người trên tàu. Hành khách và thủy thủ đã không được hướng dẫn và thực tập trong trường hợp khẩn cấp xảy ra, nên cảnh tượng rất hỗn loạn; nhiều xuồng cấp cứu đã không đưa đủ số người lên, nhiều chỗ bỏ trống.

Sau khi xuồng cấp cứu cuối cùng được hạ xuống nước, số người còn lại hoảng hốt và phản ứng khác nhau. Có người đã vồ lấy những vật gì có thể nổi như ghế, bàn, thùng đựng nước ném xuống nước rồi nhảy theo. Có người quyết định ở lại trên tàu. Nước quá lạnh dưới zero độ, nên những người nhảy xuống nước chỉ mấy phút sau đã chết cóng trong băng đá.

Những giờ phút cuối cùng của Titanic

Ngày 15 tháng 4 năm 1912: Lúc 2:10 sáng : Phần trước của mũi tàu chúi xuống nước, nhân viên vô tuyến chuyển điện văn và bắn những trái sáng cứu nguy cuối cùng. Hạm trưởng Smith khen ngợi nhân viên vô tuyến và cho biết nhiệm vụ đã xong, rồi ông tuyên bố: "Bây giờ mọi người tự lo lấy!" Những người còn lại đang bám vào đuôi con tàu. Theo lời thuật lại của John Thayer đã nhìn thấy từ xuồng cấp cứu: "Họ bám vào đuôi tàu như một đàn ong rồi từng người rơi xuống nước."

Lúc 2:18 sáng: Bóng đèn cuối cùng nhấp nháy rồi vụt tắt khi con tàu vỡ đôi, phần mũi chìm xuống.

Lúc 2:20 sáng: Phần đuôi dựng đứng và nhô lên cao như con cá voi khổng lồ, rồi từ từ chìm xuống và biến mất vào lòng đại dương.

Titanic đi vào đáy đại dương mang theo 1,517 linh hồn gồm 130 hành khách hạng nhất, 166 hành khách hạng nhì, 536 khách hạng ba, cùng 685 nhân viên và thủy thủ đoàn.

Việc cấp cứu

Nhiều tàu đã nhận được tín hiệu báo nguy của Titanic và chuyển hải trình đến cấp cứu. Một giờ sau, tàu Carpathia đến nơi; những hành khách sống sót trên xuồng cấp cứu đã nhìn thấy con tàu lúc 3:30 sáng. Lúc 4:10 sáng, người sống sót đầu tiên bước lên tàu. Và 4 giờ sau, những người còn sống sót đều được vớt lên tàu

Carpathia, tất cả là 706 người. Tàu cấp cứu hướng về New York. Bà Ruth Becker, hành khách sống sót, kể lại: "Khi tàu Carpathia đến cảng New York, hàng nghìn người đứng đợi dưới cơn mưa như đổ. Tôi nghe tiếng khóc của niềm vui của những người gặp lại người thương, và những người khác với nước mắt trên mi khi biết thân nhân và bạn bè của mình đã bị chìm đắm."

Những mẫu chuyện nhỏ liên quan đến thảm họa Titanic

Theo dự tính của Hạm trưởng Edward J. Smith, đây là chuyến hải hành cuối cùng trước khi về hưu ở tuổi 62. Ông đã được lựa chọn chỉ huy con tàu Titanic trong chuyến hải hành vượt Đại Tây Dương đầu tiên để đem lại danh tiếng cho Công Ty Hàng hải White Star Line. Không may, đây là chuyến hải hành định mệnh cuối cùng của một tài năng! Khi con tàu lâm nguy, theo truyền thống của ngành hàng hải, Hạm trưởng Edward J. Smith đã chọn cái chết với trách nhiệm, và định mệnh. Ông đã trở lại đài chỉ huy và chờ chết theo con tàu.

Trong số những người đàn ông lên xuồng cấp cứu trước và sống sót là Bruce Ismay, Chủ tịch Công Ty Hàng hải White Star Line. Ông bị báo chí và người đời chỉ trích là hèn nhát, vì ông đã rời con tàu trong khi nhiều đàn bà và trẻ em còn lại trên sàn tàu. Ông đã sống những năm tháng còn lại của cuộc đời trong buồn tẻ vì bị xã hội xa lánh.

Hành khách trẻ tuổi nhất của con tàu Titanic là bà Milvia Dean. Khi ấy bà mới được 2 tháng tuổi. Cha mẹ của bà quyết định di cư từ Anh Quốc đến Tiểu bang Kansas, Hoa Kỳ để sinh sống. Cha của bà không được lên xuồng cấp cứu vì đàn ông không được ưu tiên. Bà đã nằm trên cánh tay mẹ lên xuồng cấp cứu và được đưa tới Hoa Kỳ. Sau đó mẹ bà quyết định trở lại Anh Quốc sinh sống vì không còn chồng. Khi trưởng thành bà có gia đình và 3 con. Bà Milvia Dean đã tham gia nhiều công tác từ thiện, các hội nghị, diễn đàn và phỏng vấn cho sử liệu. Bà mất năm 2009, hưởng thọ 97 tuổi. Theo di chúc, tro hỏa thiêu của bà được rải trên cảng Southampton, nơi con tàu Titanic khởi hành trong cuộc hành trình đầu tiên và cũng là cuộc hành trình định mệnh cuối cùng.

Chuyện phim "Titanic"

Nhiều phim về thảm họa con tàu Titanic đã được phát hành. Nhưng đến năm 1997 có một bộ phim được phát hành với tựa đề "Titanic" đã nổi tiếng và thu hút nhiều người xem.

Nhà viết chuyện phim và cũng là đồng dạo diễn phim, James

Cameron, đã thực hiện một bộ phim về thảm họa đắm chìm của Titanic. Ông cho rằng thảm họa nầy là một đỉnh cao như ngọn Everest của lịch sử đắm tàu. Ông muốn vinh danh những người đã mất, và đưa khán giả sống lại với lịch sử. Việc thực hiện bộ phim Titanic khởi đầu từ năm 1995. Cameron cho rằng để đạt được thành quả cao cho bộ phim, cần hòa lẫn câu chuyện tình vào sự mất mát của con người trong thảm kịch nầy. Hai tài tử điện ảnh trẻ đã được chọn đóng vai chính trong bộ phim là Leonardo DiCaprio (22 tuổi) trong vai Jack, và Kate Winslet (17 tuổi) trong vai Rose.

Việc thực hiện phim

Việc tái tạo con tàu Titanic để sử dụng trong phim, đã thực hiện tại Playas de Rosarito, Baja California. Những cảnh trí tối tân đã được thực hiện và quay trên tàu Akademik Mstislav Keldysh, một tàu Sưu tầm và Nghiên cứu Khoa học của Hải học viện Shirshov, thuộc Viện Hàn lâm Liên xô, James Cameron và tổ hợp làm phim đã thuê để thực hiện phim nầy. Kỷ thuật cao về computer đã được xử dụng để điều chỉnh về kích thước, hình ảnh và tạo cảnh đắm chìm. Bộ phim đã được tài trợ một phần do Công ty Điện ảnh Paramount và 20th Century Fox.

Tóm lược chuyện phim

Năm 1912, Rose là một cô gái 17 tuổi, thuộc gia đình thượng lưu, cùng đi với mẹ là bà Ruth DeWitt Bukater, và vị hôn phu Cal Hockley, một người giàu và có địa vị, lên tàu Titanic với vé thượng hạng. Cùng lúc đó Jack Dawson, một họa sĩ nghèo, lang thang lên tàu với vé hạng ba vừa may mắn trúng được trong một canh bài poker.

Rose buồn lòng vì mẹ cô đã thuyết phục đính hôn với một người giàu có nhưng lớn hơn cô 13 tuổi, để có tiền trang trải số nợ của người cha đã qua đời. Rose quyết định tự tử trong chuyến du hành nầy, bằng cách ra sau đuôi tàu và nhảy xuống đại dương. Jack đi lang thang trên tàu thấy được Rose và kịp thời ngăn cản. Cal, vị hôn phu của Rose bắt gặp hai người. Rose phải nói dối là vì tò mò cúi xuống xem cạnh con tàu, bị trượt chân và Jack đã thấy và đến giúp. Cal muốn xa lánh Jack, nhưng Rose khuyên nên có sự nhìn nhận về sự giúp đỡ nầy. Cal muốn xong chuyện, nên anh tặng Jack một số tiền nhỏ. Rose lại mỉa mai là cứu sống một mạng người để nhận một số tiền nhỏ? Để vừa lòng Rose, Cal mời Jack đến dự bữa ăn chiều ngày hôm sau ở phòng ăn hành khách hạng nhất.

Sau bữa ăn, bà Ruth và Cal rất mỏi mệt và bực mình về cái thái độ của anh chàng trẻ khách hạng ba nầy. Nhưng Rose lại khác, chính lần gặp gỡ nầy đã khởi đầu tình yêu giữa hai người. Sau đó, Rose đã trốn để đến tham dự dạ hội cùng Jack ở khu hành khách hạng ba.

Câu chuyện tình đã xảy ra giữa hai người trẻ thuộc hai giai cấp xã hội khác nhau, trong thời gian ngắn ngủi và có nhiều uẩn khúc. Rose nhất định không nghe theo lời khuyên của mẹ, mà theo con tim của mình. Rose tìm thấy ở Jack có những cái đáng yêu hơn Cal. Cuộc tình trở nên gắn bó và khắn khít như đôi chim vỗ cánh bay cao, khi Rose đứng trước mũi tàu dang tay đón gió và Jack đứng phía sau ôm choàng lấy người yêu.

Rồi hai người về phòng riêng của Rose. Rose yêu cầu Jack vẽ tấm hình khỏa thân của mình, với sợi giây đeo cổ có hình trái tim hột xoàn khắc chữ "The Heart of Ocean" (Con Tim của Đại Dương) mà vị hôn phu, Cal, đã tặng khi đính hôn. Sau đó, hai người đã tìm cách đánh lừa sự chú ý người cận vệ của Cal, để cùng nhau chui vào khoang hành lý của con tàu, và có chuyện vụng trộm tình yêu trong một chiếc xe hơi. Đây cũng là lúc con tàu bị nước tràn vào khá nhiều.

Cal nổi giận khi thấy tấm hình khỏa thân của Rose do Jack vẽ, để trả thù Cal bảo tên cận vệ lén bỏ sợi giây chuyền của anh

ta vào túi áo khoác của Jack rồi vu khống bị đánh cắp. Nhân viên an ninh bắt Jack và còng vào một trụ sắt.

Giờ phút lâm nguy của con tàu đã đến, Cal và Jack thuyết phục Rose lên xuồng cấp cứu. Cal nói rằng anh đã xếp đặt mọi việc để anh và Jack lên xuồng cấp cứu thoát thân an toàn. Thế nhưng, khi Rose lên xuồng rồi, Cal lại nói rằng anh chỉ dàn xếp đi một mình thôi, không có Jack.

Khi xuồng bắt đầu hạ xuống nước, Rose thấy không thể nào bỏ Jack ở lại trên tàu, nên cô đã nhảy trở lại tàu để cứu Jack bị còng. Rose đập bể cửa kính của phòng cứu hỏa để vào lấy cái rìu, rồi chạy đi chặt đứt dây xích cứu Jack. Thấy Rose quay trở lại với Jack, Cal nổi cơn điên giận và rút súng ngắn rượt đuổi và bắn vào hai người đang nắm tay nhau chạy trong nước lai láng trên sàn tàu. Khi hết đạn và lâm nguy chìm tàu đã đến, Cal chạy lên xuồng cấp cứu bằng cách nói dối là cho lên tìm đứa con bị thất lạc.

Giờ chót, Rose và Jack cùng chạy đến đuôi tàu. Con tàu gãy đôi phần mũi chìm xuống nước. Phần đuôi dựng đứng rồi chìm sau đó. Hai người đã bám được vào tấm ván nhỏ vỡ ra từ đuôi tàu. Tấm ván chỉ nổi với trọng lượng của một người. Jack ôm lấy vành miếng ván và nói lời từ biệt cuối cùng với Rose, rồi buông tay. Sau đó, Rose đã được cấp cứu và lên tàu Carpathia cùng những người sống sót về cảng New York. Trên tàu Carpathia, Rose đã tìm cách trốn tránh Cal. Về sau, Rose đã nhận được tin là Cal đã tự tử vì mất một số tài sản lớn ở Wall Street.

Một cuộc tình ngắn ngủi kẻ còn người mất, nhưng đối với Rose tình yêu của con tim đã trọn vẹn. Rose lên tàu thám hiểm Lovett ra khơi trở lại, cô tiến ra phía đuôi tàu. Đại dương mênh mông, quá khứ lại về. Rose lấy sợi giây đeo vòng cổ với hình "Trái Tim của Đại Dương" ném vào nước trong xanh. Rose mơ màng về quá khứ và nhớ lại lời nói cuối cùng của Jack, mong muốn cô sống đến tuổi già. Rose thấy mình được đoàn tụ với Jack ở chân cầu thang rộng lớn của con tàu Titanic giữa tiếng vỗ tay và chúc mừng của những người cùng định mệnh với con tàu.

Bản nhạc đệm trong phim "My Heart Will Go On" (Tim em vẫn còn đập mãi) của James Homer lại vang lên, với giọng hát truyền cảm của Celine Dion đã nói lên sự thiết tha của một mối tình ngắn ngủi và nỗi xót xa, mất mát của con người trong cuộc hành trình định mệnh.

Bộ phim được thực hiện với tổn phí là 200 triệu Mỹ kim (trị giá thời bấy giờ). Đây là tổn phí thực hiện khá cao trong lịch sử làm phim. Bộ phim đã được phát hành ngày 19 tháng 12 năm

1997. Ngay sau khi trình chiếu đã thu hút số khán giả rất cao và thành công lớn về mặt thương mãi. Bộ phim đã được 14 lần đề nghị giải thưởng Hàn lâm và đạt được giải 11 lần, gồm giải hình đẹp nhất và đạo diễn hay nhất. Tổng số doanh thu bán vé khởi đầu (tính cả các quốc gia trên thế giới) được 1 tỷ 840 triệu Mỹ kim.

Bộ phim Titanic đã được chuyển qua hình thức phim 3 chiều (3 dimensions), với tựa đề "Titanic Super 3D", được phát hành ngaỳ 4 tháng 4 năm 2012, cùng với các đĩa "Blu-Ray 3D & DVD" đã thu hút được nhiều khán giả, nhất là ở Trung Quốc. Sự cải tiến nầy đã thu thêm được 343 triệu Mỹ kim. Và tổng kết sau cùng năm 2012 là 2 tỷ 185 triệu Mỹ kim. Đây là số doanh thu cao thứ nhì, sau bộ phim Khoa học giả tưởng Avatar, sản xuất năm 2009, của cùng Tác giả và Đạo diễn James Cameron.

Việc thám hiểm về Titanic

Từ 1965, các nhà khoa học đã xử dụng Tiềm thủy đỉnh loại nhỏ được gọi là Alvin cùng các Robot có tên là Jason Junior hay JJ, thực hiện các cuộc thám hiểm và định được vị trí của con tàu Titanic. Các Robot đã đi vào được bên trong con tàu, chụp hình các chi tiết và những di vật còn lại của con tàu.

Sau các cuộc thám hiểm, nhiều đề nghị đã được đưa ra và yêu cầu các nhà thám hiểm hãy để Titanic yên nghỉ, và xem con tàu như một đài tưởng niệm nằm dưới đáy đại đương, để tưởng nhớ đến những người đã mất.

Vấn đề an toàn trên biển

Thảm họa Titanic đã gây sự tức giận của đại chúng về việc thiếu xuồng cấp cứu trên tàu, luật lệ hàng hải lỏng lẻo, đối xử bất bình đẳng giữa các hạng hành khách trên tàu. Do đó, có những đòi hỏi phải thay đổi luật hàng hải ngay. Điều nầy đã dẫn đến việc thành lập một Hội nghị Hàng hải Quốc tế năm 1914 về vấn đề an toàn trên biển, được gọi là SOLAS (Safety of Life at Sea). Những luật lệ được quyết định trong hội nghị nầy vẫn còn hiệu lực cho an toàn hàng hải hiện hành.

Ngày nay, Titanic, tên con tàu và những hình ảnh, di vật còn lại như một thực thể nhắc nhở nhân loại rằng: Những gì con người tự hào khi nhìn thấy và cho rằng, không hẳn luôn luôn đúng.

(Phỏng theo một số Tạp chí và Websites của Hoa Kỳ)

QUÁCH TỨ

Những bài thơ tình của những cây bút nữ

Trần Phương Anh

Một hôm, trong khu bán sách sale của một thư viện địa phương, tình cờ tôi bắt gặp một quyển sách còn khá tươm tất, bìa trình bày rất nhã, có tên là LOVE POEMS BY WOMEN, AN ANTHOLOGY OF POETRY FROM AROUND THE WORLD AND THROUGH THE AGES (Thơ tình của phụ nữ, một hợp tuyển thi ca khắp thế giới qua mọi thời đại) (1). Tôi vội mở ra xem thử. Lật xem trước mục lục thì thấy có tên HỒ XUÂN HƯƠNG trong danh sách các tác giả có thơ trích giới thiệu.Thế là tôi mua ngay, vì tò mò muốn biết các học giả tây phương đã xếp chung bà chúa thơ tình của chúng ta với những nữ thi sĩ nào trên thế giới qua mọi thời đại này.

Nói chung, thơ tình do các cây bút nữ xuất hiện trên văn đàn thế giới từ xưa đến giờ cũng không phải là it và cũng chẳng phải là một hiện tượng gì đặc biệt. Cách nay gần 4.300 năm, thơ của nữ thi sĩ Enheduanna (2285-2250 trước công nguyên) ở Sumer, vùng Lưỡng hà châu) đã được khắc bằng chữ hình nêm (cuneiform). Bà cũng là người được xem như là tác giả đầu tiên của nhân loại có tác phẩm còn được bảo tồn cho đến ngày nay và lưu lại cho hậu thế.

Nhưng hợp tuyển thơ gồm nhiều tác phẩm của nhiều nữ thi sĩ này, được những học giả nữ nổi tiếng giới thiệu, thiết tưởng cũng

đáng cho chúng ta bỏ công tìm đọc.

Lúc đem sách về nhà, tôi đã vội vã đọc ngay bài thơ trích của Hồ xuân Hương. Thơ bà chỉ được trích có mỗi một bài, đó là bài QUẢ MÍT Bài thơ này được giới thiệu qua bản dịch của GS Nguyễn ngọc Bích, như sau:

THE JACKFRUIT
I am like a jackfruit on the tree
To taste you must plug me quick, while fresh:
The skin rough, the pulp thick, yes
But oh, I warn you against touching-
The rich juice will gush and stain your hands

Bài dịch chỉ có bấy nhiêu dòng, không hơn, không kém! Tôi tự hỏi chẳng biết độc giả không phải là người Việt sẽ hiểu như thế nào về nghĩa đen câu thơ dịch thứ hai, khi bài dịch không có một lời ghi chú nào. Lĩnh hội được thơ của bà, điều lý thú nhất là hiểu được cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của bài thơ. Độc giả thế giới nếu không được giải thích rõ, có thể ngộ nhận ý nghĩa bài thơ, và từ đó không nhận ra giá trị đích thực của nó. Tôi sực nhớ đến GS Huỳnh sanh Thông, giáo sư giảng dạy tại đại học Yale, người đã có công dịch ra Anh văn hầu hết những tác phẩm cổ có gíá trị, như: Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Trê Cóc, Ngư tiều canh mục, Bích câu kỳ ngô, Trinh thử, Lục súc tranh công và hầu hết thơ của các tác gia Việt Nam từ thế kỳ 11 đến thế kỷ 20, trong đó có thơ nữ sĩ Hồ xuân Hương. GS Huỳnh đã dịch ra Anh văn đến 16 bài thơ của nữ sĩ và đăng trong hợp tuyển thơ Việt Nam (An Anthology of Vietnamese Poems) do Yale University Press xuất bản năm 1996. Bài thơ QUẢ MÍT đã được GS Huỳnh dịch ra Anh văn như sau:

JACKFRUIT
My body's like a jackfruit on the tree
The skin is rough- the pulp is nice and thick
If you love me, drive into it your plug.
Don't fondle it or sap will stain your hands

Cuối bài còn có thêm phần ghi chú về 2 câu cuối :"The common practice is to drive a plug or wedge into a jackfruit to test it for ripeness.The jackfruit is known for the sticky sap that oozes from its rough skins".

Chúng ta nhận thấy bài dịch của GS Huỳnh không dư câu, dư chữ, trong sáng và rất sát nghĩa với bài nguyên tác. Tôi tin rằng

bài dịch như thế này mới giúp độc giả thế giới thực sự hiểu được thơ chúng ta.

Thiết tưởng ở đây cũng nên chép lại bài thơ QUẢ MÍT để mọi người tiện đối chiếu với lời dịch của hai dịch giả

QUẢ MÍT

Thân em như quả mít trên cây
Da nó sù sì, múi nó dày
Quân tử có thương thì cắm cọc
Xin đừng mấn mó nhựa ra tay

Hợp tuyển thơ tình của nữ giới này gồm có 257 bài thơ của hơn 200 nhà thơ nữ khắp thế giới qua nhiều thời đại.Tác giả được trích thơ nhiều nhất là nữ thi sĩ Hi lạp Sappho (thế kỷ 6 trước công nguyên). Trong hợp tuyển có cả thơ của nữ hoàng Elisabeth đệ nhất (1533-1603), thơ của công chuá Ba Tư, Zeb-un-Nissa (1638-1702), thơ của La Comtesse de Dia (sinh khoảng năm 1040) xứ Provencal của Pháp. Còn về thời gian thì trải dài từ nữ thi sĩ En-heduanna (2285-2250 năm trước công nguyên) cho tới những nữ thi sĩ sinh vào thập niên 70 của thế kỷ trước.

Trong một hợp tuyển tương đối có tầm cỡ như thế, không ai dễ gì đọc hết một lần. Sách dày hơn 300 trang, phần giới thiệu sơ lược ở đầu sách chỉ có 8 trang, còn thì toàn là thơ trích, không một lời khen chê, vì đây không phải là tác phẩm phê bình thơ. Tôi thích được đọc thơ có kèm theo lời phê bình hơn là thơ hợp tuyển. Đọc lời phê bình để mong mở rộng tầm hiểu biết của mình và cũng để đối chiếu, rồi nghiệm xem vốn kiến thức của mình lĩnh hội thơ người khác được tới mức nào, hiểu đúng hay sai thơ người khác. Vì thế tôi phải đọc đi, đọc lại thật kỹ những bài mà tôi thích và khi đã chắc chắn là mình hiểu đúng ý tác giả muốn nói thì mới chọn đưa ra giới thiệu. Tôi bỏ qua những bài thơ hóc hiểm của Emily Dickinson. Tôi cũng cho qua những bài thơ xuất hiện cách nay nhiều thế kỷ vì đã từng có nhiều người đề cập đến, như thơ của Sappho, Enheduanna, Sulpicia. Và tôi cũng cho qua luôn thơ của những nữ sĩ quen thuộc, từng có thơ được in trong nhiều tuyển tập thơ và ngay cả trong sách giáo khoa dạy về văn học sử, như:

Elisabeth Barrett Browning, Emily Bronte, Edna St Vincent Millay, Gertrude Stein, Maya Angelou. Tôi không muốn lập lại những gì người ta đã khám phá và đã quảng bá cho mọi người biết. Vì thế tôi bỏ nhiều thời gian quanh đi, quẩn lại giữa trăm hoa khác trong vườn thơ và cố tìm những bông hoa đầy hương sắc lạ thường, chưa được nhiều người biết đến và nhắc đến. Số lượng

tìm ra được cũng khá nhiều, nhưng không thể trình làng cùng một lúc, nên phải chọn lựa hai ba lần và chỉ xin giới thiệu dăm ba bài có tứ lạ, có tình dễ thương mà thôi.

Trong hợp tuyển thơ tình nữ giới này có giới thiệu 4 bài thơ khuyết danh: một của Pháp, một của vùng Provencal, đông nam nước Pháp, một của xứ Wales, và một của đảo Crete. Tất cả đều hay. Đọc những bài thơ khuyết danh này, tự nhiên tôi liên tưởng đến những bài ca dao của ta. Cũng mộc mạc, thơ ngây, đằm thắm, trữ tình và đầy bản sắc dân tộc. Bài tôi thích nhất trong bốn bài thơ khuyết danh là bài thơ lưu truyền ở đảo Crete trong Địa trung Hải. Bài thơ này đã được Ruth Padel dịch ra Anh văn như sau:

INVITATION

Mother! It's snowing in the mountain
and raining in the valley
and a stranger's coming
past our door. He's wet
He's covered with snow
Mother! Open up and let him in
Silly girl, we haven't any bread
Why so you want the stranger?
Mother, there's bread at the baker's
Send me to get it. Darling,
we haven't got wine, Why
do you want the stranger?
There's wine at the tavern, Mother
Send me to get it. My love,
we haven't any blankets
and the night's cold. What
do you want with the stranger?
Mother, my small skirt
will cover us both.

Tôi xin dịch ra theo thể thơ lục bát cho gần với ca dao Việt Nam:

LỜI MỜI

Tuyết rơi trong núi mẹ ơi!
Và trong thung lũng đất trời mù mưa!
Có người lạ, ướt te tua
Đi ngang qua cửa, mới vừa đấy thôi
Khắp người tuyết phủ, mẹ ơi
Mở nhanh cửa trước rồi mời chàng vô

Bánh mì hết ráo rồi cô!
Người xa lạ, muốn mời vô làm gì?
Bánh đầy ở hiệu bánh mì
Cho con đến lấy khó gì, mẹ ơi
Rượu vang cũng hết cả rồi!
Tại sao con lại muốn mời người ta?
Rượu đầy ngoài quán kia mà
Cho con đi lấy, có xa xôi gì
Nhà không chăn đắp mới kỳ
Qua đêm khách biết lấy gì ấm đây?
Con muốn gì, với người này?
Mẹ ơi, váy nhỏ con bày đắp chung
Cả hai được phủ ấm cùng!

Rời Địa trung hải chúng ta lên vùng biển tây bắc sẽ gặp xứ Ái nhĩ lan xinh đẹp. Ở đó, trên bờ bắc ngạn dòng sông Shannon giữa thiên nhiên hoang dã, người tình của nữ sĩ Nuala Ni Dhomnaill đã dọn cho nàng một chiếc giường tình và họ qua đêm với nhau cùng hoa vân anh và lũ bướm đêm. Nữ sĩ không tiện nói ra mà mượn lời người tình viết thành bài thơ ca ngợi mình và tình yêu của hai người. Bài thơ có những ý rất lạ: Mái tóc gợn sóng của người tình là một đàn dê di chuyển qua đồi núi nhấp nhô, đồi có vách đá cao và hai hẻm núi sâu. Giữa cảnh thiên nhiên chung chung, không có gì đặc trưng tại sao lại có con số 2 (2 hẻm núi) giữa những ngọn đồi nhấp nhô và vách đá cao? Có phải đây là câu thơ tả nghĩa đen mà ngầm chỉ cho nghĩa bóng kiểu nữ sĩ Hồ xuân Hương?

Bài thơ tự do gồm 39 câu dài ngắn không đều viết bằng Anh văn. Tôi xin dịch ra 44 câu thơ 4 chữ:

GIƯỜNG TÌNH

Giữa đám cỏ cao
Vòm cây rợp bóng
Thân đan vào nhau
Chiếc giường tình mộng
Anh dọn cho em
Như tấm lụa đào
Da em dịu mềm
Trải trong bóng tối
Khi lũ bướm đêm
Bay ra phấp phới
Da em lấp lánh
Rạng rỡ thân ngà
Như dòng sữa lạnh

Rót từ bình ra
Trong bữa ăn tối
Tóc em sóng dợn
Như đàn dê đi
Núi đồi uốn lượn
Nhấp nhô xanh rì
Vách đá ngất ngưởng
Hẻm núi vĩ kỳ!
Môi em mọng ướt
Đẫm ngọt như đường
Ven sông sánh bước
Gió chiều ngát hương
Thổi qua sông nước
Vân anh từng đóa
Cúi thấp trước em
Trịnh trọng, khép nép
Như gặp người tiên
Anh ngắt đôi đoá
Làm khuyên tai xinh
Đeo cho người tình
Như cô dâu mới
Rạng rỡ nguyên trinh
Anh dọn cho em
Chiếc giường tình mộng
Vào lúc hoàng hôn
Khi chiều xuống chậm
Sung sướng xiết bao!
Hai tấm thân mềm
Quấn chặt vào nhau
Khi lũ bướm đêm
Bay ra phấp phới

Nuala Ni Dhomnaill
(1952- Irish)

Rời Châu Âu, chúng ta quay về châu Á sẽ được gặp một cô gái biết cắt hai độ dài của đêm tháng mười một, tháng trọng đông có đêm dài nhất trong năm. Cô cuộn lại một nửa, giữ dưới tấm ra trải giường! Rồi ướp nửa mảnh thời gian ấy bằng mùi thơm ngọt tựa làn gió xuân buổi sớm và chờ đợi người tình về. Khi chàng đến, cô sẽ lấy ra nửa mảnh thời gian để dành thơm ngát đó và từ từ mở ra, từng phân, từng phân chắp nối cho đêm hội ngộ được dài thêm! Ôi! lời thơ dễ thương làm sao! Bài thơ này chỉ có 6 câu

thơ ngắn, được Peter Lee dịch ra Anh văn, tôi dịch ra thành 10 câu thơ 4 chữ:

EM CẮT LÀM HAI
Em cắt làm hai
Đêm dài tháng một
Phân nửa giữ bớt
Dưới ra trải giường
Ướp ngọt mùi hương
Như gió xuân sớm
Rồi khi chàng đến
Em mở dần dần
Từng phân, từng phân
Nối dài đêm mộng

HWANG-CHIN-I

Rất tiếc, trong bản phụ lục liệt kê tiểu sử tác giả không thấy tên nữ thi sĩ này, cũng giống như trường hợp nữ sĩ Hồ xuân Hương của chúng ta, thơ có trích mà tiểu sử không có! Nhưng theo cách phiên âm thì có lẽ đây là một người Trung Hoa mà không biết sống ở thời nào! Ngược lên vùng băng tuyết Thụy Điển chúng ta bắt gặp một bài thơ trong đó diễn tả tâm tình của một cô gái lần đầu khám phá ra cảm xúc kỳ diệu lúc đôi bàn tay cô bỡ ngỡ nằm gọn trong đôi bàn tay người tình. David McDuff dịch ra Anh văn dưới dạng thơ tự do và bản Việt ngữ cũng xin dịch ra dưới dạng đó:

KHÁM PHÁ
Tình anh làm mờ vì sao của em
Trăng đang lên trong cuộc đời em
Tay em còn bỡ ngỡ trong tay anh
Tay anh là khát vọng
Mà tay em đang khao khát

Edith Sodergran
(1892-1923 Thuỵ Điển)

Tôi chọn bài thơ này vì tôi liên tưởng đến hai câu hát trong bản tình ca Hơi Thở Mùa Xuân, đậm đà bản sắc dân tộc của nhạc sĩ Dương Thụ mà tôi rất yêu thích:

..Cho em nắm tay, nắm tay anh, khi mùa xuân về
Cho em khát khao, khát khao anh khi mùa xuân về

Nhưng nỗi khát vọng đó rất dịu dàng, rất nữ tính, khác với nỗi khát vọng mà một nữ sĩ xứ Armenia mô tả. Bài thơ được Dianna Der Hovanessian dịch ra 20 câu ngắn, tôi rút gọn thành 16 câu lục bát:

KHÁT VỌNG
Muốn riêng chào đón mình anh
vào hồn em, tựa vị thần lang thang
Rã rời vì lỡ lạc đường
Để nghe anh gọi thân thương là nhà
Và em giới hạn vườn ta
Họa mi chỉ một giọng ca tuyệt vời
Véo von riêng tặng em thôi
Ướm trong giọng hót một trời tự do
Muốn giam anh giữa tim này
Trong dòng máu chảy đêm ngày triền miên
Trong xương cốt của thân em
Từng khoe yểu điệu dáng tiên gọi mời
Khi em từ giã cõi đời
Muốn tên em khắc sâu vào tim anh
Tim anh là đá luyện thành
Tình đài kỷ niệm chúng mình thiên thu

Shushanig Gourghenian
(1876-1927 Armenia)

Nhưng dù cho hai tâm hồn có nhập được lại làm một, như cặp tình nhân Iran trong bài thơ dưới đây, có khi ngồi bên nhau mà vẫn cảm thấy cô đơn. như lời trong một câu thơ Việt: Hai người nhưng vẫn thấy cô đơn! Đó cũng là bi kịch của con người!

Bài thơ này được Hasan Javadi & Susan Sallee dịch ra Anh văn dưới dạng thơ tự do gồm có 13 câu, và tôi giữ nguyên số câu cùng cách ngắt câu của bài dịch đó:

ĐÔI LỨA
Đêm chìm xuống
và sau đêm là bóng tối
và sau bóng tối
là những đôi mắt
là những bàn tay
và nhịp thở, thở, thở
và tiếng nước
nhỏ từ vòi nước từng giọt, từng giọt, từng giọt

Rồi hai đóm lửa đỏ
của hai điếu thuốc đang cháy
tiếng tích tắc của đồng hồ
và hai con tim
Và hai nỗi cô đơn

Forugh Farrokhzad
(1934-67 Iran)

Iran là xứ sở của nhiều thơ hay do nhiều thi sĩ, nam cũng như nữ sáng tác. Chỉ riêng trong hợp tuyển thơ này đã có đến bốn nữ sĩ có thơ chọn đăng. Trong khi đó, một nước Á châu khác cũng có nhiều nữ thi sĩ là Trung Hoa, thì chỉ có hai người có thơ chọn đăng, gồm có Wu Tsao, được giới thiệu là một nữ sĩ nổi tiếng trong giới đồng tính nữ, và Mei-mei Berssenbrugge là một người Mỹ gốc Hoa. Nếu kể cả Hwang-Chin-I ở trên nữa thì cũng chỉ có ba người.

Chẳng hiểu vì sao các tác giả hợp tuyển thơ này không nhắc đến Lương Ý Nương, một nữ sĩ nổi tiếng với bài thơ Trường tương tư, bài thơ hay lấy cảm hứng từ chính cuộc tình đầy nước mắt của bản thân mình. Tôi cho là thiếu sót nếu như chúng ta bỏ qua không nhắc đến bài thơ đó. Vậy tiện đây xin chép lại để mọi người cùng nhớ lại một bài thơ mà mình hằng yêu thích.

Trường tương tư(2)
Hoa hoa diệp diệp lạc phân phân,
Chung nhật tư quân bất kiến quân.
Trường dục đoạn, hề trường dục đoạn,
Lệ châu ngân thượng cánh thiêm ngân.
Ngã hữu nhất thốn tâm,
Vô nhân cộng ngã thuyết.
Nguyện phong xuy tán vân,
Tố dữ thiên biên nguyệt.
Hồ cầm thướng cao lâu,
Lâu cao nguyệt hoa mãn.
Tương tư đàn vị chung,
Lệ trích cầm huyền đoạn.
Nhân đạo Tương giang thâm,
Vị để tương tư bán.
Giang thâm chung hữu để,
Tương tư vô nhai ngạn.
Quân tại Tương giang đầu,
Thiếp tại Tương giang vĩ.

Tương tư bất tương kiến,
Đồng ẩm Tương giang thuỷ.
Mộng hồn phi bất đáo,
Sở khiếm duy nhất tử.
Nhập ngã tương tư môn,
Tri ngã tương tư khổ.
Trường tương tư, hề trường tương tư,
Trương tương tư, hề vô tận cực.
Tảo tri như thử quải nhân tâm,
Hối bất đương sơ mạc tương thức.

Lương Ý Nương

Có nhiều bản dịch bài thơ này ra Việt ngữ, nhưng chẳng có bài nào được mọi người chấp nhận là hoàn chỉnh nhất. Gần đây, có một số dịch giả chẳng biết vì sao dịch ra một số chỗ rất ngớ ngẩn. Chẳng hạn như chữ NGÃ và THIẾP trong bài trên ai cũng hiểu là lời tự xưng của tác giả Lương Ý Nương, còn chữ QUÂN thì chỉ cho người tình Lý Sinh của nàng. Vậy mà có một dịch giả (Đ.V.N.) đã dịch câu thơ "Chung nhật tư QUÂN bất kiến QUÂN" thành : "Suốt ngày mong nhớ nào đâu thấy NÀNG" (?!) đăng trên trang mạng THI VIỆN ở trong nước!

Hầu như sinh viên văn khoa Saigon thuở trước ai cũng đều thuộc lòng một bài dịch tương đối hoàn chỉnh, nhưng sau hơn nửa thế kỷ, bây giờ chỉ còn nhớ chừng một nửa. Muốn tìm lại đủ bài, lục khắp các trang mạng cũng chẳng thấy bài dịch đó, nên tạm thời dùng bản dịch tương đối khá dưới đây của Vũ ngọc Khánh, mặc dù có đôi chỗ chép nguyên văn những câu của bài thơ dịch mà trước đây chúng tôi đã từng thuộc lòng:

Tương tư dài

Hoa hoa lá lá rụng tơi bời
Lòng nhớ người, sao chẳng thấy người
Ruột muốn đứt thêm, thêm đứt ruột
Châu rơi thành ngấn lại châu rơi
Ta có một tấc lòng
Không có ai mà hỏi
Muốn nhờ gió đuổi mây
Để được cùng trăng nói
Ôm đàn lên lầu cao
Lầu cao trăng giãi khắp
Tương tư khúc chẳng thành

Lệ nhỏ dây đàn đứt
Người bảo sông Tương sâu
Tương tư sâu gấp bội
Sông sâu còn có đáy
Tương tư chẳng bến bờ
Chàng ở đầu sông Tương
Thiếp ở cuối sông Tương
Nhớ nhau không gặp mặt
Cùng uống nước sông Tương
Hồn mộng bay không đến
Còn một chết thôi mà
Bước vào cửa tương tư
Mới biết tương tư khổ
Tương tư hoài, dài tương tư
Tương tư dài, dài khôn xiết
Sớm biết nỗi đau lòng
Xưa đừng cùng quen biết.

Vũ ngọc Khánh dịch

Qua dăm bài thơ tình tiêu biểu trên của nữ giới, chúng ta nhận thấy tác phẩm của họ đâu có kém gì thơ của các đấng mày râu. Có khi đọc thơ tình của họ, chúng ta còn cảm thấy thú vị hơn, vì có cảm tưởng như được nghe những lời tình tự, thủ thỉ bên tai từ một người tình!

Tôi chợt nhớ đến một bài thơ cổ:

Chàng như mây mùa thu
Thiếp như khói trong lò
Cao thấp dù có khác
Một thả cũng tuyệt mù

Bài thơ tuy ngắn nhưng hàm chứa nhiều ý, trong đó ý chính là nhận ra khả năng tiềm ẩn và tài năng thực sự của nữ giới khi so sánh với tài năng của nam giới. Trong xã hội cũ, vai trò của người phụ nữ chỉ là phụ thuộc và giới hạn trong phạm vi gia đình. Vì thế, tài năng của họ không có cơ hội phát triển.Nhưng một khi có điều kiện, tài năng tiềm ẩn của nữ giới cũng thể hiện một cách xuất sắc trong mọi lĩnh vực như ngày nay chúng ta đã thấy.

Trong bài thơ trên, người phụ nữ khiêm tốn ví mình thấp kém như khói trong lò và tôn vinh người tình của mình như mây mùa thu bay trên trời cao. Nhưng dù ở vị trí nào, cao hay thấp, cả mây và khói, một khi được tự do bay thì cũng bay bỗng tuyệt mù.

Tôi rất tâm đắc với bài thơ này. Và mỗi khi nghĩ đến những gì liên quan tới sự so sánh tài năng giữa nam và nữ, nhất là trong lĩnh vực văn chương, nghệ thuật, tôi thường thi vị hoá suy nghĩ của tôi bằng những hình ảnh đẹp qua bài thơ này. Vì thế, trong khi thưởng thức thơ tình của những cây bút nữ, tôi hình dung ra trong trí những sợi khói lam chiều thơ mộng, uể oải vươn mình lên khỏi những nếp nhà tranh vào một chiều thu đẹp như trong ca dao, để sánh vai cùng bay với những áng mây thu bàng bạc, lãng đãng bên trời.

Bắc Cali những ngày nhớ quê nhà.
Trần Phương Anh

(1) Đây là một công trình biên khảo của 4 nữ tác giả nổi tiếng của Anh và Mỹ. Các tác giả đã đọc hơn 3000 bài thơ và chọn lọc ra đượ 257 bài giới thiệu trong hợp tuyển thơ này.Chủ biên là Wendy Mulford, gốc ở xứ Wales, nhưng nơi sống chính là Cambridge. Bà đã thực hiện được 7 tuyển tập thơ cùng 8 tác phẩm nghiên cứu khác.Cùng hợp tác với bà có:

- *Helen Kidd, cũng là một thi sĩ. Bà là giảng sư Anh ngữ tại Oxford Polytechnic, đồng chủ bút New Poetry from Oxford. Bà cũng giảng dạy thi ca hiện đại của phụ nữ tại Wolfson College, Oxford và có công đóng góp vào hai tuyển tập bình luận về thơ : Diverse Voices: Essays on Womem Writers Around the World, và Poetry and Theory.*
- *Jukia Mishkin sống ở New York và Cambrifge, cũng là một thi sĩ. Thơ bà được phổ biến rộng rãi trên các tạp chí : Yale Review, Poetry, The nation, The Iowa Review, Pequod, và Paris Review*
- *Sandy Russel là một ca sĩ nhạc jazz kiêm nhà văn gốc ở New York và sống ở Durham. Bà từng phỏng vấn nhiều văn sĩ Mỹ da đen, viết thành tác phẩm và đã được xuất bản có tên là : Render Me My Song:African-American Writers from Slavery to the Present*

(2) Ghi chú về nguồn gốc bài thơ Trường tương tư và tác giả Lương Ý Nương: Trong Tình Sử có chép : " Vào triều nhà Hậu Chu, đời Ngũ Quý, có người con gái Lương Tiêu Hồ tên là Lương Ý Nương, cùng với Lý Sinh là họ hàng con cô, con cậu. Lý Sinh thường qua lại thăm nàng nhiều lần. Nhân đêm trung thu ngắm trăng, ngầm hẹn ước với Ý Nương, lưu luyến không nỡ rời. Sự việc lâu ngày lộ ra, Tiêu Hồ nổi giận, ngăn cấm hai người gặp nhau. Gặp ngày thu buồn, Ý Nương viết bài thơ này.

◆

.

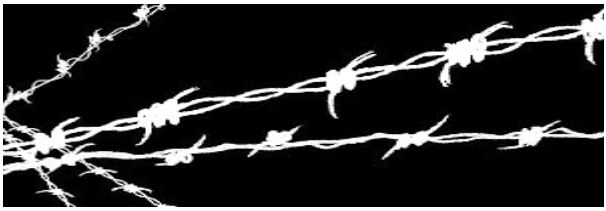

A Sombre Day
at a Re-education Camp

The concentration camp was built in a remote area
deep in tropical forests;
He escaped the night before
but disoriented, lost in the dense jungle;
he was shot and seriously injured
not far away.
They dragged him back to the camp
early in the next morning
on a rainy day.

The guards
with automatic rifles in hands ready to shoot
rounded up all prisoners to an open space
around the flagpole of the camp
to witness his sufferings
as a deterrent.

He moaned in pain;
The guards ignored his cries for water,
his plea for a compassionate shot
to end sufferings instantly.

His fellow inmates sat as ceramic sculptures
wept in silence
and watched his distress for many hours
'til the last minute.
He gradually lost his blood
and died
after midnight.

Thao Chuong (Viet Tran)
2012-03-22

Wisdom God grant me

Freedom isn't free
Independence requires responsibilities and sacrifices.
Independence is more attractive.
Emotional maturity takes independence and gratitude .
Blame is only rob you from change for the better.
Depending on people is only set yourself up for disappointments.
Establish your own core values and live by them.
Stand by your principles
Never alter your beliefs to fit in the crowd
What you want is not what you need.
You are the only one responsible for yourself.
Parents love your children, let them live their lives
And never burden them with your troubles.
For a man, "a woman can do everything you can."
For a woman, "watch him how he treats his mother, that is how he will treat you."
Love your parents, without them you will not be here.
Respect and honor them by making something out of your life,
And live your own life, never trouble them with your problems.
Always forgive but never forget
Don't project your mirror image on others, but embrace others with their wise image
Time is running out, don't waste it.
Be wise to chose the right education, it is also a lifetime investment.
Determination defeats every obstacle.
Don't let money and status run and ruin you
Be true to yourself, it is the only best friend you have.
Honesty is # 1 policy.
Protect your reputation, it is the only asset you got.
Love and respect yourself, you will love and respect others.
Be your own boss
America is the land of opportunities, and it is how creative your are.

By ***Jeanette Hong Mai Truong***

Tall and blue

As I wandered on the shore
a gleaming blue caught my eye
Drawing closer ever more.
I found a tall creature by my side.
It greeted me in words unknown,
A tone, a language all it's own.

I sensed a warmth and friendliness
the creature sought to convey,
I tried to respond, and to my
own surprise,

it made him want to stay.
It was almost as if I met him before
long ago before I left this shore.

CASSANDRA HỒNG MAI TROSSET

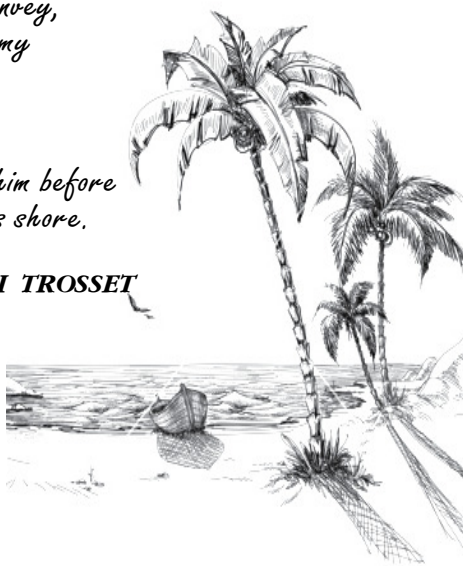

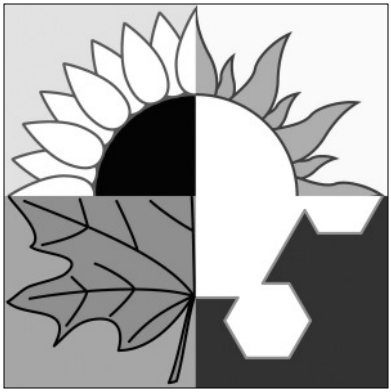

SEASONS

When the leaves burst with color,
and the air smells of cinnamon, you know
it's fall.

When the ground is wrapped in a blanket,
and you get warm chills, you know
it's winter.

When the sprouts sprout
and the world is green, you know
it's spring.

When school lets out
and the sun burns the sidewalk, you know
it's summer.

Whether you are warm,
or cool, or hot,
or not,
The seasons
are here.

THU LONG TRUONG

Spring

I saw a rainbow.
It was a double rainbow.
Flabbergasted, I.

A honey badger.
Not seeing much of interest.
Promptly went back home.

I wake up daily.
Feeling the cool morning breeze.
Best part of the day

Winter fades away.
The air is getting warmer.
Spring is approaching

DAVID TRUONG

Consequences of Maternal Obesity and Fetal Health

AMANDA T. UYEHARA

Introduction

According to the World Health Organization (WHO), obesity has become recognized as a global epidemic of the 21st century, affecting both developed and developing countries alike.1 Having been considered a concern amongst only the wealthy, it has become one of the leading preventable causes of death, adversely affecting metabolic function and, thus, overall health. Nearly 1 billion people are currently overweight worldwide, with at least 300 million diagnosed as clinically obese and higher rates among females than males. Although obesity levels may range between countries, from under 5% in China, Japan, and certain African nations to over 75% in urban Samoa, the rate of obesity in both adults and children has increased in all countries, where urban regions are more greatly impacted.1 Obesity is a chronic medical condition in which large amounts of excess fat is accumulated on the body. Clinically, obesity is commonly assessed and categorized by body mass index (BMI), a measurement that evaluates weight and height. International standards published by WHO has established a BMI ranging from 25 to 29kg/m2 to be defined as overweight, and 30kg/m2 and greater as obese. Obesity could be further classified by level of severity, including severely obese, morbidly obese, and super obese. Moreover, due its higher greater prevalence of among women, the pregnant women with high BMI is not uncommon. Data collected from the Pregnancy Risk Assessment Monitoring System (PRAMS), a population-based surveillance system of the Centers for Disease Control and Prevention (CDC) and state health departments, has revealed an increasing trend of pre-pregnancy obesity within the United States. Data taken from nine states over the span of 10 years shows an increase of maternal obesity from 13.0% (1993-1994) to 22.0% (2003-2004).2 Because pregnancy is a critical period of rapid growth and development for the fetus, maternal nutrition and health status during pregnancy has significant, and possibly permanent, effects on infant health.

Currently, data from human epidemiological studies and animal models have shown that exposure during prenatal and perinatal periods of growth will not only influence fetal health, but may also hold lifelong consequences for the risk of developing chronic diseases during adulthood.41 42 43 44

Maternal Risks Factors

Obesity during pregnancy is a "high risk" state due to the increased risk of complications that can occur for both the mother and fetus. The adverse health effects associated with obesity is not limited to only "gestation" many complications and ailments can occur during preconception, peripartum, and postpartum as well. These disturbances may have a profound impact on the health status of the mother and can put her at higher risk for many serious health problems and diseases. Prior to conception, women within higher BMI ranges are at an increased risk for infertility compared to those at normal BMI levels, possibly contributed by excess levels of insulin and increased insulin resistance, or secondary to polycystic ovarian syndrome .3 4 Thus, many obese women seeking to bear children are forced to opt for assisted reproductive technology, such as in vitro fertilization, in order to conceive. During early pregnancy, maternal obesity has adverse effects on pregnancy outcome by an increased risk of neonatal mortality, including early miscarriage, spontaneous abortion, and unexplained stillbirth due to intrauterine fetal demise.5 6 7 In a recent metaanalysis using a Bayesian random effects model, unadjusted odds ratios of a stillbirth were 1.47 (95% CI, 1.08-1.94) and 2.07 (95% CI, 1.59-2.74) among overweight and obese pregnant women, respectively, compared to pregnant women of normal weight.5 In later gestation, pregnancy-induced metabolic complications may manifest, including gestational diabetes, gestational hypertension, and pre-eclampsia. 8 10 12 13 Venous thromboembolic disease, pulmonary disease, respiratory complications, and obstructive sleep apnea may also develop.8 12 At parturition, obese women are more likely to require instrument or Cesarean section delivery due to the decreased success rate of vaginal delivery, with associated complications such as anesthesia, wound disruption and infection during recovery. 13 14 16 For women weighing under 200lb, Cesarean delivery rate is 18%, while those classified as extremely obese has an increased rate of 40%. 17

Congenital Anomalies

Maternal obesity is associated with an increased risk of a range of fetal congenital abnormalities, such as neural tube defects and cardiovascular anomalies. 18 19 20 In a population-based case-control study of 20,248 newborn infants, Queisser-Luft et al. 1998 found a prevalence of 11.1% of malformations among children of obese mothers, a 4% increase compared to mothers of average pre-pregnancy weight. 20 A recent 2003 study shows an association for spina bifida, omphalocele, heart defects, and multiple anomalies among infants of obese women and found that obese mothers had a risk almost doubled that of average-weight women of delivering an infant with spina bifida or ancephaly, with a 1.9 odds ratio (OR). Moreover, the study also concluded that a 1kg/m2 BMI increase is associated with a 7% increased risk of having an infant with neural tube defects. 19 In a case-contol study by Cedergren, data showed an greater risk of cardiovascular defects found in infants born from obese mothers compared to those of average weight (19.8-26kg/cm2), especially for ventricular and atrial septum defects. 20

Fetal Birth Weight

Maternal obesity is associated with abnormal fetal growth, increasing the risk of delivering a large-for-gestational-weight infant or macrosomic neonate, defined as an estimated fetal weight greater than or equal to 4500 g.23 24 Prevalence rates for fetal macrosomia in obese women were found to be 13.3%, and 14.6% for those morbidly obese, a significant increase compared to women of normal BMI (8.3%).24 Gestational diabetes is also found to be a major risk factor for fetal macrosomia.25 Fetal macrosomia found in obese mothers not only results in increased fetal birthweight, but also impacts fetal body mass composition.26 27 A recent study by Hull et al. found a significant increase in neonatal fat mass in neonates of overweight and obese mothers compared to those of normal weight, from 9.7% body fat to 11.6%.26 Infants that are large-for-gestational age are at a higher risk for developing obesity during adolescence and adulthood, along with metabolic syndrome and associated morbidity later in life.12 14

Effects of Obesity-related Comorbidities

Obesity itself is associated with a number of medical co-morbidities that are linked to excess abdominal fat. 27 Individuals who are overweight or obese are at a increased risk of developing classic features of metabolic syndrome, such as type 2 diabetes

mellitus, hypertension, cardiovascular disease, and dislipidemia, as well as glucose intolerance, osteoarthritis, sleep apnea, hyperuricemia, gallbladder disease, and a number of cancers.27 28 29 These co-morbidities not only poses as a problem for the mother, but also adversely effects fetal health as well. As a result of increased insulin resistance associated with obesity, there is a greater prevalence of insulin-resistant diabetes mellitus and gestational diabetes among obese women during pregnancy compared to their normal weight counterparts.30 31 Increased insulin resistance has been shown to heighten lipid availability for fetal growth and development, which is also related to increased gene expression of lipid metabolism and transportation.32 As a result, fetuses of women with gestational diabetes are more likely to be large-for-gestation weight and have greater percentages of body fat.25 34 Moreover, there is also an increased risk of neural tube defects in infants of mothers with gestational diabetes and hyperinsulinemia.33 Later in life, these infants are also at greater risk for becoming overweight during childhood and adolescence.35 Evidence has shown that 50% of women with gestation diabetes are found to be more likely to develop type 2 diabetes within 20 years of delivery. 36 Fetal complications associated with maternal chronic hypertension include intrauterine growth restriction (leading to low birth weight), premature delivery, placental abruption, perinatal death, and stillbirth.37 38 However, it has also been shown that maternal obesity may be protective against small-for-gestational age infants.39

Epigenetics & Genetic Programming

Maternal health has a significant influence on the in uterine environment, and thus, plays a major role in fetal development and lifelong health. According to the Barker Thrifty Phenotype Hypothesis, a theory that discusses fetal origins of adult diseases, birth size is associated with the risk of developing diseases later in adulthood by mechanism of Ộin utero fetal programmingỘ.41 42 43 44 Although the hypothesis namely discusses the relationship between maternal undernutrition and small-for-gestational age infants, recent epidemiological and experimental data suggests that maternal obesity also has a considerable impact on fetal health later in life. As maternal nutrition is considered a major factor of in utero environmental status, alternations of maternal nutrition (both under- and overnutrition) can alter fetal genome expression through chemical modifications of the DNA and histones by epigenetic

regulation.44 Nutrient stimuli and excess fetal glucocorticoid exposure have been theorized to program changes in fetal physiology and metabolism as the fetus is adapting to changes of nutrient abundance of the in utero environment.46 Epidemiological studies have indicated that early gestational programming predisposes infants to increased risk of obesity, thus, contributing to the rising obesity rates among children and adults.45 46 In a retrospective cohort study, 24.1% of children of 4 years of age were found to be obese if their mothers had been obese during the first trimester of pregnancy, compared with 9.0% of children whose mothers had been of normal BMI. In addition, the relative risk of childhood obesity associated with maternal obesity in the first trimester of pregnancy was 2.0 (95% confidence interval [CI]: 1.7-2.3) at 2 years of age, 2.3 (95% CI: 2.0-2.6) at 3 years of age, and 2.3 (95% CI: 2.0-2.6) at 4 years of age.47

Prevention is Key

As the rate of obesity continues to escalate at alarming rates, special attention given to obese pregnant women is especially important, as contributes to adverse health outcomes that are detrimental to both mother and infant during and after pregnancy. Because weight loss during pregnancy is not recommended for women of any size, prevention is the best way to treat the problem. Stress placed on weight loss should be done prior to conception, with an aim to enter pregnancy with a BMI <30kg/cm2, calculated by pre-pregnancy height and weight.22 Women also need to be addressed of the numerous maternal and fetal health complications associated with obesity during pregnancy. These actions are of crucial importance as it of current relevance to a significant portion of the worldOÃs population and a health predictor for the next generation.

References

1. Global Strategy on Diet, Physical Activity and Health. WHO obesity and overweight fact sheet. http://www.who.int/dietphysicalactivity/publications/

facts/obesity/en. Accessed 12 March 2010.

2. Kim SY, Dietz PM, England L, et al. Trends in pre-pregnancy obesity in nine states, 1993-2003. Obesity. 2007;15:986-993.

3. Pasquali R, Patton L, Gambineri A. Maternal obesity and the risk of infant death in the United States.

4. Curr Opin Endocrinol Diabetes Obes. 2007;14(6):482-7.

5. Boomsma CM, Eijkemans MJC, Hughes EG, Visser GHA, Fauser BCJM, Macklon NS. A meta-analysis of pregnancy outcomes in women with polycystic ovary syndrome. Hum Reprod Update 2006; 12(6): 673-683.

6. Chu SY, Kim SY, Lau C, et al. Maternal obesity and risk of stillbirth: a metaanalysis. Am J Obstet Gynecol. 2007;197:223-228.

7. Kristensen J, Vestergaard M, Wisborg K, Kesmodel U, Secher NJ. Pre-pregnancy weight and the risk of stillbirth and neonatal death. BJOG. 2005;112(4):403-8.

8. Nohr EA, Vaeth M, Bech B, Henriksen TB, Cnattingius S, Olsen J. Maternal obesity and neonatal mortality according to subtypes of preterm birth. Obstet Gynecol 2007; 110(5): 1083Ồ1090.

9. Catalano P. Management of obesity in pregnancy. Obstet Gynecol 2007; 109(2): 419-433.

10. Kabiru W, Raynor BD. Obstetric outcomes associated with increase in BMI category during pregnancy. Am J Obstet Gynecol 2004; 191: 928-932.

11. Walsh SW. Obesity: a risk factor for preeclampsia. Trends Endocrinol Metab 2007; 18(10): 365-370.

12. 11.Madan J, Davis J, Chen ML, Thigouart H, McNiff C, Allan W et al. Maternal obesity, gestational hypertension and preterm delivery. J Matern Fetal Neonatal Med 2009 (in press)

13. Satpathy HK, Fleming A, Frey D, Barsoom M, Satpathy C, Khandalavala J.Maternal obesity and pregnancy. Postgrad Med. 2008;120(3):E01-9

14. Lynch CM, Sexton DJ, Hession M, Morrison JJ. Obesity and mode of delivery in primigravid and multigravid women. Am J Perinatol. 2008 Mar;25(3):163-7.

15. Catalano P. Management of obesity in pregnancy. Obstet Gynecol 2007; 109(2): 419-433.

16. Soens MA, Birnbach DJ, Ranasinghe JS, van Zundert A. Obstetric anesthesia for the obese and morbidly obese patient: an ounce of prevention is worth more than a pound of treatment. Acta Anaesthesiol Scand. 2008;52:6-19.

17. Weiss JL, Malone FD, Emig D, et al. Obesity, obstetric complications and cesarean delivery rate-a population-based screening study. Am J Obstet Gynecol. 2004;190:1091-1097.

18. Ehrenberg HM, Dierker L, Milluzzi C, Mercer BM. Prevalence of maternal obesity in an urban center. Am J Obstet Gynecol. 2002;187:1189-1193.

19. Waller DK, Mills JL, Simpson JP, et al. Are obese women at higher risk for producing malformed offspring? Am J Obstet Gynecol. 1994;170:541-548.

20. Watkins ML, Rasmussen SA, Honein MA, et al. Maternal obesity and risk for birth defects. Pediatrics. 2003;111:1152Ồ1158.

21. Cedergren MI, Kallen BA. Maternal obesity and infant heart defects. Obes Res. 2003 Sep;11(9):1065-71.

22. Queisser-Luft A, Kieninger-Baum D, Menger H, Stolz G, Schlaefer K, Merz E. [Does maternal obesity increase the risk of fetal abnormalities? Analysis of 20,248 newborn infants of the Mainz Birth Register for detecting congenital abnormalities]. Ultraschall Med. 1998 Feb;19(1):40-4.

23. Satpathy HK, Fleming A, Frey D, Barsoom M, Satpathy C, Khandalavala J.Maternal obesity and pregnancy. Postgrad Med. 2008;120(3):E01-9

24. Surkan PJ, Hsieh CC, Johansson AL, et al. Reasons for increasing trends in large for gestational age births. Obstet Gynecol. 2004;104:720z-726.

25. Ehrenberg H, Mercer B, Catalano P. The influence of obesity and diabetes on the prevalence of macrosomia. Am J Obstet Gynecol. 2004;191:964-968.

26. MATHEW M, MACHADO L, et al. Fetal macrosomia: Risk factors and outcomes. Saudi medical journal. 2005;26:96-100

27. Hull HR, Dinger MK, Knehans AW, et al. Impact of maternal body mass index on neonate birthweight and body composition. Am J Obstet Gynecol. 2008;198:416.e1-416.e6.

28. Sewell MF, Huston-Presley L, Super DM, Catalano P. Increased neonatal fat mass, not lean body mass, is associated with maternal obesity. Am J Obstet Gynecol. 2006;195:1100-1103.

29. Jolliffe CJ, Janssen I. Vascular risks and management of obesity in children and adolescents.Vasc Health Risk Manag. 2006;2(2):171-87.

30. Comorbidities of overweight and obesity: current evidence and research issues. PI-SUNYER, F. X. Comorbidities of overweight and obesity; current evidence and research issues. Med. Sci. Sports Exerc., Vol. 31, No. 11, Suppl., pp.S602-S608, 1999.

31. Guh DP, Zhang W, Bansbank N, Amarsi Z, Birmingham CL, Aris AH. The incidence of co-morbidities related to obesity and overweight: A systematic review and meta-analysis. BMC Public Health. In press.

32. Chu SY, Callaghan WM, Kim SY, et al. Maternal obesity and risk of gestational diabetes mellitus. Diabetes Care. 2007;30:2070-

2076.

33. Catalano PM, Ehrenberg HM. The short- and long-term implications of maternal obesity on the mother and her offspring. BJOG. 2006;113:1126-1133.

34. Shaw GM, Quach T, Nelson V, Carmichael SL, Schaffer DM, Selvin S, Yang W. Neural tube defects associated with maternal periconceptional dietary intake of simple sugars and glycemic index. Am J Clin Nutr. 2003;78(5):972-8.

35. Catalano PM, Thomas A, Huston-Presley L, Amini SB. Increased fetal adiposity: a very sensitive marker of abnormal in utero development. Am J Obstet Gynecol. 2003;189:1698Ồ1704.

36. Gillman MW, Rifas-Shiman S, Berkey CS, et al. Maternal gestational diabetes, birth weight, and adolescent obesity. Pediatrics. 2003;111:e221-e226.

37. Yogev Y, Langer O. Pregnancy outcome in obese and morbidly obese gestational diabetic women. Eur J Obstet Gynaecol Reprod Biol. 2008;137:21Ồ26

38. Management of Chronic Hypertension During Pregnancy. http://www.ncbi.nlm.nih.gov/bookshelf/br.fcgi?book=hserta&part=A19095. Accessed 12 March 2010.

39. Livingston JC, Maxwell BD, Sibai BM. Chronic hypertension in pregnancy. Minerva Ginecol. 2003;55(1):1-13.

40. Sebire N J, Jolly M, Harris J P, Wadsworth J, Joffe M, Beard R W, Regan L, and Robinson S. Maternal obesity and pregnancy outcome: a study of 287 213 pregnancies in London. 2001;25(8):1175-1182

41. Barker DJP. Fetal and infant origins of adult disease. BMJ. 1990;301:1111.

42. Wu G, Bazer FW, Cudd TA, Meininger CJ, Spencer TE. Maternal Nutrition and Fetal Development. J Nutr. 2004;134(9):2169-72.

43. Liotto N, Miozzo M, Giannì ML, et al. [Early nutrition: the role of genetics and epigenetics]. Pediatr Med Chir. 2009;31(2):65-71.

44. Zeisel SH. Epigenetic mechanisms for nutrition determinants of later health outcomes. Am J Clin Nutr. 2009;89(5):1488S-1493S

45. Sullivan EL, Grove KL. Metabolic imprinting in obesity. Forum Nutr. 2010;63:186-94

46. de Boo HA, Harding JE. The developmental origins of adult disease (Barker) hypothesis. Aust N Z J Obstet Gynaecol. 2006;46:4-14.

47. Whitaker RC. Predicting preschooler obesity at birth: the

WOMEN AND WEALTH IN THE GRECO-ROMAN WORLD

ARIANA T. UYEHARA

During early Roman and Greek times, the rights of women were very restricted, so much that there was deprived amount of historical data provided regarding to specific rights that woman had because of their lowly status in society. However, one thing remained for sure, women were treated very poorly and had virtually no control upon their own life. For example, Roman women were kept out of the public sphere as most were confined to households and were under constant watch like slaves. During the time of 200 B.C., the Greco-Roman world would begin to enter into a new era as this time period marked when the Greco-Roman civilization was divided between the standards of the old world vs. that of the new where the progression of ideology were to take place. Of the changes made during that time, women also gained more rights, as this marked the threshold for women's rights and "emancipation" from their patriarchal society, occurring during the Roman Republic. When contrasting Greek and Roman societal treatment of women, it is noted that Greek women were treated slightly better than women in Rome.

When looking into a Greek society, males are presumed to be head of the household; although prominent in Grecian society, this was also seen within many other civilizations throughout time. The role of a woman was very miniscule as their life was expected to begin at the time of marriage when they became of age. These marriages were to be determined and arranged by the males of the household such as the females father and future husband. The role of these women in their marriage was to occupy themselves with activities such as weaving within the household and much of the time decisions were made for them by other males and not themselves. Wives who were hidden in seclusion depicted a sign of social status during that time period because it was a common

belief that wealthy Jewish and Greek merchants would have their wives hidden in luxury and seclusion inside one of the many houses that they own in every major city as a fashionable trend. Women who were considered to be respectable found themselves to be escorted by a trusty male when leaving the house. She was not permitted to dine or interact with other males within her husband's household. Overall, the rights of women were considered that of a slave as women were under constant watchful eye of their husbands; from the viewpoint of a male, women were considered to be evil and inferior to themselves thus they would never trust women with power. A Grecian women's world revolved around her family and her life would consist mainly of two parts: The first part would be under her father's rule and the second part would be under her husband's rule.

Roman women on the other hand, were treated even more poorly then their Grecian peers, as their status in society was seen as very low. Like the Greeks, a wife was under complete control of her husband, whom not only owned her but all her possessions as well. Her life was literally under his control as he has the power of life and death as he does with all his children. For example, a man was granted the right to divorce his wife if she went out in public without a veil.

Another device to control females within society was the practice of not allowing Roman women to have personal names. She would instead take her father's middle name and feminize it; by doing so, not only are other individuals able to recognize who her father was but also her position in society as well. As the Roman Empire began to grow, more money equated to change in societies viewpoint and the laws that individuals abided to. Alterations to the rules were initially insignificant, but the reality of every passing day helped gradually alter the perception of how society viewed women but more importantly how women viewed themselves. During the time of women's liberation, only those of the lower class would have no clue or care about what the changes happening in their surroundings. For one reason, only those of the lower class and bottom rung would have to work at a constant basis to earn a living. Outside of this situation, not only were women not able to find work but at the same time had no choice. The objection to the freedom of women by men were in vain as Emperor Augustus made attempts to create laws that promoted traditional values, yet his cries remained hopeless to the

progression around him . In the early days of the Republic, women were unable to provide suggestions to their husbands. However, by the beginning of the Empire men were not only began to trust their wives but they also came to seek advice and follow them as well. It was during this time period that women were considered "emancipated" and were able to move freely beyond their homes. In addition, they had the freedom to marry, divorce, remarry and conduct their own relationships and matters at will. Like past traditions, a women's important purpose in life is to procreate as marital procreation was highly valued during that time. Not only did the Roman women manage her household but also ran her own estate, business affairs and educated her own children as well. As a whole, Roman women at this time point received education thus leading the middle and upper class to set standards of education building up to the tradition of scholarship among Christian women in the centuries that succeeded. One of the reasons why women were now educated was based upon the notion that their husbands wanted a better companion. This belief was debatable per household; however, one thing remained certain: the sole reasoning behind the education of women was so they are able to supervise the education of their children along with upbringing. The definition of education during that time was to be literate, have knowledge in language and also history. In certain households girls would be educated alongside boys, however these lessons tended to differ as the children began to age. For girls who were of the elite status, literacy beyond the basics of reading and writing was available. Although this form of education was accessible, it was merely used as a tool to increase their value as a future wife and not for future occupations they would hope to partake in. Due to the fact that women were still seen as inferior to men regardless of status or education, in order to gain respect and honor, some women became priestesses, (i.e. Vestal Virgins), as their primary job was to maintain the sacred fire of Vesta (which was also known to be the holy fire in Ancient Rome). This position was highly respected because the presence of a priestess was considered necessary in certain rituals. Likewise, women who were wealthy could also gain admiration from their male counterparts and peers by funding for these ceremonies.

Within the Greco-Roman world, agriculture was seen as a manÕs domain as women were mostly confined to household chores. To women of the upper class, the common belief was

that the gods have chosen specific tasks for certain sexes. For example, women were seen as weak creatures, thus, activities that related to significantly less physical labor or no activity at all suited them more than a man. On the other hand, men were considered stronger than women, hence, they were granted the right to work jobs that required motion. However, only men of power and status are able to fully withdraw their women from physical labor. Overall, within the Greco-Roman world, only those with a strong economic standing and power are able to remove themselves from situations regarding labor. To determine the life of those in antiquity, two basic preconditions are to be considered: The place of labor where the individual was currently occupied and the level of poverty they are in. Due to the fact that most of the population live in levels that are only at basic survival, this meant the majority of the population found themselves in the countryside as the peasant society outnumbered the rich, therefore, a very large portion of the labor force was employed in agriculture. Although it was mentioned previously that certain women were confined to household work, others at times found themselves working alongside men. This was due to the notion that, because men were unable to deal with the needs of the family and land at the same time, it was up the women to take up these two roles as they had no choice but to work out in the fields. Essentially, the economic role of women during that time, affected much of their status, and as a result, had an impact upon their "personal freedom". This was due to the fact that a number of women bore a large responsibility in outdoor work, as this was seen as more of an egalitarian community that was based on hoe-cultivation; women would then have to be exposed plough farming, which existed a male dominated occupation. The amount of time which Greek and Roman women were involved in field work and other outdoor tasks correlated to their degree of visibility or invisibility, as this was dictated by the location where their chores physically took place. This in turn, effected their position within their family and relations and access to the outside world. Although there have not been many records maintained specifically regarding the major occupation that women had during that time period, it can be assumed that Greco-Roman women can either belong in households that lived by agriculture and relied on all the labor provided by members of the household or were treated as slaves and those who depended solely on the provider following their assigned orders (most likely seen in households of higher levels). To determine

the extent to which women would find themselves participating in farm labor depended on the size of agricultural land and the strength of labor force available. When comparing the size of the family units versus the effort available for land work, smaller family units require greater efforts from their female members than those of larger estates.

Although the liberation in Greco-Rome for women was in effect, very little freedom in society was still granted. The degree of a woman's freedom and state of welfare was to be determined based upon their relationship with their husband and father. Despite a womenỐs education or social status, their primary job was to remain at home and complete household chores, as wool work was the staple occupation for women at all social levels. Furthermore, noble occupations such as military and politics were off limit to women, and even women of a high social status who had husbands in powerful positions found themselves supervising slaves, staff members and home. However, at times Roman generals would take their wives to go on military campaigns, although this was a practice that was highly discouraged in society. Moreover, women with wealthy husbands lived a different lifestyle than those of a lower class. Often the daily day to day tasks a wealthy women would partake in would be planning a dinner part for their husband when they came home, beginning ones day with prayers within the household shrine, ordering slaves to fix dinner, etc. When the husband arrived home after a day of work, she would greet him and entertain his guests at the dinner party. Furthermore, she was expected to maintain very proportionate and ideal body features such as small breasts and wide hips, as this was something that Roman men desired. On the contrary, women who had larger breasts were frowned down upon and were seen as "old women" or faced ridicule from their male counterparts.

In contrast, poorer women would find themselves waking up at the same time as their husbands, and work either in the house or field all day. Those within the lower rung would find themselves having a great deal of work since they were not able to afford slaves like those of the upper class. Women of the lower class such as prostitutes had bodies that were fleshy with wide hips and often wore a strophium (type of strapless bra) when performing in shows for men or sexual acts.

On a daily basis, wealthy women would also travel throughout

the city in a "litter" carried by slaves to attend temples, visit baths (main purpose is based upon socialization) or to visit friends. In addition they would tour the empire and participate in certain social and religious events around the area. When summer became too hot, many would travel to the countryside to avoid the massive heat.

In conclusion, although women's liberation had taken place after 200 B.C., many still found themselves slaves to men. It was not until the modern era that women are granted a number of rights and are seen as almost equivalent to their male counterparts in almost every aspect. With society continuing to progress, the future for women continues to shine bright as they are getting closer to gender equality.

References:

Bauman, R. A. (1992). Women and Politics in Ancient Rome. London: Routledge.

Blundell, S. (1995). Women in Ancient Greece. Cambridge, Mass.: Harvard University Press.

Cameron, A. (1983). Images of Women in Antiquity. London: Croom Helm.

Joshel, S. R., & Murnaghan, S. (1998). Women and Slaves in Greco-Roman culture: differential equations. London: Routledge.

Macdonald, F. (2000). Women in Ancient Rome. Lincolnwood, Ill.: Peter Bedrick Books.

TỔNG KẾT TÀI CHÁNH TRONG DỊP TỔ CHỨC TIỆC TÂN NIÊN HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH

29/1/2012

THU

- $1520: Tổng số tiền do Quý ân nhân đóng góp trước khi tổ chức tiệc, có được là do sự vận động của tất cả các Anh Chị trong Hội nhằm trang trải phần in ấn tờ Đặc San Xuân Nhâm Thìn. Danh sách ân nhân đã được ghi vào tờ Đặc San năm nay.

- $3000.00: Tiền thu được của các vị bảo trợ quảng cáo trong báo Xuân.

- $11539.00: Tiền thu trong bàn tiệc do đồng hương và thân hữu đóng góp kể cả tiền ủng hộ đặc san thu được trong bửa tiệc. (Danh sách Đồng hương và thân hửu đính kèm sau đã đóng góp cho tờ báo ngay trong bửa tiệc)

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG ỦNG HỘ ĐẶC SAN XUÂN TRONG BỮA TIỆC TÂN NIÊN 29/1/2012

Huỳnh Lương Thiện $40.00
Nguyễn Trai $20.00
Nguyễn Hoè $20.00
Nguyễn Trực $20.00
O/B Nguyễn Văn Thành $20.00
Đoàn Nghệ $5.00
Nguyễn Văn Phú $5.00
Nguyễn Thế Hiệp $20.00
Trần Vĩnh Anh $20.00
Nguyễn Mai $20.00
Nguyễn Bá Quảng $10.00
Nguyễn Tấn Nguyên $10.00
Thạnh Đoàn $10.00
Nguyễn Tường Chi $5.00
Đoàn Ngọc Trường $10.00
Nguyễn Ký $20.00
Nguyễn Huy $15.00

Nguyễn Đình Hinh.....$5.00
Trần Thành.....$5.00
Nguyễn Văn Thường.....$20.00
Nguyễn Thị Triến.....$20.00
Diệu Liên Tống $30.00
Nguyễn Thế Hiệp.....$40.00
Phạm Đình Trọng.....$5.00
Đoàn Thanh.....$5.00
Lê Văn Ngoan.....$5.00
Võ Chinh.....$5.00
Lê Ngoan.....$60.00
Đặng Đức Bích.....$5.00
Nguyễn Thị Danh.....$15.00
Đoàn Hữu Đức $10.00
Nguyễn Doản Kim $10.00
Nguyễn Ngọc Sinh $40.00
Đường Anh Đồng.....$30.00
Quách Tứ.....$50.00
Christine Hồ.....$5.00
Bùi Viết Minh $50.00
Tiến Nguyễn.....$5.00
Nguyễn Tự Quán.....$20.00
Nguyễn An.....$15.00
Võ Thạnh Văn $15.00
Truman Như.....40 chai rượu nho
Bs Phạm Đức Vượng.....$80.00
O/B Phan Thái ..... Một dây pháo tết
O/B Hung Phan.....Hoa qủa trang trí bàn thờ

Tổng số tiền này nhập chung vào tiền thu được trong bữa tiệc tân niên đã được ghi trên.

- $1005.00: Tony nhận và giao lại sau bửa tiệc.

Tổng số tiền kể cả tiền $2070.00 Tony bàn giao: $19134.00

CHI

- $2800.00: Tiền in báo*
- $470.00: Tiền layout báo (Trần văn Tuôi)

- $127.00: Tiền photocopy bài vở của càc văn thi hữu gởi đến chuyển đến cho quý vị trong Ban Báo chí đọc kiểm tra.
- $84.00: Mực và giấy in.
- $7938.00: Trả cho nhà hàng Phú Lâm
- $300.00: Âm thanh và Ban nhạc. (Trần Hoàng Thụy)
- $100.00: Wired less microphone thuê dùng cho hát bội. (Bảo Tố)
- $156.47: Mua thêm rượu (Nguyễn cẩm Mậu)*
- $200.00: Múa lân*
- $57.37: Stamp & con dấu (Thanh 39 gift shop)*
- $100.00: Đăng báo quảng cáo (Việt Nam Nhật báo)*
- $800.00: Tiền mướn Park cho họp hè 2012*
- $125.00: Tiền chi phí trang trí bàn tiệc, nhan & đèn (Chị Thái)*
- $703.00: Trả cho Tony (Plates, bì thơ, trả thuế)*
- $100.00: Mua bì thơ và gửi báo biếu đến các văn thi sĩ gửi bài đăng báo.

Tổng chi: $14060.37
Tồn lại quỉ của Hội: $5073.63

Sau khi tổng kết Hội còn nhận được sự ủng hộ của các ân nhân có tên sau:

B/s Nguyễn Thị Diệu Hậu:..... $100.00
Bà Nancy Nguyễn: $50.00
Bà Ngọc Anh Trần Đình Đệ: $120.00
Ông Đặng Hiếu Kính: $100.00

Như vậy quỉ Hội có tất cả là: $5443.00

Hằng năm Hội TSBĐ Bắc California còn tổ chức sinh hoạt Hè để đồng hương và thân hữu có dịp gặp mặt. Các chi phí tổ chức thường do quỉ của Hội đài thọ. Nhưng luôn luôn Hội đều được sự hổ trợ của Quý Mạnh Thường Quân có lòng. Sau đây là chi tiết thu, chi.

THU:

Thu qua vận động gây quỉ khuyến học:

- O/B Tony Đinh $200.00
- O/B Nguyễn Cẩm Mậu $200.00
- Bác Sĩ Nguyễn Thị Diệu Hậu $100.00

- O/B Nguyễn Thị Diệu Hiền..... $50.00
- O/B Phan Minh Lượng $200.00
- O/B B/s Trương Thế Phiệt..... $100.00
- Bác Sĩ Catalina Phan $100.00
- Bác sĩLinda Phan $100.00
- Bà NguyễnThị Để..... $50.00
- Bà Võ Thị Tuyết Nhạn..... $100.00
- O/B Nguyễn Bá Thư..... $50.00
- O/BTrần Hoàng..... $50.00

$1300.00

BÁO CÁO CHI THU PICNIC HÈ 2012
HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

DANH SÁCH QUAN KH ÁCH ỦNG HỘ TRONG BỮA PICNIC

- O/B B/S Phan Quốc Khánh $100.00
- Bà Trương Thanh Nghiêm $20.00
- O/B B/S Đặng Phương Trạch $100.00
- Kim Nguyễn $20.00
- Trang Hoà $20.00
- Diệp Nguyễn..... $20.00
- Lệ Trần $20.00
- Lâm family..... $20.00
- Vincent $10.00
- Triệu Phổ..... $20.00
- Quân..... $20.00
- Danh & An..... $50.00
- O/B BS Phạm Đức Vượng..... $50.00
- Bà Ba Triển..... $30.00
- Bùi ngọc Hoa..... $10.00
- Jimmy Nguyễn $20.00
- Trần Anh $10.00
- Vân Lê $20.00
- Bùi Thị Tửu..... $20.00
- Nguyễn Trọng Ngạn..... $20.00
- Lương Sanh Hồng..... $20.00
- Hồng Phong..... $20.00

- Anh Phan..... $20.00
- Nguyễn Thông (Khu Hội)..... $20.00
- Nguyễn Thường..... $30.00
- Hội Quảng Ngãi Bắc Cali $100.00
- Gs Võ Bá Hà..... $20.00
- Nguyễn Diên (5/68) $20.00
- Ng ô Viết Vĩnh (5/68) $20.00
- Trần Minh (khu Hội)..... $20.00
- Lê Văn Thụy (Hội CSQG)..... $100.00
- Lệ Điệp (Hội An Giang)..... $100.00
- Phan Quang Nghiệp..... $20.00
- Quốc Bảo (Việt Today)..... $20.00
- Triệu Hà (ĐPQ/NQ)..... $50.00
- Tiến Nguyễn (DPQ/NQ)..... $15.00
- Nghệ Đoàn (DPQ/NQ) $20.00
- Mỹ Huỳnh (DPQ/NQ)..... $20.00
- Nguyễn Nguyên..... $10.00
- Davis Nguyễn..... $40.00
- Vũ Công $10.00
- Trung Bùi $20.00
- My..... $20.00
- Thạnh $20.00
- Hạnh..... $10.00
- O/B Lê Đức Hưng..... $50.00
- Chuyên Đinh..... $10.00
- Mai Khuyên (Khu Hội)..... $50.00
- Khoá 5/68..... $60.00
- Đỗ Hùng..... $5.00
- Cao Thọ..... $10.00
- O/B Quách Tứ $50.00
- Sáng Nguyễn/ Trực Nguyễn $40.00
- O/B Đào Đức Chương..... $50.00
- O/B Thứ $20.00
- Mai Nguyễn..... $40.00
- Xuyen/Da/ Nghiã..... $10.00
- Nguyễn Văn Hồng..... $8.00
- Nguyễn Loan/Ng Thanh..... $20.00
- Tai Lam..... $5.00
- Ty Nguyễn..... $5.00

- Lisa Flower $30.00

$1846.00

Tổng thu kể cả gây quỉ khuyến học: $3146.00

CHI:

- Quảng cáo:

- VN Nhật Báo $100.00
- Cali Today $120.00
- Việt Nam Tự do $120.00

- Thực Phẩm:

- Bà Thái $1081.00
- Bà Sáu Để $18.00
- Bà Hùng $4.74

- Mua Tent che nắng:

- South Bay conopy $72.00
- South Bay Conopy $28.00

- Quà Xổ Số:

- Fry $156.99
- Bao gói quà $8.55

- Nước uống:

- Walgreens $95.13
- Frame cho bằng khen $55.00
- Quà tặng cho học sinh giỏi $440.00
- Ban nhạc $400.00
- Costco $186.00
- Văn phòng phẩm $8.65
- Trả tiền mướn Park $550.00

- **$3444.00**

Sau khi chiết tính Hội ứng $300.00 trả cho sự khác biệt.

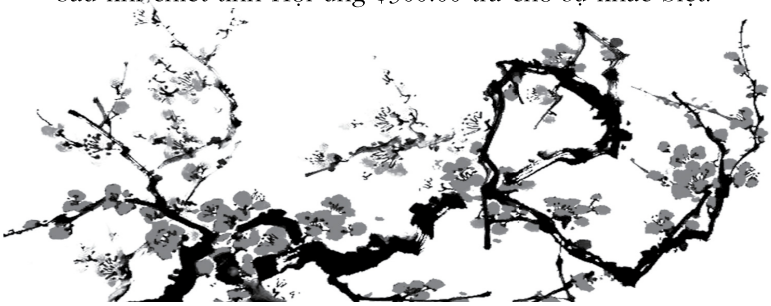

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê
2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-2118
Văn An
3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127..... (408) 254.1914
Trần Vĩnh Anh
1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 ..... (408) 258.3215
Từ Thị Ba
19231 Monte Vista Dr. Saratoga, CA 95075..... (408) 395.2617
Đinh Thành Bài
661 Waddell Way, Modesto, CA 95357..... (209) 529.2354
Nguyễn Đình Bá
2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 ..... (408) 365.9534
Bùi Thúc Bảo
644 N. Abbott Ave. San Jose, CA ..... (408) 945.8655
Đặng Đức Bích
4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 .....(408) 274.8699
Nguyễn Hoà Bình
2651 Luciana Dr., San Jose, CA95131 ..... (408) 621.2969
Nguyễn Bình
1518 Roberts Ave, San Jose, CA 95122..... (408) 259.8364
Nguyễn Bình
4777 Rue Le Man, San Jose, CA 95136..... (408) 578.2843
Lê Văn Bỗ
2366 18Th st, San Pablo, Ca 94806 ..... (510) 215-9150
Nguyễn Bường
2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806..... (510) 222.7140
Võ Ngọc Bửu
3079 Seafield Ct, San Jose, CA 95148..... (510) 668.4255
Nguyễn Tường Chi
5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 362.4515
Nguyễn Chuẩn
1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112..... (408) 294.6683
Phạm Chương
1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132..... (408) 923.6734
Đào Đức Chương
1519 Ivy Creek Cir., San Jose, CA 95121..... (408) 238.5900

Lê Chức
1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116 ..... (408) 929.4948
Trần Chu
2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA95121 ..... (408) 239.0560
Nguyễn Doãn Cung
1710 Alum Rock # 101 San Jose, CA95116 ..... (408) 202-2271
Đặng Thị Kim Cúc
2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA..... (408) 238-54355
Nguyễn Cự
1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051..... (408) 985.2661
Nguyễn Thị Danh
5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560..... (510) 713.2019
Trần Danh
1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 281.7640
Lê thanh Đào
2180 Jenni Ln, Tracy, CA 95377..... (909) 480-9889
Nguyễn Diêu
1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 95121..... (408) 224.6807
Huỳnh Hữu Dụng
1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121..... (408) 972.1339
Phạm Đính
1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035..... (408) 262.4833
Phạm Hữu Độ
1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124..... (408) 486.2029
Võ Đại
1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125 ..... (408) 393.2050
Đường Anh Đồng
2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 238.5435
Nguyễn Thị Đàm
2342 William Dr., San Jose, CA 95050..... (408) 243.5435
BS Cai Văn Dung
259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126..... (408) 294.5151
Đoàn Hữu Đức
1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95116..... (408) 254.2832
Vũ Thị Đôn
4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136..... (408) 227.6794
Trần Đình Giáp
172 Echo Ave., Campell, CA 95008 ..... (408) 866.4143
Võ Bá Hà
3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca..... (408) 251.0490
Nguyễn Thu Hà
5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123 (408)..... (408) 972-4581

Bùi Ngọc Hải
1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136..... (408) 436-9349
Phạm Ngọc Hải
1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122..... (408) 397-4298
Trương Hạnh
473 Cedro St., San Jose, CA 95111..... (408)281.4451
Phan Văn Hàm
155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA..... (415) 656-1781
Võ Hân
206 Turner Ct., San Jose, CA 95139..... (408) 226-3272
Lý Hào
2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110..... (408) 287-7008
Trương Thị Hậu
752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 ..... (408)997-1686
Đặng Thị Hiên
1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 ..... (408) 985-1246
Nguyễn Thế Hiệp
2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367..... (209) 869-5961
Nguyễn Hiệp
4000 Madison Pointe Wy , Modesto, CA 95356 ..... (209) 526-2316
Nguyễn Đình Hinh
2624 17Th St, SanPablo, Ca 94806..... (510) 234-2006
Nguyễn Hoà
1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601..... (510) 533-9259
Nguyễn Hoà
43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539..... (510) 657-2074
Thái Văn Hoà
1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA..... (408) 771-5146
Trần văn Hoàng
1142 Mesa Dr #02, San Jose, CA 95118.....(408)265-3788
Nguyễn Hoàng
3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121..... (408) 270-7806
Nguyễn Hoè
2924 Sunburst Dr, San jose , CA 95111..... (408) 225-8754
Hoàng Huân
2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 ..... (408)972-4581
Nguyễn Huệ
4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 ..... (408) 445-2633
Đỗ Hùng
22168 Prealta St., Hayward, CA 94541..... (510) 690-0504
Nguyễn Hùng
3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148..... (408) 292-8957

Phan Thanh Hùng
2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121 H.(408) 724-5326
..... C.(408) 387-3784

Nguyễn Hùng
1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 292-8957

Phạm Hùng
420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 956-8412

Võ Bá Hưng
1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127..... (408) 254-2030

Lê Đức Hưng
5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95217 ..... (209) 473-3093

Võ Hùng
3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA .....(408) 251.3741

Joseph Huỳnh
4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135..... (408) 270-7482

Đinh Thành Hưng
1636 Image Dr. Antica, CA 95337..... (408) 520-4336

John Trần
2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 270-6964

Trần Trọng Khiêm
1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA ..... (408) 720-9677

Nguyễn Khoa
2071 Sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050..... (408) 243-3806

Trần Khôi
1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132 ..... (408) 251-3035

Hà Khôi
781 Feller Ave., San Jose, CA 95127..... (408) 259-5456

Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc
3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350..... (209) 523-0869

Huỳnh Ngọc Lan
2155 Lanai Ave # 108, San Jose, CA 95122..... (408) 937-7840

Lê Từ Như Lâm
399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 262-6260

Nguyễn Lân
942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035..... (408) 946-2758

Võ Lang
2855 Senter Rd. # 102, SanJose, CA 95122..... (408) 224-1530

Lê Lợi
15203 Shinning Star Ln., San Leandro, CA ..... (510) 351-4204

Trần Minh Lợi
3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 580-7586

Nguyễn Kim Loan
563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111 ..... (408) 365-1126
Nguyễn Long
532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA ..... (415) 831-7064
Võ Thu Lương
5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-8186
Phan Minh Lượng
340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111 ..... (408) 291-9361
Bùi Mai
3278 Flintmont Rd., San Jose, CA 95148 ..... (408) 531-1570
Nguyễn Mai
2566 S. King Rd. # 138, San Jose, CA ..... (408) 532-0114
Nguyễn Cẩm Mậu
6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560 ..... (408) 518-1707
Lê Văn Minh
2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-5853
Nguyễn Mỹ
518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123..... (408) 365-1750
Võ Thị Nga
1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210..... (209) 476-1638
Đặng Thu Nga
2863 Reidel Dr., San Jose, CA95135 ..... (408) 238-6971
Huỳnh Văn Ngọc
882 Water Walk Milpitas, Ca 95035 ..... (408) 941-9689
Đặng Văn Ngọc
29285 Lassen St., Hayward, CA 94544..... (510) 264-9369
Võ Tuyết Nhạn
2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 238-8302
Trần Nghiêm
5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138 ..... (408) 227-8302
Trần Văn Ngô
1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122 ..... (408) 223-1150
Phan Quang Nghiệp
469 Ezci Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 578-2938
GS Nguyễn Văn Nhuận
2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-2804
BS Trương Thế Phiệt
1670 Goldenrain Dr., San Jose, CA 95136..... (408) 281-4067
Nguyễn Phong
247 Clareview Ct. San Jose, CA 95127..... (408) 258-5524
Cao văn Phổ
1580 Santee Dr, CA 95122..... (408) 288-7518

Nguyễn Văn Phú
424 Los Encinos Ave. San Jose, CA 95134 ..... (408) 324-1773
Lê Vĩnh Phúc
1555 Hill Top Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 942-9527
Vĩnh Phúc
1197 Angmar St., San Jose, CA 95111..... (408) 269-7017
Trần Thị Phúc
5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119 ..... (408) 365-7729
Dương Phụng
411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111 ..... (408) 629-7428
Nguyễn Phước
778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112..... (408) 293-8281
Nguyễn Bá Quảng
1049 Loupe Ave, San Jose, CA 95121 ..... (408) 578-2960
Nguyễn Đình Sang
P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151 ..... (408) 454-2889
Lê Lam Sơn
340 Martil Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 454-2889
Giã Minh Sơn
5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 281-0724
Lâm Sanh
53 Kenbrok , San Jose, CA 95111 .....(408)227-7735
Nguyễn Tân
2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA..... (408) 247-4562
Trần Thành
148 Finch Ct, Hercules, CA 94547 .....(510)799-5999
Trần Minh Thanh
3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 227-5466
Lê Xuân Thạnh
1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116 ..... (408) 259-2802
Nguyễn Văn Thành
1510 Mayfield St., Sacaramento, CA 95835..... (916) 419-7227
Võ Thật
2517 S. King Rd., San Jose, CA95122..... (408) 274-8210
Nguyễn An Thạo
1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA ..... (408) 580-7586
Đoàn Hữu Thạnh
2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131 ..... (408) 272-1817
Huỳnh Lương Thiện
774 Geary St., San Francisco, CA 94109..... (415) 215-3794
Đỗ Chí Thoại
275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 972-9694

Đặng Đức Thông
2744 Whispering Hills Dr., San Jose, CA ..... (408) 238-5435
Bảo Tố
421 Giannotta Way, San Jose, CA 95133 ..... (408) 687-9126
Cao Xuân Thọ
1925 Osage Ave, CA 94545 .....(510)432-6913
Nguyễn Bá Thư
1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112 ..... (408)293-4091
Lâm Sanh Thứ
218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111 ..... (408) 281-4451
Ngô Thương
1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035..... (408) 263-6012
Nguyễn Thường
2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116..... (408) 394-2056
Nguyễn Văn Thường
1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA ..... (408)297-7514
Trương Thụy
259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126 ..... (408) 259-2394
Trần Thị Tính
3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 259-6762
Đỗ Hữu Tín
4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 972-8080
Bảo Tố
421 Giannotta Way San Jose, CA 95133 ..... (408) 678-9126
Nguyễn An Toàn
2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131 ..... (408) 259-6239
Trương Toại
3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051 ..... (408) 423-8552
Phạm Trước
968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 946-5686
Nguyễn Trai
1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA95116 ..... (408) 272-4636
Lê Trân
753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA95035..... (408) 946-2344
Tạ Chương Trĩ
259 14th St. San Pablo, CA 94806 ..... (510) 215-9465
Nguyễn Văn Trợ
1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121..... (408) 528-6673
Truman Như
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA..... (408) 781-3181
Trần Trực
2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121 ..... (408) 227-2818

Lê Doãn Trưng
3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-6322
Đoàn Ngọc Trường
4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA ..... (510) 222-6675
Nguyễn Thiện Trường
427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112 ..... (408) 920-0919
Trần Cẩm Tú
243 San Lion Dr. Vaccaville, CA 95688 ..... (707) 451-8048
Quách Tứ
1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209..... (209) 598-9053
Bùi Tú
2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148..... (408) 270-4507
Phan Văn Tựu
812 Kyle St, San Jose, CA 95127 ..... (408) 929-5263
Huỳnh Bích Vân
1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 972-1542
Nguyễn Thái Vinh
422 Coloney Crest Dr., San Jose, CA 95123 ..... (408) 224-3621
Dương Quang Vinh
1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035 ..... (408) 956-1365
Nguyễn Vinh
2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148 ..... (408) 270-6964
Đinh Văn Xuân
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA ..... (408) 224-7100
Đặng Ngọc Yến
1539 Callo Creek Dr., San Jose, CA 95127 ..... (408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đăng trong Đặc San này, có những người đã thay đổi địa chỉ nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi để nhật tu. Kính xin Quý Đồng Hương vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niên giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau.

Xin chân thành cám ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc email:
Taysonbinhdinh2012@yahoo.com

Chúc Mừng

Được hồng thiệp của
Ông Bà Đoàn Hữu Thạnh
báo tin Lễ Thành Hôn của Út Nam là:

Đoàn Hữu Thọ

sánh duyên cùng

La Thị Ly

Trưởng Nữ của Ông Bà La Cư

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày Thứ Bảy 15 tháng 12 năm 2012 tại San Jose, California

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
thành thật chúc mừng gia đình Ông Bà Đoàn Hữu Thạnh
và cầu chúc cho Cô Dâu & Chú Rể

Trăm Năm Hạnh Phúc

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Chúc Mừng

Được hồng thiệp của
Ông Bà **PHAN MINH LƯỢNG**
báo tin Lễ Thành Hôn của Trưởng Nam là:

AN MINH PHAN

sánh duyên cùng

KATHY MENG CHU

Trưởng Nữ của Ông Bà Zhu Xin Xiong

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày Thứ Bảy 9 tháng 6 năm 2012 tại Fremont, California

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
thành thật chúc mừng gia đình Ông Bà PHAN MINH LƯỢNG
và cầu chúc cho Cô Dâu & Chú Rể

Trăm Năm Hạnh Phúc

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

THƯ CẢM ƠN

Kính gởi: - Hội Tây-Sơn Bình-Định Bắc Cali
Quý ông: - Tony Đinh, cựu Hội Trưởng.
- Phan thanh Hùng, Hội Trưởng đương nhiệm
- Đặng đức Bích
- Đường anh Đồng
- Nguyễn Mai
- Đoàn hữu Đức
- Đặng văn Ngọc
- Đỗ Hùng
- Nguyễn Diêu
- Đoàn văn Thi

Chúng cháu là con của cố Tạ chương Trĩ ở San Pablo, Cali, chúng cháu xin mượn thư nầy thành kính cảm ơn Quý vị đã ưu ái thâm tình đối với cha cháu lúc còn mạnh khỏe cũng như trong lúc lâm bệnh nặng. Mặc dù đường sá xa xuôi Quý vị đã đến thăm viếng nhiều lần vấn an. Đến khi cha cháu mãn phần Quý vị có mặt đông đủ phúng viếng và đưa linh cửu cha cháu đến nơi an-nghỉ cuối cùng ngày 01 tháng 4 năm 2012.

Chúng cháu còn nhỏ không biết lấy gì để đền đáp sự ưu-ái của Quý vị, chỉ biết cầu xin ơn trên phù hộ Quý vị được nhiều sức khỏe, cầu mong Hội Tây-Sơn Bình-Định Bắc Cali được vững mạnh và lâu dài.

Chúng cháu xin hứa sẽ tiếp tục sinh hoạt với Hội Tây-Sơn như lúc cha cháu còn sinh tiền.

Trân trọng cảm ơn Quý vị.

San Pablo, ngày 20/4/2012

Út nữ: **Tạ thị Dung**
Út nam: **Tạ chí Tùng**
Các anh chị còn ở VN

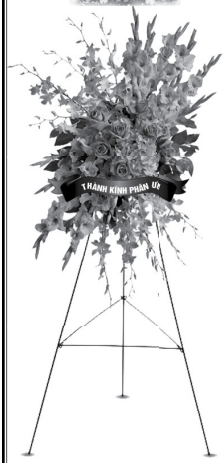

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông HỨA HỮU PHƯỚC

Trưởng Nam của Bà Quả Phụ HỨA TỰ CƯ
Nhũ danh BÙI THỊ TỬU

Tạ thế ngày 29 tháng 5 năm 2012 tại New York

Hưởng Thọ 64 Tuổi

Lễ phát tang và thăm viếng sẽ cử hành tại Nam California

Thành kính Phân Ưu cùng Bà HỨA TỰ CƯ và tang quyến.
Nguyện cầu HƯƠNG LINH Ông HỨA HỮU PHƯỚC
sớm tiêu diêu miền Cực Lạc về cõi Phật.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
Nhận được tin buồn:

Giáo Sư, Văn Sĩ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Pháp Danh THIỀN NGỘ

Nguyên Chánh Sở Sở Học Chánh Tỉnh Bình Định

Sanh quán tại Bình Khê, Bình Định
Vừa mãn phần tại Westminster, California

Hưởng Thọ 73 Tuổi

Là bào huynh của Bà Nguyễn Thị Hồng Phong
và Ông Phan Minh Lượng

Xin trân trọng chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện hương linh người quá cố sớm về cõi Niết Bàn.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn

Ông TẠ CHƯƠNG TRĨ

Thân Phụ của cháu Tạ Chí Tùng, Tạ Thị Dung

Thất lộc ngày 1 tháng 4 năm 2012
(Nhằm ngày 11 tháng 3 năm Giáp Thìn)
tại San Pablo, California

HƯỞNG THỌ 84 TUỔI

Chúng tôi xin chân thành chia buồn
cùng hai cháu và toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu **Hương Linh Ông Tạ Chương Trĩ**
sớm Tiêu Diêu miền Cực Lạc về cõi Phật.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Ông PHAN MINH CHÂU

Sinh ngày 10 tháng 04 năm 1938 (Mậu Dần)
tại Nhơn Lý - Qui Nhơn - Bình Định - Việt Nam
Đã từ trần vào lúc 11:00 PM, ngày 27 tháng 12 năm 2012,
tại tư gia, thành phố San Jose, California, USA

HƯỞNG THỌ 75 TUỔI

Xin thành thật chia buồn cùng Bà Quả Phụ Ngô Thị Xuân Mỹ và toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Ông Phan Minh Châu sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Thư Cảm Tạ

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, trân trọng cảm tạ Quý thân chủ quảng cáo đã hết lòng giúp Hội có đủ tài chánh để trang trải in ấn Đặc San Xuân Bình Định trong nhiều năm qua.

Chúng tôi xin được giới thiệu đến tất cả Đồng Hương và Thân Hữu các cơ sở dịch vụ, các văn phòng Nha, Y sĩ, các cơ sở thương mại này, mong quý vị nhiệt tình ủng hộ khi có nhu cầu và làm ơn nói hộ là có đọc quảng cáo từ báo Xuân Bình Định.

Ngoài ra nhân đây chúng tôi xin được gởi lời chân thành cảm ơn đến các vị ân nhân gần xa đã quan tâm đến sinh hoạt của Hội tiếp tay với chúng tôi để cùng nuôi dưởng tờ Đặc San Xuân, một món ăn tinh thần trong dịp Xuân về.

Trân trọng,

DANH SÁCH CƠ SỞ QUẢNG CÁO ỦNG HỘ
ĐẶC SAN XUÂN QUÝ TỴ

1. INTERO REAL ESTATE
2. PETER LINH NGUYEN
3. FRIENDLY EYCARE
4. ĐÔNG DƯƠNG REAL ESTATE BROKER
5. BÁC SĨ ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH
6. BÁC SĨ NHA KHOA NGUYỄN KIM PHỤNG
7. GARARE DOOR SERVICES PHAN MINH LƯỢNG
8. BÁC SĨ JHON LEE
9. HOÀNG VĂN THIỆU INSURANCE
10. BÁC SĨ PHẠM VĂN NGÀ
11. LUẬT SƯ NGUYỄN NGỌC DIỆP
12. BÁC SĨ NHA KHOA CHÁNH VIỆT, DIỆU LIÊN TỐNG
13. TÀU BAY NOODLE HOUSE
14. BÁC SĨ PHẠM ĐỨC VƯỢNG
15. BÁC SĨ CAI VĂN DUNG
16. C.P. TAX TRẦN VĂN NGÔ
17. ALLSTATE TRẦN THU PHƯỢNG
18. SENTER FOOD
19. CARE INSURANCE
20. AAA INSURANCE DOUGHLAS
21. THUỐC BẮC DƯƠNG LAI CẢNH
22. REAL ESTATE BROKER TRUMAN NHU

23. REAL ESTATE AGENT LIEN LU
24. REAL ESTATE BROKER VINH DINH & HA LE
25. PHAN LE INSURANCE
26. REAL ESTATE BROKER MONICA PHAM
27. REAL ESTATE BROKER TONY DINH
28. BÁC SĨ NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ ĐẶC SAN XUÂN

1. Ô/B BS Trương Thế Phiệt	(San Jose, Ca)	$100.00
2. Ô/B Phan Thanh Hùng	(San Jose, Ca)	$100.00
3. Ô/B Đỗ Hùng	(Hayward, Ca)	$100.00
4. Ô/B Cao Văn Phổ	(San Jose, Ca)	$50.00
5. Ô/B Tạ Chương Can	(Tacoma, Wa)	$50.00
6. Bà Tạ Thị Dung	(San Pablo, Ca)	$100.00
7. Ô/B Lý Loan	(Minesota)	$50.00
8. Thân Hữu Bình Đinh	(San Jose, Ca)	$50.00
9. Ô/B Bùi Đắc Bảo	(Tacoma, Wa)	$50.00
10. Ô/B Nguyễn Mỹ	(San Jose, Ca)	$100.00
11. Bác sĩ Nguễn Thị Diệu Hậu	(san Jose, Ca)	$100.00
12. Ô/B Nguyễn Cẩm Mậu	(Union City, Ca)	$100.00
13. Bà Nguyễn Thị Để	(San Jose, Ca)	$50.00
14. Ô/B Đào Đức Chương	(San Jose, Ca)	$50.00
15. Ô/B Phan Minh Lượng	(San Jose, Ca)	$100.00
16. Nghiã Tế Bình Định	(San Jose)	$100.00
17. Ô/B Phạm Hữu Đa	(Texas)	$100.00
18. Ô/B Nguyễn Hùng	(Denver, Co)	$100.00
19. Ô/B Nguyễn Thế Hiệp	(Riverbank, Ca)	$50.00
20. Ô/B Lê Đức Hưng	(Stockton, Ca)	$50.00
21. Ô/B Đinh Thành Hưng	(Tracy, Ca)	tặng Hội một đôi lọng
22. Ô/B Lâm Sanh Thứ	(San Jose, Ca)	$100.00
23. Bà Nguyễn Thị Danh	(San Jose, Ca)	$50.00
24. Ô/B Đoàn Hữu Đức	(San Jose, Ca)	$50.00
25. Ô/B Nguyễn Quốc Cường	(San Jose, Ca)	$50.00
26. Bà Hứa Tự Cư	(Nam Cali)	$50.00
27. Ô. Nguyễn Diêu	(San jose, Ca)	$50.00
28. Ô/B Nguyễn Sanh Tồn	(North Calorina)	$50.00
29. Ô/B Nguyễn Mai	(San Jose, Ca)	$50.00
30. Ô/B Nguyễn Bình	(San Jose, Ca)	$50.00
31. Bà Nguyễn thị Diệu Hiền	(San Jose, Ca)	$50.00
32. Ô/B Hoàng Nghê	(San Jose, Ca)	$50.00
30. Ô/B Diệp Năng Tường	(Oslo, Norway)	$50.00

Bác Sĩ

PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Diplomate American Board of Internal Medicine

1569 Lexann Ave., #112, San Jose Ca 95121

TEL: (408) 532-0105

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

♦ **URGENT CARE CENTER:** CHO VALLEY HEALTH PLAN - SCCIPA & PMG (NHẬN KHÁM BỆNH CẤP TÍNH, KHÔNG CẦN ĐỔI BÁC SĨ GIA ĐÌNH)

♦ **BÁC SĨ GIA ĐÌNH:** SĂN SÓC BỆNH NHÂN KHI NHẬP VIỆN, CHÍCH NGỪA.

CHỮA TRỊ:

* BỆNH NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
* BỆNH PHỤ NỮ
* BỆNH TRẺ EM

Giờ làm việc: Thứ 2-6 : 9:00AM - 6:00PM
Thứ 7: 9:00AM - 3:00PM

NHẬN MEDICAL - MEDICARE & BẢO HIỂM

Cung Chúc Tân Xuân

BÁC SĨ NHA KHOA

SPECIALIST IN CROWN & BRIDGE, DENTURE & IMPLANT

CHÁNH VIỆT, D.D.S (Prosthodontics)

DIỆU LIÊN TỐNG, D.D.S (General Dentistry)

CHUYÊN KHOA VỀ RĂNG GIẢ HÀM GIẢ & IMPLANT

NHA KHOA GIA ĐÌNH TỔNG QUÁT & THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa răng giả và Implant tại University of California, San Francisco.
- Giáo sư ủy nhiệm (Assistant Clinical Professor), chuyên khoa răng giả, hàm giả, Implant University of California San Francisco (UCSF).
- Hội viên Hội Răng Giả và Implant Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp ưu hạng Bác Bĩ Nha Khoa University of The Pacific, San Francisco.
- Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Đại Học Nha Khoa, Sài gòn.

CHUYÊN:

- Porcelain veneer
- Răng giả & cầu răng, hàm giả
- (Crown & bridge & denture)
- Hàm giả gắn liền (immediate rehabilitation)
- Sửa chữa hàm giả, nhai không hiệu quả, kém thẩm mỹ, (hô, móm), đau khi mang hàm giả, nhận các trường hợp đã thất bại về hàm giả.
- Implants thay thế răng đã mất.

- Khám răng tổng quát, định kỳ, nhập học.
- Phòng ngừa sâu răng bằng Flouride & Sealant.
- Nhổ răng và chữa các bệnh răng, nướu, miệng.
- Chữa tủy răng - Tiểu giải phẫu răng và nướu
- Nha khoa nhi đồng & ngăn ngừa răng mọc lệch lạc cho trẻ em.

TẬN TÂM - CHU ĐÁO - NHẸ NHÀNG
VĂN PHÒNG MỚI - DỤNG CỤ TỐI TÂN
PHƯƠNG PHÁP KHỬ TRÙNG TÂN TIẾN

KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ LÂU NĂM

- Nhận Medical, Bảo Hiểm, Trả Góp (không tính lời)
- Giá giúp đỡ cho quý vị không có bảo hiểm, medical

2360 McKee Rd. Suite #3,
San Jose, CA 95116
(408) 729-9999

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM-6PM
Thứ Bảy: Làm theo hẹn

228 N. Jackson Ave #10
San Jose, CA 95116
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn:
Tel: (408) 254-3333
(408) 254-3394

Bác Sĩ YKhoa ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH, M.D.

NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

-Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medi cal Center tại Los Angeles, CA.

- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRỊ

* Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.

* Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiểu, nội tiết và biến dưỡn,g, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng Allergy

* Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa

* Thử máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENTER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

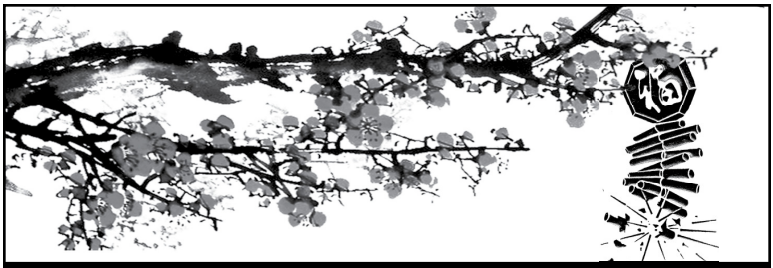

FRIENDLY EYE CARE OPTOMETRY

730 Story Rd., #8, San Jose, CA 95122
(đối diện WalMart, gần vườn Nhật, sau Taco Bell)

Bác Sĩ Nhãn Khoa

MINH TÂM NGUYỄN, O.D.

** Tốt nghiệp Dr. of Optometry, UC Berkeley School of Optometry*
** Hội viên: - Santa Clara County Optometry Society*
- California Optometry Association
- American Optometry Association

Chúc Mừng Năm Mới

(408) 292-2020

- Khám mắt tổng quát người lớn & trẻ em
- Truy tầm & chữa bệnh mắt
- Làm tròng kính thuốc & contact lenses
- Có nhiều designer frames: FLEXON, CHRISTIAN DIOR, FENDI, VERSACE, NIKE, PRADA, RAYBAN, NINE WEST, DISNEY TRẺ EM, etc...

UY TÍN - TẬN TÂM - KINH NGHIỆM

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10AM - 6PM
Chủ Nhật, Thứ Tư: Đóng cửa

NHẬN: VISION SERVICE PLAN (VSP), MES, EYE MED, PPO PLANS...

Chúc Mừng Năm Mới

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA BỆNH NÃO, TỦY SỐNG VÀ DÂY THẦN KINH

CHƯƠNG JOHN LÊ, M.D.

25. N. 14th Street, Suite 660, San Jose, CA 95112

(góc đường 14th Street & Santa Clara. Tiện đường xe bus 22, 64, 400, 81)

Tel: (408) 800-4044

** Neurophysiology Fellowship: University of Louisville in Louiville, KY*
** Neurophysiology Residency: University of Louisville in Louiville, KY*
** Internal Medicine: Brookdale University Hospital and Medicine Center in Brooklyn, NY*

TRUY TẦM, TRỊ VÀ PHÒNG BỆNH

* Mạch máu não và phòng bệnh mạch máu não (Stroke and Stroke prevention)
* Đau đầu, nhức đầu, đau cổ, đau lưng, đau tay và đau chân (Headache Disorders, Neck and Back Pains, etc...)
* Đau dây thần kinh và yếu (Nerve Paind and Weakness)
* Chấn thương não và tổn thương tủy sống (Brain and Spinal cord injuries)
* Kinh giật, kinh niên (Seizure Disorders)
* Mất trí nhớ, trí nhớ khó khăn (Dementia)
* Khó ngủ thiếu ngủ và rối loạn giấc ngủ (Sleep Disorders)
* Và nhiều loại bệnh khác của hệ thống thần kinh (Other Neurological Disorders)

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn trước

Nhận MEDICARE và các loại Bảo Hiểm

Parking phía sau miễn phí

Chúc Mừng Năm Mới

Trung Tâm Điều Trị Mắt

SILICON VALLEY EYE INSTITUTE
EYE PHYSICIAN AND SURGEON

NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG, M.D.

HARVARD UNIVERSITY (1987-1991),
STANFORD (1993-1995), DARMOUTH (1991-1993),
UCLA (1998-2000) và MUNICH UNIVERSITY (1982-1987)

Tel: (408) 238-1978 / (408) 238-1777 / (408) 238-7834
Fax: (408) 238-2138

2449 S. King Rd., Bldg. B, Suite 10, San Jose, CA 95122

ĐIỀU TRỊ TẬN TÂM, GIẢI THÍCH KỸ LƯỠNG, GIẢI PHẪU NHẸ NHÀNG

CHUYÊN TRỊ:

Mắt khô, mắt ngứa, mắt mỡ, chảy nước mắt sống, mắt lông quặm, mắt cườm khô, mắt cườm ướt, mắt mộng thịt, mắt kéo mây, mắt nhìn thấy có chấm đen di chuyển trước mắt (Floaters), mắt áp huyết cao, tiểu đường lên mắt.

ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI PHẪU:

Mắt cụp mí, mí mắt có mỡ, mắt xệ, thẩm mỹ mắt, chuyên giải phẫu khúc xạ laser, cận thị, viễn thị, loạn thị, mắt cườm, mắt mộng thịt, ghép giác mô, mắt kéo mây.

- Nữ giáo sư duy nhất chuyên giải phẫu khúc xạ bằng tia laser để chữa các bệnh CẬN THỊ, VIỄN THỊ và LOẠN THỊ tại Trung Tâm Giải Phẫu Khúc Xạ nổi tiếng nhất Hoa Kỳ Jules Stein Eye Institute, UCLA.
- Đại diện Jules Stein Eye Institute - UCLA giải phẫu mắt bằng tia Laser và ghép giác mô tại King Khaled Eye Hospital ở Kingdom of Saudi Arabia (1999).
- Bác Sĩ LIÊN HƯƠNG giảng dạy về phương pháp giải phẫu bằng tia Laser tại Viện Hàn Lâm về giải phẫu mắt cườm và giải phẫu khúc xạ tại Hoa Kỳ (American Society of Cataract and Refractive Surgery) và thế giới (International Society of Refractive Surgery).
- Nữ Bác Sĩ được chọn là giảng sư có bài giảng hay nhất về cách chữa biến chứng của LASIK tại Hàn Lâm Viện về giải phẫu khúc xạ thế giới tháng 10 năm 1999 tại Orlando.
- Người Á Đông đầu tiên tốt nghiệp hậu đại học về giác mô và phẫu thuật khúc xạ tại trung tâm nổi tiếng nhất nước Mỹ Jules Stein Eye Institute, UCLA (2 year Clinical Fellowship in Cornea and Refractive Surgery).
  - Hậu đại học về võng mạc tại Stanford University (Research Fellowship in Retina)
  - Hậu đại học bệnh nhiễm trùng tại Dana Farber Cancer Institute - Havard Medical School.
  - Hậu đại học nhãn khoa tại Temple University in Philadelphia.
- Nội trú về giải phẫu tổng quát tại Darmouth Medical School

NHẬN ĐIỀU TRỊ:
Các bệnh nhân đã từng được chữa trị lasik hoặc những phương pháp khác RK, PRK, và giải phẫu mí mắt, giải phẫu cườm, giải phẫu mộng thịt từ những trung tâm khác mà chưa hài lòng.

NHẬN: MEDICARE, MEDICAL, BẢO HIỂM, TRẢ GÓP tùy trường hợp

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Thứ Bảy: 9AM - 2PM

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ

Peter LINH NGUYỄN

Diplomate American Board of Family Practice

Y KHOA TỔNG QUÁT - NHI KHOA - Y KHOA GIA ĐÌNH

749 Story Rd., Suite 20, San Jose, CA 95122

Tel: (408) 794-2088

Tiện đường xe bus và cách 2 con đường từ trung tâm Việt Nam Grand Century Mall

Stanford University School of Medicine: Adjunct Clinical Instructor
California Medical association Leadership Academy Shcholaship
Certificate of Special Congressional Recognition

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH:

* Nóng sốt, ho, sưng phổi, tiêu chảy
* Nội thương toàn khoa trẻ em và người lớn
* Bao tử, gan, táo bón, tiểu ra máu
* Ngoài da, mụn, phong ngứa, nấm và bướu da
* Allergy và các chứng dị ứng, nổi mề đay
* Áp huyết cao, dư chất mỡ
* Thận và đường tiểu, tiểu gắt, ra máu
* Cần giải phẫu

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai-Thứ Sáu: 09:00AM - 06:00PM
Thứ Ba: 11:00AM - 08:00PM
Thứ Bảy: Bệnh nhân có hẹn trước
- Xin vui lòng hẹn trước

Nhận MEDICARE, MEDICARD và các loại BẢO HIỂM

Cung Chúc Tân Xuân

Khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn tại sở làm, bị bắt bớ, xin liên lạc ngay văn phòng chúng tôi để được đại diện hữu hiệu, tận tâm và nhanh chóng.

Xin quý độc giả đón nghe chương trình **TÌM HIỂU PHÁP LUẬT** phát thanh trên đài 1430 AM mỗi buổi sáng Thứ Hai từ 8:00AM-8:20AM

Văn Phòng Luật Sư

NGUYỄN NGỌC DIỆP, LLB, BA, MS, JD
PATRICK VALENCIA, BS, JD

KINH NGHIỆM – TẬN TÂM – NHANH CHÓNG

Tel. (408) 528-0151

Chuyên đảm trách các vấn đề:

TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

- Tai nạn xe cộ.
- Tai nạn đi bộ, đi xe đạp, hay xe gắn máy.
- Tai nạn máy bay, xe lửa.
- Tai nạn chó cắn.

TAI NẠN SỞ LÀM

- Mở hồ sơ chữa bệnh.
- Bồi thường tàn phế tạm thời.
- Bồi thường tàn phế vĩnh viễn.
- Huấn nghệ.

LUẬT HÌNH SỰ

- Trộm cắp siêu thị, trộm cướp nhà hay hãng.
- Bạo hành trong gia đình.
- Ẩu đả, mưu sát.
- Say rượu lái xe, đụng xe bỏ chạy

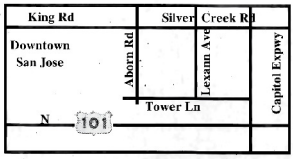

1569 Lexann Ave, Suite 110, San Jose, CA 95121 - Fax. (408) 528-0153

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM BẢO HIỂM

VANCE INSURANCE & HOÀNG VĂN THIỆU

PHỤC VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Lic. # 0B48014

CHUYÊN VỀ:
XE CỘ – NHÀ CỬA
SỨC KHỎE – NƯỚC LỤT
THƯƠNG MẠI

2529 Story Rd., San Jose, CA 95122
(giữa Capitol Exp. & Jackson Ave.)

Tel: (408) 272-7272

Từ năm 1985 Kính Mời

LUONG GARAGE DOOR SERVICES

Cung Chúc Tân Xuân

CA STATE LIC. # 692107 AND BOND

* Professional installed sectional doors and automatic openers cho thương mại và gia cư.
* Bắt tất cả cái loại openers như: Lift master, Chamber land, Genee, Craftman, Jackshaft opener cho garage thấp
* Sửa opener và thay lò xo gãy
* Quality Workmanship at affordable price

Xin liên lạc:

LƯỢNG

Business: (408) 858-0851

Cell: (408) 207-8363

Home: (408) 281-9361

PHỞ TÀU BAY
NOODLE HOUSE

454 Keyes Street *(Góc số 10th, đối diện chợ Thiên Thanh)*

Với các món ăn nổi tiếng như:

- **PHỞ BÒ**
- **PHỞ GÀ ĐI BỘ**
- **BÚN BÒ HUẾ**
- **CƠM GÀ HẢI NAM**

Tại địa điểm mới còn tăng cường các món ăn độc đáo như:

- **BÚN CHẢ HÀ NỘI**
- **CƠM GÀ XỐI MỠ**
- **PHỞ ÁP CHẢO VÀ CÁC MÓN XÀO**

Bún Bò Huế, Phở Tàu Bay,
Đậm đà hương vị cay cay nhớ hoài!

Xin lưu ý! PHỞ TÀU BAY CHÍNH GÔC chỉ có 3 địa điểm mà thôi!

❶. 1628 HOSTETTER RD
TRONG KHU 99 RANCH MARKET
441-7261

❷. 454 KEYES STREET
GÓC SỐ 10th
999-0345

❸. 3005 SILVER CREEK RD., #168
TRONG KHU SHOPPING PALOMA
223-2304

Cả ba địa điểm PHỞ TÀU BAY mở cửa đến 12 giờ khuya mỗi ngày để tiếp đón quý khách.

PHỞ TÀU BAY KÍNH MỜI

C.P. TAX.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN
& CỐ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member National Society Tax Professionals
Active Member National Society Accountants

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer
Active Member National Society Tax Professionals

TAX RETURNS

***** Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations *****

AUTHORIZED IRS e-file PROVIDER

FAST REFUNDS

*** Bảo Mật Tuyệt Đối.**
*** Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)**
*** Hoạt động quanh năm**
*** Thành Tín**
*** Chuyên Nghiệp**
*** Tham khảo miễn phí**

GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ
GIÚP THÂN CHỦ ĐỠ LO VỀ AUDIT

Office Hours: 9AM-8PM
Monday to Sunday.

1694 Tully Rd., Ste. F
San Jose, CA 95122
(Góc Tully & King)

Bus: 408-223-1150
Fax: 408-528-0918
Toll Free: 888-NGO-9900
Email: ngotran99@aol.com

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.

CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST

Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẺ, MỔ ĐẺ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CUNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

AAA là một thành phần của cộng đồng người Việt!
Auto Insurance
Motorcyle Insurance
Homeowners Insurance
Life Insurance & Annuities
Insurance Service as reliable as our trusted Emergency Road Service
24 hour claims service, 7 days a week
Many discounts and other valuable Member services
CA License # 0175868
Call for an insurance quote today!
AAA Oakridge
5340 Thornwood Dr., San Jose CA 95123
DOUGLAS (DUC) LE
408-574-2288
Điều kiện dễ dàng - phục vụ chuyên nghiệp
Insurance

Independent Insurance Agent

Lic #0731046

CARE INSURANCE AGENCY, INC.

900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112

Tel: (408) 292-2925

Fax: (408) 292-2950

GIÁ RẺ - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO - BỒI THƯỜNG NHANH CHÓNG

MERCURY INSURANCE GROUP

Allied Insurance
a Nationwide® company
On Your Side®

PROGRESSIVE

KAISER PERMANENTE

BlueCross of California

CNA

Đặc biệt bảo hiểm thương mại: **Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...**

Beauty Salon/Supplies		**Restaurant**	
Liability	*$1,000,000*	*Liability*	*$1,000,000*
Property	*$50,000*	*Property*	*$75,000*
Deductible	*$500*	*Deductible*	*$500*
Premium from	*$500*	*Premium from*	*$847*

Coverage available for Hair & Nail only
** Add Professional Liability for only $30 per operator*

Quote based on No prior Loss
** Add Liquor Liability coverage $500,000 for only $500*

Chuyên bảo hiểm: **Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ**

Tin mừng cho quý đồng hương, **CARE INSURANCE AGENCY** là **văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam duy nhất ở vùng Bay Area** được chọn làm đại diện chính thức cho hãng bảo hiểm **MERCURY INSURANCE CO.**, rated "A" by Best.

Hiện đang có nhiều chương trình giảm giá

Mercury California Automobile Insurance Premium Survey

Company	Santa Clara (95050)	Fremont (94536)	San Jose (95127)
Allstate	$784	$801	$857
CSAA	$761	$823	$912
Farmers	$949	$1,088	$1,149
Geico	$806	$874	$983
State Farm	$966	$1,027	$1,261
Mercury Ins. Co.	**$660**	**$732**	**$763**

(*) With superior homeowners insurance policy discount
Criteria: 6 month premiums: Married couple age 34/32, with no accidents or citations.
Vehicles: 1988 Chevrolet Suburban Silverado, 12K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles
Coverage: 100/300/100 BI-PD, 30/60 UMBI, CDW, 5K medical payments.
Deductibles: Comp/Collision $250 cash.
Disclaimer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate but we can not be responsible for their accuracy. Premiums for companies other than Mercury do not reflect any rate adjustments after these quotes were obtained. All quotes are based on the criteria above. Mercury quotes are based on drivers insured the past 5 years with no more than one loss.

AGENTS
- **Giang X. Nguyễn**
- **Calvin H. Đoàn**
- **Michael H. Nguyễn**
- **Can X. Nguyễn**

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo giá bảo hiểm miễn phí

- Chúng tôi có những list nhà mới nhất chưa lên MLS.
- Quý vị sẽ mua được căn nhà mong muốn rẻ dưới giá thị trường.

KINH NGHIỆM SHORT SALE, REO, FORECLOSURE, AUCTION.

THÀNH THẬT - TẬN TÂM - UY TÍN - ĐẠO ĐỨC

PhamMonica@gmail.com

408.705.0919

FARMERS INSURANCE GROUP
FARMERS
VĂN PHÒNG BẢO HIỂM PHAN LÊ
559 E. SANTA CLARA ST. SAN JOSE, CA. 95111
TEL: (408) 298.3562 * FAX: (408) 298.3563
CHUYÊN CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ VỀ BẢO HIỂM
Insurance Agent
Lic. # 0C75026
SỨC KHỎE - XE CỘ - NHÀ CỬA - NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI
Giải đáp mọi thắc mắc về bảo hiểm
Chúng tôi có giá thật rẻ cho good driver, có discount cho người lái 2 xe trở lên, có bằng cấp đại học
Có chương trình term life 10 năm chỉ có $15.88/tháng cho người 45 tuổi
Bảo hiểm sức khỏe của Blue Cross chỉ có $60/tháng cho người từ 19-29 (basic Hospital plan)
Quý vị sẽ được hài lòng khi đến với chúng tôi
Có chương trình
Low Cost Insurance
$262/năm
cho người hội đủ
điều kiện
Cung Chúc Tân Xuân

Chúc Mừng Năm Mới

Vinh Dinh
Broker Associate
408-887-1563

Century 21 A-1 Network

Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expwy.,
San Jose, CA 95121

Email: homes@vinhdinh.com
Website: www.vinhdinh.com

Ha Le
Loan Officer
408-667-1590
(NMLS# 336918)

Nhân dịp Xuân về, Vinh Đinh và Hà Lê xin kính chúc quí vị thân chủ quí đồng hương một năm mới An Khang, Thịnh Vượng.

MUA NHÀ

- Bảo đảm quyền lợi tối đa cho thân chủ.
- Tận tâm tham khảo từng ưu khuyết điểm của căn nhà sắp mua.
- Mua nhà tốt với giả rẻ.
- Cung cấp danh sách nhà mới nhất trên thị trường.

BÁN NHÀ

- Free định giá nhà bán trên thị trường.
- Bán nhà với lệ phí thật nhẹ nhàng.
- List nhà trong MLS listing.
- Tận tâm làm Open House để bán nhà nhanh.

LOAN

- Có nhiều chương trình cho vay với lệ phí thấp, tiền lãi suất rẻ.
- Lãi suất đang rất thấp, quý vị muốn trả tiền nhà hàng tháng rẻ hơn, có thể mở hồ sơ trước.
- Xin liên lạc Hà Lê để biết thêm chi tiết.

SENTER FOOD

DAI HUNG SUPERMARKET

COMPLETE AMERICAN, MEXICAN AND ORIENTAL FOOD

- Senter Food chúng tôi có lò chiên cá, làm sạch, làm trắng cá Bông Lau mà không tính tiền để phục vụ khách hàng.
- Bãi đậu xe an toàn, dễ ra vào.

3975 SENTER ROAD at HELLYER AVE
SAN JOSE, CA 95111
(408) 227-8881

恭禧發財

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Cung Chúc Tân Xuân

COMPLETE AMERICAN, MEXICAN AND ORIENTAL FOOD

- Senter Food chúng tôi có lò chiên cá, làm sạch, làm trắng cá Bông Lau mà không tính tiền.
- Bãi đậu xe an toàn, dễ ra vào.
- Hàng hoá đầy đủ và tươi tốt, giá rẻ hơn các nơi khác.

Muốn tiết kiệm nhiều,
xin ghé qua Senter Seafood

Mở cửa 7 ngày trong tuần (365 ngày): từ 8:00AM - 8:00PM

Nhân dịp Xuân về, toàn thể nhân viên và gia đình Senter Food trân trọng kính chúc Quí Khách một năm tràn đầy sức khoẻ, an khang và thịnh vượng

Allstate
You're in good hands.

Allstate Insurance Company
Allstate Life Insurance Company

TRẦN THU PHƯƠNG

510 N FIRST St., #224, SAN JOSE, CA 95112
(Góc E. Empire St.) Parking miễn phí.

Tel: (408) 993-9898 Fax: (408) 993-1358

TRAN THU PHUONG
Senior Account Agent
Lic. #0661625

Catherine CUC TRAN
Sales Producer
Lic. #08 72168

GIỜ LÀM VIỆC:
THỨ HAI - THỨ SÁU
9:00 AM-6:00PM
THỨ BẢY
9:00 AM-1:00PM

NEW!!!
Bảng Giá Mới
Up to 40% OFF

XE CỘ
- Good driver discount
- Distinguished driver discount
- Home and Auto discount
- Multicar discount
- Good student discount

NHÀ CỬA
- Chúng tôi nhận bảo hiểm nhà cửa toàn tiểu bang California. Policy được issued từ văn phòng và bảo đảm gởi tới Title Companies hay Mortgages trong 10 phút
- Không cần gắn valve cho động đất

NHÂN THỌ
- Discount khi bạn có xe hoặc nhà bảo hiểm với hãng Allstate
- Perfect health discount
- Non smoker discount
- Lấy trước 50% (Call for information)

THƯƠNG MẠI
- Bảo hiểm xe thương mại rẻ nhất vùng
- Bảo hiểm tiệm, wholesale, retail, building, office, service đủ loại

SỨC KHOẺ
- "Anthem BlueCross" cho cá nhân và đoàn thể

WING HOANG
Life Producer
Lic. #7G 48050

EDWARD NGUYEN
Sales Producer
Lic. #0D 38797

Nathan
NHỰT BÙI
Sales Assistant

TOP AGENT FOR MORE THAN 20 YEARS!

You've got a family DOCTOR and a family ATTORNEY.

But do you have a family REAL ESTATE PROFESSIONAL?

Call TRUMAN today for your free copy of this important special report! There is no obligation!!!

YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

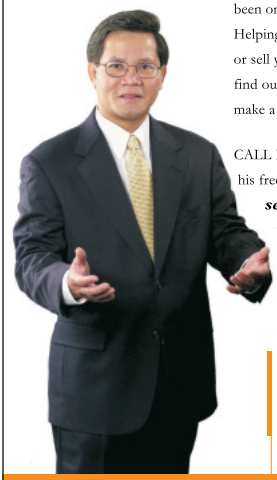

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: ***"How to avoid the most common error when selling your investment property."*** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best,

Call him today. You'll be glad you did.

Truman Nhu
408-225-2125
trumannhu@onebox.com

DRE# 01110101